

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI TRUNG QUỐC

LÃO XÁ

Truyện ngắn



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Truyện ngắn Lão Xá

Lão Xá

Trương Chính – Phương Văn – Ông Văn Tùng
dịch và giới thiệu

TRUYỆN NGẮN
LÃO XÁ

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Dịch từ nguyên bản Trung văn “Lạc Đà Tường tử” trong từ sách “Hiện đại danh gia danh tác hân thưởng” do Nhà xuất bản Đà Hải xuất bản xã ấn hành năm 1998 tại Hà Bắc.

Lời giới thiệu

Lão Xá, tên thật là Thư Khánh Xuân, tự Xá Dư, sinh năm 1897. Ông được mọi người biết với bút danh Lão Xá từ khi cuốn **Tường “lạc đà”** ra đời.

Trong văn học hiện thực phê phán của Trung Quốc, cuốn **Tường “lạc đà”** được đặt ngang hàng với **Ông giáo Chi** của Diệp Thánh Đào, **Gia đình** của Ba Kim, **Lôi Vũ** của Tào Ngu, những nhà văn cùng một thế hệ.

Để bạn đọc thưởng thức và đánh giá đúng mức cuốn tiểu thuyết này, chúng tôi xin lưu ý một số điểm về thân thế và tư tưởng của tác giả.

Lão Xá là người Bắc Kinh, và là con nhà nghèo. Trong bài Tựa viết lấy in ở đầu **Lão Xá tuyển tập** xuất bản năm 1951, ông có nói, ông “xuất thân nghèo khổ, thiếu ăn thiếu mặc đã quen từ nhỏ”. Ông lại còn nói, ông “có bạn bè trong

những người nghèo khổ, thường giúp đỡ lẫn nhau, đi lại với nhau rất thân thiết", cho nên ông "không những biết được đời sống của họ mà còn hiểu rõ nỗi lòng của họ nữa". Mặc dù đó là tình cảnh trước thời Ngũ tứ (1919), nhưng tình cảnh ấy ảnh hưởng rất nhiều đến sáng tác của ông sau này. Nhân vật chính trong tiểu thuyết hay kịch của ông phần lớn là dân các xóm nghèo Bắc Kinh. Đối với họ, ông có một mối đồng tình sâu sắc và chân thành.

Nhưng ông là một nhà trí thức. Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Bắc Kinh, năm 1924, ông sang Anh dạy ngôn ngữ Trung Quốc ở Học viện Đông phương Luân Đôn cho đến năm 1930 mới về nước, nên không có dịp tham gia phong trào năm 1925 và cuộc nội chiến cách mạng lần thứ nhất năm 1927. Về nước, ông dạy ở trường Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Đảo, làm giám đốc ban văn nghệ trường Đại học Tê Lỗ ở Sơn Đông, rất ít có dịp tiếp xúc với cách mạng, và cũng chưa hề biết đến chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều đó có hạn chế nội dung tư tưởng trong tác phẩm của ông thời bấy giờ. Đúng như ông nói: "Tôi chỉ dựa vào một ít vốn sống và những nỗi uất ức tích lũy trong lòng từ thuở bé để phản kháng những kẻ áp bức và những nước đi áp bức".

Trong thời kháng chiến chống Nhật, ông lại là người hoạt động tích cực. Tháng 6 năm 1937, sau khi xảy ra vụ Lư Cầu Kiêu, ông rời Bắc Kinh đi Hán Khẩu. Ngày 27 tháng 3 năm 1938, Hội liên hiệp văn nghệ chống địch toàn quốc thành lập, ông được cử làm trưởng, và tiếp tục sáng tác phục vụ kháng chiến. Ông bắt đầu viết kịch vào hồi này với vở **Tổ quốc trên hết**.

Sau giải phóng, ông nhiệt tình tham gia các phong trào chính trị, phụ trách nhiều công tác xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, theo đường lối văn nghệ phục vụ công nông binh, ông sáng tác nhiều hơn bao giờ hết. “Nhân dân cần cái gì, tôi viết cái đó. Hình thức văn nghệ nào tôi cũng xem như nhau, không phân biệt hình thức nào đáng sáng tác, hình thức nào không đáng sáng tác”¹. Tác phẩm của ông thuộc đủ loại: thơ, kịch nói, kịch kịch, tương thanh, cổ từ² đều có tác dụng giáo dục rất lớn. Vở kịch **Cống Long Tu** của ông được đánh giá rất cao. Chính quyền nhân dân thành phố Bắc Kinh đã tặng ông danh hiệu “Nhà nghệ sĩ nhân dân”.

¹ Những điều sô đặc trong tám năm qua. Tạp chí Tân quan sát, số 19 năm 1957

² Tương thanh, cổ từ là những loại thể văn học dân gian tương tự như hò, vè của ta.

Tường “lạc đà” là tác phẩm thuộc giai đoạn trước kháng chiến, viết năm 1935.

Đây là chuyện một anh lái xe ở thành phố Bắc Kinh, nhưng thật ra cũng là chuyện người dân thành thị ở Trung Quốc khi chưa giải phóng, còn chịu hai tầng áp bức phong kiến và tư sản mại bản.

Tường vốn là người nông dân. Cha mẹ chết, anh lên Bắc Kinh kiếm ăn, làm đủ mọi việc, cuối cùng thì đi kéo xe. Anh, người khỏe mạnh, tính tình thật thà; điều mong ước duy nhất của anh là có một chiếc xe riêng để kéo, không phải thuê của các hiệu. Ba năm vất vả, mồ hôi trộn lẫn nước mắt, tần tiện từng đồng xu, anh đã được như ý muốn. Nhưng rồi quân phiệt hỗn chiến, bọn loạn binh cướp mất chiếc xe của anh và bắt anh đi theo hầu hạ chúng. Đến khi thoát được thân, thì tay trắng lại hoàn trắng tay. Thế mà anh cũng không nản lòng. Trở về Bắc Kinh, anh lại kéo xe, lại tiết kiệm từng đồng xu. Nhưng trong xã hội cũ, một người thật thà như anh không thể ngoi lên được; muốn ngoi lên thì phải là một tay anh chị như lão Tư Lưu, chủ hiệu xe Nhân Hòa... Cho nên những chuyện không may dồn dập đến, tên mật thám Tôn cướp mất của anh ba mươi đồng

bạc còn lại; vợ anh, ả Nữu, có mang rồi vì ngu dốt mà chết oan; người con gái anh yêu – cô Phúc phải vào dãy “Nhà trắng”, bán thân nuôi em, cuối cùng thì thất cổ chết... Như thế, bảo anh không nhìn đời bằng một con mắt khác sao được. Thế rồi, Tường đổi tính, bắt đầu truy lạc, gây gổ với mọi người, xem mọi người là thù địch. Những việc trước kia anh cho là chướng tai gai mắt thì bây giờ anh thấy thú vị. Anh không muốn làm ăn nữa, và cũng chẳng mong ước gì nữa.

Đó là quá trình sa đọa của bao nhiêu người trong xã hội cũ. Hoàn cảnh đã đẩy họ vào con đường đó, không cưỡng lại được. Chỉ có thay đổi hoàn cảnh, cải tạo xã hội thì những người như Tường mới có đất sống. Rõ ràng Lão Xá có ý định kết tội xã hội Trung Quốc thời đó, vạch trần tội ác của chế độ phong kiến, quân phiệt, mặc dù tác phẩm của ông chỉ phản ánh được một phần rất nhỏ trong cuộc sống đương thời mà thôi. Ông muốn dùng hình tượng nghệ thuật nêu lên sự thực đau đớn sau đây: trong xã hội cũ, nếu thật thà, lương thiện thì không gặp bất hạnh này thì cũng gặp bất hạnh khác. Cừu không thể sống được giữa bầy sói. Muốn sống thì phải trở thành sói. Thực tế, nhiều tên lưu manh trước kia cũng

hiền lành, chịu thương chịu khó làm ăn, họ trở thành lưu manh là vì hoàn cảnh xã hội. Cứ nhìn Tường đủ rõ. Cuối truyện, ta thấy Tường có một tâm trạng bi đát như thế nào!

“Về đến xường, anh ta vùi đầu ngủ hai ngày liền”.

“... Rồi anh ta kéo xe ra, trong lòng trống rỗng, chẳng nghĩ ngợi gì, mà cũng chẳng hy vọng gì. Chỉ vì cái bụng mà phải nhọc cái thân, bụng no rồi thì lại ngủ, còn cần gì phải suy nghĩ, phải hy vọng gì nữa? Nhìn con chó gầy gò xương, châu chực bên thúng khoai chờ được chút vỏ bỏ đi, anh ta biết thân anh cũng chẳng khác gì con chó kia, chạy ra chạy vào suốt ngày cũng cốt chỉ để được ít vỏ khoai mà ăn. Cứ tạm bỏ qua quít thế mà sống, chẳng cần suy nghĩ gì cả!”

Sự thực đau đớn đó, Lỗ Tấn đã nói lên bằng hình tượng Nhuận Thổ trong **Cố hương**, bây giờ Lão Xá lại nói lên trong hình tượng **Tường “lạc đà”**. Có khác chăng là về sau Nhuận Thổ trở thành dân dòn như pho tượng gỗ, còn **Tường “lạc đà”** thì có thể sẽ trở thành lưu manh. Thế thôi.

Tác giả đã gắn chặt vận mệnh một cá nhân với chế độ xã hội, tìm nguyên nhân những nỗi

đau khổ của một cá nhân trong xã hội thối nát đương thời. Trong cuốn truyện này, Tường là nhân vật chính, nhưng xung quanh Tường, có nhiều hình tượng khác cũng được xây dựng để làm cho chân lý trên càng nổi bật: Phúc, ông Hai Cường, hai ông cháu bé Mã... Số phận của họ cũng bi thảm không thua gì số phận Tường. Nhất là Phúc. Trước đây, một người con gái nhà nghèo mà lại có chút nhan sắc thì thường không tránh khỏi con đường Phúc đã đi. Đời Phúc cũng là một kho tiểu thuyết.

Điều đặc biệt ở Lão Xá là chẳng những đối với nạn nhân trong truyện ông tỏ ra hết sức đồng tình, mà đối với nhân dân lao động nói chung, ông cũng nhìn bằng con mắt của người bạn. Ông nhìn thấy ở họ nhiều cái tốt hơn cái xấu. Không ở chỗ nào, ông tả họ bằng ngòi bút phũ phàng như nhiều nhà văn tiểu tư sản khác. Ông cố đặt mình vào địa vị họ mà đánh giá người này hay người nọ, hoặc nhìn cảnh vật thiên nhiên. Cho nên mặc dù hồi bấy giờ Lão Xá chưa có lập trường của giai cấp vô sản như Lỗ Tấn, Mao Thuần, nhưng ông cũng là một nhà văn tiến bộ, và tinh thần nhân đạo, thái độ sáng tác hiện thực của ông đã làm cho tác phẩm của ông được người đọc có cảm tình.

Tường “lạc đà” cũng có một vài chỗ yếu. Điều đó ngày nay rất dễ thấy. Chính tác giả thấy trước ai hết. Dưới đây là đoạn văn ông viết năm 1954, khi tái bản tác phẩm này:

“... Đây là một tác phẩm cũ mười chín năm về trước của tôi. Trong truyện, tuy tôi đồng tình với người dân nghèo, quý mến những phẩm chất tốt đẹp của họ, nhưng tôi đã không vạch ra được cho họ lối thoát. Họ sống một cách khổ sở, và chết một cách oan ức, đau thương. Đó chính là vì tôi chỉ nhìn thấy mặt đen tối của xã hội đương thời, mà chưa nhìn thấy ánh sáng của cách mạng, chưa nhận thức được chân lý của cách mạng. Mặt khác, chế độ kiểm duyệt tàn bạo thời bấy giờ cũng khiến tôi vùng lên. Truyện in ra chưa được bao lâu, tôi đã nhận được ý kiến của bà con nghèo: “Cứ như trong truyện thì chúng tôi khổ quá, chẳng còn hy vọng gì nữa!”. Điều này khiến tôi vô cùng hổ thẹn.

Mười chín năm qua, nhân dân lao động đã vùng lên. Ngay cả người như tôi đây mà cũng đã được hiểu biết ít chút về cách mạng, thật không thể không cảm tạ Đảng Cộng sản Trung Quốc và Mao Chủ tịch vĩ đại. Ngày nay, tái bản cuốn truyện này, e chỉ có chút ý nghĩa sau đây: “Không

quên những cái đen tối đáng sợ trong xã hội cũ, thì mới thấy hạnh phúc sáng tươi ngày nay là quý báu, và mới biết trân trọng nó”.

Đó là những lời hết sức khiêm tốn, hết sức thành khẩn.

Về ngôn ngữ, tác phẩm của Lão Xà có một điểm đặc biệt, ông dùng nhiều phương ngôn Bắc Kinh, và theo các nhà phê bình Trung Quốc thì ông dùng rất khéo, rất hoạt. Ông lại dùng văn nói nhiều hơn văn viết. Nó làm cho tác phẩm sinh động hẳn lên và giữ được phong cách dân tộc. Có điều chính điểm đó lại gây khó khăn cho người dịch. Chúng tôi đã cố gắng khắc phục, nhưng không chắc đã làm được như ý muốn.

TRƯƠNG CHÍNH

PHẦN 1

TƯỜNG LẠC ĐÀ

1

E húng tôi muốn giới thiệu anh chàng Tường, chứ không phải con lạc đà, bởi vì “lạc đà” chỉ là một cái biệt hiệu. Vậy chúng tôi nói về anh chàng Tường trước, rồi nhân tiện sẽ nói qua mối liên quan giữa con lạc đà và anh ta. Như vậy cũng được.

Phu xe Bắc Bình³ có nhiều hạng: những anh trai trẻ, khỏe mạnh, nhanh chân thì thuê loại xe đẹp, kéo “cả ngày”, muốn làm muốn nghỉ lúc nào cũng được, tự do tùy thích; lấy xe xong, đến đỗ sẵn ở bến xe hoặc trước cổng các nhà, chỉ chờ các ông khách cần đi nhanh; gặp may, loáng một cái, kiếm được một hai đồng; chẳng may, có khi toi cả ngày, đến “thuế xe” cũng không có, nhưng cóc cần. Các anh chàng thuộc hạng này đại khái chỉ mong mỗi hai điều: hoặc kéo xe thág, hoặc tậu một chiếc xe riêng, có xe riêng thì kéo thág hay kéo vật cũng chẳng sao, dẫu nào cũng là xe của mình.

³ Từ Bắc Kinh.

Những anh lớn tuổi hơn hạng nói trên, hoặc vì sức yếu chạy chậm, hoặc vì còn vợ còn con, không dám ngồi không cả ngày, phần đông thuê những chiếc xe hơi cũ, xe với người trông cũng khá sạch mắt, cho nên khi đòi tiền vẫn được giá. Hạng phu xe này, có khi kéo “*cả ngày*”, có khi kéo “*nửa ngày*”. Nếu kéo nửa ngày, thì vì còn có sức, nên bất kỳ mùa đông hay mùa hè, bao giờ họ cũng “*kéo đêm*”. Ban đêm, tất nhiên phải nhanh mắt, nhanh chân hơn ban ngày, tất nhiên tiền kiếm được cũng khá hơn.

Những anh khoảng trên bốn mươi, hoặc dưới hai chục, e khó mà lọt vào hai hạng trên. Xe họ cũ kỹ lại không dám “*kéo đêm*”, nên phải ra xe sớm sớm, mong kéo từ sáng tinh mơ cho tới độ ba bốn giờ chiều, kiếm đủ “*thuế xe*” và cơm ăn. Xe cũ, chạy chậm, nên kéo nhiều đường đất mà tiền thì được ít. Đến các chợ bán rau, chợ rau dưa hoa quả, đều là bọn họ cả. Ít tiền nhưng chẳng cần chạy nhanh!

Ở đây, hạng dưới hai chục tuổi – có anh làm nghề này từ năm mười một mười hai – và rất ít anh quá hai mươi lại có thể trở thành hạng phu xe “*sạch mắt*”, bởi vì khó nhọc từ tấm bé, họ khó lòng khỏe mạnh lên được. Có thể là họ kéo xe suốt đời, nhưng suốt đời chẳng bao giờ nổi đình nổi đám trong làng kéo xe. Hạng bốn mươi trở xuống, có người đã kéo đến chín mươi năm rồi, gân cốt suy yếu khiến họ cam chịu tụt lại sau; dần dần họ biết sớm muộn rồi có phen cũng

chết lẫn quay giữa đường. Kiểu họ kéo xe, lối họ tùy cơ ứng biến mà đòi tiền, cái tài chạy tắt hay chạy vòng quanh của họ đủ cho họ nghĩ đến thời oanh liệt trước kia mà nở mũi tự phụ trước bọn đàn em. Nhưng chút hãnh diện đó không hề giảm bớt cái tương lai đen tối được; cũng chính vì thế mà sau khi lau mồ hôi họ vẫn thường khẽ thở dài. Có điều, so sánh với hạng phu trên bốn mươi, thì hầu như họ chưa lấy gì làm khổ lắm. Hạng sau này chắc trước kia không hề nghĩ rằng, mình lại có duyên nợ với chiếc xe tay, đến lúc sống dở chết dở, mới phải cầm lấy cái càng xe lên. Thấy phú-lít, bác loong-toong bị đuổi, người bán rong tiền lưng đã cạn, hoặc thợ thuyền bị thất nghiệp, đến bước không còn gì mà cầm, mà bán nữa, đành cắn răng, nuốt nước mắt, bước lên con đường này để đi đến cõi chết. Bọn họ thòu còn trai tráng có bao nhiêu sức lực đã đem bán sạch rồi, bây giờ phải đem những giọt máu và mồ hôi của tấm thân nuôi bằng ngô khoai⁴ mà đổ xuống mặt đường. Sức tàn, lực kiệt, không thạo nghề, không bạn bè, ngay cả ở trong làng kéo xe họ cũng chẳng được ai coi ra gì. Họ kéo những chiếc xe tã nhất, sẫm lớp một ngày xì hơi không biết bao nhiêu lần, vừa kéo vừa xin lỗi khách, và được mười mười lăm xu đã cho là bỏ lắm.

Ngoài ra, do hoàn cảnh và sự hiểu biết, có một số phu xe lại đứng riêng ra thành một hạng. Những người sống ở khu Tây Uyển, Hải Điện tất nhiên chạy đường

⁴ Nguyên văn: oa oa đầu: bánh hấp bằng ngô, khoai, sắn.

Tây Sơn, Yên Kinh, Thanh Hoa, tiện hơn; cũng như những người vùng ngoài cửa Vinh Định thì chạy đường Thanh Hà, Bắc Uyển; ở vùng ngoài cửa Vinh Định thì chạy đường Nam Uyển. Bọn họ đều chạy đường trường cả, chứ không thích kéo vật, bởi vì kéo “cuốc” nào ra “cuốc” ấy, không thềm góp nhặt dăm ba đồng xu. Nhưng, họ cũng vẫn chưa được “oách” bằng mấy anh xe ở khu Đông Giao dân hạng⁵. Những anh loại xe sang này chuyên kéo người ngoại quốc từ Đông Giao dân hạng đến Ngọc Tuyền Sơn, Di Hòa Viên, hoặc Tây Sơn. “Oách” cũng chỉ là chuyện nhỏ thôi. Nguyên nhân khiến các anh em phu xe thường không dám đến tranh khách, chính là vì những tay làm ăn với người ngoại quốc đó có đôi chút hiểu biết khác người thường. Họ nói được tiếng ngoại quốc. Lính Anh, lính Pháp, thuê kéo đến Vạn Thị Sơn, Ứng Hòa Cung, “Tám ngõ lớn”, họ đều hiểu cả. Họ có một lò tiếng ngoại quốc, không truyền cho ai. Lối chạy của họ cũng đặc biệt, cứ thủng thỉnh bước một, không nhanh mà cũng không chậm, đầu cúi xuống, không nhìn ngang nhìn ngửa, chạy sát vỉa hè, có vẻ mặc kệ đời và ta đây có sở trường riêng. Vì kéo cho người ngoại quốc nên họ không cần phải mang dấu, mà nhất loạt mặc áo cánh trắng tay, quần trắng hoặc đen, ống rất rộng, cổ chân đeo nịt; đi giày vải xanh má rộng đế dày, trông thật sạch sẽ, lanh lẹ, bảnh bao. Thấy kiểu ăn mặc đó, anh em các xe phu khác không bao giờ

⁵ Khu sứ quán ngoại quốc trước kia ở Bắc Kinh.

lại đến tranh khách hoặc chèn lên trước. Họ dường như thuộc vào một ngành nghề riêng biệt.

Có giới thiệu sơ qua như vậy rồi bây giờ nói đến vị trí của anh chàng Tường trong làng kéo xe, chúng tôi mới mong có thể nói rõ ràng chính xác như nói đến một cái đinh vít trong bộ máy.

Trước khi có duyên nợ với cái biệt hiệu “lạc đà” này, Tường là một anh phu xe sống khá tự do thoải mái, nghĩa là anh ta thuộc vào hạng trai trẻ khỏe mạnh và có xe riêng: xe của mình, muốn làm ăn ra sao tùy ý, thật là vào bậc nhất trong làng phu xe.

Được như thế quyết không phải là chuyện dễ. Một năm, hai năm, ít nhất cũng phải tới ba bốn năm, từng giọt, từng giọt mồ hôi đổ xuống, chẳng biết đến hàng mấy mươi vạn giọt, dãi dầu sương gió, bóp mồm bóp miệng mới tậu được chiếc xe. Chiếc xe là kết quả và là sự bù đắp của mọi nỗi cực khổ, xoay sở của anh ta, cũng giống như tấm huy chương của người dũng sĩ trải qua hàng trăm trận. Khi còn phải thuê xe người khác, anh ta chạy từ sáng đến tối, từ đông sang tây, từ nam chí bắc, y như con quay bị người ta quất cho xoay tít. Anh ta không tự chủ nữa, nhưng trong khi quay tít thò lò như thế, mắt anh ta vẫn không hoa, lòng anh ta vẫn không rối. Anh ta luôn luôn mơ tưởng một chiếc xe, nhờ nó anh ta sẽ được tự do, độc lập, một chiếc xe của mình như chân tay mình vậy. Có xe riêng, sẽ không phải chịu ỨC VỚI BỌN CHỦ THẦU NỮA, mà cũng chẳng cần phải a dua

bợ đỡ người này người nọ. Có sức khỏe, lại có xe riêng, hàng ngày mở mắt ra là có miếng ăn rồi.

Anh ta không sợ khổ và cũng chẳng có những thói hư tật xấu, vốn có thể tha thứ nhưng không nên bắt chước, của các anh em xe phu khác. Sáng ý và chịu khó, anh ta có thể làm cho điều mình mơ ước trở thành sự thực. Giả dụ hoàn cảnh khấm khá hơn, hoặc được học hành chút ít, nhất định anh ta chẳng rơi vào *"làng xe kéo"*. Và dù làm gì, anh ta cũng chẳng bao giờ chịu bỏ lỡ thời cơ. Khốn thay, anh ta lại cứ phải kéo xe. Thôi thì đành vậy. Trong cái nghề này, anh ta vẫn có thể tỏ ra mình là người sáng ý và có tài, dường như ngay ở dưới địa ngục, anh ta vẫn có thể làm một con quỷ khôn. Lớn lên ở thôn quê, mồ côi cha mẹ và có mấy mẫu ruộng xấu cũng mất nốt, năm mười tám anh ta đã phải mò lên tỉnh kiếm ăn. Với sức khỏe và tính thật thà của một gã trai quê, phạm việc gì đổ mồ hôi mà có miếng ăn là hầu như anh ta đã làm qua cả. Nhưng không bao lâu, anh ta nhận thấy, kéo xe để kiếm ra tiền nhất. Làm việc lao lực khác, kiếm chác có hạn. Còn kéo xe, khéo xoay xở và gặp dịp, thì chưa biết lúc nào, ở chỗ nào đó, sẽ vớ được những món bở, qua cả lòng mong ước. Tất nhiên, anh ta cũng biết những cơ hội đó chẳng phải tình cờ mà đến; xe và người đều phải lo tươm tất, ra trò đã. Có của tốt đem bán mới mong gặp khách biết mua của về. Nghĩ đi nghĩ lại, anh ta thấy mình có đủ điều kiện: anh ta đang độ khỏe mạnh, trai tráng, chỉ hiềm chưa kéo xe bao giờ, nên không dám kéo xe đẹp ngay. Nhưng đó không phải

là một khó khăn không thể vượt qua được. Sức vóc của anh ta, chỉ cần tập khoảng mười mười lăm hôm, nhất định sẽ chạy ra trò, rồi sẽ thuê một chiếc xe mới, chưa biết chừng chẳng bao lâu có thể tìm ra chỗ kéo xe thặng; sau nữa chịu khó tần tiện độ một hai năm, cứ cho là bốn năm đi, nhất định sẽ sắm nổi một chiếc xe, một chiếc xe thật oách! Nhìn vào sức lực đương trai của mình, anh ta cho chỉ là chuyện chóng hay chầy mà thôi. Đó là mục đích và là điều mong ước có thể đạt tới được, quyết không phải mơ tưởng hảo huyền.

Sức vóc của anh ta phát triển trước tuổi, mới độ hai mươi mà người rất cao to; tuy mình mẩy, tay chân chưa được năm tháng rèn luyện thành thục, nhưng trông đã ra người lớn rồi – một người lớn mà mặt mũi dáng dấp vẫn còn mang theo cái vẻ ngây thơ, nghịch ngợm của trẻ con. Nhìn bọn phu xe “bác nhất”, anh ta nghĩ cách sẽ thất bụng cho thon để càng lộ rõ bộ ngực như phiên sắt và tấm lưng như cánh phan. Ngoái cổ lại nhìn đôi vai của mình, anh ta thấy sao nó rộng thế, oai thế. Thất bụng cho thon, mặc cái quần ống trắng rộng vào, gấu quần sẽ dùng dây ruột gà buộc lại, để lòi đôi bàn chân “ngoại khổ” ra! Rõ ràng anh ta có thể trở thành một anh phu xe thuộc loại xuất sắc nhất. Như người ngớ ngẩn, anh ta cười một mình.

Người anh ta không có gì đặc biệt, chỉ cái vẻ mặt là khiến anh ta dễ được cảm tình. Đầu không to lắm, con mắt tròn, mũi nở, hai hàng lông mày rậm và

ngắn, tóc bao giờ cũng cạo nhẵn thín, má không bệu, cổ to gần như bằng đầu, mặt lúc nào cũng hồng hào; nổi bật hơn cả là vết sẹo khá to nằm giữa gò má và tai bên phải – ngày bé, anh ta nằm ngủ dưới gốc cây, bị lừa ngoạm cho một miếng. Anh ta cũng chẳng chú ý lắm đến vẻ người của mình. Anh ta thích bộ mặt của anh ta cũng y như anh ta thích cái thân hình của anh ta; tất cả đều rắn chắc như thế kia! Dường như anh ta cho mặt cũng như tay chân, chỉ cần rắn chắc là tốt rồi. Đúng thế, sau khi lên tỉnh, anh ta vẫn có thể đầu lộn ngược trồng cây chuối một lúc rõ lâu. Lúc làm như thế, anh ta cảm thấy mình giống như một thân cây trên dưới thẳng đuột, phẳng lì.

Quả anh ta giống một thân cây thật, vững chãi, lạng lẹ, nhưng tràn đầy sức sống. Anh có những ý định, tính toán riêng, nhưng không muốn nói với ai. Trong làng phu xe, những nỗi bức dọc khó khăn riêng lại là đầu đề câu chuyện chung của mọi người. Ở bến xe, quán nước, rạp tuồng, họ đem chuyện riêng ra mà kể lể, than thở, kêu ca. Những chuyện đó sau sẽ trở thành của chung, truyền từ đời này sang đời nọ, y như những bài dân ca. Tường vốn là người nhà quê, không được mồm mép như dân thành phố. Nếu như nhanh mồm nhanh miệng là một đức tính trời phú cho, thì anh ta vốn bẩm sinh không ưa nhiều lời, nên cũng chẳng muốn đua đòi cái tài bẻm mép của dân thành phố. Chuyện của anh ta, riêng mình anh ta biết, không bàn bạc với ai. Vì ít nói, nên anh ta chẳng có

nhiều thì giờ để mà suy nghĩ. Dường như anh ta bao giờ cũng cứ nhìn vào cõi lòng mình. Một khi đã có chủ ý rồi, thì anh ta cứ theo con đường đã vạch sẵn trong óc. Nếu con đường đó không thông suốt thì hàng ngày liền, anh ta có thể cứ im lặng, chẳng nói chẳng rằng, cắn chặt răng lại, y như đang tự day nghiền mình.

Anh ta quyết chí đi kéo xe, thế là đi kéo xe. Anh ta thuê một chiếc xe tàng, để luyện đôi chân đã. Ngày đầu tiên chẳng được đồng xu nào hết. Ngày hôm sau, làm ăn có khá hơn, nhưng lại phải nằm bẹp mất hai ngày, chân sưng như hai trái bầu, không sao nhấc nổi. Đau thế mà anh ta cũng gắng chịu. Anh ta biết đó là chuyện không thể tránh được; đã làm nghề kéo xe tất phải vượt qua cửa ải này; không vượt qua thì chẳng có gan đâu mà kéo.

Chân khỏi đau, anh ta đã dám chạy rồi. Điều đó làm cho anh ta sướng lắm, bởi vì những chuyện khác thì không có gì đáng lo nữa: tên phố anh ta thuộc lâu, đôi khi có phải chạy vòng quanh tí chút, cũng chẳng sao, khỏe mạnh thì có ngại gì. Anh ta từng có kinh nghiệm đẩy, kéo, khiêng, gánh, nên kéo xe cũng chẳng lấy gì làm khó lắm. Hướng hồ, anh ta có những chú ý riêng: cẩn thận nhiều vào, bớt cái trò tranh giành hơn thua đi, sẽ ít xảy ra tai nạn. Còn như chuyện đòi giá cả và tranh khách, thì vì mồm miệng chậm chạp, nên không địch nổi những tay lọc lõi. Biết rõ chỗ kém của mình, anh ta dứt khoát không hay đến “*bến xe*”. Ở đâu

không có xe, anh ta đỗ ở đó. Chỗ nằng, anh ta có thể đứng ung dung nói giá, có khi lại chẳng đòi bao nhiêu cả, chỉ nói: *"Xin cứ ngồi lên, rồi liệu đấy mà trả!"*. Trông anh ta có vẻ thật thà, mặt mũi lại sáng sủa dễ thương, dường như người ta chỉ có thể tin anh ta thôi, chứ không dám nghi cái anh chàng *"ngốc nghếch gà tổ"* này lại biết *"chém đất"*. Dù có nghi ngờ chẳng nữa, cũng chỉ có thể cho anh ta là một gã nhà quê mới lên tỉnh, chắc không thuộc đường, nên không biết đòi bao nhiêu. Đến khi họ hỏi *"biết đường à?"*, thì anh ta cười, có vẻ ngốc nghếch, mà lại có vẻ hóm hỉnh, khiến khách đi xe chẳng biết làm gì cho phải.

Độ ba tuần lễ sau, anh ta đã chạy dẻo chân rồi. Anh ta biết kiểu chạy của mình trông gọn mắt lắm. Kiểu chạy là bằng cứ chứng tỏ năng lực và tư cách của một anh phu xe. Chạy xoạc cẳng như hai cái nan quạt mở rộng, đúng là tay mới ở nhà quê lên. Chạy đầu cúi xuống, chân kéo lê trên mặt đất, chạy mà chẳng nhanh hơn đi, nhưng trông vẫn có vẻ đang chạy, thì đúng là những lão trên năm mươi rồi. Những người giàu kinh nghiệm, nhưng sức yếu này lại còn có một mảnh khóc khác: ngực hóp vào, chân gờ thật cao, cứ mỗi bước đầu lại nhô ra phía trước một cái, trông có vẻ đang chạy cật lực, nhưng thật ra chẳng nhanh hơn người khác chút nào. Bọn họ nhờ vào *"kiểu làm ăn"* đó mà giữ được uy tín. Tưởng cố nhiên không theo mấy kiểu ấy. Chân dài nên bước rộng, sức mạnh nên chạy êm, nhịp nhàng, xe không lắc, khách thấy yên trí, thoải mái. Khi bảo đỗ,

mặc dù xe đang chạy rất nhanh, anh ta chỉ cần bước chừng hai bước nữa, thế là xe dừng lại ngay. Sức lực của anh ta hầu như khổng chế được tất cả các bộ phận của xe. Lưng hơi khom khom về phía trước, hai tay đỡ nhẹ càng xe, điệu bộ trông gọn gàng, chính xác, không ra vẻ vội vã, nhưng lại chạy rất nhanh, nhanh mà không nguy hiểm. Ngay trong làng kéo xe tháng cũng ít người chạy được như thế.

Anh ta đổi một chiếc xe mới. Ngay từ hôm đổi xe, anh ta đã hỏi dò biết rằng, như chiếc xe anh ta đang thuê đây-dép êm, trục tốt, áo tơ cánh gà đủ, đèn trước, đèn sau, còi đồng cổ dài giá hơn trăm bạc. Nếu như nước sơn và bộ trục kém một chút, thì một trăm cũng mua được rồi. Tóm lại, chỉ cần có một trăm đồng là anh ta có thể tậu được một chiếc xe. Bỗng anh ta nghĩ, một ngày dành dụm một hào, thì một trăm đồng phải là một nghìn ngày. Một nghìn ngày! Nói đồn một nghìn ngày lại như thế, anh ta hầu như không tính ra được nó dài bao nhiêu. Nhưng chí anh ta đã quyết, một nghìn ngày chứ một vạn ngày, thế nào cũng phải mua bằng được một chiếc xe. Anh ta đã nghĩ kỹ rồi, bước đầu cần phải kéo xe tháng. Gặp ông chủ giao thiệp rộng, tiệc tùng nhiều, trung bình mỗi tháng độ mười bữa tiệc, là có thể kiếm vài ba đồng tiền cơm đãi phụ xe. Thêm vào đó, mỗi tháng để dành độ tám chín hào, một đồng nữa, có thể được bốn hay năm đồng cũng nên, và thế là một năm góp được sáu chục! Như vậy hy vọng của anh ta không cao xa lắm nữa. Anh ta không

hút thuốc, không uống rượu, không đánh bạc, không nghiện ngập say mê trò gì cả, lại không có gánh nặng vợ con, miễn chịu thất lưng buộc bụng, thì chẳng việc gì không thành. Anh ta thề với mình: *“Một năm rưỡi nữa, nhất định thằng Tường này phải mua cho được một chiếc xe! Xe mới, chứ không phải là xe chữa lại”*.

Thế rồi, anh ta kéo xe tháng thật. Có điều, thực tế không phải hoàn toàn giống như anh ta mong ước. Anh ta quả đã thất lưng buộc bụng, nhưng một năm rưỡi trôi qua mà vẫn chưa được như nguyện. Kéo tháng thì đã kéo rồi, và đã kéo rất cẩn thận, nhưng không may, mọi việc trên đời này đâu phải chỉ có một chiều! Dù anh ta kéo rất cẩn thận, nhưng nhà chủ vẫn cứ không thuê nữa. Được độ hai ba tháng, có khi chín mười ngày, họ lại thôi, và anh ta lại tiếp tục đi kiếm chủ khác. Tất nhiên, anh ta vừa đi kiếm, vừa kéo lê. Đang cưỡi ngựa mà vẫn phải tìm ngựa, lòng anh ta không lúc nào thanh thoi. Trong thời gian đó, anh ta lại thường gặp đen. Anh ta phải cố gắng phấn chấn lên, không riêng chỉ để kiếm lấy miếng ăn hàng ngày, mà còn phải tiếp tục dành dụm mua xe. Nhưng không phải cố gắng là mọi chuyện sẽ ổn cả. Nhắc càng xe lên, anh ta không thể chuyên tâm mà chạy, cứ như luôn luôn nghĩ gì ở đâu đâu ấy, càng nghĩ càng sợ hãi bực bội. Giá thử cứ như thế này mãi thì bao giờ mới có thể mua được xe? Tại sao lại như thế này? Chẳng lẽ mình lại là thằng không muốn khám phá lên hay sao? Những lúc nghĩ ngợi lung tung như thế,

anh ta quên mất cái tính cẩn thận thường ngày. Lốp xe dè vào mảnh sành, gai sắt, nổ bung, thế là đành phải nghỉ. Nguy hơn nữa, có khi đâm cả vào người đi đường, thậm chí có lần vì vội chèn lên trước mà vắng mất nắp trục xe. Nếu như kéo tháng thì chẳng đời nào lại xảy ra những chuyện đen đủi ấy. Cứ gặp chuyện là anh ta buồn bực, thờ thần cả người. Xe hỏng, tất nhiên phải đền tiền, thế là như lửa đổ thêm dầu, anh ta lại càng nóng ruột. Sợ gặp phải những tai họa lớn hơn, có khi anh ta rầu rĩ nằm khoèo ngủ cả ngày ở nhà. Mổ mắt ra thấy phí mất một ngày, anh ta lại hối, và tự giận mình. Còn nữa, trong thời kỳ này, càng lo, anh ta lại càng sống kham khổ, ăn uống chẳng ra gì. Anh ta tự cho mình là xương đồng da sắt, thế mà cũng vẫn ốm như thường. Ốm, anh ta tiếc không dám bỏ tiền ra mua thuốc, cứ nằm liều, rút cục, ốm ngày càng nặng, không những bỏ tiền ra mua thuốc mà lại còn phải nghỉ mấy ngày liền. Những khó khăn đó khiến anh ta càng phải cẩn rằng cố gắng, nhưng số tiền mua xe không phải vì thế mà tích góp được nhanh chóng hơn.

Ba năm ròng rã, anh ta dành dụm đủ một trăm đồng!

Anh ta không thể chờ đợi được nữa. Vốn định tâm mua một chiếc xe thật hoàn toàn, thật mới và thật vừa ý, nhưng bây giờ chỉ có thể bằng vào một trăm đồng ấy mà mua thôi. Không thể nấn ná được

nữa. Nhờ có việc gì xảy ra lại hụt đi mất mấy đồng thì sao? Vừa may có chiếc xe mới đóng xong (*có người đặt nhưng không có tiền lấy*), đại khái cũng xấp xỉ như chiếc xe anh ta mong ước. Chiếc xe này vốn đáng giá hơn trăm, nhưng vì có số tiền đặt cọc bỏ lại, nên hiệu xe bằng lòng bớt cho một ít. Tường, mặt đỏ gay, tay run run, xĩa chín mươi sáu đồng bạc ra:

– Tôi lấy chiếc này!

Chủ hiệu xe định nài chẵn một trăm, nói đi nói lại mãi, kéo xe ra rồi lại kéo xe vào, giương mũi lên rồi lại cụp mũi xuống, bóp còi inh ỏi⁶, mỗi động tác kèm theo hàng tràng lời tán tụng. Cuối cùng, ông ta đưa chân đá vào vành xe mấy cái, nói:

– Đấy nghe này! Cứ boong boong y như tiếng chuông ấy! Kéo cho đến lúc xe hỏng, đưa có chiếc nào oằn cứ việc mang lại đây quẳng vào mặt tôi! Đúng một trăm, thiếu một xu cũng không được!

Tường lại đếm lại tiền:

– Tôi lấy chiếc này! Chín mươi sáu đồng đấy!

Chủ hiệu biết gặp phải người riết róng, đưa mắt nhìn số tiền, rồi lại nhìn anh ta, thở dài:

⁶ Xe tay ở Bắc Bình không có chuông, thay vào đó là cái còi, miệng loe, phía sau là một quả cầu cao su, bóp quả cầu, còi kêu toe toe (ND).

- Thôi, để lấy chỗ đi lại, bán cho anh đây! Bảo đảm sáu tháng: trừ phi làm vỡ thùng xe, còn thì hỏng tôi xin chữa, không tính tiền. Giấy bảo đảm đây, cầm lấy!

Tay Tường lại càng run tợn. Anh ta cầm lấy giấy bảo đảm, kéo xe ra, dường như muốn khóc. Kéo đến một chỗ vắng, anh ta ngắm nghía thật kỹ chiếc xe của mình, thử soi vào mặt gỗ sơn! Càng ngắm càng thấy thích. Những chỗ không thật vừa ý cũng có thể bỏ qua, bởi vì đây là xe của mình! Ngắm một lúc, như thế cũng tựa như được nghỉ ngơi rồi, anh ta ngồi xuống cái đệm chân mới đan hình mắt cáo để thoát nước, nhìn cái còi bằng đồng sáng choang mắc ở càng xe. Bỗng anh ta sực nhớ, năm nay anh ta hăm hai tuổi. Bố mẹ mất sớm, nên anh ta cũng quên cả ngày sinh tháng đẻ. Từ dạo lên tỉnh đến nay, anh ta chưa ăn mừng sinh nhật lần nào. Được rồi! Hôm nay mua được xe mới, kể như là sinh nhật vậy. Sinh nhật của người mà cũng là sinh nhật của xe, càng dễ nhớ. Vả lại, xe là xương máu của mình, thì cũng không vì lý gì lại không thể coi xe như người.

Nên ăn mừng ngày “*song thọ*” này như thế nào đây? Tường đã có chủ định rồi: món khách đầu tiên phải là người cho sang, tuyệt đối không kéo đàn bà. Tốt nhất là kéo đến cửa Tiên, thứ đến là chợ Đông An. Kéo đến nơi, sẽ vào một quán cơm tươm nhất, đánh một bữa, bánh rán nóng cặp chả cừu nướng chẳng hạn. Ăn xong, gặp món nào dở thì kéo nữa, không thì cho xe về nghỉ. Thế là ăn mừng sinh nhật rồi!

Từ ngày có xe, cuộc sống của anh ta ngày một khấm khá hơn. Kéo tháng cũng thế, mà kéo vật cũng thế, hàng ngày anh ta chẳng phải lo đến cái món “thuế xe” nữa. Kéo được bao nhiêu là của mình tất. Lòng thanh thoi, đối với mọi người anh ta càng hòa nhã, việc làm ăn cũng vừa thấy vừa ý. Kéo được nửa năm, anh ta lại có ước vọng to hơn: cứ thế này, làm độ hai năm, nhiều nhất là hai năm, anh ta lại có thể mua được một chiếc nữa. Một chiếc, rồi hai chiếc... Anh ta cũng sẽ mở một hiệu cho thuê xe.

Nhưng hy vọng phần lớn chẳng mấy khi thực hiện được. Anh chàng Tường cũng chẳng phải là một ngoại lệ.



2

Phấn khởi sinh ra mạnh bạo; từ khi có xe riêng, anh chàng Tường chạy càng nhanh hơn. Xe của mình tất nhiên thân trọng rồi, nhưng nhìn con người mình, lại nhìn xe mình, nếu không chạy thì anh ta thấy nó thế nào ấy.

Từ dạo lên tỉnh, anh ta đã cao hơn trước trên một tấc. Bản thân anh ta cảm thấy rằng còn phải cao thêm nữa. Phải, da thịt đã sứt lại, dáng người đã cứng cáp hơn, và trên mép lại đã có một hàng ria lơ thơ rồi, thế mà anh ta vẫn cho rằng còn phải cao thêm một chút mới phải.

Mỗi khi qua một cái cửa con hoặc một cái cổng đầu phố làm phải cúi khom xuống mới lọt, tuy không nói gì nhưng anh ta vui thầm trong bụng, bởi vì anh ta thấy mình đã cao rồi, mà vẫn còn đang cao thêm, hầu như đã là người lớn, mà vẫn là trẻ con, rất thích.

Người cao to như thế, lại kéo cái xe đẹp như thế, xe thì xe riêng, díp nhún lên nhún xuống êm ru, đến cả càng xe cũng nhẹ nhẹ rung lên; hòm xe bóng lộn,

đem trắng tinh, còi kêu to thế, mà không chạy nhanh hơn thì sao xứng với con người mình, sao xứng với xe? Cái đó chẳng phải là hư danh, mà tựa hồ như là trách nhiệm. Không chạy nhanh, chạy như bay thì không phát huy đầy đủ sức mạnh của mình và cái tốt đẹp của xe. Chiếc xe đó quả cũng đáng yêu thật, kéo được chừng nửa năm, dường như bộ phận nào cũng có tri giác và tình cảm. Khi Tường còng lưng lại, co chân lên hoặc vươn thẳng người ra, nó liền hưởng ứng ngay, giúp anh ta đúng như ý muốn. Giữa anh ta và nó, không hề có chút gì cách biệt. Qua những quãng đường phẳng phiu, vắng người, anh ta có thể cầm càng một tay thôi, bánh cao su lăn nhẹ trên đường, kêu vo vo, y như có cơn gió thoảng đẩy anh ta chạy tới, vừa nhanh vừa vững. Đến nơi quần áo có thể vắt ra mồ hôi, như vừa vớt trong chậu nước ra. Anh ta thấy mệt mỏi, nhưng lại vui sướng lắm, một thứ mệt mỏi đáng tự hào, như vừa cưỡi một con ngựa hay vượt mấy chục dặm đường vậy.

Nếu mạnh bạo không phải là cầu thả thì khi Tường mạnh bạo chạy như vậy, anh ta không thể cầu thả một chút nào. Không chạy nhanh khách không vừa ý, chạy nhanh mà lại đâm hỏng xe thì mình lại khổ tâm. Xe là bản mệnh của anh ta, anh ta biết nên cẩn thận như thế nào rồi. Vừa cẩn thận vừa mạnh bạo, anh ta càng ngày càng tin ở mình, anh ta tin chắc rằng mình và xe đều bằng sắt cả.

Vì thế, không những anh ta dám mạnh bạo chạy, mà lại không bao giờ phải suy tính đến chuyện nên ra xe vào lúc nào. Anh ta thấy cái nghề đem sức ra kéo xe để giành giật miếng cơm là một nghề có khí phách bậc nhất ở gầm trời này. Anh ta muốn ra xe lúc nào thì ra, không ai ngăn được. Những lời đồn đại bên ngoài, anh ta không hề để ý nghe, nào là khu Tây Uyển có lính kéo đến, nào là vùng Trường Tân Điểm lại đánh nhau, nào là bên ngoài cửa Tây Trục lại bắt phu, nào là cửa Tế Hóa đã đóng lâu rồi, anh ta đều mặc kệ. Lẽ tất nhiên, phố xá đóng cửa, cảnh sát và bảo an vũ trang đầy đường; không muốn cố chuốc lấy phiền não, anh ta cũng vội vàng cho xe về như những người khác. Có điều anh ta vẫn không tin những lời đồn đại. Anh ta biết nên cẩn thận như thế nào rồi, nhất là vì xe là xe riêng, nhưng dù sao anh ta cũng vẫn là người nhà quê, không như người thành phố, thấy gió là biết sẽ mưa. Với lại thân hình anh ta cho phép anh ta tin tưởng rằng, giá thử chẳng may “gặp chuyện” thì thế nào cũng có cách, không đến nỗi thua thiệt nhiều. Anh ta không phải là người dễ bắt nạt, vóc người cao lớn thế kia, vai rộng thế kia cơ mà!

Hằng năm, tin chiến trận và những lời đồn đại hầu như cùng đến với lúa mạch mùa xuân. Bông lúa mạch và lưỡi lê có thể coi như tượng trưng cho niềm hy vọng và nỗi lo sợ của người phương Bắc. Anh chàng Tường mua xe mới vừa được nửa năm, thì đúng vào lúc lúa mạch cần mưa xuân. Mưa xuân không nhất thiết chiều theo lòng

mong ước của người ta mà rơi xuống, nhưng chiến tranh thì không kể có ai mong đợi hay không, vẫn cứ kéo đến như thường. Đồn đại cũng vậy, mà chuyện thật cũng vậy, Tường hầu như đã quên rằng mình đã từng làm công việc nhà nông; anh ta không quan tâm gì lắm đến chuyện chiến tranh sẽ tàn phá ruộng đồng, cũng chẳng chú ý đến chuyện có mưa hay không có mưa. Anh ta chỉ quan tâm đến chiếc xe của anh ta. Chiếc xe của anh ta có thể sản xuất ra được bánh nướng và các thức ăn khác. Nó là một mảnh ruộng vạn năng, một mảnh ruộng sống quý báu, ngoan ngoãn đi theo anh ta. Vì thiếu mưa, vì tin tức chiến sự, lương thực đều tăng giá, chuyện ấy thì Tường biết. Nhưng, cũng như những người khác trong thành phố, anh ta chỉ biết kêu ca lương thực đắt, mà chẳng có chú ý gì cả. Lương thực đắt, ừ thì cứ đắt đi, nào ai có cách gì làm cho nó rẻ được? Thái độ đó làm cho anh ta chỉ nghĩ đến cuộc sống của mình, mặc kệ mọi hoạn nạn tai ương.

Người thành phố, nếu như đối với mọi việc, họ chẳng có cách gì giải quyết cả, thì họ lại có cái tài phao tin đồn nhằm có khi hoàn toàn bịa ra mà nói, có khi một kháo thành mười cốt để tỏ ra họ không phải ngu ngốc và không phải không có việc làm. Họ giống như những con cá nhỏ, lúc rồi rỗi lại ngoi lên mặt nước, nhả vài cái bong bóng hoàn toàn vô dụng, cũng lấy làm đắc ý lắm. Trong những lời đồn đại lý thú nhất là những lời đồn đại về chuyện đánh nhau. Những lời đồn đại khác thường thường trước sau vẫn chỉ là lời đồn đại cũng

giống như nói chuyện yêu tinh, không thể cứ nói mãi mà thấy thật. Còn những lời đồn đại về chiến sự, chính vì căn bản không có tin chính xác, nên rút cục “cắm gậy thấy bóng” ngay. Về tiểu tiết so với thực tế, có thể sai nhiều, nhưng về chuyện có đánh nhau hay không, mười phần đúng tám chín. “Sắp đánh nhau rồi!”. Câu nói đó vừa ra khỏi cửa miệng, thì sớm muộn thế nào cũng sẽ có đánh nhau; còn như ai đánh ai, đánh như thế nào thì mỗi người một phách. Tường không phải là không biết như thế. Có điều những người làm việc nặng – kéo xe cũng trong số đó – họ tuy không hoan nghênh chiến tranh, nhưng gặp phải chiến tranh, chưa chắc đã là rui ro. Mỗi lần chiến tranh lan đến, hoảng nhất là những kẻ giàu sang. Vừa nghe phong thanh tình hình không ổn, là họ vội vàng tính chuyện lánh nạn. Đồng tiền xui họ đến nhanh, mà chạy cũng nhanh. Bản thân họ thì không chạy được, vì tiền bám vào chân quá nặng. Họ phải thuê rất nhiều người làm chân; hòm xiểng phải có người khiêng, già trẻ gái trai phải có xe kéo; những lúc ấy, chân và tay của các anh em chuyên bán sức chân sức tay nhất loạt trở nên cao giá.

– Cửa Tiền, ga Đông!

– Dâu cơ?

– Ga... Đông!...

– À... Xin đúng một đồng tư! Không phải mặc cả. Thời buổi loạn lạc này!

Giữa tình hình như thế. Tường kéo xe ra khỏi thành. Người ta đồn đại đã mười ngày nay rồi, các thứ đều đã lên giá, nhưng chiến sự tựa hồ vẫn còn ở xa lắm, không thể trong chốc lát mà đánh tới Bắc Bình được. Tường vẫn kéo xe như thường, không vì lời đồn đại mà lười biếng. Một hôm, kéo đến Tây Thành, anh ta biết được đôi chút binh tình. Ở đường chùa Hộ quốc và đường phố Mới, không một ai gọi xe đi “*Tây Uyển*” “*Thanh Hoa*” cả! Anh ta lượn đi lượn lại một hồi ở đường phố Mới, nghe nói, xe không dám ra khỏi thành, ngoài cửa Tây Trục đang bắt xe; xe lớn, xe nhỏ, xe lừa, xa tay, bắt tất. Anh ta định uống một bát nước chè rồi kéo xe về phía nam mà đỗ. Bến xe vắng tanh, tỏ ra rằng nguy đến nơi. Anh ta tuy khá gan dạ, nhưng cũng chẳng nên tìm đi vào con đường chết. Giữa lúc đó thì ở phía nam có hai chiếc xe chạy tới, người ngồi trên xe giống như là học sinh; anh phu xe vừa chạy vừa gọi:

– Này, có đi Thanh Hoa không?

Mấy chiếc xe đỗ ở bến không cái nào lên tiếng. Người thì nhìn hai chiếc xe kia, cười nhạt, người thì ngậm điếu, ngồi yên, chẳng buồn ngẩng đầu lên nữa. Hai chiếc xe kia vẫn cứ gào:

– Cầm cả rồi à? Đi Thanh Hoa không?

– Hai đồng thì đi!

Một anh xe trẻ tuổi, đầu húi trọc, người thấp, thấy không ai trả lời, liền nói một câu như để pha trò.

Hai chiếc xe kia liền đỗ lại:

– Kéo lại đây! Gọi cái nữa!

Anh ta ngó người ra, dường như vẫn không biết xử trí ra sao. Những người kia vẫn ngồi yên. Tường thấy thế, biết ra khỏi thành nhất định nguy hiểm, nếu không thì hai đồng từ đây đến Thanh Hoa bình thường chỉ độ hai ba hào sao lại chẳng có người tranh lấy? Anh ta cũng chẳng muốn kéo. Nhưng cái anh chàng đầu trọc kia dường như đã có ý định, nếu ai cùng anh ta chạy cuộc này thì anh ta sẽ chạy ngay. Anh ta nhìn Tường chăm chăm:

– Thế nào, ông hộ pháp?

Hai tiếng “*hộ pháp*” làm Tường bật cười. Đó là một lời khen. Anh ta nghĩ thầm trong bụng: “*Mình đã được khen thì cũng phải lấy lòng anh chàng đầu trọc bé người mà to gan kia mới đúng. Huống chi, hai đồng bạc, là hai đồng bạc, không phải chuyện ngày nào cũng gặp. Còn nguy hiểm ư? Lẽ nào lại vừa khéo đến thế? Huống hồ, hai hôm trước, có người nói Thiên Đàn đầy lính, thế mà anh ta thấy tận mắt chẳng có một mống nào hết*”. Nghĩ thế, anh ta liền kéo xe tới.

Đến cửa Tây Trục, nhìn trong cổng thành hầu như chẳng có ai qua lại, Tường hơi rợn. Anh chàng trọc kia cũng thấy không ổn, nhưng vẫn cười nói:

– Cứ việc kéo đi, anh bạn! Tai họa thì tránh cũng chẳng được nào, ăn thua là ở cả lúc này đây!

Tường thì biết không xuôi rồi, nhưng sống lẫn lóc ở giữa phố phường này mấy năm nay, không thể giờ thói bà già, nói rồi bỏ đó được.

Qua cửa Tây Trục, quả thật không gặp một chiếc xe nào cả. Tường cúi đầu chạy không dám nhìn hai bên đường nữa. Tim anh ta dường như thúc vào lồng ngực. Đến cầu Cao Lượng, anh ta đưa mắt nhìn bốn xung quanh. Không thấy một tên lính nào, anh ta mới hơi yên trí. Hai đồng rút cục vẫn là hai đồng, anh ta tính toán, không có gan một chút thì làm gì có được món bở như thế. Bình thường, anh ta không hay nói, nhưng lúc này lại muốn nói với anh trọc kia vài câu. Phố xá im lặng đến phát sợ:

– Rẽ vào đường đất nhé! Đường cái...

Anh chàng trọc kia đã đoán được ý anh ta:

– Ủ, phải đấy, rẽ được vào đường tắt thế là ăn chắc rồi!

Nhưng, chưa rẽ được vào đường tắt thì Tường và anh chàng đầu trọc kia, cả xe lẫn người, bị khoảng mười tên lính tóm cổ lôi đi!

Tuy đã gần hết tiết dâng hương ở miếu Khai núi Diệu Phong rồi, nhưng đêm, đắp một tấm chăn đơn vẫn không chịu được. Trên thân Tường không có gì vương vís, ngoài chiếc áo lính mỏng màu tro, và chiếc quần lính màu xanh, nồng nặc mùi mồ hôi từ khi anh ta chưa mặc, vốn dĩ đã thế rồi. Nhìn bộ quần áo rách

rười đỏ, anh ta nhớ đến chiếc áo cánh trắng mặc hồi xưa; so với bộ quần áo xanh lè này thì nó sạch sẽ và sang trọng biết mấy! Đúng thế, trên đời có rất nhiều cái sang trọng hơn màu xanh lè kia nhiều, nhưng Tường cũng biết, thân anh ta khó khăn lắm mới được bánh bao sạch sẽ như thế. Ngửi mùi hôi rình trên người, anh ta thấy rõ đời sống lẩn lộn và những thành công xưa kia thực vô cùng vẻ vang; vẻ vang một, anh ta thấy vẻ vang mười. Càng nghĩ đến những ngày qua, anh ta càng giận bọn lính kia. Áo quần, giày mũ của anh ta, xe của anh ta, thậm chí cái thắt lưng vải, bị chúng cướp sạch, chỉ để lại cho anh ta đầy người thương tích tím bầm, và hai bàn chân phồng rộp! Có điều, áo quần thì cũng chẳng đáng kể gì, thương tích trên người chẳng bao lâu rồi cũng khỏi, nhưng còn xe của anh ta, chiếc xe phải đổ bao nhiêu mồ hôi nước mắt hàng mấy năm liền mới sắm được thì mất đứt rồi! Từ lúc kéo vào trại lính, thế là không thấy tăm hơi đâu nữa. Bao nhiêu nỗi đau, khổ nhọc nhằn trong chớp mắt, anh ta có thể quên đi được, nhưng không tài nào quên chiếc xe ấy!

Khổ cực, anh ta không sợ, nhưng sắm cho ra chiếc xe nữa, không phải là chuyện nói là làm được ngay. Ít nhất cũng phải mấy năm! Thành công xưa kia thế là đi đứt. Anh ta phải ra sức làm lại từ đầu! Anh ta khóc! Không những anh ta căm thù bọn lính kia, mà còn căm thù tất cả mọi cái trên đời. Vì lẽ gì

lại ức hiếp người ta đến nông nỗi này? Vì lẽ gì? Anh ta gào nên. “*Ừ, vì lẽ gì?*”

Gào lên như thế, tuy có hả được phần nào, nhưng anh ta liền nghĩ đến nguy hiểm. Thôi thì đành mặc kệ những cái khác đấy, hãy thoát lấy thân đã!

Anh ta đang ở đâu đây? Bản thân anh ta cũng chẳng trả lời cho đúng được. Mấy ngày nay, anh ta chạy theo bọn lính, mồ hôi chảy từ đầu đến gót chân. Khi đi thì phải khiêng phải kéo, hoặc đẩy các đồ vật của chúng nó; khi dừng lại thì phải gánh nước, nấu cơm, cho lừa ngựa ăn. Suốt ngày, từ sáng đến tối, anh ta phải dồn hết sức lực ra chân tay, còn bụng thì trống rỗng. Đêm đến, vừa đặt lưng xuống đất là ngủ thiếp đi như chết, và dù không bao giờ mở mắt ra nữa, cũng chưa chắc đã là chuyện không may.

Lúc đầu, anh ta nhớ tựa hồ bọn lính rút lui về phía núi Diệu Phong. Đến lớp núi sau, anh ta chỉ lo leo núi, và thấp thòm chưa biết lúc nào trượt chân ngã lăn xuống khe, xương thịt để cho diều tha qua mổ, nên chẳng còn để ý gì đến cái khác nữa. Loanh quanh trong núi bao nhiêu ngày, bỗng một hôm thấy đường núi thưa đi. Khi mặt trời xuống sau lưng anh ta, thì anh ta trông thấy đồng bằng ở đằng xa. Tiếng kèn cơm chiều gọi lính và phu quay về trại; có mấy tên vác ngang súng, dắt theo mấy con lạc đà.

Lạc đà! Lòng Tường rung động lên. Anh ta bỗng suy nghĩ được, y như người lạc đường tìm được dấu vết gì quen thuộc, trong phút chốc nhớ ra tất cả. Lạc đà không leo được núi, nhất định anh ta đã đến đồng bằng rồi. Theo chỗ anh ta biết, thì cả vùng Tây Bắc Bình, như Bát Lý Trang, Hoàng Thôn, Bắc Tân An, Ma Thạch Khẩu, Ngũ Lý Dồn, Tam Gia Điểm đều nuôi lạc đà. Chẳng lẽ quanh đi quẩn lại, lại về Ma Thạch Khẩu ư? Đó là chiến lược gì? – giá thử bọn lính chỉ biết chạy và ăn cướp kia cũng có chiến lược – thì Tường không biết, nhưng anh ta biết rõ ràng, nếu quả thật đây là Ma Thạch Khẩu thì bọn lính này tất không ra khỏi núi được, nên định xuống chân núi để tìm đường sống. Ma Thạch Khẩu là một địa điểm tốt, đi về phía Đông Bắc có thể đến Tây Sơn; đi về phía Nam có thể đến Trường Tân Điểm hoặc Phong Đài; ra khỏi cửa khẩu đi thẳng về phía Tây, cũng là một lối thoát. Anh ta tính toán hộ cho chúng nó như thế, và trong bụng cũng tự vạch ra cho mình một con đường: đã đến lúc bỏ trốn rồi đây. Vạn nhất chúng nó lại quay về vùng núi non quanh co kia thì dù có thoát khỏi tay chúng nó cũng không khỏi chết đói. Muốn trốn, phải nhân cơ hội này. Anh ta tin rằng, từ đây mà chạy thì một bước có thể chạy về Hải Điện! Tuy khoảng giữa còn bao nhiêu đường đất, nhưng anh ta đã thông thuộc cả. Nhắm mắt lại, anh ta liền có cả một bản đồ: đây là Ma Thạch Khẩu, trời ơi, nhất định đây phải là Ma Thạch Khẩu rồi! Anh ta sẽ rẽ lên phía Đông Bắc, qua núi Kim

Đình, lãng Lê vương, thế là đến Bát Đại Xứ; từ Tú Bình Đài chạy thẳng về phía Đông qua Hạnh Tử Khẩu, liền đến Nam Tân Trang. Để khỏi lộ, tốt nhất cứ men theo núi từ Bắc Tân Trang đi thẳng lên phía Bắc, qua Ngụy Gia Thôn, lại lên phía Bắc, qua bãi Nam Hà; cứ đi mãi lên phía Bắc, đến Hồng Sơn Đầu, phủ Kiệt Vương, Tĩnh Nghi Viên rồi! Đến được Tĩnh Nghi Viên thì nhắm mắt cũng có thể lần về được Hải Điện! Tim anh ta như muốn nhảy khỏi lồng ngực! Mấy hôm nay, máu trong người dường như ra cả tứ chi, lúc này dường như lại dồn cả về tim, tim nóng bỏng mà tứ chi lại lạnh đi; lòng hy vọng làm anh ta run lên.

Cho mãi đến tận nửa đêm, anh ta vẫn không sao nhắm mắt được. Hy vọng làm anh ta vui sướng, lo sợ làm anh ta kinh hoàng. Anh ta muốn ngủ nhưng không ngủ được. Trên nệm cỏ khô, tay chân anh ta như rã rời. Không một tiếng động, chỉ còn sao trên trời nhấp nháy theo nhịp đập của trái tim. Lạc đà bỗng kêu lên mấy tiếng buồn bã, cách anh ta không xa. Anh ta thích tiếng kêu đó, như giữa ban đêm bỗng nghe tiếng gà gáy khiến người ta vừa buồn vừa vui.

Phía xa có tiếng đại bác, xa lắm, nhưng rõ ràng là tiếng đại bác. Anh ta không dám động dậy. Nhưng tức thì trại lính bỗng nhốn nháo lên. Anh ta nín thở, thời cơ đã đến! Anh ta biết chắc, bọn lính lại phải rút lui, và nhất định sẽ đi vào núi. Kinh nghiệm mấy ngày qua cho anh ta biết, phương pháp tác chiến của bọn lính

này chẳng khác gì ong mắc kẹt trong nhà, bọ dâu dâm dẫu vào đó. Có tiếng đại bác, nhất định bọn chúng lại bỏ chạy. Vậy thì, phải cẩn thận một tí mới được. Anh ta nín thở, bò chầm chậm, tìm mấy con lạc đà kia. Anh ta biết lạc đà cũng chẳng giúp gì cho anh ta đâu, nhưng anh ta với chúng cùng bị cầm tù, thì dường như cũng nên thương nhau mới phải. Trại lính lại càng nhốn nháo. Anh ta đã đến gần mấy con lạc đà kia rồi – trông giống như mấy cái gò đất nhô lên trong đêm tối. Ngoài tiếng thở phì phò, không có động tĩnh gì, dường như thiên hạ thái bình lắm. Điều đó khiến anh ta bạo dạn lên. Anh ta nằm phục xuống bên cạnh lạc đà, y như lính nằm phục sau những bao tải đựng cát. Anh ta vụt nghĩ ra rằng: tiếng đại bác từ phía Nam vọng tới, dù không phải thực tâm muốn choảng nhau, ít nhất cũng cảnh cáo cho biết: *“Đường này không đi được!”*. Thế thì, bọn lính này nhất định phải rúc vào núi. Nếu phải leo núi thật, chúng không thể dắt lạc đà theo. Như vậy, số phận mấy con lạc đà này cũng chính là số phận anh ta. Nếu chúng không bỏ mấy con vật này lại, thế là anh ta hỏng việc. Chúng quên đi thế là anh ta thoát. Anh ta áp tai sát đất, lắng nghe có tiếng chân hay không, trống ngực đập liên hồi.

Chẳng hiểu anh ta chờ bao lâu, rút cục không có tên lính nào đến dắt lạc đà đi cả. Anh ta mạnh dạn ngồi dậy, nhìn qua khe trống giữa hai cái bấu lạc đà, chẳng thấy gì hết, xung quanh tối mò! Chuẩn thôi! Chuẩn! Muốn ra sao thì ra!

3

Tã chạy được hai ba chục bước rồi, Tường lại không muốn chạy nữa. Anh ta tiếc mấy con lạc đà kia. Gia tài của anh ta trên thế gian này hiện nay chỉ còn cái thân xác mà thôi. Dù chỉ là một đoạn thừng, anh ta cũng vui lòng nhặt lấy, không dùng được việc gì, thì cũng có thể an ủi cho anh ta phần nào, ít nhất trong tay cũng còn có được một đoạn thừng, không đến nỗi hoàn toàn tay trắng. Đánh rằng phải chạy trốn, nhưng trần như nhộng, thì trốn làm gì? Anh ta nhất định phải kéo theo mấy con lạc đà kia. Tuy chưa nghĩ ra lạc đà sẽ được việc gì, nhưng dù sao cũng gọi là có, và cũng không phải là nhỏ mọn.

Anh ta lúi lạc đà đứng lên. Anh ta không thạo cách điều khiển chúng, nhưng anh ta không sợ, vì vốn người thôn quê nên anh ta dám đến gần các loại súc vật. Mấy con lạc đà chậm rãi đứng lên. Anh ta cũng chẳng nghĩ đến chuyện xem chúng nó có bị buộc lại với nhau hay không. Thấy dắt được, thế là anh ta liền rảo bước, không biết dắt một con hay cả bầy.

Vừa bước anh ta đã hồi ngay, lạc đà phía trong cửa ải thường quen chỗ nặng nên đi chậm. Không những chậm mà còn thận trọng dò từng bước một. Lạc đà sợ trơn, một vùng nước, một vùng bùn, đều có thể làm chúng nó gây chân hoặc trật bánh chè. Giá trị của lạc đà là ở bốn cái chân; chân gây thì hỏng hết! Mà Tường lại muốn thoát thân!

Nhưng anh ta không muốn bỏ chúng lại. Thôi thì muôn sự nhờ trời, mấy con lạc đà kia không mất tiền mua lẽ nào lại bỏ!

Vì kéo xe quen, Tường phân biệt phương hướng khá lắm. Tuy vậy, lòng anh lúc này hơi bối rối. Khi tìm được lạc đà, tâm trí anh ta hầu như để cả vào chúng nó; đến khi lòi được chúng nó đứng lên, thì anh ta không còn biết đâu vào đâu nữa. Trời thì tối đen, bụng thì lo cuống cuống, dù có biết nhìn sao để tìm hướng, anh ta cũng chẳng thể ung dung mà nhìn. Theo con mắt anh ta, thì sao đường như còn luống cuống hơn cả anh ta nữa kia, cứ ngói nọ va vào ngói kia, ngói kia va vào ngói nọ, rồi lên giữa bầu trời đen kịt. Tường không dám nhìn lên cứ cúi đầu tiến về phía trước, lòng lo sợ mà chân lại không dám bước nhanh. Anh ta nghĩ thế này: đã dắt lạc đà thì phải đi theo đường lớn, không thể cứ men theo sườn núi được. Từ Ma Thạch Khẩu – nếu như đây là Ma Thạch Khẩu – đến Hoàng Thôn là đường thẳng. Đó là đường cái cho lạc đà, và lại không phải đi vòng quanh. Đối với một anh phu xe, “đường

không vòng quanh” có một giá trị rất lớn. Có điều, trên con đường này không có chỗ nào khuất cả. Nhờ lại gặp lính thì sao? Dù không gặp đại binh, thì bộ quần áo lính rách mướp trên người, bùn đất trên mặt, với cái bộ tóc lù xù kia, liệu có thể làm cho người ta tin mình dong lạc đà được không? Không giống! Hoàn toàn không giống một anh dong lạc đà, nhưng lại rất giống một tên lính đào ngũ! Lính đào ngũ, quan trên tóm được là chuyện vặt thôi, nhưng dân làng tóm được, ít nhất cũng bị chôn sống! Nghĩ tới đó, anh ta run lên. Phía sau lưng, móng lạc đà khê gõ xuống mặt đường bồng làm anh ta giật mình hoảng sợ. Muốn chạy thoát lấy thân thì phải quẳng mảy của nợ này lại, nhưng rút cục tay anh ta vẫn không chịu rời sợi thừng xỏ mũi lạc đà. Thôi thì cứ đi vậy, đến đâu hay đấy, gặp gì sẽ liệu sau. Sống thì thế là vợ được mấy con lạc đà! Chết thì đành với số phận!

Anh ta cởi chiếc áo lính, xé phút cái cổ đi. Cả đôi khuy đồng còn chắc kia cũng dứt ra, quẳng vào bóng tối, chẳng nghe lấy một tiếng động. Sau đó, anh ta vắt chiếc áo không cổ không khuy đó lên người, hai ống tay buộc lại trước ngực, trông y như người đeo ba-lô. Anh ta cho như vậy sẽ làm người ta đỡ nghi là lính bại trận. Quần cũng xắn cao lên. Anh ta biết như thế chưa phải hoàn toàn giống người dong lạc đà, nhưng ít nhất cũng không phải hoàn toàn giống lính đào ngũ. Lại thêm bùn đầy mặt, mồ hôi đầy áo, đại khái cũng gần giống: *“anh bán than”*. Anh ta suy nghĩ

rất chậm, nhưng rất chu đáo, và nghĩ ra được thì liền làm ngay. Đêm khuya tối tăm, chẳng ai thấy anh ta: anh ta vốn không phải làm như vậy ngay, nhưng anh ta không thể chờ đợi được. Anh ta không biết giờ giấc, có thể bỗng chốc trời sáng rõ. Đã không men theo đường núi thì ban ngày sẽ chẳng có chỗ nào mà ẩn nấp. Nếu ban ngày ban mặt mà cứ phải đi thì nên làm cho người ta tin mình là người bán than. Nghĩ thế, anh ta liền làm thế. Anh ta hơi mừng thầm trong bụng, dường như nguy hiểm đã qua, mà trước mắt là Bắc Bình rồi. Anh ta cần phải đi thật nhanh và yên ổn đến thành phố, bởi vì trong người không có lấy một đồng xu, không có lấy ít lương khô, chần chừ sao được. Nghĩ đến đó, anh ta định cười lên lạc đà cho đỡ mệt, như thế có thể chịu đói lâu hơn. Nhưng rồi lại không dám cười, dù cho có dễ cười, trước hết cũng bảo nó quỳ xuống mới trèo lên được. Thì giờ quý báu, không thể vẽ chuyện thêm phiền. Huống hồ, ngồi trên cao thì lại không trông rõ phía dưới chân, nếu lạc đà trượt ngã thì anh ta cũng lăn theo nốt. Không, cứ thế này thôi!

Đại khái anh ta cảm thấy đang đi theo đường cái. Đi về hướng nào, qua những chỗ nào, đều mù tịt. Đêm đã khuya. Mấy ngày nay mệt nhọc, khi bỏ trốn lại sợ hãi, cả tâm thần lẫn thể xác anh ta đều cảm thấy khó chịu. Đi được một thôi đường, bước chân cứ chậm chậm đều đều. Dần dần anh ta thấy buồn ngủ. Trời vẫn tối đen. Sương xuống lạnh và ẩm. Anh ta cứ thấy

mơ mơ màng màng. Căng mắt ra mà nhìn mặt đường, thấy dường như chỗ nào cũng gồ ghề mấp mô, nhưng đặt chân xuống thì lại thấy bằng phẳng. Cẩn thận thế mà lại bị đánh lừa, anh ta càng không yên lòng, hầu như có phần bực bội. Dứt khoát không nhìn đường nữa, mà cứ nhìn thẳng, lấy chân dò mà đi cũng được. Xung quanh, chẳng trông thấy gì cả, dường như bóng tối của cả thế gian đang chờ đón anh ta, anh ta từ bóng tối đi ra, rồi lại trở vào trong bóng tối. Phía sau là mấy con lạc đà câm lặng như hén.

Dần dần anh ta đã quen với bóng tối, trong lòng cũng đã yên tĩnh, và mắt thì cứ díp lại. Chẳng hiểu là đang bước hay đã đứng dừng lại rồi, anh ta cứ thấy chập chờn, y như mặt bể đen ngòm đang nhấp nhô gợn sóng. Tâm thần anh ta cùng với bóng đen hòa thành một khối, cùng mơ mơ màng màng, cùng chập chà chập chờn, cùng bồn chồn hốt hoảng. Bỗng anh ta sực tỉnh, dường như nhớ ra chuyện gì, mà cũng dường như có nghe thấy tiếng động gì đó, không nói rõ ra được, và anh ta lại căng mắt ra. Rõ ràng anh ta vẫn đang bước. Anh ta quên mất lúc này vừa nghĩ tới cái gì. Xung quanh vẫn yên lặng như tờ. Trống ngực đổ dồn một hồi, dần dần lặng xuống. Anh ta tự nhủ không nên nhắm mắt lại nữa, và cũng đừng nên nghĩ vớ vẩn, việc quan trọng nhất là vào được thành phố. Nhưng óc không nghĩ ngợi gì thì mắt dễ díp lại. Anh ta cần phải nghĩ đến một chuyện gì đó, để tỉnh ngủ. Anh ta biết rằng, nếu nằm lăn ra đây, thì có thể đánh

một giấc ba ngày liền. Nghĩ gì bây giờ nhỉ? Đầu óc anh ta hơi choáng váng, người nhom nhóp khó chịu, tóc ngứa ngáy, chân đau, miệng khô. Anh ta không nghĩ được gì khác, chỉ thương cho thân mình. Nhưng ngay đến chuyện của bản thân anh ta, anh ta cũng không thể suy nghĩ cho kỹ càng. Đầu óc anh ta choáng váng và trống rỗng, dường như vừa nghĩ tới mình, thì lại quên ngay mình, y như cây nến sắp tắt, không chiếu sáng được bản thân nó. Lại thên bốn xung quanh tối mò mò, khiến anh ta cảm thấy như anh ta đang vật vờ trong một bầu không khí đen ngòm, tuy biết mình vẫn còn sống, vẫn còn bước tới, nhưng không có cái gì chứng tỏ rằng mình vẫn đang đi, y như người trôi nổi một mình giữa biển khơi, không dám tin ở mình. Anh ta chưa từng lo buồn, nghi ngờ và cô quạnh đến như thế này bao giờ. Thường ngày, anh ta không thích đàn dúm bạn bè, nhưng một mình đứng dưới ánh nắng mặt trời, được mặt trời chiếu rọi khắp tứ chi, nhìn thấy vật này vật kia hiện ra trước mắt, anh ta cũng không đến nỗi sợ hãi. Bây giờ đây, tuy anh ta chưa cảm thấy sợ, nhưng cái cảm giác không xác định được gì cả khiến anh ta không thể chịu được. Giá thử mấy con lạc đà kia cũng lầu lỉnh như lừa ngựa thì có lẽ anh ta phải tập trung tinh thần mà chú ý tới chúng nó. Nhưng lạc đà thì lại hiền lành như thế kia, lành đến nỗi khiến anh ta phải sốt ruột. Trong lúc tâm thần hốt hoảng, anh ta bỗng dâm ra nghi ngờ không hiểu chúng nó còn ở

phía sau mình nữa hay không. Anh ta giật mình đánh thót một cái. Dường như anh ta tin rằng mấy con vật to lớn đó có thể nhẹ nhàng lên vào đường rẽ nào đó tối mò mò, mà anh ta không biết gì hết, y như người lôi một tảng nước đá, dần dần tan biến đi đâu mất cả.

Chẳng hiểu anh ta ngồi xuống lúc nào. Dù cho lúc đó anh ta có chết đi vẫn còn tri giác, anh ta cũng không thể biết được mình đã ngồi xuống như thế nào, và vì sao lại ngồi xuống. Ngồi độ năm phút, cũng có thể là một tiếng đồng hồ, anh ta chẳng biết nữa. Anh ta cũng không biết mình ngồi xuống rồi mới ngủ hay là ngủ rồi mới ngồi. Có lẽ anh ta ngủ rồi mới ngồi, bởi vì anh ta đã mệt mỏi đến mức có thể đứng mà ngủ thiếp đi được.

Anh ta bỗng sực tỉnh. Không phải ngủ no mắt rồi tự nhiên tỉnh dậy, mà là giật mình tỉnh dậy, y như từ thế giới này nhảy sang thế giới khác, chỉ trong chớp mắt.

Anh ta thấy vẫn tối om, nhưng đã nghe rất rõ có tiếng gà gáy, rõ lắm như có một vật gì cứng vạch vào óc. Anh ta tỉnh hẳn. Lạc đà đâu rồi? Anh ta chẳng còn nghĩ đến chuyện gì khác nữa. Dây thừng vẫn trong tay, lạc đà vẫn ở cạnh anh ta, thế là anh ta yên tâm. Anh ta không buồn đứng dậy. Người mới nhừ, nhưng cũng không dám ngủ nữa. Anh ta cần phải suy tính, suy tính cho kỹ càng, tìm ra một cách gì đó thật hay. Giữa lúc đó anh ta nghĩ đến cái xe của anh ta, và anh ta kêu lên: *"Trông mong vào đâu bây giờ?"*

“*Trông mong vào đâu bây giờ?*” – Kêu sưng như thế chẳng ăn thua gì! Anh ta đi lại, sờ vào mấy con lạc đà kia, cho đến bây giờ, anh ta vẫn chưa biết anh ta lòi đi được mấy con. Sờ ra rồi, tất cả là ba con. Anh ta chẳng biết như thế nhiều quá hay là ít quá. Ý nghĩ của anh ta tập trung vào ba con lạc đà đó, tuy chưa dứt khoát là sẽ làm ăn ra sao, nhưng anh ta lờ mờ cảm thấy rằng, tương lai của anh ta trông chờ vào cả ba con vật này.

“*Sao không đem bán quách đi, mua một cái xe khác?*”. Anh ta như muốn nhảy lên! Nhưng anh ta vẫn không nhúc nhích, tưởng như có vẻ xấu hổ vì từ này không sao nghĩ ra được con đường thoát hết sức dễ dàng, hết sức tiện lợi đó. Nỗi vui mừng át sự xấu hổ. Chí anh ta đã quyết. Vừa rồi chẳng phải nghe thấy tiếng gà gáy đó sao. Dù gà có khi một hai giờ đêm đã gáy, nhưng như vậy cũng chẳng mấy chốc nữa mà trời sáng. Đã có gà gáy tức là có xóm làng. Chưa biết chừng, đó là Bắc Tân An cũng nên. Ở đó có nuôi lạc đà, anh ta phải đến đó cho mau, vào lúc trời vừa sáng, bán được mấy con lạc đà đi là có thể vào thành phố mua luôn một chiếc xe. Loạn lạc thế này, xe tất phải rẻ. Anh ta chỉ nghĩ đến chuyện mua xe, dường như bán lạc đà là chuyện chẳng khó khăn chút nào cả.

Nghĩ đến mối quan hệ giữa lạc đà và mấy chiếc xe tay, anh ta thấy phấn chấn lên, khắp người dường như chả có chỗ nào đau đớn khó chịu cả. Giá thử anh

ta nghĩ đem bán ba con lạc đà đó, có thể mua được một trăm mẫu ruộng, hoặc có thể mua được mấy hạt trân châu, thì anh ta cũng chẳng sướng đến thế. Anh ta đứng phắt dậy, kéo lạc đà đi. Anh ta không hiểu hiện nay giá lạc đà thế nào, chỉ nghe nói ngày xưa, cái thời chưa có xe lửa, một con lạc đà giá những năm mươi lượng bạc, bởi vì lạc đà khỏe, mà ăn lại đỡ tốn hơn lừa ngựa. Anh ta không mong bán được một trăm rưỡi lượng, chỉ mong được tám chín chục một trăm, vừa đủ mua chiếc xe thôi.

Càng đi trời càng sáng. Phải, ánh sáng ở phía trước, đúng là anh ta đang đi về hướng Đông. Dù nhầm đường, nhưng hướng thì không nhầm. Núi ở phía Tây, thành phố ở phía Đông, anh ta biết rõ lắm. Bốn xung quanh, từ một vùng tối mờ mờ, dần dần đã thấy có chỗ tối chỗ sáng; tuy chưa phân biệt được màu sắc, nhưng đã thấy hình thù ruộng đồng cây cối phía xa chìm trong màu xám mênh mông. Sao thưa dần, trời phủ một lớp mây, mà lại cũng giống như một lớp sương, trông còn mờ mờ, nhưng so với lúc nãy thì cao hơn nhiều rồi. Hình như anh chàng Tường đã dám ngẩng đầu lên. Anh ta đã bắt đầu ngửi thấy mùi cỏ hai bên đường, và cũng đã nghe thấy mấy tiếng chim hót. Vì đã nhìn thấy hình bóng lơ mờ của các vật thể, tai mất mồm mũi của anh ta dường như đều đã khôi phục được tác dụng vốn có của nó. Anh ta cũng đã thấy được mọi cái ở trên người anh ta, tuy rách rưới lòi thối, nhưng vẫn có thể tin được rằng quả thực mình vẫn còn sống,

y như sau con ác mộng, chợt tỉnh dậy, cảm thấy cuộc sống thật đáng quý. Nhìn người mình rồi, anh ta lại quay đầu nhìn mấy con lạc đà. Anh ta thấy chúng nó cũng lồi thối lếch thếch như anh ta, nhưng cũng đáng yêu như anh ta. Bây giờ là lúc súc vật rụng lông, trên mình lạc đà cũng đã lòi ra những đám da màu nâu nâu, rải rác mới có vài túm lông dài lơ thơ, mềm nhũn, chưa biết rụng lúc nào. Trông chúng nó giống như mấy tên ăn mày khổng lồ trong loài thú. Đáng thương nhất là cái cổ dài và trụi kia, dài ngoằng, trơ trụi, cong cong, dãn dãn, vươn mãi ra phía trước, y như những con rồng gầy gò bất đắc chí. Nhưng Tường không hề ghét bỏ chúng nó. Mặc dù chúng nó nhếch nhác thế nào chẳng nữa, thì chúng nó vẫn là những con vật sống. Anh ta tự cho mình là người may mắn nhất trên đời, trời cho anh ta ba con vật quý báu đủ để đổi lấy một chiếc xe, đó chẳng phải là việc ngày nào cũng gặp. Anh ta không nhận được, bật cười lên.

Nền trời xám đã thấy hơi hồng. Ruộng đồng và cây cối ở phía xa sẫm lại. Màu hồng dần dần hòa lẫn với màu xám, chỗ tím, chỗ đỏ tươi, nhưng phần lớn nền trời vẫn màu xám. Lại một lát nữa, trong màu hồng có thêm màu vàng thắm, màu nào cũng sáng. Tất cả mọi vật bỗng đều trở nên rõ nét. Sau đó, ráng ở phương Đông biến thành đỏ thẫm, và trên đỉnh đầu, nền trời trở sang màu xanh lam. Ráng đỏ tan dần, ánh vàng phát ra từng luồng, ngang là ráng, dọc là ánh sáng, dệt thành một tấm lưới nhện rực rỡ

khổng lồ ở góc trời phía Đông Nam. Ruộng lúa, cây cỏ từ màu xanh tối trở sang màu xanh biếc, lóng lánh. Cành thông già lấp lánh ánh vàng, cánh chim bay lấp lánh ánh vàng, mọi vật đều tươi cười hơn hở. Nhìn làn ánh sáng thấm tươi đó, Tường muốn reo lên. Từ khi bị lính bắt đi, hầu như anh ta không hề được nhìn thấy bầu trời, bụng thì cứ nguyên rửa, đầu thì cứ cúi gằm xuống, quên cả ngày tháng, quên cả ông Trời. Bây giờ đây, anh ta tự do đi trên đường, càng đi càng thấy sáng. Ánh sáng chiếu sáng những hạt sương trên cỏ, chiếu sáng cả tóc tai anh ta, sưởi ấm lòng anh ta. Anh ta quên đi mọi nỗi khổ sở, hiểm nghèo, đau đớn; mặc cho thân hình anh ta lam lũ bẩn thỉu đến thế nào, ánh sáng và hơi ấm của mặt trời vẫn không từ bỏ anh ta. Anh ta đang sống trong một vũ trụ có ánh sáng và hơi ấm. Anh ta sung sướng muốn reo lên!

Nhìn bộ quần áo rách rưới trên người, lại nhìn ba con lạc đà trụi lông đứng phía sau, anh ta cười. Anh ta nghĩ bốn mạng, người và vật, nhếch nhác thế kia mà lại có thể vượt khỏi vòng nguy hiểm, có thể dẫn bước trên đường dưới ánh mặt trời thì lạ thật. Anh ta cho rằng chẳng cần nghĩ ai phải trái, tất cả đều là ý Trời. Anh ta yên trí bước thong thả, đã có Trời phụ hộ cho thì chẳng lo sợ gì nữa. Đi đến đâu rồi? Anh ta không muốn hỏi, mặc dù đã thấy có đàn ông và đàn bà ra đồng làm. Cứ đi, lạc đà không bán được ngay hình như cũng chẳng có gì quan trọng lắm. Hãy vào thành đã rồi sẽ tính. Anh ta khao khát được thấy

thành phố. Tuy ở đó anh ta không có bố mẹ thân thích, cũng chẳng có gia tài sản nghiệp, nhưng rút cục nơi đó vẫn là nhà anh ta. Cả thành phố đó là nhà anh ta, về đến đó là anh ta có thể xoay xở được. Phía xa có một xóm, không phải là xóm nhỏ, rộng liêu ngoài trông giống như một hàng vệ binh, xanh mà cao, cúi đầu nhìn những gian nhà thấp bé. Trên nóc vờn bay vài làn khói. Tiếng chó sủa xa xa vắng tới, nghe rất vui tai. Anh ta chạy thẳng tới, chẳng phải nghĩ là sẽ gặp chuyện gì hay ở đó, mà dường như chỉ để tỏ ra anh ta chẳng sợ gì cả. Anh ta là người tốt, lẽ dĩ nhiên chẳng sợ những người dân lành trong thôn xóm. Lúc này đây, ai nấy đều đang sống dưới ánh nắng xán lạn và hòa bình. Nếu có thể được, anh ta sẽ xin một hớp nước; dù không xin được cũng chẳng sao. Anh ta đã không chết rấp ở trong núi thì bây giờ khát thêm chút nữa, có đáng kể vào đâu?

Bầy chó châu cả về phía anh ta mà sủa, anh ta không để ý; đàn bà trẻ con chăm chú nhìn anh ta, khiến anh ta đâm ra mất tự nhiên. Anh ta nghĩ, chắc mình phải là một người chần dốt lạc đà kỳ quặc lắm, nếu không, mọi người lại ngẩn ra mà nhìn thế kia? Anh ta buồn lắm, lính tráng không coi anh ta là người, nay đến xóm làng, mọi người nhìn anh ta như nhìn một con quái vật! Anh ta chẳng biết xử trí ra sao. Vóc người anh ta, sức lực anh ta, xưa nay vẫn khiến anh ta kiêu hãnh và tự hào, nhưng những ngày vừa qua, vô duyên vô cớ mà anh ta phải chịu bao

hiều nổi uất ức khôn khổ. Nhìn lên một nóc nhà, anh ta lại thấy ánh nắng xán lạn, nhưng ánh nắng hầu như không còn đẹp như lúc này.

Trên con đường độc đạo trong xóm, phân lợn, phân ngựa và nước bẩn đọng lại thành từng vũng, mùi hôi thối bốc lên. Sợ lạc đà trượt ngã, Tường muốn dừng nghỉ một lát. Phía bắc đường có một nhà khá giả, đằng sau là nhà ngói, cổng chỉ chắn bằng một hàng rào gỗ, không có cánh, mà cũng chẳng xây nóc. Tường thoáng nghĩ, nhà ngói, tất là nhà giàu; cổng không xây nóc, lại chỉ chắn bằng hàng rào, tất là nhà nuôi lạc đà! Hay lắm, nghỉ lại đây một lát, may ra có cơ bán được lạc đà đấy!

“Sơ... sơ... sơ”....

Tường bảo lạc đà quỳ xuống, về các tiếng điều khiển lạc đà, anh ta chỉ biết mấy tiếng “sơ!” “sơ!” là bảo quỳ xuống. Anh ta dùng mấy tiếng đó một cách rất đặc ý, cốt tỏ cho người trong thôn biết anh ta cũng là một tay nhà nghề. Mấy con lạc đà quỳ xuống thật, và anh ta cũng đang hoàng ngồi xuống dưới một cây liễu nhỏ. Mọi người nhìn anh ta, và anh ta cũng nhìn mọi người. Anh ta cho rằng, chỉ như vậy mới có thể làm cho người trong thôn bớt ngờ vực.

Ngồi một lát, thấy phía trong sân có một ông già đi ra, áo khoác vải xanh không gài cúc, mặt sáng sủa, trông biết ngay là một tay nhà giàu xứ quê. Tường đã nghĩ dứt khoát rồi, anh ta nói:

– Thưa cụ, có nước, xin cụ một bát!

– À!

Ông già xoa hai tay lấm vào ngực, nhìn Tường từ đầu đến chân rồi nhìn kỹ ba con lạc đà.

– Có đấy! Ở đâu đến thế?

– Ở phía tây kia, cụ ạ.

Tường không dám nói rõ, vì anh ta không biết đích xác.

– Bên phía tây có lính về kia mà!

Ông già nhìn chăm chăm vào cái quần lính của Tường.

– Cháu bị bọn chúng nó bắt, vừa trốn được ra đây!

– Thế à! Lạc đà dắt qua cửa tây không can gì cả à?

– Bọn chúng nó rúc vào núi cả rồi, đường sá lại yên rồi, cụ ạ.

Ông già chậm rãi gật đầu:

– Ồ, anh chờ tí nhé, tôi vào lấy nước cho.

Tường cùng theo vào. Đến sân, anh ta trông thấy bốn con lạc đà.

– Hừ! Thành một đàn à? Ba mươi năm về trước, tôi đã từng có tới ba đàn kia! Bây giờ thời thế thay đổi rồi, ai nuôi nổi lạc đà được nữa!

Ông lão đứng thờ người ngắm bốn con vật kia, một lát, nói tiếp:

– Mấy hôm trước định cho chúng nó nhập bọn với mấy con của nhà bên hàng xóm đưa ra ngoài cửa khẩu để cho ăn cỏ non, nhưng phía đông có lính, phía tây cũng có lính, ai còn dám đi! Ngày hè thế này mà cứ để ở nhà, thật trông thấy mà xót ruột quá đi mất. Xem mấy con ruồi nhặng kia! Mai kia nóng nực lên, lại còn muỗi nữa chứ, thật là cứ giương mắt lên mà nhìn những con vật khỏe mạnh thế kia phải chịu tội sống.

Ông già gật gù có vẻ cảm khái và buồn bực lắm.

– Cụ ạ, cụ lấy nốt ba con kia của cháu, nhập thành một đàn, cho nó đi ăn cỏ non cả thể. Loại vật này thích chạy nhảy, cả mùa hè để ở đây, ruồi muỗi đốt cũng đến chết dở.

Tường nói như van nài.

– Nhưng ai có tiền mà mua? Bây giờ đâu phải là lúc nuôi lạc đà!

– Cụ cứ lấy đi cụ ạ, cụ cho bao nhiêu cũng được. Bán rồi, cháu sẽ lên phố làm ăn.

Ông già lại chăm chú nhìn Tường một lượt nữa, thấy anh ta quả thật không phải trộm cướp, rồi quay lại nhìn mấy con vật đứng ngoài cửa, trong bụng có vẻ thích ba con lạc đà này lắm. Biết mua cũng chẳng ích gì, nhưng người thích sách thấy sách là muốn

mua, người nuôi ngựa thấy ngựa là không rời ra nữa, người từng có ba đàn lạc đà cũng vậy thôi. Huống chi Tường lại nói là có thể bán rẻ. Người biết của thấy giá hời, thường quên không nghĩ mua về có ích gì không.

Ông già nói thực tình:

- Này anh này! Giá mà tôi có tiền thì tôi mua ngay đấy!

- Thôi cụ mua quách đi, gì mà không mua được!

Tường thành khẩn như thế, khiến ông già dăm khó xử.

- Nói thực tình, ba chục năm về trước thì mấy con này giá tới trăm rưỡi lạng; nhưng thời buổi này, loạn lạc, tôi... hay anh đến chỗ khác dạm xem sao!

- Cụ cho bao nhiêu cũng được thôi mà!

Tường không nghĩ ra được câu nào khác nữa. Anh ta biết ông cụ nói rất thực tình, nhưng anh ta không muốn chạy khắp nơi để hỏi bán - bán không được, có khi xảy ra chuyện gì lời thôi cũng nên.

- Đấy anh xem, hai ba chục đồng bạc, không nở mở miệng mà trả, nhưng xoay sở thêm cũng khó khăn lắm! Thời buổi này đành chịu!

Tường trong bụng hơi nản. Hai ba chục bạc? Còn lâu mới mua được xe! Nhưng một là, anh ta muốn bán

ngay đi cho rồi, hai là, anh ta cũng không tin lại có thể may mắn gặp một người khách mua nữa.

– Cụ ạ, cụ cho bao nhiêu được bấy nhiêu.

– Thế nào? Xem anh không phải chuyên làm cái nghề này!

Tường liền nói thực.

– Ờ, thế ra anh đổi mạng lấy mấy con lạc đà này đấy ư?

Ông già có vẻ thương hại anh ta, mà cũng chẳng có vẻ yên tâm biết không phải của ăn cắp. Kể thì cũng chẳng khác gì của ăn cắp mấy, nhưng dù sao cũng còn có bọn lính nữa cơ mà. Sau cơn binh hỏa, chuyện gì cũng không thể cứ theo lẽ thường được.

– Thế này nhé! Tôi đưa anh ba mươi lăm đồng. Tôi nói đây không phải là giá hời thì tôi cứ là con chó, mà tôi đào đâu ra thêm được một đồng nữa thì tôi cũng là con chó! Tôi hơn sáu mươi tuổi đầu rồi, ờ, biết nói thế nào đây...

Tường dậm ra lúng túng. Về chuyện tiền nong, anh ta xưa nay vốn riết róng lắm. Nhưng mấy ngày vừa qua sống với bọn lính tráng, nay bỗng được nghe mấy lời thành thật và có tình của ông lão, anh ta thấy không tiện cò kè nữa. Hướng chi, cầm chắc ba mươi lăm đồng trong tay còn vững hơn và hy vọng sẽ có hàng vạn đồng, mặc dù đổi mạng lấy ba mươi lăm

đồng thì ít thật! Riêng chỉ nói ba con lạc đà to tướng còn sống kia cũng đã không thể, tuyệt đối không thể, chỉ đáng giá có ba mươi lăm đồng! Nhưng biết làm thế nào?

– Vâng, để cho cụ đấy! Cháu xin cụ một điều, cụ cho cháu một cái áo, và có gì ăn, cụ cho cháu xin một miếng.

– Cái đó thì được!

Tường uống một thôi nước lạnh, rồi cầm ba mươi lăm đồng bạc sáng loáng, hai ổ bánh, mặc cái áo cánh rách cài kín ngực. Anh ta chùng như muốn bước một bước lên tới phố.



4

Tường nằm lại ba ngày ở một cái quán nhỏ tại Hải Điện, lúc lên cơn nóng, lúc lên cơn rét, mê sảng, lợi rộp lên tím bầm lại, chỉ khát nước chứ không muốn ăn gì cả. Nhìn đời ba ngày, chân hỏa suy, người mềm nhũn như cái kẹo hồng. Có lẽ ba ngày đó, trong cơn mê, anh ta đã đem cái mối liên lạc giữa anh ta và ba con lạc đà nói ra để người ngoài nghe được, nên vừa tỉnh dậy anh ta đã trở thành *Tường “lạc đà”* rồi!

Từ ngày lên tỉnh, anh ta đã bị gọi là “*Tường*”, dường như anh ta không có họ⁷; nay, chữ “*Tường*” lại thêm hai chữ “*lạc đà*”, do đó mà càng không ai để ý xem anh ta họ gì. Có họ hay không có họ, anh ta cũng chẳng để ý. Có điều, ba con lạc đà bán được có mấy đồng bạc, mà lại rước thêm một cái tên hiệu, anh ta cảm thấy như thế là lỗ vốn.

Vừa gượng dậy được, anh ta đã định ra ngoài xem tình hình ra sao. Anh ta không ngờ chân mình lại yếu

⁷ Theo tập quán Trung Quốc, người ta thường gọi họ. Chỉ người nghèo hèn thì mới gọi tên không (ND).

đến thế, ra đến cửa đã phải ngồi thụp xuống đất, ngồi một hồi rõ lâu, xây xẩm cả mặt mũi, trán toát mồ hôi lạnh. Gắng gượng một lúc nữa, anh ta mở mắt ra, bụng sôi ùng ục, thấy hơi đói. Anh ta hết sức chậm rãi đứng lên, tìm một gánh “*vằn thắn*” bán rong, mua một bát. Anh ta vẫn ngồi ở dưới đất húp một ngụm nước dùng, thấy lợn giọng, ngậm mãi trong miệng, cố nhắm mắt nuốt, không muốn húp thêm nữa. Nhưng một lát sau, nước dùng nóng cứ thế là trôi tuồn tuột vào bụng, anh ta ợ hai cái rõ to. Anh ta biết mình sống lại rồi.

Bụng đã hơi no, anh ta mới ngắm thân mình. Người gầy xẹp đi, cái quần rách bẩn đến mức không thể nào bẩn hơn được nữa. Anh ta ngại cử động, nhưng lại muốn sạch sẽ gọn gàng ngay. Anh ta không muốn nhếch nhác bẩn thỉu như thế này mà vào phố. Có điều, muốn sạch sẽ gọn gàng thì phải mất tiền, phải húi tóc, thay quần áo, mua giày, bút tất, cái gì cũng tiền cả. Ba mươi lăm đồng nắm trong tay, không nên động đến một đồng nào, thế mà so với số tiền mua xe, cũng chưa thấm vào đâu! Nhưng anh ta thương cho cái thân anh ta. Tuy bị bọn lính bắt không bao lâu, nhưng bây giờ nghĩ lại, tất cả như trong một cơn ác mộng. Cơn ác mộng đó làm anh ta già hẳn đi, dường như bỗng chốc anh ta tăng lên hàng bao nhiêu tuổi. Nhìn chân tay to tướng của mình, anh ta biết rõ ràng là của mình, nhưng bỗng anh ta lại thấy như vớ được ở đâu ấy. Anh ta buồn lắm. Anh ta không dám nhớ lại những chuyện uất ức và nguy hiểm trước đây nữa. Tuy không nghĩ

đến, nhưng chúng vẫn cứ hiện lên, cũng giống như những ngày u ám, tuy không ngẩng đầu nhìn trời, nhưng cũng biết trời đầy mây đen. Anh ta thấy con người anh ta đáng quý hết sức, không nên kham khổ quá. Anh ta đứng lên, biết mình còn yếu lắm, nhưng nóng ruột muốn đi sắm sửa ngay, dường như chỉ cắt tóc, thay quần áo, thế là khỏe liền.

Sắm sửa xong, tất cả chỉ mất có hai đồng hai hào. Một bộ quần áo vải thô, khổ hẹp và thưa, giá một đồng, đôi giày vải xanh, giá tám hào, bút tất sợi, giá một hào rưỡi, và một cái mũ cội, giá hai hào rưỡi. Bộ quần áo cũ cởi ra, đổi được hai bao diêm.

Cầm hai bao diêm trong tay, anh ta theo con đường lớn, đi thẳng tới cửa Tây. Đi chưa được bao xa, đã thấy mệt mỏi rã rời. Nhưng anh ta nghiêng chặt răng lại. Anh ta không thể đi xe. Về mặt nào, đi xe cũng đều thấy không tiện cả: người nhà quê mà lại cho chín mười dặm đường là xa ư? Nói đùa đấy chứ! Dù có ngã nhào xuống đây, không bò dậy được nữa, anh ta cũng sẽ cứ nằm như thế mà lăn vào thành, chứ quyết không chịu thua! Anh ta nghĩ, hôm nay nếu không vào tỉnh được, thế là đi đời thằng Tường! Anh ta nghĩ như vậy. Anh ta chỉ tin vào sức vóc mình, mặc kệ mọi bệnh tật!

Anh ta loạng choạng rảo bước. Đi khỏi Hải Điện chưa xa, anh ta thấy mắt tóa đom đóm. Vịn vào cây liễu, anh ta định thần một hồi lâu. Trời đất quay cuồng

rồi dần dần cũng đứng yên. Trái tim anh ta dường như một nơi rất xa quay trở về lồng ngực. Lau mồ hôi trên trán, anh ta lại rảo bước. Đã cắt tóc rồi, đã thay quần áo mới, giày mới rồi, anh ta cho rằng đối với bản thân mình, như vậy là chu đáo lắm; vậy thì cặp giò phải làm tròn trách nhiệm của nó chứ! Đi nào! Anh ta đi thẳng một mạch tới cửa ô. Nhìn người ngựa đi lại rộn rịp, nghe những tiếng ồn ào inh ỏi, ngửi cái mùi hôi, khô ráo, dấm lên lớp bụi đường bắn thiu những mềm mịn, Tường tưởng chừng như muốn nằm bò xuống mà hôn mảnh đất màu xám hôi hám, mảnh đất nảy sinh ra tiền bạc kia! Không có cha mẹ anh em, không có nhà cửa họ hàng, người bạn duy nhất của anh ta chính là cái thành phố cổ xưa này. Thành phố này đã cung cấp cho anh ta đủ thứ, dù cho ở đây có đói cũng dễ chịu hơn ở nhà quê nhiều. Ở đây có cái mà nhìn, có cái mà nghe, khắp nơi là ánh sáng, màu sắc, khắp nơi là âm thanh. Chỉ cần mình dốc sức ra, ở đây chẳng thiếu gì tiền, ở đây có đủ mọi thứ tốt đẹp, ăn không hết, mặc không hết. Ở đây dù đi ăn xin cũng còn xin được cá thịt, ở nhà quê thì chỉ bánh đúc ngô là hết. Vừa đến phía tây cầu Cao Lượng, anh ta liền ngồi xuống cạnh bờ sông, mấy giọt nước mắt nóng hổi trào ra.

Mặt trời đã ngã về tây. Hàng liễu già bên bờ sông nghiêng ngả, ngọn cây nhuộm vàng. Sông không có mấy tí nước, nhưng đầy rong, trông giống như cái đai bóng loáng, hẹp mà dài, màu xanh sẫm, bốc lên một mùi tanh tanh ẩm ướt. Lúa mạch ở bờ bắc đã trở bông,

trông thấp bé và khô, lá phủ một lớp bụi. Trong hồ sen ở phía nam sông, lá sen xanh, bé tí, yếu ớt lênh bênh trên mặt nước, xung quanh thỉnh thoảng nổi lên một ít bong bóng nước lăn tăn. Trên cầu, về phía đông, người và xe cộ qua lại, dưới bóng chiều trông có vẻ vội vàng, dường như tất cả đều cảm thấy bồn chồn lo lắng trước bóng hoàng hôn đang lấn tới. Tất cả những cảnh mắt thấy tai nghe đó đối với Tường đều thú vị đáng yêu vô cùng. Dường như chỉ có con sông nhỏ như thế mới xứng đáng gọi là sông; chỉ có cây, lúa, sen, cầu như thế kia mới đáng gọi là cây, là lúa, là sen, là cầu, bởi vì chúng là của đất Bắc Bình.

Ngồi ở đây, anh ta không cần phải vội nữa. Mọi cái trước mắt đều quen thuộc, đáng yêu. Hình như dù cho ngồi đây mà chết lịm đi, anh ta cũng rất vui lòng. Nghĩ một lúc rõ lâu, anh ta đến đầu cầu ăn một bát canh đậu: dấm, xì dầu, tương ớt, hành thái nhỏ, canh đậu trắng xỏa, nóng sôi, bốc lên một mùi thơm ngào ngạt, thơm đến nỗi Tường phải nín thở. Anh ta bưng bát canh, nhìn những lát hành hoa xanh sẫm, tay cứ run run. Húp một miếng, đậu vào tới đầu, nóng ran tới đó. Anh ta lại múc thêm hai thìa nhỏ tương ớt nữa. Ăn hết một bát, mồ hôi vã ra ướt cả cặp quần. Anh ta nheo mắt lại, đưa bát:

- Cho bát nữa đây!

Anh ta đứng lên, thấy mình ra dáng con người lắm rồi. Mặt trời vẫn còn ở chỗ thấp nhất bên phía

Tây. Ráng chiều chiếu xuống mặt sông đỏ hồng. Anh ta vui vẻ muốn reo lên. Sờ vết sẹo nhai nhụi trên mặt, nắn số tiền trong túi áo, rồi lại nhìn ánh mặt trời còn rớt lại trên thành lầu, anh ta cố quên bệnh tật, quên đi tất cả, và như có chút mơ ước gì đó anh ta quyết định đi thẳng vào trong thành.

Đủ mọi thứ xe cộ, đủ mọi hạng người chen chúc nhau ở cổng thành. Chẳng ai dám đi nhanh, nhưng ai cũng muốn vượt lên trước, tiếng roi quất, tiếng hò hét, tiếng chửi rủa, tiếng còi, tiếng nhạc, tiếng cười đều bị cổng thành – giống như cái máy phóng thanh – làm vang lên oang oang, dường như ai nấy đều có nói cả, đều ồn ào cả. Tường chen chân bước, tay rẽ lối, y như con cá to mà gầy nhảnh, đang rờn sóng; anh ta len vào thành. Vừa nhìn thấy ngã tư phố Mới, đường xá rộng rãi, thẳng tắp, mắt anh ta sáng lên, sáng như thể luồng ánh sáng phản chiếu trên nóc nhà phía đằng đông kia. Đầu anh ta gật gù.

Chần chiu anh ta còn để cả đặng hăng xe Nhân Hòa đường cửa Tây An, tất nhiên anh ta muốn chạy thẳng tới đó. Vì chưa có vợ con, nên trước nay anh ta vẫn ở trong hăng xe Nhân Hòa, mặc dù không phải lúc nào cũng kéo xe cho hăng này. Lão Tư Lưu, chủ hăng, đã gần bảy mươi. Già nhưng vẫn láu cá. Thời còn trẻ, lão ta đã từng đăng lính gác kho, mở sòng bạc, buôn người, cho vay nợ lãi cắt cổ. Tư cách, tài năng cần thiết để làm những nghề ấy, sức mạnh,

mánh khỏe, thủ đoạn, giao du, tiếng tăm v.v..., lão ta đều có đủ, thời nhà Thanh, lão ta đã từng đánh nhau để hồi của, cướp đoạt đàn bà con gái nhà tử tế, đã từng bị cùm kẹp, nhưng lão ta không chau mày, không van xin. Việc kiện cáo đã làm lão ta thêm cứng rắn, đó chính là “*tiếng tăm*” của lão ta. Ra tù, vừa vận gặp thời dân quốc, thế lực của bọn hiến binh cảnh sát ngày càng lớn, lão Tư Lưu thấy đã hết thời làm anh hùng rồi, dù Hoàng thiên bá⁸ sống lại cũng không ăn thua mấy nữa. Thế là lão ta mở một cửa hàng cho thuê xe kéo. Lăn lóc mãi với đời, lão ta đã biết được những mánh khỏe đối phó với người nghèo. Lúc nào nên cứng, lúc nào nên mềm, lão ta khéo điều hòa cho đúng mức. Anh em phu xe không ai dám ngỗ ngược với lão ta. Lão ta trừng mắt hay lão ta cười hà hà, đều có thể làm cho anh em hồn xiêu phách lạc, như lơ lửng giữa thiên đường và địa ngục, đành phải làm theo lão ta. Đến bây giờ, lão ta có hơn sáu mươi chiếc xe, cái tàng nhất cũng vào loại còn mới tám chín mươi phần trăm. Lão ta không giữ xe cũ. Thuế xe ở xưởng lão so với các nơi khác cao hơn, nhưng ngày mồng ba tết, lão ta lại thu ít hơn các nơi khác độ hai ngày thuế. Xưởng của lão ta có chỗ ở, những anh chưa vợ con kéo xe của lão ta đều có thể đến đó ở mà không mất tiền – nhưng phải nộp đủ thuế xe mới được. Ai không nộp đủ mà còn lằng nhằng với lão ta

⁸ Chỉ Trương Giốc, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Khăn vàng đời Hán (ND).

thì lão ta giữ chân chiếu lại, rồi tổng cổ ra đường y như quảng cái ám võ. Ai có việc gì cần cấp, ốm đau nguy kịch, chỉ cần nói với lão ta một tiếng, là lão ta không bỏ qua; khó khăn mấy, lão ta cũng sốt sắng giúp đỡ. Đó cũng là “*tiếng tăm*” của lão ta.

Lão Tư Lưu có cái tướng hổ. Gần bảy mươi mà lưng chưa còng, cặp giò vẫn có thể cước bộ được một hai chục dặm. Hai con mắt tròn xoe, mũi to, mồm vuông, hai cái răng nanh gộc, mở miệng ra, y hệt ông ba mươi. Lão ta cũng cao bằng Tường, đầu cạo nhẵn thín, không để râu. Lão ta tự cho mình là ông Cọp, nhưng tiếc thay lại không có con giai, chỉ có một cô con gái bằm bảy bằm tám tuổi rồi mà vẫn chưa đi lấy chồng. Đã biết lão Tư Lưu thì cũng nên biết qua cô con gái lão ta. Ắ cũng có dáng dấp một con cọp cái, vì thế mà bọn đàn ông sợ khiếp vía cả. Ắ giúp bố trông coi công việc thì cừ lắm, nhưng chẳng ai dám lấy. Cái gì ắ cũng giống đàn ông, ngay cả khi quát mắng người ta cũng hùng hổ như đàn ông, có khi lại còn nhiều kiêu hơn nữa kia. Lão Tư Lưu thì lo việc ở ngoài, cô con gái thì lo việc ở trong, hai cha con kinh doanh cái hãng xe vũng như thành. Hãng Nhân Hòa trở thành một hãng có thể lực trong giới xe tay. Cách thức làm ăn của cha con lão ta thường được anh em phu xe và các chủ xe nhắc tới luôn, y như các nhà trí thức nhắc tới kinh điển.

Trước kia khi chưa mua được xe riêng, Tường thuê xe của hãng Nhân Hòa. Tiền để dành, anh ta

đưa cho lão Tư Lưu giữ hộ. Khi gom được đủ số, anh ta lấy ra mua xe mới.

Anh ta kéo chiếc xe đó về hăng:

– Cụ Tư ạ, cụ xem cái xe của cháu này!

Lão ta nhìn qua gật gù:

– Khá đấy!

Tường nói, vẻ tự đắc:

– Cháu vẫn xin ở lại đây cụ ạ! Bao giờ cháu kéo xe tháng lúc ấy cháu sẽ đến nhà chủ ở.

Lão Tư Lưu lại gật đầu:

– Được thôi!

Thế là, tìm được chỗ kéo xe tháng thì Tường đến nhà chủ ở, mất việc, kéo lẻ, anh ta lại quay về hăng Nhân Hòa.

Không kéo xe của lão Tư Lưu, mà vẫn được ở lại hăng Nhân Hòa, theo các anh em phu xe khác, thì đó là một việc hiếm có. Vì thế, đã có người đoán mò, chắc là Tường có họ hàng gì đó với lão Tư Lưu. Lại có người còn nói, lão Tư Lưu đã nhắm Tường để gả cô con gái cho. Đoán mò như thế, tuy có ý ghen tị, nhưng vạn nhất mà đúng như vậy, mai sau lão Tư Lưu chết, hăng xe Nhân Hòa nhất định thuộc về Tường. Điều đó, họ chỉ dám đoán thế thôi, chứ trước mặt Tường họ chẳng dám nói câu gì khó nghe. Thực ra, lão Tư Lưu có ý biệt

đài Tường cũng là có lý do. Tường vốn là người ở vào hoàn cảnh mới, nhưng vẫn giữ được những tập quán cũ. Giả dụ anh ta có đi lính thì quyết cũng chẳng mặc quần áo lính vào là hoạnh hộc người khác. Ở hãng xe, anh ta chẳng bao giờ ngồi không, ráo mồ hôi là kiếm việc gì làm: lau xe, bơm xe, phơi áo phơi cánh gà, cho dầu mỡ... chẳng cần phải sai bảo, cứ tự ý làm, vui vẻ lắm, như một trò giải trí rất thú vị. Hãng xe thường vẫn có khoảng hai mươi anh em phu xe ở. Lúc cho xe về, họ không ngồi tán gẫu thì vùi đầu vào ngủ. Chỉ có Tường là không chịu để rảnh tay lúc nào. Thoạt đầu, mọi người tưởng anh ta muốn nịnh hót, bợ đỡ lão Tư Lưu. Mấy ngày sau, họ thấy anh ta không hề có cái ý ấy, anh ta thẳng thắn tự nhiên lắm, cho nên cũng chẳng nói vào đâu được nữa. Lão Tư Lưu không hề khen Tường một câu nào, cũng không hề biệt đãi anh ta. Nhưng lão ta trong bụng đã có ý định. Lão ta biết Tường là tay làm ăn được, dù cho không kéo xe lão ta nữa, lão ta vẫn cứ ứng cho Tường ở lại hãng. Có Tường ở đây, trước hết không cần nói đầu xa, sân cửa ngõ cứ sạch như li như lau. Ấ Nữu thì lại có vẻ thích anh chàng ngốc nghếch này hơn cả. Ấ nói gì, anh ta cũng chú ý lắng nghe, không cãi lại. Những anh em phu xe khác, vì phải khổ sở nhiều nên ăn nói thường ngang bướng. Ấ không sợ họ đâu, nhưng cũng chẳng thích đôi co với họ làm gì. Vì thế cho nên, bao nhiêu lời của ả, ả đều để dành cho Tường nghe cả. Khi Tường kéo xe thàng, bố con lão Tư Lưu dường như mất một người

bạn. Đến khi anh quay về, thì lão ta chửi mắng mọi người cũng có phần nhẹ nhàng hơn...

Tường cầm hai bao diêm, vào hăng xe Nhân hòa. Trời chưa tối, hai bố con lão Tư Lưu đang ăn cơm. Thấy anh ta về, ả Niu liền bỏ đũa xuống:

– Anh Tường! Sói nó tha anh đi hay anh sang Phi châu đào mỏ vàng đấy!

– Ờ!...

Tường chẳng trả lời sao cả.

Đôi mắt tròn xoay của lão Tư Lưu đưa khắp người Tường. Lão ta cũng chẳng nói gì.

Tường đội cái mũ cói mới, ngồi ngay trước mặt hai bố con lão.

Ả Niu mời, như đối với một người bạn thân:

– Chưa ăn cơm thì ăn cả thể đi!

Tường vẫn ngồi nguyên, cảm thấy một niềm thân thiết không sao tả được. Trước nay, anh vẫn xem hăng xe Nhân Hòa này như nhà mình: kéo xe tháng, thường đổi chủ luôn; kéo lẻ, bây giờ người này, lát nữa người khác. Chỉ có đây là anh ta ở được lâu, là có người chuyện trò với anh. Nay, vừa thoát chết, lại được về với người quen thuộc, lại được mời mọc ăn uống, anh ta nửa như hơi nghi ngờ không hiểu có phải họ muốn trêu mình chẳng, nửa như muốn rót nước mắt.

Anh ta từ chối, hơi có vẻ làm khách:

– Tôi vừa ăn hai bát canh đậu rồi!

Mất vẫn nhìn Tường chăm chăm, lão Tư Lưu hỏi:

– Anh đi làm gì thế? Xe đâu rồi?

Tường nhỏ một bãi nước bọt:

– Xe ấy à?

Ả Niu cầm tay anh ta kéo tới bên mâm cơm, y như bà chị dâu chiều chú em chồng:

– Lại đây ăn bát cơm đã, không ai thuốc độc anh chết đâu mà sợ! Hai bát canh đậu thì ăn thua gì!

Tường chưa bung bát vội, trước hết móc tiền trong túi ra:

– Cụ ạ, cụ giữ hộ cháu ba mươi đồng!

Rồi anh ta bỏ chỗ tiền lẻ vào túi.

Lão Tư Lưu dướn đuôi lông mày lên hỏi:

– Ở đâu ra thế?

Tường vừa ăn, vừa kể chuyện bị lính bắt.

Nghe xong lão Tư lắc đầu:

– Hừ, ngốc thật! Dắt về đây bán cho hàng thịt cũng được mấy chục bạc một con. Nếu vào mùa đông, lạc đà còn đủ lông thì ba con cũng phải sáu chục!

Tường vốn đã có ý tiếc, nay nghe nói thế, càng buồn hơn. Nhưng tiếp đó anh ta lại nghĩ rằng, đem ba con vật sống sờ sờ như thế mà bán cho cửa hàng thịt để họ chộc tiết thì cũng có phần thất đức. Anh ta và lạc đà đều cùng trốn thoát, nên cùng phải được sống cả. Anh ta chẳng nói gì hết, lòng anh ta bình tĩnh lại rồi.

Ả Niu dọn mâm bát, lão Tư thì ngửa cổ lên, như suy nghĩ điều gì. Bỗng lão ta cười, để lộ hai cái răng nanh, càng già lại càng chắc ra.

- Nay, anh nói anh bị ốm ở Hải Điện phải không? Sao lại không theo đường cái Hoàng Thôn mà về thẳng đây?

- Cháu vòng phía Tây Sơn về đây, sợ đi đường cái có người đuổi theo, có khi người trong làng lại nghĩ quá đi, cho là đào ngũ!

Lão Tư lại cười, tròng con mắt đảo hai cái. Lão ta sợ Tường bịa chuyện ra như vậy. Ngộ nhờ số ba mươi đồng bạc kia là của ăn cướp thì sao? Lão ta không thể oa trừ tang vật được. Lúc trẻ, mọi việc phạm pháp, lão ta làm cả rồi, bây giờ lão ta tự cho là đã cải tà quy chính, cho nên không thể không cẩn thận, mà còn biết nên cẩn thận như thế nào nữa. Câu chuyện của Tường chỉ có mỗi một khe hở đó thôi, nhưng nghe Tường giải thích như vậy, diêm nhiên chẳng chút

lúng túng sợ hãi, nên lão ta cũng yên tâm. Lão ta chỉ số tiền, hỏi:

- Bây giờ làm thế nào đây?
- Xin theo lời cụ dạy thôi!
- Mua cái xe nữa nhá?

Lão ta lại cười, để lời hai cái răng nanh ra, như có ý nói: *"Mua xe riêng, rồi lại ở nhờ đây?"*

Tường không nhìn vào răng của lão Tư mà chỉ bản khoản suy nghĩ:

- Không đủ cụ ạ! Mua thì phải mua xe mới!
- Cho anh vay nhé? Lãi một phân thôi. Người ta thì hai phân rưỡi!

Tường lắc đầu.

- Mua xe trả góp cho người ta chẳng bằng trả tôi một phân lãi đâu!

Tường trả lời, vẻ suy nghĩ lung lăm:

- Cháu cũng chả mua trả góp. Cháu cứ để dành dần dần, đủ số rồi thì tiền trao cháo múc!

Lão Tư nhìn Tường, y như nhìn một vật gì kỳ quặc lắm, tuy đáng ghét đấy, nhưng không thể nào giận được. Một lát, lão ta cầm lấy tiền:

- Ba chục à? Đủ đấy chứ?

– Đủ đấy ạ!

Tường đứng dậy nói tiếp:

– Cháu đi ngủ đây. Biểu cụ bao diêm.

Anh ta đặt bao diêm lên bàn, đứng bồn thần một lúc, rồi lại nói tiếp:

– Chuyện lạc đà, xin cụ đừng nói với ai.



5

Lão Tư Lưu quả thật không nói gì về Tường cả, nhưng câu chuyện mấy con lạc đà đã từ Hải Điện truyền vào thành rất nhanh. Trước kia, tuy không ai thấy Tường có nhược điểm gì, nhưng tính anh ta cứng cỏi, nên ít nhiều người ta cho rằng anh ta cô độc, khó chơi. Sau khi cái tên "*Tường lạc đà*" được truyền rộng ra, tuy Tường vẫn lăm lì mà làm ăn, không thân thiện gì với ai lắm, nhưng đối với anh ta, mọi người có phần nào vị nể. Có người nói anh ta bắt được đồng hồ vàng, có người nói anh ta vớ được ba trăm đồng bạc, và người tin rằng mình biết tường tận hơn thì gật đầu nói anh ta dắt ba chục con lạc đà từ Tây Sơn về. Mỗi người nói một phách, nhưng kết luận thì như nhau: "*Tường bắt được của!*". Đối với người bắt được của, dù người ta không có cảm tình, nhưng theo lệ thường người ta cũng kính nể. Bán sức kiếm miếng ăn là chuyện khó khăn như thế, nên ai nấy đều mong mỗi bắt được của. Đó là chuyện nghìn năm mới có một lần, nên người đã gặp may, chắc hẳn phải khác thường: phúc lớn thì mệnh phải lớn. Vì vậy, cái tính lăm lì cô độc của Tường bỗng biến thành cái tính ít điều ít tiếng

của người phú quý. Anh ta như thế là đúng, mà những người khác thì phải đổ xô đến mà nịnh hót anh ta. *"Ghe thật! Nói đi nào! Anh Tường! Phát tài ra sao đấy?"*. Những lời ấy, ngày nào Tường cũng được nghe. Anh ta vẫn lặng thinh. Cho đến khi bị dồn quá, cái seọ của anh ra hơi đỏ lên, anh ta mới nói:

– Phát tài gì? Con mẹ nó chứ! Thế cái xe của tôi đâu rồi?

Đúng, thật có như thế. Xe của anh ta đâu rồi? Mọi người bắt đầu suy nghĩ. Nhưng lo lắng hộ người ta bao giờ cũng chẳng bằng vui mừng cho người ta, thế là ai nấy quên bằng chiếc xe của Tường, chỉ nghĩ đến vận may của anh ta thôi! Ít ngày sau, anh em thấy Tường vẫn kéo xe, không đổi nghề, hoặc mua nhà cửa đất cát gì cả, nên đối với anh ta có phần lạnh nhạt đi. Khi nhắc đến *"Tường lạc đà"*, cũng không ai cần vặn vì sao lại là *"lạc đà"* nữa, dường như vốn nên gọi anh ta như thế.

Nhưng bản thân Tường thì không thể dễ dàng gì mà quên đi được chuyện đó. Anh ta buồn bực vì không thể mua ngay được một chiếc xe mới khác. Càng buồn bực thì lại càng nhớ đến cái xe trước kia. Từ sáng sớm đến tối mịt, anh ta ra sức mà làm, nhưng làm thì vẫn làm, vẫn cứ nhớ đến chuyện đó. Mà nhớ đến thì trong lòng lại thấy như thất lại. Anh ta không khỏi nghĩ rằng, dù cho cố gắng đến đâu, cũng không thể vì mình đã cố gắng mà đời lại công bằng hơn. Vì lẽ gì

mà chúng lại cướp không cái xe của anh ta cơ chứ? Dù sắm lại ngay được chiếc xe mới, nhưng biết đâu chẳng gặp phải chuyện như thế lần nữa? Anh ta cảm thấy những ngày qua thật như một cơn ác mộng, khiến anh ta hầu như không dám hy vọng gì về tương lai. Có lúc, thấy người ta rượu chè, cờ bạc, đi nhà thổ, anh ta như có ý thèm muốn. Cố gắng đã không ăn thua gì, thì sao lại chẳng vui cái vui trước mắt? Như bọn kia thế mà đúng. Anh ta không đi nhà thổ thì cũng nên uống một vài chén rượu, cho thoải mái một chút. Thuốc lá và rượu lúc này đối với anh ta hầu như có một sức quyến rũ đặc biệt. Anh ta thấy hai cái trò đó chẳng tốn kém bao nhiêu, nhưng nhất định đủ để an ủi anh ta, khiến anh ta vẫn có thể chịu khổ chịu sở mà xông tới, đồng thời cũng lại có thể quên được những nỗi đau khổ trong quá khứ.

Nhưng anh ta vẫn chưa dám động đến số tiền đó. Anh ta cần phải thừa được đồng nào để dành ngay đồng ấy, không như thế thì không thể nào anh ta được một chiếc xe riêng cho sớm sớm. Dù mua hôm nay, ngày mai bị cướp mất, anh ta cũng vẫn phải mua cho kỳ được. Đó là ý muốn của anh ta, là hy vọng của anh ta, thậm chí là điều anh ta tin tưởng như một thứ tôn giáo. Không kéo được xe riêng của mình, anh ta coi như là sống thừa. Anh ta không nghĩ được đến chuyện làm quan, chuyện làm giàu, chuyện mua sắm ruộng vườn nhà cửa; anh ta chỉ có thể kéo được xe thôi, hy vọng thực tế nhất của anh ta là mua xe,

không mua được xe thì thật không phải với mình. Suốt ngày, từ sớm đến tối, anh ta chỉ nghĩ đến chuyện đó, tính toán số tiền của anh ta. Giả dụ quên được chuyện đó tức là anh ta quên bản thân anh ta, và cảm thấy mình chỉ còn là một con vật biết chạy, chẳng có chút chí khí, chút tình người nào nữa. Xe đẹp đến đâu, nếu là xe thuê, thì anh ta cũng kéo uể oải, cứ thấy nặng chịch y như đeo tảng đá trên lưng. Xe thuê, anh ta vẫn chăm lau chùi sạch bóng và không bao giờ cho đụng chạm bữa. Nhưng đó chỉ là tính cẩn thận chu đáo chứ không phải là một thú vui. Đúng thế, lau chùi xe của mình, cũng như đếm tiền của mình, mới vui thực sự. Anh ta vẫn cứ không hút thuốc, không uống rượu, ngay một chén trà ngon cũng dứt khoát không uống. Trong tiệm trà, những anh xe phu bánh như anh ta, sau một cuộc nhanh như bay, thường vẫn kén loại trà hào một gói, thêm hai gói đường kính, để "*bổ khí tán hỏa*". Khi anh ta chạy mồ hôi chảy ròng ròng, ngực nóng ran, anh ta cũng muốn như vậy lắm. Mà chẳng phải kiểu cách gì đâu, quả là cần phải nhấm nháp một hai chén trà như vậy. Nhưng anh ta chỉ nghĩ thế mà thôi, chứ anh ta vẫn cứ uống loại chè vụn một xu một gói. Có khi anh ta cũng đã tự xỉ vả mình, vì sao lại phải dày dạn tấm thân như vậy. Nhưng một anh phu xe muốn thảnh thơi để dành một hai đồng, không thế thì sao để dành nổi. Anh ta cố nén lòng lại. Mua được xe đã, rồi hẵng hay. Có xe rồi thì muốn làm gì cũng được!

Tiền tiền, Tường chặt chẽ như vậy, kiếm tiền, anh ta lại càng không lơ là. Không ai thuê kéo thặng thì anh ta kéo suốt cả ngày, ra xe sớm, về muộn, chưa kiếm được số tiền định sẵn, thì nhất định không chịu nghỉ, bất chấp thì giờ, bất chấp đôi chân. Có khi anh ta cố kéo cả ngày lẫn đêm. Trước kia, anh ta không muốn tranh khách của ai hết, nhất là đối với những người già yếu. Sức vóc của anh ta như thế, xe anh ta như thế, tranh khách với những người kia thì họ còn kiếm ăn vào đâu? Nhưng bây giờ thì anh ta bất chấp. Anh ta chỉ biết có tiền thôi. Được thêm đồng nào hay đồng ấy, chẳng kể được giá hay không được giá, chẳng kể phải tranh giành với ai. Anh ta chỉ biết có khách là kéo, thế thôi, y như một con dã thú đói phát cuồng. Khách lên xe là chạy, và trong lòng anh ta khoan khoái cảm thấy chỉ cứ chạy mãi không nghỉ chân mới hy vọng mua được xe. Dần dà, danh dự của anh chàng *"Tường lạc đà"* chẳng còn như hồi chỉ là *"anh chàng Tường"* nữa. Rất nhiều lần, tranh được khách, anh ta chạy liền, mặc kệ bao nhiêu tiếng chửi rủa phía sau. Anh ta chẳng đáp lời, cứ thế cúi đầu cúi cổ mà chạy, bụng nghĩ: *"Không phải là để mua xe thì chẳng đời nào mình lại mặt dày mặt dạn thế!"*. Đường như anh ta muốn dùng lời nói đó để xin mọi người lượng thứ cho. Nhưng anh ta lại không chịu nói thẳng ra cho mọi người biết. Ở bến xe, hoặc trong quán nước, thấy mọi người trừng mắt nhìn mình, anh ta định phân bua, nhưng khi thấy ai cũng lạnh nhạt như thế, lại thêm thương ngày anh ta không chèo chến, cò

bạc, tán hươu tán vượn với họ nên những lời định nói anh ta lại đành để trong bụng, không nói nữa. Lúc đầu thì khó chịu, sau dần dần thành xấu hổ, buồn bực, rồi anh ta cũng phát cáu lên. Họ trừng mắt nhìn anh ta, anh ta cũng trừng mắt nhìn lại. Nghĩ lại trước kia khi vừa trên núi trốn về, mọi người đối với anh ta kính nể như thế, vậy mà nay lại coi thường như thế, anh ta càng buồn. Nếu ở trong quán nước, thì anh ta ngồi một mình ôm ấm trà, nếu là ở bến xe thì anh ta ngồi một mình đếm mấy đồng xu vừa kiếm được, cố nén giận. Anh ta không muốn đánh nhau, mặc dù anh ta không hề sợ đánh nhau. Còn những người kia? Họ vốn cũng chẳng sợ đánh nhau, nhưng độ sức với Tường thì cũng nên nghĩ cho kỹ đã. Trong bọn họ, không ai có thể là đối thủ của Tường cả, mà mấy người xúm lại đánh một người thì cũng chẳng phải là chuyện quang minh chính đại. Anh ta cố nén giận, chẳng nghĩ ra được cách gì cả, đành cố chịu đựng một thời gian, đợi khi nào mua được xe rồi thì dễ đối xử thôi. Có xe riêng, trước hết hàng ngày chẳng cần lo đến thuế má nữa, tất nhiên có thể rộng rãi hơn, chẳng phải tranh giành khách để mất lòng ai. Nghĩ thế, anh ta nhìn mọi người, như có ý nói: “Để rồi xem!”

Nói về riêng bản thân anh ta, thì anh ta cũng chẳng nên cố sống cố chết mà làm như thế mới phải. Trốn về được tới thành phố, không đợi khỏi bệnh và khỏe hẳn, anh ta đã vớ lấy xe kéo luôn, tuy chưa đến nỗi quy, nhưng thường cũng cảm thấy mệt mỏi. Mệt, anh ta không dám nghỉ, cứ cho rằng chạy toát mồ hôi

độ vài lượt là bột đau bột nhức ngay. Về ăn uống, anh ta không dám bóp mồm bóp miệng, nhưng cũng chẳng dám ăn ngon một chút. Anh ta thấy mình gầy đi nhiều, nhưng vóc người vẫn cao lớn, gân cốt vẫn săn cứng, anh ta lại yên chí. Anh ta nghĩ tầm vóc to cao hơn người, thì nhất định có thể chịu đựng hơn người, hầu như không bao giờ anh ta lại nghĩ, tầm vóc to cao, mệt nhọc nhiều, thì lại càng cần bồi bổ nhiều. Á Nữu đã căn dặn anh ta mấy lần rồi: “*Anh mà cứ làm thế thì ho lao đấy!*”.

Anh ta biết nói như thế là phải, nhưng vì công việc làm ăn chẳng được như ý, lại ít được ăn uống bồi dưỡng, nên cơn hỏa trong người anh ta có vẻ thịnh. Anh ta trợn mắt:

– Không chạy thì đến bao giờ mới mua được xe!

Gặp phải người khác mà trợn mắt lên như thế, ít nhất ả Nữu cũng phải chửi cho một thôi một hồi, nhưng với Tường ả rất mực mềm mỏng, quý mến. ả chỉ trề môi mà rằng:

– Mua xe thì cũng phải từ từ chứ! Cứ làm như anh là xương đồng da sắt ấy! Nghỉ vài ba ngày cho khỏe đi!

Thấy Tường chẳng để vào tai, ả lại nói tiếp:

– Thôi, cứ ý anh, anh làm, có chết đừng oán tôi nhé!

Lão Tư Lưu cũng có phần xem thường Tường rồi: Tường làm cố mạng như thế, đi sớm về muộn, tất nhiên chẳng có lợi cho xe của lão ta. Tuy xe thuê cả ngày thì không có hạn giờ giấc nào cả, muốn cho xe ra cho xe về lúc nào cũng được. Nhưng ai cũng làm chết thôi như Tường thì xe ít nhất cũng phải hỏng sớm đến nửa năm. Vật gì bền chắc mấy mà dùng kiểu ấy cũng không chịu nổi. Lại nữa, Tường chỉ lo kéo xe, chẳng còn thì giờ đâu mà lau chùi xe giúp lão ta nữa, đó cũng là một điều thiệt. Lão ta có ý hơi không bằng lòng. Nhưng lão ta chẳng nói gì cả. Kéo cả ngày không hạn giờ giấc, đó là lệ chung; giúp lau chùi xe pháo là chuyện tình nghĩa, chứ không phải là bổn phận. Để giữ tiếng, lão ta không tỏ vẻ gì với Tường để rước lấy chuyện khó chịu vào người. Lão ta chỉ để hơi lộ ý bất mãn ở khóe mắt, và mím chặt miệng lại. Có lúc, lão ta muốn tống cổ Tường đi, nhưng nhìn con lão, lão ta lại không dám làm như thế. Lão ta không hề có ý nhắm Tường làm con rể, cớ điều, con nó đã thích cái anh chàng gà tổ này, thì cũng không tiện sinh chuyện lời thôi. Lão ta chỉ có độc mụn con gái, xem chừng cũng không còn hy vọng có ai đến rước đi nữa, vì vậy lão ta không thể tống cổ người bạn của con gái đi được. Nói thực tình, ả Niu được như thế, lão ta cũng chẳng muốn ả đi lấy chồng. Ý nghĩ đó khiến lão ta thật không phải với con, nên lão ta cũng có sợ con ít nhiều. Lão ta một đời chẳng sợ ai, thế mà nay về già lại đâm ra sợ con. Lão ngược ngạo lắm, nhưng lại tìm ra được một cái lý: lão

ta sợ một người, dù chừng tỏ lão ta không phải là kẻ hoàn toàn bất tử. Như vậy, có lẽ đến lúc sắp chết, lão ta sẽ tránh khỏi chuyện ác báo. Thôi được, lão ta nhận rằng lão ta sợ con gái, và vì thế không dám đuổi Tường đi. Nhưng như vậy dĩ nhiên không phải có ý nói lão ta có thể để mặc con gái muốn làm gì thì làm, và đi đến chỗ lấy Tường. Không. Lão ta thấy con mình vị tất không có ý đó, nhưng Tường thì không dám “đũa mốc chôi mâm son”.

Vậy thì, lão ta chỉ cần để ý một chút là được, không nên làm con nó phải phiền lòng.

Tường không chú ý gì đến thái độ của lão Tư Lưu. Anh ta chẳng hơi đâu để ý đến chuyện vợ vắn ấy. Giả dụ anh ta có ý rời bỏ xưởng Nhân Hòa thì quyết không phải vì tức khí vật, mà chính là vì muốn có chỗ kéo xe thặng. Anh ta hơi chán trò kéo xe lẻ rồi, một là vì phải tranh giành khách, người ta khinh bỉ, hai là kiếm tiền được hàng ngày không nhất định, nay nhiều mai ít, không thể đoán trước chừng nào thì dành dụm đủ số tiền mua xe. Anh ta muốn cho chắc chắn, dù thừa ít cũng được, chỉ cần biết mỗi tháng thừa bao nhiêu cho nhất định, anh ta mới có hy vọng, mới yên tâm được. Anh ta là người muốn làm chuyện ăn chắc.

Thế rồi anh ta được kéo thặng. Hừ, lại vẫn cứ thấy không được như ý, như lúc còn kéo lẻ. Lần này anh ta kéo cho nhà ông Dương. Ông Dương là người Thượng Hải, vợ cả là người Thiên Tân, còn vợ hai là người Tô

Châu. Một ông, hai bà, kẻ bắc người nam đẻ ra bao nhiêu con. Ngày đầu tiên đến làm, Tường thấy chóng cả mặt. Sáng tinh mơ, bà cả ngồi xe đi chợ. Về đưa các cô các cậu đi học, trung học có, tiểu học có, vườn trẻ cũng có; nơi học khác nhau, lớn bé khác nhau, dáng dấp khác nhau, nhưng giống nhau ở chỗ đáng ghét như nhau. Nhất là lúc ngồi trên xe, đứa nào hiền lành nhất cũng quấy như khỉ. Kéo bọn trẻ đi học rồi, đến lượt kéo ông chủ đi làm. Kéo đến sở, vội vàng về, kéo bà hai đi chợ Đông An hoặc đến chơi nhà bạn. Lại đi đón bọn trẻ con về ăn cơm trưa. Ăn xong, lại đưa chúng đến trường, quay về, tưởng có thể ngồi ăn được, thế nhưng bà cả lại cất cái giọng Thiên Tân lên, bảo đi gánh nước. Nước ăn đã có người gánh, còn nước giặt giũ thì anh xe phải gánh. Công việc này khi mới đến, nhà chủ không nói trước, nhưng để cho qua chuyện, Tường chẳng dám nói đi nói lại, cứ lẳng lặng gánh đầy chum. Buông thùng xuống, định lấy cơm ăn, bà hai lại sai đi mua các thứ. Bà cả và bà hai bất hòa với nhau luôn, nhưng việc trong nhà hai bà nhất trí với nhau về nhiều điểm, trong đó có điểm không để cho người ở trong nhà rồi rãi phút nào, và điểm nữa là không muốn thấy người ở ăn cơm. Tường có hiểu đâu chuyện ấy. Anh ta cứ tưởng, ngày đầu tiên đến làm, gặp phải ngày bận rộn như thế, nên anh ta cũng chẳng nói gì, móc hầu bao ra mua mấy cái bánh nướng. Tường coi đồng tiền liền khúc ruột, nhưng muốn không mất việc, đành phải cắn răng lại. Mua các thức về rồi, bà cả lại sai quét

sân. Ông chủ, bà cả, bà hai mỗi khi đi đâu thì ăn mặc rất sang trọng, nhưng trong nhà ngoài sân thì bẩn như chuồng lợn. Tường nhìn cái sân mà buồn nôn, đành phải đi quét dọn vậy, quên mất anh xe không phải làm việc vất như thế. Sân quét dọn sạch rồi, bà hai lại bảo tiện tay quét nhà nhân thế. Tường cũng chẳng từ chối. Anh ta lấy làm ngạc nhiên tại sao hai bà bề ngoài đẹp đẽ thế, mà trong nhà lại bẩn đến nỗi không muốn đặt chân vào nữa. Nhà quét xong xuôi rồi, bà hai liền giao đứa con vừa đầy năm cho bé. Anh ta chẳng biết tính sao. Công việc nặng nhọc, anh ta làm quen, nhưng trẻ con thì anh ta chưa bế bao giờ cả. Hai tay anh ta nâng lấy cậu ấm; không ôm chặt thì sợ rơi, mà ôm chặt thì sợ cậu ấm gãy xương. Anh ta toát cả mồ hôi. Anh ta định giao trả vú Trương – một người đàn bà chân to⁹ quê vùng Giang Bắc. Tìm được vú, vú liền mắng cho một thôi một hồi. Nhà này nuôi người, xưa nay vẫn dăm ba ngày lại thay đổi. Ông chủ và hai bà chủ coi người ở là gia nô, không bắt làm cho kiệt sức thì không xứng với đồng tiền công bỏ ra. Chỉ vú Trương là ở được năm sáu năm nay thôi. Lý do duy nhất là vú dám mở miệng chửi trả. Không kể ông chủ hay bà cả bà hai, động đến vú, cơn giận bốc lên là vú liền cho ngay một trận. Với những câu chửi bới cay độc kiểu Thượng Hải của ông chủ, với giọng mạnh mẽ người Thiên Tân của bà cả, với lời lẽ trôi chảy vùng Tô Châu của bà hai, xưa

⁹ Thời phong kiến, phụ nữ thường bó chân để tò về quý phái. Ai chân to là bẩn tiện.

nay bộ ba ấy không ai địch nổi; bây giờ gặp phải vú Trương ương ngạch như thế, họ bắt đầu cảm thấy cái ý vị của chuyện có đi có lại, anh hùng gặp hảo hán, cho nên họ rất thích vú, coi vú như một người tâm phúc.

Sinh trưởng ở vùng quê phương Bắc, Tường ghét nhất cái trò già mồm già miệng. Nhưng anh ta chẳng dám đánh vú Trương, bởi vì hảo hán chẳng lẽ lại đi đánh nhau với đàn bà, và anh ta cũng chả buồn đáp lời. Anh ta chỉ trừng mắt nhìn vú. Vú cũng không dám mở miệng ra nữa, dường như đã thấy hơi nguy rồi. Giữa lúc ấy, bà cả sai Tường đi đón bọn trẻ về. Anh ta vội vàng trao cậu ấm cho bà hai. Bà hai tưởng anh ta có ý xem thường bà ta, liền chửi anh ta tối mịt tối mũi. Ý bà cả cũng không thích để Tường bế con cho bà hai, nay nghe thấy bà hai chửi Tường, nên bà ta cũng thao thao chửi một hồi, và người chịu chửi cũng vẫn là Tường. Tường trở thành cái bung xung chịu chửi. Anh ta vội vàng kéo xe đi, như quên cả giận, bởi vì xưa nay anh ta chưa từng thấy chuyện như thế bao giờ, bây giờ bỗng gặp phải, thấy choáng váng cả người.

Đứa này rồi đứa kia, lần lượt đón hết bọn trẻ về rồi, trong sân liền ồn ào hơn chợ. Tiếng ba người đàn bà quát tháo, tiếng bảy trẻ con khóc, y như lúc tan hát, cứ rối rít tít mù cả lên. Vừa may anh ta còn phải đi đón ông chủ nữa, nên vội vã kéo xe ra. Tiếng người la ngựa hí ngoài đường phố xem chừng lại còn dễ chịu hơn tiếng ồn ào trong nhà.

Cứ quay như chong chóng cho mãi tới mười hai giờ đêm, Tường mới được nghỉ mà thở một chút. Không những anh ta cảm thấy người mệt nhừ mà đầu óc cũng cứ văng lên. Cả nhà, lớn bé rõ ràng ngủ cả rồi, thế mà bên tai anh ta dường như vẫn còn nghe tiếng chửi bới của ông chủ và hai bà chủ, y như có ba cái kèn hát đang quay loạn xạ trong đầu anh ta, khiến anh ta khó chịu quá. Chẳng thì giờ đầu mà nghỉ ngơi nữa, anh ta định đi ngủ. Vừa bước vào gian buồng xếp dành cho anh ta, anh ta lạnh cả người và không buồn ngủ nữa. Một gian nhà có hai cái cửa ra vào, chia làm hai buồng bằng một bức vách. Vú Trương ở một bên, anh ta ở một bên. Trong nhà chẳng có đèn đóm gì cả. Trên tường, sát đường phố, có treo một khuôn cửa sổ rộng khoảng hai thước, ngay dưới ngọn đèn đường, nhờ đó mà trong nhà hơi sáng một chút. Buồng vừa ẩm thấp vừa hơi hám, đất bám dưới nền nhà dày như tấm đồng. Sát tường kê một tấm phản, ngoài ra không có gì cả. Anh ta sờ vào tấm phản thấy nằm xuống thì phải gác chân lên tường, còn duỗi chân thẳng thì phải nhô nửa người dậy. Anh ta không quen cái thói nằm ngủ co lại như con tôm như thế. Nghĩ hồi lâu, anh ta liền kê chéo lại, hai đầu quay vào hai góc nhà, thế là có thể đặt đầu xuống, chân chỉ phải ghéch lên một tí, tạm qua đêm nay.

Anh ta mang chăn nệm từ ngoài cổng vào, trải qua loa, rồi nằm xuống. Chân ghéch lên, không quen, anh ta không sao ngủ được. Anh ta cố nhắm mắt lại,

tự an ủi: “Thôi ngủ đi, mai còn phải dậy sớm cơ mà! Khổ thế nào cũng còn chịu được, khổ thế này sao chẳng cố chịu cho qua! Đừng thấy ăn uống không ra gì, việc nhiều mà ngại. Có lẽ ở đây thường đánh bài, khách khứa tiệc tùng luôn đấy! Bọn ta đi ra tỉnh để làm gì? Chẳng phải để kiếm tiền hay sao? Miễn là kiếm ra tiền, gì cũng chịu được tất!”. Nghĩ vậy, trong lòng anh ta thấy dễ chịu hơn nhiều, gian buồn cũng không thấy hơi hám như trước nữa, rồi anh ta thiêu thiêu ngủ. Anh ta mơ mơ màng màng thấy có rệp, nhưng cũng chẳng nghĩ đến chuyện bắt.

Được hai ngày, Tường đã thấy nản lắm. Đến ngày thứ tư, có mấy khách đến chơi, và vú Trương vội bày bàn đánh bài. Lòng anh ta giống như mặt hồ đông cứng lại nay bỗng được cơn gió xuân ấm áp thổi tới. Các bà đánh bài, trẻ con giao cho người ở tất. Vú Trương bận hầu trà nước, nên bọn khi con đó tất nhiên Tường phải cai quản. Anh ta ghét bọn khi con này, nhưng liếc mắt nhìn trộm vào nhà, thấy bà cả đang giữ phần tiền hồ, có vẻ cẩn thận lắm. Anh ta nghĩ bụng: đừng nên cho rằng hai bà ấy nghiệt ngã, có khi cũng biết điều đấy, nhân dịp này cho người ăn kẻ ở kiếm chác dăm ba hào. Anh ta hết sức nhẫn nại trông nom lũ trẻ; vì số tiền hồ, anh ta coi bọn khi con kia là “các cô”, “các cậu”.

Canh bạc tan, bà chủ bắt anh ta kéo khách về. Hai bà khách cùng muốn về ngay một lúc, nên đành

phải thuê thêm một chiếc xe nữa. Tường gọi một chiếc xe đến, bà cả móc hết túi nọ đến túi kia lấy tiền, định trả tiền xe cho khách. Bà khách từ chối khéo một hai câu, bà cả liền tru tréo lên:

– Sao lại thế, hở bà chị? Bà chị đến nhà em chơi mà em lại không trả cho bà chị được một cuộc xe hay sao? bà chị cứ ngồi lên đi!

Lúc đó, bà ta mới móc ra được một hào.

Lúc bà ta đưa tiền ra, Tường thấy rõ tay bà ta hơi run run đưa khách về rồi lại giúp vú Trương dọn dẹp bàn ghế, Tường đưa mắt nhìn bà chủ. Bà ta sai vú Trương đi lấy nước sôi; đợi vú ấy ra khỏi cửa, mới lấy ra một hào:

– Này cầm lấy, đừng có nhìn chằm chằm người ta như thế!

Tường tái mặt đi. Anh ta vươn thẳng người lên, dường như đầu muốn chạm tới xà nhà, tay nắm lấy tờ hào giấy kia, ném thẳng vào cái mặt béo phị của mẹ chủ:

– Trả bốn ngày công đây!

– Sao, thôi à?

Nói xong, mẹ nhìn Tường một cái, không nói gì nữa, trả anh ta bốn ngày công.

Để bọc chân nệm lên xe, chưa ra khỏi cổng, anh ta đã nghe tiếng chuông vang lên trong sân.

6

Đêm đầu thu, từng làn gió lay động ánh sao, khóm lá. Tường ngừng đầu lên, nhìn dài ngân hà cao tít, thở dài. Trời mát thế này, lồng ngực anh ta lại to thế kia, nhưng dường như anh ta cảm thấy thiếu không khí, cứ thấy tức tức. Anh ta muốn ngồi xuống mà khóc một hồi. Sức vóc như thế, lại nhần nhục chịu thương chịu khó, mặc cho người ta coi như trâu chó, thế mà vẫn không giữ nổi công ăn việc làm! Anh ta không oán riêng gì nhà lão Dương, mà lờ mờ cảm thấy tuyệt vọng. E suốt đời không sao góc đầu lên được nữa! Kéo bọc chăn nệm, bước chân anh ta chậm dần lại, dường như chẳng phải chính anh ta trước đây có thể chạy một mạch hàng chín mươi dặm đường.

Ra đến phố lớn, người qua lại đã thưa thớt, nhưng đèn đường vẫn rất sáng. Anh ta càng cảm thấy trống trải mờ mịt, không biết đi về ngả nào. Về đâu bây giờ? Tất nhiên về häng Nhân Hòa thôi. Anh ta cảm thấy đau khổ trong lòng. Buôn bán, đi làm thuê, không sợ không có khách, chỉ sợ có khách rồi mà lại không bán được hàng, không làm được việc. Giống

như hàng ăn, hàng cắt tóc, có những ông khách vào, nhìn rồi lại quay ra. Tường biết rõ, làm rồi lại thôi là chuyện thường, đây không dùng thì kia lại có người muốn. Nhưng, anh ta cố nhả nhục cốt để giữ lấy chỗ làm, cố mặt dày mày dạn để kiếm tiền mua lấy cái xe, ấy thế mà chỉ đậu được ba ngày rưỡi, chẳng khác gì bọn chuyên đi nếm cơm thiên hạ. Điều đó khiến anh ta rất buồn. Anh ta thấy hầu như không còn mặt mũi nào mà bước vào hăng Nhân Hòa nữa, để cho người ta đem ra làm trò cười: “*Đấy, thằng Tường lạc đà cũng chỉ được ba ngày có lẽ là phải chuồn! Hừ!*”.

Không về hăng Nhân Hòa thì còn đi đâu được? để khỏi phải nghĩ ngợi loanh quanh về chuyện ấy mãi, anh ta đi thẳng tới đại lộ Cửa Tây An. Mặt trước hăng Nhân Hòa là ba gian cửa hàng, gian giữa là quầy thu tiền, anh em phu xe chỉ được phép vào đó nộp tiền hoặc giao dịch công việc, chứ không được phép tự tiện đi quá vào trong, vì hai gian bên cạnh là phòng ngủ của hai cha con lão Tư Lưu. Cạnh gian bên trái là cổng xe ra vào, hai cánh sơn xanh, phía trên có một thanh sắt to tướng bẻ cong xuống, treo lủng lẳng một ngọn đèn điện rất sáng, không có chao. Dưới ngọn đèn điện treo bốn chữ sắt sơn nhũ “*Hăng xe Nhân Hòa*”. Anh em phu xe cho xe ra xe vào và đi lại đều qua cổng này. Màu sơn xanh thẫm ở cánh cổng, cùng với bốn chữ vàng kia lấp lánh dưới ánh đèn điện sáng choang; ra vào lại toàn những chiếc xe rất đẹp, sơn đen, sơn vàng, bóng lộn, đệm tựa thì trắng toát,

đến cả anh em phu xe cũng cảm thấy đôi chút kiêu hãnh, dường như tự cho mình là quý tộc trong hàng phu xe. Qua cổng lớn, qua gian nhà bên trái quay mặt ra phố là đến cái sân lớn vuông vức, giữa có mấy cây hòe già. Mấy gian nhà mé đông và mé tây đều không có tường phía mặt trước, là nơi để xe. Căn nhà mé nam và mấy gian nhà nhỏ bao quanh mảnh sân sau căn nhà mé nam kia là nơi phu xe ở.

Lúc đó khoảng hơn mười một giờ, Tường nhìn thấy ngọn đèn sáng choang và cô đơn trên cổng xường xe Nhân Hòa. Quây thu tiền và gian nhà phía bên tay trái vẫn còn sáng. Anh ta biết ả Niu chưa ngủ. Anh ta rón rén đi tới, không muốn để cho ả trông thấy. Chính vì hằng ngày ả vẫn có ý nể anh ta, nên anh ta không muốn ả là người đầu tiên thấy sự thất bại của mình.

Anh ta vừa kéo xe qua dưới cửa sổ phòng ả, thì ả đã từ trong cổng đi ra:

– Ô... anh Tường... sao...

Ả định hỏi tiếp, nhưng thấy Tường có vẻ ủ rũ, trên xe lại có cả chần nệm, ả liền ngừng lại.

Sợ cái gì thì gặp cái ấy, Tường vừa ngượng vừa bực, đứng dừng lại, chờ người không nói được câu nào. Anh ta cứ nhìn ả chằm chằm. Ả hôm nay trông cũng có vẻ khác, không hiểu vì ánh đèn hay có đánh phấn mà mặt ả trắng hơn mọi ngày nhiều. Mặt trắng nên đã che lấp được rất nhiều vẻ dữ tợn. Mọi thì rõ ràng

là có thoa chút son, khiến ả có phần duyên dáng hơn. Thấy thế, Tường rất lấy làm lạ, trong lòng càng bối rối, bởi vì thường ngày anh ta không hề coi ả là đàn bà, nay bỗng thấy đôi môi đỏ chót, anh ta hơi mất tự nhiên. ả mặc áo lụa ngắn màu xanh lá mạ, quần cạp châu xanh thẫm, rộng ống. Dưới ánh đèn, chiếc áo lụa trông mềm mại, nhàn nhạt, vì ngắn nên để lộ tí cạp quần màu trắng, làm cho màu xanh lại càng thêm nổi. Chiếc quần rộng màu sẫm, gió thổi phơ phất, trông có vẻ hơi tối, dường như muốn tránh ánh đèn sáng choang kia mà hòa lẫn với bóng đêm. Tường không dám nhìn nữa, thần thờ cúi đầu xuống, trong óc còn lờn vờn hình ảnh chiếc áo lụa xanh bóng, ngắn cũn cỡn. Anh biết xưa nay ả Nữu không hề diện như thế. Với gia tư nhà lão Tư Lưu, ả vốn có thể ngày giao thiệp với anh em phu xe, nên ả chỉ mặc quần áo vải thô, nếu là vải hoa thì cũng chọn thứ không sặc sỡ quá. Tường như thấy một cái gì lạ lắm; vừa quen thuộc, mà lại vừa lạ lùng, nên anh ta trong lòng hơi bối rối.

Vốn đang buồn, lại gặp cái của mới mẻ lạ lùng kia dưới ánh đèn quắc, anh ra chẳng biết xử trí ra sao. Anh ta không muốn nhúc nhích, mà muốn ả Nữu mau mau đi vào nhà, hoặc sai bảo anh ta làm việc gì. Anh ta hầu như không thể chịu đựng được sự giày vò chẳng ra thế nào cả mà khó chịu vô cùng.

ả Nữu lại gần, không nói to lắm:

– Này, sao đứng đờ ra thế? Vào cất xe đi, rồi mau mau quay lại đây. Có chuyện này nói với anh! Vào trong nhà nhé!

Thường ngày làm giúp ả công việc đã quen, anh ta đành phải nghe theo. Nhưng, hôm nay ả khác hẳn ngày thường, nên anh ta rất muốn nghi xem đã. Cứ đứng đấy mà nghi càng thấy ngượng nghịu khó chịu; anh ta không biết làm thế nào, đành cho xe vào vậy. Nhìn gian nhà phía nam, thấy không có ánh đèn, chắc là đã ngủ cả rồi, có khi còn có người chưa cho xe về cũng nên. Cất xe xong, anh ta quay lên, đến trước cửa phòng ả Niu, bỗng anh ta thấy trống ngực đập thùm thụp.

– Vào đây! Có chuyện này cần nói với anh!

Ả thò đầu ra nói, nửa cười cợt, nửa nũng nịu.

Tường chậm rãi bước vào.

Trên bàn có mấy quả lê chưa chín lắm, vỏ còn xanh, một bình rượu, ba chiếc chén sứ trắng, một mâm cơm lớn bày nửa con gà quay xì dầu, và mấy món gan nướng, lòng xào v.v...

Ả chỉ cho anh ta một cái ghế, đợi anh ta ngồi xuống rồi mới nói:

– Này, hôm nay tôi ăn khao đấy. Anh cũng ăn một chút đi!

Nói xong, ả rót cho Tường một chén rượu. Mùi cay của rượu trắng, pha lẫn mùi thịt quay, thơm phức.

– Uống đi, ăn thịt gà đây này! Tôi ăn rồi, đừng để phần tôi nữa! Tôi vừa lấy quân mạt chược bóí một quẻ, biết là anh về, thế có nghiệm không?

Tường thần thờ nhìn chén rượu:

– Tôi không uống rượu đâu!

– Không uống thì đi đi! Người ta có lòng tốt, lại không ung là làm sao? Ngốc ời là ngốc. Cay không chết được đâu? Tôi cũng còn uống được bốn lạng¹⁰ nữa là! Không tin, xem đây này! – Ắ nhấc chén rượu tợp một ngụm hết già nửa, nhắm mắt khà một tiếng, rồi giơ chén ra – Uống đi! Không uống tôi đè xuống đồ vào miệng đấy!

Tường đang tức anh ách, chưa làm sao cho hả được, bây giờ lại gặp phải cái trò khỉ này, thật chỉ muốn gây chuyện với ả một phen. Nhưng anh ta biết, xưa nay ả đối với mình rất tốt, mà đối với ai ả cũng xởi lởi như thế cả, chẳng nên làm ả giận. Anh ta nghĩ lại, không làm ả giận thì chi bằng thẳng thắn kể luôn cho ả nghe những điều uất ức trong lòng vậy! Anh ta vốn ít nói, nhưng hôm nay, hình như có hàng trăm hàng vạn mớ lời chất chứa trong lòng, không nói không chịu được. Nghĩ thế, anh ta thấy rằng ả không hề có ý trêu ghẹo mình, mà thành thực có quý mến mình. Anh ta đỡ lấy chén rượu, uống cạn. Chát cay, từ từ chảy xuống dạ dày, rõ ràng lắm, đến đâu biết đến

¹⁰ Trung Quốc bán rượu theo cân, lạng v.v... (ND)

đó. Anh ta đưa cổ ra, uốn thẳng ngực, nuốt ực liền hai cái, vẻ khó khăn.

Ả Niu phá lên cười. Anh ta khổ sở lắm mới nuốt trôi ngụm rượu. Nghe ả cười, anh ta vội đưa mắt nhìn sang gian buồng phía đông.

Ả không cười nữa, nhưng mặt vẫn tươi roi rói:

– Không có ai cả. Ông già đi mừng thọ bà cô tôi rồi. Cũng mất hai ba ngày. Bà cô ở tận Nam Uyển cơ.

Vừa nói ả vừa rót cho Tường một chén rượu nữa, đầy tràn.

Nghe thấy thế Tường bỗng cảm thấy dường như có chuyện gì không được chính đáng lắm. Đồng thời, anh ta lại tiếc rẻ không muốn bỏ đây mà đi. Mặt ả gần sát mặt anh ta thế kia, quần áo ả sạch sẽ trơn tru thế kia, môi ả đỏ thế kia, tất cả khiến anh ta cảm thấy như một thứ kích thích mới mẻ. Ả vẫn xấu lắm, nhưng so với ngày thường thì tươi tắn hơn, trông khác hẳn. Tuy vẫn là ả, nhưng có thêm được một cái gì. Anh ta không dám suy nghĩ tỉ mỉ hơn về những cái mới mẻ đó, ngay lúc đó không dám tùy tiện nhận, nhưng cũng không đành lòng từ chối. Mặt anh ta đỏ lên. Dường như để được can đảm hơn, anh ta lại tợp một ngụm rượu nữa. Lúc này, anh ta định kể cho ả nghe những nỗi bực dọc của mình nhưng bây giờ anh ta quên bẵng mất. Mặt đỏ như, bất giác anh ta đưa mắt nhìn ả mấy cái. Càng nhìn, anh ta càng lúng

túng. Mỗi lúc ả lại để lộ thêm những điểm gì đó nóng hôi hổi truyền sang anh ta. Dần dần ả biến thành một cái gì đó rất trừu tượng. Anh ta tự nhủ cần phải cẩn thận, nhưng lại thấy cần phải mạnh dạn lên. Anh ta uống liền ba chén rượu nữa, và quên mất thế nào là giữ gìn. Anh ta mơ mơ màng màng nhìn ả, không hiểu tại sao lại cảm thấy thích thú và mạnh bạo hẳn lên. Phải can đảm chớp ngay lấy cơ hội để cho biết mùi đời, để hưởng một chút khoái lạc. Ngày thường, anh ta hơi sợ ả, nhưng bây giờ ả chẳng còn gì là đáng sợ cả. Ngược lại, anh ta trở thành một con người có uy thế, có sức mạnh, tựa hồ có thể bắt lấy ả như bắt một con mèo. Đền trong phòng tắt.

Hôm sau, Tường dậy rất sớm, kéo xe đi ra liền. Đầu hơi váng và cổ họng hơi đau, đó là vì lần đầu tiên uống rượu, nên anh ta cũng chẳng chú ý đến. Anh ta ngồi trong ngõ hẻm, gió sớm nhẹ nhẹ phả vào mặt. Anh ta biết, váng đầu một tí rồi khỏi ngay. Nhưng có một tâm sự khác, làm cho anh ta buồn bực khó chịu, không sao dứt ra được. Việc đêm qua khiến anh ta nghi ngại, xấu hổ, khó chịu, và cảm thấy có phần nguy hiểm.

Anh ta chẳng hiểu ả Niu ra làm sao cả. Từ lâu ả không còn trình tiết nữa. Máy giờ đồng hồ trước đây, Tường mới biết. Trước nay anh ta vẫn kính trọng ả, và chưa nghe ai nói ả lăng nhăng bậy bạ bao giờ. Mặc dù đối với mọi người ả đều rất tự nhiên, xởi lởi, nhưng sau

lưng ả, không ai bàn tán dị nghị gì cả. Dù có anh em phu xe nào đó nói xấu ả, thì cũng chỉ là kêu ả là tay dao để, chứ chẳng phải là chuyện gì kia khác. Thế thì tại sao lại có cái chuyện đêm qua? Thật là khó hiểu và Tường cũng đâm ra nghi ngờ cả Tường. Biết anh ta không ở hăng nữa, vậy sao ả cứ một mực chờ anh ta? Giả dụ bất cứ ai cũng được cả thì sao?... Tường cúi đầu xuống. Anh ta từ thôn quê lên, tuy từ trước nay chưa tính chuyện vợ con, nhưng không phải trong bụng không hề nghĩ đến. Giả dụ anh ta đã có được xe riêng, làm ăn mát mặt hơn một chút, và muốn lấy vợ thì anh ta sẽ về quê cưới một cô gái mới lớn lên, khỏe mạnh, chịu thương chịu khó, biết làm ăn. Những anh chàng trạc tuổi anh ta ai mà chẳng lén lút đi nhà thổ, dù cho người cai quản kiểm chế hăn hoi. Tường thì không hề đua đòi theo bọn họ, một là anh ta tự cho mình là người muốn khâm khá lên, không thể đem tiền cúng cho gái; hai là, chính bản thân anh ta đã từng trông thấy những thằng gốc chỉ mới mười bảy mười tám tuổi đầu, mất tiền toi để rồi gục đầu vào tường nhà xí mà chẳng dãi ra được một giọt. Cuối cùng, anh ta có giữ gìn, không bừa bãi mới khỏi phụ lòng người vợ mai sau, bởi vì đã lấy vợ, tất phải lấy một cô gái trong sạch, vì thế mình cũng phải trong sạch mới được. Nhưng bây giờ, bây giờ... nghĩ đến ả Niu, nếu coi ả là bạn thôi, thì quả ả là một người bạn tốt; coi ả là đàn bà thì ả quả là một người đàn bà xấu, già, dao để, không biết xấu hổ. Nghĩ đến bọn lính đã ăn cướp xe của anh ta, và suốt nữa thì

làm anh ta toi mạng, anh ta cũng không giận không ghét bằng nghĩ đến ả. ả đã hủy hoại chút gì là trong trắng của anh ta mang từ thôn quê lên. Bây giờ anh ta đã thành gã đàn ông lang chạ.

Lại nữa, nhờ chuyện vỡ lở ra, lão Tư biết thì sao? Lão ta liệu có biết con gái mình là đồ đi rạc không? Giả dụ không biết, thì chẳng phải riêng mình Tường phải mang vạ vệt hay sao? Giả dụ biết mà không ngăn cấm con gái, như vậy cha con nhà lão là giống gì? Dù cả hai cha con nhà lão đồng ý cả, anh ta cũng không thể lấy ả được. Bất cứ lão Tư Lưu có sáu mươi chiếc xe hay sáu trăm chiếc xe, sáu ngàn chiếc xe, anh ta cũng chẳng màng. Anh ta phải bỏ ngày cái hăng Nhân Hòa này mà đi, đoạn tuyệt hẳn với cha con lão. Anh ta có tài có lực. Anh ta sẽ dựa vào tài lực của mình mà mua xe, mà lấy vợ, như vậy mới đường đường chính chính. Nghĩ đến đây, anh ta ngẩng đầu lên, cảm thấy mình đường đường là một đấng nam nhi, chẳng có gì đáng để sợ, chẳng có gì đáng để lo, cứ chăm chỉ làm ăn thì nhất định sẽ thành công.

Trượt mất hai món khách. Điều thắc mắc kia lại trở lại. Không muốn nghĩ đến, nhưng trong lòng bứt rứt quá. Chuyện này hầu như không giống với các chuyện khác, dù có cách giải quyết cũng không thể dễ dàng quên đi được. Không những hình như có cái gì dính vào người, mà đến cả trong tâm hồn hình như cũng có một vết nhơ, không bao giờ rửa sạch. Mặc cho

anh ta căm giận ả đến thế nào, ghét ả đến thế nào, ả vẫn cứ bám chặt lấy tim anh ta; càng không muốn nghĩ tới ả, thì ả cứ như bồng từ tim anh ta nhẩy ra, trần như nhộng, trao cho anh ta tất cả những gì xấu xa và tất cả những gì đẹp đẽ của ả. Giống như mua một đồng đồ cũ, trong đám sắt rỉ đồng nát kia cũng có một vài vật bé nhỏ sáng lóng lánh, khiến người ta không đành lòng bỏ qua. Anh ta chưa gần gũi với ai như thế bao giờ, tuy đột ngột thật đấy, tuy bị quyến rũ thật đấy, nhưng chuyện như thế chẳng dễ gì quên được, dù muốn gạt đi, tự nhiên nó cứ vẫn vương trong lòng, như đã bắt rễ rồi vậy. Đối với anh ta, đó không phải chỉ là ném trái mùi đời, mà cũng là một chuyện rắc rối không thể nào hình dung được, khiến anh ta không biết nên xử trí ra sao. Đối với ả, đối với bản thân, đối với hiện tại và tương lai, anh ta đều thấy không có cách gì cả, y như một con sâu mắc vào mạng nhện, muốn quấy ra thì đã muộn rồi.

Người cứ mơ mơ màng màng, anh ta kéo được mấy món khách nữa. Ngay cả khi chạy, anh ta cũng không thể quên được chuyện ấy, không phải là nghĩ được rõ ràng, có đầu có đuôi, mà luôn luôn nghĩ tới một ý gì đó, hoặc là một chút hương vị gì đó, hoặc một chút tình cảm gì đó, tất cả đều rất mơ hồ, mà lại rất thân thiết. Anh ta muốn một mình đi uống rượu, uống cho không biết trời đất gì nữa, có lẽ sẽ dễ chịu hơn, sẽ khỏi bị giày vò chẳng! Nhưng anh ta không dám đi uống. Anh ta không thể vì chuyện ấy mà tự

hủy hoại thân mình. Anh ta lại nghĩ đến chuyện mua xe, nhưng không thể chuyên tâm mà nghĩ được, như có cái gì cản trở; chưa kịp nghĩ đến, thì của nợ kia lại len lén hiện ra, choán lấy tâm tư, y như đám mây đen phủ kín bầu trời, che lấp cả ánh sáng. Đến tối, định cho xe về, anh ta lại càng buồn hơn. Anh ta phải về hãng, nhưng lại rất sợ về gặp ả thì làm thế nào? Anh ta cứ kéo xe không quanh quẩn trên phố, mấy lần về gần tới xưởng rồi, lại kéo xe quay lộn lại, y như đứa bé lần đầu trốn học không dám về nhà.

Lạ thật, anh ta càng muốn tránh ả, nhưng lại đồng thời càng muốn gặp ả. Trời càng tối, ý nghĩ đó càng thôi thúc tợn. Sự quyến rũ và sự bạo dạn, biết rõ không ổn, nhưng rất muốn thử xem sao, cứ bám riết lấy tâm hồn anh ta, giống như lúc bé cầm sào đi chọc tổ ong, sợ nhưng trong lòng cứ náo nức không dừng được, y như ma trên quỷ ám. Đang lúc mơ mơ màng màng, anh ta cảm thấy một sức mạnh gì đó lấn át hẳn anh ta, viên anh ta thành một cục tròn, quăng vào đồng lửa cháy rừng rực. Anh ta không giữ được chân mình nữa.

Anh ta quay về cửa Tân An. Lần này thì anh ta không muốn chậm trễ nữa, mà muốn đi thẳng vào nhà giữa, tìm ả. Bây giờ ả không phải là một người nào đó, mà là một người đàn bà. Anh ta nóng ran cả người. Vừa đến trước cửa thì thấy dưới ánh đèn có một người đàn ông vào trạc ngoài bốn mươi đang đi ra, Tường thấy dáng dấp vẻ mặt người này hơi quen

quen, nhưng không dám chào hỏi. Hầu như do bản năng, anh ta mời:

– Ông đi xe!

Người kia ngó người một lúc, rồi hỏi:

– Tường đấy à?

Tường cười:

– Vâng. Ông Tào đấy có phải không ạ?

Người kia mỉm cười gật đầu:

– Anh Tường này, anh chưa ở với nhà ai thì lại ở với tôi đi! Anh xe đang kéo cho tôi, chạy khỏe, nhưng lười quá, xe pháo chẳng chịu lau chùi gì cả. Anh có đến không?

– Thưa ông, có chứ ạ!

Tường hầu như không biết cười là thế nào nữa. Anh ta lấy chiếc khăn nhỏ lau mặt lia lịa:

– Thưa ông, thế bao giờ cháu đến ạ?

Ông Tào nghĩ một lát, rồi nói:

– Ờ ... ngày kia nhé!

– Vâng ạ – ngừng một tí, Tường lại tiếp – Để cháu đưa ông về!

– Thôi! Tôi xuống Thượng Hải ít lâu, bây giờ về, không ở chỗ cũ nữa, mà dọn lên phố Bắc Trường rồi, tối đi dạo chơi một tí. Ngày kia đến nhé!

Sau khi dọn số nhà, ông ta nói thêm:

– Vẫn kéo xe nhà đấy!

Tường mừng quá, muốn nhảy cẫng lên. Sự phiền não mấy ngày hôm nay tiêu tán sạch, y như con đường lát đá sau cơn mưa rào. Ông Tào là chủ cũ của anh ta, tuy ở với ông ta chưa được bao lâu, nhưng rất thấy mến. Ông ta hiền lành, nhà lại ít người, chỉ có một vợ và một cậu con trai nhỏ.

Tường kéo xe chạy thẳng về hãng Nhân Hòa. Phòng ả Niu vẫn còn sáng đèn. Nhìn thấy ánh đèn, bỗng Tường ngáy người ra.

Đứng một hồi lâu, anh ta quyết vào gặp ả, báo cho ả biết mình lại tìm được chỗ kéo thặng rồi, nộp thuế xe hai ngày qua, và lấy số tiền để dành ra. Từ đó thế là cắt đứt – chuyện ấy tất nhiên chẳng tiện nói, chắc thế nào ả cũng hiểu.

Anh ta cất xe xong, quay ra, mạnh dạn gọi ả.

– Vào đây!

Anh ta đẩy cửa, thấy ả nằm nghiêng người trên giường, mặc bộ quần áo thường, chân để trần. ả vẫn nằm nghiêng như thế, nói:

– Sao, được nếm của ngon rồi, thấy thế nào?

Tường mặt đỏ ửng, y như khi đi thăm bà đẻ. Đứng ngẩn ra một lúc, anh ta mới chậm rãi nói:

– Tôi lại tìm được chỗ làm rồi, ngày kia bắt đầu. Người ta đã có sẵn xe...

Ả Nữu liền nói xen ngang:

– Anh này thật chẳng biết điều chút nào cả – Ả ngồi nhồm dậy, nửa vui nửa buồn, chỉ Tường, nói tiếp – Ở đây, sẵn ăn sẵn mặc; không chạt cho toát mồ hôi ra thì không đã cơn nghiền phải không? Ông cụ không hề ngăn cấm tôi được, tôi không thể ở vậy chết già. Dù ông cụ đỡ chứng, tôi cũng có cách lo liệu chu tất. Chúng mình cũng có thể sắm vài ba chiếc xe, một ngày thu tám chín hào một đồng, lại không hơn suốt ngày ngoài phố, nát cả chân hay sao? Tôi thua em kém chị ở cái chỗ nào? Kể ra có hơn anh một vài tuổi, nhưng cũng chẳng là bao! Tôi lại quý anh, mến anh...

– Tôi chỉ thích đi kéo xe thôi!

Tường không tìm được câu nào khác để nói lại.

– Thật là óc đặc như bí! Thì cứ ngồi xuống đã nào, ai cần đâu mà sợ!

Nói xong, ả cười, nhe hai cái răng nanh ra.

Tường miễn cưỡng ngồi xuống:

– Tiền của tôi gửi ngày nọ...

– Ông cụ giữ, không mất đâu, đừng lo. Anh đừng hỏi vội, anh biết tính ông cụ chứ? Đợi khi nào đủ mua xe rồi hẵng lấy ra. Một trình cũng chẳng thiếu của

anh. Anh lấy bây giờ, ông cụ lại không chửi cho một trận tóe khói thì tôi chớ kể. Ông cụ đối với anh tử tế lắm. Không mất được đâu. Thiếu một đồng tôi đền anh hai đồng! Đầu óc anh còn quê mùa lắm! Đừng để tôi phát ghét lên đấy!

Tường không nói được gì nữa. Anh ta cúi đầu, móc túi mãi, lấy ra hai ngày thuế, đặt lên bàn:

– Hai ngày đấy!

Rồi chợt nghĩ ra, anh ta lại nói tiếp:

– Hôm nay coi như tôi trả lại xe, mai tôi nghỉ một ngày.

Trong lòng, anh ta vốn không muốn nghỉ một ngày nào cả, có điều, như vậy dứt khoát hơn. Trả xe rồi, từ nay về sau sẽ chẳng ở häng Nhân Hòa nữa.

Ả Niu bước tới, cầm tiền, nhét vào túi anh ta:

– Hai ngày này, cả xe lẫn người, coi như biểu không anh! Anh thật gặp may đấy! Đừng vong ân bội nghĩa là được rồi!

Nói xong, ả quay người, khóa trái cửa lại.



7

Tường đến làm cho nhà ông Tào.

Đối với ả Nữu, anh ta hơi thấy xấu hổ. Nhưng, đó là do ả quyến rũ, hướng chỉ anh ta không hề muốn dòm dò gì tiền tài của ả. Anh ta cho rằng, cắt đứt với ả như vậy cũng chẳng có gì là không phải lắm. Điều anh ta lo lắng chính là món tiền lão Tư Lưu giữ hộ kia. Đòi ngay sợ lão nghi ngờ này nọ. Từ nay không lai vãng đến thăm bố con lão nữa, sợ ả Nữu giận, lại nói xấu với lão ta, thì món tiền kia đi đứt! Cứ gửi lão ư, như vậy mỗi lần đến hăng lại gặp ả, thì khó xử lắm. Anh ta nghĩ mãi không có cách gì giải quyết cho ổn thỏa, càng không nghĩ ra, càng không yên tâm.

Anh ta rất muốn hỏi ý kiến ông Tào, nhưng biết nói thế nào đây? Chuyện với ả Nữu thì không thể nói với ai được. Nghĩ đến đây anh ta rất hối. Anh ta thấy bắt đầu không thể dứt khoát được. Chuyện đó không bao giờ xóa sạch, y như vết chàm trên da thịt. Bỗng dưng mất xe, lại bỗng dưng mắc vào rắc rối này, anh

ta thấy đời anh ta thế là hết rồi, dù cố gắng thế nào cũng vô ích. Nghĩ đi nghĩ lại, anh ta thấy thế này: có lẽ rút cục rồi đến phải mặt dày mày dạn mà lấy ả Niu mất thôi! Không vì ả, thì lại chẳng vì mấy chiếc xe kia sao? "*Cái đồ khốn kiếp đi ăn thừa!*". Anh ta không chịu nổi, nhưng đến lúc đó có lẽ cũng đành phải chịu vậy! Thôi thì đành cứ cố gắng mà làm, làm cho tốt, để đợi những cái chẳng ra gì. Anh ta không dám tự tin như trước kia nữa. Sức vóc, khí lực, lòng dạ anh ta bây giờ chẳng còn để vào đâu. Vận mệnh mình, nhưng lại do người khác định đoạt, lại bị những cái vô cùng khốn nạn đó chi phối!

Cứ lý mà nói, thì anh ta phải sung sướng lắm mới phải, bởi vì, trong số những nhà mà anh ta đã kéo xe thàng, thì nhà ông Tào đáng mến nhất. Tiền công ở nhà ông ta không cao hơn các nhà khác, ngoài tiền thưởng trong ba dịp Tết ra, cũng chẳng có mấy đồng cho vật, nhưng vợ chồng ông Tào rất hiền hậu, coi ai cũng là con người mà đối xử. Tường muốn kiếm thật nhiều tiền, muốn cố sống cố chết mà kiếm tiền, nhưng anh ta cũng muốn có được một chỗ ở tử tế, ăn uống được no nê. Nhà ông Tào chỗ nào cũng sạch như li như lau, ngay cả nhà dưới cũng thế, cơm nước cũng không khổ, và quyết không bao giờ để người ở ăn uống những thức thiu ôi. Riêng mình được ở một phòng rộng rãi sạch sẽ, lại có thể ung dung ngày đánh ba bữa, thêm chủ nhà rất hòa nhã, cho nên Tường, đến ngay cả Tường, cũng không thể chỉ nghĩ đến việc kiếm tiền

không thôi. Huống chi, nơi ăn chốn ở đều rất thoải mái, công việc lại không mệt nhọc lắm, cứ ở mà dưỡng cái thân cho khỏe thì cũng chẳng thiệt thời gì. Bỏ tiền túi ra mà ăn, anh ta nhất quyết không đời nào lại ăn ngon đến thế, bây giờ cơm nước sẵn đây, mà lại ăn không đến nỗi phải còng lưng ra mà trả nợ, vậy thì chẳng tội gì mà không ăn cho no; cơm thì cũng là tiền, chuyện đó anh ta tính toán thấy rõ lắm rồi. Ăn ngon, ngủ yên, lại có thể dàng hoàng sạch sẽ ra cái vẻ con người, thật là một nơi khó mà kiếm được. Huống chi nhà ông Tào không đánh bài, không hay mời khách, không có tiền thưởng vật, nhưng làm đôi chút việc gì ngoài một chút, cũng được đãi một hai hào. Ví dụ bà chủ sai đi mua thuốc cho cậu con, thế nào cũng đưa thêm cho anh ta một hào, bảo anh ta thuê xe mà đi, tuy biết rõ anh ta chạy nhanh hơn ai hết. Tỉ tiền vật ấy tuy không đáng kể vào đâu, nhưng anh ta cảm thấy có tình có nghĩa, rộng rãi với nhau, khiến anh ta khoan khoái trong lòng. Tường đã ở cho nhiều chủ, mười người thì chín người có thể chậm trả công được ngày nào là trả chậm ngày ấy, tỏ ra rằng tốt nhất là thuê người không công, và cho rằng, người ở chỉ là chó là mèo. Hoặc có khi lại không được bằng chó mèo nữa kia. Nhà ông Tào này thì lại khác hẳn, vì thế anh ta thích ở đây. Anh ta dọn dẹp vườn tược, tưới hoa, chẳng cần để ai phải sai phải giục, và mỗi khi thấy anh ta làm những việc đó, thế nào bà chủ cũng khen vài câu, khen rồi lại nhân những lúc ấy, tìm cho anh ta những

thứ cũ rách, bảo đem đổi lấy diêm thuốc, mặc dù những thứ đó vẫn dùng được cả, và Tường cũng giữ lại mà dùng chứ không đem đổi. Ở đây, anh ta cảm thấy có chút nhân tình thế cố.

Dưới con mắt của Tường, lão Tư Lưu có thể kể như là ông trời con. Trong đầu óc anh ta, những nhân vật lớn lao ngoài ông trời con ra, phải kể đến đức thánh Khổng kia nữa. Anh ta chẳng biết đức thánh Khổng rút cục là người thế nào, nhưng nghe nói ông ta nhiều chữ lắm, và rất biết điều. Những nhà anh ta đã vào làm, vẫn có mà võ cũng có, trong số võ thì không ai có thể sánh kịp lão Tư Lưu; trong số văn tuy có người giáo sư trường đại học, có người làm việc ở tòa này phủ nọ, chữ tất nhiên cũng biết rất nhiều, nhưng chưa gặp người nào được cả. Có khi, ông chủ tử tế một chút, thì bà chủ và các cô các mợ lại rất khó hầu. Chỉ có ông Tào đây là người biết chữ, lại biết điều, và cả bà Tào cũng là người nề nếp, ai cũng mến. Vì thế, ông Tào tất nhiên phải là đức thánh Khổng. Giả dụ Tường không thể tưởng tượng được đức thánh Khổng hình thù ra sao thì, tất anh cho rằng đức thánh phải giống như ông Tào, đức thánh có muốn hay không cũng mặc.

Thực ra ông Tào cũng chẳng phải tài giỏi gì lắm đâu. Ông ta chỉ là người vào loại trung bình, có lúc dạy học ít lâu, cũng có lúc lại làm một số việc khác. Ông ta tự cho mình là *"một người theo chủ nghĩa xã hội"*, đồng thời cũng là một người theo chủ nghĩa duy mỹ, chịu

ảnh hưởng ít nhiều của Uy-li-am Mô-ri-xơ. Về mặt chính trị, về mặt nghệ thuật, ông ta đều không có kiến giải gì cao siêu. Nhưng ông ta có được một ưu điểm là: điều mà ông ta tin tưởng, ông ta có thể đem áp dụng vào những công việc nhỏ nhất nhất trong cuộc sống. Hầu như ông ta biết rằng, bản thân mình không tài trí gì hơn người để có thể làm được những việc kinh thiên động địa, nên ông ta đành sắp đặt công việc riêng và gia đình theo lý tưởng của mình; tuy không có lợi ích gì cho xã hội, nhưng cũng ít nhất là lời nói đi với việc làm, chứ không đến nỗi thành kẻ đạo đức giả. Vì vậy, ông ta rất chú ý đến những việc lật vật, dường như có ý tỏ ra rằng, nếu sắp xếp gia đình bé nhỏ được tốt đẹp, thì xã hội dù thế nào chẳng nữa cũng có thể cứ mặc kệ. Có lúc, điều này đã khiến ông ta tự thấy làm xấu hổ, nhưng có lúc lại làm cho ông ta lại thấy thích thú, dường như ông nhìn thấy rõ ràng rằng, gia đình ông là một ốc đảo giữa sa mạc, chỉ có thể cung cấp cho những người tới đó chút nước ngọt và thức ăn, còn thì chẳng có ý nghĩa gì to lớn hơn nữa cả.

Vừa khéo, Tường đã đến được cái ốc đảo này. Đi trong sạp hàng bao nhiêu ngày trời, anh ta cho đây là một cảnh kỳ lạ. Xưa nay anh ta chưa từng gặp một người nào như ông Tào, nên anh ta coi ông là bậc thánh hiền. Có lẽ do anh ta ít từng trải, cũng có lẽ trên đời này, những người như thế không nhiều lắm. Kéo xe cho ông Tào, quần áo ông nhã nhặn thế kia, con người lại trông hoạt bát phóng khoáng thế kia,

bản thân anh ta thì cũng hoạt bát, lanh lợi, cao lớn, khỏe mạnh thế kia, nên anh ta chạy rất phấn khởi, dường như chỉ có anh ta mới xứng đáng kéo ông Tào. Ở nhà thì nơi nào cũng sạch như li như lau, bao giờ cũng rất yên tĩnh, khiến anh ta lại thấy thoải mái dễ chịu. Hồi còn ở quê nhà, vào những tháng thu ngày đông, anh ta thường thấy những cụ già ngậm điều trúc, ngồi không nói một lời, anh ta tuy còn nhỏ tuổi, không thể theo đòi các bậc già cả, nhưng lại thích nhìn các cụ ngồi im lặng như thế, và đoán chắc là thú vị lắm. Bây giờ, tuy ở thành phố, nhưng sự yên tĩnh trong nhà ông Tào cũng đã khiến anh ta nhớ lại cảnh sống ở quê nhà hồi trước, anh ta thấy thêm hút điều ống, để tìm trong đó chút thú vị.

Chẳng may, cái ả kia và số tiền kia đã làm anh ta không được yên lòng; trái tim anh ta giống như một chiếc lá xanh, bị con sâu nhả tơ cuộn lại, định làm thành cái tổ. Vì chút chuyện đó mà anh ta không thể yên lòng được. Trước mặt người khác, thậm chí cả trước mặt ông Tào nữa, anh ta thường cứ thờ thẩn ra, hỏi một đằng trả lời một nẻo. Điều đó khiến anh ta buồn vô cùng. Nhà ông Tào đi ngủ rất sớm; buổi tối, cứ độ hơn chín giờ là không còn việc gì nữa, thế là anh ta một mình ngồi trong nhà hoặc ngoài sân, cứ nghĩ đi nghĩ lại, chỉ quanh quẩn với hai chuyện đó. Thậm chí anh ta đã nghĩ rằng, nếu mình lấy vợ ngay, thì nhất định ả Nữu sẽ hết hy vọng. Nhưng nghề kéo xe làm sao nuôi nổi vợ? Anh ta đã biết rõ cái cảnh khổ của anh

em trong xóm nghèo, chồng kéo xe, vợ may vá lật vạt, con nhặt than, mùa hè đi lượm vỏ dưa ở đồng rác mà ăn, mùa đông thì đi linh cháo phát chẩn. Tường chẳng thể chịu được cái cảnh đó. Lại nữa, giả dụ anh ta lấy vợ, thì số tiền gửi lão Tư Lưu chắc chắn là mất. Ấy Niu đời nào lại tha cho anh. Anh ta không thể bỏ số tiền đó được, số tiền phải bỏ mạng ra mới có.

Cái xe cũ của anh ta mua dạo đầu thu năm ngoái. Đã hơn một năm rồi. Bây giờ thì anh ta chẳng có gì cả. Chỉ còn ba mươi đồng bạc, đã không đòi được lại còn mắc vào những chuyện rắc rối lồi thoi. Càng nghĩ anh ta càng thấy chán.

Tết trung thu đã qua được hơn mười ngày rồi. Trời mát dần. Anh ta tính cần phải có thêm hai cái áo nữa. Lại tiền! Không thể nào vừa mua áo, vừa để dành tiền. Hy vọng mua xe, quả thật không còn dám hy vọng nữa! Cứ kéo xe tháng mãi, thì cuộc đời còn ra cái quái gì?

Một hôm, vào buổi tối, ông Tào ở phía Đông thành phố về hơi muộn. Vì cẩn thận, Tường chạy theo đường lớn trước Thiên An Môn. Đường rộng rãi phẳng phiu, rất vắng, gió mát nhẹ nhõm thổi, ánh đèn chiếu sáng lạng lẹ, anh ta chạy thấy dẻo chân. Những nỗi bực dọc trong mấy ngày qua, anh ta tạm thời quên cả. Nghe tiếng bước chân mình chạy, nghe tiếng díp xe khê kêu, anh ta quên hết mọi chuyện. Anh ta mở cúc áo, gió mát lùa vào ngực, anh ta cảm thấy khoan khoái vô cùng, dường như cứ chạy như thế này, đến đâu thì đến,

chạy rồi thì chết quách đi cho xong. Anh ta càng chạy càng nhanh. Phía trước có một chiếc xe, Tường vượt luôn. Một lát đã qua Thiên An Môn. Hai chân anh ta giống như hai cái lò xo, cơ hồ vừa chạm đất là nảy lên liền. Bánh xe ở phía sau quay tít không trông thấy đũa. Bánh xe như bỗng rời khỏi mặt đất, cả xe lẫn người như bị một luồng gió cuốn đi. Gió mát phả vào mặt, ông Tào thiu thiu ngủ, nếu không, nhất định ông ta không để cho Tường chạy nhanh như thế. Tường xoạc cẳng ra mà chạy, trong bụng mơ màng nghĩ rằng, chạy cho toát mồ hôi ra, đêm nay nhất định sẽ ngủ được ngon giấc, chẳng còn phải nghĩ vẩn vơ gì nữa.

Đã gần đến đường Bắc Trường rồi, nửa đường phía trước mặt, bị dây cây hòe bên ngoài Hồng Tường¹¹ che kín, tối mò mò. Tường vừa định ghìim bước lại thì vấp phải vào một cái gì cao nhô lên. Chân khuyu xuống, xe cũng lắn kênh. Tường bắn ra ngoài, cẳng xe gãy đánh cắc một tiếng.

– Sao thế?

Ông Tào vừa nói thì đã ngã lắn ra. Tường làm thình, ông Tào nhanh nhẹn ngồi dậy.

– Sao thế?

Đá rải đường đánh đồng ở đây mà lại không treo đèn đỏ.

¹¹ Tường bao vây cung điện cũ của nhà Thanh, quét sơn màu đỏ (ND).

Tường hỏi:

– Ông có việc gì không ạ?

– Không. Tôi đi bộ về đây. Anh kéo xe về nhé!

Ông Tào vẫn điềm tĩnh, sờ trên đồng đá xem có rơi cái gì không.

Tường mân mê cái càng xe gãy:

– Mới gãy một tí thôi, ông cứ ngồi lên, còn kéo được!

Nói rồi anh ta kéo chiếc xe khỏi đồng đá.

– Ông ngồi lên đi!

Ông Tào không muốn ngồi xe nữa, nhưng nghe giọng anh ta nói như mếu, ông ta đành phải lên xe vậy.

Đến dưới ngọn đèn ở ngã tư đường Bắc Trường, ông Tào thấy bàn tay mình sức mất một miếng da.

– Anh Tường à, dừng lại xem nào!

Tường quay đầu lại, máu me đầy mặt.

Ông Tào hoảng người lên không biết nên nói thế nào:

– Anh mau mau...

Tường ngơ ngác, tưởng ông ta giục chạy nhanh, liền co cẳng chạy một mạch về tới nhà.

Đặt xe xuống, anh ta thấy tay chủ chảy máu, vội vàng chạy vào sân, định tìm bà chủ lấy thuốc.

Ông Tào chạy vào:

– Mặc tôi, anh xem kia!

Tường nhìn mình, bắt đầu thấy đau, đầu gối, khuỷu tay đều bị toạc cả; trên mặt anh ta cứ tưởng là mồ hôi, hóa ra là máu. Chẳng biết làm sao, nghĩ sao bây giờ, anh ta ngồi phịch xuống thêm cồng, thần thờ ngắm cái xe gãy càng. Cái xe mới tinh đen nhoáng, đầu càng gãy thụt thòi ra hai mẩu gỗ trắng, trụi thui lúi, trông chẳng ra cái gì, xấu quá đi mất, y như một con nộm giấy rất đẹp, làm xong rồi, chỉ còn thiếu đôi chân, tạm gắn hai cái que vào đó. Tường thần thờ nhìn hai đầu càng gỗ gãy lòi gỗ trắng.

Giọng lạnh lạnh của vú Cao cất lên:

– Anh Tường! Anh Tường! Đau rồi?

Tường ngồi không nhúc nhích, mắt đăm đăm nhìn hai cái càng xe, hai mẩu gỗ đó như đâm vào tim anh ta.

– Sao lại gãy thế? Anh cứ lặng thinh, ngồi ở đây, làm tôi sợ hết hồn! Ông đang gọi anh kia!

Vú Cao lúc nào nói cũng đầy nhiệt tình, nghe vừa dài dòng lại vừa cảm động. Vú là một người đàn bà góa trạc băm hai băm ba, sạch sẽ, lạnh lện, làm ăn tháo vát và cẩn thận. Ở những nơi khác, có người chê

vú lạnh chanh, lắm chuyện, ranh ma quỷ quái. Nhưng nhà ông Tào đây lại thích những người tươm tất, lạnh lợi, chứ không chú ý đến những chi tiết lặt vặt ấy, cho nên vú ở với họ đã hai ba năm nay rồi, họ đi đâu cũng mang vú theo.

Vú Cao lại nhắc lại:

– Ông đang gọi anh kia kia!

Tường đứng lên, vú thấy mặt anh đầy máu:

– Cha mẹ ôi! Làm tôi sợ hết hồn! Sao lại thế này? Anh không đi băng bó đi à, nhờ thế nào thì khốn! Mau lên! Ông có thuốc đấy!

Tường đi trước, vú Cao theo sau, miệng lắm bầm, cùng vào phòng sách. Bà Tào cùng ở đó, đang bôi thuốc vào tay cho chồng. Thấy Tường vào, bà ta cũng kinh hãi kêu lên.

Vú Cao vẫn sợ bà Tào chưa thấy, vừa đổ nước lạnh vào chậu, vừa nói:

– Bà ạ! Anh ta ngã đau quá! Cháu biết mà! Anh ta đã cất bước chạy, thôi thì cứ bạt mạng, sớm muộn thế nào cũng có phen xảy ra chuyện. Quả nhiên thế thật! Không rửa mau đi à? Rửa sạch rồi bôi thuốc đi!

Tường đỡ lấy khuỷu tay phải, đứng im. Phòng sách sạch sẽ thanh nhã thế kia mà anh ta mặt mũi bê bết máu, trông thật không ra sao cả. Mọi người

dường như cũng thấy như thế nào ấy, cả vú Cao đứng lặng yên không nói năng gì cả.

Tường cúi đầu, khẽ nói, nhưng giọng rần rỏi:

- Thưa ông, ông tìm người khác kéo xe vậy. Tiền công tháng này, cháu xin để lại chữa xe. Càng xe gãy, đèn bên trái vỡ mất miếng kính, còn những chỗ khác vẫn không sao cả.

- Rửa ráy, bôi thuốc đi đã, rồi nói chuyện đó sau.

Ông Tào nhìn vào tay mình, nói. Còn bà Tào thì đang nhẹ nhàng quần băng cho chồng.

Vú Cao lúc ấy cũng nghĩ ra được lời rồi, liền nói:

- Rửa đi đã! Ông có nói gì đâu nào! Anh đừng cứ vẽ chuyện!

Tường vẫn đứng không nhúc nhích.

- Không phải rửa, rồi sẽ khỏi thôi mà! Kéo xe... mà để người ngã, xe gãy... thì còn mặt mũi nào...

Lời anh ta nói không diễn đạt được hết ý anh ta, nhưng tình cảm của anh ta đã bộc lộ ra hết; chỉ còn thiếu nước khóc òa lên nữa thôi. Xin thôi việc, để tiền công lại, đối với anh ta, thế cũng gần như là tự sát. Nhưng lúc này trách nhiệm và thể diện hầu như còn trọng hơn cả tính mệnh, bởi vì người ngã không phải là ai khác mà lại chính là ông Tào. Giả dụ, anh ta làm mục Dương ngã thì cũng chẳng sao! Đáng kiếp!

Đối với mụ Dương, anh ta có thể dở cái thói ngang bướng ngoài đường ra, bởi vì mụ ta coi anh ta ra con người dẫu, thì anh ta cũng chẳng cần phải tử tế làm gì. Tiền trên hết, nói gì đến thể diện, đến lịch sự lễ phép! Nhưng ông Tào hoàn toàn không phải người như vậy. Anh ta cần phải hy sinh đồng tiền đi để giữ lấy thể diện. Anh ta không giận ai cả, mà chỉ giận cái số mình. Hầu như anh ta đã nghĩ thế này: ra khỏi nhà ông Tào, anh ta không bao giờ đi kéo xe nữa; cái mạng mình không ra gì, chết cũng chẳng sao, nhưng còn mạng người ta? Nhỡ người ta ngã chết, thì làm thế nào? Trước đây, anh ta không nghĩ đến chuyện đó, nhưng lần này anh ta làm ông Tào ngã bị thương, nên mới nghĩ đến chuyện đó. Thôi được rồi, tiền công chẳng lấy nữa, từ nay đổi nghề, không làm cái nghề đèo mạng con người ta trên lưng nữa. Kéo xe là cái nghề lý tưởng của anh ta, bỏ cái nghề này cũng cầm bằng bỏ hết mọi hy vọng. Anh ta nghĩ, rồi đây anh ta sẽ sống ru rú một xó cho qua ngày, không nghĩ đến chuyện trở thành một tay kéo xe cừ nữa. Súc dãi vai rộng thế này cũng uống thôi! Hồi kéo xe lẻ, anh ta từng tranh khách rất ngang ngược, để người ta chửi bới, nhưng mặt dày mày dạn như vậy được chính là vì anh ta muốn khấm khá lên, muốn mua cái xe, cho nên có thể tự tha thứ cho mình. Nay kéo xe thảng mà lại để xảy ra tai nạn, thì ăn nói thế nào đây? Nhỡ người ta biết chuyện thằng Tường làm ngã người, hỏng xe thì sao? Kéo xe thảng dẫu có cái kiểu ấy, thế

còn ra cái trò gì! Thằng Tường đến mặt kiếp! Anh ta không thể chờ để ông Tào đuổi, thôi thì đành cuốn gói trước đi!

Tay ông Tào đã băng bó xong.

– Anh Tường! Rửa ráy đi đã! Đừng nói đến chuyện xin thôi việc vội. Chẳng phải là lỗi tại anh. Đồ đá ở đấy thì phải treo đèn đỏ chứ! Thôi, rửa ráy rồi bôi thuốc đi!

Vú Cao lại nghĩ ra được lời để nói rồi:

– Thưa ông, ông nói như thế là phải đấy ạ! Anh ấy xấu hổ. Làm ông ngã đau thế kia! Nhưng ông đã cho không phải lỗi ở anh, thì anh cũng chẳng tội gì mà bần khoản nữa. Xem kìa, lớn thế kia rồi, mà vẫn như trẻ con! Cứ rồi lên! Bà bảo anh ấy một câu cho anh ấy yên lòng!

Vú Cao nói như máy hát, cứ trơn lu, nói với người này rồi nói với người kia mà chẳng thấy “*khởi thừa chuyển hợp*” gì cả.

– Thôi rửa mau đi! Trông thấy máu tôi sợ lắm!

Bà Tào chỉ nói mỗi câu như thế thôi.

Tường trong bụng rất bối rối, cuối cùng nghe bà chủ nói trông thấy máu mà sợ, thì anh ta dường như đã tìm được cách để bà ta yên lòng. Anh ta liền bung chậu nước ra ngoài cửa phòng, rửa qua loa.

Vú Cao cầm lọ thuốc đứng phía trong cửa chờ. Bôi khắp một lượt trên mặt cho anh ta rồi, vú Cao liền nhắc:

– Còn chân tay có việc gì không?

Tường lắc đầu:

– Không việc gì cả.

Vợ chồng ông Tào đi nghỉ. Vú Cao mang lọ thuốc theo Tường đi ra. Qua phòng anh ta, vú bỏ lọ thuốc đấy, rồi đứng ở cửa, nói:

– Lát nữa rồi bôi lấy nhé! Đây, anh không nên nghĩ ngợi nhiều về chuyện ấy nữa. Trước kia, hồi còn nhà tôi, tôi cũng bỏ việc luôn. Một là, tôi đi làm ở ngoài này khó nhọc, nhưng nhà tôi chẳng muốn cho mở mặt mở mày, thành ra bực lăm cơ! Hai là, hồi đó còn trẻ đang hăng, nói trái tai một tiếng là tôi thôi ngay! Đổ mồ hôi sôi nước mắt, đổi lấy đồng tiền, chứ có phải đi làm thân trâu ngựa như người ta đâu. Bà có tiền có của, tôi chẳng ra gì cũng là người. Tôi không thể hầu hạ bà được. Bây giờ thì cũng đã khá nhiều rồi. Nhà tôi chết đi, tôi chẳng thương nhớ gì cả, tính nết cũng thuần hơn. Tôi ở cái nhà này, ấy thế cũng được ba năm rồi đấy nhé! Chứ không à? Vào từ ngày mồng chín tháng chín mà! Tiền cho vật chẳng có gì, nhưng người ta ăn ở tử tế. Bọn ta làm thuê chỉ cốt kiếm đồng tiền. Được vài lời nói khéo không thôi thì cũng không ăn thua. Nhưng, lại phải nói thế này mới

được, cái gì thì cũng nên tính về lâu về dài. Vào mồng ba ra mồng bốn, một năm nghỉ tới sáu tháng, thế còn ăn thua gì! Chẳng bằng gặp phải chủ nhà mềm mỏng ôn tồn, chịu khó làm cho lâu lâu, tiền cho vật ít một chút, nhưng cứ đều đều như vậy thì cũng có thể dành dụm được dăm ba đồng. Cái chuyện ngày hôm nay ấy mà, ông chủ đã không nói thì thôi, việc gì phải thế. Cũng chẳng phải là tôi lên mặt người lớn đâu, nhưng anh còn ít tuổi, dễ nóng. Nhất thiết không nên thế. Có ai giận mà no được! Người như anh thật thà như đếm thế kia, cứ ở yên đây mà làm ít lâu, còn hơn là chạy rong suốt ngày khắp phố phường. Chẳng phải tôi nói để lấy lòng họ đâu, tôi nghĩ cho anh mà nói đấy thôi, cùng làm một chỗ với nhau thế này cũng vui – Vú thở dài một tiếng rồi nói tiếp – Thôi được rồi, đi ngủ đi, đừng có bực mình nhá! Tính tôi thẳng, nghĩ thế nào thì nói thế!

Khuyết tay phải của Tường đau lắm, nửa đêm anh ta vẫn chưa chợp mắt được. Suy tính thiệt hơn, anh thấy vú Cao nói cũng phải, cái gì cũng giả hết, chỉ có tiền là thật thôi! Dàng dụa tiền mua lấy chiếc xe, không phải giận dỗi mà lo bụng được! Nghĩ đến đấy, anh ta thấy trong lòng hơi thư thái, thế rồi ngủ thiếp đi.

8

Ông Tào đem xe sửa, nhưng cũng không trừ đồng tiền công nào của Tường. Bà Tào cho hai viên "*Tam hoàng bảo lập*", anh ta cũng không uống. Anh ta không nhắc đến chuyện xin thôi việc nữa. Tuy mấy ngày liền, anh ta cứ thấy ngưỡng ngưỡng, nhưng lời nói của vú Cao đã át đi được. Ít lâu sau, cuộc sống trở lại bình thường, anh ta dần dần quên đi và bắt đầu hy vọng. Những lúc anh ta ngồi một mình trong phòng, mắt anh ta sáng lên. Anh ta tính toán nên dành dụm đồng tiền như thế nào, mua xe như thế nào, miệng cứ lẩm ba lẩm bầm, y như người có tâm bệnh. Anh ta không giỏi tính lăm, nhưng trong bụng cũng như đầu của miệng, lúc nào cũng lẩm nhẩm "*sáu sáu bầm sáu*", con số đó không liên quan gì mấy đến số tiền của anh ta, nhưng anh ta có lẩm nhẩm như thế, thì mới thấy vững dạ hơn, y như là có được một số vốn rồi vậy.

Anh ta rất phục vú Cao, thấy tâm địa cũng như tài năng, vú hơn bao nhiêu anh đàn ông khác, vú nói có lý lăm. Anh ta không dám chuyện trò với vú,

nhưng khi gặp vú ở sân hoặc cổng, nếu vú rồi việc nói chuyện với anh, thì anh ta cũng rất thích nghe. Chuyện của vú thường làm anh ta phải ngẫm nghĩ lâu, nên mỗi khi gặp vú, anh ta hay cười, vẻ ngớ ngẩn ngẩn ngẩn. Vú biết là anh ta rất phục những lời vú nói, vú cũng thấy rất đặc ý, dù cho không rồi nhưng cũng nói vài câu.

Có điều, về cách dành tiền thì anh ta không dám liều theo ý vú. Theo anh ta, ý vú thực ra cũng hay đấy, nhưng có phần mạo hiểm. Anh ta rất muốn nghe vú nói, để học lấy ít điều khôn, đầu óc mở mang thêm ra; nhưng khi thực hành, anh ta vẫn theo ý cũ của mình – không chịu để tiền rời khỏi tay một cách dễ dàng.

Đúng, vú Cao quả là người khôn khéo. Từ ngày góa chồng, mỗi tháng thừa ít nhiều, vú cho vay cả, món một đồng, món hai đồng. Người vay là cậu quít, cô sen, thầy cảnh sát hạng nhì hạng ba, kẻ buôn thúng bán mẹt, lãi ít nhất cũng là ba phần. Những người đó chỉ vì một đồng bạc thôi mà phải chạy ngược chạy xuôi đổ cả mắt cũng chẳng xoay ra, ai cho vay, dù một đồng phải trả thành hai, họ cũng cứ ngửa tay ra vay. Ngoài cách đó, họ không sao nhìn thấy mặt đồng tiền. Tiền mà họ nhìn thấy là tiền có chất độc, cầm lấy là nó sẽ hút cạn máu, nhưng họ vẫn cứ phải cầm. Phàm những cái gì có thể giúp họ dễ thở trong chốc lát là họ có gan cầm lấy tất. Hãy thử được cái đã, tính mệnh thế nào rồi sẽ hay, ngày mai sẽ nói

chuyện ngày mai. Hối chồng còn sống, chính vú đã từng ném cái chất độc đó rồi. Chồng vú uống rượu say mèm đến tìm vú, không có một đồng thì không sao đẩy anh ta về được. Không có, anh ta sẽ làm âm lên ở ngoài cổng. Chả còn cách nào khác, lải nặng mẩy, vú cũng phải đi vay. Vú đã trải qua nên vú học được cái kiểu ấy, không phải vì vú muốn trả thù, mà vú coi đó là một chuyện hợp lý, hầu như là một việc thiện giúp người trong cơn nguy khốn nữa kia. Người cần vay tiền, cũng như người có tiền cho vay, “*Chu Du đánh Hoàng Cái*”¹² hai bên đều tự nguyện cả.

Về tôn chỉ, vú Cao không thấy việc này có điều gì không ổn, thì về phương pháp, vú phải chặt chẽ một chút. Không thể đem tiền ném thia lia trên mặt nước được; làm thế nào thì nói thế ấy. Việc này cần phải tinh ý, mảnh khẻ, cẩn thận, chanh chua, mới không đến nỗi mất toi. So với giám đốc nhà ngân hàng, vú Cao phải hao tổn tâm cơ hơn. Vốn nhiều, ít khác nhau, nhưng “*chủ nghĩa*” thì y như nhau, bởi vì đây là xã hội tư bản, giống như một cái rây cực kỳ tinh vi, rây tiền từ trên xuống, từng tí từng tí một, càng xuống dưới thì tiền càng ít, đồng thời cũng rây cả “*chủ nghĩa*” xuống. Có điều chủ nghĩa thì trên hay dưới đều như nhau, bởi vì chủ nghĩa không phải như

¹² Rút trong chuyện Tam Quốc, Hoàng Cái, tướng của Chu Du tình nguyện bị đòn để thi hành “*khổ nhục kế*”, đánh lừa Tào Tháo trong trận Xích Bích (ND).

tiền, mức rây nhỏ thì không lọt. Nó là vật vô hình, lỗ rây nhỏ đến mấy cũng lọt. Ai cũng kêu vú Cao là tay đáo để, vú cũng thừa nhận như thế; vú đáo để là vì vú đã bị dày vò nhiều. Mỗi lúc nhớ lại nỗi khổ trong những ngày qua, đến cả chồng mình mà cũng vô tình vô lý như thế, vú nghiêng chặt răng lại. Vú có thể rất hiền lành, mà lại cũng có thể rất cay nghiệt. Vú biết không thể thì không sống trên đời này được.

Vú khuyên Tường đem tiền cho vay là hoàn toàn do ý tốt của vú. Giả dụ anh ta bằng lòng, thì vú có thể giúp anh ta.

- Anh Tường! Đây, để trong túi, một đồng vẫn cứ là một đồng! Bỏ ra cho vay, bạc lại đẻ ra bạc! Đúng thế đấy, chúng ta có mất để làm gì? Nhìn cho tỉnh rồi mới bỏ tiền ra, không thể để mất toi! Nếu thấy cảnh sát nào mà không trả lãi, hoặc không chịu hoàn gốc, tôi đến gặp lão xếp của hắn! Chỉ cần nói một câu thôi hắn bị đuổi ngay. Lại dám thế à! Hỏi dò đúng ngày lĩnh lương, đề ra mà lấy! Không trả, đâu có chuyện lạ thế! Cứ thế mà suy, cho ai vay, ta phải nắm chắc đằng chuôi. Hừ, cho vay mà lại như "đáy bể mò kim", sao ổn! Cứ nghe tôi, không sợ suy suyển gì đâu!

Tường không cần nói gì cả, chỉ cái vẻ mặt anh ta chứng tỏ anh ta rất phục lời vú Cao. Nhưng đến khi ngồi tính toán một mình, anh ta thấy tiền nắm trong tay chắc chuyện hơn cả. Phải rồi, tiền nắm trong tay là tiền chết, không đẻ thêm ra, nhưng lại không thể mất

đi đâu được. Anh ta khê lấy mấy đồng bạc dành dụm mấy tháng nay ra nhìn – toàn bạc trắng cả. Anh ta lật đi lật lại từng đồng một, sợ nó kêu thành tiếng. Những đồng bạc trắng xóa, dày dặn, trông mà sướng con mắt, anh ta càng thấy không thể nào rời ra được, trừ phi bỏ ra mua xe thì không kể. Mỗi người một cách, anh ta không thể cứ cái gì cũng nghe theo vú Cao.

Nguyên trước kia ở nhà ông Phương, trong nhà lớn bé, cả người làm nữa, ai cũng có một cuốn sổ gửi tiền ở bưu cục. Bà Phương đã khuyên anh ta:

– Một đồng là có thể đứng tên một cuốn sổ rồi, sao anh không gửi! Các cụ nói rất đúng: *“Lúc có phải nghĩ đến lúc không, để khỏi lúc không ngồi mong lúc có”* – Đang lúc trẻ, không nhân lúc khỏe mạnh trai tráng dành dụm ít nhiều, một năm ba trăm sáu mươi ngày, chẳng thể ngày nào cũng nắng ráo. Gửi tiền như thế đã tiện, lại chắc chắn, có đồng lời, lúc nào cần đến là có thể trích ra một ít mà tiêu pha, còn muốn tiện lợi thế nào nữa! Đi xin cái giấy về đây, anh không biết viết, tôi viết hộ cho, cốt giúp anh thôi mà!

Tường biết bà ta có lòng tốt muốn giúp mình, và cũng biết bác bếp Sáu, u Tần đều muốn có sổ cả, anh ta cũng muốn thử xem sao. Nhưng một hôm, cô con gái nhớn của ông bà Phương sai anh ta đi gửi hộ mười đồng, anh ta đã nhìn kỹ cái cuốn sổ con kia, thấy có viết chữ, và dấu nhỏ đóng bằng mực đỏ. Hừ, tất cả gộp lại chỉ bằng tờ giấy nhỏ đi ngoài thế này thôi à! Đưa

tiền cho họ, họ ngoáy cho mấy chữ vào sổ, rồi đóng cho con dấu, anh ta thấy đây nhất định phải là cái trò lừa bịp. Đồng bạc trắng phau như thế này, đem quăng vào đó, rồi tin chắc vào mấy nét chữ nguệch ngoạc kia, Tường không đời nào lại mắc vào cái đại ấy. Anh ta ngờ nhà ông bà Phương này thông lưu với cái bưu cục kia – Anh ta nghĩ bưu cục là một hãng buôn có nhiều chi nhánh, có lẽ cũng có tiếng tăm lâu đời, ít nhất cũng xấp xỉ như Doan Phù Tường, hoặc Hồng Ký chẳng hạn – cho nên mới thiết tha chèo kéo khách hàng như vậy. Dù thực sự không phải như vậy, tiền nằm trong tay cũng chắc hơn ghi trong sổ, chắc hơn nhiều! Trong sổ thì chỉ có ghi mấy chữ thôi!

Đối với ngân hàng ngân hiếc, anh ta chỉ biết có thể đón khách ở đó mà thôi. Giả dụ các ông đội xếp không cấm đỗ xe ở đó, thì nhất định anh ta sẽ “có khách”. Còn như trong đó người ta làm những trò gì, anh ta đoán không ra. Phải rồi, ở đó nhất định phải có rất nhiều tiền, nhưng anh ta không hiểu sao lại cứ phải đến chỗ đó mà nô rồn với tiền mới được. Đàng nào thì cũng chẳng dễ gì mà với tới những nơi thế, vậy cũng chẳng cần phải bận tâm suy nghĩ. Ở thành phố có bao nhiêu việc anh ta không hiểu, nghe anh em kháo nhau trong quán nước, anh ta càng thấy mù tịt, bởi vì mỗi người một phách, anh nào nói cũng chẳng đến đâu đến đũa. Anh ta không buồn nghe, mà chẳng buồn nghĩ đến nữa. Anh ta nghĩ, giả dụ ăn cướp chẳng hạn, thì tốt nhất là cướp ngân hàng. Nếu

không muốn làm thổ phỉ, thì mình cứ giữ lấy tiền của mình là hơn cả, còn những chuyện gì ở đâu mặc kệ. Anh ta biết đó là cách ổn nhất.

Vú Cao biết rõ là anh ta nóng lòng mua xe, lại bày cách khác cho anh ta:

- Anh Tường này! Tôi biết anh không muốn cho vay, cốt là để mau mau mua được cái xe riêng. Kể thế cũng phải. Nếu tôi là đàn ông, mà cũng lại kéo xe, thì nhất định tôi phải kéo xe riêng của tôi; của riêng mình mình kéo, chẳng phải cầu cạnh ai! Nếu được như thế thì đổi tôi chức tri huyện tôi cũng không đổi. Kéo xe kể cũng mệt đấy, nhưng tôi mà là đàn ông, có sức lực thì tôi thà kéo xe chứ không thêm đội xép. Quanh năm suốt tháng đứng đường, mỗi tháng được hai đồng bạc! Chẳng có bổng lộc gì, lại bị gò bó, đến lúc có tuổi lại tổng ra, thật chẳng được mẹ gì cả. Tôi bảo này, phải đấy, nếu anh muốn chóng mua được xe, tôi bày giúp anh cách này hay lắm: chơi một chân hội, độ mười người, nhiều nhất là hai chục người, mỗi người mỗi tháng đóng hai đồng, anh mở tháng đầu, thế chẳng phải có ngay bốn chục rồi không? Chắc thế nào anh đã để dành được ít nhiều rồi, đập thêm vào, mua luôn cái xe mà kéo, thế là xong. Mua được xe rồi, anh chỉ còn việc tháng tháng góp tiền nữa thôi, chẳng phải trả lãi, lại đàng hoàng, chắc là vừa ý anh! Anh mà muốn chơi họ thật thì tôi xin vào một chân, không nói đùa đâu, thế nào?

Quả thật chuyện này có làm cho tim Tường đập nhanh hơn một chút! Anh ta rất muốn mau mau góp được ba bốn chục đồng, cộng thêm với hơn ba chục đồng mà lão Tư Lưu còn giữ, với lại mấy đồng lẻ hiện có trong tay, chẳng gần được gần tám chục rồi hay sao? Dù không mua nổi một cái xe mới toanh, nhưng nhất định thế nào cũng tậu được một cái trông còn tươi! Huống chi, nếu vậy, anh ta có thể đến lão Tư Lưu đòi tiền về, khỏi phải cứ gủi mãi đấy, chẳng ra sao cả. Không mới lắm cũng được, cứ kéo đi đã, sau này dư dật sẽ thay cái khác.

Nhưng, tìm đâu cho ra hai chục người như thế bây giờ? Dù cho rủ được đủ số, nhưng đây là một việc tình nghĩa, mình cần tiền mình mời họ góp, nhờ rồi sau này người ta cũng mời mình góp thì sao? Chơi hụi, thời buổi này hay vỡ lắm kia! Tài trai chẳng cần phải nhờ vả ai cả, dứt khoát như thế, số mình mua được xe thì mua, không cần nhờ vả ai cả!

Thấy Tường làm thỉnh, vú Cao muốn trêu anh ta một hồi, nhưng nghĩ lại thấy anh ta thật thà như thế, nên vú không nỡ:

– Anh này hay thật! “*Đuổi lợn trong ngõ hẻm, chạy tới rồi lại chạy lui*”¹³. Thôi vậy.

Tường chẳng nói gì cả, đợi vú Cao đi rồi, anh ta mới gật gà gật gù một mình, dường như có vẻ đắc ý với cái tài “*khư khư như từ giữ đền*” của mình.

¹³ Ý nói: Cứ trờ ra, nói sao cũng chẳng chuyển! (ND).

Đã sang đông rồi. Buổi tối, trong ngõ, ngoài tiếng rao hạt dẻ, đường, lạc rang ra, lại còn có cả tiếng rao khe khẽ buồn buồn “*mua bò ra mua*” – Gánh hàng bò lại còn bán cả “*lợn đất*” nữa. Tường mua một con thật to. Bán mở hàng nên người bán hàng không có tiền lẻ trả lại, Tường hứng lên, thấy cái bò xinh xinh, men xanh bóng kia rất thích, liền nói nhẹ nhàng:

– Thôi, không phải trả lại nữa, tôi lấy thêm cái này!

Để con lợn đất đấy, anh ta mang chiếc bò nhỏ chạy vào nhà:

– Cậu còn thức à? Biểu cậu cái này, hay lắm!

Cả nhà đang thức trông bé Văn – con trai nhỏ của vợ chồng ông Tào – tắm, thấy cái bò không ai nín cười được. Vợ chồng ông Tào không nói gì cả, chắc nghĩ lấy cái đó làm đồ chơi thì hơi ngốc, nhưng lòng tốt của Tường thì không nên từ chối, nên cả hai vợ chồng nhìn anh ta, mỉm cười, tỏ ý cảm ơn. Còn vú Cao thì không đời nào lại để miệng rồi:

– Cái anh Tường này thật là!... To xác thế mà còn bày cái trò ấy ra! Trông có chương mắt không!

Bé Văn thích lắm, lấy tay vốc nước trong chậu tắm đổ vào bò.

– Cái ấm này, miệng to chưa!

Cả nhà lại cười ầm lên. Tường ngượng nghịu đi ra. Bao giờ cũng thế, hề có chuyện gì đặc ý là anh ta đâm ra lúng túng. Anh ta rất khoái, đó là chuyện chưa hề xảy ra. Mọi người tươi cười nhìn anh ta, dường như anh ta là một nhân vật rất quan trọng vậy. Anh ta vừa mỉm cười, vừa mang mấy cái đồng bạc trắng ra, nhẹ nhàng bỏ vào con lợn đất, nghĩ thâm trong bụng:

– Thế này là chắc chắn hơn cả! Bao giờ đủ số rồi thì đập vào tường, choang một tiếng, tiền rồi còn lại nhiều hơn cả mảnh sành nữa kia đấy!

Anh ta nhất quyết không nhờ vả ai. Ngay lão Tư Lưu đáng tin cậy là thế, vậy mà có lúc cũng thấy khó chịu. Tiền thì chẳng mất đi được đâu, nhưng nằm trong tay lão ta, dù sao cũng vẫn không yên lòng.

Tiền cũng giống như cái nhẫn, đeo vào tay là ổn nhất. Quyết định đó làm anh ta vui lên, anh ta cảm thấy dường như thắt lưng được chặt hơn, do đó ngực có thể ưỡn ra, mạnh mẽ hơn.

Trời càng ngày càng lạnh, Tường hầu như không cảm thấy gì cả. Trong bụng anh đã có chủ định rõ ràng mắt thấy sáng sửa ra, mà đã thế thì không biết lạnh nữa. Mặt đất đã đóng một lớp băng mỏng, ở các con đường nhỏ, đất cứng cả lại, đâu cũng khô ráo, rắn chắc, đất đen cũng thấy vàng vàng, dường như đã bốc hết hơi ẩm. Nhất là sáng sớm, sương đọng trắng trên

những gờ đất do vết bánh xe để lại. Gió nhẹ nhưng buốt, thổi bay mây sớm, để lộ bầu trời cao tít, xanh ngắt, đẹp vô cùng. Tường thích kéo xe chạy một cuộc rồ sớm, gió lạnh ùa vào ống tay áo, làm cho anh ta vừa run vừa khoan khoái, như tắm nước lạnh. Có khi gió mạnh thốc tới, anh ta thở không ra hơi, nhưng vẫn cúi đầu, nghiêng rặng, cứ thế lao về phía trước, y như một con cá bơi ngược dòng nước. Gió càng to, anh ta chống chọi càng mạnh, y như quyết thi gan với gió. Bất chợt một cơn gió mạnh thốc tới, làm anh ta thở không ra hơi nữa, anh ta liền mím miệng, một hồi lâu, rồi “phà” một cái, y như vừa hụp sâu xuống nước. “Phà” một cái, rồi anh ta tiếp tục chạy xông lên phía trước. Không cái gì có thể ngăn nổi con người cao lớn này; khắp người anh ta, gân cốt nổi lên, y như con sâu bị kiến đốt, toàn thân phải cựa quậy để chống đỡ. Mồ hôi ướt đầm! Đến lúc hạ càng xe xuống, ưỡn thẳng lưng ra, thở phào một cái, phúi sạch bụi cát hai bên mép, anh ta cảm thấy anh ta là vô địch. Nhìn ngọn gió cuốn theo bụi đất vút qua trước mặt, anh ta gật gật đầu. Gió thổi uốn cong cây cối bên đường, xé rách cả băng vải chiếu hàng treo trước các cửa hiệu, bóc hết các tờ quảng cáo dán trên tường, che lấp cả mặt trời, kêu gào, gầm thét, quay cuồng lồng lộn, rồi bỗng lại xông thẳng tới, y như con yêu tinh rồ dại cứ lao bừa đi chẳng kể trời đất gì cả, rồi bỗng lại hoảng hốt. Cuốn đi tất, ba bề bốn bên, như một con ác quỷ phá phách lung tung, rồi lại thành linh quét ngang, thừa

khi không phòng bị, tấn công mọi cái ở trên mặt đất, bẻ gãy cành cây, bóc ngói trên mái nhà, xoắn đứt dây điện. Nhưng Tường vẫn đứng đó nhìn. Anh ta vừa từ trong trận gió ra, gió có làm gì được anh ta đâu! Kể thắng chính là anh ta! Gặp khi xuôi gió, anh ta chỉ cần nắm chặt càng xe, chẳng phải chạy, gió sẽ đẩy bánh xe quay giúp anh, y như một người bạn tốt.

Tất nhiên, anh ta không phải đui mù nên cũng đã nhìn thấy được tình cảnh của những người phu xe già yếu. Họ mặc chiếc áo rách chỉ cần một làn gió nhẹ cũng đủ làm cho họ thấy buốt thấu xương, còn gặp gió to thì lại càng tả tơi, chân thì không hiểu quán buộc cái quái gì ấy. Ở bên xe, họ run lấy bầy, mắt lăm lét như kẻ cấp, bất cứ có một người nào đi ra, họ cũng tranh nhau mời: “Xe không ạ?”.

Kéo được một món khách, họ thấy nóng ran cả người, mồ hôi thấm ra ngoài làn áo mỏng tanh, rách rưới kia. Đến khi dừng lại mồ hôi như đóng băng ở lưng. Gặp gió là họ không sao cất chân lên được nữa, đành phải dựa vào xe mà đi. Gió từ trên tấp xuống, thì họ cúi sát mặt tận ngực. gió từ dưới bốc lên, chân họ hầu như không chạm đất. Gió từ phía trước ào lại, vừa nhắc tay lên thì y như thả điều. Gió từ phía sau thốc tới, họ không sao điều khiển được thân hình họ và cái xe nữa. Nhưng họ phải dùng đủ mọi cách, đưa hết sức lực ra, cố sống cố chết bám lấy cái xe mà kéo nó tới nơi, liều mạng vì mấy đồng xu. Kéo được một

cuộc, bụi đất và mồ hôi quyện với nhau thành một lớp bùn, bết vào mặt, chỉ để lộ hai con mắt và cái miệng, cả thấy ba cái vòng tròn đỏ ửng lên vì giá lạnh. Ngày ngắn như thế, rét như thế, phố xá vắng tanh. Chạy suốt một ngày, khổ đường kia, chưa chắc đã đủ no một bữa. Nhưng già thì ở nhà còn vợ còn con; trẻ thì ở nhà còn bố mẹ anh em. Mùa đông, bọn họ chẳng khác gì dưới địa ngục, hơn hồn ma còn biết thở, nhưng lại không được an nhàn như hồn ma, hồn ma đâu có vất vả như họ. Đối với họ, chuyện an nhàn thoải mái nhất là được chết như con chó ở đầu đường. Nghe nói, ma chết rét về mặt vẫn tươi.

Lẽ nào Tường lại không nhìn thấy những cảnh ấy. Nhưng anh ta thì giờ đâu mà thương xót lo buồn cho họ. Những nỗi khổ sở họ chịu cũng chính là những nỗi khổ của anh ta. Có điều giờ đây anh ta đang khỏe mạnh trai tráng, chịu đựng được vất vả gian lao, không ngại rét mướt, không sợ gió mưa, ban đêm được chỗ nằm sạch sẽ, ban ngày được bộ quần áo thơm mát, cho nên anh ta nghĩ anh ta khác họ nhiều, không thể vợ dũa cả nắm. Giờ đây, tuy anh và bọn họ cùng chịu chung nỗi khổ, nhưng xét tới cùng, thì mức độ không phải hoàn toàn như nhau. Giờ đây, anh ta phải chịu khổ ít, mai kia, anh ta lại còn có thể thoát ra ngoài vòng được. Anh ta nghĩ, khi về già, quyết không đến nỗi vẫn phải kéo lê cái xe tã mà chịu đói chịu rét. Anh ta tin ưu thế hiện tại có thể bảo đảm cho thắng lợi tương lai. Cũng giống như các ông lái xe hơi thường

gặp ở cửa khách sạn hoặc cửa biệt thự, không bao giờ lại chịu trò chuyện với phu xe. Họ cho rằng chơi với phu xe là mất giá trị. Thái độ của các ông lái xe hơi đối với phu xe, có phần nào giống như thái độ của Tường đối với các bạn đồng nghiệp già yếu. Cùng ở trong địa ngục cả, nhưng lại ở trong tầng lớp khác nhau. Họ không nghĩ cần phải đứng chụm lại với nhau một chỗ; mỗi người theo một đường, người nào cũng bị những điều hy vọng và sự cố gắng của mình làm cho mờ mắt. Ai cũng có tưởng rằng tay trắng có thể nổi cơ đồ, trong cảnh tối tăm mờ mịt, mỗi người mò mẫm lối đi riêng. Tường không hề nghĩ đến những người khác, anh ta chỉ nghĩ đến tiền của anh ta và cơ đồ của anh ta trong tương lai mà thôi.

Phố phường dần dần đã có vẻ tết nhất rồi. Vào những buổi trời quang gió lặng, tuy vẫn hanh, nhưng hai bên đường đã thêm nhiều màu sắc: tranh tết, đèn lồng, nến đỏ, hoa lụa, bánh rán tẩm mật, bày cả ra, làm mọi người thấy vui trong lòng, nhưng đồng thời lại thấy thấp thỏm lo âu. Bởi vì, ai cũng muốn tết đến thì vui chơi vài ngày, nhưng ai nấy đều có gặp khó khăn không ít thì nhiều. Nhìn hàng tết bày ra ở hai bên đường, mắt Tường sáng lên, anh ta nghĩ rằng, thế nào chủ nhà cũng phải đi biếu xén nơi này nơi nọ, mỗi lần đi tất thế nào anh ta cũng được vài hào tiền thưởng. Tiền thưởng ngày tết chỉ ở mức hai đồng thôi. Không nhiều, nhưng khách đến chúc mừng năm mới, anh ta kéo về, thế nào mỗi cuộc cũng phải được hai ba

hào. Gộp lại cũng được một món. Không chê ít, chỉ mong có được luôn luôn thôi. Con lợn đất của anh ta không đời nào phản chủ cả! Đêm khuya lúc rồi rã, anh ta trù mẩn nhìn người bạn bằng đất nung này chỉ biết nuốt tiền vào chứ không biết nhả tiền ra, rồi khe khẽ khuyên nhủ:

– Này, chú mày cứ việc chén nhiều vào nhé! Bao giờ chú mày ăn no căng bụng thế là tớ khá rồi đó!

Tết, ngày càng đến gần hơn, loáng một cái đã mỏng tám tháng chạp rồi. Nỗi vui mừng hoặc lo âu thúc người ta phải bố trí sắp đặt. Vẫn ngày hăm bốn giờ, nhưng những ngày này không giống những ngày khác, nó không cho phép người ta sống tùy tiện qua loa, mà nhất định phải làm một số việc gì đó, và phải xoay quanh việc tết nhất, dường như thời gian có tri giác, có tình cảm, bắt người ta phải bận rộn theo nó. Tường thuộc về phía những người vui mừng: phố phường nhộn nhịp, tiếng rao hàng, hy vọng về món tiền thưởng ngày tết, tiền cho vật, những ngày nghỉ đầu năm mới, những món ăn ngon lành... tất cả những cái đó làm cho anh ta vui mừng, chờ đợi, y như một đứa trẻ. Anh ta đã nghĩ kỹ rồi, thế nào cũng phải phá lẻ ra tám chín hào một đồng mua cái gì biếu lão Tư Lưu. Của ít lòng nhiều, thế nào cũng phải đưa một ít quà cáp đến, một là để xin lỗi, mấy lâu nay không đến thăm được vì công việc chủ nhà rất bận, hai là có thể nhân tiện rút hơn ba chục đồng tiền kia ra. Bỏ độ một

đồng mà có thể lấy món tiền kia về, thế là lời rồi. Nghĩ thế, anh ta khẽ lắc con lợn đất, tưởng tượng lúc bỏ thêm vào đó hơn ba chục đồng nữa, thì lắc sẽ thấy nặng tay vui tai biết mấy. Đúng thế, chỉ cần đòi được món tiền đó về, là không còn điều gì lo lắng nữa cả.

Một buổi tối, anh ta đang định lắc con con lợn đất thì bỗng nghe tiếng vú Cao gọi:

- Anh Tường ơi! Ngoài cổng có cô nào tìm anh đấy. Tôi vừa ở phố về, cô ta cứ đi theo hỏi tôi về anh.
- Khi Tường đi ra, vú ta lại nói thêm một câu - Trông cô ta y như cột nhà cháy ấy! Gớm khiếp!

Mặt Tường bỗng đỏ gay gắt, rất như lửa đốt. Anh ta biết thế là hỏng chuyện rồi!



9

Tường hầu như không còn sức bước qua ngưỡng cổng nữa. Đầu óc anh ta choáng váng. Đứng ở trong cổng, nhờ ánh đèn ngoài phố, anh ta nhìn thấy ả Niu. Chắc ả lại đánh phấn, ánh đèn chiếu vào mặt ả trông hơi sạm, y như chiếc lá cây khô đen phủ một làn sương. Tường không nhìn vào mặt ả.

Về mặt ả rất khó hiểu: mắt thì sáng lên như khao khát được gặp mặt Tường, miệng lại hé mở, để lộ một nét cười gằn, mũi hơi nhăn lại, trông vừa khinh khỉnh vừa có vẻ bức dọc, lông mày dướn lên. Khuôn mặt phủ một lớp phấn kỳ quặc kia, trông ông ẹo mà đanh đá. Thấy Tường đi ra, ả bĩu môi mấy cái, về mặt thay đổi khó mà tả được như thế nào. ả nuốt nước bọt dường như cố nén tình cảm và che giấu nỗi lòng phức tạp của mình, rồi giở cái tài giao thiệp vốn học được của bố ra. ả nửa buồn nửa vui, làm như không chú ý lắm, hỏi bông lơn:

- Anh khá thật! Mắt mặt đâu không thấy quay lại nữa!

Giọng ả oang oang, y như ngày thường cãi nhau với anh em phu xe ở hăng vậy. ả nói xong hai câu đó, thì nụ cười trên môi biến đâu mất. Dường như bỗng cảm thấy xấu hổ và ti tiện, ả cắn chặt lấy môi.

– Khe khê chứ!

Tường hầu như dồn hết cả sức lực lên miệng mới bật ra được mấy tiếng đó, tuy nhỏ, nhưng rất mạnh.

– Hừ! Sợ gì!

Ả Nữu cười một cách ác ý, nhưng rồi bất giác cũng hạ thấp giọng:

– Thảo nào anh tránh mặt tôi. Thì ra ở đây có mục vụ em như con quỷ cái ấy! Tôi biết anh không phải vừa từ lâu rồi! Đừng thấy có vẻ ngốc nghếch mà nhâm, không ngốc mà vờ làm ra ngốc đấy thôi!

Ả lại nói oang oang.

– Khe khê chứ!

Tường chỉ sợ vụ Cao đứng trong cổng nghe trộm.

– Đừng làm ồn lên! Ra ngoài kia đi!

Vừa nói, anh ta vừa bước ra ngoài đường cái.

– Ra đâu cũng thế thôi. Tôi cứ to tiếng thế đấy!

Miệng thì phản đối, nhưng ả vẫn cứ bước theo anh ta.

Qua đường cái, đến một lối đi nhỏ bên tay phải. Vẫn chưa bỏ được thói quen ở nhà quê, Tường liền ngồi xổm xuống, cạnh bức tường quét vôi hồng của công viên, hỏi:

– Cô đến có việc gì thế?

– Tôi ấy à? Hừ! Nhiều việc lắm!

Tay trái chống nẹ, bụng hơi ưỡn ra một chút, ả cúi xuống nhìn Tường, ngấm một tí, rồi như động lòng từ bi, thương hại anh ta:

– Anh Tường này! Tôi tìm anh có chuyện này, rất cần.

“*Anh Tường này!*”, cái giọng nhỏ nhẹ êm ái đó làm Tường bớt giận. Anh ta ngẩng đầu lên nhìn ả, vẫn không thương được, nhưng mấy tiếng “*anh Tường này*” vẫn còn đang âm vang trong lòng anh ta, mang theo sự êm đềm âu yếm, hình như nghe được ở đâu rồi, và nó làm thức dậy những tình cảm không thể phủ nhận được, muốn dứt ra mà không sao dứt nổi. Anh ta hỏi, giọng vẫn khề, nhưng ôn tồn hơn:

– Chuyện gì thế?

Ả nhích lại gần:

– Anh ạ! Tôi có rồi!

Anh ta ngó ra:

– Có cái gì cơ?

- Cái này - Cô ả chỉ vào bụng mình - Anh nghĩ thế nào thì nghĩ!

Ngơ ngác, rồi “à” lên một tiếng, anh ta bỗng hiểu cả. Hàng vạn chuyện mà anh ta chưa từng nghĩ đến bao giờ lúc này đổ xô cả vào đầu óc anh ta, nhiều quá, gấp quá, rối quá, khiến đầu óc anh ta trở lên trống rỗng, y như cuộn phim đang chiếu bỗng nhiên bị đứt. Phố xá rất vắng vẻ, trên bầu trời, mấy đám mây đen che lấp mặt trăng. Thỉnh thoảng có một cơn gió nhẹ thổi tới, lay động cành khô lá héo. Xa xa vài tiếng mèo kêu như chọc vào tai. Lòng Tường từ rồi bởi bỗng trở nên trống rỗng, anh ta chẳng nghe thấy gì cả. Tay chống má, thần thờ nhìn mặt đất, anh ta nhìn mãi, thấy mặt đất dường như cũng rung chuyển. Nghĩ chẳng ra gì, mà cũng chẳng muốn nghĩ nữa, anh ta chỉ cảm thấy mình mỗi lúc một bé lại, nhưng vẫn không thể chui tụt xuống đất được. Cả sinh mệnh như dựa cả vào nỗi khốn khổ này. Ngoài ra, chẳng còn gì nữa cả! Lúc đó anh ta mới cảm thấy lạnh, đến môi mà cũng hơi run run.

- Đừng ngồi đó mãi, nói đi nào! Đứng lên!

Ả hình như cũng thấy lạnh, muốn đi đi lại lại mấy bước.

Tường chờ dần đứng lên, theo ả đi ngược lên phía trên, nhưng vẫn không tìm ra được lời nào để nói, toàn thân thấy tê dại, như người vừa bị cồng.

– Anh không nghĩ ra thế nào cả à?

Ả liếc nhìn Tường, vẻ thương hại. Tường vẫn không biết nói thế nào.

– Hăm bảy này là sinh nhật ông cụ, anh phải đến một tí!

– Gần tết, bận lắm.

Tuy lòng rối bời, nhưng Tường vẫn không quên công việc.

– Tôi biết anh là người chỉ ưa nặng chứ không ưa nhẹ. Nói với anh điều hơn lẽ phải cũng phí đi thôi!

Ả lại nói oang oang. Phở xá văng lạng, nghe càng to, khiến Tường khổ tâm vô cùng.

– Anh tưởng tôi sợ người ta nghe thấy à? Anh định thế nào nào? Nếu anh không muốn nghe theo tôi, thì tôi cũng chẳng hơi đâu phí nước bọt với anh! Anh mà giở mặt, tôi sẽ đến tận nhà rêu ba ngày ba đêm cho mà xem! Anh đi đâu tôi cũng tìm ra được! Tôi chẳng sợ thằng nào con nào cả!

Tường né ra một bước:

– Đừng làm ầm lên có được không?

– Sợ ầm lên à? Lúc đầu đừng lợi dụng có được không! Anh thỏa thích rồi, bây giờ để mình tôi chịu khổ. Sao không giương mắt thịt ra mà nhìn xem con này là con nào?

– Cứ thông thả nói xem nào!

Tường đang lạnh lắm, bị ả dồn cho một hồi, bỗng
dưng thấy người nóng rực, hơi nóng như muốn phá
làn da tê cứng mà bốc ra ngoài, khắp người thấy ngứa
ngáy, đầu càng ngứa tợn.

– Chưa xong được với tôi đâu! Đừng có chuốc lấy
chuyện phiền! – Ả trề môi, để lộ hai cái răng nanh –
Chẳng biết điều tí nào cả, tôi thực bụng yêu anh, anh
cũng đừng nên phụ lòng tốt của tôi! Anh mà trêu vào
con này thì không ra gì đâu, bảo cho mà biết trước!

– Đừng có...

Tường định nói: *“Đừng có vừa đánh vừa xoa như
thế!”*. Nhưng chưa nghĩ kịp hết câu. Những cách nói
của đất Bắc Bình này, anh ta biết nhiều, có điều
không nói ra; người ta nói, anh ta hiểu, nhưng anh ta
không nói được.

– Đừng có... thế nào?

– Cô cứ nói đi!

– Tôi bảo anh nhé! – Ả đứng dừng lại, nhìn thẳng
vào mặt anh ta nói – Đây, anh mà nhờ người đến nói,
nhất định ông cụ không bằng lòng đâu. Ông cụ là chủ
có xe cho thuê, anh thì kéo xe, ông cụ không chịu hạ
mình kết thân với người dưới. Còn tôi thì không kể gì
hết, tôi yêu anh, thế là được rồi, chuyện gì cũng mặc
mẹ nó! Ai làm mối tôi, ông cụ cũng chẳng nghe, động

đến chuyện cưới xin là ông cụ tính toán ngay đến mấy chục chiếc xe của ông cụ rồi. Khối người hơn đứt anh, thế mà cũng chẳng ăn thua. Việc này tôi không áp đặt lấy thì không xong. Tôi ưng anh, chúng mình *"tiền trăm hậu tấu"*, bây giờ đằng nào thì tôi cũng có mang rồi, hai ta chẳng ai chạy thoát được nữa! Nhưng cứ thẳng thừng ra mà nói, thì cũng không ổn. Ông cụ ngày càng đâm ra lẩm cà lẩm cẩm, chúng ta mà để lộ, thì ông cụ sẽ rước một cô vợ lẽ về, tống cổ tôi đi. Ông cụ còn khỏe lắm. Đừng thấy gần bảy mươi rồi, nếu lấy vợ lẽ thật, thì nhiều không dám nói, tôi dám chắc vẫn có thể cho ra vài ba tí nhau nữa, tin hay không tin mặc anh!

– Vừa đi vừa nói chuyện...

Tường thấy tên đội xếp đi qua đi lại hai lượt rồi, đứng mãi thế không ổn.

– Cứ đứng đây mà **nói**, làm gì được nhau! – Theo ánh mắt của Tường, ả cũng nhìn thấy tên đội xếp kia – Anh không kéo xe thì việc gì phải sợ nó! Vô duyên vô cớ chắc nó dám đến ăn *"gi"* người ta chắc! Đi thế lại có vẻ là gian! Ta nói chuyện của ta! Anh ạ, tôi nghĩ thế này nhá: đến hăm bảy này, sinh nhật ông cụ, anh đến mừng ông cụ một tí. Rồi sang năm mới, anh lại đến chúc tết, lấy lòng ông cụ. Thấy ông cụ vui vẻ, tôi sẽ mua rượu các thứ về để ông cụ đánh một bữa bí tỉ. Đợi đến lúc ông cụ ngà ngà say, thừa cơ, anh cứ nhận bữa ông cụ là bố nuôi. Sau đó, dần dà tôi

sẽ cho ông cụ biết là tôi có mang rồi. Tất nhiên ông cụ sẽ tra hỏi, nhưng tôi sẽ cứ lặng thinh. Đợi đến khi ông cụ cuống cuống lên, tôi sẽ đổ cho một người, tức là anh chàng Hai Kiểu giữ sổ sách ở cửa hiệu cho thuê đòn đám ma bên tay phải nhà ta, vừa chết cách đây ít lâu ấy mà. Hắn ta không có họ hàng thân thích gì cả, giờ nằm ở nghĩa địa ngoài cửa Đông Trục rồi, ông cụ còn biết truy hỏi vào đâu? Thế là ông cụ đành chịu phép. Ta sẽ dần dần bán tin; tiện nhất là nên gả phứt tôi cho anh. Con nuôi, nay làm con rể, cũng như nhau vậy thôi. Theo gió bẻ buồm, đỡ xấu mặt cả. Anh xem, tôi nghĩ như thế có được không?

Tường im lặng, chẳng nói chẳng rằng.

Thấy nói đã hết lời rồi, ả Nữu đi ngược lên phía trước, đầu cúi thấp, gật gù, nửa có vẻ thường thức những lời nói của mình, nửa như để Tường có thì giờ mà suy nghĩ. Lúc bấy giờ, gió đánh tan mây, mặt trăng lộ ra, hai người đã đi đến đầu đường đằng kia. Nước sông Ngự Hà đã đông lại từ lâu, lặng lẽ, xám ngắt, phẳng phiu, rắn chắc, dọc theo bờ Cẩm thành. Trong Cẩm thành vắng lặng như tờ, vọng lâu lấp lánh, "*bài phùng*"¹⁴ chữ vàng sáng chói, cổng thành đỏ thắm, đình tạ trên Cảnh Sơn, tất cả đều im lìm, dường như đang lắng nghe những thanh âm chỉ có thể nghe được một lần. Một cơn gió nhẹ thổi tới như một tiếng thở dài, lướt qua lâu đài điện các, như muốn

¹⁴ Một loại cổng trang trí, thường bằng đá, trên có biển đề chữ (ND).

nhắc lại những chuyện lịch sử xa xưa. Ả Nữu rẽ sang phía tay trái, Tường đi theo, đến Kim Ngao Ngọc Đống. Trên cầu chẳng có ai, ánh trăng lu lạnh lẽo giải xuống hai sân băng lớn bên hai bên cầu. Xa xa, những lâu đài âm đạm, tối tăm trông như đông cứng trên mặt hồ, chỉ còn lớp ngói vàng trên mái là còn sáng lờ mờ. Cây cối khẽ lay động, ánh trăng lại càng lu hơn, Bạch tháp cao vời vợi, trắng nhờ nhờ làm cho tất cả thêm phần lạnh lẽo tiêu sơ. Cả vùng Ba bể với những công trình điêu khắc, gọt giũa của con người, hiện rõ vẻ lạnh lẽo của phương bắc. Đến đầu cầu, khí lạnh từ hai phía bốc lên khiến Tường run mình, không muốn bước nữa. Thường ngày, khi kéo xe qua cầu, tinh thần anh ta tập trung cả vào đôi chân, chỉ sợ hụt bước, chẳng còn dám nhìn sang hai bên. Bây giờ, anh ta có thể tự do mà nhìn ngắm, nhưng trong bụng anh ta lại thấy cảnh sắc nơi này hơi có vẻ dễ sợ. Lớp băng xám lạnh kia, bóng cây khẽ lay động kia, tháp cao trắng xóa kia, tất cả đều lặng lẽ quá, dường như bất thành linh chúng có thể chồm lên, gào thét lên. Ngay cái cầu đá thanh ở dưới chân đây cũng rất cô quạnh, trông trắng quá, sạch quá; đến cả ánh đèn cũng có vẻ thê lương. Anh ta không muốn bước nữa, lại càng không muốn đi với cô ả. Quả thật anh ta chỉ muốn lao đầu xuống dưới kia, phá vỡ lớp băng, chìm hẳn đi, rồi chết cồng như con cá ở dưới lớp băng.

Bỗng anh ta quay trở lại:

- Thôi, bữa khác sẽ lại gặp nhau!

- Này, cứ thế nhé, hăm bảy này đấy!

Ả nói với theo sau cái lưng to và thẳng của anh ta. Nói xong, ả liếc nhìn Bạch tháp, rồi thở dài, đi về phía tay trái.

Tường không ngoái cổ lại, y như có ma đuổi, mấy bước đã đến Cẩm thành, đi nhanh quá, suýt nữa va đầu vào tường. Tay vịn tường, anh ta bất giác muốn òa lên khóc. Lặng đi một lát, anh ta bỗng lại nghe trên cầu có tiếng ả gọi:

- Anh Tường à! Anh Tường này! Lại đây, anh Tường!

Anh ta chậm rãi lê bước trở về phía cầu, thấy ả hơi uốn người, đi lại, miệng há hốc:

- Này, bảo anh lại đây cơ mà, cho anh cái này!

Tường chưa đi, được mấy bước, ả đã đến sát gần bên cạnh rồi:

- Cẩm lấy! Anh gửi hơn ba chục, có mấy hào lẻ nữa, tôi phụ thêm cho chẵn một đồng. Cẩm lấy! Cốt chỉ để tỏ lòng tôi nhớ anh, yêu anh thế thôi! Chuyện khác chưa cần nói vội, anh đừng có vong ân phụ nghĩa, thế là được rồi. Cẩm lấy, giữ cho cẩn thận, mất đừng có trách tôi đấy!

Tường cầm tập giấy bạc, ngẩn người, không biết nói thế nào cả.

À lại cười:

– Thôi được rồi. Hăm bảy này lại gặp nhau. Không đến không xong đâu nhé! Tiện cho anh lắm rồi, cứ thử tính mà xem.

Nói xong, ả quay đi.

Tường nắm chắc tập giấy bạc trong tay, đứng chờ người nhìn theo ả, cho mãi đến khi đầu ả khuất sau vòm cầu mới thôi. Mây đen lại che lấp mất mặt trăng, ánh đèn càng sáng hơn, chiếc cầu càng thêm trắng xóa, thêm vắng vẻ, lạnh lẽo. Anh ta quay người, rảo bước đi về, như người điên. Đến cổng đầu phố, anh ta vẫn còn cảm thấy cái bóng dáng trắng xóa, lạnh lẽo của chiếc cầu in sâu trong lòng, dường như mới chỉ cách đây trong nháy mắt.

Về đến nhà, trước hết anh ta đem tập giấy bạc kia ra đếm. Đếm đi đếm lại hai ba lần, mồ hôi trong lòng bàn tay dính vào các tờ giấy bạc, đếm rất chậm. Đếm xong, anh ta liền bỏ vào con lợn đất. Ngồi bên thành giường, thần thờ nhìn vật bằng đất nung kia, anh ta định không suy nghĩ gì nữa cả. Có tiền khắc có cách. Anh ta tin rằng con lợn đất kia sẽ giúp anh ta giải quyết mọi việc, chẳng cần nghĩ ngợi gì hết. Ngự Hà, Cảnh Sơn, Bạch Thập, cầu, ả Niu, cái bụng... tất cả đều là mộng ảo; tỉnh mộng, lợn đất thêm được băm mấy đồng, đó mới là chuyện thực!

Nhìn chán rồi, anh ta cất kỹ con lợn đất đi, định bụng làm một giấc rõ say, khó khăn mấy hăng cứ ngủ cái đã, mai hăng hay.

Nằm xuống, anh ta không sao nhắm mắt được! Những chuyện kia giống như một tổ ong, con ra con vào, con nào cũng có cái nọc sau đít cả.

Anh ta không muốn nghĩ nữa, nhưng thực ra cũng không biết nghĩ thế nào, ả Niu đã chặn hết mọi lối rồi, anh ta không sao chạy thoát được nữa.

Tốt hơn cả là bỏ đi nơi khác. Nhưng Tường không thể bỏ đi được. Dù sao anh ta ra coi Bạch Tháp ở công viên Bắc Hải, anh ta cũng vui lòng. Chỉ cần không phải về quê là được! Hay là đi tỉnh khác? Anh ta không nghĩ ra được nơi nào tốt hơn cái đất Bắc Bình này. Anh ta không thể bỏ đi được, anh ta vui lòng chết ở đây.

Nếu không định bỏ đi, thì những chuyện khác chẳng cần phải nghĩ nhiều nữa cho mệt. ả Niu đã nói được, tất làm được. Không làm theo lời ả, ả sẽ lẳng nhăng theo sau mà làm rầy rà thật đấy. Anh ta mà còn ở Bắc Bình thế nào ả cũng tìm ra được! Theo ả, thì phải nói thật, chứ đừng hòng tìm cách chuồn. Làm ả nóng mắt lên, ả có thể gọi lão Tư Lưu ra, lão ta sẽ thuê một hai thằng – chẳng cần nhiều hơn – tìm chỗ vắng vẻ nào đó, cho Tường đi đời.

Ngẫm nghĩ lại từ đầu đến cuối những lời ả Niu nói, Tường cảm thấy như rơi vào cạm bẫy, chân tay bị

những cái kẹt kẹt chặt, không sao chạy thoát được. Anh ta không thể đánh giá từng ý của ả, cho nên không tìm ra được những khe hở. Anh ta chỉ cảm thấy ả chẳng lưới rất dày, ngay cả đến con cá nhép cũng không thể vượt ra được. Không thể nghĩ từng điều một, anh ta thấy chúng biến thành một sức ép, nặng như tám cửa đập, hàng ngàn cân, đè lên đầu anh ta. Dưới sức ép không thể chống lại được đó, anh ta cảm thấy số phận một anh phu xe chỉ gồm trong hai tiếng: xúi quẩy. Một anh phu xe, đã là một anh phu xe, thì đừng nên làm gì cả, đàn bà con gái cũng đừng nên dính vào, dính vào là rước vạ tày trời. Lão Tư Lưu thì dựa vào mấy chục cái xe, còn ả Niu thì dựa vào cái của thói ấy để bắt nạt anh ta! Anh ta chẳng cần phải suy nghĩ làm gì nữa; nếu chịu theo số mệnh thì được rồi, cứ cúi đầu lạy. nhận làm bố nuôi đi, rồi chờ mà rước con yêu tinh khốn nạn ấy về làm vợ. Nếu không chịu theo số mệnh, thì phải đập đổ nó đi!

Nghĩ đến đây, anh ta liền gạt ả Niu cùng những lời lẽ của ả sang một bên. Đó không phải là ả ghê gớm đâu, mà chính là số mệnh của một anh phu xe phải như vậy. Cũng như con chó, tất phải chịu đánh đập, ngay cả đứa trẻ con, vô duyên vô cớ cũng có thể nện cho mấy gậy. Cái số đã vậy thì cần gì nữa! Đã liễu thì liễu một thể!

Anh ta không ngủ nữa, đập tung chăn gối dậy, nhất quyết phải đi uống một bữa rượu thật no say.

Nào là công việc, nào là quy củ, mặc con mẹ nó! Uống cho say rồi ngủ một giấc! Hăm bảy à? Hăm tám cũng chẳng đến lẽ lạt gì cả, xem đứa nào làm gì được thằng Tường này! Khoác chiếc áo bông vào, mang theo cái bát con vẫn dùng uống nước, anh ta đi ra.

Gió thổi mạnh hơn. Mây xám trên trời đã tản đi. Mặt trăng bé nhỏ, ánh trắng tỏa xuống lạnh lẽo. Đang trong chần ảm chui ra, anh ta cứ xuýt xoa mãi. Phố xá vắng tanh, không có ai đi lại. Chỉ có một chiếc xe tay, đỗ cạnh đường, anh xe, hai tay bịt lấy tai, đứng bên xe giẫm chân cho đỡ rét. Tường chạy thẳng đến một cửa hàng nhỏ cuối phố. Để khỏi lạnh, cửa hàng này đã đóng cửa; nhận tiền và giao hàng qua một lỗ nhỏ ở cửa. Tường mua bốn lạng rượu trắng, ba nắm lạc rang. Bưng bát rượu, anh ta không dám chạy, mà bước nhanh y như phu kiệu, về nhà. Chui vội vào chần, hai hàm răng đánh cầm cập một hồi, anh ta không muốn ngồi lên nữa. Bát rượu trên bàn đưa ra một mùi cay cay, anh ta không thấy thèm, ngay chỗ lạc rang kia, anh ta cũng chẳng muốn động đến. Cơn lạnh giống như một chậu nước lã dội vào người, làm anh ta tỉnh hẳn. Anh ta không muốn thò tay ra, đầu óc cũng không nóng như trước nữa.

Nằm một hồi, để hờ mắt ra ngoài mép chần, anh ta lại nhìn bát rượu để trên bàn. Không, anh ta không thể vì cái chuyện rắc rối kia mà hủy hoại thân mình, không thể từ đây trở đi mà đắm ra rượu chè be

bét. Sự tình quả khó khăn thật, nhưng nhất định thế nào cũng có chỗ thoát ra được. Dù cho không thể nào thoát khỏi, cũng không thể nào nhảy xuống hố bùn; cần phải giương mắt lên, nhìn rõ xem người ta đẩy mình xuống như thế nào.

Tắt đèn, kéo chăn trùm kín đầu, anh ta định cứ thế mà ngủ đi. Nhưng vẫn không ngủ được. Anh ta lật chăn ra, ánh trăng ngoài sân chiếu vào lần giấy dán ở cửa sổ, trắng xanh, tường trời sắp sáng. Hơi lạnh trong phòng đem theo mùi rượu lùa vào mũi. Anh ta nhồm dậy, sờ bát rượu trên bàn, làm một hơi.



10

Giải quyết riêng từng chuyện thì Tường không có đủ thông minh, giải quyết toàn bộ thì anh ta cũng chẳng có cái tài ấy. Thế là, chẳng có cách nào cả, suốt ngày cứ bực bội trong bụng; cũng như mọi sinh mệnh khác, sau khi bị tổn thương, chỉ dành tự mình sắp xếp lấy tàn cục. Con đẽ kia bị đánh gãy cẳng vẫn còn cố lết đi bằng mấy cặp chân nhỏ. Tường chẳng có chủ ý gì cả, chỉ định chịu đựng hết ngày này sang ngày khác, hết chuyện này đến chuyện nọ cho qua đi, được đến đâu hay đến đó, không còn nghĩ gì đến chuyện bay nhảy nữa.

Còn hơn mười hôm thì đến ngày hăm bảy, tâm trí anh ta hoàn toàn đổ cả vào đó. Óc nghĩ, miệng nhẩm, nằm mơ, đều là về ngày hăm bảy cả. Hầu như qua ngày hăm bảy anh ta có cách giải quyết được mọi chuyện, mặc dù anh ta biết rõ đó chỉ là tự dối mình. Có lúc, anh ta cũng nghĩ xa hơn, ví dụ mang mấy chục đồng chuồn sang Thiên Tân; đến đó, may ra có thể đổi nghề, không kéo xe nữa. Liệu ả Nữu có thể theo sang không nhỉ? Cứ như anh ta nghĩ, phàm nơi nào phải đi

tàu đều xa cả, dù thế nào, ả cũng chẳng có thể nào theo sang được. Như vậy ổn nhất, nhưng lương tâm anh ta lại nghĩ rằng, vạn bất đắc dĩ mới phải làm như thế, còn ở lại được Bắc Bình thì cứ ở! Thế là, anh ta lại nghĩ đến cái ngày hăm bảy kia. Nghĩ gần như thế này mà khỏe hơn, chỉ cần qua được ả này là có thể đẩy các việc khác đi, không động chạm gì đến toàn cục, dù cho không thể rũ sạch được tất cả, nhưng cứ qua được cửa ải nào là biết được cửa ải ấy đã!

Làm thế nào mà lọt qua được cửa ải ấy? Anh ta có hai ý định: Một là cứ mặc kệ ả, nhất định không đến mừng thọ, hai là cứ theo lời ả dặn mà làm. Hai ý định đó tuy khác nhau, nhưng kết quả như nhau: không đến đời nào ả chịu để yên, mà đến thì ả cũng không buông tha ra nữa. Anh ta nhớ lại, hồi mới kéo xe, bắt chước người ta, hễ cứ thấy ngõ con là rẽ vào định chạy tắt cho gần, nhưng vào nhầm ngõ, vòng quanh một hồi lại ra tới phố cũ. Giờ đây dường như anh ta đang chui vào một cái góc như thế, muốn đi đường nào thì đi, rút cục thì cũng đến như vậy mà thôi.

Giữa lúc không tìm ra cách gì, anh ta thử nghĩ sang mặt tốt xem sao. Cứ lấy quách ả đi, thì đã làm sao nào? Nhưng nghĩ mặt nào cũng thế, anh ta đều thấy không xuôi. Nghĩ tới hình dáng ả, anh ta chỉ lắc đầu. Tạm xếp cái hình dáng bề ngoài đó, nghĩ đến hành vi ả, hừ, mình là người chí thú làm ăn thế, sống quy củ thế, mà lại đi rước cái đồ dĩ rạc ấy về à? Còn

mặt mũi nào mà nhìn ai nữa; chết xuống âm phủ cũng chẳng giáp mặt bố mẹ! Ai biết đứa con trong bụng ả là con của mình hay con của ai? Ủ, ả có thể đem theo mấy cái xe kia về, nhưng liệu có chắc chắn không? Lão Tư Lưu không phải là tay dễ chơi đâu nhá! Giá thử mọi việc đều trôi chảy cả, thì anh ta không thể nào chịu đựng được. Liệu anh ta có thể chơi lại được với ả không? ả chỉ cần giơ ngón tay út ra là anh ta đã đầu vầng mắt hoa lên rồi, chẳng còn biết đất trời gì nữa. Anh ta biết bản lĩnh ghê gớm của ả lắm. Lấy vợ, thì không thể lấy ả được! Không có ai khác nữa hay sao? Lấy ả, anh ta chẳng còn ra gì. Mà anh ta đâu phải là người tự coi thường mình! Thật không còn cách nào cả.

Không có cách nào xử trí với ả, anh ta quay sang giận mình, muốn tự tát vào mặt mấy cái. Nhưng, nói thực tình, mình có lỗi gì đâu. Mọi chuyện đều do ả sắp xếp cả, chỉ chờ cho anh ta vào trông. Hình như lỗi ở chỗ anh ta quá thực thà. Thực thà thì nhất định phải chịu thiệt, còn nói năng gì nữa!

Điều khiến anh ta buồn hơn cả là không biết kêu ca, phàn nàn với ai. Anh ta không có cha mẹ, anh em, bè bạn. Thường ngày, anh ta tự cho mình là một tên "hảo hán", đầu đội trời, chân đạp đất, không vương víu dèo bòng chi hết. Bây giờ anh ta mới hiểu, mới hối hận. Người ta không thể sống cô độc được. Đặc biệt là đối với các bạn đồng nghiệp, lúc này anh ta thấy họ có vẻ đáng mến. Anh ta nghĩ, giá thử ngày

thường anh ta đánh bạn với một vài người, cũng trai tráng như anh ta, thì cho có đến mấy ả Niu, anh ta cũng chẳng sợ. Họ sẽ nghĩ cách hộ anh ta, sẽ ra sức giúp đỡ anh ta. Nhưng xưa nay, anh ta cô độc một mình, đến lúc này mới định đi tìm bạn không phải là chuyện dễ! Anh ta thấy chưa bao giờ lo sợ như thế. Cứ thế này, rồi đây ai cũng có thể khinh nhờn bắt nạt anh ta. Đơn độc một thân một mình thì không thể nào chống chọi được.

Chút lo sợ đó khiến anh ta đâm ra không tin tưởng vào mình nữa. Mùa đông, gặp khi chủ có ai mời tiệc tùng, hoặc đi xem hát, theo lệ thường, anh ta vẫn để ủ vôi đèn đất vào trong ngực, vì mắc ở xe thì nước trong đó sẽ đông lại mất. Vừa chạy toát mồ hôi ra mà cho cái vôi lạnh ngắt kia vào ngực, anh ta cứ run lập cập. Chẳng biết đến lúc nào cái vôi kia mới ấm lên cho. Nhưng ngày thường, anh ta cũng chẳng coi chuyện đó vào đâu. Có khi, áp nó vào ngực, anh ta lại còn thấy mình hơn hẳn người ta, bởi vì những loại kéo xe tã, làm gì dám dùng đèn đất! Đến bây giờ, thì hầu như anh ta đã thấy ra rằng, vì mấy đồng bạc một tháng mà phải chịu bao nỗi khổ sở, đến cả cái vôi đèn kia cũng không dám để lạnh, mà phải ủ vào tận sát ngực. Ngực anh ta to rộng là thế, dường như cũng không đáng tiền bằng cái vôi đèn. Nguyên là trước kia, anh ta cho rằng kéo xe là nghề lý tưởng nhất của anh ta; nhờ kéo xe, rồi anh ta có thể khấm khá lên được. Bây giờ thì anh ta lặng lẽ lắc đầu. Chẳng trách

ả Nữu dám bắt nạt khinh nhờn anh ta. Thì anh ta chỉ là cái thằng không đáng giá bằng cái vôi đèn!

Sau ngày ả Nữu tìm anh ta được ba hôm, ông Tào đi xem chiếu bóng buổi tối với bạn. Tường ngồi chờ ở quán nước nhỏ, ủ sát vào ngực cái vôi đèn lạnh như băng kia. Trời rét như cắt, quán nước đóng chặt cửa, nồng nặc hơi than, mùi mồ hôi và khói thuốc rở tiền. Mặc dù như vậy, trên cửa sổ vẫn còn đọng lại một lớp băng. Khách uống nước hầu như đều là anh em kéo xe thàng cả. Người thì dựa đầu vào tường, nhờ hơi ấm trong quán mà ngủ gà ngủ gật, người thì bung bát rượu trắng, mời mọi người, rồi chậm rãi uống, uống xong một ngụm, trên thì chếp miệng một cái, dưới thì đánh rắm, rở kêu; người thì cầm một cái bánh to tướng, cắn một miếng hết nửa cái, cổ bạnh ra đỏ ửng; người thì nét mặt hăm hăm, kêu ca phàn nàn, nào là từ sáng sớm đến giờ, chưa được nghỉ chân, người ướt rồi lại khô, khô rồi lại ướt, không biết đến bao nhiêu lần rồi! Những người khác phần nhiều đang tán gẫu với nhau, nghe mấy câu nói đó, liền im lặng một lát, rồi thì ai nấy đều nghĩ đến cái khổ của mình trong ngày, đều muốn kể lể cho mọi người nghe, cứ y như chim vỗ tổ. Ngay cả người ăn bánh kia, cũng để một chỗ trống trong miệng, có thể đưa đẩy lưỡi được, vừa nuốt bánh vừa nói, mấy đường gân trên trán cứ giãn giật.

— Mẹ kiếp, dằng ấy cứ tưởng kéo xe thàng thì không khó nhọc à?... Hừ! Con mẹ nó chứ!... Suốt từ hai

giờ đến giờ chưa một hột cơm dính răng! Cứ từ Tiên Môn đến Bình Tắc Môn, hừ, mẹ nó chứ, tớ phải kéo đến ba lượt rồi! Hôm nay, đến lỗ đít cũng rét, nứt ra rồi! Cứ đánh rắm mãi!

Đưa mắt nhìn mọi người một lượt, anh ta gật gù, rồi lại ngoạm một miếng bánh.

Thế là mọi người chuyển sang nói chuyện thời tiết, xoay quanh thời tiết mà oán thán kêu ca. Tường vẫn làm thính chẳng nói chẳng rằng, nhưng rất chú ý lắng nghe bọn họ nói gì. Tuy cách nói, giọng nói, câu chuyện của họ có khác nhau, nhưng tất cả đều nguyên rủa, tỏ ra bất bình. Những lời nói đó gặp những nỗi khổ trong lòng anh ta, giống như hạt mưa rơi trên mảnh đất khô, bị hút sạch. Anh ta không thể mà cũng chẳng biết kể lẽ nỗi khổ của mình có đầu có đuôi cho mọi người nghe; anh ta chỉ có thể qua những lời nói của người khác mà nghiền ngẫm những nỗi đau khổ của cuộc đời. Ai cũng khổ cả, anh ta nào có khác gì đâu. Anh ta thấy rõ nỗi lòng mình, đồng thời cũng thông cảm với mọi người. Nghe nói đến những nỗi khổ sở, anh ta chau mày lại, nghe nói đến những chuyện tức cười, anh ta cũng nhếch mép lên. Như vậy, anh ta cảm thấy anh ta với họ là một, đều là cánh khổ với nhau cả. Anh ta không nói câu nào, cũng không sao. Trước kia, anh ta cho rằng họ là những người ăn nói bậy bạ sàm sỡ, cứ tán gẫu cả ngày như họ thì đổ mà kiếm ra tiền. Hôm nay, dường như lần

dầu tiên anh ta thấy không phải họ nói vợ vắn mà là đang nói hộ anh ta, nói lên mọi nỗi khổ sở của anh ta và của các anh em phu xe khác.

Câu chuyện đang lúc sôi nổi, thì cửa bỗng mở, gió lạnh thốc vào. Hầu như tất cả đều bực mình nhìn ra, xem ai vô ý vô tứ, mở toang cửa ra như vậy. Họ càng sốt ruột thì người đứng bên ngoài càng chậm chạp, dường như cố ý trêu tức. Người làm trong quán nước nửa bực nửa đùa:

– Ông anh, mau lên tí chứ! Hơi ấm bay ra hết cả bây giờ!

Chưa dứt lời thì người ngoài cửa đã bước vào. Cũng là một người trong làng kéo xe, khoảng ngoài năm mươi, mặc một cái áo bông rộng thùng thình, chẳng ra ngắn mà cũng chẳng ra dài, vạt áo, khuỷu tay lòi cả bông. Mặt bác ta dường như đã lâu không rửa, chẳng thấy sắc da thịt, chỉ thấy hai tai đỏ ửng lên vì lạnh, đỏ như trái cây chín nẫu sắp rụng; mái tóc hoa râm rối bù lòi ra ngoài vành chiếc mũ nhỏ rách. Trên lông mày, trên chòm râu ngắn, dính những hạt băng. Vừa vào, bác ta liền rời ngay cái ghế, ngồi xuống luôn, nói vẻ khó nhọc:

– Pha một ấm nhé!

Tiệm nước ấy vẫn là chỗ tụ họp của anh em kéo xe tháng. Ngày thường chắc bác này không vào đây.

Mọi người nhìn bác ta, dường như đều cảm thấy có điều gì sâu sắc hơn những lời nói lúc nãy. Chẳng ai muốn mở miệng nói nữa. Vào những buổi khác, thế nào cũng có vài ba anh chàng ít tuổi, không biết điều, nói những câu nghịch ngợm trêu bác ta, nhưng hôm nay chẳng thấy cậu nào lên tiếng.

Trà chưa pha xong, bác phu xe già kia cứ gục xuống, gục xuống, rồi ngã xoài ra.

Mọi người liền đứng nhúm cả dậy:

– Sao thế? Sao thế?

Họ định chạy xô tới.

– Ấy chớ! Xin cứ ngồi yên!

Chủ quán là tay từng trải, ngăn mọi người lại, một mình đi tới, cởi khuy cổ áo bác phu xe kia ra, đỡ bác ta lên, lấy một chiếc ghế dựa để phía sau lưng, hai tay giữ lấy vai.

– Lấy nước đường ra đây! Mau lên!

Nói xong, ông ta liền ghé sát tai vào cổ bác phu xe, lắng nghe, lăm bắm một mình.

– Không phải đòn!

Không ai chạy tới cả, nhưng chẳng ai ngồi xuống nữa, cứ đứng giữa gian nhà khói mù mịt, mắt chớp lia chớp lịa, nhìn dồn về phía cửa. Không ai bảo ai mọi người đều nhủ thầm:

– Đó là cái gương cho chúng ta soi. Mai đây tóc bạc, rồi cũng đến lúc chết dầm chết dúi thế thôi!

Nước đường vừa đưa tới miệng, bác phu xe liền rên hừ hừ mấy tiếng. Mắt vẫn nhắm, bác ta giơ tay phải lên – tay đen thui, như quét sơn – lấy sống tay chùi miệng.

Chủ tiệm ghé vào tai bác ta:

– Uống tí nước!

– Ơ!...

Bác ta giương mắt lên, thấy mình ngồi ở dưới đất liền co chân, định đứng dậy.

Chủ tiệm buông tay ra:

- Uống tí đã, cứ từ từ!

Mọi người hầu như chạy cả tới.

“Ái... ái”. Bác phu xe già rên khe khẽ, đưa mắt nhìn bốn xung quanh, hai tay bưng chén trà đường, uống húp một.

Chậm rãi uống xong chén trà, bác ta lại nhìn mọi người.

– Chà... làm phiền các bác quá!

Giọng ôn tồn, thân thiết, dường như không phải từ cái miệng râu ria xồm xoàm kia thốt ra. Nói rồi, bác ta

lại định đứng dậy, ba bốn người vội chạy lại đỡ. Nét mặt bác ta tươi tỉnh lên. Bác ta lại nói, giọng ôn tồn:

– Được rồi, không sao... Vừa rét, lại vừa đói, choáng váng một tí thế thôi!

Mặt bác ta, cau bầm đầy một lớp, những cái vẻ tươi cười kia khiến mọi người tưởng như đó là một khuôn mặt trắng trẻo hiền hậu.

Hình như ai cũng xúc động, bác phu xe đứng tuổi kia tay bưng cốc rượu, uống cạn, mắt đỏ ngầu, rơm rớm lệ:

– Này, cho hai lạng nữa đây!

Rượu bưng đến, bác phu xe già đã ngồi lên chiếc ghế dựa kê sát tường. Bác kia hơi ngà ngà say, nhưng vẫn thận trọng đặt cốc rượu xuống trước mặt bác phu xe già, nói:

– Bác uống đi! Tôi mời bác đấy! Tôi cũng ngoài bốn mươi rồi, chẳng giấu gì bác, kéo xe thặng cũng là tạm bợ thôi, năm nào hay năm ấy, có khi chẳng biết! Độ hai ba năm nữa, tôi cũng đến như bác. Chắc bác gần sáu mươi rồi đấy nhỉ?

– Đâu có, mới năm nhăm thôi! – Bác phu xe già tợp một ngụm rượu – Trời rét, không có khách. Chà... bụng đói, có mấy hào mua rượu uống sạch cả, cho ấm! Đến đây, không gượng được nữa, định vào sưởi nhờ một tí. Trong nhà ấm quá, tôi lại chưa ăn uống gì, nên choáng váng rồi lả đi, không sao cả... Làm phiền các bác quá!

Lúc đó, mái tóc hoa râm trông như cỏ khô, lớp bụi đất trên mặt, bàn tay đen như que than, cái mũ rách và cái áo bông của bác ta dường như đều trông sạch hẳn lên, giống như pho tượng trong ngôi chùa nát, tuy sứt mẻ, nhưng vẫn oai nghiêm. Mọi người nhìn bác ta chăm chăm, như sợ bác ta bỏ đi. Tường từ nãy đến giờ vẫn im lặng, chẳng nói chẳng rằng, cứ đứng thừ ra đó. Nghe bác xe già nói bụng đói, anh ta liền chạy ra ngoài, một lát, tay bê mười cái bánh bao nhân thịt cừ đựng trong lá bắp cải, đưa thẳng đến trước mặt bác ta, nói cụt ngủn:

– Ăn đi bác!

Sau đó, anh ta lại ngồi xuống chỗ cũ, đầu cúi xuống, như một nhọc lắm.

– Hừ... – Bác phu xe già như mừng mà cũng lại như muốn khóc, quay về phía mọi người, gật đầu – Được như các bác vẫn hơn! Kéo lê, chạy hết sức, cuối cùng nài thêm một xu, cũng khó khăn lắm!

Nói xong, bác ta đứng dậy, định đi ra.

Hầu như mọi người đều nói cùng một lúc:

– Ăn đi đã!

– Tôi ra gọi thằng Mã, thằng cháu tôi, nó coi xe ngoài ấy!

Bác xe đứng tuổi liền nói:

– Để tôi đi cho! Bác cứ việc ngồi đấy. Ở đây không sợ mất xe đâu. Cứ yên trí, phía trước là bót cảnh sát mà lì! – Bác ta hé cửa – Mã à! Mã! Ông mày gọi đây này! Cho xe lại đây!

Bác xe già mân mê mấy chiếc bánh, chưa cầm chiếc nào cả. Mã vừa bước vào, bác ta mới cầm một chiếc:

– Mã này, cho cháu đây!

Thằng Mã trạc mười hai mười ba, mặt gầy gò, áo quần thì mặc đụp trông tròn một cục, mũi lạnh đỏ lên, nước mũi thò lò, mang mũi bịt tai cũ rách. Đứng cạnh ông, một tay nó đỡ lấy cái bánh, tay kia lấy luôn cái nữa, đưa lên miệng, ngoạm một miếng.

– Này, từ từ chứ!

Bác xe già một tay đặt lên đầu cháu, tay kia cầm một chiếc, chậm rãi cho vào miệng:

– Ông ăn hai chiếc là no rồi, còn cháu ăn cả đấy! Ăn xong, ta cho xe về, không kéo nữa. Mai nếu không lạnh thế này thì ta cho xe ra sớm một tí, cháu nhí!

Thằng Mã nhìn chiếc bánh bao, gật đầu, khịt mũi:

– Ông ăn ba chiếc đi, còn bao nhiêu để đấy cháu. Chốc nữa cháu kéo ông về!

Bác xe già nhìn mọi người, cười vẻ thích thú:

– Không, chốc nữa về, ta kéo xe không, đi bộ thôi, ngồi trên xe lạnh lắm.

Bác ta ăn hết phần của mình, uống cạn chỗ rượu còn lại trong chén, chờ thằng Mã ăn hết. Bác ta rút mảnh vải rách ra, lau miệng, rồi lại quay đầu về phía mọi người, gật gật đầu:

– Thằng con nó đi lính, đi rồi chẳng thấy về nữa, con dâu ...

Mã, má bệnh ra như hai quả đào, vừa nhai vừa ngấn ông:

– Đừng nhắc chuyện ấy nữa mà!

– Nói thì nói, chẳng sao! Bà con ta cả – Rồi bác ta lại quay về phía mọi người, hạ thấp giọng – Thằng bé nó buồn lắm, không muốn nhắc đến chuyện ấy đâu!... Con dâu cũng bỏ đi nốt. Hai ông cháu trông vào cái xe mà kiếm ăn. Xe cũ, nhưng là xe riêng, ngày ngày không phải lo tiền thuế. Được nhiều ít, hai ông cháu lần hồi qua ngày. Chẳng còn biết xoay xở cách nào khác nữa.

Ăn gần hết, Mã kéo tay áo ông:

– Ông ạ, còn phải kéo một cuộc nữa, mai chưa có tiền mua than đấy! Tại ông cả, lúc nãy hai hào kéo về cửa Hậu, cháu thì cháu kéo rồi, ông lại cứ không kéo! Mai không có than, làm thế nào bây giờ!

– Được rồi, ông đi mua chịu năm cân vậy!

– Bắt họ thêm ít củi nữa!

– Được rồi, cháu khá lắm! Thôi ăn đi, ăn xong còn về chứ!

Nói xong, bác ta đứng dậy, nhìn khắp mọi người, nói:

– Thật là làm phiền các bác quá!

Rồi bác ta đưa tay kéo Mã. Mã cho cả chiếc bánh bao đang ăn dở vào mồm.

Những người có mặt ở đó, người thì ngồi nguyên không nhúc nhích, người thì đứng lên đi theo ra. Tường là người đi theo ra đầu tiên. Anh ta muốn nhìn xem cái xe nó ra sao.

Đó là một cái xe cũ kỹ, sơn ở thùng xe đã nứt nẻ cả, càng xe mòn lòi cả vân gỗ, một chiếc đèn ọp ẹp, kêu lạch cạch, gọng xe buộc bằng dây gai. Mã móc trong mũ che tai ra một que diêm, quẹt vào gót giày, hai bàn tay đen thui, bé nhỏ, che ngọn lửa, châm vào đèn. Ông nó nhỏ nước miếng vào lòng bàn tay, thổi dài một tiếng, nhắc càng xe lên:

– Thôi chào các bác nhé!

Tường đứng ngoài cửa, thừ ra, nhìn theo hai ông cháu và chiếc xe tàng kia. Bác phu xe già vừa đi vừa nói, giọng lúc cao lúc thấp, ánh đèn và bóng đêm trên đường, chỗ sáng chỗ tối. Tường lắng nghe, nhìn theo, trong bụng buồn lắm, anh ta chưa bao giờ buồn như

vậy. Nhìn thằng Mã, anh ta như nhìn thấy anh ta ngày xưa. Ngày xưa, anh ta chưa để gì tiêu phí một đồng, nhưng lúc này anh ta rất thấy khoan khoái vì đã mua cho hai ông cháu mười cái bánh bao. Mãi đến khi không nhìn thấy họ nữa, anh ta mới quay vào.

Mọi người lại trò chuyện, cười đùa. Anh ta thấy khó chịu, liền trả tiền trà, rồi đi ra, kéo xe đến trước rạp chiếu bóng, ngồi đợi ông Tào.

Trời lạnh lắm. Có vài làn cát màu xám bay giữa không trung. Gió như đang lướt nhanh trên cao. Sao không rõ lắm, chỉ có vài ngôi to nhất, nhấp nháy. Trên mặt đất không có gió, nhưng khí lạnh vẫn tỏa ra từ bốn phía. Trông vết bánh xe, đã có vài đường đông cứng lại, nứt nẻ ra, đất trắng bệch, lạnh và rắn như băng. Đứng chờ ở cửa rạp một lúc, Tường đã thấy lạnh, nhưng không muốn quay về quán nước nữa. Anh ta muốn lặng lẽ mà suy nghĩ một mình. Hình ảnh hai ông cháu thằng Mã dường như làm vỡ tan cái hy vọng lớn nhất của anh ta. Xe ông già kéo cũng là xe riêng đấy! Từ ngày đầu tiên kéo xe, anh ta đã nhất quyết phải mua một được chiếc xe riêng, đến bây giờ anh ta vẫn còn đang long đong vất vả suốt ngày để thực hiện điều mong ước đó. Anh ta cho rằng, có được cái xe riêng là có tất cả. Hừ! Hãy nhìn ông già kia xem!

Anh ta không chịu lấy ả Niu, chẳng phải cũng là vì ước vọng mua chiếc xe đó sao? Mua được xe rồi để dành dụm, sẽ cưới một cô vợ cho đàn ông - Hừ!

Hãy nhìn thằng Mã! Có con, chắc gì rồi nó lại không như thế!

Nghĩ vậy, anh ta thấy không cần phải chống lại sự uy hiếp của ả Nữu nữa. Đằng nào cũng chẳng thoát ra ngoài vòng thì lấy ai mà chẳng được. Huống chi ả còn có thể đem về mấy chiếc xe nữa, tội gì không hưởng lấy của sẵn ít ngày! Biết rõ mình rồi thì chẳng nên coi thường người. ả Nữu thì ả Nữu, cũng được chứ sao!

Buổi chiều bóng tan, anh ta vội lấp vùi đèn, thấp lên, cởi phăng áo bông cộc ra, chỉ mặc chiếc gi-lê. Anh ta muốn chạy thật nhanh, cho quên tất cả mọi chuyện, dù ngã gục xuống đó cũng chẳng sao!



11

Ư nghĩ đến hai ông cháu thằng Mã là Tường chẳng hy vọng mong ước gì nữa, muốn vui chơi cho thỏa thích, được ngày nào hay ngày ấy, tội gì cứ bo bo cho khổ thân mình! Cái số người nghèo, anh ta dường như đã thấy rõ rồi, giống y như hột táo, hai đầu nhọn hoắt: ngày bé, không chết đói là chuyện may lắm, về già, không chết đói là chuyện rất khó. Chỉ có quãng giữa, đang thì trai tráng, không sợ khổ không ngại mệt, thì còn ra vẻ con người một chút. Trong quãng thời gian đó, vui sướng mà lại không dám hưởng, thật quả là ngốc. Nghĩ thế, anh ta thấy ngay chuyện ả Nữu cũng chẳng có gì đáng phải lo buồn cả.

Đến khi anh ta trông thấy con lợn đất kia, ý nghĩ anh ta mới đảo ngược lại. Không, không thể bữa bãi thế được. Chỉ còn thiếu độ mấy chục đồng nữa là mua đủ cái xe, không thể bỏ phí bao nhiêu công sức trước đây, ít nhất cũng không phung phí số tiền trong con lợn này, đâu có phải là dễ tích góp được bằng ấy! Cứ nên đi theo con đường thẳng thì hơn. Nhất quyết phải

như vậy. Nhưng còn ả Niu thì sao? Vẫn không có cách nào cả. Vẫn cứ phải lo lắng phiền muộn vì cái ngày hăm bảy chết tiệt kia!

Lo lắng buồn phiền mãi chẳng biết làm cách nào, anh ta lại ôm con lợn đất ra thủ thủ một mình: Muốn thế nào thì thế, dù sao số tiền này cũng là của mình! Không ai cướp đi được! Có số tiền này, thằng Tường chẳng sợ cái cóc gì cả! Bức bách ông quá, ông co cẳng chuồn thẳng. Có tiền, chân khắc biết chạy!

Phố xá ngày càng náo nhiệt. Bông đường¹⁵ hình quả dưa cúng ông Táo bày khắp nơi, đi đến nơi nào cũng nghe thấy tiếng rao: "*Bông đường đây!*" Tường vốn rất mong tết đến, thế mà bây giờ lại chán ngán. Phố phường càng đông vui thì tinh thần anh ta lại càng rối loạn, cái ngày hăm bảy đáng sợ kia đã ở ngay trước mắt rồi! Mất anh ta trúng xuống, cả vết sẹo trên má kia cũng xám lại. Kéo xe, phố xá đông đúc lợn xộn, mặt đường thì trơn, anh ta phải hết sức chú ý. Vừa lo buồn, vừa phải chú ý, anh ta thấy tinh thần sút kém tợn, nhớ chuyện này lại quên chuyện khác, luôn luôn hoảng hốt, người ngựa ran lên y như trẻ con mùa hè bị rôm cấn.

Buổi chiều hôm cúng ông Táo, gió đông nổi lên, mây đen kéo đầy trời. Tiết trời bỗng ấm hơn một

¹⁵ Bông gạo nếp trộn đường nếm thành hình quả dưa, ở Trung Quốc thời trước vẫn thường dùng để cúng ông Táo (ND).

chút. Vào lúc chập tối sắp lên đèn, gió nhỏ đi, tuyết rơi lác đác. Mấy người bán bỏng đường lo ngay ngáy, trời ấm, lại thêm tuyết xuống, họ rắc mãi bột vào bỏng vẫn cứ sợ dính chặt vào nhau. Tuyết xuống không nhiều, thành từng hạt nhỏ, rơi lộp bộp, trắng cả đất. Qua bảy giờ, các cửa hiệu và các nhà bắt đầu cúng ông Táo, có nhang đèn ánh pháo, lại có tuyết rơi, trong cảnh tung bùng náo nhiệt, xen lẫn vẻ âm u lạnh lẽo. Người trên phố đều có vẻ vội vã. Kẻ đi bộ, kẻ đi xe, ai cũng vội về nhà để cúng bái, nhưng mặt đường ướt mà trơn, không dám bước nhanh. Những người bán bỏng đường muốn bán tống bán tháo chỗ hàng chỉ dùng được cho ngày tết ông Táo, gân cổ lên mà kêu, nghe đến thương hại.

Đại khái vào khoảng chín giờ, Tường kéo ông Tào từ Tây thành về nhà. Qua quảng đông đúc ở lầu Tây Đan, rẽ về phía đông, vào phố Trường An, phố xá dần dần trở nên vắng vẻ. Đường nhựa phẳng phiu phủ lên một lớp tuyết mỏng, phản chiếu ánh đèn, hơi loá mắt. Thỉnh thoảng một chiếc xe hơi chạy tới, đèn chiếu rất xa, những bông tuyết nhỏ vàng óng lên trước ánh đèn như ai rắc hàng muôn ngàn hạt vàng. Quảng gần cửa Tân Hoa, đường vốn rất rộng, lại thêm một lần tuyết mỏng, trông khoan khoái dễ chịu. Tất cả mọi cái như thêm phần trang trọng. Lầu Trường An lầu trên Cổng Tân Hoa, dãy tường đỏ Nam Hải, đều phủ tuyết trắng, cùng với hàng cột son và dãy tường đỏ, đứng lặng lẽ dưới ánh đèn, tỏ rõ vẻ tôn nghiêm của chốn cố đô...

Khung cảnh này, vào lúc này, khiến người ta cảm thấy dường như thành phố Bắc Bình không có dân cư, chỉ có lầu son gác tía, điện ngọc thêm vàng, chỉ có những hàng thông cổ thụ lặng lẽ đứng đón tuyết rơi. Tường không có thì giờ ngắm cảnh đẹp, vừa nhìn thấy “Ngọc lộ” là anh ta chỉ mong một bước về tới nhà. Con đường thẳng bằng, trắng toát, vắng vẻ, làm cho anh ta tưởng đã trông thấy cổng nhà rồi. Nhưng anh ta không thể nào chạy nhanh được, tuyết trên mặt đường tuy không nhiều, nhưng lại dính chân, loáng một cái dưới đế giày đã thành một mảng dày cộp. Giũ sạch, một lát lại dính vào. Hạt tuyết rất nhỏ, nhưng mà cũng thấy nặng, vừa dính chân, lại vừa lóa mắt, anh ta không thể chạy nhanh được. Tuyết rơi trên người cũng lâu tan, đọng lại thành một lớp nhỏ trên vai áo, tuy không đáng kể vào đâu, nhưng ướt át, cũng thấy khó chịu. Cả quăng này không có hàng quán gì cả, những tiếng pháo từ phía xa vẫn không ngớt dội lại, thỉnh thoảng, giữa bầu trời đen kịt lại bắn lên mấy chiếc pháo thẳng thiên hoặc cây bông. Tàn lửa lụi hết, bầu trời lại càng tối hơn, tối đến phát sợ. Anh ta lắng nghe tiếng pháo nổ; nhìn những tia lửa và bầu trời đen tối, anh ta càng muốn về ngay tới nhà. Nhưng anh ta không dám xoắn cẳng mà chạy. Thật đến bực!

Điều khiến anh ta thật khó chịu hơn nữa là từ Tây Thành trở đi, anh ta cảm thấy phía sau có một chiếc xe đạp bám theo. Đến phố Tây Trường An, vắng

vẻ hơn, lại càng cảm thấy rõ rệt nó bám sát phía sau, bánh xe nghiêng xuống tuyết mỏng, tuy không kêu to, nhưng cũng có thể biết được. Cũng như các anh em phu xe khác, Tường ghét nhất là xe đạp. Ô tô cũng đáng ghét, nhưng máy nó nổ to, từ xa đã có thể tránh được. Còn xe đạp cứ thấy chỗ nào hỏ là len vào, rồi còn lại lái bên này, quành bên kia, cứ rối cả mắt lên. Phải cố tránh sao cho khỏi đụng nhau, hễ đụng nhau bao giờ, xe tay cũng có lỗi. Trong óc, bọn cảnh sát nghĩ rằng, dù thế nào thì phu xe cũng dễ bắt nạt hơn là những người đi xe đạp, cho nên bao giờ cũng bảo phu xe trái. Mấy lần, Tường định bất thành linh dừng lại cho tay xe đạp kia ngã một cái, nhưng anh ta không dám. Kéo xe thì đành phải nhún nhục vậy. Mỗi khi giậm chân giũ tuyết, anh ta lại phải kêu lên "*Dừng xe đây này!*". Đến Nam Hải Tiễn môn, đường phố rộng thê, vậy mà chiếc xe đạp kia vẫn cứ bám sát theo sau. Tường càng bức tợn. Anh ra cố ý dừng xe lại, phủi tuyết trên vai. Chiếc xe đạp vượt qua. Người ngồi trên xe còn ngoái cổ lại nhìn. Tường cố ý chần chừ, đợi chiếc xe đạp kia đi rõ xa, mới nhắc càng xe lên, mắng với một câu. Cái "*chủ nghĩa nhân đạo*" của ông Tào khiến ông ta không đành lòng kéo chiếc áo tơi cẳng gà lên chắn gió, ngay cả chiếc mũ vải bạt kia cũng chỉ giương lên những lúc mưa to mà thôi, để nhẹ cho anh xe phu. Tuyết nhỏ, ông ta cho rằng không cần phải dựng mũ, huống chi ông ta còn muốn ngắm cảnh tuyết xuống ban đêm nữa. Ông ta

cũng chú ý đến chiếc xe đạp kia. Tường vừa mắng dứt lời, ông ta liền hạ thấp giọng:

- Nếu nó cứ bám riết thì về qua nhà dùng đồ xuống nữa! Kéo thẳng đến nhà ông Tả ở Hoàng Hóa! Cứ bình tĩnh.

Tường hơi hoảng. Anh ta chỉ thấy tay cười xe đạp kia đáng ghét, chứ biết đâu hắn còn đáng sợ nữa. Ông Tào mà không dám về nhà, thì chắc hắn cũng chẳng phải tay vừa! Anh ta chạy dấn lên gần vài chục bước thì đuổi kịp tay kia. Hắn cố ý đợi anh ta và ông Tào hay sao ấy. Hắn để Tường vượt lên trước. Tường liếc nhìn hắn, liền rõ ngay. Mật thám. Anh ta thường gặp bọn này ở các tiệm nước, tuy chưa tiếp xúc trò chuyện lần nào, nhưng thuộc lòng cái bộ dạng và cách ăn mặc của bọn chúng nó. Cách ăn mặc ấy, anh ta đã quen mắt lắm rồi: áo kếp ngắn màu xanh, mũ dạ đội sụp xuống.

Đến ngã tư Nam Trường, nhân lúc rẽ, Tường liếc nhìn, thấy gã kia vẫn bám theo. Anh ta hầu như quên cả tuyết trên mặt đường, rào cẳng nhanh hơn. Con đường dài thẳng tắp, trắng toát, chỉ có ánh đèn lạnh lẽo và một tên mật thám theo sát phía sau! Tường chưa trải qua cảnh này bao giờ. Anh ta toát mồ hôi. Đến cửa sau công viên, anh ta quay lại nhìn, vẫn thấy tên kia phía sau! Qua trước cửa nhà, anh ta không dám dừng lại, nhưng cũng có hơi ngập ngừng. Ông Tào chẳng nói chẳng rằng, anh ta đành phải chạy thẳng về phía trước. Chạy một mạch đến đầu phố đảng kia,

chiếc xe đạp vẫn bám riết. Anh ta rẽ vào một ngõ nhỏ, nó vẫn bám theo. Ra khỏi ngõ, vẫn thấy nó bám theo! Đến cửa Hoàng Hóa, đáng lẽ không nên rẽ vào ngõ nhỏ, nhưng mãi đến đầu ngõ đằng kia, anh ta mới nhớ ra. Anh ta phải tự nhận là mình có phần luống cuống, đâm ra lú lẫn, nên lại càng bực mình hơn.

Chạy đến phía sau Cảnh Sơn, chiếc xe đạp kia đi thẳng, rồi rẽ về phía cửa Hậu. Tường lau mồ hôi, Tuyết xuống nhỏ hơn, nhưng xen lẫn hạt tuyết lại có vài bông tuyết. Hình như Tường thích bông tuyết hơn, chúng bay thoải mái tự do giữa bầu trời, không giống như những hạt tuyết, làm người ta thấy khó chịu. Anh ta quay lại hỏi:

– Thưa ông, đi đâu đây ạ?

– Cứ đến nhà ông Tả. Có ai hỏi dò gì tôi, cứ nói không biết nhá!

– Vâng!

Tường thấy lo lắng, nhưng không tiện hỏi cặn kẽ.

Đến nhà ông Tả, ông Tào bảo Tường cho cả xe vào, vội vàng đóng cổng lại. Ông ta vẫn có vẻ bình tĩnh, nhưng sắc mặt không được tự nhiên. Dẫn dò Tường xong, ông ta đi vào. Tường cho xe vào cổng, vừa đặt càng xuống, thì ông Tào lại đi ra, cùng với ông Tả. Tường có biết ông Tả, và cũng biết đó là bạn thân của ông Tào.

Ông Tào nói rất nhanh:

- Anh Tường, anh đi tắc-xi về nhà, thưa với bà tôi ở đây nhé! Bảo bà và cả nhà cũng đến cả đây, đi tắc-xi đến, thuê một cái khác. Đừng bảo cái xe anh đi chờ ở cửa đấy! Anh rõ chưa! Thôi được rồi! Bảo bà đem theo những thức cần dùng và mấy bức tranh trong buồng giấy ấy. Anh rõ chưa. Ở đây, tôi sẽ gọi điện thoại thẳng cho bà, nhưng cứ dặn thêm anh thế, sợ bà luống cuống quên mất lời tôi dặn, nhớ nhắc bà đấy nhé!

Ông Tả hỏi:

- Tôi đến có tiện không?

- Không cần thiết. Thành lúc này chưa chắc đã phải là mật thám. Có điều, mình có chuyện, nên không thể không đề phòng. Bác gọi hộ chiếc tắc-xi có được không?

Ông Tả vào quay điện thoại, gọi tắc-xi. Ông Tào lại dặn dò Tường một lượt nữa:

- Xe đến, tôi sẽ trả tiền trước. Bảo bà thu dọn đồ đạc mau lên nhé! Những thứ khác không cần, nhưng thế nào cũng phải mang theo đồ dùng cho em bé, và mấy bức tranh kia, mấy bức tranh, nhớ đấy! Đợi bà thu xếp xong, thì bảo vú Cáo gọi điện thuê tắc-xi đến đây, anh rõ rồi chứ? Đợi cả nhà đi rồi, anh đóng chặt cổng lại, dọn vào buồng giấy mà ngủ, ở đó có điện thoại đấy. Anh biết gọi điện thoại không?

– Cháu chỉ biết nghe thôi, không biết gọi đi nơi khác!

Kỳ thực thì cả việc nghe điện thoại, Tường cũng chẳng thạo lắm, nhưng không muốn làm ông Tào lo nên anh ta đành trả lời vậy.

– Thế được rồi!

Rồi ông Tào nói tiếp, vẫn rất nhanh:

– Ngộ nhờ có chuyện gì, anh chớ có ra mở cửa đấy! Chúng tôi đi cả rồi, còn lại mỗi mình anh, bọn chúng quyết không buông tha anh đâu. Thấy có chuyện gì không hay, anh tắt đèn, trốn ra lối sau, sang nhà ông Vương. Người bên nhà ông Vương, anh có biết đấy chứ? Được rồi. Lánh bên đó một lúc rồi hăng đi. Đồ đạc của tôi, đồ đạc của anh, cứ vứt cả đó, nhảy qua tường mà trốn, đừng để chúng bắt được. Đồ đạc của anh, mất cái gì rồi tôi sẽ đền. Bây giờ, tôi đưa trước cho anh năm đồng. Thôi được rồi. Tôi đi gọi điện thoại cho bà đấy. Lát nữa, anh nhớ dọn lại bà đấy nhé! Đừng nói đến chuyện bắt bớ gì cả. Tay di xe đạp lúc này có thể là mật thám, mà cũng có thể không phải. Anh cũng đừng có lo!

Tường trong bụng hoảng lắm, dường như có rất nhiều điều muốn hỏi, nhưng vì phải nhớ những lời ông Tào dặn dò, nên không dám hỏi.

Tắc-xi đến, Tường thần thờ lên xe. Tuyết rơi không nhiều, cũng không ít. Cảnh vật bên ngoài nhìn

không được rõ lắm. Anh ta ngồi thẳng lưng ra, đầu gần chạm mũi xe. Anh ta muốn nghỉ ngơi một tí, nhưng mắt lại cứ nhìn vào cái mũi tên đỏ ở phía mũi xe, đỏ tươi, trông rất đẹp! Cái bàn chải nhỏ ở phía trước, cứ tự động gạt sang phải rồi lại gạt sang trái, lau hết hơi mờ trên kính, trông cũng hay hay. Nhìn những trò ấy gần phát ngấy lên, thì xe đã tới nhà. Tường xuống xe, trong lòng thấy ngán ngấm.

Vừa định bấm chuông ở cổng, thì có một người từ phía trong tường chui ra, nắm chặt lấy cổ tay anh ta. Theo bản năng, anh ta định giật tay ra, nhưng nhìn rõ mặt người kia, anh ta không dám động dấy nữa. Chính là tên mật thám cười xe đạp lúc nãy.

Tên mật thám buông tay ra, cười:

- Tường, không nhận ra tớ nữa hay sao?

Tường nín thở, không biết trả lời như thế nào.

- Không nhớ ngày cậu bị bọn tớ đưa lên núi Tây Sơn à? Tớ là Tôn, trung đội trưởng Tôn đây mà! Nhớ ra rồi chứ!

- À! Ông Tôn!

Tường không sao nhớ ra được. Lúc anh ra bị bọn lính tóm cổ đưa lên núi, anh ta có để ý xem ai là trung đội trưởng, ai là đại đội trưởng đâu!

- Cậu không nhớ tớ, ấy thế mà tớ lại nhớ cậu đấy! Cái sẹo kia trên mặt cậu là một cái dấu rất rõ.

Tớ vừa theo dõi cậu một hồi lâu, thoát đầu không dám nhận cậu đâu, nhìn đi nhìn lại mãi, nghĩ cái sọc kia thì không sai vào đâu được...

Tường lại định bấm chuông:

– Có chuyện gì không ạ?

– Tất nhiên là có chuyện, mà lại là chuyện rất quan trọng. Chúng ta vào nhà nói chuyện, có được không?

Trung đội trưởng Tôn – bây giờ là mật thám – giơ tay bấm chuông.

– Tôi đang bận!

Tường toát mồ hôi trán, lo lắng nghĩ thầm:
“Tránh nó chẳng được lại còn mời nó vào nhà à!”

Tôn cười, xảo quyết:

– Cậu đừng lo. Tớ đến đây cốt để giúp cậu thôi!

Vú Cao mở cổng, hấn đi thẳng vào trong:

– Cám ơn!

Chẳng đợi Tường và vú Cao nói gì với nhau, hấn kéo Tường đi vào, chỉ gian buồng xếp:

– Cậu ở đây phải không?

Bước vào buồng, hấn nhìn ngang nhìn ngửa, rồi lại nói tiếp:

– Buồng nhỏ mà sạch quá nhỉ! Cậu làm ăn thế khá đấy!

Tường không bụng dạ nào nghe những câu vớ vẩn ấy nữa:

– Có việc gì thế ạ? Tôi đang bận!

– Kìa, đã bảo cậu rồi cơ mà! Có một chuyện rất quan trọng! – Tôn vẫn cười, nhưng giọng nói rất nghiêm – Nay, nói thẳng cho cậu rõ, thằng Tào đây vào đảng làm loạn, bắt được sẽ xử bắn liền, nó chạy không thoát đâu! Chúng ta dù sao cũng là chỗ quen biết cũ, trong quân đội, cậu đã từng phục vụ tớ. Lại nữa, chúng ta đều cùng một phố cả, vì thế tớ mới nghĩ đến cậu, nói cho cậu biết. Nếu cậu không mau mau chuẩn sớm, lát nữa sẽ bao vây lục soát, không thoát được đâu. Bọn ta bán sức kiếm ăn, theo chúng nó rồi kiện cáo vào đâu. Có phải thế không nào?

– Như thế không phải với người ta quá!

– Không phải với ai? – Tôn nhếch mép mỉm cười. mắt sắc sảo – Chúng nó tự rước lấy vạ. Không phải với ai nào? Chúng nó có gan ăn cướp thì có gan chịu đòn. Bọn ta chịu vạ lây vì chúng, mới là không phải chứ! Đừng nói gì khác, cứ tổng giam cậu ba tháng; như con chim bay nhảy quen rồi, bấy giờ ngồi xà lim, liệu có chịu được không nào? Lại nữa, bọn chúng vào tù, có tiền chạy chọt, thì chẳng tội vạ gì hết. Còn cậu, trong tay cóc có đồng nào, nhất định là nằm nhà xí! Thế còn

chưa thấm vào đâu, ngộ nhờ bọn chúng bỏ tiền ra đút lót, cái án mấy năm tù, trước mặt quan trên, lại không quàng vào cổ cậu mới là lạ! Bọn ta không trêu ghẹo ai, rút cục phải chịu tù tội, thế có oan hay không. Cậu là người biết điều. Người biết điều không đời nào húng lẩy vạ trước mắt. Không phải với người ta à?... Hừ, này anh bạn, trên đời này, chẳng có chuyện gì là phải với cánh nghèo chúng ta cả!

Tường sợ. Nhớ lại những nỗi cực khổ khi bị bọn lính tóm đi, anh ta tưởng tượng thấy được mùi ở tù.

– Vậy thì tôi cứ đi, bỏ mặc họ à?

– Cậu lo cho họ, ai lo cho cậu?

Tường không biết nói lại thế nào được. Thử người ra một lúc, anh ta gặt đầu, lương tâm không cắn rứt nữa.

– Thôi được, tôi đi đây!

Tôn cười nhạt:

– Cứ thế mà đi thôi à?

Tường ngơ ngác không hiểu.

– Này, anh bạn! Cậu ngốc quá! Tớ là mật thám, tớ lại buông tha cậu à?

– Thế...

Tường sợ quá, không biết nói thế nào.

– Đừng giả vờ ngốc nữa – ánh mắt Tôn chiếu thẳng vào người Tường – Chắc cậu cũng có để dành được ít nhiều, đem ra đây chuộc mạng! Tổ làm cả tháng chẳng bằng cậu, lại phải ăn, phải mặc, phải nuôi gia đình, đành phải kiếm bồng ngoại vậy. Nói thực tình với cậu thế đấy! Cậu thử nghĩ xem, liệu tổ có thể thả cho cậu đi dễ dàng như thế được không? Anh em quen biết nhau là quen biết nhau, không quen biết nhau liệu tổ có đến khuyên nhủ cậu hay không? Nhưng công việc là công việc, tổ không kiếm được tí chút, thì cả nhà tổ ăn sương mà sống à? Người biết điều, không cần phải nhiều lời vô ích. Cậu cứ nói thật đi!

Tường ngồi xuống đầu giường:

– Bao nhiêu?

– Có bao nhiêu lấy bấy nhiêu! Không có giá nhất định nào cả!

– Tôi ngồi tù cũng được!

– Chính mồm cậu nói đấy nhé! Rồi đừng có hối! – Tôn xọc tay vào túi áo bông – Nhìn đây này. Tổ có thể tóm cậu ngay lập tức, kháng cự lại, sẽ bắn luôn! Tổ mà điếu đi thì đừng nói đến tiền, ngay cả quần áo đang mặc kia, đến cổng nhà lao, cũng phải lột ra. Cậu là người biết điều, cứ thử ngẫm mà xem!

Tường lấp bấp hồi lâu mới bật ra lời:

– Bắt nạt tôi thế, sao không bắt nạt ông Tào ấy?

– Hấn là chính phạm. Tóm được có thưởng, không tóm được thì lôi thôi. Còn cậu, hừ, thả cậu thì cũng như đánh phát rắm, mà giết cậu thì cũng như giết con rệp! Đưa tiền ra thì được tha! Không đưa tiền ra, hừ, vào tù! Đừng lôi thôi mất thì giờ, mau mau lên, người nhón với nhau! Lại nữa, cũng chẳng phải một mình tớ nuốt trôi được món tiền ấy đâu, bọn anh em cũng còn xà xẻo vào đấy, chẳng hiểu là còn được mấy đồng. Rẻ thế mà còn không chịu bỏ ra chuộc lấy mạng, thì tớ cũng chẳng có cách nào khác nữa! Cậu có bao nhiêu nào?

Tường đứng phắt dậy, đầu óc căng thẳng, tay nắm chắc lại.

– Tay để im, không thì đi đứt bây giờ! Nói cho mà biết, này, ngoài kia còn nhiều người nữa kia! Mau, tiền đâu, đưa ra đây! Tớ nể mặt phải biết điều chứ!

Ánh mắt Tôn lúc đó trông thật dễ sợ!

– Tôi nào có trêu ghẹo ai đâu!

Tường méo mếu, nói xong ngồi phịch xuống mép giường.

– Cậu không trêu ghẹo ai cả, nhưng lại có được ít tiền. Người ta thì giàu từ trong bụng mẹ, bọn ta thì từ dưới ngoi lên! Thôi đừng nói lôi thôi nữa.

Tôn lắc đầu, dường như có vẻ cảm khái lắm:

– Ừ thôi, cứ cho là tớ bắt nạt cậu vậy! Đừng làm mất thì giờ nữa!

Tường lại nghĩ một lát nữa, thấy chẳng có cách nào cả. Tay anh ta run lên, móc con lợn đất trong đồng chắn ra.

Tôn cười, đỡ lấy con lợn đất, đập vào tường:

– Xem nào!

Tường nhìn tiền tung tóe trên mặt đất, lòng đau như xé:

– Ít thế này thôi à?

Tường không đáp, chỉ đứng run.

– Thôi được, tớ cũng không đành cạ tình, bạn bè vẫn là bạn bè. Cậu cũng phải biết rằng, ít thế này mà chuộc được mạng là rẻ lắm đấy nhé!

Tường vẫn không nói năng gì cả, người run lập cập, định chui vào trong chăn cuộn tròn lại.

– Đừng có đụng vào đó!

Mắt Tường trợn trừng, như nẩy lửa:

– Rét mướt thế này...

– Đã bảo không được đụng là không được đụng! Cút!

Tường nín thở, cắn môi, đẩy cửa đi ra.

Tuyết xuống dày hơn một tấc, Tường cúi đầu bước đi. Khắp nơi trắng toát một màu, chỉ có những vết chân đen ngòm của anh ta để lại phía sau.

12

Tường muốn tìm chỗ nào đó ngồi xuống, nghỉ kỹ lại đầu đuôi một lượt, dù cho nghỉ xong chỉ có khóc thôi, thì cũng còn biết khóc vì cái gì. Sự việc diễn ra nhanh quá, đầu óc anh ta theo không kịp. Không có chỗ nào ngồi được cả, khắp nơi đều là tuyết trắng. Các quán nước đã đóng cửa cả, hơn mười giờ rồi. Mà dù mở chẳng nữa, anh ta cũng chẳng buồn vào; anh ta muốn kiếm một chỗ nào yên tĩnh. Anh ta biết, nước mắt đã lưng tròng, chưa biết lúc nào sẽ rơi xuống.

Không có chỗ nào ngồi thì đành chậm rãi mà bước đi vậy. Nhưng mà, đi đâu bây giờ? Trong cái thế giới trắng toát này, không có chỗ nào để anh ta ngồi, cũng không có nơi nào để anh ta đi đến; cả một vùng trắng toát, chỉ có con chim đói meo và con người cùng đường mới hiểu thế nào là đau thương.

Đi đâu bây giờ? Ngay chuyện đó cũng làm anh ta bối rối chứ chưa cần phải nghĩ đến chuyện khác! Vào quán trọ chẳng? Không ổn, quần áo thế này, đêm có gì mất hết, ấy là chưa nói đến khoản rệp ở nhà trọ,

ghê lắm! Vào nhà trọ sang hơn một chút chẳng? Không có tiền, trong tay chỉ có năm đồng bạc, và đó là toàn bộ tài sản của anh ta. Vào nhà tắm chẳng? Mười hai giờ là đóng cửa, không ngủ lại được. Chẳng có chỗ nào cả.

Vì không biết đi đâu nên anh ta càng cảm thấy cái quần bách của mình. Lăn lộn ở thành phố mấy năm nay rồi, chỉ còn độc mỗi bộ quần áo, và năm đồng bạc. Chăn đệm cũng chẳng còn! Từ chỗ đó, anh ta nghĩ đến ngày mai, ngày mai biết làm thế nào đây? Kéo xe vẫn kéo xe, hừ, kéo xe, kết quả chỉ là tìm không ra được một chỗ trú chân, dành dụm được ít tiền cũng lại bị cướp mất! Buôn vật, nhưng lại chỉ có năm đồng bạc vốn, lại quang gánh cũng phải mua, hướng chi buôn cái gì kiếm cho ra được cơm ăn bây giờ? Kéo xe thì còn từ chỗ không có gì kiếm ra ba bốn hào, chứ buôn bán, đã phải có vốn, lại chưa chắc kiếm đủ ba bữa ăn. Đợi đến khi ăn hết vốn rồi mới lại đi kéo xe, thế thì có khác gì tụt quần đánh rắm, bỗng dưng mất toi năm đồng? Năm đồng này thì không dễ dàng buông ra một hào một xu nào cả. Đó chính là niềm hy vọng cuối cùng! Đi ở, không quen, hầu hạ, không biết; không biết thổi cơm nấu nước giặt giũ quần áo! Không ổn, gì cũng không biết, thật đúng là đồ ngốc nghếch, to xác mà vô dụng.

Anh ta tới Trung Hải lúc nào không biết. Lên tới cầu hai bên quang đăng, nhìn thấy toàn là tuyết. Lúc

bấy giờ hình như anh ta mới thấy tuyết vẫn rơi không ngừng, sờ lên đầu, chiếc mũ len đã ướt đầm. Trên cầu không có ai, cả tay cảnh sát đứng gác cũng rúc vào đầu chẳng biết. Mấy ngọn đèn, tuyết bay tấp vào, trông như những con mắt đang nhấp nháy. Tường nhìn cảnh tuyết rơi tứ phía, lòng buồn thiu.

Anh ta đứng trên cầu rất lâu. Thế giới dường như chết rồi, không một âm thanh, không một động tĩnh. Những bông tuyết trắng nhờ nhờ như được dịp, nhẹ nhàng rơi tới tấp, muốn âm thầm chôn vùi mọi cảnh vật. Trong lúc vắng lặng đó, Tường nghe lương tâm mình khê lên tiếng: đừng vội nghĩ tới mình, hãy về xem gia đình ông Tào ra sao đã. Cả nhà chỉ có bà Tào và vú Cao, không có người đàn ông nào! Năm đồng bạc cuối cùng kia, chẳng phải là ông Tào cho đấy ư? Không dám suy nghĩ thêm nữa, anh ta vội vàng quay về, đi rất nhanh.

Ngoài cổng có mấy vết chân, trên đường có vết bánh ô tô mới lấn. Bà Tào đi rồi hay sao? Cái thằng Tôn kia sao không bắt bà ta?

Anh ta không dám đến đây cổng, sợ lại bị tóm cổ. Nhìn quanh nhìn quẩn mãi, chẳng thấy ai cả, trống ngực anh ta nổi lên. Cứ thử xem nào, cũng chẳng còn nhà cửa đâu mà về nữa, tóm thì tóm. Anh ta khê đẩy cánh cổng. Cánh cổng mở. Men theo chân tường bước được hai bước, anh ta thấy đèn trong buồng mình còn sáng. Buồng riêng của mình! Anh ta muốn khóc oà

lên. Anh ta lom khom bước tới, đến bên cửa sổ, nghe ngóng, thấy trong buồng có tiếng ho. Tiếng vú Cao! Anh ta đẩy cửa.

– Ai đấy? Ồi chào! Anh đấy à! Làm tôi sợ hết hồn!

Vú Cao ôm lấy ngực, định thần, ngồi xuống giường:

– Anh Tường, có chuyện gì thế?

Tường không nói được, chỉ cảm thấy hình như hàng bao năm qua không được thấy mặt vú, trong lòng ấm áp hẳn lên.

– Sao thế hở? – Vú Cao dường như cũng sắp khóc
– Anh chưa về đến nơi thì ông gọi điện thoại về nhà, bảo bà và tôi đưa em đến nhà ông Tả, và nói anh sẽ về ngay đấy. Thế rồi anh về, tôi chả mở cửa cho anh là gì? Tôi thấy anh đi với một người lạ mặt nữa. Tôi không nói gì cả, liền quay vào với bà cùng thu xếp các thứ. Mãi chả thấy anh vào. Đêm hôm khuya khoắt, bà và tôi sợ hết hồn hết vía, chú bé thì đang ngủ say cứ thế là bế ra khỏi chăn ấm. Gối ghém xong, lại vào buồng hạ mấy bức tranh xuống. Ấy thế mà vẫn chả thấy mặt mũi anh đâu cả. Anh làm sao thế hở? Thu xếp qua loa tạm xong, tôi xuống tìm anh, thì chẳng thấy anh đâu nữa! Bà vừa giận vừa lo, người cứ run bần lên. Tôi đành quay điện thoại gọi xe vậy. Nhưng chẳng lẽ lại bỏ nhà trống không, đi cả, tôi thưa với bà là tôi ở lại trông nhà cho, bà cứ việc đi đi, anh Tường

về, tôi sẽ đến nhà ông Tả ngay; anh ta không về thì có chuyện gì tôi sẽ liệu vậy. Thế nào ấy nhỉ, anh làm sao vậy hử, nói đi xem nào?

Tường vẫn chẳng nói chẳng rằng.

– Nói đi, định cứ đứng ì ra đó là xong chuyện à? Thế nào vậy hử?

Mãi tường mới bật ra một câu:

– Vú đi đi! Cứ đi đi!

Vú Cao đã bớt bực:

– Thế anh coi nhà à?

– Gặp ông, vú nói rằng, mật thám bắt tôi, nhưng rồi, nhưng rồi lại không bắt được!

Bực quá, nhưng suýt nữa vú Cao bật cười:

– Nói thế là thế nào?

Tường cũng cười:

– Vú hãy nghe đã! Nói với ông rằng: ông phải trốn cho nhanh, tên mật thám nói là thế nào cũng bắt ông. Nhà ông Tả cũng chẳng phải là nơi yên ổn đâu! Phải chạy cho nhanh! Vú đi rồi, tôi sẽ sang bên nhà ông Vương, ngủ nhờ một đêm, cổng ngõ sẽ khóa lại. Ngày mai tôi sẽ đi tìm việc làm. Thật là không phải với ông quá!

Vú Cao thở dài:

- Càng nói càng vớ vẩn, chẳng hiểu ra sao cả! Được rồi, tôi đi đây, chú bé rét cóng lên mất, phải đến ngay xem sao. Gặp ông, tôi sẽ thưa lại là anh Tường anh ấy nói rằng, ông phải trốn cho nhanh. Đêm nay, anh Tường anh ấy khóa cổng lại, sang bên ông Vương ngủ nhờ, ngày mai anh ấy đi tìm việc làm. Thế phải không?

Tường ngượng ngùng, khẽ gật đầu.

Vú Cao đi rồi, Tường khóa cổng lại, quay vào buồng. Con lợn đất vỡ toang nằm dưới đất. Anh ta nhặt mảnh vỡ lên nhìn, rồi lại quăng xuống. Trên giường, chăn đệm vẫn còn nguyên. Quái lạ, thế là thế nào nhỉ? Hay thằng Tôn không phải là mật thám thật? Không thể thế được. Ông Tào, nếu không thấy nguy hiểm gì cả, thì lẽ nào lại phải bỏ nhà chạy trốn? Không hiểu! Không hiểu ra làm sao! Anh ta ngồi xuống giường lúc nào không biết, vừa ngồi xuống lại đứng phắt dậy, như có điều gì kinh sợ. Không thể ngồi lâu ở đây được! Nhờ cái thằng Tôn kia nó quay lại thì làm sao? Một ý nghĩ thoáng hiện trong óc anh ta: Thật là không phải với ông Tào, nhưng vú Cao đã đưa tin hộ, bảo ông ta phải mau mau trốn đi thật xa, như vậy cũng được rồi. Cứ xét lương tâm, thằng Tường này cũng chẳng phải là cố ý lừa người, vả lại chính mình cũng chịu oan, mất toi cả tiền, chẳng còn cách nào mà lo cho ông ấy được nữa. Cứ thế, anh ta lăm bắm một mình, vừa thu xếp chăn nệm.

Vác bọc chăn nệm trên vai, tắt đèn, anh ta chạy băng qua sân sau, đặt bọc chăn nệm xuống đất, hai tay bám lấy bờ tường khê gọi:

– Anh Trình! Anh Trình à!

Trình là người kéo xe nhà ông Vương. Không có tiếng trả lời. Tường định bụng cứ nhảy sang, rồi sẽ nói chuyện sau. Anh ta vút bọc chăn nệm sang trước, rơi xuống tuyết, không một tiếng động. Trống ngực anh ta nổi liên hồi. Anh ta dún người lên bờ tường rồi nhảy qua. Nhặt bọc chăn nệm lên, anh ta rón rén đi tìm Trình. Anh ta đã biết chỗ Trình nằm. Cả nhà chắc đã ngủ cả. Trong sân im phăng phắc. Tường cảm thấy đi ăn trộm không phải là chuyện khó lắm. Anh ta mạnh dạn lên, dần bước; tuyết cứng, kêu lạo xạo. Tìm đến buồng Trình, anh ta dang hắng. Chùng như Trình vừa đặt mình nằm xuống:

– Ai thế?

– Tôi. Tường đây! Mở cửa với!

Tường nói rất tự nhiên, rất dịu dàng, anh ta nghe tiếng Trình như được lời an ủi vỗ về của người thân.

Trình bật đèn, khoác chiếc áo bông rách mở cửa:

– Cái gì thế, anh Tường? Đêm hôm khuya khoắt?

Tường bước vào, đặt bọc chăn nệm xuống đất, ngồi lên trên, chẳng nói chẳng rằng.

Trình vào trạc ngoài ba mươi, trên mặt, trên người thớ thịt cứ nổi lên, rắn chắc, trông có góc cạnh. Thường ngày, Tường và anh ta không chơi bởi gì với nhau cả, có điều gặp nhau thường cũng gật đầu chào hỏi. Có khi, bà Vương và bà Tào cùng lên phố, Tường và Trình lại có dịp ngồi uống nước, nghỉ ngơi với nhau. Tường không phục Trình lắm. Trình chạy nhanh, nhưng vẫn có vẻ luống cuống như không cầm vững được càng xe hay sao ấy. Tuy rất tốt bụng, nhưng vì có cái tật ấy, cho nên Tường không phục.

Nhưng lúc này, Tường thấy Trình đáng yêu lắm. Anh ta ngồi đó, không nói được câu nào, nhưng trong lòng thì thấy rất cảm động, thân thiết. Vừa ngồi, đứng trên cầu Trung Hải, bây giờ lại được ngồi với người quen ở trong nhà, sự việc thay đổi nhanh quá, khiến anh ta thấy trong lòng trống trải, đồng thời cũng lại thấy êm ấm.

Trình lại chui vào chăn, chỉ chiếc áo gi-lê cũ:

– Hút thuốc đi, trong túi ấy, “*Biệt dã*” đấy!

Thuốc lá “*Biệt thụ*” từ khi ra đời, đã bị các anh em phu xe đổi ra là “*Biệt dã*”¹⁶.

Tường vốn không quen hút thuốc, nhưng lần này hầu như không thể chối được, liền lấy một điếu, đưa lên môi, châm hút.

¹⁶ Chữ Trung Quốc, “thụ” và “dã” viết gần giống nhau, nên đọc nhầm (ND).

– Sao thế? Thôi việc rồi à?

– Không – Tường vẫn ngồi trên bục chặn nệm – Có việc lôi thôi xảy ra. Cả nhà ông Tào bỏ trốn rồi. Tôi không dám ở lại trông nhà một mình.

Trình lại nhồm dậy:

– Chuyện gì thế?

– Cũng không rõ lắm, nhưng không phải là chuyện thường đâu. Cả vú Cao cũng đi rồi!

– Cửa ngõ mở toang, không ai coi cả à?

– Tôi khóa lại rồi!

– Hừ – Trình suy nghĩ một lát – Để tôi lên thưa với ông Vương biết qua tí nhá!

Nói xong, anh ta định khoác áo vào.

– Mai hăng hay! Cũng chưa biết rõ ra sao cả mà!

Tường sợ ông Vương lại căn vặn anh ta.

Chuyện mà Tường không rõ vốn là như thế này: ông Tào có dạy mấy giờ ở một trường đại học nọ. Cấp trên không vừa lòng lắm, định trị ông ta, nói rằng ông ta có tư tưởng quá khích! Ông Tào cũng có nghe phong thanh, nhưng thấy nực cười. Ông ta biết rõ cái tư tưởng mới đó của ông ta chẳng có gì là triệt để cả, đồng thời ông ta cũng hiểu rằng, lòng đam mê mỹ thuật truyền thống kia của ông ta đã ngăn trở những hành động mạnh mẽ như thế nào rồi. Ấy thế mà lại

mang tiếng là cách mạng! Thật là nực cười! Vì nực cười, cho nên cũng chẳng cần để ý đến lắm, tuy học sinh và bạn đồng nghiệp đều khuyên ông ta nên cẩn thận. Trong thời buổi loạn lạc này, cẩn thận cũng không chắc an toàn được.

Nghỉ đông là một dịp tốt để thanh toán các phần tử cách mạng trong nhà trường, bọn mật thám bắt đầu bận rộn theo dõi điều tra, bắt bớ. Ông Tào có nhiều lần cảm thấy có người theo dõi mình. Bóng người phía sau lưng khiến ông ta từ vui cười chuyển thành lo sợ. Ông ta đến tìm ông Tả.

Theo ý ông Tả thì:

– Lúc đầu, cứ dọn đến nhà tôi. Bọn chúng chẳng đến nỗi lục soát nhà tôi đâu!

Ông Tả quen biết nhiều, mà những người đó thì pháp luật mạnh sao bằng được!

– Bác cứ dọn đến đây ở mấy ngày, tránh cho qua đi đã. Coi như là chúng ta sợ chúng nó vậy. Rồi tìm cách giải quyết. Có lẽ cũng phải tiêu ít tiền. Bọn chúng nó được đẹp mặt, lại được tiền, lúc đó bác về nhà chẳng sao nữa đâu.

Tôn – tay mật thám kia – biết ông Tào thường đi lại nhà ông Tả, và cũng biết truy gáp thì ông ta nhất định sẽ đến nhà ông Tả. Bọn chúng không dám động đến ông Tả, có dọa dẫm thì dọa dẫm được ông Tào kia thôi. Làm mạnh cho ông ta chạy đến nhà ông Tả, bọn

chúng mới có hy vọng vợ ít tiền, và cũng giữ được sĩ diện. Còn chuyện bóp nặn Tường, vốn không ở trong kế hoạch hành động của bọn mật thám, có điều đã trông thấy Tường, tiện tay như thế, tội gì không kiểm chác lấy tám chín đồng một chục trước đã!

Đúng rồi, ai cũng có cách cả, đâu cũng có khe hở, chỉ Tường là chạy không thoát, bởi vì anh ta là một anh phu xe. Làm cái thân anh phu xe, ăn thì cơm hẩm ngô khoai, làm thì sặc máu ra, mà kiếm thì chẳng được mấy đồng. Họ phải đứng vào chỗ thấp nhất trong xã hội, chờ đợi, chịu đựng sự đả kích của mọi người, của mọi thế lực, của mọi nỗi khốn khổ.

Đốt hết một điều thuốc, Tường vẫn chưa nghĩ ra cách gì. Anh ta giống như con gà trong tay người đầu bếp, chỉ thấy thở được một chút là tốt rồi, chứ chẳng có ý định gì cả. Anh ta rất muốn chuyện trò với Trình, nhưng không biết nói gì. Anh ta không thể dùng lời để diễn đạt ý nghĩ của anh ta. Anh ta đã phải chịu đựng mọi nỗi khổ sở, nhưng anh ta không mở miệng nói ra được, như người câm. Mua xe, mất xe; dành dụm được ít tiền, tiền cũng di tong. Cố gắng chịu thương chịu khó thì kẻ khác đến nạt nộ cướp đoạt hết, không dám trêu ghẹo ai, đến con chó hoang cũng phải tránh, ấy thế mà cuối cùng vẫn bị đè nén, thở không ra hơi.

Tạm gác chuyện đã qua, ngày mai sẽ ra sao đây? Nhà ông Tào thì không quay về được nữa rồi? Đi đâu bây giờ?

- Mình ngủ nhờ một đêm, có được không?

Anh ta hỏi, như con chó hoang tìm được nơi tránh gió, hãy tạm nương thân một lát, thế mà ngay cái chuyện con con ấy cũng vẫn cứ phải hỏi han cho rõ, liệu có phiền đến ai chẳng.

- Cứ ở đây thôi, tuyết lạnh như thế này đi đâu? Nằm dưới đất có được không? Hay là lên đây, chật tí cũng được!

Tường không muốn lên giường chen chúc nhau. Nằm dưới đất này cũng tốt lắm rồi.

Trình ngủ rồi, Tường vẫn cứ trần trọc mãi, không sao chợp mắt đi được. Hơi lạnh ở đất xông lên làm cho tấm nệm lạnh như phiến sắt. Anh ta co chân lại, ấy thế mà vẫn cứ lên gân. Gió từ khe cửa lùa vào, như một nắm kim đâm vào đầu, vẫn không ngủ được, nghe Trình ngáy, anh ta thấy bứt rứt khó chịu, chỉ muốn dậy nện cho anh ta một trận mới hả. Trời mỗi lúc một lạnh, lạnh đến nổi cổ họng như ngứa ngáy, anh ta sợ bật ho lên, làm Trình thức giấc.

Ngủ không được, anh ta rất muốn rón rén dậy, trở về nhà ông Tào xem sao. Dù thế nào thì thế cũng là hồng rồi, nhà lại không có ai cả, sao chẳng vợ vét một vài thứ gì đó? Ít tiền dành dụm khó nhọc được, bị nó cướp đoạt mất, chính là vì việc của nhà ông ta mà bị liên lụy, vậy thì sao lại không sang đánh cắp lấy ít đồ đạc. Vì ông ta mà mất tiền, nay lấy đồ đạc của ông

ta bù vào lại không phải hay sao? Nghĩ thế, mắt anh ta sáng lên, quên cả lạnh. Đi nào! Số tiền khó nhọc mới dành dụm được, nay mất rồi. Bây giờ có dịp bù lại dễ dàng, sang lấy đi thôi!

Đã ngồi dậy, nhưng anh ta lại vội vàng nằm xuống, hình như Trình đang nhìn anh ta, trông ngực anh ta nổi lên. Không, không thể làm thẳng ăn trộm được. Không thể được. Lúc này, vì thoát lấy thân, mà không làm theo lời ông Tào dặn dò, đã là không phải với người ta rồi; sao bây giờ lại có thể lấy đồ đạc của người ta? Không thể được! Nghèo, chết thì thôi, không thể làm cái trò trộm cắp.

Biết đâu kẻ khác lại không lấy rồi? Thằng cha Tôn kia quơ đi một ít; thì ai biết? Anh ta lại nằm xuống. Không thể được. Ai ăn cắp thì ăn cắp, mình không thể thẹn với lương tâm. Đã nghèo khổ đến bước này, đừng để lòng phải mang thêm một vết nhơ nữa!

Hướng hồ, vú Cao đã biết anh ta sang bên này ngủ nhờ, ban đêm nhà ông Tào mất mát cái gì, thì chỉ có anh ta mà thôi! Không phải anh ta, cũng nghĩ cho anh ta. Ấy thế là, anh ta không nghĩ đến chuyện ăn trộm nữa, mà lại còn sợ có người vào nhà ông Tào. Nếu quả đêm nay bên ấy có mất mát gì, thì dù cho có nhảy xuống hoàng hà cũng không thể rửa sạch được tiếng. Anh ta không thấy lạnh nữa, lòng bàn tay lại nhơm nhớp mồ hôi. Làm thế nào bây giờ? Lại nhảy sang nhà

ông Tào để canh à? Không dám thế, đã phải đem tiền ra mà chuộc mạng rồi, không thể tự dưng đâm đầu vào lưới nữa. Không sang, nhờ mất cái gì thì sao?

Không biết nên thế nào, anh ta lại nhồm dậy, ngồi chồm hổm, đầu cúi gần sát đầu gối. Đầu nặng, mắt díp lại, nhưng không dám ngủ.

Đêm dài thế, mà Tường không lúc nào chớp mắt đi được.

Ngồi không biết bao nhiêu lâu, ý kiến cũng không biết thay đổi bao nhiêu lần, anh ta bỗng vụt thấy đầu óc sáng ra, liền đưa tay lay Trình:

– Anh Trình! Anh Trình! Dậy, dậy đi!

– Gì thế? – Trình không muốn mở mắt ra chút nào – Có đái thì gần giường có xô đấy!

– Dậy bật hộ cái đèn tí!

Trình nhồm dậy, còn ngái ngủ, hỏi:

– Có trộm à?

– Tỉnh ngủ chưa?

– Rồi!

– Này, anh xem hộ đây nhé! Đây là chân đệm của tôi, đây là quần áo của tôi, đây là năm đồng ông Tào cho tôi. Không có gì khác nữa cả đấy nhé!

Trình ngáp:

– Ủ, mà làm sao cơ?

– Anh đã tỉnh ngủ hẳn chưa? Đồ đạc của tôi chỉ có thể, tôi đã không lấy qua một thứ gì của nhà ông Tào đấy!

– Ủ, đúng rồi! Bọn mình ăn cơm nhà người ta mãi, nay lại còn vợ vết chấm mút sao đành? Làm được thì làm, không được thì thôi! Không thể lấy đồ đạc của người ta! Chỉ có việc ấy thôi phải không?

– Anh đã nhìn rõ hộ chưa?

Trình cười:

– Rõ rồi! Không thấy lạnh à?

– Thôi được!



13

Vì có ánh tuyết, nên trời sáng sớm hơn ngày thường một chút. Sắp hết năm, nhiều người mua gà về nuôi, tiếng gà gáy cũng nhiều gấp mấy lần ngày thường. Khắp nơi rộn tiếng gà, rõ ra vẻ tuyết lành được mùa. Nhưng Tường suốt đêm chẳng ngủ được. Nửa đêm về sáng, anh ta chợp đi được một tí, mơ mơ màng màng, ngủ chẳng ra ngủ, y như đang bập bênh trên mặt nước, lòng dạ bồi hồi. Càng nằm càng thấy lạnh, nghe gà gáy bốn xung quanh, anh ta thấy không thể chịu được nữa. Không muốn làm Trình thức giấc, anh ta nằm co tròn lại, lấy chăn bịt lấy miệng mà ho, nhưng vẫn không dám trở dậy. Cố nhẫn nại chờ đợi, rất sốt ruột. Mãi trời mới sáng, ở ngoài phố có tiếng bánh xe bò lăn qua, và tiếng người đánh xe hò hét. Tường liền ngồi dậy, ngồi vẫn thấy lạnh, anh ta đứng lên, cài khuy áo, hé cửa nhìn ra ngoài. Tuyết không dày lắm, chừng như vào quãng nửa đêm thì không rơi nữa. Trời có vẻ tạnh ráo, nhưng xám ngắt, trông mờ mờ, ngay cả mặt tuyết dường như cũng xám nhàn nhạt. Thoáng nhìn, anh ta thấy ngay những vết chân to tướng của mình in lại từ

tối qua, tuy đã bị tuyết phủ, nhưng từng vết từng vết một, trông rất rõ.

Một là để cho có việc làm, hai là để xóa sạch vết chân, anh ta lảng lảng sờ lấy chiếc chổi ở góc nhà, đem ra quét tuyết. Tuyết nặng, khó quét, lại không tìm được chổi tre lớn, anh ta đành phải cúi thật thấp, ra sức quét, lớp trên bị quét đi, nhưng sát mặt đất vẫn còn, dường như tuyết đã bám chặt cả vào đấy rồi. Phải vươn thẳng lưng cho đỡ mỗi tối hai lần, anh ta mới quét sạch được cái sân ngoài, vun tuyết thành đống dưới gốc hai cây liễu nhỏ. Anh ta thấy ấm lên, ra mồ hôi, khoan khoái dễ chịu. Giậm giậm chân, anh ta thở một hơi rõ dài, trắng xóa.

Vào nhà, để chổi vào chỗ cũ, anh ta định đến thu xếp chăn nệm. Trình đã dậy, ngáp dài, miệng chưa ngậm lại đã hỏi luôn:

– Sáng rõ rồi à?

Giọng nói nghe chẳng rõ gì cả.

Nói xong, anh ta dụi mắt, rồi tiện tay với lấy điều thuốc trong túi áo gi-lê, châm hút hai hơi, lúc đó mới tỉnh ngủ hẳn.

– Tường này, hăng rồi đi! Để mình đi lấy ít nước sôi, pha ấm trà uống đã. Đêm qua, chắc cậu sợ lắm đấy nhỉ!

– Để tôi đi cho!

Tường nói, giọng vui vẻ. Nhưng vừa nói xong nghĩ đến chuyện khủng khiếp đêm qua, anh ta thấy tim như thất lại.

– Thôi, để mình đi cho. Mình mời cậu mà!

Nói xong, Trình mặc quần áo rất nhanh; cúc chẳng cài, chỉ khoác ngoài chiếc áo gi-lê rách một chiếc thắt lưng, miệng ngậm điều thuốc lá, chạy đi:

– Ô kìa! Sân quét rồi à? Cậu này khá thật! Ngồi đấy tớ đi kiếm cái gì ngồi ăn với nhau nhé!

Tường thấy vui vui.

Một lát, Trình quay về, bưng hai bát cháo đường, một ít bánh nướng, và dĩa *cháo quấy*¹⁷.

– Chưa pha được trà, ăn tí cháo đã. Nào, ăn đi! Hết lại mua thêm; không có tiền thì mua chịu; làm khó nhọc, tội gì mà bóp mồm bóp miệng. Nào!

Trời sáng hẳn, trong nhà cũng sáng rõ, giá lạnh, hai người bưng chảo húp súp soap, ngon lành lắm. Không ai nói gì cả, ăn một lèo hết nhẵn cả.

Trình lấy tăm gẩy một hạt vừng ở kê răng, hỏi:

– Thế nào?

Tường nhìn bọc chăn nệm dưới đất:

¹⁷ Một thứ bánh làm bằng bột mì rán, người Trung Quốc thường ăn với cháo đường hay sữa đậu (ND).

– Đi thôi!

– Cậu kể lại chuyện cho mình nghe tí nào, mình chưa hiểu đầu đuôi ra sao cả.

Trình đưa cho Tường điều thuốc, Tường lắc đầu.

Nghĩ một tí, Tường thấy không kể hết cho Trình nghe thì không tiện. Anh ta ấp a ấp úng kể lại một lượt việc tối qua, tuy khó nhọc, nhưng có gì nói hết.

Trình mím môi lại một hồi lâu, như muốn tìm trong đó một chút ý vị:

– Theo mình thì cậu cứ đi tìm ông Tào đi. Công việc không thể thế là xong được, tiền cũng không thể để mất được! Vừa rồi cậu chẳng nói là ông Tào dặn cậu, thấy tình hình bất lợi là chuồn đó sao? Cậu vừa xuống xe một cái, liền bị mật thám tóm cổ, như vậy còn trách ai được! Không phải cậu không hết lòng, nhưng vì tình thế nguy ngập quá, không thể không lo lấy thân trước! Theo mình, như vậy chẳng có gì là không phải cả. Cậu đi tìm ông Tào đi, kể lại đầu đuôi cho rõ ràng. Mình chắc ông ta nhất định không trách cậu đâu, không khéo lại còn đền tiền cho cậu nữa cũng nên! Thôi đi đi, để chần nệm đây. Đi tìm ông ta sớm sớm một chút. Ngày ngắn, mặt trời lên là tám giờ rồi đấy! Mau đi đi thôi!

Tường mừng thầm, nhưng vẫn thấy không phải với ông Tào, có điều Trình nói thì cũng rất có tình lý

– tên mặt thám rút súng ngăn lại, làm sao có thể còn lo việc cho nhà ông ấy được!

Trình lại giục: .

– Đi đi! Mình thấy tối qua thế là cậu hơi luan quần đây. Kể ra thì gặp việc cấp bách, ai cũng chẳng tránh khỏi rối trí. Mình chỉ cho cậu con đường ấy, nhất định không sai. Mình hơn tuổi cậu, dù sao cũng đã từng trải hơn ít nhiều. Thôi đi đi, mặt trời lên rồi kia kìa!

Một chút ánh nắng buổi sớm, nhờ có tuyết, đã chiếu sáng cả toàn thành. Trời xanh, tuyết trắng; trời sáng, tuyết cũng sáng, giữa màu xanh và màu trắng lấp lánh ánh vàng, làm người ta khoan khoái, mắt cứ lim dim. Tường sắp đi thì có người gõ cổng. Trình ra xem, rồi đứng ở cổng gọi:

– Tường à! Có người hỏi cậu đây này!

Nhị, người nhà ông Tả, rét quá chảy cả nước mũi, đang đứng ở cổng, giậm chân cho sạch tuyết. Trình thấy Tường đi ra, liền nói:

– Vào cả trong nhà ngồi đi!

Cả ba người cùng vào.

Nhị xoa xoa tay nói:

– Ờ... Tôi đến coi nhà, làm sao vào được nhỉ?... Cổng khóa... ờ... tuyết xuống... rét... rét quá! Ờ... ông

Tào... bà Tào... đi từ sáng sớm rồi. Đi Thiên Tân, hoặc Thượng Hải gì đấy, chẳng biết nữa. Ông Tả bảo đến để trông nhà... ờ... rét quá!

Tường bỗng muốn òa lên khóc. Đang định theo lời Trình, đi tìm ông Tào, thì ông ấy lại đi mất rồi! Thần thờ hồi lâu, anh ta mới hỏi một câu:

– Ông Tào không nhắc gì đến tôi à?

– Á... không... Trời chưa sáng đã đi rồi, chẳng kịp dặn dò gì cả. Tàu chạy vào lúc... ờ... bây giờ bốn mươi... ờ... làm thế nào sang được sân bên kia nhỉ?...

Nhị muốn sang gấp bên kia.

– Nhảy qua tường!

Tường có ý nhìn Trình, như có ý giao Nhị cho anh ta, rồi cuộn chân nệm lại.

Trình hỏi:

– Đi đâu đấy? *

– Chẳng còn nơi nào khác nữa, đến hăng Nhân Hòa vậy!

Câu nói đó tỏ rõ mọi nỗi đau khổ, ngượng ngùng bất đắc dĩ của Tường. Không còn cách nào khác, anh ta phải đầu hàng! Mọi con đường đã đều bị chặn cả rồi, anh ta đành phải đi tìm ả Nữu, đen như cột nhà cháy giữa vùng tuyết trắng vậy. Anh ta có lòng tự trọng, có chí làm ăn, trung thực, nghĩa khí, nhưng tất

cả những cái đó đều vô dụng, bởi vì số anh ta là số “con chó”!

Trình tiếp lời:

– Thôi, cậu đi thì đi đi! Có mặt anh Nhị đây này! Nhà cửa đồ đạc ông Tào còn nguyên cả đấy, cậu chẳng tơ hào một chút nào cả. Thôi, đi đi! Dịp nào về qua cái phố này, rẽ vào đây nói chuyện chơi nhé. Nghe được tin gì hay, mình sẽ mách với cậu. Cứ đi đi, mình sẽ đưa anh Nhị sang bên kia. Có than đấy chứ?

– Than, cùi chỏ sẵn, đều trong gian buồng ở sân sau ấy!

Tường vác bọc chần nệm lên vai. Ngoài phố tuyết không trắng lấm, trên mặt đường, vết bánh xe còn hằn xuống, làm lộ màu băng giá. Trên những con đường đất, vó ngựa giẫm, chỗ đen chỗ trắng loang lổ, trông thảm hại. Tường chẳng nghĩ ngợi gì cả, cứ vác bọc chần nệm, dẫn bước, thẳng một mạch đến tận hăng Nhân Hòa. Anh ta không dám dừng lại, biết rằng chỉ dừng lại một chút thôi là không đủ can đảm đi tới nữa. Anh ta bước thẳng vào phía trong, mặt nóng rần rạt. Anh ta đã chuẩn bị sẵn một câu để nói với ả Nữu: “Tôi đến đây. Thế nào cũng được cả, tôi chẳng biết xoay xở ra sao nữa!”.

Khi gặp ả, anh ta loay hoay mãi với câu đó, rút cục vẫn không sao nói ra được, miệng thấy ngượng nghịu thế nào ấy.

Ả Nữu vừa dậy, đầu tóc bù xù, mí mắt hùm hụp, mặt đen sần sùi, y như con gà chết rét vật trụi lông.

– A! Anh đã đến đây à?

Ả nói, giọng thân thiết lắm, mắt tươi cười, sáng ngời.

Tường cúi xuống nhìn mũi giày chưa rửa sạch tuyệt.

– Cho tôi thuê một cái xe.

– Vào nói với ông cụ ấy!

Ả khẽ trả lời rồi hát hàm về phía gian phòng bên tay phải.

Lão Tư Lưu đang ngồi uống trà ở bên đó, trước mặt đặt một cái hỏa lò to trắng tinh ngọn lửa bốc cao có đến nửa thước¹⁸. Thấy Tường vào, lão liền nửa mừng nửa giận nói:

– Vẫn còn sống đấy à? Quên rồi sao? Tính xem bao nhiêu lâu không lại đây rồi? Làm ăn thế nào? Đã mua được xe chưa?

Tường lắc đầu, lòng đau như cắt:

– Lại đến nhờ cụ cho thuê cái xe.

– Hừ! Lại mất việc rồi à! Thôi được, vào chọn lấy một cái! – Lão rót một chén trà – Đây, uống chén đã!

¹⁸ Nửa thước Trung Quốc, gần bằng 20 cm (ND).

Tường đỡ lấy chén, đứng cạnh hỏa lò, uống một ngụm lớn. Trà rất nóng, lửa cũng rất ấm, anh ta thấy hơi buồn ngủ. Đặt chén xuống, vừa định bước ra, thì lão Tư Lưu gọi giật lại:

– Hơm đã, đi đâu vội thế! Này, anh đến thật vừa khéo, hăm bảy này là sinh nhật tôi. Tôi muốn dựng cái rạp, mời ít khách khứa, anh giúp cho mấy hôm, đừng đi kéo xe vội. Chúng nó – lão Tư Lưu chỉ tay ra sân – không tin được, tôi không muốn làm họ nháo nhào cả lên đầu, anh giúp một tay, thế là tốt rồi. Nên làm thế nào thì cứ việc mà làm, không phải đợi tôi bảo nữa. Bây giờ, đi quét tuyết đi đã, trưa nay ở đây ăn món đúng với tôi.

– Vâng ạ.

Tường nghĩ ra rồi, đã quay về đây, mọi việc đành mặc kệ hai bố con ông ta sắp đặt vậy, họ muốn xoay vần anh ta thế nào cũng được, anh ta xin chịu tất.

Ả Nữu nhăm nhử díp đó, đến gần, nói:

– Đấy thầy xem, con nói đúng không? Anh Tường vẫn hơn, mấy người kia lờ phờ thế nào ấy!

Lão Tư Lưu cười, Tường lại cúi đầu xuống thấp hơn.

Ả Nữu ra ngoài, gọi:

– Này, anh Tường! Tiên đây, anh đi mà mua chổi, chổi tre ấy, quét tuyết cho dễ. Phải quét gấp mới được, hôm nay dựng rạp đấy!

Vào đến phòng riêng, ả vừa đếm tiền cho anh ta, vừa khẽ nói:

– Tươi tỉnh lên một tí nào! Làm cho ông cụ vui lòng, việc của chúng ta có hy vọng đấy!

Tường không nói năng gì cả, và dường như cũng chẳng còn chút sinh khí nào. Anh ta như đã chết hẳn cõi lòng rồi, không muốn nghĩ gì nữa, sống ngày nào hay ngày ấy thôi. Có ăn thì ăn, có uống thì uống, có việc gì thì làm, chân tay không để rồi, quanh quẩn qua lại được một ngày. Phải bắt chước con lừa kéo cối mới được, chẳng biết gì cả, cứ việc kéo xoay vòng quanh.

Nhưng anh ta thấy dù thế nào cũng không thể vui lên được. Tuy không muốn nghĩ, không muốn nói, không muốn bực dọc giận dữ, nhưng hình như cứ có cái gì chẹn ngang cổ họng, lúc làm việc tạm thời quên đi, nhưng hễ cứ ngồi tay ngồi chân một tí là lại cảm thấy vật đó mềm nhũn, to lắm, không có mùi vị gì nhất định, nhưng nuốt không trôi, y như một miếng bọt bể vậy. Anh ta muốn phấn chấn lên mà làm việc, cho mệt nhoài ra, rồi ngủ thiếp đi. Ban đêm, mọi việc phó thác cho giấc mộng, ban ngày mọi việc phó thác cho tay chân, anh ta giống như một người chết biết làm việc. Anh ta quét tuyết, đi mua sắm các thứ, thuê đèn đất, lau xe, khuôn dọn bàn ghế, ăn cơm lão Tư Lưu dãi, rồi ngủ, chẳng biết đến chuyện gì cả; không nói năng, mà cũng chẳng suy nghĩ, chỉ phảng phất cảm thấy một cái vật y như miếng bọt bể kia chẹn lấy cổ họng.

Tuyết trong sân đã quét dọn sạch, tuyết trên mái nhà dần dần tan hết, anh em thợ dựng rạp hò nhau leo lên mái, dựng khung. Đã định sẵn là rạp rộng bằng cả cái sân, ba mặt có rèm treo, có lan can, có cửa kính. Trong rạp có vách ngăn, gấn kính, treo tranh, họa, gập chỗ gỗ thì bọc vải đỏ. Cửa giữa, cửa bên đều phủ giấy ngũ sắc. Nhà bếp dựng ở sân sau. Vì đây là ngày lễ mừng “*lễ chín*”¹⁹ lão Tư Lưu muốn làm cho linh đình, nên trước hết cần dựng một cái rạp cho ra trò. Ngày ngắn, anh em thợ mới chỉ dựng xong thân rạp, lắp lan can và bọc vải, còn trang trí bên trong rạp, treo giấy ngũ sắc ở các cửa thì phải để đến sáng hôm sau. Lão Tư Lưu vì thế mà phát cáu với anh em thợ dựng rạp, mặt mũi đỏ gay gắt. Cũng chính vì chuyện ấy mà lão thúc Tường phải đi giục nhà cho thuê đèn đất, nhà bếp, không được để chậm trễ. Kỳ thực, hai việc đó không sao chậm được, nhưng lão không yên tâm. Tường vừa chạy về đến nơi thì lão sai đi mượn bài mạt chược, mượn ba bốn cỗ, để đến hôm đó chơi cho thỏa thích. Mượn được mạt chược về, lại sai đi mượn máy hát, ăn lễ mừng sinh nhật, nhất định phải ồn ào náo nhiệt chứ! Hai chân Tường không được nghỉ chút nào, cứ thế cho đến mười một giờ đêm. Kéo xe quen, nay đi tay không, anh ta thấy mệt hơn là chạy. Lướt cuối cùng về tới nơi, đến như anh ta mà cũng không còn nhấc chân lên được nữa.

¹⁹ Năm ấy lão Tư Lưu 69 tuổi. Theo tục lệ cũ thì 49, 59, 69 đều ăn mừng (ND).

- Khá lắm! Tôi mà có đứa con giai như anh thì trời có bắt giẫm thọ đi mấy năm cũng được. Thôi, đi nghỉ đi, mai còn bận nữa kia!

Ả Niu đứng cạnh, đưa mắt nhìn Tường.

Sáng hôm sau, anh em thợ rập đến làm nốt. Dán giấy màu, treo tranh, toàn là cảnh đánh nhau trong chuyện Tam quốc: nào là *"Tam chiến Lã Bố"* *"Cầu trường bản"*, *"Hỏa thiêu liên doanh"*.v.v... Các vai tướng đều cưỡi ngựa cầm thương. Lão Tư Lưu ngẩng cổ lên xem một lượt, thấy vừa ý lắm. Tiếp sau đó, nhà hàng cho thuê bàn ghế, chõ đồ đạc đến: trong rập kê tám bộ, bọc ghế, đệm ghế đều bằng sa tanh đỏ chói thêu hoa. Một bàn mừng thọ kê chính giữa, lư hương đèn nến cảnh toàn là Cảnh thái lam²⁰ cả, trước bàn trải bốn tấm thảm đỏ. Lão Tư Lưu bảo Tường đi mua ngay một làn táo. Ả Niu ngấm đưa cho anh ta hai đồng bạc, bảo mua lấy ít miến và đào để mừng thọ, đào nhất định phải có thêm hình bát tiên, gọi là của Tường đem mừng. Táo mua về rồi, thì bày ngay; một lát sau, miến, đào mừng thọ cũng mua về, bày ở phía sau táo; đào to mà điểm má hồng, thêm hình bát tiên, trông rất lịch sự.

Ả Niu ghé sát tai bố thì thầm:

²⁰ Một kiểu đồ sứ làm theo mẫu người Ả Rập đưa vào, đời Minh, niên hiệu Cảnh Thái (1450 - 1458), nghề làm đồ sứ kiểu đó rất thịnh hành ở Bắc Kinh, gọi là *Cảnh thái lam*.

– Của anh Tường mừng đấy. Thầy xem, anh ấy tốt đấy chứ!

Lão Tư Lưu nhìn Tường, cười.

Giữa bàn mừng thọ còn thiếu một chữ “thọ” lớn nữa, theo lệ thường là do bạn hữu đem đến mừng, chứ mình không cần sắm. Đến lúc này mà vẫn chưa thấy ai đưa đến. Lão Tư Lưu tính nóng, lại câu:

– Việc hiếu hỉ của nhà nào, mình cũng chạy đến trước, thế mà đến việc của mình, thì để cái bàn trơ ra thế, dù mẹ chúng nó chứ!

Ả Nữu vội can:

– Mai hăm sáu, mới sắp đặt xong, đã vội gì, thầy!

Tao muốn bày biện cho xong ngay một lúc, cứ linh tinh lang tang thế này, khó chịu lắm! Anh Tường này, đèn đất hôm nay phải có đấy nhé, bốn giờ mà chưa thấy đem đến thì lột da chúng nó ra!

– Anh Tường, anh đi giục lần nữa xem!

Ả Nữu cố ý nhờ cậy anh ta, trước mặt bố, ả luôn luôn nhờ Tường làm việc này việc nọ.

Tường chẳng nói chẳng rằng, nghe xong, liền đi ra.

Ả Nữu trề môi:

– Thầy ạ, chẳng phải con hay nói đâu! Có con trai thì không được như con, cũng phải được như anh Tường! Tiếc con lại đầu thai nhầm làm gái, đành chịu

vậy. Thực ra có người con nuôi như anh Tường cũng tốt rồi! Đấy, thầy xem, anh ấy chạy ra chạy vào, không lúc nào nghỉ chân nghỉ tay, làm được bao nhiêu là việc!

Lão Tư Lưu không trả lời, trầm ngâm một lúc, rồi nói:

– Cái máy hát đâu ấy nhỉ? Cho nó chạy đi chứ!

Chẳng hiểu cái máy hát thổ tả mượn đâu ra, eo éo như mèo bị giẫm đuôi. Lão Tư Lưu cứ mặc kệ, miễn có hát hồng một tí là được rồi.

Đến chiều, mọi việc đều xong xuôi đầy đủ cả, chỉ chờ ngày mai nhà bếp đến bày biện cỗ bàn. Lão Tư Lưu đi xem xét khắp một lượt, đâu cũng thấy xanh xanh đỏ đỏ, lão gật gù đắc ý lắm. Đến tối, lão đi mời ông Phùng chủ hiệu than Thiên Thuận đến để ghi chép hộ sổ sách các thứ. Ông ta người Sơn Tây, làm việc đó rất cẩn thận.

Ông Phùng sang xem qua tình hình, bảo Tường đi mua hai tờ giấy in sẵn màu đỏ, và một tờ giấy hồng điều. Ông ta cắt tờ giấy hồng điều ra, viết một ít chữ thọ, rồi dán lên các nơi.

Lão Tư Lưu thấy ông ta là người cẩn thận, lúc bấy giờ liền cho mời hai người nữ, muốn cùng ông ta đánh mấy ván mạt chược. Ông Phùng biết lão là tay lợi hại, không dám nhận lời.

Không đánh được mặt chược, lão hơi bực, liến tàm mấy anh phu xe:

– Xóc đĩa, có dám đánh không nào?

Các anh em đều muốn chơi cả, nhưng không dám chơi với lão. Ai chẳng biết lão ta đã từng mở sòng.

– Cái đồ các anh!... Thế mà cũng sống được! – Lão lại phát cáu – Lúc tôi bằng tuổi các anh túi chẳng có xu nào mà vẫn cứ chơi, thua sẽ hay! Nào!

Một anh phu xe hỏi dò:

– Đặt cửa một xu nhé?

– Thôi, giữ lấy đồng xu của nhà anh, đây ai thèm chơi trò trẻ con – Lão làm một ngụm hết cả chén trà, xoa cái đầu hói – Thôi được rồi, mời ta cũng chẳng chơi đâu! Nay, các anh ra bảo với anh em, mai nhà có việc, chiều có bà con bạn bè đến chơi, phải cho xe về trước bốn giờ, không được kéo ra kéo vào nhộn cả lên! Ngày mai không lấy thuế. Bốn giờ phải cho xe về đấy. Cho các anh kéo không một ngày, rồi chúc mừng cho ta thêm mấy câu. Phải ăn ở cho có tình, thế là được rồi! Ngày kia, chính là ngày ăn mừng, không ai được kéo xe cả. Tám rưỡi sáng, sẽ dọn cơm mời các anh ăn, sáu bát lớn, hai đĩa lớn, bốn đĩa nhỏ, một nồi dúng, thế là tươm tất rồi! Tất cả đều phải đóng áo dài vào, ai ăn mặc cùn cớn sẽ tống ra khỏi cửa. Ăn xong, thì về để cho ta tiếp đãi bạn bè thân thích. Các vị đó ăn cỗ ba bát đại, sáu món nguội, sáu món xào, bốn đĩa

lớn, một nỗi dúng. Nói để các anh biết trước, không có trông thấy lại tối con mắt. Bạ bẻ thân thích đi đàng bẻ thân thích, ta không lấy gì của các anh cả. Ai có lòng mang lễ mừng, dù nhỏ mọn ta cũng không chê ít. Đến tay không, chỉ vái ta ba vái, ta cũng nhận. Cốt là cho có lễ phép, nghe chưa? Buổi tối, ai muốn ăn nữa, quá sáu giờ tối, cứ việc đến, còn thừa bao nhiêu phần các anh cả. Đến sớm hơn là không được đâu! Đã nghe rõ chưa?

Một bác phu xe đứng tuổi hỏi:

– Cụ Tư, ngày mai có người kéo xe đêm đấy sao lại bốn giờ chiều đã thu xe?

– Kéo đêm thì quá mười một giờ hãy về! Đang có khách khứa trong rạp, đừng có chen bữa vào đấy! Các anh kéo xe, chứ ta đây không phải là đồng nghiệp của các anh nghe chưa?

Mọi người không biết nói thế nào, không có đường rút lui, mà đứng đó thì thấy khó chịu quá; lời lão Tư nói làm ai nấy có vẻ bất bình. Tuy không phải nộp một ngày thuế, cũng bỏ đấy, nhưng ai lại vác mồm đến ăn không? Ít nhất, cũng phải biện cái lễ bốn hào trở lên. Huống chi lão nói khó nghe quá, làm như lão ăn mừng sinh nhật thì anh em phải trốn như chuột cả không bằng! Lại nữa, ngày hăm bảy không cho kéo xe, đang lúc giáp tết kiếm ra tiền, lão chịu thiệt thu nhập một ngày còn được, chứ anh em mất

toi một ngày thì chết! Mọi người bực tức nhưng cứ đứng đực ra đó, chẳng dám nói năng gì cả, trong bụng tất nhiên chẳng ai cầu chúc phúc lành cho lão Tư Lưu.

Ả Nữu kéo tay Tường, anh ta theo ả đi ra.

Cơn giận dữ của mọi người dường như đã tìm được đường thoát. Ai nấy trừng mắt nhìn theo Tường. Hai ngày nay, họ thấy Tường đúng là tay sai của lão Tư Lưu, cố sống cố chết bám lấy lão, chịu thương chịu khó hầu hạ. Tường thì không hay biết gì cả. Anh ta làm giúp lão Tư cốt để quên nỗi buồn trong lòng; tới đến, không chuyện trò gì với anh em, là vì anh ta vốn chẳng có chuyện gì mà nói. Anh em không biết nỗi đau khổ của anh ta, cứ cho rằng anh ta bám được lão Tư Lưu, nên không thèm trò chuyện với anh em. Ả Nữu để ý đến Tường, lại càng làm cho họ tức tối hơn. Họ nghĩ đến chuyện vừa rồi, lão Tư Lưu không cho họ bén mảng đến nhà rạp ăn mừng, còn Tường nhất định sẽ được chén đầy bụng cả ngày; cùng là kéo xe với nhau cả, sao lại người thế này, người thế nọ? Xem kìa, ả Nữu gọi Tường đi ra rồi! Anh em mắt nhìn theo Tường, chân cũng muốn bước. Họ lững thững đi ra.

Ả Nữu và Tường đang đứng nói chuyện dưới ngọn đèn đất. Anh em nhìn nhau, gật gù.

14

Tiệc mừng ở nhà lão Tư Lưu làm linh đình lắm. Lão rất bằng lòng vì có nhiều người đến chúc thọ lão. Một điều khiến lão càng đặc ý là có rất nhiều bạn cũ cũng đến mừng. Nghe lời những người bạn cũ này nói, lão thấy lễ mừng thọ lão không những tổ chức linh đình mà còn lại “cải lương” nữa. Cách ăn mặc của những người kia có phần lạc lõng, còn lão thì đánh một cái áo dài, áo khoác ngoài bằng da lót lông, mới tinh. Về mặt làm ăn mà nói, có mấy ông bạn ngày trước giàu hơn lão nhiều, nhưng bây giờ, qua hai ba chục năm, họ càng ngày càng sa sút, có người không kiếm đủ ăn. Nhìn họ, rồi lại nhìn cái rạp ăn mừng, cái bàn thọ, bức tranh vẽ cảnh cầu Trường Bản, mâm cỗ ba bát đại, lão thấy rõ ràng lão hơn hẳn họ, lão đã “cải lương” rồi. Ngay đến cả việc bài bạc, lão cũng chỉ định đánh mặt chược thôi, so với cái trò đánh xóc đĩa, lịch sự thanh cao hơn nhiều.

Thế nhưng, giữa cảnh tưng bừng náo nhiệt đó, lão thấy hơi buồn. Quen sống một thân một mình, lão cứ tưởng khách khứa đến mừng chẳng qua chỉ là ông chủ

hiệu, ông quản lý, và những tay anh chị thường ngày lão vẫn hạ cố giao du. Ngờ đâu, lại có cả các bà các cô nữa. Tuy ả Niu có thể tiếp đãi chào mời thay lão, nhưng lão bỗng thấy cảnh cô đơn của lão, không vợ, được mỗi mụn con gái, trông lại cứ y như đàn ông ấy. Giả dụ, ả Niu là con trai, tất nhiên đã sớm có vợ con rồi, dù cho lão góa vợ chẳng nữa, cảnh nhà chắc cũng chẳng đến nỗi vắng vẻ như thế này. Đúng thế, lão chẳng thiếu gì sắt, chỉ thiếu mỗi đứa con trai. Tuổi ngày càng cao, thì hy vọng có con trai càng mong manh. Mừng thọ vốn là việc vui, ấy thế mà lại đâm ra ủ dột âu sầu. Mặc dù đã "*cải lương*", nhưng không có con nối nghiệp thì tất cả chẳng phải đều là công toi hay sao?

Buổi sáng, lão vui lắm, mọi người chúc mừng lão, lão trình trọng nhận lễ, dường như mình là một vị lão anh hùng, hơn hẳn ngày thường. Buổi chiều, lão đã ỉu đi một phần. Trông thấy các bà dắt theo con cháu, lão vừa thèm, vừa ghen, cũng không dám gần gũi vuốt ve bọn trẻ nhỏ, cũng chính vì thế lão cảm thấy ngượng ngịu. Lão nổi giận đến nơi, nhưng rồi cũng lại không dám cáu gắt ngay lúc ấy; lão biết, mình là người giao thiệp rộng, không thể lòi mặt xấu ra trước bạn hữu được. Lão mong sao chóng hết ngày đi, để khỏi phải chịu những nỗi bức dọc đó.

Trong ngày vui mừng của lão, cũng lại còn một điều không vui nữa là, buổi sáng, lúc dọn cơm cho anh em phu xe suýt nữa Tường đánh nhau với người ta.

Hơn tám giờ, bắt đầu dọn cơm. Anh em phu xe ai nấy đều có vẻ không bằng lòng. Tuy hôm qua không phải nộp thuế, nhưng hôm nay không ai đến ăn không cả; năm xu một hào, kẻ ít người nhiều, ai cũng góp tiền mừng. Ngày thường, anh em là những người nghèo khổ, lão Tư Lưu là chủ; hôm nay, theo anh em nghĩ, họ là khách không nên đối đãi với nhau như thế mới phải. Huống chi, ăn xong là phải đi ngay, không cho kéo xe ra nữa. Năm hết tết đến! Tường biết rõ mình không ở trong số những người ăn rồi phải đi, nhưng anh ta muốn cùng ngồi ăn với anh em. Một là, ăn xong tiện đi làm việc, hai là để cho thân mật. Nhưng cùng ngồi với anh em, thì anh em có bao nhiêu bực dọc với lão Tư Lưu lại đem trút cả lên đầu anh ta. Vừa ngồi yên chỗ, đã có người lên tiếng:

– Ái chà, ông là khách quý cơ mà, sao lại ngồi cùng với cánh chúng tôi đây?

Tường cười xòa, không thấy ý nghĩa sâu xa của câu nói. Máy ngày nay, anh ta không hề nói những lời dông dài, không cần thiết, vì thế óc anh ta hầu như cũng chẳng chú ý đến chuyện gì cả.

Anh em phu xe không dám nổi nóng với lão Tư Lưu, nhưng, lão ta thết, thì ăn được chừng nào cứ ăn. Món ăn không thêm, còn rượu thì không hạn chế, rượu mừng cơ mà! Anh em không ai hện ai, đều cùng có ý mượn hơi men để khuây nổi buồn bực. Người thì cứ uống tì tì, người thì uống thi với nhau. Lão Tư Lưu

không tiện ngăn. Tường thấy mọi người uống, cũng không tiện không theo họ, cũng uống hai cốc. Uống mãi, uống mãi, mắt ai nấy đã đỏ lên, không giữ nổi miệng nữa. Có người nói:

– Này anh Tường “lạc đà”, công việc đầu sai của anh khá đấy chứ! Đủ ăn một ngày, hầu cụng rồi lại hầu cụng! Mai kia chẳng phải kéo xe nữa đâu, tốt hơn cả là cứ bám lấy đây!

Tường nghe, biết họ châm chọc nhưng cũng chẳng để tâm. Từ khi quay về hãng Nhân Hòa đến nay, anh ta đã nhất quyết không cần phải tỏ mặt anh hùng hảo hán gì nữa, mọi việc đều phó thác cho số mệnh. Ai muốn nói thế nào cứ việc nói, anh ta có nhin. Lại có người lên tiếng:

– Người ta đi theo đường khác. Anh em ta bán sức kiếm tiền, chứ anh Tường anh ấy chơi cái trò “nội công” cơ!

Mọi người cười ầm lên. Tường thấy rõ là họ “xỏ” mình, nhưng bao nhiêu nỗi uất ức khổ cực còn chịu được, hà tất phải để ý đến mấy lời nói vớ vẩn đó. Anh ta vẫn làm thình. Bàn bên, có người hòa theo, gân cổ lên nói:

– Này, anh Tường, mai kia lên làm ông chủ hãng, chứ có quên anh em đấy nhé!

Tường vẫn không trả lời. Ngay bàn anh ta lại có người nói:

– Nói đi, “lạc đà”!

Tường đỏ ửng mặt lên, khề nói:

– Tôi thì làm gì mà lên chủ hăng được?

– Hừ, sao lại không được, sắp “*tùng tùng xòe*”²¹ đến nơi rồi còn gì!

Tường không hiểu “*tùng tùng xòe*” là nghĩa gì, nhưng anh ta cảm thấy họ muốn nói chuyện anh ta và ả Niu. Mặt anh ta đang đỏ cứ dần dần trắng bợt ra. Ngay lúc đó, anh ta nghĩ đến tất cả mọi nỗi đau khổ uất ức phải chịu đựng từ trước tới nay, chứa chất đầy cả trong lòng. Nhấn nhục mấy ngày nay, bây giờ hầu như không thể nhấn nhục thêm được nữa, giống như nước mưa khi đầy ắp, thấy có lỗ thoát là ào ào tuôn ra. Ngay giữa lúc ấy, một anh phu xe lại chỉ thẳng vào mặt anh ta mà nói:

– Này, Tường này, anh đúng là “*chịu dấm ăn xôi?*”, trong bụng đã có chủ ý rồi. Có đúng thế không nào?

Tường đứng phắt dậy, mặt tái xanh, hỏi thẳng người vừa nói:

– Ra kia nói chuyện, có dấm không nào?

Mọi người đều ngớ ra. Họ quả thực có ý muốn “*xỏ*” Tường, trêu chọc nhau tí chơi, chứ không ai muốn đánh nhau cả.

²¹ Đám cưới Trung Quốc thường có cử nhạc, trống, thanh la, náo bạt đánh rầm rĩ. “*Tùng tùng xòe*”, nhại theo điệu trống chiêng, có ý nói đến chuyện “*cưới xin*” (ND).

Tất cả bỗng im bật, như bầy chim rừng thoáng thấy bóng điều hâu. Tường đứng sững ở đó, cao vượt hẳn mọi người. Anh ta thấy mình cô độc, nhưng cơn giận đang bốc lên, anh ta như tin chắc rằng, dù cho tất cả bọn họ có sấn vào, cũng chẳng phải là đối thủ của anh ta. Anh ta lại nhắc lại:

– Thằng nào có gan thì ra đây!

Mọi người bỗng thấy mình đùa quá trớn, hầu như cùng nói một lúc:

– Thôi mà, anh Tường, đùa anh tí thế cho vui thôi!

Lão Tư Lưu trông thấy, nói:

– Ngồi xuống đi, Tường!

Rồi quay về phía mọi người:

– Đừng thấy nó thật thà mà bắt nạt! Làm ồn lên, ta tống cổ ra đấy! Thôi ăn nhanh đi!

Tường bỏ bữa. Mọi người liếc nhìn lão Tư Lưu, rồi xối cơm. Một lát sau, họ lại cười cười nói nói ồn ào, như bầy chim rừng qua cơn nguy hiểm, lại bắt đầu riu rít.

Tường ngồi xồm ở cổng một hồi lâu chờ bọn họ. Giả dụ trong đám anh em phu xe có ai còn dám trêu chọc anh ta, thì anh ta sẽ đánh liền. Thân mình chẳng có quái gì hết, đến đâu thì đến.

Nhưng anh em, cứ năm ba người một, kéo nhau đi ra, và cũng chẳng thấy ai gây chuyện với anh ta

nữa. Tuy không đánh được ai, nhưng anh ta cũng đã hả giận một phần. Sau đó, anh ta nghĩ, thế là hôm nay đã làm méch lòng bao nhiêu người. Ngày thường, mình vốn đã không có bạn thân, vì thế nên có những chuyện buồn bực đau khổ, không biết kể với ai, sao bây giờ lại làm mất lòng người ta như thế nữa? Anh ta hơi hối hận. Lúc này ăn được một tí, bây giờ nó cứ nằm ngang trong dạ dày, thấy hơi tức tức. Anh ta đứng dậy, mặc mẹ nó, người ta ba ngày hai trận đánh nhau, đói meo, ấy thế mà vẫn chẳng vui vẻ đó sao? Thật thà, vào khuôn phép, liệu có nhất định sẽ được sung sướng không? Nghĩ thế, anh ta tự vạch cho mình một con đường, khác hẳn với lòng hy vọng mong ước của anh ta bấy lâu nay. Tức là gặp ai cũng đàn đúm, đến đâu lợi dụng đấy, hút ghệ thuốc, vay tiền chẳng trả, thấy ô-tô không thèm tránh, bạ chỗ nào cũng dãi, suốt ngày sùng sộ với bọn cảnh sát, có bị tóm cổ bỏ bót hai ngày cũng chẳng coi vào đâu. Đúng thế, những anh em phu xe như vậy cũng vẫn cứ sống, vẫn vui vẻ, ít nhất cũng vui vẻ hơn thằng Tường này! Thôi được, thật thà, khuôn phép, có chí, đã không ăn thua gì, thì làm thằng lưu manh như thế lại hóa hay cơ đấy! Tường nghĩ tiếp, không những hay, mà lại còn có khí khái anh hùng hảo hán nữa kia. Trời chẳng sợ, đất chẳng sợ, nhất định không chịu cúi đầu ngậm miệng chịu thiệt thòi. Đúng rồi! Phải thế mới được! Những tên khốn nạn trước kia cũng là người tốt cả!

Anh ta lại tiếc lúc nãy không đánh nhau đi! Nhưng không đi đâu mà vội, từ nay về sau, không chịu nhịn thằng nào con nào nữa!

Mất lão Tư không dễ sót một việc. Qua những điều mắt thấy tai nghe, lão đã hiểu chín phần mười câu chuyện. Mấy ngày nay, con gái lão ngoan ngoãn lắm. Hừ! Vì thấy thằng Tường quay về mà! Trông hai con mắt nó, cứ nhìn theo cái thằng ấy! Để ý đến chuyện này, lão lại càng thấy buồn phiền. Nghĩ mà xem, không có con trai thì không gây dựng được gia đình êm ấm. Con gái, rồi đây nó sẽ theo người ta, thế là cả đời coi như uổng phí tâm cơ. Thằng Tường kể cũng khá đấy, nhưng nhận nó làm rể thì không xứng với con mình. Một thằng phu xe nghèo kiết xác! Minh cả đời lăn lộn khó nhọc, đã từng kéo bè kéo đảng đánh nhau, đã từng vào tù ra tội, ấy thế mà rút cục lại để cho cái thằng quê mùa kia nó cuỗm mất cả con gái lẫn cơ nghiệp à? Đâu có dễ thế! Dù có thế cũng đừng hòng lấy được tiền của thằng Tư Lưu này! Thằng Tư Lưu này từ nhỏ đến giờ chẳng kiêng nể thằng nào con nào cả!

Ba bốn giờ chiều vẫn có người đến mừng, lão đã ngán lắm rồi. Khách càng tăng bốc lão giỏi lão tài, thì lão càng thấy nhặt nhèo vô vị.

Sau lúc lên đèn, khách lục tục ra về, chỉ còn lại mười mười lăm người ở quanh đấy, hoặc là bạn thân thiết, họp nhau đánh mạt chược. Nhìn cái rạp trống không giữa sân, ánh đèn đất chiếu trắng xanh, bàn ghế

thì bóc bỏ đệm lót, lão Tư Lưu buồn thiu, dường như lão nhìn thấy, sau khi lão chết đi, có lẽ rồi cũng đến thế này, chẳng qua rập mừng thọ đổi thành rập đám ma mà thôi, trước quan tài không có con cháu mặt sô gai quỳ lạy, chỉ có những người dung nước lã đến ngồi đánh mặt chược canh đêm. Lão chỉ muốn tổng mấy người khách kia về; còn sống ở đây thì ra oai cho chúng biết tay! Nhưng rút cục, chẳng thể trút giận lên đầu bạn bè được. Nỗi bực dọc của lão lại thoát ra phía khác, càng nhìn con gái, lão càng thấy nghịch mắt quá. Tường thì ngồi trong rập, người với ngòm! Cái sẹo bên má dưới ánh đèn trông y như một viên đá cuội. Càng nhìn hai người, lão càng thấy khó chịu.

Ả Nữu xưa nay vẫn quen thói thô kệch, sỗ sàng, nhưng hôm nay, từ đầu đến chân, trông ả chải chuốt đáo để. Ả lại làm duyên làm dáng tiếp đãi khách khứa, một là để lấy tiếng khen, hai nữa cũng là cốt để cho Tường biết tay. Buổi sáng, ả thấy cái trò đó cũng hay hay, đến quá trưa, hơi mệt, ả đã thấy chán, ả cũng muốn tóm được ai chửi một hồi cho hả. Đến tối, ả không thể chịu đựng được nữa, lông mày lúc nào cũng cứ dựng ngược lên.

Bảy giờ hơn, lão Tư đã hơi buồn ngủ, nhưng vẫn không nhận mình là già yếu, không chịu vào đi ngủ sớm. Mọi người mời lão đánh vài ván mặt chược, lão không nói là mệt mỏi, mà lại nói đánh mặt chược không thú, phải “xóc đĩa” hay “tài xỉu” mới hợp khẩu

vị lão. Không ai muốn thay đổi giữa chừng, lão đành ngồi chầu rìa vậy. Để cho tỉnh táo, lão lại uống mấy chén rượu nữa nói là ăn chưa no, và trách đầu bếp, tiền thì lấy nhiều mà thức ăn không đủ. Từ chuyện này bắt sang chuyện kia, lão chê tất cả những cái mà ban ngày lão thấy bằng lòng: rạp, bàn ghế, bát đĩa, đầu bếp. Tất cả, không cái nào đáng tiền, người ta đã bóp nặn lão, thật là oan uổng!

Ông Phùng coi việc sổ sách lúc đó đã tính toán xong xuôi: hăm nhăm bức trướng, ba cỗ đào và miến, và khoảng hai chục đồng tiền mặt. Số người mừng thì không ít, nhưng phần nhiều chỉ năm xu, một hào.

Nghe nói thế, lão Tư Lưu lại càng cáu tợn. Biết thế thì chỉ dọn món "*miến xào rau*" thôi! Mâm cao đĩa đầy chén sạch, mà chỉ bỏ ra được hào chỉ! Như thế là chúng nó cho thằng già này ngốc nghếch, dễ bòn rút chứ gì! Từ nay về sau, không thèm bày vẽ gì nữa, không thể mất toi tiền như vậy được! Rõ ràng, bạn bè cùng thân thích, đều chỉ muốn ăn không thôi, sáu mươi chín tuổi đầu rồi, mà lại khôn ba năm đại một giờ, để lũ khỉ con mất dạy nó xâu xé. Lão càng nghĩ càng uất, cả cái ban ngày lão thấy vừa ý, bây giờ lão cũng cho là ngớ ngẩn; lão vừa nghĩ, vừa lẩm bầm những lời chửi rủa mà hàng phố đã lâu không ai dùng nữa.

Bạn bè chưa về hết, để giữ thể diện cho cả nhà, ả Niu định can ngăn bố đừng giờ trò thô lỗ ra. Nhưng ả nấy chăm chú nhìn cả vào con bài cầm ở tay, hầu

như chẳng để ý lão lắm bắm những gì, ả lại thấy không tiện nói, kéo lại khơi chuyện ra thêm phiên. Cứ mặc cho ông cụ nói, giả ngây giả điên, thế là xong.

Nào ngờ, lão nói mãi, nói mãi, rồi nói quàng ngay vào chuyện ả. ả nhất định không chịu được cái nước ấy. Bố làm lễ mừng thọ, ả bận rộn suốt mấy ngày hôm nay rồi, ấy thế mà chẳng được cái gì cả. ả đòi nào lại chịu nhận. Sáu chín chứ bảy chín cũng mặc! Phải nói cho ra nhẽ! Thế là, ả liền cãi trả:

– Thầy tự ý bỏ tiền ra mừng, cơ sao lại lôi thôi đến con vào đấy!

Thấy cãi lại, lão hăng tiết lên:

– Lôi thôi đến mày à? Chính là vì mày cả! Mày tưởng mắt tao không trông thấy gì sắt hay sao?

– Thầy trông thấy gì nào! Con cả ngày mệt nhọc, cuối cùng thầy lại đem con ra mà mắng chửi! Được rồi, thầy nói đi, thầy thấy cái gì nào?

Ả Niu không thấy mệt nữa, quai miệng ra mà nói.

– Đừng có thấy tao bận mà mày la mày lét. Thấy gì à? Hừ, tao trông thấy hết!

– Việc gì con lại phải mày la mày lét? – ả lắc lư cái đầu – Thầy trông thấy những gì nào?

Lão chỉ vào trong rạp:

– Còn cái gì nữa!

Tường đang cúi húi quét dọn trong đó.

– Anh ấy ư? – Á Nữu trong bụng thấy run run, không ngờ mắt ông bố lại tinh đến thế – Anh ấy làm sao?

– Không cần nói rõ làm gì, nói ra thêm dơ – lão đứng dậy – muốn lấy nó thì từ tao đi, mà muốn nhận tao làm bố thì phải bỏ nó, tao bảo thẳng cho mày biết thế. Tao là bố mày! Những việc ấy tao phải để mắt đến.

Á Nữu không ngờ sự việc lại hỏng chóng thế. Kế hoạch của ả mới thực hiện được một nửa, thì đã bị ông bố khám phá ra rồi! Làm thế nào bây giờ? Mặt ả đỏ lên, đỏ pha đen, lại thêm lượt phấn trôi đi gần nửa, dưới ánh đèn trắng xanh, trông như miếng gan lợn luộc chín, màu sắc khó tả và cũng đến khó coi. Á thấy mệt, vừa xúc động, vừa tức giận, không nghĩ được cách đối phó ngay. Cách đó dù không thỏa đáng nhưng vẫn còn hơn là không có. Xưa nay ả chưa hề chịu thua ai bao giờ. Thôi được, cứ nói toạc ra hết, được thua ở cả keo này!

– Hôm nay nói thẳng ra cũng được, con tính chuyện riêng như vậy đấy, thầy thấy thế nào? Thầy nói cho con nghe xem. Chính thầy rước lấy cái bực vào người, chứ chẳng phải là con khơi ra đâu nhé!

Khách đánh mặt chước hình như đã nghe thấy hai bố con cãi nhau, nhưng không muốn để ý đến, ra sức xoa quần, xướng to hơn để át đi.

Tường nghe rõ chuyện, nhưng vẫn cứ cúi đầu quết; anh ta đã có sẵn ý định rồi. Nói toạc ra, cho đi tong cả cho xong chuyện!

Mắt lão Tư tròn xoe:

– Rõ ràng mày chộc tức tao! Chộc cho tao tức uất lên chết đi, để mày dễ bề đem tiền của tao ra mà nuôi nó phải không? Đừng hòng, tao còn sống dai lắm!

À Niu trống ngực đập thình thình, nhưng miệng vẫn nói cứng:

– Thấy đừng nói chuyện đâu đâu. Thấy định thế nào nào?

– Tao định thế nào? Đã nói rồi, có nó thì không có tao, mà có tao thì không có nó! Tao không đời nào lại để cho cái thằng phu xe khốn kiếp ấy nó lợi dụng.

Tường quảng chối, thẳng lưng lên, nhìn lão:

– Ông nói ại đấy?

Lão Tư Lưu cười vang lên:

– Hà hà ... Mày định làm loạn à, hở thằng kia? Nói mày chứ nói ai nữa! Cút ngay! Thấy mày khá, tao nể mặt, mày lại dám vuốt râu hùm? Mày chưa nghe nói tao đã từng làm những gì à! Cút! Đừng để tao trông thấy mặt nữa! Con mẹ nó, lại định đến đây tính chuyện gỡ gạc!

Lão nói oang oang làm cho mấy anh phu xe tò mò kéo đến xem. Đám đánh mặt chước cứ tưởng lão cãi nhau với phu xe, vẫn chẳng buồn ngẩng đầu lên nhìn.

Tường chậm mồm chậm miệng, định nói nhiều, nhưng rút cục vẫn chẳng nói được câu nào cả. Anh ta đứng thừ ra đấy, vươn cổ, nuốt nước bọt.

– Cút! Cút ngay! Định đến đây gõ gạc à? Của tao có vút đi, cũng không đến thứ này! Hừ!

Lão Tư Lưu cũng chỉ có ý đe suông thế thôi, chứ trong bụng lão không giận Tường bằng giận con gái. Ngay trong cơn nóng, lão vẫn thấy Tường quả là người thực thà.

– Được! Tôi đi đây!

Tường không nói được gì cả, đành vội vã rời khỏi nơi đây. Dù sao, đấu khẩu thì không đời nào anh ta lại địch nổi bố con nhà ấy được.

Anh em phu xe vốn tò mò kéo đến xem, nghe lão Tư Lưu mắng chửi Tường như thế, nhớ lại cảnh ban sáng, nên thấy khoái lắm. Đến khi nghe lão đuổi Tường đi, thì họ lại ngả về phía anh ta. Tường khốn khổ như thế, vậy mà lão ta lại ăn cháo đá bát, trở mặt ngay được. Họ bất bình thay cho Tường, có người chạy tới hỏi:

– Sao thế, Tường?

Tường lắc đầu.

- Anh Tường, hãy gượng đã! Rồi hăng đi! - Một ý nghĩ thoáng qua óc ả Niu, y như một tia chớp, ả thấy rõ ràng kế hoạch của mình không ăn thua, cuống lên chẳng bằng nhanh tay, phải mau nắm chắc lấy Tường, đừng để đến nỗi xôi hỏng bỏng không - Việc của chúng mình, một sợi dây buộc chặt hai con châu chấu, không ai chạy đâu được. Anh chờ đấy, để tôi nói cho rõ đã - ả quay đầu về phía bố - Cứ nói thật cả ra vậy, con đã có mang với anh Tường rồi! Anh ấy đi đâu, con theo đấy! Thầy có cho con lấy anh ấy hay thầy đuổi cả hai chúng con đi, xin thầy cho biết!

Ả Niu không ngờ sự việc lại xoay chuyển nhanh đến thế, liền phải chơi nước bài cuối cùng. Còn lão Tư Lưu thì càng không thể ngờ rằng chuyện đã đến nỗi thế này. Nhưng thế nào thì thế, lão cũng không chịu thua, nhất là trước mặt mọi người.

- Con này trơ tráo thật, thế mà mở miệng ra nói được. Tao cũng rất mặt thay cho mày - Lão tát vào má lão một cái - Hừ, cái đồ không biết xấu!

Bọn khách đánh bài ngừng tay, biết là có chuyện lôi thôi, nhưng chẳng hiểu chuyện gì, nên không chõ miệng vào nói được. Kẻ đứng lên, kẻ cứ ngồi dờ ra mà nhìn quân bài của mình.

Đã nói toạc cả ra rồi, ả Niu thấy khoái lắm:

- Con không biết xấu à? Đừng để con phải kể chuyện của thầy ra. Thầy thì còn chứa cái gì? Mới lần

dầu thôi, mà cũng là vì thấy cả: trai lớn hỏi vợ, gái lớn gả chồng, thấy năm nay sáu mươi chín rồi mà chả được tích sự gì! Có đông đủ mọi người đây. Ắ quay ra chỉ bốn xung quanh – Cứ làm cho ra môn ra khoai là hay nhất, yên lòng thỏa dạ cả! Sắn có rạp đấy, thấy cho làm nốt, thế là xong!

– Tao ấy à? – lão Tư Lưu mặt đỏ lên rồi lại tái nhợt đi. Lão liền giở cái giọng du côn trước kia ra – Thà tao cho một mối lửa đốt rụi đi, chứ không thể để cho mày dùng!

– Được rồi! – Mối ả Nữu hơi run run, giọng nói rất khó nghe – con ra ở riêng thì thấy cho con bao nhiêu tiền nào?

– Tiền của tao, tao thích cho ại, tao mới cho!

Nghe con gái nói bỏ nhà đi, lão cũng thấy hơi buồn, nhưng vì đang cãi nhau, nên lão cố dẫn lòng lại.

– Tiền của thầy à? Con giúp đỡ thầy bằng ấy năm trời, thầy thử nghĩ xem, không có con, tiền thầy, không cúng đi hết sạch rồi chớ kể! Ăn ở cho có lương tâm với chứ!

Ắ lại quay sang nhìn Tường:

– Anh nói đi!

Tường cứ đứng đực ra, chẳng biết nói gì.



15

Mới đến chuyện đánh nhau, thì Tường không thể đánh người già, cũng không thể đánh đàn bà con gái. Sức lực của anh ta không dùng vào đâu được. Còn những trò vô lại thì anh ta nghĩ ra được nhưng không giở ra được. Đối với người như ả Nữu, anh ta vốn có thể co căng chuồn thẳng, nhưng hiện giờ, ả đã cãi nhau với bố, lại vui lòng theo anh ta, chuyện bên trong như thế nào, không ai biết, còn như bề ngoài, thế là ả hy sinh vì anh ta. Trước mặt mọi người, anh ta đành phải tỏ ra khí khái anh hùng một chút. Anh ta không nói gì cả, cứ đứng ở đó, chờ xem ngã ngũ ra sao; ít nhất anh ta cũng phải xử sự như thế mới đáng mặt thằng đàn ông.

Hai bố con Tư Lưu chỉ nhìn nhau trừng trừng, không nói năng gì nữa. Tường cũng làm thính. Anh em phu xe, ngã về bên nào cũng thấy rất khó xen miệng vào. Bọn khách đánh bài không thể không lên tiếng, im lặng mãi cũng khó coi, nhưng họ chỉ nói đưa qua loa một cái câu, khuyên hai bố con nên bớt nóng, cứ từ tốn mà nói, câu chuyện không có gì mà không

thu xếp được. Họ chỉ có thể nói như thế, không giải quyết gì, mà cũng chẳng định giải quyết gì cả. Thấy hai bên đều không muốn nín nhịn, vậy thì, quan giỏi cũng khó xử việc nhà, sẵn dịp, chuẩn về thôi.

Mọi người chưa về hết, ả Nữu liền vợ lấy ông Phùng, chủ hiệu than Thiên thuận:

– Ông Phùng, bên ông rộng đấy chứ? Nhờ ông cho anh Tường sang ở tạm hai hôm. Công việc của chúng tôi thu xếp chóng thôi, anh ấy không ở lại lâu đâu. Anh Tường, anh đi theo ông Phùng, ngày mai tôi sẽ sang, chúng ta sẽ bàn với nhau. Nói trước cho anh biết, nhất định tôi phải ngồi kiệu hoa mới ra khỏi cái cổng nhà này! Ông Phùng, tôi gửi anh ấy bên ông, ngày mai sang xin lại!

Ông Phùng cứ hít hít mũi mãi, thực tình chẳng muốn gánh lấy cái việc ấy tí nào. Tường muốn rời khỏi cái chỗ này ngay, liền nói:

– Tôi không chạy mất đâu mà!

Ả Nữu trợn trừng mắt nhìn bố, rồi quay vào buồng khóa trái cửa lại, khóc ré lên; ông Phùng cũng khuyên được lão Tư vào nhà. Lão lại liền giở cái trò lịch thiệp ra, mời mọi người hăng khoan về vội, nán lại uống vài chén đã!

– Xin các ông cứ yên tâm, từ nay về sau, tôi thì từ mặt nó, chẳng hơi đâu mà nói cho mỗi miệng. Nó cứ bỏ đi đi, tôi coi như không để nó ra thế là xong.

Tôi ra ngoài giao thiệp suốt đời người, thế mà nó dám làm tôi chẳng còn mặt mũi nào nữa! Giá thử hai mươi năm về trước, tôi thì cứ cho mỗi đứa một nhát chết tươi! Bây giờ, mặc kệ nó. Một xụ tôi cũng không cho. Một trinh cũng không cho! Không cho! Xem nó sống ra làm sao! Cho nó biết thân, rồi tự khắc hiểu, rút cục bố tốt hay thằng cha căng chú kiết ấy tốt! Các ông đừng về vội, uống thêm chén rượu nữa đã!

Mọi người nói qua loa vài câu, ai cũng muốn tránh chuyện rắc rối lôi thôi.

Tường sang bên xưởng than Thiên Thuận.

Chuyện quả được thu xếp rất nhanh. Ả Nữu thuê được hai gian phòng nhỏ trong một xóm²² ở Mao Gia Loan, thuê luôn thợ dán giấy bốn bề trắng xóa, nhờ ông Phùng viết cho mấy chữ “Hi”, dán giữa nhà. Xong, ả đi thuê kiệu: một cái kiệu loại Mãn thiên tinh²³, có phường bát âm, không cần đèn, không cần người dẫn kiệu. Thuê xong, ả tự may lấy một chiếc áo cưới bằng lụa hồng, may xong ngay trước tết, để ra riêng mồng năm khởi sờ đến kim chỉ. Ngày cưới định vào mồng sáu tết, vừa tốt ngày lại vừa không phải “*kiêng cửa*”²⁴. Sửa soạn đâu vào đấy cả rồi, ả liền bảo

²² Nguyên văn là: khu nhà (nhiều nhà có một cái sân chung, cho thuê từng gian).

²³ Một loại nước dâu, nóc trang hoàng nhiều quả cầu nhỏ bằng thiếc (ND).

²⁴ Theo tục lệ cũ, từ 23 tháng chạp tới mồng 5 tết, đàn bà con gái họ khác không được vào nhà. Nguyên văn là “*kỵ môn*” (ND).

Tường phải sắm sửa cho mới từ đầu đến chân. “*Cả đời mới có một lần!*”.

Nhưng Tường trong tay chỉ có năm đồng bạc!

Ả Nữu lại trợn mắt lên:

Vậy thì hơn ba chục bạc tôi đưa cho anh đâu cả rồi!

Tường không thể không nói thật mọi chuyện xảy ra ở nhà ông Tào. Ả chớp mắt, dường như bán tín bán nghi:

– Thôi được, tôi cũng chẳng hơi đâu cãi vã với anh. Ăn ở phải cho có lương tâm! Đây, cầm lấy mười lăm đồng! Đến hôm đó mà không sắm sửa cho ra hồn chú rể, thì chớ trách.

Mồng sáu, ả Nữu lên kiệu hoa, không hề nói qua với bố một câu, không có chị em đưa đón, không có bạn bè thân thích chúc mừng, chỉ có tiếng thanh la náo bạt đánh ẩm giữa phố phường sau ngày tết. Kiệu hoa thông thả qua cửa Tây An, qua Tây Tứ Bài Lâu, cũng làm cho một số người mặc áo mới – nhất là những anh em làm công ở các cửa hiệu – trầm trồ, khen ngợi.

Tường mặc bộ quần áo mới mua ở Thiên Kiều, mặt đỏ bừng, đầu đội chiếc mũ nhỏ bằng đoạn, giá ba hào chỉ. Anh ta dường như không nhớ đến mình nữa, cứ ngơ ngơ ngẩn ngẩn nhìn mọi cái, và dường như

không quen biết cả chính bản thân mình. Từ cửa hàng than đen ngòm chuyển tới một gian phòng cười dán giấy trắng tinh, anh ta chẳng hiểu ra sao cả. Mọi việc trước đây đều như bên cửa hàng than, đen ngòm một đồng, bây giờ lại bỏ ngõ bước vào trong gian phòng trắng xoa dán mấy chữ “Hi” đỏ chói. Anh ta thấy tức cười và cũng lại thấy buồn rười rượi. Trong phòng kê giường, bàn ghế cũ của ả Niu; bếp lò và bàn làm thức ăn đều mới sẫm cả. Góc nhà có dựng cái phát trần bằng lông gà ngũ sắc. Bàn ghế thì anh thấy quen mắt rồi, nhưng còn cái bếp lò, bàn bếp, và cái phát trần kia thì thật là xa lạ. Đồ đạc cũ mới bày chung một chỗ, khiến anh ta nghĩ đến quá khứ và lo cho tương lai. Mọi việc đều tùy người sắp đặt, bản thân anh ta giống như một thứ đồ vật kỳ quặc gì đó, một đồ trang sức gì đó, vừa mới lại vừa cũ. Anh ta không nhận ra mình nữa. Anh ta không muốn khóc, mà cũng chẳng muốn cười. Anh ta lực lưỡng như thế kia mà đi lại cử động trong gian nhà nhỏ bé và ấm áp này, giống y như một con thỏ lớn trong chiếc chuồng gỗ nhỏ, gương đôi mắt đỏ ngầu nhìn ra ngoài, rồi lại nhìn vào trong, có đôi giày chạy nhanh như bay, mà không sao chạy được.

Ả Niu mặc áo đỏ, mặt thoa phấn tô son, liếc mắt nhìn anh ta. Anh ta không dám nhìn thẳng vào mặt ả. Ả cũng giống như một vật gì kỳ quặc vừa mới lại vừa cũ, là con gái, mà cũng lại là nạ dòng, nửa đàn bà, nửa đàn ông, nửa như người, mà nửa cũng lại

giống một con vật hung ác. Con vật hung ác đó mặc áo đỏ, đã tóm được anh ta, lại còn sửa soạn nuốt gọn anh ta. Ai cũng đều có thể nuốt anh ta được cả, nhưng con vật này lại ghê gớm hơn nhiều, nó cứ giữ riết lấy anh ta không rời một phút, trợn mắt nhìn anh ta, rồi lại cười với anh ta, lại có thể ôm chặt lấy anh ta. Bao nhiêu sức lực của anh ta rồi đây sẽ bị nó hút hết sạch. Anh ta không thể nào trốn thoát được.

Anh ta bỏ chiếc mũ đoạn nhỏ xuống, thần thờ nhìn quả bóng đỏ trên chòm mũ, nhìn đến nỗi hoa cả mắt. Quay lại, anh ta thấy trên tường toàn những điểm đỏ ối, nhảy nhót, quay cuồng, ở giữa là ả Niu, một khối đỏ to hơn cả, đỏ hơn cả, đang cười một cách khả ố!

Đêm tân hôn, Tường mới rõ mọi chuyện: ả Niu không có chữa. Như làm trò quỷ thuật, ả giải thích cho anh ta nghe:

– Không nói đừng đứng lên cho anh như thế, thì đời nào anh lại ngoan ngoãn chịu gặt đầu! Tôi buộc vào trong quần một cái gối! Ha... Ha...!

Ả cười chảy cả nước mắt:

– Anh ngốc lắm, thôi không nhắc đến chuyện ấy nữa. Dù sao tôi cũng rất xứng với anh; anh là người thế nào? Tôi buộc lòng phải cãi nhau với thầy tôi để theo anh, anh lại còn không cảm tạ trời phạt đi à?

Ngày hôm sau, Tường dậy rất sớm. Nhiều hiệu đã mở cửa bán hàng, nhưng vẫn còn một vài hiệu đóng cửa. Câu đối mừng xuân vẫn đỏ thắm, nhưng tiền vàng²⁵ treo ở cửa có đồng bị gió thổi rách rồi. Phố phường vắng vẻ, nhưng xe kéo thì nhiều. Anh em phu xe hầu như cũng phấn chấn hơn ngày bình thường đôi chút, gần như ai nấy đều đi giày mới; có xe còn dán một miếng giấy đỏ sau thùng xe nữa. Tường rất thèm được như anh em phu xe đó, cảm thấy họ có vẻ bước sang năm mới thật, còn mình thì mấy ngày nay ru rú ở xó nhà y như trong cái hũ. Họ đều an phận thủ thường mà làm ăn, còn anh ta chẳng có nghề nghề gì cả, cứ đi lang thang ngoài phố. Anh ta không ưa cái trò ăn không ngồi rồi, nhưng tính chuyện làm ăn mai sau thì tất phải bàn với ả Niu – bàn với vợ anh ta. Anh ta phải ăn nhờ vào vợ, một người vợ như vậy đó! Thân thể cao lớn như thế này, khỏe mạnh như thế này lại đâm ra vô dụng! Việc trước tiên của anh ta là phải hắt hủ vợ, hắt hủ cái con có răng nanh mặc áo đỏ kia. Anh ta không còn là người nữa, mà chỉ là một cục thịt. Bản thân anh ta không còn gì nữa, chỉ còn biết giãy giụa giữa hai hàm răng của ả, giống như con chuột nhắt bị con mèo vồ được. Anh ta không muốn bàn chuyện với ả, anh ta phải bỏ đi! Anh ta đã quyết chí rồi, nhất định sẽ đi thẳng, không nói năng gì hết. Như vậy cũng chẳng có gì là quá đáng, ả vốn là một

²⁵ Theo tục lệ cũ, ngày tết nguyên đán, ở cửa có treo những đồng tiền cắt bằng giấy, trên đề những chữ tốt lành để cầu may (ND).

con yêu cái, đã dùng gỏi để làm trò quỷ thuật với anh ta. Anh ta cay đắng trong lòng, không những muốn xé nát bộ quần áo mới đang mặc trên người, mà lại còn muốn lấy nước rửa sạch cả trong lẫn ngoài con người mình. Anh ta cảm thấy khắp người đều dính cái gì bẩn lấm, làm cho lợm giọng buồn nôn. Anh ta ngán ngẩm vô cùng, muốn không bao giờ nhìn mặt ả nữa!

Đi đâu bây giờ? Không có nơi nào là đích cả. Ngày thường kéo xe, chân tay anh ta chạy theo mồm người khác điều khiển. Hôm nay, chân anh ta tự do rồi, nhưng trong lòng thì rất hoang mang. Thuận đường anh ta đi qua Tây Tứ Bài Lâu, thẳng xuống phía dưới, qua cửa Tuyên Vũ: đường thẳng tắp thế kia, anh ta lại càng không muốn rẽ về ngã nào cả. Qua cửa thành, vẫn cứ đi xuôi xuống, anh ta thấy phía trước có một nhà tắm. Anh ta quyết định trước hết hãy tắm cái đã.

Cởi hết quần áo ra, nhìn thân thể mình, anh ta xấu hổ vô cùng. Bước vào bồn tắm, nước nóng làm toàn thân anh ta tê dại đi. Anh ta nhắm mắt lại, da thịt tê tê buồn buồn, như đang tiết ra những chất nhơ bẩn. Anh ta hầu như không dám sờ mó vào người mình, trong lòng trống rỗng, trán toát mồ hôi hột. Cho đến khi hơi thở đã gấp rút, anh ta mới uể oải nhào lên, người đỏ hồng, y như trẻ con mới đẻ. Anh ta vẫn chưa dám bước ra. Anh ta quàng lên người một chiếc khăn bông lớn, vẫn thấy mình xấu xa thô kệch.

Tuy mồ hôi đã nhỏ giọt, nhưng anh ta chưa cho là sạch; những cái dơ bẩn trong lòng dường như không bao giờ rửa đi. Trong con mắt lão Tư Lưu, trong con mắt mọi người quen biết, anh ta vẫn mãi mãi là người quấy rũ đàn bà con gái.

Mồ hôi chưa chảy hết, anh ta đã vội vàng mặc quần áo vào, rồi chạy ra ngoài. Anh ta sợ mọi người trông thấy anh ta trần truồng. Ra khỏi nhà tắm, gió mát thổi tới, anh ta thấy khoan khoái dễ chịu. Phố xá cũng đông vui hơn lúc này. Bầu trời quang đãng, làm cho sắc mặt mọi người thêm sáng sủa. Trong lòng Tường thấy bứt rứt, không biết nên đi về đâu bây giờ. Đi xuôi xuống, rẽ về bên tay phải, rồi lại đi xuôi xuống phía dưới, qua Thiên Kiều; sau tết, hơn chín giờ, người làm công ở các cửa hiệu đã ăn cơm sớm, đến đây cả. Đủ mọi thứ quấy hàng, đủ mọi trò chơi, đều đã bày xong chiếm chỗ đâu vào đấy cả rồi. Tường đến nơi, thấy vòng trong vòng ngoài đông nghịt, bên trong thì tiếng thanh la tiếng trống. Anh ta chẳng muốn xem trò gì hết. Anh ta không biết cười là gì nữa rồi.

Ngày thường, những trò hát vè, gấu làm xiếc, quỷ thuật, hát xướng, ương ca, kể chuyện, mãi võ ở đây đều làm cho anh ta thấy thực sự thích thú, cười ha hả. Anh ta không muốn rời bỏ Bắc Bình, một trong nguyên nhân cũng là đất Thiên Kiều này. Mỗi khi nhìn thấy những mái lều và đám người đông đúc xúm xít vòng trong vòng ngoài ở Thiên Kiều, anh ta liền

nghĩ đến bao chuyện buồn cười, hay hay. Giờ đây, anh ta chẳng buồn chen chân vào. Trong tiếng cười của Thiên Kiều không có tiếng cười của anh ta. Anh ta rời đám đông, đi đến một chỗ vắng, nhưng lại tiêng tiếc. Không, không thể rời bỏ chỗ đông vui thích thú này được. Không thể rời bỏ Thiên Kiều, không thể rời bỏ Bắc Bình. Đi, nhưng không biết đi đâu, đành vẫn cứ phải về bàn với vợ kia vậy! Anh ta không thể bỏ đi, mà cũng chẳng thể ngồi không được! Anh ta phải lui lại một bước, cũng đúng y như những người khác đến chỗ cùng đường, vẫn phải nghĩ đến chuyện lui lại một bước. Bao nhiêu nỗi khổ sở uất ức còn chịu được, hà tất cứ phải băn khoăn mãi về cái chuyện đó? Anh ta đã không thể xoay chuyển được mọi chuyện trong quá khứ, thôi thì đành cứ xuôi đường mà đi vậy!

Anh ta đứng dừng lại, nghe tiếng cười, tiếng thanh la, tiếng trống ồn ào náo nhiệt, nhìn dòng người, xe cộ đi đi, lại lại, bỗng sực nhớ đến hai gian buồng kia. Tại anh ta hầu như không nghe thấy gì nữa, mắt anh ta hầu như cũng chẳng trông thấy gì nữa, ngoài hai gian buồng trắng xóa vuông vắn, ấm áp, dán chữ “H” đỏ kia. Tuy mới ở một đêm, nhưng anh ta thấy rất quen thuộc, thân thiết, ngay cả người đàn bà mặc áo đỏ kia dường như cũng không thể gạt bỏ đi một cách dễ dàng được. Đứng ở chốn Thiên Kiều này, anh ta chẳng có gì, chẳng ra gì hết, nhưng về trong hai gian buồng nhỏ bé kia, thì cái gì cũng có. Về thôi, chỉ có về mới tìm ra lối thoát. Mọi chuyện

của ngày mai đều ở cả trong hai gian buồng kia. Xấu hổ, ngại ngùng, buồn bực, đều không có ích gì cả. Muốn sống thì phải tìm đến nơi có lối thoát.

Anh ta đi một mạch, về đến nhà cũng vào khoảng mười một giờ rồi. Á Nữu đã làm xong cơm trưa: bánh hấp nóng, thịt viên hầm rau, một đĩa thịt đông, một đĩa củ cải dầm tương. Mọi thứ sẵn sàng cả, chỉ còn món thịt viên hầm rau là đang để trên bếp, tỏa mùi thơm ngào ngạt. Á Nữu cởi áo đỏ ra, mặc quần áo bông ngày thường, đầu cài một bông hoa bằng nhung đỏ, giữa bông hoa còn dính một đồng tiền bằng giấy trang kim. Tường nhìn ả không thấy ra vẻ cô dâu mới, nhất cử nhất động đều tỏ ra thông thạo, già dặn, và lại còn có vẻ tự đắc y như một người lấy chồng từ thưở nào. Tuy không ra vẻ cô dâu mới, nhưng rút cục vẫn làm cho anh ta cảm thấy có chút gì mới mẻ. Á Nữu làm cơm, dọn dẹp nhà cửa. Mùi thức ăn thơm ngon, không khí ấm áp trong buồng là những cái anh ta chưa từng được nếm bao giờ. Mặc dù ả thế nào, anh ta cũng cảm thấy mình là người đã thành gia thất rồi. Mà đã là gia thất thì thế nào chẳng nữa cũng vẫn có cái đáng yêu của nó. Anh ta thấy lúng túng không biết làm gì.

Vừa múc thức ăn, ả Nữu vừa hỏi:

– Đi đâu về thế?

Tường cởi áo dài ra:

– Đi tắm!

– Bạn sau đi đâu, bảo một tiếng nhá! Đừng có lừng lững, cứ thế bỏ đi!

Tường chẳng nói chẳng rằng.

– Có biết “ừ” một tiếng không? Không biết, để tôi dạy cho!

Anh ta ừ một tiếng, chẳng còn cách nào khác. Anh ta biết mình lấy phải mẹ vợ là con quỷ dạ xoa, nhưng con quỷ dạ xoa này lại biết làm cơm, biết dọn dẹp nhà cửa, biết chửi mắng anh ta, nhưng cũng lại biết săn sóc anh ta, khiến anh ta chẳng hiểu phải nên làm thế nào. Anh ta ăn bánh hấp. Bữa ăn có vẻ ngon lành nóng sốt hơn trước kia thật, nhưng anh ta ăn không thấy khoái miệng, nhai đấy, nhưng vẫn không thấy cái thú ăn như hổ đói, ăn đến vã mồ hôi ra như trước kia.

Ăn xong, anh ta lên giường nằm, gối đầu vào lòng bàn tay, nhìn trần nhà.

Tiếng ả Nữu ở gian bên kia gọi sang:

– Này! Sang rửa hộ bát đĩa tí. Tôi có phải là con sen đâu!

Anh ta uể oải đứng lên, liếc nhìn ả một cái, rồi đến làm giúp. Ngày thường, anh ta làm vốn rất siêng năng, bây giờ thì làm có vẻ khó nhọc lắm. Lúc ở hãng xe, anh ta vẫn thường làm giúp ả luôn, bây giờ càng

nhìn ả, anh ta càng thấy ghét, có lẽ mãi mãi không bao giờ anh ta lại ghét cay ghét đắng ai như ghét ả, và anh ta cũng chẳng hiểu vì sao. Bực dọc, nhưng không dám cẩu, cứ ngấm ngấm ở trong lòng. Đã không thể đành đoạn rời bỏ nhau ra thì cãi vã với nhau cũng chẳng có nghĩa lý gì cả. Quanh quẩn trong gian buồng nhỏ này, Tường cảm thấy cuộc đời toàn là đau khổ uất ức.

Dọn dẹp xong mọi thứ, ả Niu đưa mắt nhìn bốn xung quanh một lượt, thở dài, nhưng rồi lại cười ngay:

– Thế nào?

– Gì cơ?

Tường đang ngồi xồm cạnh hỏa lò, hơ tay. Tay cũng chẳng rét đâu, nhưng anh ta không biết để vào chỗ nào, thì lên hơ tí vậy. Hai gian buồng cũng ra trò lắm, vậy mà anh ta không biết đặt chân đặt tay vào đâu cho ổn.

– Dẫn tôi đi chơi chứ? Đến Bạch Vân Quan nhá! À thôi, muộn rồi! Đi phố vậy!

Ả muốn hưởng đầy đủ niềm vui của một đôi vợ chồng mới cưới. Tuy cưới xin chẳng ra cái quái gì, nhưng tự do, không ai câu thúc thế này cũng tốt, vợ chồng càng được ở bên nhau luôn, chơi bởi thỏa thích mấy ngày. Ở nhà bố, ả không thiếu ăn, thiếu mặc, không thiếu tiền tiêu vật, chỉ thiếu một người đàn ông

tri kỷ. Bây giờ, ả phải vớt vát lại, phải cùng Tường đi diều ngoài phố, ngoài chợ, những nơi đông đúc.

Tường không muốn đi. Một là, anh ta thấy cặp kè vợ đi khắp nơi thì dơ dáy lắm. Hai là, anh ta cho rằng, rước phải mụ vợ thế kia, thì chỉ nên giấu mặt ở trong nhà thôi; chẳng phải đẹp đẽ gì, càng ít bày ra trước mắt mọi người càng tốt. Lại nữa, đi ra ngoài, lẽ nào không gặp người quen. Anh em phu xe ở nửa phía tây thành phố này, ai không biết ả Nữu và Tường. Anh ta không thể đi rước lấy những lời nói ra nói vào của mọi người.

Tường vẫn ngồi xõm ở đấy.

– Này, bàn tí việc đã nào!

Ả bước tới gần, đứng cạnh bếp lò:

– Có chuyện gì mà bàn với bạc!

Tường rút tay về, đặt lên đầu gối, thần thờ nhìn ngọn lửa. Một lúc lâu anh ta mới nói một câu:

– Tôi không thể ngồi không thế này được!

Ả Nữu cười:

– Rõ cái số khổ chưa! Một ngày không kéo xe, thấy ngựa ngáy rồi phải không? Xem ông cụ đấy, ăn chơi cả đời, đến lúc già ra mở xưởng xe, chẳng phải kéo, chẳng phải mệt nhọc gì, chỉ dựa vào mưu trí mà làm ăn. Anh cũng phải học lấy tí chút, kéo xe suốt đời, sống lâu

được mấy tuổi? Giờ chúng ta hãy chơi vài ngày đã, công việc cũng chẳng phải bận riêng mấy ngày này, gì phải cuống lên thế. Mấy ngày nay tôi không muốn đôi lời với anh, anh đừng có cố tình trêu tức tôi!

Tường quyết không chịu nhượng bộ:

– Bàn qua công việc tí đã!

Ả Niu bê cái ghế đầu đến, ngồi xuống cạnh hỏa lò.

Tường hỏi:

– Thế mình có bao nhiêu tiền?

– Đấy! Tôi biết anh sẽ nói chuyện ấy mà! Có phải anh lấy vợ đâu, anh đào mỏ đấy thôi, có phải thế không nào?

Như bị một luồng gió thốc vào miệng, Tường nuốt ừng ực mấy cái. Lão Tư Lưu, anh em phu xe ở hãng Nhân Hòa đều cho anh ta là tham tiền mới vợ lấy ả Niu. Bây giờ cũng chính mồm ả ta nói thế. Xe của mình, tiền của mình, bỗng dưng mất toi cả, đến nỗi bây giờ vì mấy đồng tiền của vợ, phải chịu ép một bề, ăn miếng cơm cũng phải khom lưng xuống! Anh ta chỉ muốn đưa tay ra bóp chặt lấy cổ ả, bóp, bóp cho ả trợn mắt lên; bóp cho chết đi và sau thì sẽ tự bóp cổ mình. Chúng nó không phải là người, thôi thì chết đi, anh ta cũng không phải là người, cũng chết đi! Đừng ai sống nữa!

Tường đứng lên, lại định bỏ đi. Vừa rồi đáng lẽ không nên quay về mới phải.

Thấy sắc mặt Tường đổi khác, ả Nữu lại dấu dùi một chút:

- Được rồi, tôi nói cho anh biết nhé. Tôi trong tay có khoảng năm trăm đồng. Cả kiệu, thuê nhà, chồng ba tháng tiền nhà trước, dán giấy, may quần áo, mua sắm các thứ, lần đưa cho anh, đồ đồng tất cả suýt soát một trăm, còn khoảng bốn trăm. Việc gì mà lo vội. Cứ vui vẻ thỏa thích đi đã. Anh quanh năm suốt tháng kéo xe vơ mồ hôi ra, cũng nên chơi cho sướng cái thân mấy ngày. Còn tôi, bằng này tuổi đầu rồi, cũng phải ăn chơi cho vui vẻ vài ngày chứ. Đợi khi nào sắp hết tiền rồi, ta lại đến cầu cứu ông cụ vậy. Hôm ấy tôi mà không cãi nhau với ông cụ thì nhất quyết là không ra khỏi nhà được. Bây giờ tôi cũng hết cơn tức rồi, thế nào thì bố cũng vẫn là bố. Ông cụ cũng chỉ có mỗi mình tôi, anh lại vốn được ông cụ mến, chúng ta chịu nhún đi, xin lỗi ông cụ, thì yên chuyện thôi mà. Như thế có phải tiện biết bao nhiêu không, ông cụ có tiền, chúng mình đang hoàng thừa hưởng, chẳng có gì là không phải cả. Bằng vạn anh đi làm trâu ngựa cho người ta! Độ mấy ngày nữa, anh về trước xem sao; có lẽ ông cụ cũng chưa cho anh gặp mặt đâu. Một lần không cho, thì hai lần. Ông cụ được đẹp mặt, chắc chắn cũng phải nghĩ lại chứ! Sau đó tôi sẽ về, dù thế nào cũng phải lựa lời nói khéo với

ông cụ mấy câu, chưa biết chừng chúng mình lại dọn về đó cũng nên. Dọn về đây thì nhất định là đường hoàng, đường đường chính chính, không ai dám dị nghị nữa. Còn như cứ ở đây mãi thì vẫn cứ là lén lén lút lút. Anh xem thế có phải không?

Tường chưa nghĩ đến chuyện này. Sau khi ả Niu đến nhà ông Tào tìm anh ta, anh ta có nghĩ lấy ả về làm vợ, sẽ lấy tiền của ả mua chiếc xe mà kéo. Tuy lấy tiền của vợ không lấy gì làm đẹp mặt lắm, nhưng chuyện giữa anh ta và ả cũng là chuyện không nói ra được, thì làm thế cũng chẳng sao. Anh ta không ngờ ả Niu lại còn cái trò như thế nữa. Cúi đầu chịu nhận nhục, cố nhiên đó là một cách, nhưng Tường vốn không phải con người như thế. Nghĩ đi nghĩ lại, anh ta hầu như đã rõ ít nhiều: tiền của mình, người ta cướp mất một cách trắng trợn, oan ức mà không biết kêu vào đâu. Bây giờ người ta cho mình tiền, không nhận không được, mà nhận rồi thì không đủ tư cách làm con người nữa. Có chí, có sức lực cũng vô ích thôi, phải cúi đầu làm tội lỗi cho người ta: làm đồ chơi cho vợ, làm nô lệ cho bố vợ. Người ta ở đời chẳng ra cái quái gì hết, chỉ như con chim, đi kiếm ăn lấy thì dễ mắc vào bẫy, ăn thức ăn của người ta thì phải ngoan ngoãn nằm trong lồng, hót cho người ta nghe, và có thể bị người ta đem bán bất cứ lúc nào.

Anh ta không muốn đến tìm lão Tư Lưu. Với ả Niu còn có cái quan hệ xác thịt, chứ với lão Tư Lưu

chẳng có quan hệ gì cả. Đã đại với cô con rồi, không thể còn đại đi cầu xin lão bố nữa.

– Tôi không muốn ăn không ngồi rồi!

Anh ta chỉ nói một câu như thế để đỡ phí lời và khỏi phải cãi nhau.

À Nữu giọng hờn mát:

– Cái số khổ! Không muốn ngồi không thì đi buôn.

Gân trên trán anh ta giật giật:

– Tôi không biết buôn bán! Kiếm không ra tiền đâu! Tôi chỉ biết kéo xe, chỉ thích kéo xe thôi!

– Bảo cho anh biết, không cho anh kéo xe đâu! Tôi không muốn để anh mồ hôi mồ kê, hôi rình rình mà trèo lên giường tôi! Anh có ý anh, tôi có ý riêng của tôi, thử xem ai bắt ép được ai nào! Anh lấy vợ, nhưng tôi bỏ tiền ra, anh không bỏ ra lấy một đồng xu nhỏ nào. Thử nghĩ xem, ai phải nghe ai?

Tường không biết nói thế nào cả.



16

Mỗi không đến rằm tháng riêng, Tường không thể chịu đựng được nữa.

Ả Nữu rất hí hửng. Ả bận rộn làm bánh trôi, bánh cuốn, ban ngày thì đi các nơi, đền miếu chùa chiền, ban tối thì đi xem đèn. Ả không cho Tường có ý kiến gì cả, nhưng không bao giờ để anh ta ăn uống thiếu thốn, luôn luôn tìm cách mua hoặc làm những món ngon lành mới lạ cho anh ta ăn. Trong xóm này có đến bảy tám hộ, phần lớn chỉ ở một gian; có khi già trẻ lớn bé, tới bảy tám người. Họ, người thì kéo xe, người thì buôn thúng bán mẹt, người làm cảnh sát, người đi làm thuê, mỗi người một nghề, không ai ngồi không, ngay cả trẻ con cũng xách một cái làn, sáng sớm đi xin cháo bố thí, chiều đi nhặt than. Chỉ có những đứa trẻ bé tí mới lê la hoặc đánh chửi nhau trong sân, rét, dít đồ ửng cả lên. Than bếp, rác rưởi, nước bẩn đều đổ ngay ra sân, chẳng ai nghĩ đến quét dọn. Giữa sân, băng đóng dày. Bọn trẻ con đi nhặt than về, lấy chỗ này làm sân trượt băng, hò reo ầm ĩ. Khổ nhất là các ông bà già và chị em phụ nữ. Người

già thì ăn chẳng có, mà mặc cũng không, nằm suông trên giường đất lạnh giá, chờ con cái kiếm được ít tiền về, húp bát cháo. Con cái khi trở về có thể có ít tiền, mà cũng có thể tay không, về lại còn cái gắt, kiếm chuyện làm ồn lên. Người già bụng trống không, nuốt nước mắt thay nước uống. Còn chị em vừa phải hầu hạ người già, lại vừa phải trông nom con cái, lại vừa phải chiều chuộng chồng là kẻ kiếm ra tiền. Có chữa nhưng vẫn phải làm lụng như thường, ăn thì chỉ có bánh ngô bánh sắn, bát cháo khoai. Không những phải làm lụng như thường mà lại còn phải đi xin cháo bố thí, kiếm ít việc vặt vãnh – người già con trẻ được no bụng nằm yên chỗ rồi, nhưng họ còn phải giặt, phải làm, phải khâu vá bên ngọn đèn dầu leo lét. Nhà thì chật chội, vách thì thủng tứ tung, gió lùa vào phía này, tuôn ra phía kia, được chút hơi ấm nào thì cuốn theo hết. Trên người họ, toàn những mảnh vải rách, bụng được lưng bát cháo, hoặc có khi lại còn phải đeo cái thai sáu bảy tháng. Họ phải làm việc, cố sao cho già trẻ được no. Người họ rề rề những bệnh, chưa đến ba mươi, tóc đã rụng. Nhưng không lúc nào nghỉ chân nghỉ tay, cứ ốm thế cho tới lúc chết. Chết rồi, quan tài cũng phải đi xin ở những “người từ thiện”. Còn các cô gái mười sáu mười bảy tuổi đầu rồi mà vẫn không có quần, chỉ quần mảnh vải đụp, ở lì trong nhà – cái nhà tù tự nhiên – làm giúp mẹ. Muốn đi ỉa cũng phải chờ lúc trong sân không có ai mới dám chạy ra, y như ăn trộm; mùa đông, họ không hề được thấy ánh nắng

và bầu trời. Cô nào xấu xí thì mai đây lại nổi nghiệp mẹ; cô nào sạch mắt một chút thì tự họ cũng biết, sớm muộn thế nào bố mẹ cũng đem bán, đến nơi “*được ăn sung mặc sướng*”!

Ở trong xóm này, ả Niu cảm thấy đặc chí lắm. ả là người độc nhất có ăn có mặc, không phải lo gì cả, mà lại có thể đi chơi nhớn nhợ. ả đi ra đi vào, mặt vác lên, không những cảm thấy hơn người, mà lại còn sợ người nhờ vả bòn mót. ả không hề để ý đến bọn người khốn khổ kia. Hàng vật đưa vào đây bán, hầu như đều là những thứ hàng cực kỳ tồi tàn: thịt vụn dẽo ở xương ra, dưa cải, nước đậu sống, thịt lừa, thịt ngựa. Từ khi ả Niu dọn đến đây, những người bán thịt cừu, cá nướng, bánh nướng, đậu phụ rán mặn đi qua cửa đều gọi ả ra mua. Mặt vênh lên, ả bưng những món ăn vật đó vào nhà. Bọn trẻ con đứa nào đứa nấy đều cho những ngón tay như những que sắt vào mồm, giương mắt nhìn theo ả, dường như ả là một bà công chúa nào vậy. ả đến đây cốt để hưởng sung sướng, cho nên ả không thể, không chịu và cũng không muốn nhìn đến nỗi khổ của những người khác.

Tường thấy khó chịu trước cử chỉ của ả. Một là anh ta vốn là con nhà nghèo, đã biết thế nào là khổ, anh ta không muốn ăn những thứ lặt vặt kia, thấy tiếc tiền; hai là, - điều khiến anh ta càng khó chịu hơn - anh ta dần dần đã rõ được tí chút: ả Niu không cho anh ta kéo xe, mà cứ hàng ngày cho anh ta ăn

ngon, thực cũng chẳng khác gì nuôi con bò cho béo để vắt sữa! Anh ta hoàn toàn trở thành một vật tiêu khiển của ả. Không những anh ta chán ghét cái cuộc sống này, mà lại còn lo cho mình nữa. Anh ta đã biết, những người làm nghề lao lực thì phải giữ gìn thân thể như thế nào, vì thân thể là trước nhất. Giá cứ sống như thế này mãi, sẽ có ngày chỉ còn bộ xương, tuy vẫn cao to như thế, nhưng trong thì rỗng không. Anh ta nghĩ mà sợ, muốn sống thì phải kéo xe ngay, chạy, chạy cả ngày, về nằm lăn ra ngủ, chẳng biết chuyện gì nữa; chẳng thèm ăn vật ngon của lạ của ả, cũng chẳng cần hầu hạ ả. Anh ta quyết như thế, không thể nhường nhịn được. ả bằng lòng bỏ tiền ra mua xe thì càng tốt, không thì anh ta đi thuê vậy.

Chẳng nói nửa lời, nghĩ xong, anh ta liền đi thuê xe.

Ngày mười bảy, anh ta bắt đầu kéo, thuê “cả ngày”. Kéo được hai cuộc dài, anh ta thấy mỗi bắp chân và đầu ngang lưng, điều trước kia anh ta không hề biết đến. Anh ta rõ căn nguyên ở đâu rồi, nhưng để tự an ủi, anh ta cho rằng có lẽ đến hơn hai mươi ngày nay không kéo, đâm ra lạ chân, chạy mấy cuộc nữa, quen đi sẽ không hề gì. Lại được món khách nữa. Lần này có cả một bọn thuê bốn chiếc, nhấc càng xe lên, mọi người nhường cho bác phu xe ngoài bốn mươi, người cao chạy dẫn đầu. Bác ta cười, thực sự thì bác ta biết rằng ba người kia “khỏe” hơn bác ta nhiều.

Nhưng đã làm nghề bán sức, tuy biết không thể địch lại ba anh chàng trai trẻ kia, bác ta cũng không chịu lấy nê là có tuổi mà từ chối. Chạy được hơn một dặm, phía sau có tiếng khen:

- Sao, mở tốc lực đấy à? Ghê nhỉ!

Bác ta hỏn hển trả lời:

- Cùng chạy với các anh, chậm mà được à!

Quả thực, bác ta chạy không phải là chậm, ngay cả Tường cũng gần như phải đưa hết sức ra mới đuổi kịp. Nhưng kiểu chạy của bác ta trông không đẹp mắt tí nào: người cao, không cúi xuống được, lưng cứ thẳng như tấm ván, cho nên bác ta cứ phải cúi cả người về phía trước, người mà đã cúi về phía trước, thì tay lại phải quạt về phía sau, trông không ra chạy, mà như đang kéo một vật gì, nhòai tới. Vì lưng cứng nhắc, cho nên bộ xương hông phải cử động, chân thì như kéo rê trên mặt đường, ra sức lết. Lết cũng nhanh, nhưng trông đủ thấy khó nhọc lắm. Gặp những chỗ quanh, bác ta cứ phải lạng cả người đi, anh em ai nấy đều sợ thay cho bác ta. Dường như bác ta chỉ cốt nhòai người sang, còn xe có qua được hay không cũng mặc!

Kéo đến nơi, mồ hôi trên sống mũi, ở tai, ở môi bác ta nhỏ giọt. Đặt xe xuống, bác ta vội vươn thẳng ngay lưng, miệng há hốc. Lúc nhận tiền, tay bác ta run run, tưởng như cầm không được.

Cùng nhau chạy một thôi đường là thành bạn rồi, bốn người đỗ xe cùng một chỗ. Bọn Tường lau mồ hôi, lại cười cười nói nói. Bác kia thì một mình cứ đi đi lại lại, ho khan một hồi, nhổ ra bao nhiêu nước bọt, dần dần mới hồi lại; bắt đầu chuyện trò với bọn Tường:

– Hồng rồi! Hết đời rồi! Lưng, chân, không ăn thua nữa! Muốn vươn lưng thế nào thì vươn, chân vẫn cứ không nhấc lên được. Cuống cả lên!

Một anh chàng vào trạc ngoài hai mươi, người thấp bé, nói tiếp:

– Vừa rồi bác có chịu kém anh em một chút nào đâu, thế mà còn cho là chậm à? Nói thật, ba đứa chúng tôi đều khỏe đấy, nhưng đứa nào không vâ mồ hôi ra?

Bác kia có vẻ hơi đắc ý, nhưng rồi lại thờ dài như xấu hổ.

Một anh khác nói:

– Muốn nói đến cái kiểu chạy của bác ấy? Suýt thì bác thua về cái kiểu chạy ấy đấy! Bác có thấy như thế không nào! Nhiều tuổi rồi, không phải chuyện nói chơi.

Bác ta mỉm cười lắc đầu:

– Anh em này, chẳng vì phải có tuổi cả đâu! Nói thật với anh em, làm cái nghề này, chớ có vội lấy vợ. Thật đấy!

Thấy mọi người đồng tai lên, bác ta hạ thấp giọng:

– Lấy vợ là ngày đêm chẳng lúc nào được rồi, hông hết! Nhìn cái lưng tôi đây này, cứ cứng nhắc từ trên xuống dưới, làm gì chạy nhanh được. Cứ cắn răng lại là ho, trong bụng nóng như lửa đốt! Thôi đừng nói nữa. Con mẹ nó, làm cái nghề bọn ta thì phải không vợ suốt đời. Đến con chim con chóc cũng còn có đôi, mà bọn ta thì không được lấy vợ! Lại thêm thế này nữa, lấy vợ rồi, rồi cứ năm một. Tôi bây giờ năm con rồi! Toàn cứ vác miệng chờ ăn cả thôi! Thuế xe cao, gạo củi đắt đỏ, làm ăn khó nhọc, biết tính sao được! Chỉ bằng cứ ở vậy, lúc nào buồn thì đi nhà thổ, mắc tiêm la hay lậu cũng đành chịu vậy! Một thân một mình, chết thì thôi. Cái trò có vợ có con, những mấy miệng ăn, chết cũng không nhắm mắt được!

Bác ta quay sang hỏi Tường:

– Anh thấy có phải không?

Tường gật đầu không đáp.

Lúc đó, lại có khách đi xe. Anh người thấp bé mặc cả giá xong xuôi rồi, nhưng lại nhường cho bác kia:

– Này, bác kéo đi! Ở nhà còn đến năm đứa con nữa kia mà!

Bác ta cười:

– Ủ, thì cuộc nữa. Lẽ ra thì thôi là phải! Được rồi, lát nữa có thêm mấy chiếc bánh đem về cho chúng nó! Chào anh em nhé!

Nhìn bác ta chạy rồi, anh chàng thấp bé lắm bầm:

– Con mẹ nó chứ! Khó nhọc suốt đời, đến con vợ cũng chẳng có. Còn những thằng nhà giàu một đứa những bốn năm con đàn bà!

Một anh khác tiếp lời:

– Kệ xác người ta. Làm cái nghề này, phải cần thận, bác ấy nói không sai đâu. Đằng ấy nói như thế, nhưng lấy vợ để làm gì? Bày ra mà ngắm à? Không được! Khổ ở chỗ ấy đấy. Ngày hai bữa chỉ nhai bánh ngô, một đơn một kép; khổ đến đâu rồi cũng phải bò lết!

Nghe đến đấy, Tường nhắc còng xe, nói lảng:

– Xuống dưới kia đồ, ở đây chẳng có khách!

Hai anh kia cùng đáp:

– Đi nhé!

Tường dường như không nghe thấy, vừa đi vừa đá chân, vẫn thấy đau ngang xương hông! Vốn định cho xe về, không kéo nữa, nhưng quả thật anh ta không có can đảm quay về nhà. Trong nhà không phải là vợ, mà là con yêu tinh hút máu người!

Ngày đã bắt đầu dài, Tường đi quanh quán đến hai ba vòng mà mới khoảng năm giờ. Anh ta trả xe, lại vào tiệm trà ngồi một lúc. Uống hết hai ấm trà, thấy đói, anh ta định ăn no rồi hăng về. Ăn hết gần

một cân²⁶ bánh nướng nhân thịt, rồi một bát cháo đậu đỏ, vừa ợ vừa chậm rãi đi về nhà. Anh ta biết chắc chắn về nhà thì ả Niu sẽ nổi lòi đình lên, nhưng anh ta vẫn cứ bình tĩnh. Anh ta đã quyết rồi, không cãi vã với ả, cứ nằm xuống đánh một giấc, ngày mai lại đi kéo xe. ả muốn làm gì thì làm!

Anh ta vừa vào đến nhà, ả Niu ngồi ở gian ngoài, đưa mắt nhìn anh ta một cái, mặt nặng như chì. Tường định làm bộ tươi tỉnh, chịu nhũn hời qua một câu trước. Nhưng anh ta không quen cái trò ấy. Anh ta cúi đầu đi thẳng vào gian trong. ả chẳng nói chẳng rằng, nhà im phăng phắc như một cái động cổ trong núi sâu. Tiếng ho, tiếng nói chuyện, tiếng trẻ con khóc ở các nhà hàng xóm nghe rõ mồn một, nhưng cũng lại rất xa xôi, y như ở trên núi nghe các thanh âm từ đâu vọng lại.

Cả hai người không ai chịu nói trước, cứ lẳng lặng nằm xuống giường, y như hai con rùa câm lặng suốt đời. Ngủ được một giấc, tỉnh dậy, ả Niu lên tiếng, giọng vừa có vẻ hờn dỗi vừa có vẻ tươi tỉnh:

– Này, anh đi làm gì ở đâu thế? Suốt cả ngày!

– Kéo xe!

Tường nửa thức nửa ngủ, nói như có cái gì chẹn ngang cổ họng.

²⁶ Nguyên văn là 12 lạng. Căn Trung Quốc có 16 lạng, già nửa ki-lô (ND).

– Hừ! Không đổ mồ hôi ra, thì bứt rứt khó chịu. Thật là mặt kiếp! Tôi ở nhà làm cơm chờ, không về, ăn đường ăn chợ mới thích phải không? Anh đừng có trêu tức tôi. Bố tôi vốn là tay anh chị đấy; không việc gì tôi không làm được! Ngày mai anh còn đi nữa, tôi thất cổ tự tử cho mà xem, tôi nói được là làm được!

– Tôi không thể ngồi không ở nhà!

– Thế anh không đến gặp ông cụ à?

– Không!

– Khí khái nhỉ!

Tường cúi lẩm, không thể không nói những điều chứa chất trong bụng, anh ta không thể nhịn được nữa:

– Tôi kéo để mua lấy cái xe riêng, ngăn cản tôi thì tôi bỏ đi không về nữa!

Ả “ừ hừ...” một tiếng, vừa dài vừa lên bổng xuống trầm. Trong tiếng “ừ hừ!...” ấy, ả tỏ ý vừa ngạo mạn lại xem khinh Tường, nhưng đồng thời trong bụng ả cũng chùn lại. Ả biết Tường là người tuy rất thật thà nhưng cũng lại rất cứng cỏi. Những người như vậy xưa nay không biết nói mà chơi, khó khăn lắm mới vớ được anh ta, không thể tùy tiện thả ra. Người như anh ta thì thật là vừa ý quá: thật thà, cần cù, hà tằn, hà tiện, khỏe mạnh. Với tuổi tác và dáng người như ả, quả thực khó có thể tìm ai được hơn như thế. Có khi

cứng nhưng cũng phải có khi mềm, thế mới được. Phải vỗ về anh ta một tí.

– Tôi cũng hiểu là anh muốn hơn người ta, nhưng anh phải biết là tôi hết sức thương anh, quý anh. Nếu anh không muốn đến gặp ông cụ thật, thì thế này vậy: tôi đến cho. Đẳng nào thì tôi cũng là con, chịu xấu mặt một tí cũng chẳng sao.

Tường muốn nói cho đến nơi đến chốn:

– Ông cụ có nhận chúng ta, thì tôi vẫn cứ đi kéo xe.

Ả Niu làm thình một hồi. ả không ngờ anh ta lại khôn đến thế. Câu anh ta nói giản đơn thế thôi, nhưng tỏ ra rằng anh ta không mắc lừa ả nữa. Anh ta không phải là ngốc nghếch như con lừa đâu! Chính vì thế mà ả lại càng thấy thình thích. ả phải khéo léo một chút mới có thể nắm chắc được cái anh chàng to lớn – hay là cái của quý to lớn cũng vậy – mà lúc cần kíp cũng biết đá hậu này! Không thể bức bách ép quá, tìm ra cho được cái to lớn như thế đâu có phải là chuyện dễ. ả phải khi bắt khi buông để cho anh ta không lúc nào thoát khỏi tay ả:

– Thôi được rồi, anh thích kéo xe thì tôi cũng đành chịu vậy. Nhưng anh phải thề, không kéo xe tháng, ngày nào cũng về nhà. Đấy anh xem, một ngày không trông thấy anh, ruột gan tôi nó cứ rối lên! Anh phải hẹn với tôi là chiều nào cũng phải về sớm cơ!

Tường nghĩ đến câu chuyện của bác phu xe ban sáng. Anh ta mở to mắt, nhìn vào bóng tối, thấy một đám đông, nào là phu xe, nào là bán hàng rong, nào là cu-li, lưng cứ thẳng đờ không cúi xuống được, chân kéo lê kéo lết. Mai đây rồi anh ta cũng thế. Nhưng anh ta thấy không tiện làm ả cầu thêm; được đi kéo xe, thế là thắng một keo rồi. Anh ta bằng lòng:

– Tôi chỉ kéo vật thôi!

Tuy nói vậy nhưng ả Niu không thiết tha gì với việc gặp bố cho lắm. Hai bố con hằng ngày tuy cũng hay cãi vã nhau, nhưng bây giờ thì tình thế khác, không thể đòi ba lời mà ông cụ hết giận được, vì ả đã ra ở riêng rồi. Con gái đi lấy chồng, đối với nhà bố mẹ đẻ, dù sao cũng xa lạ đi ít nhiều. ả không dám sống sộc đi vào nhà, nhờ ông cụ trở mặt không nhận thì sao. Tất nhiên ả sẽ làm âm lên, nhưng nếu ông cụ cứ nhất định không thí cho đồng nào cả thì ả cũng đến chịu. Dù cho có người đứng ngoài khuyên can, khi không tìm ra cách nào khác thì họ cũng chỉ có thể khuyên ả đi về, bởi vì ả đã có nhà riêng rồi cơ mà!

Tường vẫn đi kéo xe như thường lệ. ả Niu ở nhà đi ra đi vào, mấy lần đã định ăn mặc thật đẹp để về gặp bố, bụng nghĩ thế, nhưng tay sao chẳng muốn động đây. ả thấy ngại. Muốn sung sướng, không về không được; nhưng lại muốn giữ sĩ diện thì không nên về. Giả dụ ông cụ hết giận rồi, ả đưa Tường về hăng Nhân hòa, thế là tự nhiên anh ta có việc làm, không

cần phải đi kéo xe nữa, và rồi chắc chắn có thể hưởng cái sản nghiệp của bố. Ắa mừng khắp khối trong bụng. Nhưng nhờ ông cụ cứ làm già thì sao? Thế thì mất mặt, không, không những mất mặt mà lại còn phải cam chịu làm vợ thằng phu xe! Hừ, ắ sẽ chẳng khác gì mấy mẹ đàn bà trong xóm này! ắ bỗng buồn thiu. Ắ có vẻ hối hận đã lấy Tường. Anh ta dù có chịu thương chịu khó thế nào chẳng nữa, ông cụ không gặt đầu cho, thì suốt đời anh ta cũng chỉ là anh phu xe mà thôi. Nghĩ đến đó, ắ đã nghĩ đến chuyện bỏ Tường, về nhà một mình, không thể vì anh ta mà mất sạch trơn. Nhưng nghĩ tiếp, ắ lại thấy ăn ở với Tường ắ sướng lắm, không thể nói ra lời được. Ắ ngồi trên giường, thần thờ, mơ màng, nhớ lại những nỗi vui thú sau khi lấy chồng. Toàn thân giống một đóa hoa hồng lớn, thơm tho, ấm áp, nở dưới ánh mặt trời. Không, không thể bỏ anh ta được. Dù anh ta kéo xe, hay là đi ăn mày, cũng cứ theo anh ta suốt đời. Xem đấy, những người đàn bà trong xóm này chịu được thì mình cũng chịu được. Thế thì thôi, ắ không nghĩ đến chuyện về nhà bố nữa.

Sau khi rời bỏ hãng Nhân Hòa, Tường không muốn qua đường Tây An nữa. Hai hôm vừa rồi đi kéo xe, ra khỏi cổng là anh ta chạy thẳng về khu Đông thành, tránh khu Tây thành toàn là những anh em kéo xe của hãng Nhân Hòa, gặp họ ngược chết. Nhưng hôm nay, sau khi trả xe, anh ta cố ý đi qua cổng hãng đó, cốt để nhìn xem thôi, không có mục đích gì khác.

Lời ả Niu nói anh ta còn nhớ nhập tâm, dường như anh ta xem mình có đủ can đảm trở về hăng hay không. Giả dụ ả Niu làm lành được với bố, thì trước khi quay về hăng, hãy thử xem dám đi qua phố này không đã. Kéo sụp mũ xuống, từ xa anh ta đã dăm dăm nhìn về phía hăng Nhân Hòa. Thấy ánh đèn ở cổng hăng, chẳng hiểu sao, anh ta thấy buồn lắm. Anh ta nhớ đến tình cảnh lúc mới đến đây, nhớ đến chuyện ả Niu cảm dỗ mình, nhớ đến chuyện đêm ăn mừng thọ, rõ ràng, y như bức ttranh hiện ra trước mắt anh ta. Xen lẫn vào đó, còn có những cảnh khác, thoáng qua rất nhanh; Tây Sơn, lạc đà, nhà ông Tào, tên mật thám... cũng đều rõ nét, cũng ghê sợ nối tiếp nhau. Những hình ảnh ấy rõ ràng như thế, nhưng anh ta thì lại thấy mơ hồ, như nhìn những bức tranh thật, quên mất có mình trong đó. Đến khi nghĩ tới mối quan hệ giữa anh ta và những hình ảnh kia, anh ta thấy tâm trí rối bời, những hình ảnh kia cũng quay cuồng loạn xạ, mà lại mờ mờ nhạt nhạt, anh ta không tài nào hiểu được tại sao mình phải chịu bao nhiêu nỗi khổ sở uất ức như vậy. Những chuyện đó hầu như chiếm một khoảng thời gian rất dài, mà cũng lại dường như rất ngắn, anh ta không biết rõ là mình bao nhiêu tuổi rồi nữa. Anh ta chỉ cảm thấy so với hồi mới đến hăng Nhân Hòa, anh ta già đi nhiều lắm. Hồi đó, anh ta chứa chan hy vọng, còn bây giờ, thì toàn là phiền muộn lo âu. Chẳng hiểu tại sao lại thế, nhưng những hình ảnh đó quyết không thể lừa dối anh ta được.

Hãng Nhân Hòa ở ngay trước mắt kia rồi, anh ta đứng ở bên này đường, thẫn thờ nhìn ngọn đèn sáng quắc kia. Nhìn mãi nhìn mãi, bỗng anh ta giật mình thấy bốn chữ vàng dưới ngọn đèn – Hãng xe Nhân Hòa – đã đổi khác. Anh ta không biết chữ, nhưng anh ta nhớ rằng chữ đầu thế nào kia; giống như hai cái que dính vào nhau, không giống cái chạng nạng mà cũng chẳng thành hình tam giác, trông đơn giản mà kỳ quặc lắm. Dò âm mà tìm chữ, anh ta chắc đó là chữ “nhân”. Nhưng bây giờ chữ đó lại biến thành một chữ kỳ quặc hơn nhiều. Anh ta không hiểu lý do ra làm sao cả. Nhìn sang hai gian buồng bên phải, bên trái – không bao giờ anh ta quên đi được hai gian buồng này – anh ta thấy không có ánh đèn. Đứng lâu phát chán, anh ta mới cúi đầu quay về, vừa đi vừa nghĩ, chẳng lẽ hãng Nhân Hòa đổi chủ rồi sao? Anh ta hãy hỏi dò dần dần cho ra đã, chưa nên cho vợ biết ngay làm gì. Về đến nhà, anh ta thấy ả Nữu ngồi cắn hạt dưa cho đỡ buồn.

– Lại về tới thế à? – Mặt ả chẳng tươi tỉnh chút nào cả – Tôi nói cho anh biết, cứ thế này mãi, tôi không chịu được đâu! Anh đi biệt biệt cả ngày, tôi chẳng dám đi đâu một bước, xung quanh toàn bọn khố rách áo ôm, chỉ sợ mất mát. Cả ngày chẳng nói được với ai một câu, tôi đâu có phải là khúc gỗ. Anh nghĩ thế nào thì nghĩ, thế này thì không được!

Tường chẳng nói chẳng rằng.

– Anh nói đi tôi nghe nào! Định chộc tức tôi thật phỏng? Anh có mồm hay không đấy!

Ả nói mỗi lúc một nhanh, giọng the thé, cứ y như một tràng pháo tép nổ liên tiếp.

Tường vẫn làm thinh.

– Thôi được! – ả bực lắm rồi, nhưng cũng lại có vẻ không biết làm thế nào cả, mặt không ra mếu mà cũng chẳng ra cười, giận lắm, nhưng không có cách nào hả cơn giận – Chúng ta sẽ mua hai cái xe, cho thuê, anh ngồi ở nhà thu thuế xe, có được không?

– Hai chiếc xe, cho thuê mỗi ngày chỉ được ba hào chỉ, làm gì đủ ăn! Cho thuê một chiếc, còn tôi kéo một chiếc. Góp lại!

Tường nói thủng thẳng, nhưng tự nhiên lắm. Nghe nói chuyện mua xe thì chuyện gì anh ta cũng quên hết.

– Thế thì có khác đếch gì. Anh vẫn không ở nhà

– Thế này vậy – cứ nói đến chuyện xe là hình như Tường mới có ý kiến – cho thuê một chiếc, lấy thuế cả ngày, còn chiếc kia, tôi kéo nửa ngày, còn nửa ngày cho thuê. Kéo ban ngày thì sáng sớm cho xe ra, độ ba giờ chiều về; kéo tối thì ba giờ mới cho xe ra, khuya về. Được đấy!

Ả Niu gật đầu:

– Để tôi nghĩ xem, không có cách nào hơn thì đành thế vậy!

Tường trong bụng rất vui. Giá làm được như thế, thì coi như anh ta lại được kéo chiếc xe riêng của mình rồi. Tuy là tiền vợ bỏ ra mua, nhưng dần dà tích cóp được tiền, mình lại mua lấy. Đến mãi lúc này, anh ta mới thấy ả Niu cũng có cái tốt. Anh ta nhìn ả, cười một cách hồn nhiên, phát ra tự đáy lòng, dường như xóa sạch bao nỗi khổ sở trước đây, và đổi được một cuộc đời mới, dễ dàng, như thay áo.



17

Dần dà, Tường đã hỏi dò ra tin tức về hãng Nhân Hòa: lão Tư Lưu bán một số xe, còn lại thì chuyển cả sang cho một hãng xe có tiếng ở khu Tây thành. Tường có thể đoán ra được: lão già rồi, không có con gái trông nom giúp đỡ, lão trông coi không xuể, vì thế mà đẩy quách đi, lấy tiền ăn chơi cho sướng cái thân. Còn lão đi đâu thì Tường không dò ra được.

Trước tin này, anh ta không biết nên vui hay nên buồn. Lão Tư Lưu quyết dứt tình bố con, thì mưu toan của ả Nữu tan vỡ hoàn toàn, do đó anh ta có thể cứ việc chăm chỉ kéo xe làm ăn, chẳng phải nhờ vả ai, thật là hợp với chí nguyện và tính khí khải, cứng cỏi của anh ta. Nhưng còn cái sản nghiệp của lão thì kể cũng đáng tiếc thật. Ai ngờ lão đã cuỗm hết tiền mang đi rồi, anh ta và ả Nữu chẳng được một đồng xu dính tay?

Nhưng chuyện đã thế này rồi, anh ta chẳng nên suy tính làm gì nữa, tất nhiên, càng không nên buồn. Anh ta nghĩ, mình có sức, bán sức mà kiếm tiền, lo gì

chẳng được no bụng! Anh ta kể qua tin đó cho ả Niu nghe, và vẫn cứ thần nhiên như không.

Ả Niu thì buồn lắm. Nghe xong, ả thấy rõ ngay tương lai của ả. Hồng rồi! Hồng hết! Suốt đời chỉ làm vợ anh phu xe thôi! Không bao giờ thoát khỏi cái xóm nghèo nàn này nữa! ả chỉ nghĩ, bố sẽ cưới một cô vợ lẽ, chứ không hề nghĩ bố lại có thể phải tay đi thẳng như thế! Giả dụ lão lấy vợ lẽ thật, ả sẽ đến tranh gia tài, có thể ăn cánh với mẹ ta mà được lợi cũng nên... Có nhiều cách, miễn là lão vẫn mở hàng xe. ả không ngờ lão lại kiên quyết, thâm độc như thế, đem bán hết mọi thứ lấy tiền mặt, rồi trốn mất mặt! Thoạt đầu, cãi nhau với bố, ả chỉ cho đó là một thủ đoạn, chẳng bao lâu sẽ đầu vào đấy thôi. ả biết hãng xe Nhân Hòa mà thiếu ả thì không ổn. Ai ngờ lão lại có thể bán cả hãng xe như thế!

Xuân đã có tin về, búp nụ trên cành đã căng mập, đỏ tươi. Nhưng trong xóm nghèo này, xuân không đến đầu cành trước, bởi vì ở đây không có cây cối gì cả. Ở đây, gió xuân thổi làm lớp băng giữa sân lở chỗ như rỗ hoa, bùn đất bắn thiêu xông lên một mùi tanh tươi, gió thổi dồn lông gà, vỏ hành, giấy vụn vào góc tường, xoáy thành những cột lốc nhỏ. Dân trong xóm nghèo bốn mùa đều khổ não. Những người già cả bây giờ mới dám ra sưởi nắng; những cô gái bây giờ mặt mũi mới bớt nhợt để lộ ra một nước da vàng vàng ửng hồng; các bà mẹ bây giờ mới dám lừa đàn con ra

sân chơi mà không ngưng, và bọn trẻ con bây giờ mới dám xé giấy cũ làm diều, tha hồ chạy nhảy trong sân, những bàn tay đen dũi không đến nỗi rét cóng nứt nẻ cả ra. Những nhà phát cháo thôi không phát cháo, nhà phát chẩn cũng đóng cửa, những người làm phúc thôi không bỏ tiền ra nữa, dường như giao lại những người nghèo khổ cho gió xuân, nắng xuân! Đúng vào lúc lúa mạch mùa xuân đang xanh như cỏ non, lương cũ vừa hết, theo lệ thường giá gạo tăng vọt lên. Ngày lại dài, đến người già cũng không thể đi ngủ sớm cho quên đói được. Mùa xuân đến với trần gian, chỉ làm tăng thêm những nỗi khổ cho cái xóm nghèo này. Những con rận sống lâu ngày, rất quái ác, nhiều khi bò cả ra ngoài lớp áo bông xơ xác của người già, con trẻ để thưởng thức chút nắng xuân.

Ả Niu nhìn băng sắp tan và những bộ quần áo rách mướp kia, ngửi cái mùi nồng nồng, khó chịu, nghe tiếng người già thở dài, trẻ con khóc, trong lòng buồn rười rượi. Mùa đông, ai cũng ru rú trong nhà, các thứ bẩn thỉu đều bị băng tuyết phủ kín. Bây giờ, người cũng ra ngoài, vật cũng lộ nguyên hình, đến cả bức tường xây bằng gạch vỡ cũng long lở, tựa hồ như sẵn sàng chờ những ngày mưa thì sụp hẳn. Khắp sân, cứ linh tinh nham nhỡ, bày ra đủ mọi cảnh cực khổ nghèo nàn, trông xấu gấp mấy những ngày đông. Hừ! Chính giữa lúc đó, ả lại thấy ả sẽ phải sống mãi mãi ở đây. Số tiền ít ỏi của ả sẽ có ngày hết, mà Tường chỉ là anh phu xe!

Bảo Tường trông nhà, ả Nữu đến tìm bà cô ở Nam Uyên, hỏi dò tin tức bố. Bà cô kể lại rằng: cụ Tư có đến chơi đây một lần, vào ngày hai mươi tháng giêng thì phải, đến để cảm ơn, và tin cho biết sắp đi Thiên Tân hoặc Thượng Hải chơi. Cụ nói: lăn lộn cả đời người mà không ra khỏi kinh đô thì cũng chưa phải là anh hùng, nhân còn hơi sức, đi các nơi cho rộng tầm con mắt. Cụ lại nói cũng chẳng còn mặt mũi nào ở lại cái thành phố này nữa, bởi vì con gái nó làm mất hết thể diện rồi. Bà cô chỉ nói có thế, và lời xét đoán của bà ta lại càng đơn giản hơn: có lẽ cụ đi chơi xa thật, mà có lẽ cũng chỉ nói thế thôi rồi ở một nơi nào vắng vẻ đấy! Ai biết được!

Về đến nhà, ả Nữu nằm vật xuống giường, khóc rống lên, khóc thực sự một hồi lâu, sưng húp cả mắt. Khóc xong, ả lau nước mắt, nói với Tường:

– Thôi được, anh đã khí khái thế thì bây giờ, tùy anh cả! Tôi vào nhăm cửa rồi, lấy phải chồng không ra gì cũng đành theo vậy, còn nói năng gì nữa! Đây anh cầm lấy một trăm, mua xe mà kéo!

Ả có ý đề phòng: trước đây vốn định mua hai xe, một chiếc để Tường kéo, còn một chiếc cho thuê. Bây giờ ả đổi ý kiến, chỉ mua một chiếc thôi, để Tường kéo, số tiền còn lại ả nắm chắc trong tay. Có tiền, tất có thế. ả không muốn đưa cả ra, lỡ khi đem tiền mua xe hết cả rồi, Tường lại thay lòng đổi dạ thì làm sao? Không thể không đề phòng. Lại nữa, lão Tư Lưu

chuồn thẳng như thế, ả thấy chẳng có gì là chắc chắn nữa cả, ngày mai ra sao, ai biết trước được. Vậy thì sướng ngày nào cứ việc sướng đã, có dăm ba đồng trong tay, muốn ăn gì cứ việc ăn, ả vốn quen ăn vặt rồi mà! Tường là anh phu xe khỏe vào hạng nhất, cơm nước trông cả vào số tiền anh ta kiếm được, còn tiêu vật thì có số tiền riêng kia thêm vào, trước mắt vẫn vui vẻ được! Tiền tiêu có ngày hết, mà người cũng chẳng có thể sống mãi! Lấy anh phu xe – tuy là bắt đắc dĩ – cũng đã đủ thiết thời rồi, không thể ngày ngày ngửa tay xin anh ta tiền, không có một đồng xu dính túi. Ý nghĩ đó làm ả vui lên được một tí, tuy biết tương lai mờ mịt đấy, nhưng bây giờ cũng chưa đến nỗi nào cũng giống như người đi đường, lúc mặt trời lặn, nơi xa kia đã tối rồi, nhưng trước mắt vẫn còn hơi sáng, nên nhân đó dần thêm vài bước nữa.

Tường cũng chẳng tranh cãi với ả làm gì, mua một chiếc cũng được, miễn là có xe riêng, một ngày ít nhiều cũng kéo được sáu bảy hào, đủ cơm ăn. Không những không tranh cãi, mà anh ta lại còn có vẻ thích thú là đằng khác. Trước đây khó nhọc, cũng chỉ cốt để mua lấy cái xe. Bây giờ mua được xe còn nói gì nữa! Vẫn biết rằng, một chiếc xe mà phải kiếm cho hai người ăn thì chẳng còn đâu mà thừa, xe kéo mãi hỏng đi, không có tiền dành dụm mua chiếc mới, nguy lắm! Nhưng mua xe khó khăn là thế, bây giờ có thể mua được nên vui mới phải, hà tất phải lo xa quá!

Bác hai Cường trong xóm đang muốn bán xe. Hè năm ngoái, bác ta vừa bán đứa con gái tên là Phúc, mười chín tuổi, cho một tên sĩ quan lấy hai trăm đồng. Phúc bán đi rồi, bác ta cũng được mát mặt một hồi, đồ cầm chuộc được hết, lại may thêm mấy bộ quần áo mới nữa, cả nhà ăn mặc sạch sẽ gọn mắt lắm. Bác Cường gái lùn nhất, xấu nhất xóm này: trán dô, má bánh đúc, tóc thưa, răng vỡ, mặt đầy tàn hương, trông đến phát tởm. Bác ta vừa thương con, khóc đỏ cả mắt lên, vừa mặc chiếc áo dài vải xanh mới may vào. Bác Cường trai tính vốn cục, bán con xong, thường uống rượu. Rượu vào, nước mắt lưng tròng rồi kiếm chuyện. Bác Cường gái tuy được mặc áo mới, được ăn no, nhưng sướng chẳng bù khổ, bị đánh luôn, so với trước kia nhiều gấp đôi. Bác Cường trai ngoài bốn mươi rồi, không muốn kéo xe nữa. Thế là bác ta mua một đôi thùng, làm một gánh hàng vật: dưa, mận, đào, lạc rang, thuốc lá, đủ thứ. Đi bán hai tháng, nợ hàng lô, không những lỗ vốn, mà lại mắc nợ rất nhiều. Kéo xe thì quen, chứ đâu thạo cái trò buôn bán. Kéo xe là chuyện dứt khoát rõ ràng, kéo được thì có tiền, không kéo được thì về không. Buôn bán vật khổ nhất là phải đối phó, mà bác ta lại không biết đối phó. Anh em phu xe thì hay mua chịu, mà bác ta thì không thể muối mặt không cho người quen mua chịu. Mua chịu, đòi khó lắm. Thế là, khách sông phẳng thì chẳng có, toàn loại mua chịu không trả, làm gì chẳng lỗ vốn. Lỗ vốn, bác ta rất buồn,

buồn lại uống rượu khỏe. Rượu say, ở ngoài phố thì cà khịa với cảnh sát, ở nhà thì trút giận xuống đầu vợ con. Cà khịa với cảnh sát, đánh vợ, đều là vì rượu cả. Tỉnh rượu, bác ta rất hối, rất đau khổ. Bác ta nghĩ thêm thấy rằng, số tiền ít ỏi kia là bán con mới có, thế mà mất toi, lại còn rượu chè vào, đánh chửi vợ con, thật chẳng giống người. Những lúc như thế, bác ta vùi đầu ngủ suốt ngày, đem mọi nỗi buồn phiền gửi vào giấc mộng.

Bác ta quyết bỏ, không buôn nữa, lại đi kéo xe vậy, không thể phí phạm hết sạch chỗ tiền kia. Bác ta lại mua xe. Lúc say, bác ta chẳng kể gì cả, nhưng lúc tỉnh, bác ta là người rất thích sĩ diện. Vì thích sĩ diện cho nên chuyện gì cũng muốn phô trương, tuy cũng chỉ lèm nhèm thôi. Mua được xe mới rồi, quần áo mặc gọn ghẽ chỉnh tề, bác ta tự cho mình là thuộc loại phu xe hạng nhất, phải uống loại trà ngon, phải kéo loại khách sang. Bác ta đỗ xe ở bến, trưng cái xe và bộ quần áo trắng của mình ra, cứ chuyện trò tán gẫu với mọi người, chẳng thèm đi kiếm khách. Lúc thì bác ta lấy miếng giẻ lau bằng vải xanh mới ra, phành phạch phẩy bụi cho xe, lúc thì lại giẫm giẫm đôi giày hai mặt, để trắng mới mua, lúc thì mắt nhìn xuống, tươi tỉnh đứng cạnh xe mỉm cười, đợi người ta khen xe mình, thế rồi chuyện trò cứ kéo dài mãi không dứt. Bác ta cứ tiêu phí thời giờ như vậy độ một hai ngày, đến khi gặp được khách sộp thì chân bác ta chạy không dẻo không nhanh, chẳng cân xứng chút nào với

xe và quần áo cả! Thế là bác ta đâm ra buồn, mà buồn thì nhớ đến con gái, rồi lại đi uống rượu. Thành ra có bao nhiêu tiền bác ta tiêu hết, chỉ còn mỗi chiếc xe.

Khoảng trước sau ngày lập đông, bác ta lại uống rượu say. Bác ta vừa vào đến cửa thì hai đứa con trai, một mười ba, một mười một, định chạy ra ngoài núp. Bác ta thấy nghịch mắt, đá cho mỗi đứa một cái. Bác Cường gái nói gì đó, thế là bác ta xông tới, đập luôn cho vợ một cái vào bụng dưới. Bác Cường gái nằm lăn ra, hồi lâu không kêu được một tiếng. Hai thằng con uất quá, đứa vác xẻng, đứa vác chày giã bột, lăn xả vào đánh bố. Ba bố con quần quật một hồi, lộn tùng phèo, giẫm đạp lên người bác Cường gái mấy lượt nữa. Hàng xóm chạy sang can, khó khăn lắm mới ấn được bác hai Cường nằm xuống giường, hai thằng con thì ôm lấy mẹ khóc văng lên. Bác Cường gái tỉnh lại, nhưng từ hôm đó ốm liệt giường. Vào ngày mồng ba tháng chạp, bác ta tắt thở, trên người vẫn mặc áo dài xanh may hồi bán đứa con gái. Bên nhà mẹ bác ta nhất định đòi đi kiện. Bạn bè khuyên can mãi, họ mới chịu thôi. Bác Cường trai phải hứa làm ma chay tử tế và đưa cho nhà vợ mười lăm đồng. Bác ta đem cầm cái xe, được sáu mươi đồng. Sang năm mới, bác ta định bán đứt đi, vì chẳng còn hy vọng gì chuộc lại được nữa. Lúc uống rượu say, bác ta lại định bán thằng con trai, nhưng chẳng ai mua cả. Bác ta cũng đã từng đến tìm thằng chồng cái Phúc. Hắn đòi nào lại nhận bác ta là bố vợ, như vậy những chuyện khác tất nhiên cũng chẳng cần phải nói nữa.

Tường biết rõ lai lịch của chiếc xe này, không ưng lắm. Thiếu gì xe, việc gì phải rước lấy cái của ấy. Đó là của không may mắn, bán con mới mua về được, và nay vì giết vợ mà tổng đi. ả Nữu thì không để ý đến điều đó. ả muốn bỏ ra trên tám chục mua lấy, rẻ lắm! Xe mới kéo độ nửa năm, màu lớp xe vẫn chưa đổi, và đúng là của nhà Đức Thành, một hãng xe có tiếng đóng. Mua chiếc chỉ còn mới độ bảy phần thôi, lại không đến năm sáu chục à? Hời thế, ả không thể bỏ qua được. ả cũng lại biết, vừa tết xong, ai cũng túng, bác hai Cường chẳng bán đâu cao hơn được, mà bác ta lại đang cần tiền. ả thân tự đến xem xe, cùng bác hai Cường bàn giá cả, rồi trả tiền. Tường đành chờ kéo xe về, chẳng nói gì cả. Kể ra cũng khó nói, có phải anh ta bỏ tiền ra mua đâu! Mua xong, ngắm xe, anh ta thấy nó quả là chắc chắn, cứng cáp thật, nhưng anh ta vẫn cứ thấy nó làm sao ấy. Cái anh ta không thích nhất là cái màu đen ở thân xe, mà lại còn gắn thêm mấy miếng đồng bạch nữa chứ! Lúc mua xe này, bác hai Cường vẫn cho là đen trắng đi với nhau như thế mới nổi, mới đẹp! Còn Tường thì thấy nó có vẻ đám ma, y như để tang ai. Anh ta rất muốn thay màu khác, hoặc vàng đất thố, hoặc nguyệt bạch, để cho nó bớt vẻ “nhà đám” đi. Nhưng rồi anh ta cũng chẳng bàn chuyện đó với ả Nữu, để khỏi phải nghe những lời eo sèo!

Kéo chiếc xe đó, ai cũng chú ý lắm, có người lại gọi nó là “*gái góa*”. Tường thấy khó chịu. Anh ta tìm hết cách để đừng nghĩ đến nó nữa, nhưng nó suốt ngày cứ lẻo đẻo theo anh ta. Anh ta trong lòng luôn

luôn nơm nớp như chưa biết lúc nào sẽ xảy ra chuyện không may. Có lúc bỗng nghĩ đến bác hai Cường và những nỗi khổ cực của bác, anh ta cảm thấy dường như không phải mình đang kéo xe ở phía sau, mà kéo theo một cỗ quan tài. Trên chiếc xe này, anh ta thỉnh thoảng thấy có bóng ma quỷ. Phảng phất như thế.

Nhưng từ ngày kéo nó, cũng chưa hề xảy ra chuyện gì, tuy lúc nào anh ta cũng bồn chồn lo lắng. Trời ngày càng ẩm. Cởi áo bông ra hầu như không cần phải mặc áo kếp nữa. Sắp mặc được quần áo đơn rồi. Mùa xuân ở Bắc Bình gần lắm. Ngày dài đến sốt ruột. Ai cũng thấy buồn ngủ, mệt mỏi. Tường ra xe từ sáng sớm, loanh quanh đến khoảng bốn năm giờ, đã thấy hết sức. Nhưng mặt trời còn cao, anh ta không muốn kéo nữa, mà cũng chẳng muốn cho xe về vội, cứ trù trừ do dự, ngập ngừng ngập dài.

Ngày dài như thế, nếu Tường thấy mệt mỏi buồn chán thì ở nhà càng thấy quạnh quẽ hơn. Mùa đông, ở còn có thể ngồi sưởi bếp, nghe tiếng gió thổi vù vù từ bên ngoài, tuy buồn đấy nhưng cũng còn có thể tự an ủi *“không phải đi đâu cũng hay”*. Bây giờ, bếp lò cho ra hiên rồi, trong nhà chẳng có việc gì làm. Ngoài sân lại bắn thiêu, hôi thối, đến một ngọn cỏ cũng chẳng có. Ra phố thì không yên tâm vì bọn hàng xóm, mua cái gì cũng phải về ngay, không dám la cà tí nào cả. Ở giống như con ong lẩn quẩn trong nhà, thấy ánh nắng ngoài kia mà không sao bay ra được.

Với chị em hàng xóm, ả không chuyện trò gì với họ được. Họ toàn nói chuyện việc nhà việc cửa còn ả ăn chơi hoang toàng quen rồi, không ưa nói và cũng chẳng thích nghe những chuyện đó. Những nỗi uất ức của chị em là do cuộc sống nghèo nàn khổ cực gây nên, chuyện nào cũng có thể làm ứa nước mắt ra cả. Còn những nỗi uất ức của ả thì lại do ả bất mãn với cuộc sống, ả không có nước mắt mà khóc, nhưng ả lại muốn chửi bới ai đó một trận cho hả. Hai bên không thể thông cảm hoàn cảnh của nhau được, cho nên tốt hơn cả là người nào việc nấy, chẳng chuyện trò gì với nhau.

Cho mãi đến tháng tư, ả mới có bạn. Phúc, con bác hai Cường về. Người “*bao*” cô ta là một tên sỹ quan. Hắn đổi đến nơi nào là lập ngay một cái “*gia đình*” đơn sơ ở đó: bỏ ra một hai trăm, kiếm một cô còn trẻ, mua tấm phản rộng, hai cái ghế, thế là có thể hú hí với nhau ít lâu. Đến khi đổi đi nơi khác, hắn phúi tay, bỏ cả người lẫn giường ghế ở lại. Bỏ ra một hai trăm bạc, hưởng được dăm tháng nửa năm, đâu có thiệt. Riêng việc giặt giũ, hầu hạ, làm cơm nước.... nếu thuê người, cả ăn lẫn công xá, mỗi tháng lại không mất chín mười đồng à? Kiếm một cô bé như thế, vừa có người hầu, vừa được vợ, lại bảo đảm sạch sẽ không bệnh tật gì. Thích thì may cho cái áo hoa, độ hơn đồng bạc, không thì cho ngồi xó nhà, cũng chẳng làm gì được. Đến khi đổi đi nơi khác, cũng chẳng tiếc gì tấm phản và một hai chiếc ghế. Còn

thiếu hai tháng tiền nhà, cô kia lại phải lo liệu mà trả, bán phản bán ghế đi, chưa chắc đã đủ!

Phúc cũng phải đem phản bán đi, trả tiền nhà; về, trên người chỉ còn chiếc áo dài hoa và đôi khuyên bạc.

Bán xe xong, trả tiền cầm xe và lãi, bác hai Cường còn thừa được độ hai chục bạc. Có lúc, bác ta mới thấy nửa đời người ta góa vợ, thì thật đáng buồn! Không ai thương mình, thì mình thương mình vậy, và bác ta lại uống, lại ăn. Những lúc đó dường như có thù gì với đồng tiền, bác ta tiêu bữa bãi. Có lúc bác ta lại thấy phải cố gắng kéo xe, nuôi hai đứa con trai khôn lớn lên, mai sau may ra cũng có phận nhờ. Những lúc nghĩ đến đến con như thế, bác ta lại mua hàng đóng thức ăn về cho hai đứa ăn. Nhìn hai con ăn như hổ đói, bác ta nước mắt lưng tròng lắm lắm một mình.

– Con không mẹ! Đến khổ! Tao khổ sở khó nhọc, cũng chỉ vì chúng mày thôi! Thục lòng, tao no đói thế nào cũng được, phải cố cho chúng mày no đủ! Ăn đi! Lớn lên đừng quên tao là được rồi!

Vào những lúc đó, tiền bác ta tiêu cũng chẳng phải ít. Dần dà, hơn hai chục đồng bạc kia hết nhẵn.

Hết tiền, những lúc rượu say rồi lên cơn cáu giận, có khi hai ba ngày bác ta chẳng để ý đến chuyện hai thằng bé ăn uống cái gì. Chúng nó chẳng có cách nào đành đi tự kiếm lấy vài xu, mua cái gì ăn. Nào là đến làm việc vặt cho nhà có đám ma, đám cưới, nào là đi

theo xe rác nhặt đồng nát giấy rách, có khi cũng mua được mấy chiếc bánh nướng, có khi chỉ mua được củ khoai, ăn cả vỏ; có khi cả hai đứa gộp lại mới được một hào chỉ, mua lạc hay đậu rang, tuy không no bụng, nhưng có cái mà nhai một lúc.

Phúc về, hai đứa thấy chị, chạy xô lại, mỗi đứa ôm một chân, không nói được gì cả, chỉ nhìn chị mà cười, nước mắt chảy ròng ròng. Mẹ chết rồi thì chị cũng như mẹ.

Bác hai Cường thấy con gái về, không tỏ vẻ gì cả. Nó về thì lại thêm một miệng ăn nữa. Nhưng nhìn hai đứa con mừng rỡ thế kia, bác ta cũng không thể không thấy trong nhà cần phải có một người đàn bà, làm cơm nước, giặt giũ. Bác ta cũng chẳng biết nói thế nào, thôi thì đến đâu hay đến đó!

Phúc trông không xấu. Tuy trước kia rất gầy nhỏ, nhưng từ ngày theo tên sĩ quan kia, cũng có da có thịt, và cao hơn một chút. Khuôn mặt tròn, lông mày đều đặn, không có cái gì đặc sắc, nhưng người rắn chắc, trông dễ coi. Môi trên ngắn, khi giận dữ cũng như khi tươi cười, bao giờ cũng để lộ hàm răng trắng toát và rất đều. Tên sĩ quan rất thích hàm răng đó. Để lộ hàm răng ra, Phúc trông vừa ngây thơ, lại vừa có vẻ nũng nịu. Cái vẻ đó khiến cô ta – cũng giống mọi cô gái khác nhà nghèo nhưng trông sạch mắt một chút – trở thành như đóa hoa, hơi áo chút hương sắc là bị người ta ngắt đem ra chợ bán ngay.

Ả Niu trước nay vốn không thềm giao thiệp với ai trong xóm này, nhưng bây giờ lại coi Phúc là bạn. Một là Phúc trông cũng có mã người, hai là cũng còn có được chiếc áo dài vải hoa, ba là, ả cho rằng Phúc đã lấy sĩ quan, như vậy cũng kể đã nếm trải mùi đời, cho nên ả chịu chơi với Phúc. Đàn bà vốn khó tính trong việc kết bạn, nhưng khi đã thân thì thân rất nhanh, mới mấy ngày mà hai người đã thành đôi bạn con chấy cắn đôi. Ả Niu thích ăn vặt, mỗi khi mua được gói hạt dưa hạt bí, bao giờ cũng gọi Phúc sang, vừa ăn vừa chuyện trò với nhau. Phúc để lộ hàm răng trắng ngậy thơ, kể lại cho ả Niu nghe nhiều chuyện mà ả chưa từng được nghe bao giờ. Ở với tên sĩ quan kia, Phúc chẳng được gì gọi là sung sướng, nhưng những lúc cao hứng, hấn cũng dặt đi cao lâu, xem hát, vì thế cô bé có rất nhiều cái để nói, và nói ra là làm cho ả Niu thềm thuồng lăm. Có những chuyện không nói ra được: đối với cô bé, như thế là dày vò thể xác, nhưng đối với ả Niu như thế mới khoái. Ả Niu cứ nằn nì cô bé kể. Phúc ngượng không muốn kể, nhưng cũng không tiện từ chối. Ả Niu cho Phúc là người đáng yêu nhất, đáng phục nhất, và cũng đáng ghen tị nhất. Nghe xong, nhìn lại con người mình, tuổi tác mình, chồng mình, ả thấy sống như thế này thật không ra sao. Ả chưa từng được hưởng những thú vui của tuổi trẻ, mà mai đây thì cũng chẳng có hy vọng gì. Còn bây giờ thì tương lai cứ trơ ra như gỗ đá thế kia. Càng bực với Tường, ả lại càng mến Phúc. Phúc tuy

nghèo khổ, tuy đáng thương như thế, nhưng trong con mắt ả, cô bé từng là người được sung sướng, từng được nếm trải mùi đời, dù cho có phải chết ngay cũng không ân hận gì cả. Theo ả, Phúc xứng đáng tiêu biểu cho những người đã được hưởng những thú vui mà người đàn bà cần phải được hưởng.

Những nỗi đau khổ của Phúc, ả Niu dường như không trông thấy. Phúc về nhà, không đem theo được một cái gì, mà lại phải trông nom hai đứa em, trong khi đó ông bố không có chí làm ăn gì nữa. Lấy tiền đâu ra nuôi chúng nó bây giờ?

Bác hai Cường say rồi, liền mách nước:

– Mày thương em thật thì thế nào cũng có cách kiếm tiền nuôi chúng nó! Trông cả vào tao à? Tao suốt ngày đem thân làm con trâu ngựa cho người ta, cũng phải ăn cho no bụng đã. Liệu tao có thể nhịn đói mà chạy được không? Để tao ngã gục xuống đấy, chắc mày sướng lắm đó hả? Mày cứ ngồi không thì cũng đến thế thôi, có sẵn đấy, không đem ra mà bán, còn đợi gì nữa!

Nhìn bố say mèm, nhìn mình, nhìn hai đứa em đói meo như hai con chuột, Phúc chỉ còn biết khóc. Nhưng nước mắt không làm chuyển được lòng bố, nước mắt cũng chẳng thể làm được cho hai em no bụng, Phúc đành phải tính đến chuyện thực tế hơn. Để hai đứa em có cái ăn, Phúc phải bán thân mình. Cô ta ôm đứa em út vào lòng, nước mắt cứ rơi lã chã xuống đầu thẳng bé.

– Chị ơi! Em đói!

Chị! Chị là miếng thịt! Phải đem ra bán để nuôi em đây!

Ả Nữu không những không khuyên can Phúc, trái lại, ả sốt sắng giúp Phúc về việc đó: ả vui lòng bỏ ít tiền ra cho Phúc vay để tô điểm cho gọn ghề, khi kiếm được tiền sẽ trả. Ả lại vui lòng cho Phúc mượn buồng, bởi vì bên nhà Phúc bẩn thỉu quá, còn buồng ả thì sao cũng ra sáng hơn, hướng chỉ lại những hai gian, có chỗ đi ra đi vào. Tường ban ngày không ở nhà, ả Nữu vui lòng giúp bạn, đồng thời cũng để được trông thấy, hiểu biết thêm những cái mà mình thiếu thốn, muốn cũng chẳng sao làm được. Ả có một điều kiện là, mỗi khi Phúc mượn buồng thì phải trả ả hai hào. Đánh rằng bạn bè, nhưng công việc thì đi đàng công việc; để giúp Phúc, ả phải thu dọn nhà cửa cho sạch sẽ hơn, không những đã mệt mà cũng phải tiêu thêm tiền nữa, chẳng lẽ sắm thêm cái chổi, cái sọt rác mà lại không phải bỏ tiền ra hay sao? Hai hào chỉ đâu phải là nhiều, chính vì bạn bè nên mới nể mặt nhau như thế.

Phúc để lộ mấy chiếc răng trắng bóng, nuốt thẳm nước mắt.

Tường thì chẳng biết gì cả. Nhưng anh ta không được ngủ yên giấc. Ả Nữu “tác thành” cho Phúc, đồng thời cũng lại bắt Tường phải đền bù cho mình những ngày xuân đã trôi qua.

18

Tháng sáu, trong xóm, ban ngày hầu như không một tiếng người. Từ sáng sớm, trẻ con đã xách sọt rách đi nhặt nhạnh tất cả những cái gì có thể nhặt nhạnh được. Đến chín giờ, ánh nắng gay gắt sắp thiêu đốt tấm lưng, chúng đành phải mang những thứ đã nhặt được về, và ăn những gì mà bố mẹ có thể kiếm được cho ăn. Sau đó, những đứa lớn, nếu kiếm được chút vốn bé nhỏ nhất trên đời này, thì liền đi vừa mua vừa nhặt băng cục²⁷ đem bán. Nếu không kiếm đâu ra vốn thì đành rủ nhau ra sông Hộ-thành tắm, rồi tiện tay xoay mấy viên than bánh ở nhà ga, hoặc bắt chuồn chuồn hay ve sầu bán cho bọn trẻ con nhà giàu. Những đứa bé không dám chạy chơi xa, thì chạy ra chỗ có cây ở ngoài cổng, nhặt sâu hộc hoặc đào ruộng sâu hộc... chơi. Trẻ con đi hết, đàn ông cũng đi hết, các chị em phụ nữ đều đánh trần ngồi trong nhà, không ai dám ra ngoài, chẳng phải là sợ khó coi, mà chính là vì đất ngoài sân nóng bỏng.

²⁷ Những cục băng chưa tan, sạch sẽ, dùng để ăn như nước đá (ND).

Cho mãi đến khi mặt trời sắp lặn, đàn ông và trẻ con mới lục tục kéo về. Lúc bấy giờ ngoài sân đã có bóng tường và chút gió mát, còn trong nhà thì chưa hết cái hơi nóng ban ngày, hầm hập như cái lò sưởi; đàn ông đều ngồi cả ngoài sân, chờ vợ con làm cơm. Lúc đó, sân rất ồn ào, y như cái chợ mà không có hàng họ. Nóng suốt ngày ai nấy mắt vằn đỏ, người bực bội, lại thêm bụng đói, càng dễ giận hơn. Một lời không vừa ý, thế là người thì dọa đánh con, người thì dọa nện vợ. Đánh không được, thì cũng chửi bới một hồi cho sướng miệng. Cứ ồn lên thế cho đến khi mọi người ăn xong cơm. Trẻ con có đứa nằm ngay ngoài sân mà ngủ, có đứa chạy rong ngoài đường. Người lớn ăn xong, thì tính khí dễ chịu hơn nhiều, người nào thích chuyện trò thì tùm năm tùm ba, kể những nỗi khó nhọc trong ngày. Những người không có cơm mà ăn, dù cho có gì cầm được bán được, lúc này cũng tối rồi, chẳng còn nơi nào mà cầm mà bán nữa. Thế là, chồng thì nằm gục xuống giường, mặc cho trong nhà nóng thế nào thì nóng, hoặc im lặng, hoặc có khi cũng lại chửi bới om sòm. Còn vợ thì nước mắt vòng quanh, chạy đi vay hàng xóm, không hiểu chạy bao nhiêu nơi mới vay được một hào rách nát; cầm tờ bạc hào quý đó, đi mua ít mì tạp về, nấu một nồi canh loãng cho cả nhà ăn.

Ả Niu và Phúc thì không sống theo cái nền nếp chung đó. Ả có chữa. Lần này thì chữa thật. Tường đi làm từ sáng sớm, ả cũng phải tám chín giờ mới dậy, có chữa không nên cử động nhiều, đó là một điều tin

tưởng sai lầm vốn có từ lâu đời. Ắ Niu tin như thế, và cũng muốn vin vào đó để làm cho người ta biết cái giá trị của mình: ai nấy phải dậy làm lụng từ sớm, riêng ả là có thể thành thoi muốn ngủ đến bao giờ thì ngủ. Đến tối, ả xách cái ghế nhỏ ra ngoài cổng trông ra đường, tìm chỗ có gió mát ngồi, cho đến khi người trong xóm gần đi ngủ hết cả rồi, ả mới về. Ắ chẳng thèm chuyện trò với ai cả.

Phúc cũng dậy muộn, nhưng vì một lý do khác. Cô ta sợ đàn ông trong xóm nhìn xoi mói, cho nên chờ họ đi làm hết rồi, mới dám ra khỏi nhà. Ban ngày, không sang nhà ắ Niu, thì cô ta lại đi ra phố, bởi vì bảng quảng cáo của cô ta chính là con người cô ta. Đến tối, tránh những người trong xóm chú ý, cô ta lại ra phố, ước chừng mọi người đi nằm cả rồi, mới dám len lén lên về nhà.

Trong bọn đàn ông, thì Tường và bác hai Cường cũng khác mọi người. Tường rất sợ bước ra sân, mà lại càng ngại ở trong nhà. Trong sân, mọi người nói năng ồn ào, khiến anh ta khó chịu. Anh ta muốn tìm chỗ nào vắng vẻ mà ngồi một mình. Còn trong nhà thì càng ngày anh ta càng thấy ắ Niu giống một con hổ cái. Nhà cửa chật chội, nóng hầm hập, lại thêm cái con hổ cái đó, khiến anh ta bước vào là thấy ngột thở. Trước đây anh ta không thể không về sớm, cốt để ắ khỏi eo sèo. Ít lâu nay, có Phúc làm bạn, ắ không thất buộc anh ta lắm nữa, anh ta liền về muộn hơn một chút.

Còn bác hai Cường thì gần đây ít khi về nhà. Biết con gái làm nghề đó, bác ta ngượng không muốn đi vào xóm. Nhưng bác ta cũng chẳng thể ngăn được con. Bác ta tự biết mình không nuôi được con cái, thôi thì đành không về nữa, khuất mắt càng đỡ phiền lòng. Có lúc bác ta giận con, giả dụ Phúc là con trai, nhất định chẳng đến nỗi phải làm cái trò xấu xa như thế. Đã là gái, còn đầu thai vào cửa này làm gì! Có lúc bác ta lại thương con, con nó bán thân là để nuôi hai đứa em! Giận hay là thương cũng thế, bác ta chẳng có cách gì cả. Rồi đến khi rượu say, trong tay lại không có xu nào, bác ta chẳng giận mà cũng chẳng thương nữa, bác ta về hach con lấy tiền. Những lúc đó, bác ta thấy nó kiếm ra tiền, bác ta là bố, lấy tiền của nó cũng là danh chính ngôn thuận thôi! Và những lúc đó, bác ta cũng nghĩ đến sĩ diện: người ta khinh nó ư? Chính bố nó cũng tha thứ cho nó đâu! Bác ta bắt con phải đưa tiền, lại còn chửi bới âm ỉ cả lên, hình như cốt để cho mọi người nghe thấy, biết hai Cường không có tội gì, chẳng qua trời sinh con bé hư như thế!

Bác ta làm âm lên, Phúc không dám nói lại một tiếng. Á Niu thì vừa mắng vừa can. Đấy được bác ta đi, tất nhiên ít nhiều cũng phải dúi cho ít tiền, tiền đó, bác ta chỉ có thể để uống rượu thôi, bởi vì nếu tỉnh lại, nhìn thấy mấy đồng tiền đó bác ta phải nhảy xuống sông hoặc thắt cổ mà tự tử mất.

Hôm rằm tháng sáu, trời nóng phát điên lên được. Mặt trời vừa lên, thì đã nóng như lửa. Một lớp xám xám không ra mây mà cũng chẳng ra mù, thấp rề rề, khiến người ta thấy ngột thở. Không có tí gió. Đứng trong sân, nhìn lên bầu trời đỏ sẫm, Tường định bụng sẽ kéo tối -- quá bốn giờ chiều hãy ra xe, nếu ít khách thì có thể kéo đến sáng. Ban đêm dù sao cũng dễ chịu hơn ban ngày một chút.

 Ả Nữu lại giục anh ta đi, sợ ở nhà, lỡ việc, Phúc nó có khách thì sao.

 – Anh tưởng ở nhà dễ chịu hơn à? Trong nhà, gần trưa, tường vách cũng nóng bỏng lên cả.

 Tường chẳng nói chẳng rằng, uống một gáo nước lã, rồi đi.

Hàng liễu bên đường trông như ồm, lá phủ đầy bụi, quần lại, cành thì chẳng buồn đu đưa, rũ xuống một mối. Trên con đường cái không thấy qua một giọt nước, khô không khóc, trắng xoá. Ở những đường nhỏ, cát bụi bay vù lên, đến tận lớp khí xám trên trời, tạo thành một “*thế trận cát bụi*” ghê gớm, làm cho người đi đường mặt cứ rần rạt. Nơi nào cũng khô rang, cũng nóng bỏng, cũng hầm hập khó chịu, cả cái thành phố cổ này y như một lò gạch đang nung, khiến mọi người thở không ra hơi. Chó nằm dài, thè lưỡi đỏ hồng. Lừa ngựa lỗ mũi căng ra, những người bán hàng rong cũng không còn hơi sức đâu mà rao nữa. Nhựa rải đường

chảy, thậm chí những biển đông trước các cửa hiệu hình như cũng sắp mềm ra. Phố xá vắng tanh, chỉ ở mấy cửa hàng thiếc là còn nghe tiếng búa đập chí chát đơn điệu. Anh em phu xe biết rõ không đi làm thì không có ăn, nhưng cũng chẳng buồn kiếm khách. Anh thì đỗ ở chỗ có bóng mát, giương mui, leo lên xe đánh một giấc, anh thì chui vào quán trà uống nước. Có anh lại không cho xe ra, mà chỉ đi không lên phố, xem tình hình có thể kéo được hay không đã. Những anh có khách, mặc dù khỏe mạnh nhất, cũng cam chịu xấu mặt chẳng dám chạy, cúi đầu thủng thẳng bước một. Thấy giếng nước, y như gặp đấng cứu tinh, dù chỉ mới kéo mấy bước, cũng lao đến, không đợi mức nước lên, cứ vục ngay vào cái máng chung với lửa ngựa làm một ngụm. Có người bị cảm, hoặc say nắng, loạng choạng mấy bước rồi ngã gục xuống, chết luôn.

Tường cũng thấy hoảng. Kéo xe không, đi được mấy bước, anh ta thấy từ mặt đến chân nóng rát rần rạt, cả mu bàn tay mà cũng ra mồ hôi. Nhưng thấy khách, anh ta vẫn muốn kéo, nghĩ rằng chạy thì chắc sẽ có tí gió. Khách lên, kéo được mấy bước, anh ta mới thấy tiết trời khó chịu đến mức không cho ai làm ăn gì được cả. Chạy là thở không ra hơi, mà miệng thì khô, rõ ràng không khát mà cứ thấy nước là muốn uống. Không chạy thì ánh nắng gay gắt kia sẽ làm cho lưng và tay nứt toác ra mất. Cố hết sức kéo cho đến nơi, quần áo dính chặt cả vào người. Cầm quạt lên phẩy phẩy mấy cái, thấy chẳng ăn thua gì, gió

cũng nóng. Anh ta đã uống không biết bao nhiêu là nước lã, nhưng vẫn cứ phải chui vào một quán nước, làm hai ấm trà nóng, mới thấy dễ chịu một chút. Trà uống vào đắng miệng, mồ hôi liền toát ra khắp người, y như mình là cái thùng không đáy, một giọt nước cũng không sao giữ lại được. Anh ta không dám nhúc nhích nữa.

Ngồi một lúc lâu đã chán, không dám ra đường, mà lại chẳng biết làm gì, anh ta thấy tiết trời hình như cố ý trêu người. Không, anh ta không thể chịu thua. Anh ta kéo xe dẫu có phải mới chỉ một ngày, và cũng chẳng phải là đầu tiên mới gặp phải mùa hè như thế này, không thể để mất toi một ngày được. Muốn đi ra, nhưng chân lại chẳng buồn nhúc nhích, người cứ mềm nhũn y như lúc chỉ mới được tắm qua loa, tuy có ra mồ hôi nhiều đấy, nhưng vẫn chưa thấy khoái. Lại ngồi thêm một lát nữa, nhưng rồi anh ta thấy ngồi cũng không yên được, ngồi cũng toát mồ hôi, chi bằng đi quách ra ngoài xem sao.

Vừa ra khỏi cửa, anh ta mới biết là mình nhầm. Lớp khí xám trên trời tan đâu rồi, không khó chịu lắm nữa, nhưng lúc này nắng lại gay gắt hơn nhiều, không ai dám ngẩng đầu lên nhìn xem mặt trời nó ở đâu, nhìn vào chỗ nào cũng chói, bầu trời, mái nhà, tường, mặt đất, nơi nào cũng trắng xóa, trong màu trắng, lại có pha thêm một màu đỏ đỏ, từ trên xuống dưới, giống y như một tấm kính lấy lửa khổng lồ, mỗi

tia ánh sáng đều giống như từ tiêu điểm của kính lấy lửa phóng ra chiếu vào mọi vật, tường chừng như sắp bốc cháy đến nơi. Trong làn ánh sáng trắng xóa đó, màu sắc gì cũng chói mắt, thanh âm gì cũng chói tai, mùi vị gì cũng pha tạp cái mùi hôi hôi tanh tanh từ mặt đất bốc lên. Phố xá hầu như không một bóng người, đường hình như bỗng rộng thêm ra rất nhiều, trống trải, mà không có qua một chút hơi mát, trắng xóa, trông đến phát sợ. Tường chẳng biết nên thế nào, cứ cúi đầu kéo xe chậm rãi bước, chẳng có ý định gì, mà cũng chẳng biết đi đâu, ngây ngất, người nhom nhóp mồ hôi, bốc lên mùi chua chua khó chịu. Đi được một lúc, lòng bàn chân dính chặt lấy bit tất, y như dẫm phải bùn, khó chịu quá. Kể ra cũng chẳng muốn uống nước, nhưng trông thấy giếng, bất giác anh ta cũng chạy tới làm một ngụm, không phải cho khỏi khát, mà hình như chỉ để hưởng chút hơi mát của nước giếng. Từ cổ tới dạ dày anh ta bỗng mát lạnh hẳn đi, lỗ chân lông trên người như chun lại, anh ta rung mình một cái, rất khoan khoái. Uống xong, anh ta ợ liễn mấy cái, nước như muốn trào lên.

Đi được một lát, rồi lại nghỉ một hồi, anh ta chẳng buồn đón khách. Cho mãi tới giữa trưa, anh ta cũng vẫn chưa thấy đói. Theo lệ thường, định đi ăn cái gì đó, nhưng nhìn thức ăn, lại thấy buồn nôn. Trong bụng đầy những nước, nước gì cũng có, thỉnh thoảng, nghe kêu ùng ục, y như lừa ngựa uống nước xong.

So mùa hè với mùa đông thì Tường vẫn thấy ngại mùa đông hơn. Anh ta không ngờ mùa hè mà cũng lại khó chịu đến thế này. Ở thành phố mấy mùa hè rồi anh ta không thấy năm nào nóng như thế này. Trời nóng hơn năm ngoái, hay là người mình yếu đi! Nghĩ vậy, anh ta bỗng không thấy ngáy ngất nữa, mà nghe lạnh lạnh trong bụng. Đúng thế, người mình thế là yếu đi rồi. Anh ta lo sợ, nhưng không biết làm thế nào. Anh ta không thể đuổi ả Niu đi. Rồi đây anh ta sẽ như bác hai Cường, như bác phu xe người cao lêu đêu hôm nọ, như ông thầy Mả. Thế là thầy Tường này đi đứt!

Vào lúc một giờ trưa, anh ta lại có khách. Ấy là lúc nóng nhất trong ngày, mà là ngày nóng nhất từ đầu hè đến nay, nhưng anh ta vẫn nhất quyết kéo cuộc đó. Nắng thế nào thì nắng, anh ta mặc kệ. Giả thử cuộc này mà không sao cả, đúng là mình còn khỏe, nhược bằng không kéo nổi thì còn nói gì nữa, cứ ngã gục xuống mặt đường nóng bỏng kia mà chết quách đi cho xong!

Vừa chạy được mấy bước, thì thấy man mát, y như trong gian nhà đang nóng hầm hập bỗng có tí gió từ bên ngoài lọt qua khe cửa lùa vào. Không dám tin ở mình, anh ta ngược mắt nhìn hàng liễu bên đường, thấy cành lá khẽ đu đưa thật. Phốc xá bỗng đông lên. Người trong nhà đổ ra đường, quạt lá kê che đầu, nhìn quanh nhìn quẩn, như muốn nhảy cồm lên mà reo hò:

– Có gió rồi! Trời mát rồi!

Hàng liễu bên đường bỗng biến thành những sứ giả nhà trời, tự Thiên đình đưa tin xuống:

– Cành liễu rung động rồi kia kìa! Lay trời, cho thêm ít gió mát nữa!

Vẫn còn nóng, nhưng trong lòng thấy thư thái hơn nhiều rồi. Gió tuy chỉ mới thoáng qua, nhưng cũng đem lại cho người ta biết bao hy vọng. Gió thổi một hồi, mặt trời không còn gay gắt như trước nữa, lúc nắng lúc dịu, như có một màn bụi đang di động ở trên không. Gió bỗng mạnh lên. Hàng liễu từ lâu đứng yên lặng, lúc này như có chuyện gì vui mừng, phe phẩy đu đưa, cành lá như dài thêm ra một đoạn. Gió thổi một hồi nữa, trời tối sầm lại, bụi bốc lên cao. Bụi tản đi, thì thấy chân trời phía bắc mây kéo đen xịt. Người Tường ráo sạch mồ hôi; anh ta liếc nhìn về phía Bắc, đỗ xe, khoác áo mưa vào. Anh ta biết, mưa mùa hè, thấy cơn là tới liền.

Vừa khoác được áo mưa, lại một trận gió nữa thốc tới, mây đen kéo ào đến kín nửa bầu trời. Hơi đất bốc lên quện với gió, vừa nóng lại vừa mát, cuốn theo đất bụi, khô rang. Bầu trời nửa phía nam sáng bạch, nửa phía bắc đen như mực, y như sắp tới có tai nạn gì, ai nấy đều có vẻ hoảng hốt, nhớn nhác. Anh em phu xe vội khoác áo mưa, các cửa hiệu vội cất biển quảng cáo, người bán rong vội thu dọn hàng họ, khách đi đường rào bước. Lại một trận gió nữa. Gió qua rồi, biển quảng cáo, hàng rong, khách đi đường dường như bị

cuốn mắt, không thấy đâu nữa, chỉ còn lại hàng liễu vật vờ trong gió mạnh.

Mây chưa che kín bầu trời, nhưng đã thấy tối lắm rồi. Giữa buổi trưa đang nắng gắt như thế mà bỗng như giữa ban đêm. Gió mang theo mấy hạt mưa rơi lác đác, như muốn tìm kiếm vật gì trên mặt đất, rồi cả lên. Một luồng chớp đỏ lòe ở phía Bắc, rất xa, như xé mây đen, lộ ra một mảng trời đỏ tựa máu. Gió yếu đi, nhưng lạnh, làm người ta run lên. Mỗi trận gió như thế, mọi vật lại như ngơ ngác bàng hoàng, cả hàng liễu cũng như chờ đợi cái gì. Lại một luồng chớp nữa, ngay trên đỉnh đầu những hạt mưa trắng xóa liên rơi xuống, rất mạnh, làm bắn tung bụi lên. Mặt đất đã có hơi mưa. Mấy giọt rơi vào lưng Tường, khiến anh ta run lẩy bẩy. Mưa lại ngừng, trời kín đặc mây đen. Lại một trận gió nữa, mạnh hơn trước, cành liễu rạp xuống. Bụi bay tứ tung, mưa rơi. Gió, bụi, mưa, quện vào nhau, trông xám ngắt, lạnh lẽo. Mọi vật đều bị cuốn trong đó, không phân biệt rõ đâu là cây, đâu là đất, đâu là mây, bốn phía hỗn loạn mờ mịt, rào rào. Gió lặng, mưa rơi thẳng xuống như trút, trông không rõ từng đường, mà thành cả một màn nước, đến mặt đất thì bắn lên tung tóe. Nước trên các mái nhà xối xuống, như hàng ngàn thác nước. Mấy phút sau, trời đất hòa lẫn một màu, không phân biệt được nữa. Sông trên trời tuôn nước xuống, sông dưới đất chảy lênh láng, tất cả biến thành một *"thế giới nước"* mờ mờ đục đục, có khi lại sáng lòe lên.

Quần áo Tường ướt sạch, khắp người không còn chỗ nào khô ráo. Dưới cái mũ cối, đầu tóc anh ta cũng ướt sũng. Nước trên đường lút mắt cá, khó bước lắm. Mưa rơi xuống đầu xuống lưng anh ta, quất vào mặt anh ta, hắt cả vào đũng quần anh ta. Anh ta đầu không ngừng lên được, mắt không mở ra được, thở cũng không thở được, muốn bước nhanh cũng không bước được. Anh ta như phải đứng chôn chân giữa mưa, không biết đâu là đường, trước sau bên phải bên trái là những gì, chỉ thấy nước lạnh buốt thấm vào khắp người. Anh ta không biết gì nữa cả, chỉ thấy trong bụng còn chút hơi nóng yếu ớt, và bên tai mưa rơi ào ào. Anh ta muốn đỗ xe xuống, nhưng không biết đỗ vào đâu. Muốn chạy, nhưng nước vương chân. Thế là anh ta đành sống dở chết dở chúi đầu lê từng bước một. Khách ngồi trên xe như chết rồi, cứ lặng ngắt, mặc cho anh ta lội trong mưa.

Mưa nhỏ đi, Tường hơi thẳng lưng ra, thở phào.

– Thưa ông, đỡ tránh mưa tí đã rồi hẵng đi!

Khách giậm chân quất:

– Kéo mau lên, anh định vút tôi xuống đây là nghĩa lý gì?

Tường định bụng cứ đỗ xuống, tìm nơi trú mưa đã. Nhưng nhìn người, thấy ướt sũng cả rồi, anh ta biết đứng lại sẽ rét run lên ngay. Anh ta cắn răng, lội nước chạy bừa, bất kể. Chạy chưa được bao xa, thì trời

bỗng tối sầm lại, rồi lại sáng lòà, mưa như bùng mất anh ta lại.

Tới nơi, khách không cho thêm một xu nào cả. Tường không nói rằng gì, anh ta mệt quá rồi.

Mưa ngớt một tí, rồi lại đổ xuống traten nữa, nhưng nhỏ hơn trước nhiều. Tường chạy thẳng một mạch về nhà. Sà vào bên ngọn lửa, sưởi một hồi, anh ta run lấy bầy như lá cây trước gió. Ắ Niu hâm cho anh ta một bát nước gừng với đường. Anh ta cầm lấy bát, làm một hơi cạn sạch cứ như người mất hồn, rồi chui vào chăn, chập chờn nửa thức nửa ngủ, chẳng biết gì hết, bên tai vẫn nghe tiếng mưa rơi ào ào.

Độ hơn bốn giờ, mây đen bắt đầu có vẻ uể oải, nhấp nhaoảng vài tia chớp yếu ớt. Một lát, mây ở phía tây rách ra, đỉnh mây có viền ánh sáng, hơi nước trắng xóa lướt nhanh dưới chân mây. Chớp dồn cả về phía nam, một vài tiếng sấm nghe văng vẳng. Một lúc nữa, ở phía tây ánh nắng xuyên qua kẽ mây rơi xuống lá cây đầm nước mưa, xanh bóng. Chân trời phía đông có một ngọn cầu vồng bảy màu, hai đầu cắm sâu vào lớp mây đen, trên vòm cầu là một mảng trời xanh. Một chốc, cầu vồng biến mất, không một gợn mây. Bầu trời xanh biếc cùng với mọi vật, sau khi được traten mưa tẩy rửa, trông giống một thế giới mới, trong mát, tươi đẹp như vừa từ chỗ tăm tối hiện ra. Ngay cả ở xóm nghèo này cũng có mấy cánh chuồn chuồn xanh xanh đỏ đỏ đủ màu pháp phối bay trên các rãnh nước.

Nhưng trừ bọn trẻ con chân không chạy ra đuổi bắt chuồn chuồn, còn thì trong xóm chẳng ai có thì giờ đâu mà thưởng thức cảnh trời sau cơn mưa. Nhà Phúc vách phía sau đổ mất một mảng, ba chị em vội vã cuốn chiếu trên giường đem ra che. Dây tường vây quanh xóm cũng bị đổ mấy chỗ, chẳng ai hơi đâu mà để ý, ai nấy bận thu dọn nhà mình: nhà thì thêm thấp quá, nước vào lênh láng, mọi người tíu tít lấy thúng múng bát vớt tát nước ra. Nhà thì vách bên đổ, đang tìm cách vá vúi dựng lại. Nhà thì đột, y như cái thùng tưới, đồ đạc ướt sạch, đang bận bê ra ngoài, hơ bên bếp lò hoặc phơi ở bậu cửa sổ. Giữa lúc đang mưa, mọi người giao phó tính mạng cho trời, nấp trong những căn nhà ọp ẹp có thể đổ bất cứ lúc nào, và chôn vùi họ. Mưa tạnh, họ phải lo liệu, dọn dẹp những cái hư hỏng. Mặc dù mưa xuống, giá gạo hạ độ một trình, nhưng cũng chẳng bù lại được những thiệt hại vì mưa gió. Họ phải trả tiền nhà, nhưng không hề có người đến sửa sang nhà cửa, trừ phi nát quá, không sao ở được, mới thấy có vài người thợ nề đến, lấy vữa xấu gạch vỡ vá vúi qua loa, những chỗ đó nay mai lại sẵn sàng đổ ập xuống. Không trả đủ tiền nhà thì bị tống cả ra đường, đồ đạc giữ lại. Nhưng nhà cửa hư hỏng, có thể đổ dè chết người, thì không có ai chú ý. Họ ít tiền chỉ thuê được loại nhà như thế thôi. Hư hỏng, nguy hiểm mặc xác.

Thiệt hại lớn nhất là dầm nước mưa mà ồm. Bọn họ từ người lớn đến trẻ con từ sáng đến tối kiếm ăn ở

ngoài phố, mà mưa rào ngày hạ thì có thể đổ ụp xuống đầu bất cứ lúc nào. Họ đều là những người phải bán sức lấy tiền, người lúc nào cũng nhể nhại mồ hôi, mà mưa rào phương Bắc lại đến nhanh, lại lạnh như thế, có khi giáng cả mưa đá xuống, hạt to bằng hạt đào, lạnh buốt, đúng vào lúc lỗ chân lông họ đang nở ra, ít nhất cũng lên cơn sốt một hai ngày nằm liệt giường. Trẻ con ốm, không có tiền mua thuốc; một trận mưa có làm ngô lúa ngoài đồng lớn thêm lên, nhưng cũng giết chết không ít trẻ nghèo ở thành thị. Người lớn ốm lại càng nguy. Sau cơn mưa, các nhà thơ ngâm vịnh hạt ngọc trên lá sen, cầu vồng ngũ sắc, nhưng nhà nghèo mà người lớn ốm, thì cả bầu đoàn nhịn đói. Một trận mưa có thể tăng thêm vài gái đi, vài tay trộm cắp, vài người phải vào tù. Bố mẹ ốm, con cái đi làm đi, đi ăn cắp còn hơn là chịu đói. Mưa rơi xuống cho người giàu, cho người nghèo, cho người có nghĩa cũng như cho kẻ bất lương. Nhưng thực ra, mưa không công bằng, bởi vì mưa rơi xuống một thế giới không công bằng!

Tường ốm! Trong xóm nghèo này, người ốm đâu có phải chỉ một mình anh ta.



19

Tường nằm thiếp đi hai ngày đêm. Á Nữu sợ cuồng lên, đến miếu Cô, xin thuốc thánh; một ít tàn hương, thêm một nắm lá cây. Uống vào, quả thực anh ta có mở mắt ra nhìn một tí, nhưng lại nhắm mắt lại, thiếp đi, miệng ú ớ, không biết nói những gì. Chích hai phát, uống một chén thuốc, anh ta tỉnh lại, vừa mở mắt hỏi ngay:

– Còn mưa không?

Chén thuốc thứ hai sắc xong, anh ta không chịu uống. Vừa tiếc của lại vừa giận thân, vô tích sự đến thế là cùng, bị một trận mưa mà đã ốm! Để chứng tỏ không cần phải uống cái bát nước đắng ngắt kia, anh ta định mặc quần áo xuống giường. Nhưng vừa ngồi lên, anh ta thấy đầu nặng như đá, cổ nhũn ra, mắt nẩy đom đóm. Anh ta lại nằm vật xuống. Không nói năng lời thôi gì nữa, anh ta đỡ lấy bát thuốc uống hết.

Anh ta nằm mất mười hôm. Càng nằm càng thấy lo. Có khi, anh ta ôm lấy gối, chảy nước mắt khóc thầm. Anh ta biết, không đi làm được, thì tiêu pha

phải trông cả vào tiền vợ. Bao giờ tiền ả cạn, thì sẽ trông cả vào cái xe của anh ta. Với cái tính hay tiêu hay ăn của ả, anh ta đã không cung đốn nổi gì, huống chi bây giờ lại còn bụng mang dạ chửa. Càng không dậy được lại càng hay nghĩ quẩn nghĩ quanh, càng nghĩ quẩn nghĩ quanh lại càng lo càng buồn, và bệnh càng lâu khỏi.

Vừa nhúc nhích được, anh ta đã hỏi ngay:

– Xe đâu?

– Đừng lo! Cho nhà anh Tứ thuê rồi!

– À!...

Anh ta không yên tâm được, chỉ sợ Tứ, hay người nào đó kéo hỏng mất xe. Nhưng mình đã không dậy được, tất nhiên phải cho thuê, chẳng lẽ để không hay sao? Anh ta tính thâm trong bụng: kéo lấy, mỗi ngày ít nhiều trung bình cũng được năm sáu hào; tiền nhà, tiền gạo củi, dầu đèn trà nước... hăng không kể quần áo may mặc, thì cũng tạm đủ hai người chi dùng, và phải tần tặn lắm, chứ không thể hoang toàng như ả Niu được. Bây giờ, mỗi ngày chỉ thu được có hơn một hào thuế, thế là phải phụ hẳn vào đống bốn năm hào, đấy là chưa kể tiền thuốc men. Giả dụ cứ ốm mãi không khỏi, thì làm thế nào? Đúng thật, chẳng trách bác hai Cường uống rượu, chẳng trách mấy ông bạn khỗ sở kia làm đủ mọi trò bậy bạ. Con đường kéo xe là con đường cùng! Bất kể anh chăm chỉ, cố gắng đến

thế nào chẳng nữa, anh cũng chớ nên lấy vợ, chớ có ốm đau, đừng để xảy ra việc gì sơ suất! Hừ! Anh ta nghĩ đến chiếc xe đầu tiên, nghĩ đến số tiền để dành dụm được! Nào có dám trêu ghẹo ai! Chẳng ốm đau, mà cũng chẳng vì lấy vợ đẻ con, vô duyên vô cớ mất toi! Tốt cũng chẳng được, mà xấu cũng chẳng xong, đi vào con đường ấy thì chỉ có chết thôi, mà bao giờ thì chết, cũng chẳng thể biết! Nghĩ đến đây, từ chỗ buồn rầu anh ta chuyển sang chán nản. Hừ! Kệ mẹ nó, không dậy được thì cứ nằm, chẳng nào cũng vậy thôi! Anh ta không nghĩ gì nữa, nằm yên lặng. Nhưng rồi anh ta lại không chịu được, muốn dậy ngay. Vẫn cứ phải lăn lung vào mà xông xáo làm ăn. Đường tuy là đường chết đấy, nhưng lòng người vẫn sống, chưa vào nằm trong quan tài thì người ta vẫn cứ hy vọng.

Nhưng anh ta không dậy được, đành than thở với vợ, nghe đến buồn bã đáng thương:

– Tôi nói cái xe ấy là của không may, đúng là không may thật!

– Cứ nằm yên mà nghĩ cho khỏe. Lúc nào cũng xe với pháo, mê xe à!

Tường làm thỉnh. Đúng! Anh ta mê xe thật! Từ khi đi kéo xe, anh ta vẫn hằng tin rằng xe là tất cả, tất nhiên...

Vừa bớt một chút, anh ta liền xuống giường nhìn vào gương. Anh ta không nhận ra mình nữa: râu ria

tua tủa, thái dương và má hóp lại, mắt như hai cái lỗ đáo, cái sọ thì nhăn nheo! Trong nhà nóng hầm hập, anh ta không dám ra sân, một là chân cứ nhũn ra như không có xương, hai là sợ người ta nhìn thấy. Không riêng gì xóm này, ngay các bến xe ở phía tây phía đông thành phố, ai chẳng biết Tường là anh chàng khỏe nhất. Tường không thể như con ma bệnh thế này được! Anh ta không dám ra ngoài, cứ ở lì trong nhà, lại càng bứt rứt khó chịu. Anh ta giận không thể ăn cho nó béo khỏe ngay được để còn đi kéo xe. Nhưng bệnh là cái giống hại người, nó đến nó đi, toàn tự ý nó cả!

Nghỉ mất một tháng, chẳng kể đã khỏe hẳn hay chưa, Tường liền đi kéo xe. Anh ta đội sụp mũ xuống, để không ai nhận ra, để có thể chạy chậm chậm một tí. Đã là “Tường” thì phải chạy “nhanh”, hai chuyện đó vốn vẫn gắn liền với nhau. Anh ta không thể khệ nệ bước bước một, sợ người ta khinh.

Người vốn chưa khỏe hẳn, lại tham kéo nhiều, để bù vào những ngày ốm nghỉ, nên kéo được mấy ngày, anh ta lại ốm. Lần này lại thêm chóng đi lỵ. Anh ta đã vội bóp mũi bóp miệng kiêng khem, nhưng không ăn thua, da bụng dính tới lưng, ấy thế mà vẫn cứ đi ngoài. Chật vật lắm mới khỏi được chóng đi lỵ, ngồi xuống đứng lên cũng thấy khó khăn, nói gì đến chạy. Lại phải nghỉ thêm một tháng nữa. Anh ta biết, tiền ả Niu sắp cạn rồi!

Ngày rằm tháng tám, anh ta quyết kéo xe ra. Lần này mà ốm nữa thì cứ đâm đầu xuống sông! Anh ta thể như thế.

Trận ốm đầu, Phúc thường sang thăm hỏi. Tường về mặt nói năng vốn không địch lại được với ả Niu, trong lòng lại buồn bực, nên thỉnh thoảng cũng chuyện trò với Phúc đôi câu. Việc đó làm ả Niu khó chịu. Tường đi vắng, Phúc là bạn thân, Tường ở nhà, theo ả nghĩ, thì Phúc “sang để gạ gẫm! Đồ vô liêm sỉ!”. ả bắt Phúc phải trả số tiền còn nợ, và “cấm cửa, từ nay không cho sang nữa!”.

Phúc mất chỗ tiếp khách, mà ở nhà mình thì hư nát, chiếc chiếu đem che chỗ tường đổ rồi, không biết làm thế nào, đành phải đến nhờ “*Công ty vận tải*”²⁸ vậy. Nhưng, ở đó người ta không cần đến cái thứ như Phúc. Người ta chuyên giới thiệu “*nữ sinh*” và “*con nhà khuê các*” cơ, cao giá, tiền nhiều, chứ không cần đến hạng tầm thường. Phúc không còn cách nào nữa. Định đến nhà chứa vậy, đã không có vốn, thì tất không làm ăn riêng được, phải nhập vào bọn này. Nhưng mà như vậy sẽ mất hết tự do, ai trông nom săn sóc hai đứa em cho? Chết là chuyện đơn giản dễ dàng hơn cả, sống thì bây giờ cũng như ở trong địa ngục rồi. Phúc không sợ chết, nhưng cô ta cũng không muốn chết, bởi vì cô ta muốn làm cái gì đúng cảm hơn, to tát hơn. Cô ta muốn nuôi hai em cho tới khi chúng nó kiếm được ra tiền rồi

²⁸ Tiếng lóng, chỉ nơi dặt khách cho gái làm tiền bí mật (*nguyên chú*).

chết cũng yên lòng. Đàng nào sớm muộn rồi cũng chết, nhưng chết một mình mình để cứu lấy hai em! Nghĩ đi nghĩ lại, cô ta chỉ còn một con đường là: lấy rẻ vậy! Thằng nào đã chui vào cái gian nhà của cô ta, tất nhiên không chịu bỏ nhiều tiền. Thôi ai cũng được miễn có tiền là được rồi! Như thế đỡ phải áo quần, phẩn sấp, người tìm đến, chắc cũng chẳng đòi hỏi phải trang điểm kiểu cách gì. Họ mua vui theo túi tiền của họ, cô ta còn trẻ lắm, thế là tốt rồi!

Bụng ả Niu ngày một to, đã thấy vương, đi lên phố mua gì cũng ngại lỡ trượt chân ngã, mà Tường thì đi làm suốt ngày, Phúc lại không chịu sang nữa, ả thấy buồn như con chó xích ở trong nhà. Càng buồn càng giận. ả cho Phúc lấy giảm giá xuống như vậy là cố ý trêu tức ả. ả đời nào lại chịu cái nước ỨC ẤY, gặp Phúc là ả nói cạnh nói khỏe, làm họ xấu hổ và Phúc cũng khó chịu, Phúc vắng khách, ả thú lắm.

Phúc biết cứ thế này mãi, người trong xóm sẽ về hòa với ả Niu, đuổi cô ta đi mất. Cô ta sợ, chứ không dám giận. Người ta đến cái bước như cô ta thì biết để chuyện thực tế lên trên giận dữ và nước mắt. Cô ta dắt đứa em nhỏ sang, quỳ xuống trước mặt ả Niu, không nói gì cả, nhưng vẻ mặt tỏ rõ rằng: nếu quỳ thế này mà còn chưa xong chuyện, thì cô ta không sợ chết đâu, và ai đó cũng đừng hòng sống! Hy sinh to lớn nhất là chịu nhẫn nhục. Và chịu nhẫn nhục có ý nghĩa nhất tức là sửa soạn để chống lại.

Ả Niu không biết xử trí ra sao. Càng nghĩ càng thấy bức, nhưng bụng to thế này, ả không dám đánh nhau. Đã không dám giở võ thì tất nhiên phải tìm đường lui: ả nói là ả chỉ định đùa Phúc thôi, ai ngờ đùa thành thật. Phúc lại cứ hay để tâm. Phân bua như vậy rồi, hai người lại thân thiết với nhau. Ả lại giúp đỡ Phúc mọi việc như cũ.

Từ buổi ra xe vào giữa tháng tám, Tường hết sức cẩn thận, hai trận ốm đã cho anh biết rằng, anh ta chẳng phải là xương đồng da sắt. Anh ta không phải đã hết ý muốn kiếm được nhiều tiền. Nhưng bao lần thất bại, anh ta rõ sức con người thật là mong manh lắm. Lúc cần thì, đã là tài trai, đành phải cẩn rắng mà chịu, nhưng cẩn rắng cũng đến bật máu mồm! Bệnh lý tuy đã khỏi nhưng bụng vẫn thường đau quặn lên. Có lúc chân chạy lên deo deo, anh ta định dấn nhanh thêm, thì bụng đau thối, anh ta phải chạy chậm chậm, có khi thậm chí phải dừng lại, cúi đầu, co bụng, cố nhịn đau. Kéo riêng thì còn dễ, nhưng những khi cùng kéo với mấy xe khác nữa, anh ta bỗng dưng ghìim bước lại, thì mọi người ngơ ngác, và bản thân anh ta cũng ngưỡng ngưỡng khó chịu. Mới hơn hai mươi tuổi đầu mà đã giở trò cười ra như vậy, đến ba bốn mươi thì sẽ ra sao? Nghĩ thế, anh ta toát cả mồ hôi.

Để giữ sức, anh ta rất muốn đi kéo xe tháng, dù thế nào thì cũng có lúc ngơi việc mà thở, lúc chạy phải nhanh, nhưng nghĩ lại lâu, nhàn hơn kéo lẻ

nhiều. Nhưng anh ta biết, ả Niu không đời nào lại chịu buông anh ta ra. Lấy vợ vốn đã mất, tự do, mà ả Niu thì lại ghê gớm đặc biệt. Cái số không ra gì, anh ta đành chịu vậy.

Nửa năm nay, từ thu sang đông, anh ta cứ vừa phải giữ gìn, vừa phải cố gắng, không dám cầu thả, mà cũng không dám lười biếng. Lòng buồn bực, cứ cúi đầu xuống, hùng hục mà làm. Đầu cúi xuống, chứ không còn đáng có vẻ thanh thoi, mặc kệ đời như trước kia nữa. Còn về chuyện kiếm thì anh ta vẫn kiếm được nhiều hơn các anh em phu xe khác. Trừ những lúc bụng đau thất lại, còn thì anh ta không chịu bỏ một món khách nào. Kéo được là kéo, anh ta không mắc phải những thói xấu như cố ý bắt chẹt khách, giữa đường cho xe “tùng bề” hoặc cứ đợi khách sộp mới kéo. Anh ta không học những thói đó. Chính vì thế mà anh ta cũng mệt thêm, nhưng ngày nào cũng kiếm được nhiều tiền. Anh ta không ưa những trò xảo quyệt gian dối, cho nên cũng tránh được các chuyện phiền phức.

Nhưng tiền vẫn ít quá, không sao thừa được đồng nào. Tay trái kiếm ra, tay phải tiêu đi, ngày nào hết nhẵn ngày ấy. Anh ta không dám nghĩ đến chuyện để dành dụm nữa. Anh ta biết dành dụm đấy, nhưng ả Niu thì lại hay tiêu. ả sẽ ở cứ vào đầu tháng hai sang năm. Từ đầu mùa đông, bụng ả to lắm rồi, vả lại ả cũng thường cố ý phưỡn ra, cho ra vẻ quan trọng. Nhìn bụng, ả chẳng buồn bước xuống khỏi giường.

Cơm nước toàn nhờ Phúc thổi giùm, tất nhiên chỗ ăn thừa thì để Phúc mang về cho các em. Vì thế mà cũng phí phạm mất nhiều. Ngoài cơm nước ra, ả lại còn phải ăn vặt nữa. Bụng càng to, ả lại thấy càng cần phải ăn nhiều thức ăn ngon bổ, không thể bóp mồm bóp miệng được, không những ả luôn luôn mua các thứ quà vặt mà lại còn dặn Tường hàng ngày mua về thêm cho ít nữa. Tường kiếm được bao nhiêu, ả tiêu hết bấy nhiêu. Nhu cầu của ả tăng lên giảm xuống theo số tiền Tường kiếm được hàng ngày. Tường không thể nói gì được cả. Khi anh ta ốm, thì tiêu tiền của ả, nay phải tiêu cho ả, cũng là chuyện vay trả, trả vay, Tường mà chật một một chút là ả ốm liền:

– Có chữa cũng như ốm chín tháng mười ngày! Anh thì biết gì?

Ả nói vậy, cũng là nói thực tình.

Tết đến, ả lại giở ra nhiều trò hơn. ả không đi ra khỏi nhà được, liền sai Phúc đi đi về về mua hết thức này đến thức nọ. ả bực ả không đi đâu được, lại giữ gìn nên không dám đi liễu, mà không đi thì lại càng buồn tợn, cho nên đành phải mua nhiều thứ về, nhìn cho sướng mắt một chút. ả nói xung xung lên rằng, không phải mua cho mình ả đâu, mà chính là vì thương Tường:

– Anh khó nhọc quanh năm, lại không dám ăn một miếng à? Từ khi ốm đến nay, anh chưa khỏe hẳn

lên đầu. Đến tết cũng chẳng dám ăn uống, định để cho gầy nhom đi hay sao?

Tường không tiện nói lại, mà cũng chẳng biết nói lại thế nào. Đến khi làm xong mọi thứ, ả ăn là ăn hai ba bát loa liên. Ăn xong, vì không vận động, ả thấy tức bụng, liền ôm bụng mà kêu là cái thai nó động.

Sau tết dù thế nào ả cũng không cho Tường đi đâu ban đêm. ả không biết sẽ sổ dạ lúc nào. ả sợ. Lúc bấy giờ, ả mới nghĩ đến số tuổi thật của mình. Tuy không chịu nói ra cho rõ ràng, nhưng ả cũng không nói là: *"Tuổi tôi chỉ hơn tuổi anh một tí thôi"*. ả cứ làm rối lên, khiến Tường cũng dăm hoảng. Sinh con đẻ cái là làm cho đời mình dài thêm ra. Tường bất giác cũng thấy vui vui trong bụng. Dù không muốn có con tí nào cả, nhưng mai đây được gọi là *"bố"* – một tiếng đơn giản nhất mà cũng huyền diệu nhất – thì người sắt đá đến đâu cũng phải nhắm mắt lại mà suy nghĩ, và nghĩ thế nào thì nghĩ tiếng ấy cũng vẫn làm mình xúc động! Tường vốn vụng về, cục mịch, anh ta cho rằng mình chẳng có gì tài giỏi hoặc đáng tự hào, thế mà nay nghĩ đến cái tiếng kỳ diệu đó, tự nhiên anh ta thấy mình tôn quý hẳn lên, tưởng như không có gì cũng chẳng sao, miễn là có đứa con, thế là cuộc đời cũng không phải chết là hết. Cho nên anh ta cũng muốn hết lòng hết sức cung phụng ả Niu. Bây giờ không phải chỉ có một mạng ở nơi người ả. Dù ả đáng ghét thật đấy, nhưng trong việc này công lao của ả rất lớn. Có điều, dù công lao ả lớn bao nhiêu,

nhưng ả cứ làm rối lên như vậy, thì thật chẳng ai chịu được. ả mỗi lúc một phách, cứ làm loạn lên, mà Tường phải đi làm ăn, cần được nghỉ ngơi, tiền có thể tiêu bừa, nhưng anh ta đêm đêm nhất định phải được ngủ một giấc cho yên tĩnh, để sáng mai còn đủ sức mà kéo chửi. Tồi ả không cho anh ta đi đâu, mà cũng chẳng cho anh ta ngủ yên. Anh ta chẳng định tâm làm gì được cả, suốt ngày cứ choáng váng, không biết làm thế nào. Lúc thì mừng, lúc thì lo, lúc thì bực; lúc thì vừa mừng vừa ngượng ngịu, lúc thì lo lắng rồi lại tự an ủi, lúc thì bực dọc nhưng rồi lại vui mừng. Tình cảm của anh ta cứ rối lên như thế khiến cho con người đơn giản như anh ta mà cũng phải rối lên, không biết đâu mà lần nữa. Có bạn, anh ta kéo khách quá chỗ phải đỗ, không nhớ người ta thuê đến đâu nữa.

Vào khoảng trước tết rước đèn²⁹, ả Nữu bảo Tường đi mời bà mẹ, ả thấy không chịu nổi nữa. Bà mẹ đến, nói là chưa đến ngày, và nói cho ả biết những triệu chứng lúc sắp sinh. ả đổ chịu đựng được hai ngày, lại làm rối cả lên, lại mời bà mẹ đến, nhưng vẫn chưa đến ngày. ả khóc, la, đòi tự tử, chứ đau quá không sao chịu được. Tường không biết làm thế nào. Để tỏ mình hết lòng với vợ, anh ta đành nghe theo lời ả Nữu, tạm thời không đi kéo xe nữa.

Cứ thế cho đến cuối tháng, ngay cả Tường cũng biết là đã đến ngày rồi. Thấy ả khác lắm. Bà mẹ lại

²⁹ Rằm tháng giêng (ND).

đến, ra hiệu cho Tường biết, không khéo dễ khó đấy! Với cái tuổi của ả, lại chứa con so, hàng ngày thiếu vận động, mà th... thì rất to, vì khi chứa ăn nhiều thứ béo bổ, mấy cái đó gộp lại, khó mà mong dễ dễ dàng được. Huống chi từ khi chứa đến nay không hề đi khám, hướng nằm của cái thai không được xoay lại cho đúng chiều. Bà mụ không biết cách làm, nhưng cũng biết nói: e nó ra ngang ra ngược mất!

Trong cái xóm này, người ta đã quen nói đến chuyện con sinh ra thì mẹ chết. Nhưng trường hợp của ả Niu lại nguy hiểm hơn nhiều. Các chị em khác, cho mãi tới khi sắp sinh nở vẫn cứ còn phải làm lụng, lại ăn chẳng đủ no, cái thai không to được, chờ nên đẻ dễ. Nguy hiểm đối với họ là do thiếu thốn ốm đau sau khi đẻ dậy, còn ả Niu lại trái ngược hẳn. Chỗ ả hơn người lại chính là tai vạ của ả.

Tường, Phúc, bà mụ thay nhau săn sóc trông coi bên cạnh ả ba ngày ba đêm liền. ả khản hết thần hết phật, thê đủ mọi điều, nhưng chẳng ăn thua. Cuối cùng ả khản cả tiếng, chỉ khẽ kêu: “*Mẹ ơi!... Mẹ ơi!...*”. Bà mụ đành chịu, mọi người cũng chả có cách gì, cuối cùng chính ả nảy ra một ý, bảo Tường đến mời mụ hai Trần ở ngoài cửa Đức Thắng – cầu tiên éch. Mụ ta đòi đủ năm đồng mới đến. ả lấy ra bảy tám đồng bạc cuối cùng:

– Anh Tường, đi nhanh lên tí! Phải tiêu tiền cũng đừng lo. Qua khỏi, tôi sẽ ăn ở tử tế với anh! Đi nhanh lên!

Mụ hai Trần đem “con đồng” theo – một gã đàn ông trạc bốn mươi, mặt vàng như nghệ – đến vào lúc lên đèn. Mụ ta thì trạc năm mươi, mặc áo lụa xang, đầu quấn khăn đỏ, và đeo một lô toàn những đồ vàng giả. Mụ ta mắt long lanh, vào cửa là rửa tay, thắp hương, cúi đầu khấn khứa, rồi ngồi xuống sau hương án, nhìn đăm đăm vào mấy nén hương. Bỗng cả người mụ ta lão đảo, mụ ta rùng mình một cái thật mạnh, đầu cúi xuống, mắt nhắm lại, hồi lâu không động dậy. Trong nhà đánh rơi cái kim cũng nghe thấy. Á Nữu nghiến răng chịu đau không dám kêu. Mụ hai Trần thông thả ngẩng đầu lên, gật gù nhìn mọi người. “Con đồng” khẽ kéo tay Tường, bảo anh ta lấy đi. Tường cũng chẳng hiểu mình có tin thần tin thánh gì hay không, chỉ biết có lấy mấy cái thì cũng chẳng biết lấy mấy cái rồi. Đứng lên, anh ta nhìn đôi mắt của “thần” loang loáng nhìn nén hương cháy đỏ, ngửi khói hương thơm phức, trong lòng anh ta hy vọng mơ hồ rằng làm như thế may ra được việc cũng nên. Anh ta thử người ra, hai lòng bàn tay nhom nhớp mồ hôi lạnh.

“Tiên ếch” nói giọng già nua, yếu ớt, lại hơi lấp:

– Không... không... sao....! Vẽ cho... vẽ cho đạo bùa “thôi sinh”³⁰.

³⁰ Lá bùa giúp cho dễ nhanh (ND).

“Con đồng” vội vàng đưa một mảnh giấy vàng đến. “Tiên” lấy tay vớt vớt mấy cái trên nén hương, rồi chấm nước bọt vẽ lung tung lên tờ giấy.

Vẽ xong, lại lấp đắp mấy câu, đại khái là, ả Niu kiếp trước có nợ với đứa bé này, nay phải chịu đau đớn một chút. Tường đầu óc choáng váng, chẳng nghe rõ lắm, nhưng cũng hơi sợ.

Mụ hai Trần ngáp một cái rở dài, nhắm tít mắt, thờ người ra một hồi, rồi mở choàng mắt ra, như sự tỉnh sau một giấc mộng say sưa, “con đồng” vội vã nhắc lại lời “Tiên” truyền. Mụ ta hình như có ý vui vẻ lắm:

– Hôm nay Ngài vui vẻ nên phán nhiều!

Sau đó, mụ ta chỉ cho Tường cách cho ả Niu uống đạo bùa đó, lại cho thêm một viên thuốc nữa, uống với bùa.

Mụ hai Trần sốt sắng, muốn chờ xem đạo bùa linh ứng thế nào, cho nên Tường lại phải lo dọn cơm mời mụ ở lại. Anh ta nhờ Phúc giúp hộ việc ấy. Phúc mua cháo vừng, bánh nướng, chân giò hầm về. Mụ ta còn phàn nàn không có rượu.

Mụ hai Trần và “con đồng” chén gọn mọi thứ. ả Niu uống xong đạo bùa rồi nhưng vẫn lăn lộn kêu đau, cứ thế hơn một giờ, mắt ả từ từ trợn ngược lên. Mụ hai Trần lại có cách khác, bình tĩnh bắt Tường quỳ châu hương. Tường chẳng tin mấy ở mụ ta nữa, nhưng đã mất năm đồng, thì đành phải thử hết mọi phép

của mẹ ta vậy. Không nên được cho mẹ ta một trận, thì đành phải theo ý mẹ mà làm, may ra có linh nghiệm gì chăng!

Quỳ thẳng người trước nén hương, anh ta chẳng biết cầu khẩn thần thánh nào, nhưng trong lòng thì thành khẩn lắm. Nhìn khói hương nghi ngút, anh ta tưởng tượng trên nén hương cháy đỏ có những hình ảnh gì đó, miệng khấn lâm râm. Nén hương ngắn dần, trên chỗ cháy đã có tàn đen. Tường cúi đầu, tay chống đất, mơ mơ màng màng, thấy buồn ngủ. Ba ngày nay anh ta chưa được ngủ giấc nào đến nơi đến chốn. Cổ bỗng mềm ra, anh ta giật mình một cái, nhìn lại thì thấy bó hương đã cháy gần hết. Chẳng cần biết là đã đến lúc đứng lên hay chưa, anh ta tay chống đất, từ từ nhồm dậy, chân đã tê tê.

Mẹ hai Trần và “con đồng” đã chuẩn lúc nào rồi!

Chẳng còn nghĩ đến chuyện giận mẹ, anh ta chạy vội sang nhìn ả Nữu, biết cơ sự hỏng đến nơi rồi. À lúc này chỉ còn há miệng nuốt hơi, không nói ra tiếng nữa. Bà mẹ khuyên anh ta nên đưa đến nhà thương, bà ta hết cách rồi.

Tường bỗng thấy lòng mình đau như xé, anh ta òa lên khóc. Phúc cũng chảy nước mắt, nhưng cô ta là người đến giúp việc vất nên cũng còn tỉnh táo hơn:

– Anh Tường ạ. Đừng khóc vội! Tôi đến nhà thương hỏi xem sao đã nhé!

Chẳng kể Tường có nghe thấy hay không, cô ta lau nước mắt, rồi chạy đi.

Độ một tiếng đồng hồ, Phúc chạy về, thở không ra hơi. Vịn vào bàn, cô ta ho khan một hồi rồi mới nói ra tiếng, đốc tờ đến một lượt phải trả mười đồng, chỉ khám thôi, không đỡ đẻ. Đỡ đẻ thì hai mươi đồng. Nếu là đẻ khó, thì phải đưa đến nhà thương, mất đến mấy chục đồng!

– Anh Tường! Làm thế nào bây giờ?

Tường chịu không có cách gì cả, đành chờ chết thì chết vậy!

Ngu xuẩn và tàn nhẫn, chỉ mới là một vài hiện tượng ở chốn này. Nhưng vì sao mà ngu xuẩn và tàn nhẫn thì chính lại do những nguyên nhân khác.

Mười hai giờ đêm, ả Nữu tắt thở, mang theo đứa bé trong bụng.



20

*T*e của Tường bán rồi!

Tiền như nước chảy, anh ta ngăn lại không được; người chết nhất định phải khiêng đi, đến ngay cái giấy khai tử cũng phải mất đến tiền.

Như người ngớ ngẩn, Tường đứng nhìn mọi người bận rộn rít, anh ta chỉ có việc đưa tiền ra. Mắt đỏ đến phát sợ, dĩ bám vàng khè, tai ù đặc, anh ta thần thờ đi ra đi vào theo mọi người, nhưng chẳng biết làm gì.

Theo sau quan tài ra ngoại ô, anh ta lúc ấy mới hơi tỉnh táo một chút, nhưng trong óc vẫn chẳng suy nghĩ gì cả. Không ai đi đưa đám, ngoài Tường ra, chỉ có hai đứa em của Phúc, mỗi đứa cầm một tập giấy tiền mỏng dính, rắc cho bọn ma chặn đường.

Thần thờ, Tường nhìn phu đòn lấp đất lên quan tài. Anh ta không khóc. Lòng anh ta nóng như lửa đốt, khô cả nước mắt, muốn khóc cũng không khóc được. Anh ta chờ người ra đứng nhìn, tuồng như chẳng

biết người ta đang làm gì thế kia. Cho mãi tới khi người “đầu nậu” đến báo công việc đã xong, anh ta mới nghĩ đến chuyện về nhà.

Nhà cửa Phúc đã dọn gọn ghẽ. Về tới nơi, anh ta nằm lăn ngay ra giường, mệt quá không nhúc nhích được nữa. Mắt khô, không nhắm lại được. Anh ta thần thờ nhìn vết nước mưa dột ố trên trần. Không ngủ được thì ngồi dậy. Vừa đưa mắt nhìn quanh nhà, anh ta không dám nhìn nữa, chẳng biết nên ra sao. Anh ta đi mua bao thuốc “*Sư tử vàng*”. Về nhà, ngồi trên giường, châm một điếu, nhưng không hút, anh ta dăm dăm nhìn làn khói xanh đầu điếu thuốc, bỗng nước mắt trào ra. Anh ta không chỉ nghĩ đến ả Niu, mà nghĩ đến tất cả mọi chuyện. Lên thành phố mấy năm, đây là kết quả bao nhiêu công lao khó nhọc. Chỉ có thể này thôi, chỉ có thể này thôi! Anh ta không khóc ra tiếng nữa! Xe, xe! Sống vào cái xe! Mua, rồi mất. Rồi lại mua, lại bán đi! Chập chà chập chờn, y như cái bóng ma, không sao nắm được, mà lại chịu bao nhiêu đau khổ uất ức! Hết sạch, không còn gì nữa! Đến cả vợ cũng chẳng còn! ả Niu kể ra cũng ghê gớm thật đấy nhưng không có ả anh ta làm gì có vợ! Nhìn đồ đạc trong nhà, đều là của ả cả, thế mà ả thì nay nằm sâu dưới đất ngoại ô rồi! Càng nghĩ, càng giận. Nước mắt bị cơn giận chặn lại, anh ta rít mạnh điếu thuốc. Càng không thích hút thuốc lại càng muốn hút, hút hết điếu thuốc, anh ta hai tay ôm lấy đầu, trong

mồm, trong lòng thấy cay xè. Anh ta muốn gào lên một hồi, gào cho bật máu ra, thế mới hả!

Không biết chừng bao lâu, Phúc bước vào, đứng ở gian ngoài, trước cái bàn bếp, thần thờ nhìn anh ta.

Tường bỗng ngừng đầu lên, thấy Phúc, nước mắt liền trào ra. Lúc này, dù thấy con chó anh ta cũng khóc được. Lòng đầy buồn tủi, thấy bất cứ sinh vật nào đó, anh ta cũng muốn bộc lộ ra. Anh ta định nói chuyện với Phúc, muốn cô ta thương hại. Định nói thật nhiều nhưng chẳng mở miệng ra nói được.

Phúc bước lại gần:

– Anh Tường, tôi thu dọn các thứ rồi đấy!

Anh ta gật đầu, chẳng nghĩ đến chuyện cảm ơn. Trong lúc đau buồn mà còn xã giao thì thật là giả dối.

– Anh định thế nào?

– Hả!...

Dường như anh ta nghe chưa rõ, nhưng liền sau đó, anh ta đã hiểu. Anh ta lắc đầu, chưa kịp nghĩ thế nào cả.

Phúc bước gần lại thêm mấy bước, mặt bỗng đỏ bừng lên, môi hé mở, để lộ mấy chiếc răng trắng bóng, nhưng không nói được gì. Cuộc sống của cô ta khiến cô ta đành phải quên xấu hổ, nhưng khi gặp chuyện đứng đắn, cô ta vẫn là một người con gái chân thành, cô ta vẫn ngượng ngùng, e lệ.

– Tôi nghĩ...

Phúc chỉ nói được có thế. Cô ta định nói rất nhiều, nhưng mặt đỏ bừng, cô ta bỗng quên sạch, không nhớ gì nữa.

Ở thế gian này vốn có ít những câu nói chân thành. Cô ta đỏ mặt lên như thế cũng bằng nói bao nhiêu lời rồi. Ngay đến cả Tường cũng hiểu ý của Phúc. Theo con mắt anh ta, Phúc là một người đẹp nhất, đẹp từ bên trong đẹp ra; dù người cô ta đầy sứt sẹo, da thịt có rách nát, đối với anh ta, Phúc vẫn cứ đẹp như thường, Phúc đẹp, Phúc trẻ, Phúc chịu khó, Phúc chăm chỉ, tần tiện. Giả dụ Tường lấy vợ thì Phúc chính là người vợ lý tưởng. Anh ta không muốn lấy vợ ngay. Bây giờ anh ta không nghĩ được đến chuyện gì cả, nhưng cô ta đã muốn như vậy, và cuộc sống lại thúc bách cô ta không thể không đưa câu chuyện ra, anh ta hầu như không có cách nào từ chối cả. Cô ta tốt như thế, lại giúp đỡ anh ta bao nhiêu công việc, anh ta chỉ có thể bằng lòng. Anh ta rất muốn ôm lấy Phúc, khóc òa lên một hồi, khóc cho tiêu tan hết mọi đau buồn uất ức, rồi sau đó cùng cô ta chịu thương chịu khó mà lần hồi làm ăn. Nhìn Phúc, anh ta thấy mọi niềm vui mà người đàn ông có thể và đáng được hưởng ở người đàn bà. Anh ta vốn không ưa nói nhiều. Thấy Phúc, anh ta muốn gặp đâu nói đó. Nói mà có Phúc nghe thì những lời nói của anh ta mới không mất đi. Phúc gật đầu, hay Phúc

cười cũng đều là những cách trả lời hay nhất, khiến anh ta cảm thấy như thế mới là vợ chồng thật sự.

Giữa lúc ấy, đứa em út Phúc bước vào:

– Chị ơi! Bố về rồi.

Phúc nhú mày. Cô ta vừa đẩy cửa ra, thì bác hai Cường đã vào tới sân.

– Mày sang nhà thằng Tường làm gì thế hở?

Bác ta mắt tròn tròn, chân nam đá chân chiêu, xô tới:

– Mày làm đi thế chưa đủ sao, lại còn cho thằng Tường nó chơi không nữa à? Hở đồ mặt dày?

Nghe nói đến tên mình, Tường vội chạy ra, đứng phía sau Phúc.

– Đây thằng Tường kia! – Bác hai Cường đang loạng choạng, định đứng thẳng lên, nhưng đứng cũng không vững – Tường! Mày có còn là người nữa không hở! Mày đi ăn ghẹ chứ, sao lại chỉ bám lấy nó? Thế là làm sao hở?

Tường không muốn chấp người say rượu, nhưng bao nhiêu nổi uất ức chất chứa trong lòng khiến anh ta không thể kìm được cơn giận. Anh ta bước lên một bước, bốn mắt đỏ ngầu nhìn nhau, như chạm nhau trong không khí, tóe lửa. Tường nắm chặt lấy vai bác hai Cường, lồi như lồi một đứa bé, quảng ra xa.

Bị lương tâm dày vò, lại uống rượu vào, bác ta trở lên ngang ngược. Cái say của bác hai Cường ít nhiều có phần giả vờ. Ngã vật một cái như thế, bác ta tỉnh đến một nửa. Bác ta định đánh lại, nhưng biết mình không phải đối thủ của Tường. Có điều cứ thế mà ngoan ngoãn rút lui cũng lại không ra gì, bác ta ngồi xếp trên mặt đất, không muốn đứng lên, mà cũng chẳng tiện ngồi thế mãi. Lòng dạ rối lên, bác ta nói bừa một câu:

– Tao dạy con gái tao, việc gì đến mày? Mày đánh tao à? Con bà mày chứ! Mặt mày lại xứng à?

Tường không đáp, chỉ lẳng lặng đợi hai Cường xông tới.

Phúc nuốt nước mắt, chẳng biết làm thế nào. Khuyên can bố thì không ăn thua, mà nhìn Tường đánh bố cũng chẳng yên lòng. Cô ta lần khắp mọi nơi trên người, mới móc ra được độ mấy đồng xu, đưa cho em. Thằng bé thường ngày vốn không bao giờ dám đến gần bố, hôm nay thấy bố bị quẳng ngã sòng soài trên mặt đất, cũng mạnh bạo lên tí chút:

– Đây, bố cầm lấy, đi đi!

Bác hai Cường, mắt lừ đừ, cầm tiền, vừa đứng lên vừa lẩm bẩm:

– Hãy để bọn khốn kiếp chúng mày đấy đã! Lại dám trêu vào tay ông à? Ông cho nhát dao đi đời cả lũ!

Ra gần đến cổng rồi, bác ta còn gào lên:

– Tường! Tạm để tội mày đó đã. Rồi sẽ biết tay tao!

Bác hai Cường đi rồi, Tường và Phúc vào nhà.

– Chẳng còn cách nào nữa!

Phúc lẩm bẩm một mình. Câu đó đã nói lên mọi nỗi khổ cực của cô ta, đồng thời cũng chứa chan bao hy vọng – giả dụ Tường bằng lòng lấy cô ta, thì cô ta sẽ có cách.

Chuyện vừa rồi làm cho Tường thấy lấy Phúc sẽ lòi thối. Anh ta vẫn thích Phúc, nhưng không gánh nổi hai đứa em và ông bố nát rượu của cô ta! Anh ta không dám nghĩ rằng, ả Nữu chết đi, thì anh ta được tự do, ả Nữu cũng có những chỗ tốt, ít nhất về mặt tiền tài, cũng đã giúp đỡ anh ta rất nhiều. Anh ta cũng không dám nghĩ rằng Phúc muốn bám chặt lấy anh ta, rõ ràng cả nhà cô ta chẳng ai có thể kiếm ra được cơm mà ăn! Yêu và không yêu, người nghèo cũng phải nhìn vào túi tiền mới quyết định được. “*Nòi tình*” chỉ sanh ra ở các nhà giàu có!

Anh ta thu dọn đồ đạc.

Phúc, mặt tái nhợt, hỏi:

– Anh định dọn đi à?

– Dọn đi!

Anh ta đành phải nén lòng. Trong cái thế giới đầy rẫy bất công này, người nghèo đành phải nén lòng để giữ lấy tự do, một tí chút tự do riêng.

Liếc nhìn Tường một cái, Phúc cúi đầu đi ra. Cô ta không giận, không buồn, mà chỉ tuyệt vọng.

Đồ trang sức và mấy chiếc quần áo đẹp để một chút của ả Niu thì cho cả vào quan tài rồi. Chỉ còn lại mấy chiếc quần áo cũ rách, ít đồ gỗ, ít bát đĩa, nồi niêu. Tường chọn trong số quần áo mấy cái lành lặn hơn cả, để sang một bên, còn bao nhiêu bán tất cùng với các thứ đồ đạc khác. Anh ta gọi một tay mua đồ cũ vào, bán hơn một tiếng, lấy hơn chục bạc.

Muốn dọn đi cho nhanh, đồng thời cũng muốn bán tổng bán tháo những thứ đó đi, nên anh ta cũng chẳng buồn gọi thêm mấy người đến mặc cả để được giá cao. Người mua đồ bê sạch mọi thứ đi rồi, trong nhà chỉ còn lại chăn nệm của Tường và mấy chiếc quần áo anh ta chọn ra, để trên chiếc giường không chiếu. Nhà trống không, anh ta thấy dễ chịu hơn, như đã thoát khỏi bao nhiêu ràng buộc, và từ đây anh ta có thể xa chạy cao bay. Nhưng một lát, anh ta lại nghĩ đến những đồ đạc kia. Bàn đã khiêng đi, nhưng chân bàn vẫn còn để lại mấy vết hằn vuông vuông sát bờ tường. Nhìn những dấu vết đó, anh ta nhớ đến đồ vật, nhớ đến người, từ nay không bao giờ thấy lại nữa, y như một giấc mộng đã qua. Bất kể đồ vật tốt hay xấu, bất kể người tốt hay xấu, không có các thứ ấy nữa, lòng anh ta thấy nao nao. Anh ta ngồi xuống mép giường, lại móc bao "*Sư tử vàng*" ra.

Cùng với bao thuốc lá, lại có cả một đồng hào giấy cũ. Như hữu ý mà cũng như vô tình, anh ta móc hết tiền ra. Hai hôm nay, anh ta không còn tâm trí đâu mà tính sổ lại. Bạc đồng, bạc giấy, hào giấy, xu đồng, gì cũng có cả, thành một đồng cũng không phải là nhỏ. Anh ta đếm, chưa được hai chục. Nhập với chỗ hơn chục bạc bán đồ, thế là cả gia tài anh ta vẹn vẹn có hơn ba chục bạc.

Để tiền xuống giường, anh ta nhìn trừng trừng, không hiểu nên khóc hay nên cười. Trong nhà không còn người nào, không còn đồ đạc, chỉ có anh ta với đồng tiền cũ nát bẩn thỉu kia. Thế là ra làm sao?

Anh ta thở dài. Chẳng biết làm thế nào khác, anh ta nhét tiền vào túi áo, ôm bọc chần nệm và mấy chiếc quần áo kia, đi tìm Phúc.

Không dám ngẩng lên nhìn Phúc, anh ta cúi đầu, nói một hơi:

– Mấy chiếc quần áo này, cô cầm lấy mà mặc! Tôi gửi chần nệm ở đây, tìm được hãng xe tốt, sẽ đến lấy ngay.

Phúc chẳng nói gì cả, chỉ vâng liền hai tiếng.

Tường tìm được hãng xe vừa ý, quay lại lấy chần nệm, thấy Phúc khóc mắt sưng húp lên. Anh ta không biết nói gì, nhưng rồi cũng cố nói ra được vài câu.

– Cứ chờ đấy, đợi tôi làm ăn có nơi có chốn rồi, tôi sẽ đến! Nhất định sẽ đến!

Phúc gật đầu, không nói gì cả.

Tường chỉ nghỉ có một ngày, rồi lại đi kéo xe như cũ. Anh ta không thiết tha làm ăn như trước kia nữa, nhưng cũng không cố ý chây lười, cứ đều đều bình thường như vậy, ngày này qua ngày khác. Được độ một tháng, anh ta thấy trong lòng rất bình tĩnh, má đã đầy lên được một chút, nhưng không hồng hào như dạo nọ. Da mặt vàng vàng, không ra khỏe mạnh, mà cũng không có vẻ ốm yếu. Mắt rất sáng, nhưng không biểu lộ tình ý gì, sẫm soi lúng liếng, như có vẻ tinh anh lắm, mà cũng như chẳng nhìn thấy gì cả. Anh ta rất giống cây cối sau cơn bão lớn, đứng lặng lẽ trong ánh nắng, không dám lay động. Trước đây đã ít nói, bây giờ anh ta càng ít nói hơn. Trời ấm lắm rồi, cảnh liễu đã đầy lá non. Lúc thì anh ta đỗ xe chỗ có ánh mặt trời, cúi đầu lẩm bẩm gì đó, miệng hơi động đập, lúc thì ngửa mặt lên, hứng lấy ánh nắng, ngủ một tí. Trừ khi cần thiết, anh ta không thích chuyện trò với ai.

Nhưng thuốc lá thì anh ta nghiện rồi. Cứ ngồi lên xe nghỉ, là tay liền móc thuốc lá dưới đệm ra. Châm một điếu, anh ta chậm rãi đưa mắt theo làn khói, nhìn thần thờ, rồi gật gù, dường như thấy được cái gì hay lắm.

Kéo xe, anh ta vẫn khỏe hơn các anh em khác, nhưng anh ta không chạy thực mạng nữa. Lúc rẽ, lúc lên dốc, xuống dốc, anh ta hết sức cẩn thận. Hầu như lại quá cẩn thận là đằng khác. Có người gạ anh ta kéo

thì, muốn nói khích thế nào thì nói, anh ta cứ làm thình, cúí đầu, chạy như thường lệ, chẳng nhanh cũng chẳng chậm. Hình như anh ta biết rõ nghề kéo xe là như thế nào rồi, chẳng muốn giành lấy chút vinh quang hay lời khen ngợi làm gì. Nhưng ở hãng xe, thì anh ta lại có bạn. Tuy không ưa nói nhiều, như con nhạn kia không biết hót mà lại thích bay thành đàn. Không có bạn, anh ta e không chịu nổi cảnh cô đơn, vắng vẻ. Mỗi khi mở hộp thuốc lá ra là anh ta đưa mời khắp. Có lúc, người ta thấy trong hộp còn một điếu, không tiện lấy, anh ta liền nói ngay: "*Hết lại mua*". Gặp lúc mọi người đánh bạc, anh ta cũng không tránh đi như trước, cũng sà vào xem, có khi cũng đá gà một tí, được thua không cần, tựa hồ chỉ cốt để tỏ ra rằng anh ta rất ăn ý với anh em, rất thông cảm với anh em, sau những ngày mệt nhọc thì phải vui chơi một tí. Họ uống rượu, anh cũng ngồi tiếp, uống không nhiều, nhưng thường bỏ tiền ra mua ít đồ nhắm mời mọi người. Những việc trước đây anh cho là chướng mắt, bây giờ anh ta thấy cũng hay hay. Con đường mình đi đã không ra gì, thì tất phải thừa nhận đường người khác đi là đúng! Trong anh em, ai có việc hiếu hỉ, trước đây anh ta vốn chẳng biết đến chuyện nhân tình thế cố, bây giờ cũng bỏ ra ba bốn hào, hoặc góp chung với anh em. Không những bỏ tiền ra, mà lại còn thân hành thăm viếng, đi mừng nữa kia, bởi vì anh ta biết rằng bày ra những chuyện đó không phải là để tiêu phí toi tiền, mà cốt để trợn cái tình con người ta với nhau.

Ở đó, người ta khóc thật, cười thật, chứ không phải họp nhau lại mà làm ồn ào vô vãn.

Số tiền hơn ba chục kia, anh ta không dám đụng đến. Kiếm được mảnh vải trắng, anh ta lấy cái kim to tướng lóng nga lóng ngóng khâu lại, bỏ tiền vào, rồi giấu tận bên trong áo sát với người. Không muốn tiêu, mà cũng chẳng muốn mua xe nữa, cứ giữ khư khư bên mình, phòng sẵn đấy, ai biết mai đây sẽ xảy ra chuyện gì! Ốm đau, tai họa bất kỳ lúc nào cũng phải phòng sẵn. Anh ta biết rồi, người ta không phải xương đồng da sắt.

Sắp đến tiết lập thu, anh ta lại có nơi kéo tháng. Nơi này, so với các nhà trước kia, nhàn hơn nhiều. Không như thế anh ta cũng chẳng nhận. Bây giờ anh ta đã biết chọn việc mà làm rồi. Tìm được chỗ kéo tháng vừa ý thì làm, không thì cứ kéo lê cũng chẳng sao, chứ không hăm hở như trước kia. Anh ta biết có thân thì phải giữ lấy thân, phu xe mà cứ làm thực mạng như anh ta trước kia, thì chỉ có chết thôi, chứ chẳng được cái quái gì cả. Có từng trải, cũng có khôn ngoan hơn: người ta sống chỉ một lần.

Lần này, anh ta đến làm cho một nhà ở gần cung Ứng Hòa. Chủ nhà là ông Hạ, đã ngoài năm mươi, thông sách, biết lễ nghĩa, ở nhà còn có vợ và mười hai đứa con, vừa trai vừa gái. Gần đây, ông ta lấy thêm một bà hai, không dám cho nhà biết, cho nên tìm chỗ vắng vẻ này, lập một gia đình con con ở đây.

Trong cái gia đình con con ở gần cung Ứng Hòa đó chỉ có ông Hạ và bà hai mới cưới. Ngoài ra còn một người ở gái, một anh xe – tức Tường.

Tường rất thích nơi này. Trước hết nói về nhà cửa, cả nhà có sáu buồng, ông Hạ ở ba buồng, một buồng làm bếp, còn hai buồng để người làm ở. Sân rất nhỏ, ở chân tường phía nam có một cây táo mới lớn, trên ngọn cây có hơn chục quả đang chín đỏ. Lúc quét sân, Tường hầu như chỉ đưa hai nhát chổi là đã sạch từ đầu này đến đầu kia, rất nhẹ việc. Cũng chẳng có hoa lá gì cần phải tưới bón. Anh ta rất muốn chăm sóc cây táo kia, nhưng cũng lại biết táo mọc rất bừa, cong cong queo queo, không uốn nắn được, nên cũng chẳng buồn mớ tay vào.

Những công việc khác cũng không nhiều. Ông Hạ buổi sáng đi làm, buổi chiều năm giờ mới về, Tường chỉ cần đưa đón ngày hai lần vậy thôi. Về đến nhà, ông ta không đi đâu cả, cứ y như người lánh nạn. Bà hai thì đi luôn, nhưng bao giờ cũng cứ độ ba bốn giờ là về, để cho Tường đi đón ông ta. Đón ông ta về tới nhà, thế là coi như hết việc một ngày. Và lại bà hai thường cũng chỉ hay đến chợ Đông An hoặc công viên Trung Sơn chi đó thôi, kéo đến đó, Tường tha hồ mà ngồi nghỉ. Công việc ít ỏi như thế, Tường làm như chơi cũng xong.

Ông Hạ thì rất hà tiện, một xu cũng không để lọt qua tay. Ra vào, ông ta không bao giờ nhìn ngang nhìn ngửa, hình như phố phường không có ai, mà

cũng chẳng có cái gì. Bà hai thì lại rộng rãi lắm, cứ đi mua các thức ăn luôn luôn, đồ ăn không ngon là cho người ở ngay, đồ dùng, sắp đến lúc mua cái mới, thì cái cũ cũng cho người ở, để tiện lấy tiền của ông Hạ. Cả đời, ông Hạ chỉ cúc cung tận tụy đem sức lực và tiền bạc cung phụng cho bà hai, ngoài ra, chẳng có hoạt động và thú vui nào khác. Tiền của phải nhờ tay bà hai tiêu giùm cho, chứ ông ta không biết tiêu, còn nói gì đến chuyện cho ai. Nghe nói, bà cả và mười hai đứa con thì ở Bảo Định, có khi đến bốn năm tháng liền chẳng được ông ta gửi cho đồng nào cả.

Tường ghét ông ta: suốt ngày lưng không không, cổ rút lại, ra vào cứ y như thằn lằn ăn trộm, mắt nhìn dẫu ngón chân, chẳng nói chẳng rằng, không bỏ ra một đồng xu, không cười lấy một tiếng, ngồi trên xe như con khỉ già. Đôi khi ông ta mở miệng nói vài ba câu thì đến là khó nghe, tưởng như ai cũng là đồ vứt đi, chỉ có ông ta mới là hạng quân tử thông sách vở, biết lễ nghĩa. Tường không thích những người như vậy. Nhưng anh ta coi công việc là công việc, miễn hàng tháng lĩnh được tiền, để ý làm gì đến những chuyện khác! Huống chi bà hai lại là người rất rộng rãi, đồ ăn thức dùng thường cho luôn. Thôi, cứ coi như là kéo còn khỉ chẳng biết gì đến tình người vậy.

Đối mặt với bà hai, Tường chỉ coi là một người đàn bà hay cho tiền vật thể thôi, chứ cũng chẳng ưa gì. Bà ta đẹp hơn Phúc nhiều, đầy người son phấn nước hoa,

lụa là nhiều đoạn, Phúc lại chẳng thể bì kịp. Có điều, bà ta tuy đẹp người, diện sang, nhưng chẳng hiểu sao, cứ nhìn đến bà ta là Tường lại nhớ đến ả Niu, chẳng phải những bộ quần áo kia, cũng chẳng phải dáng người, mà là cái gì gì trong kiểu cách hoặc trong vẻ mặt, Tường cũng không tìm được chữ gì thích đáng để mà hình dung, chỉ có thể dùng cái chữ mà anh nghĩ ra được, là bà ta “*cùng một nòi*” với ả Niu. Bà ta còn trẻ lắm, độ hăm hai hăm ba là nhiều nhất, nhưng trông già dặn, lọc lõi, chứ không vẻ gì là con gái mới đi lấy chồng, cũng giống như ả Niu, không hề có cái vẻ then thùng, dịu dàng của con gái. Bà ta uốn tóc, đi giày cao gót, quần áo may thật sát, nổi hết các đường cong, các góc cạnh. Ngay cả Tường cũng thấy rằng, tuy bà ta đã ăn mặc hợp thời trang như thế, nhưng chẳng có dáng dấp của các bà, mà xem ra cũng chẳng phải hạng người xuất thân từ gái đi. Tường chẳng hiểu bà ta thế nào cả. Anh ta chỉ thấy hơi đáng sợ, cũng đáng sợ như là ả Niu vậy. Có điều, ả Niu không được trẻ đẹp bằng bà ta, cho nên Tường lại càng sợ, tuồng như trên người bà ta có tất cả những cái gì ghê gớm, độc ác của người đàn bà mà anh ta đã phải chịu đựng. Anh ta chẳng hề dám nhìn thẳng vào mặt bà ta.

Ở được ít ngày anh ta lại càng sợ bà ta hơn. Kéo ông Hạ, anh ta không hề thấy ông ta tiêu gì bao giờ, nhưng có khi ông ta cũng vào hiệu thuốc lớn cân thuốc. Tường chẳng hiểu ông ta cân thuốc gì, nhưng mỗi khi cân thuốc về, hai vợ chồng lại rất vui vẻ,

ngay ông ta là người lừ đừ như vậy mà cũng có vẻ tươi tỉnh lắm. Tươi tỉnh như thế được độ hai ba hôm, lại lừ đừ, lưng còng xuống thấp hơn trước, y như con cá mua ở chợ về, thả vào chậu, quấy được một tí, rồi dờ ra ngay. Mỗi khi thấy ông ta ngồi thừ trên xe y như người chết rồi, Tường biết là đã lại đến lúc đi cân thuốc. Anh ta chẳng ưa gì ông ta, nhưng mỗi khi phải kéo ông ta đến hiệu thuốc, anh ta bất giác cũng thấy buồn cho con khỉ già hom hem ấy. Đến khi ông ta mang thuốc về nhà, anh ta lại nhớ đến ả Nữu, trong lòng thấy buồn rầu khó tả. Anh ta không muốn oán hận người đã chết, nhưng nhìn mình, nhìn ông Hạ, anh ta không thể nào không oán ả; dù sao anh ta chẳng được khỏe mạnh rắn chắc như trước kia nữa phần lớn cũng vì ả Nữu.

Anh ta muốn xin thôi, không làm nữa. Nhưng vì cái chuyện không đâu ấy mà thôi việc, thì hình như cũng chẳng ra sao cả. Hút điếu "*Sư tử vàng*", anh ra lắm bầm tự nhủ: "*Chuyện của người ta để ý làm quái gì cơ chứ!*"



21

Vào mùa chợ bán cúc, bà hai mua bốn chậu. Vú Dương đánh vỡ một chậu, bà ta mắng vú một trận. Vú ở nhà quê lên, cho rằng hoa thì có gì mà quý giá đến thế, nhưng đã đánh vỡ của người ta, dù thế nào cũng là mình sơ ý rồi, vì thế vú chẳng nói lại nửa lời. Đến khi bà ta thấy bà hai cứ làm ầm lên mãi, chửi bới thô tục, vú không chịu nổi cơn nóng nữa, cãi lại. Người nhà quê mà đã nổi nóng thì chẳng biết lựa lời, vú dốc ra những lời tục tĩu nhất. Bà hai giậm chân đành dạch, chửi một hồi, rồi bảo vú cuốn xéo ngay.

Tường không lại can. Anh ta vốn không biết can chuyện cãi vã nhau, lại càng không biết can hai người đàn bà nổi cơn tam bành. Đến khi nghe vú Dương chửi bà hai là đồ “đĩ lậu”, thì anh ta biết vú mất chỗ làm rồi. Đồng thời cũng thấy vú Dương mà bị đuổi thì anh ta cũng đến nước bị đuổi thôi. Bà hai chắc chẳng đời nào chịu giữ một người đã biết lai lịch của bà ta như thế. Vú Dương đi rồi, anh ta sẵn sàng chờ ngày mình bị tống cổ ra, và tính rằng, chắc khi nào thuê được người hầu gái mới là anh ta phải cuốn gói. Nhưng anh

ta cũng chẳng buồn, sự từng trải đã rèn luyện cho anh ta sự bình tĩnh, thản nhiên, khi có việc làm cũng như khi mất việc, chẳng có gì gọi là xúc động cả.

Nhưng vú Dương đi rồi, bà hai đối với Tường lại hết sức mềm mỏng. Không có người ở gái, bà ta phải xuống bếp làm cơm. Bà ta đưa tiền cho Tường, bảo anh ta đi chợ. Thức ăn mua về, bà ta bảo nên gọt cái gì, nên rửa cái gì. Anh ta gọt gọt, rửa rửa, bà ta thái thịt làm cơm, vừa làm vừa kiếm chuyện nói. Bà ta mặc chiếc áo lót màu hồng, chiếc quần xanh lơ, chân đi dép đoạn hoa trắng. Tường cứ cúi đầu làm, tay lóng nga lóng ngóng, không dám nhìn bà ta, nhưng lại rất muốn nhìn. Mùi nước hoa ở người bà ta cứ xộc vào mũi, như có ý bảo anh ta phải nhìn, không nhìn không được, giống như hoa thơm quyến rũ ong bướm. Tường bất giác đưa mắt liếc nhìn. Anh ta không hề coi thường bà ta, con người vốn là: "đĩ lậu", con người xinh đẹp này. Bà ta ghê gớm lắm, mà lại cũng chẳng ra gì. Anh ta nghĩ thầm, nếu có chỗ nào tha thứ được cho mình thì chính là chỗ lão Hạ như con khỉ hom hem kia đáng ghét quá, phải chịu ác báo. Lấy người chồng như thế, bà ta có làm gì cũng không có tội. Ở với người chủ như thế, anh ta – Tường – có làm gì cũng chẳng sao. Anh ta thấy mạnh dạn lên.

Nhưng bà hai chẳng để ý anh ta có nhìn mình hay không. Làm cơm xong, bà ta ngồi ăn một mình ở dưới bếp. Ăn xong, bà ta gọi Tường:

– Anh ăn đi, ăn xong rửa bát đĩa tí nhé. Chiều, lúc đi đón ông, tiện thể mua thức ăn tối, đỡ phải đi lượt nữa. Ngày mai chủ nhật, ông nghỉ, tôi đi tìm thuê một người vú già. Anh có quen ai, mách cho một người? Vú già khó kiếm lắm đấy! Thôi được rồi! Ăn đi đã, không nguội cả!

Bà ta nói rất đàng hoàng, tự nhiên. Tường thấy chiếc áo lót màu hồng kia bỗng sạch sẽ, tinh khiết hẳn lên. Anh ta có vẻ hơi thất vọng, rồi từ chỗ thất vọng đâm ra xấu hổ. Anh ta thấy, mình không còn là người có chí khí nữa, không những thế mà đã trở thành một thằng không ra gì. Nuốt vội nuốt vàng hai bát cơm, anh ta thấy nhạt nhẽo vô cùng. Rửa xong bát đĩa, anh ta về buồng, hút một chập, không biết đến mấy điếu “*Sư tử vàng*” nữa.

Chiều, lúc đi đón ông Hạ, chẳng hiểu sao, anh ta thấy căm giận ông ta vô cùng. Anh ta muốn chạy thật nhanh rồi buông tay ra cho ông ta ngã một cái thật đau. Anh ta cố ý lắc càng xe, làm cho con khí già ấy xóc một mẻ. Lão khí già ấy vẫn chẳng nói năng gì cả, khiến Tường thấy buồn rầu ngán ngấm. Anh ta chưa từng làm những trò ấy bao giờ, thế mà nay lại giở ra, dù có lý do đi chăng nữa, cũng không thể tha thứ cho mình được.

Rồi anh ta trấn tĩnh lại, và quên hẳn cái việc đã không đem lại kết quả gì đó. Đôi khi tình cờ nhớ đến, anh ta thấy hơi buồn cười.

Hôm sau, bà hai đi thuê người. Một lát, bà ta dẫn về một người, ở thử ít ngày. Tường yên lòng, nhưng trong bụng vẫn cứ thấy thế nào ấy.

Thứ hai, sau bữa trưa, bà ta cho vú ấ ra, chê là bẩn quá. Rồi bà ta sai Tường đi mua một cân hạt dẻ.

Tường mua về, đứng ở cửa buồng, đánh tiếng.

– Dem vào đây!

Tường đem vào, bà ta đang soi gương đánh phấn, vẫn mặc chiếc áo lót hồng kia, nhưng quần đã thay chiếc màu xanh nhạt. Nhìn gương, thấy Tường vào, bà ta liền quay ngoắt ra, nhìn anh ta, cười. Tường bỗng như nhìn thấy ả Niu, một ả Niu trẻ, đẹp. Anh ta đực ra đó. Can đảm, hy vọng, sợ hãi, thận trọng biến dấu mất cả, chỉ còn lại một làn hơi nóng, có thể là nhiều mà cũng có thể là ít, giữ cho anh ta đứng vững. Chính nó bảo tiến thì anh ta tiến, bảo anh ta lùi thì anh ta lùi, chứ anh ta chẳng tự chủ nổi.

Ba bốn ngày sau, vào buổi tối, anh ta kéo theo chăn nệm, quay về hãng xe.

Chuyện mà ngày thường anh ta vẫn cho là đáng sợ, xấu hổ nhất, thì nay anh ta cười ha hả nói cho mọi người biết – anh ta không dái được nữa!

Họ tranh nhau mách thầy mách thuốc. Chẳng ai cho là xấu hổ, tất cả đều đồng tình, nghĩ hộ anh ta cách chữa chạy, và đem chuyện của mình thuật lại,

mặt đỏ lên có vẻ đắc ý. Mấy anh trai trẻ đã từng mất tiền rước bệnh về. Mấy bác già thì mắc phải bệnh nhưng không mất tiền; mấy người đã từng kéo xe thàng, đều có những chuyện, khác nhau tí chút, nhưng tính chất thì giống nhau; một vài anh em khác cũng từng kéo xe thàng, tuy không gặp những chuyện như thế này, nhưng lại có những chuyện khác về nhà chủ, rất đáng đem ra kể lại. Bệnh của Tường khiến họ đâm ra cởi mở, vui vẻ tâm sự với anh ta. Anh ta cũng quên cả xấu hổ, tuy không lấy làm vẻ vang, nhưng cho rằng cứ bình tĩnh chịu đựng thì cũng như cảm nắng hoặc cảm lạnh mà thôi, chẳng có gì khác cả.

Thuốc thang chữa chạy làm anh ta tốn hơn chục bạc. Bệnh vẫn chưa trừ tận gốc. Qua quít cho xong, anh ta tưởng thế là khỏi rồi, không uống thuốc nữa. Gặp những ngày u ám trở trời, xương cốt cứ đau nhức lên, lúc đó anh ta lại uống tí thuốc, hoặc cố chịu đựng, không cho là quan trọng. Đã khổ đến thế này rồi, thì thần xác còn có nghĩa lý gì nữa!

Bệnh qua đi, anh ta hầu như biến thành một con người khác. Tầm vóc vẫn cao lớn như trước, nhưng không có cái vẻ đàng hoàng gì nữa. Vai cứ nhô ra phía trước, môi thì trề trề, ngậm lệch điếu thuốc; có khi anh ta lại giắt luôn cả mẩu thuốc đang hút dở lên vành tai, chẳng phải đó là nơi tiện lợi gì, nhưng cốt cho ra vẻ con người ăn chơi. Anh ta vẫn ít lời, nhưng lúc nói cũng cố tìm cách đùa giỡn, tuy không hay ho, nhưng

vẫn cứ làm như vậy. Trong lòng buồn lũng như thế cho nên về mặt, bộ điệu trông ngêngh ngang, bừa bãi.

Có điều, so với các anh em phu xe khác, anh ta cũng không đến nỗi xấu xa, hư hỏng lắm. Những lúc vắng vẻ, ngồi một mình, nghĩ đến con người mình trước kia, anh ta lại muốn cố gắng làm ăn, chứ không muốn buông xuôi như thế này. Cố gắng cũng chẳng ích gì, nhưng tự hủy hoại thân mình cũng không phải là chuyện hay. Những lúc đó, anh ta lại nghĩ đến chuyện mua xe. Ba chục bạc, thuốc thang đã mất hơn mười đồng rồi! Oan uổng quá! Nhưng còn lại cái vốn khoảng hai chục đó, so với những người khác hoàn toàn tay trắng, thì cũng còn khá hơn nhiều. Nghĩ thế, anh ta rất muốn vút bég nửa bao "*Su tử vàng*" hút dở, từ nay rượu, thuốc xin chữa, chịu khó dành dụm đồng tiền, từ chỗ muốn dành dụm, anh ta nghĩ đến chuyện mua xe, từ chỗ mua xe lại nhớ đến Phúc. Anh ta thấy đối với Phúc như vậy cũng hơi tệ, từ khi đi khỏi cái xóm ấy đến nay, anh ta không hề quay lại thăm hỏi cô ta lần nào, mà mình thì chẳng khá hơn, trái lại, còn đi rước lấy cái bệnh thổ tả ấy.

Nhưng đến khi gặp bạn bè, anh ta lại hút thuốc, có dịp cũng lại uống rượu, quên đứt cả Phúc. Tự tập với bạn bè, anh ta chẳng còn biết phân biệt việc gì nên làm, việc gì không nên làm; mọi người làm gì, anh ta không thể không làm theo. Khó nhọc cả ngày, uất ức chất chứa trong lòng, chỉ có nói cười đùa bỡn

với họ, anh ta mới tạm quên đi được. Thú vui trước mắt xua đuổi mọi ý chí tốt đẹp, anh ta muốn được thỏa thích trong chốc lát rồi ngủ một giấc không biết trời biết đất gì nữa cả. Đời đã vô vị, đau khổ, tuyệt vọng như vậy, thì ai mà chẳng muốn thế? Vết thương đau do cuộc đời gây ra, chỉ có thể dùng những vị độc như thuốc, rượu, đàn bà để làm tê dại đi trong chốc lát, lấy độc trị độc. Rồi một ngày kia, chất độc sẽ ngấm vào tim, ai chẳng biết vậy, nhưng nào ai có cách gì hơn thay thế cái đó đâu?

Càng không muốn cố gắng lại càng quý thân mình. Trước kia, anh ta chẳng quản gì cả, bây giờ anh ta thích an nhàn rồi rãi: trời mưa gió là không ra xe; người mệt mỗi một tí cũng nghỉ hai ba ngày. Quý thân mình tất sinh ra ích kỷ. Số tiền ấy, anh ta không cho ai vay mượn một đồng, cứ giữ chặt để phụ vào tiêu những ngày mưa ngày gió. Rượu, thuốc lá, có thể mời mọc, nhưng tiền không thể cho vay được, ai cũng không bằng mình. Càng rồi rãi, càng ngại việc, lại càng buồn, vì thế cứ phải luôn luôn tìm trò giải trí, hoặc ăn uống cho sượng miệng. Kịp đến khi sức nghĩ ra là không nên phí phạm thời giờ như thế thì trong lòng anh ta có sẵn một câu do bao nhiêu kinh nghiệm từng trải đúc kết nên: *"Trước đây mình đã chịu thương chịu khó rồi, nhưng nào có được quái gì đâu!"*. Câu nói đó, không ai bẻ lại được, mà cũng chẳng có ai có thể giải thích nổi. Vậy thì, ai có thể ngăn cản không cho Tường buông trôi.

Lười biếng hay sinh ra giận dữ. Anh ta bây giờ cũng đã biết trợn mắt lên. Khách, cảnh sát, hay bất cứ người nào, anh ta nhất quyết không chịu nín nhịn cho qua. Làm ăn cực khổ, anh ta không hề được đối xử công bằng, bây giờ, đã biết mồ hôi quý giá như thế nào rồi, thì đỡ được giọt nào hay giọt ấy, đừng ai hòng lợi dụng anh ta. Xe bạ đâu đổ đấy, đã đổ rồi chẳng buồn nhúc nhích nữa, bất biết chỗ đó có phải là chỗ được đổ hay không. Cảnh sát đến bảo đi đi, anh ta âm ừ đầu miệng, vẫn ngồi yên, vẫn chân chừ, đổ thêm được tí nào hay tí ấy. Đến lúc thấy không kéo đi không được, thì miệng anh ta cũng chẳng chịu im. Anh ta lẩm bẩm chửi liên. Cảnh sát không chịu nghe chửi, thì đánh nhau cũng chẳng cần. Vốn biết mình khỏe, anh ta cứ nện trước cho hấn một trận, rồi vào “bót” ngồi cũng không phải là thiệt. Đánh nhau, anh ta lại thấy được mình khỏe và giỏi. Dem sức lực của mình dồn cả xuống thân thể người khác, anh ta thấy về vang hấn lên, mặt trời hình như chói lọi thêm. Trước đây anh ta không hề nghĩ đến chuyện để dành sức để sẵn sàng choảng nhau, nay thì đã trở thành chuyện thực, mà lại là chuyện làm anh ta thích thú. Nghĩ thật buồn cười!

Không nói gì bọn cảnh sát, chân tay không, ngay đến cả những chiếc xe hơi phóng bừa trên phố, anh ta cũng chẳng sợ. Gặp ô tô đi ngược lại cuốn bụi lên, anh ta không tránh, cho bóp còi, khách ngồi trên xe cuống quýt cả lên cũng mặc kệ. Ô tô đành chịu, phải chạy

chậm lại. Tường lúc bấy giờ mới tránh, để khỏi phải ăn bụi. Ô tô phía sau đi lên, anh ta cũng giữ cái trò đó ra. Anh ta đã tính rồi, ô tô không dám đâm đầu, việc gì cứ phải tránh trước để cho nó phóng tung bụi lên? Bọn cảnh sát chuyên môn dọn đường cho ô tô, chỉ sợ ô tô phóng không được nhanh và cuốn lên ít bụi, mình có là cảnh sát đâu, việc gì lại để chịu cho ô tô hoành hành? Trước mắt bọn cảnh sát. Tường là cái “gai” nhọn hoắt, nhưng họ cũng chẳng dám trêu vào. Người nghèo mà chầy lười ngại việc là vì đã cố gắng nhiều rồi, nhưng chẳng đi đến đâu. Người nghèo mà ngang bướng là muốn tìm một chút công lý.

Đối với khách, anh ta chẳng cần mềm mỏng lễ phép. Mặc cả đến đâu, kéo đến đó, thêm một bước cũng không chịu. Thuê đến “đầu” ngõ mà lại bắt kéo vào “trong” ngõ thì đừng có hòng! Khách trợn mắt lên, thì mắt anh ta trợn lại to gấp mấy. Anh ta biết các ông ăn mặc tây chúa là sợ bẩn quần áo, và cũng biết phần lớn họ ngang ngược và hủ tiện. Được, anh ta sẵn sàng rồi. Quá lời một tí là nắm luôn cái tay áo tây đáng giá năm sáu chục bạc kia, ít nhất cũng để lại vết bẩn to bằng bàn tay. Ấy thế mà tiền vẫn cứ phải trả; các ông ấy đã thấy bàn tay anh ta mạnh như thế nào rồi, mới nắm một tí thế mà cánh tay bé nhỏ của họ đã đau ê ẩm!

Anh ta chạy không chậm, nhưng cũng chẳng muốn chạy nhanh thêm làm gì cho phí sức. Khách giục, anh ta liền bước thong thả, hỏi luôn:

– Nhanh à? Cho thêm bao nhiêu đấy?

Không khách sáo gì cả, anh ta bán mồ hôi nước mắt cơ mà! Anh ta không còn mong vào lòng tốt của khách thưởng cho vài ba xu nữa. Tiền nhiều thì hàng tốt, phải mặc cả rõ ràng đã rồi mới bỏ sức ra.

Đối với cái xe anh ta không quý nó như trước nữa. Lòng anh ta đã nguội lạnh rồi, không ao ước mua xe nữa, còn xe của người ta thì anh ta không quan tâm lắm, xe nào cũng là xe, kéo, kiếm được tiền để mà ăn mà nạp thuế, thế là được rồi; không kéo, không nạp thuế. Vậy thì, miễn trong tay có đủ ăn một ngày, chẳng cần kéo thêm làm quái gì nữa. Người với xe chỉ quan hệ với nhau như vậy mà thôi. Tất nhiên anh ta cũng chẳng cố ý làm hỏng xe người ta, nhưng cũng chẳng để ý giữ gìn. Lỡ có xe khác vô ý đâm vào, làm hư hỏng một chút, anh ta cũng chẳng hề chồm chồm lên chửi bới nữa, cứ thản nhiên như không, kéo về hãng đáng tiền nằm hào thì anh ta bỏ ra hai hào là xong. Chủ hãng không đồng ý? Càng tốt, càng lắm thì nện nhau chứ gì? Nếu chủ hãng muốn, anh ta xin sẵn lòng “*hầu tiếp*”.

Kinh nghiệm là phân bón của cuộc sống. Đã có kinh nghiệm như thế nào, sẽ trở thành con người như thế. Giữa bãi sa mạc làm gì trồng được hoa mẫu đơn. Tường đã “*vào khuôn*” rồi, không tốt hơn các phu xe khác, mà cũng chẳng có gì xấu xa hư hỏng hơn, nghĩa là đã trở thành một anh phu xe ra phu xe. Như vậy, anh

ta thấy dễ chịu hơn trước đây, và những anh em khác cũng thấy thuận mắt. Quạ đều đen cả, anh ta cũng chẳng mong gì riêng mình là con quạ có bộ lông trắng.

Mùa đông lại tới. Gió từ sa mạc thổi về, một đêm làm chết bao nhiêu người. Nghe tiếng gió rít, Tường rúc đầu vào trong chăn, không dám dậy. Cho mãi đến khi gió không gào lên như sói kêu quỷ khóc nữa, anh ta mới miễn cưỡng trở dậy, lưỡng lự mãi không biết nên cho xe ra, hay nên nghỉ một ngày. Anh ta ngại cầm cái càng xe lạnh như băng, ngại hớp cái gió ghê người kia. "*Gió mạnh sợ mặt trời lặn*", cho mãi tới hơn bốn giờ chiều, gió mới yên hẳn, bầu trời chiều nhuộm màu hồng nhạt của ánh tà dương. Anh ta gắng gượng kéo xe ra. Hai tay thủ trong bọc, ngực uồn ra, ghì đầu vào càng xe, anh ta uể oải bước lững thững, miệng ngậm nửa điếu thuốc cháy dở. Một lát, trời tối, anh ta định bụng kéo được độ một hai món khách nữa là cho xe về sớm. Anh ta ngại chẳng muốn thắp đèn lên, cho đến khi cảnh sát ở dọc đường giục bốn năm lần, anh ta mới thắp.

Đến trước lầu trống, thì tranh được món khách, về khu Đông Thành, anh ta chẳng cởi áo bông dài ra, cứ thế lùng thùng mà chạy nước kiệu. Anh ta cũng biết như vậy là "*không ra làm sao*", nhưng "*ra làm sao*" thì liệu có ai cho thêm được đồng xu nào không? Đây có phải là kéo xe đâu, chỉ là kiếm miếng ăn thôi! Trán đã thấy có mồ hôi, anh ta vẫn không chịu cởi áo

dài ra, xong chuyện thì thôi. Rẽ vào một cái ngõ, một con chó chắc là thấy người mặc áo dài kéo xe, lạ mắt, cứ đuổi theo sủa. Anh ta đỗ xe lại, cầm ngược chiếc phát trần, chạy đuổi theo, đánh. Mãi cho đến khi chó chạy mất tăm, anh ta còn đứng chờ một lúc, xem có dám quay lại nữa hay không. Con chó không dám quay lại, Tường lấy làm khoái chí lắm:

– Mẹ mày chứ! Mày tưởng ông sợ mày à?

Khách ngồi trên xe có vẻ bức mình:

– Này, anh kéo xe cái kiểu gì thế?

Tường chột dạ, nghe giọng nói quen lắm. Ngó tối đen, tuy xe có thấp đèn, nhưng chỉ là chiếu sáng mặt đường, anh ta không trông rõ là ai. Người đó đội mũ che gió, chiếc khăn quàng phủ kín cả mồm lẫn mũi, chỉ chừa hai con mắt. Tường đang đoán thăm thì người kia lại hỏi:

– Tường đấy phải không?

Tường rõ rồi! Chính là lão Tư Lưu. Anh ta giật mình, thấy toàn thân mình nóng bừng bừng, không biết nên xử trí ra sao.

– Con gái tao đâu rồi?

– Chết rồi!

Tường đứng dờ ra đấy, chẳng hiểu chính mình hay là người nào khác vừa trả lời.

– Sao, chết rồi à?

– Chết rồi!

– Mẹ kiếp! Rơi vào tay mày mà lại sống được à?

Tường bỗng sực tỉnh:

– Xuống! Xuống ngay! Mày già quá rồi, chẳng đáng để tao cho một trận! Xuống!

Lão Tư Lưu, tay run lấy bẫy, bước xuống:

– Chôn ở đâu hở?

– Hỏi làm gì?

Tường kéo xe đi thẳng.

Anh ta đi đã khá xa, mới quay lại nhìn, lão già vẫn đứng ở đấy, lù lù y như một cái bóng.



22

Tường không biết mình đi đâu nữa. Anh ta ngẩng cao đầu lên, hai tay nắm chặt lấy càng xe, mắt sáng rực, bước thẳng tới. Anh ta cứ thế mà đi, chẳng để ý xem đi về hướng nào, và đi đến đâu. Anh ta thấy vui vẻ trong lòng, người khoan khoái, tưởng như bao nhiêu nỗi bực dọc đau khổ từ sau ngày lấy ả Nữu đến nay đều trút cả lên đầu lão Tư rồi. Quên cả rét, quên cả kiếm khách, anh ta cứ kéo xe đi thẳng, tưởng chừng như đến một nơi nào đó thì sẽ tìm thấy được con người anh ta trước kia – không điu riu đèo bông, trong trắng, muốn điều tốt điều hay, luôn luôn cố gắng làm ăn. Nghĩ đến cái lão già lù đù như cái bóng trong ngõ, anh ta thấy hầu như không cần phải nói thêm gì nữa. Thắng được lão Tư Lưu là thắng tất cả. Tuy chưa dám chưa đập lão ta được cái nào, nhưng lão ta đã mất người thân duy nhất, còn Tường lại được tự do tự tại, ai bảo đó không phải là chuyện trời báo! Lão già không uất mà chết thì cũng chẳng còn sống được bao nhiêu lâu nữa. Lão gì cũng có hết, còn Tường chẳng có cái quái gì sất. Nhưng mà giờ đây, Tường vẫn có thể vui vẻ mà kéo xe, còn lão

thì ngay đến nắm mồ của con gái cũng chẳng tìm ra được. Hừ! Giàu tiền bạc từng đồng, tính nóng như lửa, ấy thế mà cũng chẳng trị nổi cái thằng nghèo rớt mồng tơi, ngày lẫn hồi hai bữa cơm này!

Càng nghĩ, anh ta càng thấy thú. Anh ta rất muốn hát to lên mấy câu, cho người đời nghe tiếng ca khải hoàn đó. Thằng Tường sống lại rồi, thằng Tường thắng rồi! Khí ban đêm phả vào mặt, anh ta không thấy lạnh, mà lại thấy khoan khoái. Đèn đường tỏa ánh sáng lạnh lẽo; trong lòng Tường thấy ấm áp dễ chịu; khắp nơi đều là ánh sáng, chiếu rọi tương lai. Nãy giờ không hút thuốc nào, mà cũng chẳng buồn hút nữa. Từ nay thuốc với rượu xin chừa, Tường nhất quyết làm lại cuộc đời, cố chịu thương chịu khó như xưa. Anh ta đã thắng lão Tư Lưu, và sẽ thắng lão ta mãi mãi; những lời nguyện rửa của lão cũng chỉ có thể làm cho Tường thành công hơn, hy vọng nhiều hơn mà thôi.

Thở hết uest khí ra rồi, từ nay anh ta sẽ mãi mãi hít khí trong sạch. Nhìn chân tay, anh ta thấy, chẳng phải mình vẫn còn trẻ đấy ư? Mình sẽ trẻ mãi, lão Tư Lưu sẽ chết, còn mình sẽ sống, vui vẻ, cố gắng, sống mãi – những đứa ác sẽ bị quả báo, sẽ bị chết tiệt, bọn lính cướp xe anh ta, mẹ Dương không cho anh ta ăn, lão Tư Lưu áp bức khinh rẻ anh ta, tên mật thám Tôn lừa lấy tiền anh ta, mẹ hai Trần bịp anh ta, mẹ Hạ quyền rũ anh ta... rồi chúng nó sẽ chết tiệt. Chỉ có những người trung hậu như Tường là sống, sống mãi.

Anh ta tự nhắc nhở: “Nhưng mà từ nay trở đi phải làm ăn tử tế chứ! Có chí khí, lại khỏe mạnh, trẻ trung thế kia, sao lại chẳng chịu khó làm ăn!”. Rồi anh ta lại tự biện hộ cho mình: “Trong lòng vui vẻ thì ai lại ngăn mình sinh cơ lập nghiệp? Giá thử đem bao chuyện trước kia đổ xuống đầu người nào đó, liệu họ có thể cứ vui vẻ, không buồn trôi được không? Thôi, những cái đó đã qua cả rồi. Ngày mai, các người sẽ thấy một thằng Tường đổi khác, lại còn hơn trước kia nhiều nữa cơ đấy”. Anh ta, miệng lẩm bẩm, chân bước lại càng nhanh hơn, dường như muốn làm chứng cho lời nói của mình – “không phải là nói láo đâu, quả tôi thấy trong người cứng cáp hẳn lên rồi đấy!”. Tuy đã từng ốm đau, đã mắc phải cái bệnh xấu xa kia, nhưng không hề gì. Tâm trí đã thay đổi thì thân thể cũng khỏe mạnh lên ngay, chả sao cả. Mồ hôi ra, miệng khát, muốn uống nước, lúc bấy giờ anh ta mới biết mình đến cửa hậu. Chẳng nghĩ đến việc vào tiệm nước, anh ta hạ xe ở “bến xe” phía tay trái cổng thành, gọi thằng bé bán nước xách ấm sành, bát đản đến uống liền hai bát. Nước chè giống như nước rửa nồi, khó uống quá, nhưng anh ta tự nhủ: từ nay về sau chỉ được uống thứ nước này thôi, không được tiêu tiền vào khoản trà thơm cơm ngon nữa đâu nhé! Quyết chí như thế rồi, anh ta liền muốn ăn ngay tí chút, thức gì thật khó nuốt, để mở đầu cho cuộc sống mới, chịu thương chịu khó. Anh ta mua chục chiếc bánh hấp, nhân rau, bột vừa sượng, vừa lạo xạo như có cát. Khó

ăn thật, nhưng anh ta cứ cố nuốt cho hết. Ăn xong lấy mu bàn tay quét mép.

Đi đâu bây giờ?

Theo anh ta nghĩ, chỉ có hai người anh ta có thể đến nhờ cậy, nương tựa, mà thôi. Muốn khá lên, cần phải đi tìm hai người đó là Phúc và ông Tào. Ông Tào là *"bậc thánh"*, ông ta sẽ tha thứ cho anh ta, giúp đỡ anh ta, bày vẽ cho anh ta. Cứ theo ông Tào bày vẽ mà làm ăn, sau rồi lại có Phúc đỡ đầu nữa. Anh ta thì làm ăn bên ngoài, cô ta thì thu vén bên trong, nhất định sẽ thành công, không còn nghi ngờ gì nữa cả!

Chẳng hiểu ông Tào đã về nhà hay chưa? Không sao, mai sẽ đến phố Bắc Trường dò xem, nếu ở đó không có tin tức gì thì đến thẳng nhà ông Tả mà hỏi. Gặp được ông Tào, mọi việc đều ổn cả. Thôi được, hôm nay, sẽ kéo thêm một buổi, mai đi tìm ông Tào, tìm được ông ấy rồi, sẽ đi tìm Phúc, nói cho cô ta biết mà mừng: *"Tôi làm ăn chưa ra gì, nhưng sẽ nhất quyết làm cho khá lên, hai ta cùng nhau chung vai đấu cật nhé!"*

Trừ tính thế rồi, anh ta mắt sáng lên như mất điều, nhìn khắp nơi. Thấy một người khách, anh ta chạy như bay tới, khách mặc cả chưa xong, anh ta đã cởi áo bông dài ra rồi. Lúc chạy, quả thực chạy không được dẻo như trước kia nữa, nhưng cả người nóng ran, làm anh ta hăng lên, chạy thực mạng. Thì ra thằng Tường vẫn là thằng Tường, thằng Tường này mà đã

chạy thì những người khác đừng có hòng theo kịp, gặp xe là anh ta vượt ngay, cứ y như phát điên, mồ hôi toát ra, rất khoan khoái. Chạy được một cuộc, anh ta thấy người nhẹ nhõm hơn nhiều, chân lại thấy dẻo hơn, còn muốn chạy nữa, y như con ngựa hay, chạy chưa đã, cho dừng lại, vẫn còn cất vó lên. Anh ta kéo cho tới một giờ sáng mới cho xe về. Trả xe, trừ thuế, còn lại những hơn chín hào.

Đặt mình xuống, anh ta ngủ một mạch tới sáng. Trở mình, mở choàng mắt ra, mặt trời đã lên cao rồi. Sau lúc mệt nhọc, được yên ổn nghỉ ngơi là sung sướng nhất. Trở dậy vươn vai, các khớp xương khê kêu rắc rắc, bụng như trống không, anh ta thấy thèm ăn cái gì.

Ăn qua loa tí chút, anh ta mỉm cười, nói với chủ xe:

– Tôi nghỉ một ngày, có tí việc!

Trong bụng, anh ta đã trù tính rồi: nghỉ một ngày, thu xếp công việc đầu vào đấy, mai sẽ bắt đầu cuộc đời mới.

Anh ta đi thẳng một mạch tới phố Bắc Trường, thử xem ông Tào đã về hay chưa. Vừa đi vừa khấn thầm trong bụng *“Lạy giới ông Tào về rồi, đừng để mình tính hụt! Đầu mà bất lợi, sau sẽ không ra gì! Thăng Tường đã thay đổi rồi, chẳng lẽ trời không phù hộ nó hay sao?”*.

Đến cổng nhà ông Tào, Tường tay run run bấm chuông. Chờ người ra mở cổng, tìm anh ta đập thình

thình. Đứng trước cái cổng quen thuộc này, anh ta không nghĩ đến chuyện cũ, chỉ mong cổng mở ra, thấy được người quen. Anh ta chờ, lo trong nhà không có ai, nếu không sao lại vắng vẻ thế này, đến phát sợ lên được! Bỗng trong cổng có tiếng động khe khẽ, anh ta giật nẩy mình. Cổng mở. Theo cánh cổng rít là tiếng “à!” quý báu, thân thiết của vú Cao.

– Anh Tường đấy à? Lâu nay chẳng thấy mặt đâu cả! Sao lại gầy đi như thế?

Vú Cao có đầy ra hơn trước!

– Ông có nhà không vú?

Tường chẳng hỏi đến chuyện gì khác.

– Có đấy! Hừ, anh này tốt thật! Chỉ biết ông thôi, làm như tôi với anh không quen biết gì nhau cả! Chẳng chào hỏi lấy được một tiếng! Khá lắm, thật là “*cửa đứt đục suốt!*” chẳng tình nghĩa gì. Vào đi! Thế nào, làm ăn có khá không?

Vú vừa đi vào vừa hỏi.

Tường cười:

– Hừ! Chẳng ra gì cả!

Vú đứng ngoài buông giấy:

– Thưa ông, có anh Tường đến đấy ạ!

Ông Tào đang dời bát thủy tiên tránh nắng:

– Vào!

– Kìa, anh vào đi! Lát nữa, chúng ta lại nói chuyện. Tội vào nói với bà một tiếng. Chúng tôi thường nhắc đến anh luôn. Người thật thà thường vẫn gặp được người trung hậu, anh đừng có ngại!

Vú vừa nói vừa đi vào trong.

Tường bước vào buồng giấy:

– Thưa ông, cháu đã đến ạ!

Anh ta định hỏi thăm một câu, nhưng không sao nói ra được.

– À! Anh Tường! – Ông Tào đứng trong buồng giấy, mỉm cười, mặt tươi tỉnh – Ngồi xuống đây, à ... – ngẫm nghĩ một tí, rồi ông ta lại tiếp – Chúng tôi trở về lâu rồi. Nghe anh Trình nói, anh... ở đúng rồi, anh ở häng Nhân Hòa. Vú Cao có đến đó tìm anh một lần, nhưng không thấy. Ngồi xuống đi! Thế nào, làm ăn có khá không?

Tường chừng như muốn rơi nước mắt. Anh ta không thể kể được tâm sự với ai, bởi vì tâm sự của anh ta rớm máu, và nằm tận đáy lòng. Cố gắng bình tĩnh lại, anh ta muốn đem những lời lẽ đau thương và đơn giản ấy bày ra. Tất cả đều nằm trong ký ức, nghĩ đến là nhớ hết, nhưng anh ta cần phải thông thả mới sắp xếp được. Anh ta muốn kể ra một bộ sử sống, tuy chẳng biết nó có giá trị gì không, nhưng bao nhiêu nỗi uất ức đau khổ đó đều chân thật, rõ ràng.

Ông Tào thấy anh ta đang suy nghĩ, thì lặng lẽ ngồi xuống, chờ anh ta nói.

Tường cúi đầu, ngồi gần đi một hồi lâu, rồi bỗng ngẩng đầu lên, nhìn Ông Tào, hình như nếu không tìm được người nghe thì thà đừng nói còn hơn.

Ông Tào gật đầu:

– Thế nào?

Tường bắt đầu kể những chuyện trước kia, từ chuyện vì sao lại phải bỏ nhà quê lên tỉnh. Anh ta vốn không muốn kể những chuyện tầm phào làm gì, nhưng không kể thì trong lòng bức rứt khó chịu, và chuyện cũng không được trọn vẹn. Quá khứ của anh ta là máu và nước mắt, cùng bao nỗi khổ đau hòa lẫn với nhau, không thể tùy tiện đem ra mà nói chơi, mà đã nói thì chẳng muốn bớt đầu bớt đuôi đi. Mỗi giọt mồ hôi, mỗi giọt máu, đều từ trong lòng anh ta chảy ra cho nên việc nào cũng đáng kể cả.

Anh ta kể tiếp, từ khi lên tỉnh làm cu-li như thế nào, rồi chuyển sang kéo xe như thế nào, dành tiền mua được xe như thế nào, rồi bị cướp như thế nào... cho đến tận bây giờ. Ngay cả anh ta cũng thấy làm lạ, chẳng hiểu sao mình có thể nói dài đến thế, và lưu loát đến thế. Việc nọ tiếp việc kia, cứ từ trong lòng tuôn ra. Những việc đó dường như đều tìm được những tiếng thích hợp, câu này tiếp câu kia, câu nào cũng đều chân thực, đau xót. Anh ta không thể ngăn cản những việc

đó đừng tuôn ra, cũng không thể ngừng nói nữa. Không hề ngập ngừng, lộn xộn, anh ta như muốn giải bày cả tấm lòng. Càng nói càng thấy khoan khoái, không nhớ đến mình nữa, bởi vì cả tâm hồn anh ta đã nằm trong những lời nói đó rồi. Mỗi lời là một khúc ruột, nào lúc chăm chỉ làm ăn, nào lúc phải chịu uất ức khổ đau, nào lúc chán nản đâm ra hư hỏng. Anh ta nói xong, thì trán toát mồ hôi, lòng vơi đi, thấy thư thái dễ chịu, y như lúc chóng mặt toát mồ hôi vậy.

Ông Tào hỏi:

- Bây giờ anh muốn tôi bày cách cho anh phải không?

Tường gật đầu. Anh ta chẳng biết làm nghề gì khác.

Ông Tào chậm rãi nói:

- Nếu vẫn muốn kéo xe, thì chỉ có hai đường. Một là, kiếm tiền mua lấy chiếc xe, hai là, thuê một chiếc mà kéo. Có phải thế không? Bây giờ, tiền thì anh không có sẵn, vay tiền mua xe thì phải trả lãi, đằng nào cũng thế phải không? Chi bằng hãy cứ thuê cái xe mà kéo! Hay là kéo tháng mà hơn đấy. Có công việc tử tế, chỗ ăn chỗ ở chắc chắn. Theo tôi, thì anh cứ về đây mà làm cho tôi. Xe tôi bán cho ông Tả mất rồi. Nếu anh lại về đây thì thuê một cái mà kéo. Thế nào, có ứng không?

Tường đứng dậy:

– Dạ, được thế thì còn gì bằng nữa ạ! Thế ông không nhớ chuyện ấy hay sao?

– Chuyện gì cơ?

– Chuyện hồi ông bà đến đăng nhà ông Tả...

– À... – Ông Tào bật cười – Ai mà nhớ được! Lúc bấy giờ, tôi cũng quá lo. Cùng với bà xuống Thượng Hải ở mấy tháng, kỳ thực chẳng cần phải thế. Ông Tả đã nói giúp cho từ trước rồi. Thôi được, tôi chẳng nhớ đến chuyện đó đâu. Hãy nói chuyện của ta đi đã, vừa rồi anh nói đến cái nhà chị Phúc ấy mà, bây giờ định thế nào?

– Cháu chẳng biết thế nào mà định.

– Tôi thử nói anh nghe nhé! Nếu anh lấy chị ta, phải thuê nhà ở ngoài thì không ổn. Nhà, củi lửa, dầu đèn, cái gì cũng tiền cả, không đủ đâu. Hai người cùng đi làm, anh kéo xe, chị ta hầu hạ cơm nước, khó kiếm được nơi vừa khéo đến thế. Không được.

Ông Tào lắc đầu nói tiếp:

– Này, tôi hỏi, anh đừng để bụng nhé! Chị ta có tin cậy được không?

Tường đỏ mặt, ngập ngừng một hồi lâu mới nói được:

– Nó vạn bất đắc dĩ mới phải như thế! Cháu xin lấy đầu bảo đảm, nó rất tốt. Nó...

Lòng anh ta rối bời, bao nhiêu tình cảm dồn lại, rồi bỗng lại tản ra, như muốn trào cả ra ngoài. Anh ta không nói được nữa.

Ông Tào do dự:

– Nếu vậy thì... trừ phi chúng tôi đây nhận cả hai người làm. Một mình anh, cũng mất một buồng, cả hai vợ chồng, cũng mất một buồng thôi. Chỗ ở thế là không lo rồi. Chẳng hiểu chị ta có giắt giữ gì được không, nếu làm được thì để chị ta giúp thêm vú Cao. Ít nữa thì bà ở cữ em bé, một mình vú Cao cũng hơi bận đấy. Chị ấy ăn cơm nhà chúng tôi, nhưng không lấy công xá gì cả, anh thấy thế nào?

Tường cười ngáy thơ.

– Được thế thì còn gì bằng ạ!

– Có điều, tôi cũng không thể hoàn toàn định đoạt được. Còn phải bàn qua với bà một tí.

– Vâng! Nếu bà không yên tâm, cháu xin đưa nó đến đây, để bà xem.

– Thế cũng được – Ông Tào cũng cười, không ngờ Tường lại nảy ra được cái ý hay đó – Thế này nhé, để tôi nói trước với bà một tiếng, ngày khác anh đưa chị ta đến đây, nếu bà bằng lòng, thế là xong.

– Vậy thưa ông, cháu về ạ!

Tường vội vàng muốn đi tìm Phúc ngay, để nói cái tin mừng đó, cái tin mà anh ta không dám mơ ước đến.

Tường ra khỏi nhà ông Tào khoảng mười một giờ. Mùa đông thì lúc ấy là đẹp trời nhất. Ngày hôm đó, trời quang lẫm, xanh ngắt, không một gợn mây, ánh nắng rọi xuống qua bầu không khí khô ráo, khiến người ta cảm thấy ấm áp dễ chịu. Tiếng gà gáy chó sủa, tiếng rao hàng truyền đi rất xa, từ phía bên kia phố mà bên này cũng nghe lạnh lạnh mồn mồn, y như tiếng sếu từ trên không vọng xuống. Xe tay đều hạ mui, những bộ phận bằng đồng trên xe bóng loáng. Trên đường nhỏ, lạc đà bước, chậm rãi vững vàng. Giữa lòng đường, ô tô, xe điện phóng nhanh. Dưới đất, người, ngựa đi lại, trên trời chim câu trắng bay lượn. Cả cái thành phố cổ này, động mà tĩnh, động cũng ghê mà tĩnh cũng khiếp, động hay tĩnh đều đáng yêu cả. Cả một loạt âm thanh, hàng ngàn hàng vạn cuộc sống đang diễn ra dưới bầu trời trong xanh. Khắp nơi cây cối đứng trầm lặng. Tim Tường muốn nhảy ra ngoài, bay lượn với đàn câu trắng giữa không trung. Thế là gì cũng có cả rồi: việc làm, tiền công, Phúc, chỉ mấy câu mà thu xếp mọi việc đầu vào đấy, thực không ngờ! Xem kìa, trời hôm nay tạnh ráo tươi đẹp biết bao nhiêu, giống như tâm tình thẳng thắn trong trẻo dễ chịu của người phương Bắc. Khi có chuyện vui thì cả thời tiết cũng đẹp, anh ta tưởng chừng chưa thấy ngày đông nào tạnh ráo đẹp trời như thế này. Để thiết thực tỏ nỗi vui mừng của mình, anh ta mua luôn một quả hồng ướp lạnh, ăn một miếng buốt cả miệng.

Răng buốt muốn rụng, buốt từ miệng dần dần tới ngực, khiến anh rụng mình một cái. Ăn liền mấy miếng lưỡi thấy tê tê, nhưng thú vị lắm. Anh ta rảo bước, đi tìm Phúc, trong óc đã tưởng tượng thấy cái xóm nghèo, cái mái nhà nhỏ kia, và người mà anh ta yêu dấu; chỉ còn thiếu đôi cánh đưa anh ta tới ngay chỗ đó nữa mà thôi. Miễn là được gặp Phúc, mọi việc trước kia sẽ xóa sạch, từ đây bắt đầu cuộc sống mới. Lúc này, anh ta nóng vội hơn lúc đi tìm ông Tào. Anh ta với ông Tào chỉ là chỗ quen biết, là chủ tớ, hai bên ăn ở tốt với nhau. Phúc không những là bạn, mà cô ta sẽ trao cả cuộc đời cho anh ta. Hai người sống trong cảnh địa ngục, từ nay sẽ gạt nước mắt, tay nắm tay, mỉm cười tiến bước, ông Tào nói làm anh ta xúc động, còn Phúc chẳng cần nói cũng làm anh ta xúc động được. Anh ta đã thổ lộ với ông Tào những điều chân thực, rồi đây, anh ta sẽ thổ lộ với Phúc những lời tâm tình; những lời không nói với ai được đều có thể đem nói hết với cô ta. Giờ đây, cô ta là bản mệnh của anh ta, không có cô ta thì chẳng cái gì còn nghĩa lý nữa cả. Anh ta không thể chỉ cố gắng vì miếng ăn. Anh ta cần phải cứu Phúc thoát khỏi túp lều nhỏ bé kia, rồi cùng nhau chung sống trong một gian buồng sạch sẽ, ấm áp, và vui vẻ, thân mật, đàng hoàng như đôi chim trong tổ ấm. Phúc sẽ bỏ mặc bác hai Cường, bỏ mặc hai em, đến giúp đỡ anh ta. Bác hai Cường vẫn có thể kéo xe kiếm ăn, hai đứa em có thể cùng nhau kéo một chiếc, hoặc kiếm một việc gì khác mà làm. Còn anh ta không thể không có Phúc được. Từ

thể chất đến tinh thần, đến công việc, mặt nào cũng cần phải có người chồng như anh ta.

Càng nghĩ càng thấy nóng ruột, càng thấy thích thú. Dưới gầm trời này, đàn bà con gái vô kể, nhưng chẳng ai được tốt đẹp, chẳng ai thích hợp với anh ta như Phúc. Quả thật Phúc không còn trong trắng như cô gái mà anh ta mơ ước, nhưng chính vì thế mà cô ta lại càng đáng thương, lại càng có thể giúp đỡ anh ta nhiều hơn. Những cô gái quê mùa, ngớ ngẩn, có lẽ trong trắng thật đấy, nhưng làm gì lại khôn ngoan, tháo vát bằng Phúc. Huống chi, anh ta thì thế nào? Bên trong cũng có lắm chuyện chẳng hay ho gì. Vậy thì, anh ta và Phúc rất xứng đôi vừa lứa, chẳng ai hơn chẳng ai kém, giống như một đôi chum có vết rạn, nhưng vẫn chứa được nước, xếp cạnh nhau.

Muốn nghĩ thế nào thì nghĩ, đó là một việc rất thích hợp. Nghĩ qua như thế rồi, anh ta bắt đầu nghĩ chuyện thực tế hơn: sẽ vay trước ông Tào một tháng công, mua cho cô ta cái áo bông, sửa chữa lại giày dép, sau đó đưa đến gặp bà Tào. Mặc áo bông mới tinh, đầu tóc chân tay sạch sẽ, với dáng người, tuổi tác, lời ăn tiếng nói của cô ta, nhất định là ăn chắc, nhất định bà Tào phải thích. Không chệch đi đâu được!

Đến nơi, người anh ta mở hời đầm đĩa. Nhìn thấy cái cổng xiêu vẹo, anh ta tưởng như nhìn thấy ngôi nhà cũ lâu năm chưa về thăm. Cửa hư, tường nát, nóc cổng lơ thơ vài ngọn cỏ úa vàng, tất cả đều rất đáng yêu. Anh

ta qua cổng, đi thẳng vào nhà Phúc. Chẳng kịp gõ cửa, chẳng kịp đánh tiếng, anh ta kéo cánh cửa ra. Cửa mở, anh ta bất giác lùi lại. Một người đàn bà đứng tuổi, ngồi trên giường, trong nhà không đốt lửa sưởi, bác ta quần quanh người một chiếc chăn rách tả tơi. Tường đứng thờ người ở ngoài cửa. Trong nhà có tiếng vọng ra:

- Gì thế? Có người chết à? Cớ sao chẳng nói chẳng rằng, cứ xông xộc đi thẳng vào nhà người ta như thế? Anh hỏi ai?

Tường chẳng buồn nói nữa. Mồ hôi trên người nhỏ giọt, anh ta vịn lấy cánh cửa hổng. Nhưng vẫn chưa hết hy vọng:

- Tôi hỏi cô Phúc!

- Không biết! Bận sau có hỏi ai thì phải lên tiếng trước đã rồi hãy mở cửa! Phúc với đức!

Ngồi ở cổng, anh ta thờ người ra một hồi lâu, lòng trống trải, quên phứt mình đang làm gì. Dần dần, anh ta sực tỉnh, nhưng chỉ nhớ đến Phúc, chỉ thấy hình ảnh Phúc lẫn quẩn trong tâm trí, y như hình người giấy trên đèn kéo quân, quanh đi quanh lại mãi chẳng đi đến đâu cả. Hình như anh ta quên mất mối liên hệ giữa anh ta và Phúc. Dần dần, hình ảnh Phúc nhỏ lại, và tâm trí anh ta hoạt động lên. Lúc đó anh ta mới thấy buồn.

Khi chưa biết chuyện hay dở ra sao, người ta thường nghĩ đến những điều tốt lành. Tường đoán, chắc Phúc dọn nhà đi chỗ khác thôi, chứ chẳng có

chuyện gì rủi ro lắm đâu. Mình thật không ra gì, sao thường chẳng lui tới thăm hỏi. Lòng hồi hận thúc giục người ta hành động để bù đắp vào chỗ thiếu sót của mình. Hãy cứ dò hỏi cho rõ ràng đã. Anh ta lại quay vào trong xóm, tìm hỏi mấy người ở đây lâu. Chẳng có cái gì đích xác cả. Vẫn chưa thất vọng, cơm cũng chẳng buồn ăn, anh ta định đi tìm bác hai Cường, hay tìm hai đứa em cũng được. Ba người đó tất phải ở trên phố, cũng chẳng khó tìm lắm đâu.

Gặp ai cũng hỏi, bến xe, quán nước, xóm ngõ, hai chân mỗi nhừ, hỏi cả ngày trời, chẳng được tin tức gì cả.

Đến tối, quay về hăng xe, mệt mỏi hết sức, nhưng anh ta vẫn không sao quên đi được. Cả một ngày thất vọng khiến anh ta không dám mong mỏi gì nữa. Người nghèo dễ chết lắm, và chết rồi chẳng ai nhớ nữa. Chẳng lẽ Phúc không còn ở trên đời này nữa hay sao? Nghĩ tới nghĩ lui, giả thử cô ta chưa chết, rất có thể bác hai Cường đem bán đi một nơi rất xa cũng nên. Như vậy càng khốn khổ hơn là chết.

Anh ta lại đánh bạn với thuốc lá và rượu. Không hút thuốc thì không còn nghĩ ngợi gì được? Không uống rượu thì làm sao thôi dừng nghĩ ngợi nữa?

23

Tường đang ủ rũ trên đường phố thì gặp ông Mã. Ông cụ không kéo xe nữa, quần áo mỏng manh rách rưới hơn trước, chiếc đòn gánh bằng gỗ liễu trên vai, một đầu lủng lẳng chiếc ấm đất to tướng, một đầu đeo cái làn tròn rách, trong đựng ít bánh rán và một hòn gạch to tướng cho cân. Ông cụ vẫn nhận ra Tường.

Nói chuyện, Tường mới biết thằng Mã chết hơn nửa năm nay rồi, ông cụ đem cái xe cũ nát ấy bán đi, ngày ngày làm ấm nước và ít bánh kẹo đến bán ở các bến xe. Ông cụ vẫn hiền hậu và đáng mến như trước, có điều lưng còng hơn nhiều, khi gió thổi, nước mắt cứ chảy ra, mi mắt đỏ ửng, như vừa khóc.

Tường uống của ông cụ một bát nước, rồi kể qua nỗi đau khổ của mình.

Ông cụ góp ý với anh ta:

– Anh cho sống một mình hơn à? Ai mà chẳng từng nghĩ thế? Nhưng đã có ai khá lên được đâu? Trước kia, tôi mạnh khỏe, khôn ngoan; lặn lội cho

đến bây giờ thành thế này đây! Khỏe mạnh à? Đến xương đồng da sắt cũng không thoát được cái thiên la địa võng nó vây lấy chúng ta. Khôn ngoan à? Ăn thua gì! Đâu có cái chuyện vớ vẩn, ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác! Lúc còn trẻ, tôi cũng sốt sắng lắm, coi việc ai cũng như việc mình. Nhưng có ăn thua gì không? Chẳng ăn thua gì hết! Tôi đã từng cứu người: đưa trăm mình, kẻ thất cổ. Có báo ứng gì không? Chẳng có gì cả. Nói cho anh nghe, chưa biết chừng ngày nào tôi chết rét đây! Tôi rõ lắm rồi, làm cái nghề lao lực lại định một mình khấm khá lên thì khó hơn là lên giời. Một mình thì làm cái quái gì được. Anh đã thấy con châu chấu chưa? Cũng nhảy xa đấy chứ, nhưng thằng bé con tóm được, lấy chỉ buộc lại thì bay cũng chẳng bay đi đâu được nữa là. Nhưng nếu hợp lại thành đàn, thành lũ, loáng cái phá sạch cả mùa màng, thì chẳng ai trị được! Anh thấy có đúng không? Tôi cũng chịu thương chịu khó, ấy thế mà có thằng cháu cũng chẳng nuôi được. Nó ốm, tôi không có tiền mua thuốc, đành nhìn nó chết trên tay! Thôi! Nói làm gì nữa!... Nước chè đây! Ai nước chè nóng không nào!

Tường hiểu ra rồi: lão Tư Lưu, mụ Dương, tên Tôn mật thám không vì anh ta nguyên rửa mà chúng sẽ phải chịu ác báo, và anh ta cũng chẳng thể vì chịu thương chịu khó làm ăn sẽ khấm khá lên được đâu. Nếu một thân một mình thì đúng lời ông cụ nói, giống như con châu chấu bị bọn trẻ con lấy chỉ buộc lại, có cánh nhưng nào có ăn thua gì?

Anh ta chẳng muốn đến nhà ông Tào nữa. Đến nhà ông ta, tất nhiên anh ta phải cố gắng làm ăn, nhưng cố gắng như vậy để làm gì? Cứ loanh quanh qua quýt thế này thôi: chưa có ăn thì kéo xe, đủ ăn một ngày thì nghỉ một ngày đã, mai lại tính. Đó không những là một cách sống, mà lại còn là một cách sống duy nhất. Dành dụm tiền, mua xe, để sẵn sàng cho người ta đến cướp giật đi à? Việc gì lại khổ cái thân như thế? Sảo chẳng sướng được ngày nào thì cứ sướng đã!

Lại nữa, giả dụ tìm được Phúc, anh ta tất phải cố gắng, không vì mình lại chẳng vì cô ta hay sao? Không tìm được cô ta, thì cũng như ông cụ chết mất cháu, còn chịu khó cho ai? Anh ta đem chuyện Phúc kể cho ông cụ nghe, coi ông cụ như người bạn thực sự.

- Ai nước chè nóng không nào?

Rao xong, ông cụ nghĩ hộ cho Tường:

- Cứ theo tôi đoán, thì không thoát khỏi hai con đường này: bác hải Cường không đem bán cho người ta làm tôi đòi, thì tất phải gán cho xóm "*Nhà trắng*" rồi đấy thôi! Hừ! Có phần chắc vào xóm "*Nhà trắng*". Vì sao lại thế? Chẳng là như anh nói, cô ấy đã có chồng một lần rồi mà, nên chẳng ai người ta lấy. Người ta mua vợ lẽ nàng hầu, cũng mua của còn nguyên vẹn kia. Vậy thì, có đến tám chín phần mười, cô ấy phải vào "*Nhà trắng*" rồi! Tôi gần sáu mươi tuổi đầu, mắt thấy nhiều: những anh phu xe còn khỏe mạnh bằng một hai hôm

không thấy ra đến đầu đường, thì anh cứ đi tìm mà xem, không đi kéo xế tháng thì tất nằm ở “Nhà trắng”; con gái con dâu bọn phu xe chúng ta bỗng nhiên thấy mất tăm, tám chín phần mười là cũng vào đó. Bọn ta thì bán mồ hôi, vợ con ta thì bán tròn nuôi miệng. Tôi biết rồi, rõ cả rồi! Anh thử đến đó tìm thử xem sao, cũng chẳng mong gì cô ấy ở đấy thật, có điều là... Nước chè đây! Ai nước chè nóng không nào?

Tường chạy một mạch ra ngoài cổng Tây Trục.

Vừa ra khỏi thành, anh ta liền thấy trống trải quá, cây cối khẳng khiu đứng ven đường, trên cành không một bóng chim. Cây màu xám, đất màu xám, nhà cửa màu xám, tất cả lặng lẽ dưới bầu trời xám ngắt. Giữa chỗ âm u đó nhìn ra xa, thấy ngọn Tây Sơn hoang vắng, lạnh lẽo. Phía bắc đường sắt là một cánh rừng, ven rừng có mấy nóc nhà thấp lè tè, Tường đoán chắc là “Nhà trắng” ở đó. Nhìn rừng cây, thấy lặng ngắt; nhìn ngược lên phía bắc, là vùng ao đầm phía ngoài vườn bách thú, chỉ thấy nhấp nhô vài gốc lau sậy tàn lụi. Bên ngoài mấy gian nhà nhỏ, không một bóng người, không động tĩnh gì cả. Xa gần đều im vắng, anh ta ngờ vực, không hiểu đây có phải xóm “Nhà trắng” nổi tiếng không? Anh ta đánh bạo đi đến tận nơi, thấy nhà nào cửa cũng treo một bức rèm bằng rạ, còn mới, vàng óng. Anh ta nghe nói, mùa hè, bọn con gái ở đây đều để lưng trần, ngồi ngay ngoài cửa mà đón người đi qua. Bọn khách chơi

thì từ xa đã hát những câu huê tình để tỏ ra ta thành thạo. Sao bây giờ lại thấy lặng lẽ thế này? Chẳng lẽ mùa đông không tiếp khách hay sao?

Anh ta đang đoán mò như vậy thì chiếc rèm cửa gần đó lay động, một người đàn bà thò đầu ra. Tường giật nẩy mình, cái đầu sao giống đầu ả Nữu thế. Anh ta nghĩ thầm: *"Tìm Phúc mà lại thấy ả Nữu thì thật đúng là ma trên rồi!"*.

– Vào đây nào! Chóng ngoan!

Người đàn bà kia gọi, giọng không giống ả Nữu, nghe khàn khàn, y hệt giọng lão già bán thuốc rê thường gặp ở chợ Thiên Kiều, vừa khàn khàn lại vừa có vẻ tha thiết.

Trong nhà chẳng có quái gì cả, chỉ có người đàn bà kia và cái bệ đất, không trải chiếu, nhưng dưới gầm có đốt lửa nhỏ, mùi hôi hám bay lên nồng nặc, rất khó chịu. Trên bệ có để chiếc chăn cũ, mép chăn cũng như gạch lát bệ bóng loáng. Người đàn bà trạc bốn mươi trở lại, đầu tóc bù xù, mặt chưa rửa, mặc chiếc quần chèn ống, áo bông vải thanh bố, không cài khuy. Tường phải cúi đầu xuống mới bước vào trong được. Anh ta vừa bước qua cửa, thì chị ta ôm chầm lấy. Chiếc áo bông không cài khuy, đôi vú vừa dài vừa to lòi ra ngoài.

Tường ngồi xuống bệ đất, vì đứng thì không tài nào vươn thẳng cổ lên được. Gặp người đàn bà nọ anh

ta thấy vui trong bụng, đúng là xóm “Nhà trắng” đây rồi, vì thường nghe nói, ở xóm “Nhà trắng” có một cái “bao bột”. Chắc chị này đây, có cái biệt hiệu “bao bột” đó là vì vú chị ta vừa to vừa dài. Tường đi thẳng vào chuyện luôn, hỏi xem có ai tên là Phúc ở đây không. Chị ta không biết. Tường tả hình dáng Phúc, chị ta mới nhớ ra:

– Thế thì có. Có một cô như thế đấy! Còn trẻ, hay để lộ mấy chiếc răng bóng. Đúng rồi! Chúng tôi vẫn gọi cô ấy là “gái tơ” đấy.

Tường bỗng trợn mắt lên, căm giận:

– Cô ta ở nhà nào?

– Cô ta ấy à? Chết lâu rồi! – “Bao bột” chỉ tay ra ngoài đường – Thất cổ trong cánh rừng kia!

– Sao?

– “Gái tơ” đến đây, đắt khách lắm. Nhưng cô ta, người yếu, không chịu nổi. Hôm ấy, vào lúc lên đèn tôi còn nhớ rành rành, bởi vì tôi với hai ba chị nữa ngồi ngoài cửa mà! Hừ, giữa lúc ấy đấy, một khách chơi, đi xộc vào buồng cô ta; cô ta không chịu ngồi ở cửa đón khách như bọn chúng tôi đâu, lúc mới đến cũng vì thế mà bị ăn đòn đấy. Về sau, ai cũng biết cô ta, nên cô ta được phép ngồi trong buồng, khách đến tìm cô ta nhất định không chịu đi với ai khác. Một lúc, độ khoảng ăn xong bữa cơm, thấy khách đi ra, rồi đi thẳng tới cánh rừng kia. Chúng tôi cũng chẳng để

ý nhìn theo, mà cũng chẳng ai vào chỗ cô ta cả. Đến lúc mụ trùm đi thu tiền, mới thấy trong buồng cô ta có một người đàn ông, trần như nhộng đang ngủ li bì. Thì ra anh ta say rượu, “gái tơ” lột hết quần áo anh ta, mặc vào rồi trốn luôn đi. Kể con bé cũng khôn thật đấy. Nhưng không nhờ trời tối thì đồ mà trốn thoát được. Trời tối, lại mặc giả đàn ông, chẳng ai nhìn ra cả.

Mụ trùm liền sai người đi tìm khắp nơi, hừ, vừa vào tới cánh rừng kia, thì thấy cô ta treo lủng lẳng ở trên cành rồi. Hạ xuống, thì đã tắt thở, nhưng lưỡi chẳng thè ra mấy tí, mặt vẫn tươi, chết rồi mà trông vẫn đẹp! Máy tháng nay rồi, trong rừng tối đến, chẳng xảy ra chuyện gì cả, cô ta không hiện về nạt người, nhân nghĩa lắm...

Tương chẳng đợi chị ta nói hết, loạng choạng đứng dậy đi ra. Anh ta tới một khu nghĩa địa có trồng mấy hàng thông ngay ngắn, trong có độ hơn chục ngôi mộ. Ánh nắng đã nhạt, dưới bóng thông, lại càng ảm đạm. Anh ta ngồi thụp xuống, mặt đất phủ cỏ khô và hoa thông. Không một tiếng động, chỉ có tiếng chim khách kéo dài, buồn bã. Anh ta biết rằng, đây không phải là mộ của Phúc, nhưng nước mắt anh ta vẫn cứ trào ra, rùng rùng. Chẳng còn gì nữa cả. Phúc nằm dưới đất rồi! Anh ta đã từng cố gắng chịu thương chịu khó, Phúc cũng đã từng muốn làm ăn tử tế cho khá lên, ấy thế mà nay, anh ta chỉ còn những

hàng nước mắt vô dụng, còn Phúc trở thành con ma thất cổ! Một manh chiếu, vùi ở gò “*bất đắc kỳ tử*”, đó là kết cục của một đời cố gắng, chịu thương chịu khó.

Về đến hăng xe, anh ta vui đầu vào ngủ hai ngày liền. Anh ta không đến nhà ông Tào nữa, mà cũng chẳng cần tin cho ông ta biết. Ông Tào chẳng thể cứu nổi cái mạng thằng Tường này đâu!

Ngủ liền hai ngày, rồi anh ta lại kéo xe ra, trong lòng trống rỗng, chẳng nghĩ ngợi gì, mà cũng chẳng hy vọng gì. Chỉ vì cái bụng mà phải nhọc cái thân, bụng no rồi thì lại ngủ, còn cần gì phải suy nghĩ, phải hy vọng nữa? Nhìn con chó gầy gơ xương, châu chực bên thúng khoai chờ được chút vỏ bỏ đi, anh ta biết thân anh ta chẳng khác gì con chó kia, quần quật suốt ngày cũng cốt chỉ để được ít vỏ khoai mà ăn. Cứ tạm bợ qua quít thế mà sống, chẳng cần suy nghĩ gì cả.



PHẦN 2

TRĂNG NON

Tiên sinh quần bò

Tàu hỏa ở ga đông Bắc Bình vẫn chưa chạy, vị tiên sinh cùng buồng nằm giường tầng trên, mặc quần bò, đeo kính râm, diện áo sơ mi Tây dương bằng đoạn màu xanh, ngực dắt bút viết chữ tiểu khải chân dạn ủng nhung xanh, lên tiếng hỏi:

– Anh cũng lên tàu từ Bắc Bình hả? – Rất nhã nhặn.

Tôi hơi mù đầu, tàu chưa chạy, không lên từ Bắc Bình, chẳng lẽ từ – từ đâu bây giờ? Tôi đành phản công:

– Anh lên tàu từ chỗ nào ạ? – Nhỏ nhẹ không kém. Tôi mong ông ta nói lên tàu từ Hán Khẩu hay Tuy Viễn, vì quả nhiên là thế, vậy thì tàu hỏa Trung Quốc còn đâu quỹ đạo của nó nữa, tùy ý đi đi lại lại thế nào cũng được đâu; ôi, tự do biết bao!

Ông ta im lặng. Ngắm nghía chỗ nằm, vận hết sức lực toàn thân – mà cũng chưa chắc đã toàn thân – hét một tiếng:

– Hầu phòng!

Hầu phòng đang bận túi bụi giúp hành khách khuôn đồ đạc, tìm giường nằm. Nhưng nghe tiếng gọi khẩn cấp đến thế, dù có trời sập cũng phải bỏ đấy, hầu phòng lao đến.

– Lấy chặn! – Tiên sinh quần bò hét.

– Xin ngài đợi một lát, thưa tiên sinh – Hầu phòng lễ phép nói – Tàu chuyển bánh, sẽ lập tức có cho ngài đắp ngay.

Tiên sinh quần bò đào bới lỗ mũi bằng ngón trỏ, không còn động tác nào khác.

Hầu phòng vừa bước được hai bước.

– Hầu phòng! – Lần này hình như cả đoàn tàu cũng bị chấn động, rung lên bần bật.

Hầu phòng quay ngoắt người như bị một cơn gió xoáy.

– Lấy gối! – Tiên sinh quần bò chắc đã thừa nhận, chặn thì có thể chặm một lát, nhưng gối thì bao giờ vẫn phải lấy ra trước.

– Tiên sinh, xin đợi một chốc, ngài đợi tôi làm nốt chỗ này rồi chặn và gối sẽ mang đến đủ cả – Hầu phòng nói liền một hơi nhưng vẫn rất nhã nhặn.

Hầu phòng nhìn tiên sinh quần bò một cái không nói lời nào, vừa quay người chuẩn bị bước đi, lần này, đoàn tàu mới thật sự rung lên đến nửa ngày trời: – Hầu phòng!

Hầu phòng suýt bổ chừng, vội vã ngoắt lại.

– Mang trà!

– Xin tiên sinh đợi chút xíu, tàu chuyển bánh liền có trà ngay.

Tiên sinh quần bò không một phản ứng. Hầu phòng cố nặn ra một nụ cười, tỏ ý xin lỗi. Sau đó ý tứ chầm chậm xoay người, đỡ khỏi phải quay lại quá nhanh mà ngã nhào. Quay xong, chân dậm bước, sau lưng sét giạt đánh đùng:

– Hầu phòng!

Người hầu phòng đâu phải giả bộ không nghe tiếng, mà tai đã bị ù đặc, không hề ngoảnh đầu, sải bước đi thẳng một mạch.

– Hầu phòng! Hầu phòng! Hầu phòng! – Tiên sinh quần bò gọi liên tục, tiếng sau cao hơn tiếng trước. Người đưa tiền, hành khách trên bệ hốt hải ủa đến, ngõ trên tàu xảy ra hỏa hoạn, bằng không chắc là ai đó mất mạng. Hầu phòng cương quyết không quay đầu lại. Tiên sinh quần bò lại đào bới lỗ mũi một hồi, ngồi xuống giường của tôi. Vừa đặt dít, “*Hầu phòng!*”. Hầu phòng không đến. Ngó ngó đầu gối của mình, mặt sụ xuống, sụ đến giới hạn hết mức cho phép, ngón tay ngoáy lỗ mũi, gương mặt như miếng vải vừa trải ra liền sun trở vào. Tiếp đó:

– Anh nằm toa hạng hai hả? – Câu này chắc là hỏi tôi đây. Tôi lại một phen giật mình, đích xác là tôi mua vé hạng hai thật, chẳng lẽ tôi lên nhầm tàu rồi sao?

– Còn ông? – Tôi trả lễ.

– Hạng hai. Toa này hạng hai. Hạng hai có giường nằm. Sắp chạy chưa nhỉ? Hầu phòng!

Tôi nhặt tờ báo lên.

Ông ta đứng dậy, đếm hành lý của mình, tổng cộng tám chiếc, chất sang cả lên một chiếc giường tầng khác – cả hai chiếc giường tầng trên bị ông ta chiếm cả. Đếm hai lượt xong xuôi, lại lên tiếng:

– Hành lý của anh đâu?

Tôi lặng. Tiên sinh ra tôi hiểu nhầm: ông ta có ý tốt, vì liền đó, ông ta tiếp tục: – Gã hầu phòng đáng ghét, sao không chuyển hành lý cho ông?

Tôi không thể im lặng mãi.

– Tôi không có hành lý.

– Há? – Đích thị ông ta giật nảy người, cứ như đi tàu xe mà không đem theo hành lý là làm chuyện đại nghịch bất đạo vậy.

– Biết thế, bốn cái va ly của tôi đã khỏi phải mua vé hành lý rồi!

Lần này đến lượt tôi – Há? – Tôi nhủ thầm – May quá, nếu bằng không vác cả bốn cái va ly vào nữa, còn đâu chỗ mà ngủ!

Giường đối diện với tôi đã có hành khách vào ngồi, ông ta cũng không có hành lý, ngoài cái cặp da xách ở tay.

– Há? – Tiên sinh quần bò lại hốt hải – Nếu biết trước các anh đều không mang hành lý, cổ quan tài đỡ phải tốn vé!

Tôi bèn quyết định, lần sau đi tàu xe nhất quyết đem theo hành lý; phải ôm cổ quan tài ngủ một đêm ai chịu nổi!

Anh hầu phòng lướt qua cửa:

– Hầu phòng! Lấy khăn mặt!

– Đợi chút! – Anh hầu phòng hình như đã hạ quyết tâm chống đối đến cùng.

Tiên sinh quần bò tháo tung cà vạt ra, rút cổ áo xuống, chia ra treo từng chiếc lên hàng móc sắt: Tất cả móc đã bị chiếm cả. Mũ, áo khoác của ông ta đã chiếm hai chiếc.

Tàu lặn bánh, bất chợt ông ta muốn mua báo:

– Hầu phòng!

Hầu phòng không đến. Tôi tặng ông ta tờ báo của tôi, đây là chủ ý của cái màng nhĩ tai tôi.

Ông ta trèo lên giường tầng, tháo ủng ngay trên đầu tôi, lại còn vỗ bồm bộp đám đất bám dưới đế ủng. Gối đầu lên chiếc túi xách tay, lấy tờ báo của tôi dấp mặt, tàu chưa kịp tới Vinh Định Môn, ông ta đã say giấc rồi.

Lòng tôi thanh thản đi nhiều.

Đến Phong Đài, tàu chưa dừng bánh, phía trên đã phát ra tiếng:

– Hầu phòng!

Không đợi hầu phòng thưa gửi, ông ta lại chìm vào giấc ngủ; chắc hẳn lần này ông ta nói mê.

Qua Phong Đài, hầu phòng bung đến hai bình trà nóng. Tôi và vị khách ngồi đối diện – một người bình thường chẳng có gì đặc biệt, chừng bốn mươi tuổi, mặt mũi vẫn còn khả quan – vừa uống vừa trò chuyện. Chắc chưa tới Lang Phường, bên trên đã sấm rền:

– Hầu phòng!

Hầu phòng đến, mảy cau lại như phải ăn thịt ai đấy thì mới hả lòng.

– Làm gì? Tiên... sinh?

– Lấy trà! – Tiếng sấm trên đầu tôi lại vang lên.

– Đây chẳng phải hai bình trà? – Hầu phòng trở vào bàn con, nói.

– Bên trên cần một bình khác!

– Được? – Hầu phòng lui ra.

– Hầu phòng!

Hai bên lông mày hầu phòng dính chặt vào nhau, đến nỗi mấy sợi chực rớt xuống.

– Không cần trà, lấy một bình nước lọc!

– Được thôi!

– Hầu phòng!

Tôi cứ sợ lông mày anh hầu phòng rụng sạch!

– Lấy chăn, lấy gối, lấy khăn mặt, lấy... – Tựa như chưa kịp nghĩ ra lấy cái gì nữa.

– Tiên sinh, ngài đợi một chút. Còn có hành khách ở Thiên Tân lên nữa, qua Thiên Tân rồi chúng tôi sẽ thu xếp một thể, không lỡ mất giấc ngủ của ngài đâu ạ!

Hầu phòng nói liền một hơi, ngoắt đầu đi thẳng, như thể không bao giờ còn quay lại nữa.

Một lúc sau, nước lọc bưng đến, tiên sinh quần bò lại lạc vào miền mộng, tiếng phì phò chỉ nhỏ hơn “*hầu phòng*” đôi chút thôi, nhưng thành nhịp thành điệu hân hoan, đều đặn liên tục, đôi khi tiếng ngày thấp xuống một tí, à, bù vào đó là tiếng nghiêng răng ken két.

– Nước lọc, tiên sinh!

– Hầu phòng!

- Ở đây này, nước lọc!
 - Thưa có đây, tiên sinh!
 - Lấy giấy lau!
 - Trong nhà vệ sinh có.
 - Hầu phòng! Phòng vệ sinh bên nào?
 - Bên nào cũng có.
 - Hầu phòng!
 - Lát nữa nhé!
 - Hầu phòng! Hầu phòng! Hầu phòng!
- Không lời đáp.
- Khò - khò khò - khò - khò - ngủ mất rồi.

Hay thật đấy!

Đến Thiên Tân. Một loạt hành khách mời lên tiên sinh quần bò choàng tỉnh, tu một hơi cạn sạch bình nước. Tiếp tục gõ ủng bồm bộp trên đầu tôi. Thọc ủng vào, trườn xuống, ngón trở ngoáy lỗ mũi, ngó ngó ra ngoài.

- Hầu phòng!
- May thay hầu phòng lướt qua trước cửa.
- Lấy chân!
- Chấn tới ngay.

Tiên sinh quần bò đi ra, đứng chờ đẵn giữa hành lang, vường cẳng hành khách và phu khuân vác qua lại. Đột ngột dùng hết sức ngoáy mũi, dứt khoát bước đi. Xuống tàu, ngắm nghía lê, mua mua; xem xem, cóc mua, dòm dòm cỡ áo các phu khuân vác, vô tác dụng. Lại trở lên, hỏi tôi một câu:

– Thiên Tân, hi? – Tôi nín thinh. Ông ta lăm bắm một mình – Hỏi thử hầu phòng vậy – lập tức một tiếng sét – Hầu phòng! – Tôi hồi hận, vội vàng đáp – Là Thiên Tân, đúng thế.

– Vẫn phải hỏi hầu phòng cho chắc, hầu phòng!

Tôi bật cười, không sao nhịn được.

Khá lâu tàu mới rời Thiên Tân.

Tàu vừa chuyển bánh, hầu phòng đã đem chăn, gối và khăn mặt đến cho tiên sinh quần bò. Tiên sinh quần bò thọc khăn vào lỗ mũi, lỗ tai, đầu đầu cũng sẵn sốc tận tình, lau chiếc khăn ấy ít nhất cũng mất mười lăm phút, sáu cùng dùng nó chà xát đất, bụi trên túi xách.

Tôi đếm hộ ông ta, trong vòng chừng mười phút từ ga cũ đến ga mới, ông ta hét thêm đến bốn năm chục câu “*hầu phòng*”. Hầu phòng chỉ đến có một lần, vấn đề của ông ta là, tàu chạy về hướng nào? Đáp rằng không biết; thế là gọi ra một lô kiến nghị, nào lên trên tàu phải có người biết chứ, hầu phòng nên đảm đương nhiệm vụ đi hỏi. Hầu phòng bảo, cả lái

tàu cũng chẳng biết đông tây nam bắc ở đằng nào. Thế là ông ta tái mặt, lỡ tàu đi nhầm đường thì sao? Hầu phòng chẳng nói chẳng rằng, nhưng rụng thêm mấy sợi lông mày.

Ông ta lại thiếp đi, lần này từ phía trên đầu tôi thả đánh sượt một chiếc tất, may nước dãi không thông nhỏ xuống mà chiếu cố đến nóc tàu.

Tôi mất giấc ngủ là đương nhiên, tôi đã thấy rõ từ trước, trừ phi có một cặp "*chấn âm thanh*" nếu không hiển nhiên là không sao ngủ nổi. Đáng thương cho những người ở buồng khác, họ không chuẩn bị để thức trắng đêm, may trong bầu không khí rền vang tiếng gáy này, đành chong mắt một đêm thâu.

Điểm đến của tôi là Đức Châu, trời sáng thì tới nơi ngay, ơn trời ơn đất!

Tàu dừng ở đó chừng nửa giờ, tôi thuê xe xong đầu đấy, vào thành rồi, tai vẫn nghe rõ mồn một "*hầu phòng!*".

Hơn một tuần sau, tôi vẫn tiếc thương hàng lông mày của anh hầu phòng.

(*Đã đăng trên kỳ ba quyển "Giới thanh niên" số ba ngày mùng 5 tháng 5 năm 1933*)

Vi thần

Thế rồi Thanh minh cũng đã qua đi. Có lẽ bao nhiêu hoa hải đường đã nở rồi hay sao ấy? Thời tiết năm nay tự nhiên cũng muộn hơn, lũ bướm còn non, yếu lấm, những nàng ong vàng vừa nở đã tung tăng bay đi tìm mật, dường như thế giới bao la này đâu đâu cũng tràn đầy hương vị ngọt ngào đáng yêu làm sao! Trên bầu trời, vài đám mây đang lơ lửng dang trôi, chim yến đen kết hình chữ đinh, đùa giỡn giữa những đám mây trắng. Tĩnh không một ngọn gió, nhưng những cành liễu mong manh lại cố tình lay động như muốn mĩa mai cái sắc xanh mượt mà của đồng ruộng. Màu xanh của đồng ruộng nhẹ nhàng phủ cả lên dãy núi nhỏ gần đó, như sợ chỉ cần chạm khẽ sẽ tan loãng hết. Tựa hồ như càng lên cao, sắc xanh càng nhạt dần, lên đến đỉnh núi, chỉ còn những đường vân mờ mờ xanh lẫn trong sắc vàng. Cây cối trên sườn núi cũng khoác một màu xanh non mơn mớn, bầu trời sau núi đang ảm dần lên, chẳng thế mà đàn nhạn trời bay thành hàng hót vang khắp nơi? Lan thảng ba ẩn mình sau khe đá vẫn còn chưa trở hoa.

Nhắm mắt hít thở thật sâu vào lồng ngực là có thể cảm nhận được hương vị của núi non mà chẳng phải mất công tìm kiếm ở đâu, bạn thấy không, đến những chiếc lá vàng rụng xuống từ năm ngoái vẫn còn phảng phất mùi thơm nữa là. Xa xa vẳng lại tiếng kêu không quá ồn vui sướng của bầy sơn dương trắng, trong tiếng kêu ấy, phảng phất như có chút gì bi ai. Thỉnh thoảng, một con dê nhỏ chạy lại, chưa kịp mọc sừng đã mọc râu đứng ngơ ngác bên vách đá ngoe nguẩy chiếc đuôi xinh xắn rồi chạy biến đi.

Tôi đắm mình trong biển ánh nắng ấm áp tràn ngập khắp sườn núi, trong đầu không vương chút suy tư. Nhưng tự nhiên từ trong lòng tôi rớt xuống những hạt ngọc của thi ca, rớt lên mặt biển xanh của lòng mình, không chút thanh hưởng, chỉ có ít nhiều gợn sóng của cái cười nhẹ chạy chưa đến cảm thì đã tan biến mất. Nhưng rốt cuộc cũng không thành được một câu thơ cho ra hồn. Trong vũ trụ của thi ca, ngay cả bản thân tôi cũng chỉ là một dấu chấm hay là dấu phẩy nhỏ nhoi ở một đoạn nào đó trong thơ mà thôi.

Càng đắm mình trong ánh nắng, tôi càng cảm thấy thoải mái dễ chịu, tôi cảm nhận được sự vui sướng trong từng nhịp bay của cánh bướm. Tôi ngồi ôm gối, đưa người theo cảnh liễu đang khe khẽ rung rung khắp xung quanh. Mỗi chiếc lá liễu non óng ả thẩm tươi giống như chiếc tai nhỏ nghiêng nghiêng nghe tiếng thầm thì của mùa xuân. Bất giác đưa mắt nhìn

lên không trung. Chao ôi, cảm ơn mảng mây trắng kia, phía trên còn chấp chới một chú chim yến nhỏ, chú nhỏ bé đến nỗi gần như sắp hòa vào màu trời giống như một chấm đen giữa trời xanh bao la. Tâm hồn tôi tưởng chừng như đang phiêu diêu tận mãi nơi đó.

Con đường nhỏ trên sườn núi phía xa xa giống như một đường chỉ vàng phân cách giữa địa phận các tỉnh màu xanh trên tấm bản đồ. Nhìn xuống phía dưới là ruộng lúa mì bát ngát, địa hình càng lúc càng thấp, con đường nhỏ giống như một con sông đang chảy tít xuống phía chân đồi cho đến khi bị rừng thông già che khuất. Ước gì, bên rừng thông kia là một eo biển. Mãi đến khi tôi đứng dậy, bước vài bước đến chỗ cao hơn đưa mắt nhìn xem, ô, thì ra là không phải phía dưới đều là cây cối dày đặc, lác đác vài ngôi nhà lá thấp lè tè; một tiếng gà kêu yếu ớt lẫn trong ngọn gió vừa thoảng đến.

Tiếng gà kêu từ đằng xa vắng lại trong nắng xuân có chút gì bi thảm khiến tôi lơ mơ không nhận rõ mọi vật phía trước là thực hay là hư, nó như một sợi kim tuyến làm bằng âm thanh chập chờn giữa mộng và thực; bất chợt tôi như nhìn thấy một chiếc mào gà đỏ như máu! Thăm nghĩ, trong thôn hay ở bất cứ một nơi nào đó đã xuất hiện một con gà trống – và mong sao nó là màu trắng tuyết.

Tôi ngồi bệt xuống, không, đúng hơn là nằm xuống mắt lim dim như cố để một kẻ hờ để thu giữ màu xanh lam của bầu trời, càng nhìn càng thấy trời

sâu và cao thăm thẳm. Đồng thời chút xanh lam của ánh sáng ảm áp cũng rơi xuống, rơi xuống trên cặp mắt không xa lòng tôi kia. Một lát sau, tôi khép đôi mắt lại, nhìn vào cõi thình không và ý vị tươi cười trong lòng mình.

Tôi nhắm mắt mơ màng ngủ, nhưng vẫn nghe thấy rõ mồn một những tiếng hót líu lo khe khẽ và tiếng gọi nhau của những chú chim non. Kể cũng lạ thật, mỗi lần giấc ngủ chập chờn kéo đến, tôi lại nhìn thấy nơi ấy, hoàn toàn không biết chính xác đó là nơi nào, thế nhưng trước mỗi giấc mơ nó lại hiện về trước mắt. Rồi chẳng biết tự bao giờ, tôi đặt tên cho nó là phía trước giấc mộng.

Nơi ấy không rộng lắm, không có núi non và cũng không có biển. Giống như một vườn hoa nhưng lại không có giới hạn một cách rõ ràng. Nó như một mảnh đất hình tam giác không mấy ngay ngắn mà chóp của ba góc đó như bị chìm lấp vào trong khoảng tối mờ mịt. Trên một góc cứ luôn luôn hiện ra trước mắt tôi đầu tiên – là một thảm hoa đỏ thắm lẫn hoa màu vàng kim, dày đặc tầng tầng lớp lớp. Không hề có chút tia nắng mặt trời, đằng sau thảm hoa đỏ vàng kia là một màu đen kịt, nhưng cái phong màu tối ấy dường như lại càng khiến cái màu vàng đỏ của hoa thêm thắm hơn, tưởng tượng nó giống như trên chiếc bình hoa đen vẽ những bông hoa mẫu đơn đỏ, nó sâu đến nỗi từ trong cái đẹp của nó một vẻ gì làm người ta sợ hãi. Tôi

nhận ra rằng khung cảnh đen tối xung quanh đã khiến thảm hoa màu vàng đỏ kia bao chặt lấy màu sắc của mình, không dễ dàng lọt ra xung quanh. Cộng với cái hiem hoi của ánh nắng mặt trời, càng khiến cái thảm màu sắc kia như chùng xuống hòa lẫn với màu đất. Bao giờ cũng vậy, cái tôi để mắt tới đầu tiên là thảm hoa ấy, cứ nhìn thấy nó thì những cái còn lại chẳng cần nhìn cũng biết, đúng là thoáng thấy Hương Sơn ắt biết chùa Bích Vân ở chỗ nào.

Hai góc còn lại, thì góc bên phải là một gò đất vừa dài vừa dốc, hoa dại màu xám sẫm mọc um tùm. Trong cảnh không lấy gì làm đẹp để có một sức lực gì đó thật thâm hậu, có thể là do ánh trăng giúp những nơi xám xịt kia ánh thêm chút ít sắc bạc, làm hé lộ phần tầng không linh diệu của thi ca. Nhưng tôi không nhớ rõ ở đâu đó có một vầng trăng nhỏ bé. Bất luận thế nào, tôi cũng không ghét bỏ nó. Không, tôi yêu cái màu tím tựa hồ như bị sương làm cho mờ đi ấy, nó giống như tà áo dài tím mờ của mẹ tôi mặc thời còn trẻ. Góc phía bên phải là đẹp nhất, một căn phòng nhỏ, trước cửa có giàn dây leo nguyệt quý, nở toàn một màu hoa giản dị, phủ đầy một lớp phấn mỏng.

Bất chợt lúc nào đó, tôi đưa mắt nhìn từ trái sang phải, đen tím, đỏ vàng, phấn mỏng giống như từ thu chớm sang xuân, thời gian cứ trôi đi, sinh mệnh không những không viên mãn rồi ủa tàn, mà ngược

lại giống như hoa hồng là kết tinh song tuyết của hương và sắc vậy.

Ở giữa ba góc là một khoảnh cỏ xanh, xanh thắm, mềm mại, dày dặn, ẩm ướt, mỗi một thân lá đều vươn thẳng lên cao như để lắng nghe tiếng mưa rơi ở một nơi nào đó. Không một chút gió, không một con côn trùng nào lay động, một thế giới quý hiếm thu nhỏ, sống chẳng chỉ có màu sắc.

Trong những trải nghiệm thực tế, tôi chưa từng thấy một khung cảnh giống như thế này. Nhưng chính nó lại mãi mãi tồn tại, tồn tại ngay trước giấc mộng của tôi. Màu xanh thắm đặc trưng của Anh, dải đồi cỏ tím Xcôtlen, sự u tối của rừng đen nước Đức, hoặc các tổ tiên của nó, nhưng nào ai biết được. Từ trong cái rục rờ của vùng phụ cận xích đạo giảm dần ánh nắng mặt trời, cũng có nét rất giống nó, nhưng nó lại không có rấn dạng cầu vồng và chim năm màu, thôi mặc kệ, dù sao tôi cũng đã làm quen với nó.

Không biết bao nhiêu phen tôi đã nhìn thấy nó rồi. Nó và cái cảnh *"núi cao trắng nhỏ, nước chảy đá trôi ấy"* là một đôi bình phong trong lòng tôi. Nhưng tôi chưa hề bước vào căn phòng nhỏ đó. Tôi không phải là kẻ bị tất cả những sắc màu kia hấp dẫn đến thần thờ ngơ ngẩn, liền vội vàng lao vào một cõi mộng của màu sắc khác trên đám cỏ của nó. Nó là người bạn bao lâu nay tôi vẫn thường gặp. Tên tuổi cũng đã biết cả. Có điều là chưa tâm sự cùng nhau tổ

tường đó thôi. Tôi không hiểu trung tâm của nó là màu gì, chứa đựng ở đó thứ âm nhạc thần bí gì... Quá mong sao có một chút vang động mong manh.

Và lần này tôi quyết định đi khám phá. Vừa đi vừa nghĩ chẳng mấy lúc đã bước đến giàn hoa nguyệt quý, xung quanh yên lặng đến nỗi chính tôi cảm thấy sợ ngay cả tiếng bước chân của mình. Với tôi, hoa nguyệt quý báo hiệu khí tiết của cái tết Đoan ngọ, tôi muốn dán một tờ giấy vàng thắm, bên trên có in chữ phán quan màu đỏ tươi vào giữa hai bụi ngải. Nhưng không. Trong lòng tôi chỉ văng vẳng tiếng gào thét: “*Anh Đào*”. Nơi đây tĩnh lặng quá chừng.

Ngôi nhà nhỏ đóng cửa im ỉm – ngay cả cửa sổ cũng được che kín bởi bức rèm màu trắng ngà, hoàn toàn không nhìn rõ bóng hoa bởi không đủ ánh sáng. Bên trong không có động tĩnh gì, dường như gian nhà nhỏ này là nơi bắt nguồn của mọi sự im lặng. Đẩy nhẹ cửa bước vào, đón tiếp tôi chỉ là sự tĩnh mịch và ngăn nắp, tôi nói là đón tiếp bởi tất cả mọi thứ trong phòng còn có chút hơi hương của “*người*” nếu như cảnh vật ngoài kia là của “*ma*” – mong sao tôi đã không quá cường điệu khi ví như vậy.

Một gian lớn được bức màn ngăn làm hai gian một to một nhỏ. Bức màn cũng màu trắng ngà, bên trên thêu vài con bướm. Gian ngoài chỉ có một chiếc bàn dài, một chiếc bàn hình bầu dục và một chiếc ghế, tất cả đều có màu cổ tối, trông rất giản dị. Tám

đệm trên ghế màu xanh nhạt, vài cuốn sách xếp ngay ngắn trên bàn. Trên án thư đặt một chậu tùng nhỏ, hai bên là hai chiếc gương đồng, màu nhạt hơn màu cây tùng. Gian trong kê một chiếc giường nhỏ, tấm ga trải giường màu xanh sẫm rơi xuống đất. Đầu giường treo một chiếc giỏ nhỏ bên trong đặt mấy bông hoa nhài sắp khô. Nền nhà trải một tấm đệm hương bồ, bên mép là đôi dép lê xanh thêu hoa trắng.

Tôi bỗng thót tim! Đây hoàn toàn không phải là cảnh tượng đan chéo rục rờ, chói lọi, nhịp điệu êm ả giản dị, đẹp đẽ trong thi ca, tiểu thuyết, cũng không phải cảnh trong mộng tưởng, bởi đôi dép xinh xinh màu xanh thêu hoa trắng đập vào mắt tôi kia đã quá đỗi quen thuộc.

Chuyện tình yêu muôn đời vẫn là chuyện bình thường, bình thường như bao quy luật của thiên nhiên như mưa mùa xuân, sương mùa thu vậy. Thế nhưng những người bình thường lại thích tìm kiếm, khám phá những điều lãng mạn trong những chuyện tình yêu kia. Như thế có nghĩa là đa số sự vật trong thế giới này càng thiếu sắc thái hơn; con người thật đáng thương cho! Hy vọng rằng câu chuyện tôi sắp kể ra đây sẽ đem đến cho các bạn một chút ý vị nào đấy.

Giờ đây không sao tìm lại được những giây phút đẹp đẽ như cái lần ấy nữa. Tôi nói "*cái lần ấy*" là bởi vì, tất cả những gì diễn ra vào ngày hôm ấy, giờ phút ấy đều hết sức tuyệt diệu. Khóm hải đường trong sân

nhà nàng đua nhau nở hoa tạo thành một quả cầu tuyết màu phấn trắng; khóm trúc mảnh mai ven đường đang độ lên măng, ngoài trời nắng xuân ấm áp lan tỏa nơi nơi. Hôm ấy, bố mẹ nàng đều không có nhà, chú mèo trắng già đang nằm ngủ say sưa dưới bụi hoa. Nghe thấy tiếng tôi nàng chạy vụt ra nhanh như một chú chim yến từ phía sau rèm cửa, đến nỗi không kịp thay giày, đôi dép lê nhỏ màu xanh dưới chân giống như hai chiếc lá non. Trông nàng hân hoan rạng ngời như ánh nắng ban mai, hiện rục rở, in rõ rệt lúm đồng tiền hết hai nụ hồng hương chúm chím phơn phớt lớp son mỏng. Hồi đó nàng vẫn còn tết tóc dài.

Những lúc bố mẹ có nhà, nàng chỉ dám đứng sau cửa sổ nhìn tôi hoặc tìm cách mỉm cười với tôi khi tôi bước ra. Lần này, nàng thật giống như một chú mèo nhỏ tìm được bạn chơi vừa ý. Tôi không bao giờ ngờ rằng nàng lại có thể mạnh dạn như thế. Trong lúc hai người cùng bước vào nhà, vai của nàng khẽ chạm vào vai tôi. Ngày đó, cả hai mới mười bảy. Chúng tôi chưa hề nói với nhau nhưng bốn con mắt thì dường như đã mách bảo cho nhau biết tiếng nói con tim mỗi người. Tôi vốn thích nhất là được ngắm bức tranh "*bách điều triều phượng*" với những nét vẽ đầy công phu, tỉ mỉ được treo trên tường nhà nàng. Lần này tôi không còn để ý đến bức tranh đó nữa, mà hai mắt tôi dán vào đôi dép lê nhỏ màu xanh; nàng giấu giấu chân ra phía sau, hai vành tai đỏ lựng, nhưng vẫn cười rạng rỡ. Tôi định hỏi nàng về chuyện bài vở, học hành

nhưng lại không dám mở miệng, muốn hỏi chú mèo con mới đẻ có trắng tuyết không, cũng không dám nói. Trong lòng có bao điều muốn nói mà chẳng hiểu sao như có ai đó muốn bịt miệng mình lại, tôi đoán nàng cũng như tôi, bởi nhìn chiếc cổ trắng nõn của nàng cứ khe khẽ lắc như thể muốn nuốt tuột hết những lời nói không ra đầu ra đuôi gì, nhưng điều đáng nói thì lại ngại ngùng không dám thốt ra.



Nàng ngồi trên chiếc ghế nhỏ màu đỏ gần cửa sổ, bóng hoa hải đường in trên nửa gương mặt nàng khẽ khàng lay động. Thi thoảng nàng lại đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ như thể phát hiện ra có người vừa bước vào. Mãi đến khi nhìn rõ là không có ai thì bóng hoa trên gương mặt nàng được niềm hoan lạc xóa sạch lại càng lộ rõ vẻ hồng tuyệt đẹp. Hai tay nàng thay nhau mân mê cạnh ghế tỏ vẻ không hề sốt ruột nhưng là vì sung sướng mất cả sốt ruột. Cuối cùng, nàng nhìn tôi đắm đuối rồi lưu luyến thốt ra câu: *"Về thôi anh!"*. Tôi như quên đi chính mình, chỉ nhìn thấy mà không nghe thấy, ba chữ được thốt ra từ miệng nàng. Trong sâu thẳm của trái tim tôi đã đoán đúng ý nghĩa của ba chữ ấy, bởi tôi cũng có sự rung động như nàng. Con tim tôi như ngừng đập, trong đầu tôi biết rõ rằng mình không thể không về. Mắt tôi cứ dán chặt vào nàng, đáng lẽ

nàng phải ngượng ngịu cúi đầu thì ngược lại nàng không cúi mà dứng cảm ngắc mặt cố ý và không chút e dè thẹn thùng đón nhận cái nhìn của tôi. Mãi đến khi cả hai cùng cúi đầu và cả hai cùng ngắc lên, rồi lại nhìn nhau tựa hồ như lòng đã gặp lòng.

Tôi lưu luyến bước ra hết sức chậm rãi, nàng tiễn tôi ra đến ngoài rèm cửa, tôi nhận thấy mắt nàng như phủ một lớp sương. Bước ra đến cổng ngoài, quay đầu nhìn lại, nàng đã đứng dưới gốc hải đường. Tôi ra khỏi nhà nàng hết như một chiếc lông bị gió cuốn đi.

Sau này tôi không có dịp nào như vậy nữa.

Rồi một dạo, gia cảnh nhà nàng sa sút, kéo theo đó là một đám tang không một ai thương xót. Dưới ánh nến nhạt nhòa, tôi và nàng chỉ dám hỏi han nhau dăm ba câu. Nàng vận chiếc áo tang dài, tay đặt trước ngực thay nhau hết mân mê vạt áo lại đến dải khăn tang. Nàng đứng rất gần tôi, gần đến nỗi cả hai đều như nghe thấy tiếng rần rật của hồng cầu chạy trên má như tiếng chổi non cựa mình sau cơn mưa. Thế mà, hai đứa cũng chỉ nói được một đôi câu vô nghĩa lí nhí trong miệng; nhưng hôm thì mấp máy: Lòng chúng ta nào có sá gì tất cả.

Tôi và nàng đều bước sang tuổi hai hai, nhưng vào thời điểm đó, phong trào Ngũ Tứ vẫn chưa ra đời, quan hệ nam nữ vẫn còn là điều cấm kỵ. Sau khi tốt nghiệp, tôi được nhận vào làm hiệu trưởng của một

trường tiểu học, niềm vinh quang lớn lao nhất đời, bởi lần đó nàng gửi cho tôi một bức thư chúc mừng. Cuối trang thư, nàng ép một cánh hoa mai và để thêm một dòng: Không cần hồi âm, và lần ấy, tôi cũng không dám hồi âm cho nàng. Nhưng trong lòng tôi dường như lúc nào cũng hừng hực ngọn lửa khao khát được gặp nàng. Tôi dồn mọi tâm trí vào công việc điều hành trường học. Tôi muốn những thành tích trong công việc làm món quà tặng nàng. Và trong mỗi giấc mơ của tôi, đều hiện lên đôi bàn tay ngọc ngà của nàng đang hoan hô cổ vũ tôi! Đôi bàn tay đến cái khuỷu cũng là ngọc chuốt.

Kết hôn là điều cả hai không bao giờ dám nghĩ đến. Vô vàn những ngáng trở vô hình nhưng đầy quyền lực ngăn cách giữa hai chúng tôi như thể có một con hổ dữ chỉ chực hằm hè đứng giữa hai chúng tôi.

Có một điều an ủi duy nhất, là vẫn chưa có lời đồn đại nào lọt đến đôi tai khắc khoải của tôi, rằng nàng đã đính hôn. Và còn một điều đáng mừng hơn là tôi được kiêm chức hiệu trưởng của một trường bình dân, nơi nàng nhận dạy vào buổi tối. Tôi chẳng mong muốn gì hơn, ngoài niềm hạnh phúc được ngày ngày trông thấy nàng. Còn nàng, nàng tìm cách lánh mặt tôi, dù gì, giờ đây nàng cũng đã là một cô gái ngoài hai mươi, không còn cái vẻ hồn nhiên, thơ ngây của thuở mười bảy mười tám, nhưng lại tăng thêm nét tôn nghiêm kín đáo của người phụ nữ.

Hai năm nữa lại trôi qua, tôi ra nước ngoài. Hôm đến nhà nàng chào từ biệt, gặp đúng lúc nàng đi vắng.

Mấy năm làm việc tại nước ngoài, tôi luôn luôn tìm cách hỏi thăm tin tức về nàng. Viết thư trực tiếp cho nàng là điều không thể được. Còn hỏi thăm qua người này người kia, thì tôi lại ngại không dám.

Đành gặp nàng trong những giấc mơ vậy. Kể cũng lạ, người phụ nữ trong giấc mơ của tôi bao giờ cũng chỉ là “nàng”. Cảnh mộng khác nhau nhiều lúc khiến tôi thất vọng bi thương, nhiều lúc làm tôi hạnh phúc tột độ, sự mơ mộng trong tình yêu quả thật thú vị. Trong trái tim tôi, nàng vẫn còn nguyên sơ cái vẻ đẹp của thuở mười bảy mười tám: Khuôn mặt trái xoan; mắt mũi thanh thoát tươi tắn; thân hình tằm thước mềm mại, dáng đi nhẹ nhàng, duyên dáng, mớ tóc tết vừa dài vừa đen càng tạo thêm nét quyến rũ của tấm lưng ong. Tôi cũng vẫn còn nhớ dáng nàng lúc chải tóc, nhưng tôi chỉ toàn thấy mỗi cái bím tóc tết đuôi sam sau lưng nàng.

Sau khi về nước, việc đầu tiên tôi làm là thăm dò mọi tin tức liên quan đến nàng. Và những gì tôi được biết quả đúng với lời đồn đại, nàng đã trở thành gái lầu xanh.

Nhưng cái tin động trời ấy cũng không hề giảm bớt nhiệt tình trong tôi, không, ngược lại tôi càng nóng lòng muốn gặp nàng, càng muốn ra tay cứu giúp nàng. Tôi tìm đến nhà nàng. Gia đình nàng đã chuyển đi nơi

khác, đứng ngoài tường nhìn vào, chỉ thấy mấy cảnh hải đường lấp ló. Căn nhà từ lâu đã đổi chủ.

Cuối cùng, tôi cũng tìm được nàng. Nàng đã cắt tóc và búi ngược về phía sau, sau gáy cài một chiếc lược màu xanh. Nàng mặc chiếc áo dài màu phấn hồng, tay áo chỉ ngắn đến khuỷu, đôi vai ấy nay đã không còn mềm mại như trước nữa. Nàng trang điểm có phần lòe loẹt, trán và đuôi mắt đã xuất hiện nếp nhăn. Thế nhưng nhìn nàng cười, tôi vẫn thấy đẹp mê hồn, tuy không còn nét hồn nhiên của ngày xưa nữa. Giá như có xóa những lớp phấn son trang điểm kia đi, thì giới lắm nàng cũng chỉ bằng một sản phụ yếu ớt mới sinh xong. Suốt buổi nói chuyện, nàng, không một lần nhìn thẳng vào tôi, mặc dù trông nét mặt nàng vẫn không có vẻ gì xấu hổ ngượng ngùng, nàng vẫn nói vẫn cười, chỉ có điều tâm trí để ở tận đâu đâu, dường như nàng chỉ muốn nói chuyện khách khí xã giao với tôi. Tôi thử dò hỏi nàng một số chuyện và tình hình kinh tế, nàng có vẻ tránh không muốn trả lời. Nàng châm thuốc hút rồi nhả khói ra đằng mũi, nàng ngồi vắt chéo chân ghéech đầu nhìn khói thuốc bay trước mặt lộ vẻ hết sức chán chường nhưng cũng rất cứng cỏi. Mắt tôi ươn nhòa, nàng nhận thấy tôi khóc, nhưng nàng chẳng tỏ thái độ gì. Nàng không ngừng ngắm nghía bộ móng tay của mình, rồi lại đưa ra đằng sau vuốt vuốt tóc, cơ hồ như nàng chỉ sống vì chúng. Nhắc đến những người trong gia đình, nàng không nói với tôi nửa lời, tôi đành đứng dậy ra

về. Trước lúc bước ra, tôi đưa cho nàng địa chỉ của mình, thiết tha mong mỗi nàng cầu xin hay mệnh lệnh cho tôi giúp nàng làm bất cứ việc gì. Nàng dường như chẳng để tâm chú ý, mỉm cười, nàng đưa mắt nhìn ra chỗ khác, không hề có ý trông với theo tiễn đưa tôi. Nàng tưởng rằng tôi đã đi khuất, kỳ thực tôi đang đứng bất động trước cổng..., nàng quay đầu nhìn lại, hai ánh mắt chạm vào nhau chỉ trong khoảnh khắc, nàng lại ngoảnh đầu đi tiếp vào nhà.

Người ta thường nói, mối tình đầu là đóa hoa đầu tiên của mùa xuân, không thể tùy tiện ngắt bỏ. Tôi nhờ người gửi cho nàng ít tiền. Và sau đó cũng không một lời phản hồi từ nàng.

Bạn bè khám phá ra nỗi bất hạnh của tôi. Họ có ý tốt giới thiệu bạn gái cho tôi, nhưng sự đáp lại của tôi bao giờ cũng là cái lắc đầu cười chua chát. Tôi quyết một lòng chờ đợi nàng. Mối tình đầu như của bầu trời cho thời niên thiếu, mãi mãi ngọt ngào, bất luận của bầu đó là con búp bê vải hay những hòn đá vô tri vô giác. Dần dần, tôi cùng với một vài người bạn tri kỷ bắt đầu bàn luận về nàng, trước mặt tôi, họ không nói gì về nàng, nhưng lại ngấm ngấm bóng gió châm chọc tôi, cho tôi là quá ngu ngốc, rằng một người con gái như nàng không xứng đáng để tôi yêu. Họ càng như vậy, tôi lại càng ngoan cố. Chính nàng là người đã nhóm lên ngọn lửa tình yêu đầu đời trong tôi, thì tôi phải quyết theo nàng đến nơi sơn cùng

thủy tận. Tôi yêu nàng hơn là thương hại nàng nhưng lại càng nặng không ít nhân tình. Ít lâu sau đó, tôi nhờ người đánh tiếng với nàng, rằng tôi muốn cưới nàng làm vợ. Bản thân tôi không đủ gan tự đi hỏi lấy. Người bạn tôi trở về mang theo những cái cười ngất như điên dại của nàng. Nàng không nói gì, mà chỉ cười. Nàng cười ai mới được chứ? Cười sự ngu xuẩn của tôi ư? Có thể lắm, người đa tình ai mà chẳng có chút ngốc nghếch? Điều đó đủ để người ta đắc ý cười. Cười bản thân nàng ư? Ấy cũng chỉ vì ngại không muốn khóc, đau đớn quá sức chịu đựng khiến người ta bật lên cười man dại.

Cuối cùng, sự si mê ngu ngốc đã tiếp sức cho cái thẳng tôi, tôi quyết định đích thân đến gặp nàng. Tôi bỏ công trau chuốt những từ cần nói, rồi học thuộc lòng, tự bảo mình – chỉ được phép thắng chứ không được bại. Nhưng lần đó, nàng đi vắng. Tôi lại tìm nàng hai lần sau đó, nhưng đều không gặp. Lần thứ tư, đến nhà nàng, cảnh đập vào mắt tôi là chiếc quan tài bên trong có nàng. Thì ra nàng chết vì nạo thai.

Vòng hoa tang kết bằng những đóa hồng tươi, trên mỗi cánh hoa mang theo cả những giọt nước mắt đau đớn được đặt trước linh cữu nàng đã kết thúc mối tình đầu của tôi, và mở đầu cho sự trống vắng suốt cuộc đời của tôi. Tại sao nàng lại đến nông nổi này? Tôi thật sự không muốn tìm hiểu nữa. Nàng đã mãi mãi không chết trong trái tim tôi.

Tôi đứng thẩn thờ nhìn đôi dép nhỏ màu xanh, tôi cảm thấy bức màn sau lưng động dấy. Quay đầu lại, con bướm bướm thêu trên chiếc màn đang bay bay trên đầu nàng. Nàng vẫn nhẹ nhàng linh hoạt như thuở mười bảy mười tám, giống như một tiên nữ giáng trần đang chấp chới chưa đứng vững xuống đất. Tôi lùi lại một bước như thể sợ tiến lên sẽ làm nàng chạy mất. Trong khoảnh khắc tôi lùi lại, nàng đã biến rồi, biến thành cô gái hơn hai mươi. Nàng cũng lùi lại về phía sau, vừa lùi vừa chau mày. Rồi nàng cười lên sáng sủa. Tôi ngồi lại gần chiếc giường nhỏ. Vừa ngồi xuống, tôi lại đứng lên, nhào người về phía nàng, nhanh như cắt trong chớp mắt, nàng lại biến thành một thiếu nữ mười bảy. Trong một giây phút tôi trông thấy sự biến hóa nửa năm của nàng, dường như nàng không khuất phục trước thời gian. Tôi ngồi trên ghế, nàng ngồi vào lòng tôi. Tôi cảm nhận được rằng đã lấy lại được màu hồng trên mặt mình của tôi mười lăm mười sáu năm về trước. Chúng tôi cứ ngồi như vậy, lắng nghe tiếng sóng lòng đang cuộn dâng không biết trong bao nhiêu lâu. Cuối cùng tôi ghé vành tai nàng thì thầm:

– Mình nàng sống ở đây ư?

– Em không sống ở đây, còn sống ở chỗ này. –
Nói rồi nàng chỉ vào trái tim tôi.

– Em vẫn chưa quên anh! Vậy sao? – Tôi nắm chặt tay nàng.

– Khi bị người khác hôn, lòng em chỉ tưởng nhớ về anh!

– Nhưng sao em lại cho phép người khác hôn mình? – Tôi nói không hề tỏ ý ghen tuông.

– Yêu trong lòng, nhưng môi có ai cấm đâu, ai bảo anh không đến hôn em?

– Anh sợ đắc tội với cha mẹ em, hơn nữa phải ra nước ngoài.

Nàng gật đầu nói:

– Sự nhút nhát đã khiến anh mất tất cả, xa cách đã khiến trái tim yêu đương trở nên hoang mang.

Nàng kể cho tôi nghe tình cảm của nàng trước lúc chết. Đúng vào năm tôi ra nước ngoài thì mẹ nàng qua đời. Nàng được tự do hơn một chút. Cảnh hoa đẹp vươn ra khỏi hàng rào tự khắc sẽ trở thành mục tiêu của ong bướm, ngay sau đó đã có người theo đuổi nàng. Nàng luôn tưởng nhớ đến tôi, nhưng sự đam mê thể xác đã chiến thắng tình yêu, hoa của tình yêu đâu chỉ mỗi hoa mai. Nàng đón nhận tình yêu của một người, bởi người đó rất giống tôi. Người đó vô cùng yêu thương nàng, nhưng nàng không sao quên được hình ảnh của tôi, sự thỏa mãn về thể xác không đồng nghĩa với sự thỏa mãn về tình yêu, dung mạo giống nhau không có nghĩa là thay thế được tình yêu cũ. Người đó nghi ngờ chất vấn nàng và nàng đã thừa nhận trái tim mình đang ở nơi tôi. Nàng và người ấy

chia tay mỗi người một ngã. Lúc này, tài sản cha nàng đã bị hết sạch, không còn cách nào khác, nàng phải bán mình cho một tên công tử nhà giàu để lấy tiền phụng dưỡng cha.

– Sao em không dạy học kiếm tiền? – Tôi hỏi.

– Em chỉ dạy được bậc tiểu học, số tiền lương ít ỏi đó không đủ để cha em hút thuốc!

Cả hai chúng tôi cùng lặng người đi. Tôi nghĩ: Giá như lúc đó tôi có trở về thì với khả năng kinh tế của mình liệu có thể chu cấp nổi cho cha nàng không? Hay là cũng gương mặt nhìn nàng bán mình?

– Em chôn chặt tình yêu trong tim – Nàng nói – Lấy thức ăn kiếm được từ thể xác mình để nuôi dưỡng nó. Em chỉ sợ khi thể xác không còn thì tình yêu của em cũng chết theo, nhưng kỳ thực em đã nhầm; thôi, chẳng nhắc đến làm gì nữa. Người ấy căm ghen quá quất, cứ bám riết lấy em. Bất luận là em làm gì, đi đâu, anh ta đều theo sát bên cạnh. Anh ta không tìm ra được một bằng cứ nhỏ nào chứng tỏ em đã yêu người khác, nhưng lại cảm nhận được là em không yêu anh ta. Dần dần, từ thái độ không thích, anh ta chuyển sang nhục mạ em một cách công khai, thậm chí còn dùng vũ lực, anh ta bức em đến không có cách không thừa nhận rằng trái tim mình đã thuộc về người khác. Cực chẳng đã cũng chỉ vì miếng cơm manh áo đó thôi. Anh ta đuổi em ra khỏi nhà, đến

một tấm áo cũng không cho mang theo. Còn em vẫn phải cung cấp đều đặn cho cha, bản thân em, cũng cần phải ăn phải mặc, hơn nữa, vốn dĩ đã quen với thói ăn trắng mặc trơn rồi. Để thỏa mãn thể xác chỉ còn cách tận dụng thể xác của mình, cơ thể vốn là cái vốn liếng của người đàn bà mà. Ai cho em tiền người đó mua được nụ cười xác thịt của mình. Rồi em cũng biết cách cười cợt đông đưa khách: Em soi gương tập những điệu cười lẳng lơ. Hoàn cảnh trở trêu khiến con người phải tính nước lủi, cuộc sống bán tròn nuôi miệng như thế còn ghê gớm hơn những ngày sống với gã công tử nhà giàu kia. Đi trên phố, có nhiều người chỉ trở đằng sau lưng thờ dài, chê trách, nhưng xét cho cùng thì em vẫn thấy mình được tự do, có lúc em còn cảm thấy đắc ý hài lòng với mình khi gặp những người con gái không biết cách trang điểm. Em đã từng bốn lần nạo thai, nhưng vết thương chưa kịp lành, đã phải tiếp khách kiếm tiền.

Lúc đầu, em cũng muốn mình có chút tiếng tăm, vì em đã từng là một thứ đồ chơi của chốn giàu sang, hơn nữa lại biết ít chữ nghĩa, nên rất nhiều người tìm đến em. Em không tính đến chuyện lâu dài, thậm chí, chẳng lo tích lũy tiền, được bao nhiêu tiền, em đều phục vụ cho quần áo son phấn. Nhan sắc của ngày hôm nay chính là cuộc sống của ngày hôm nay, ngày mai ắt sẽ có ngày mai nuôi sống mình. Sức khỏe sa sút, kệ, chỉ cần biết đến niềm đam mê trước mắt còn tương lai, ra sao thì ra. Ít lâu sau, lối sống như vậy rồi cũng kết

thức. Cha hút nhiều hơn ăn. Em nạo thai, cần tiêu tốn rất nhiều tiền. Trước kia, không lo tích cóp tiền thì nay, tiền cũng chẳng ở lại với mình. Một chút sĩ diện cũng không còn, em tìm cách kiếm tiền bằng cách của kẻ dè tiện nhất, có lúc còn cướp giật trắng trợn. Người ta xì xào chỉ trỏ sau lưng em thì em quay lại cười trừ. Mỗi lần nạo thai là già đi đến hai, ba tuổi, cái gương soi có bao giờ lừa dối người đâu. Em đã già và xấu đi nhiều rồi. Diên đại cũng đủ để làm con người suy mòn già lão. Em đã cố hết sức đem thân hầu hạ người nếu không lấy gì nuôi miệng. Em mở toang cửa mà ngủ. Em đã là của mọi người, không còn là của em nữa. Một ngày là hai mươi bốn tiếng đồng hồ, bất kỳ giây phút nào, em cũng có thể đem thân ra bán. Em chìm ngập trong bể dục. Em không hề tồn tại trong thế giới tĩnh lặng trong sạch. Đốt ngón tay của em chỉ bấm đếm tiền nong. Em không suy nghĩ, chỉ là cái bàn tính mà thôi – Sao cho vào thêm được năm hào – Em không khóc. Khóc nom xấu lắm, chỉ sốt lên vì tiếc, bất cần thân xác của mình nữa.

Nàng lặng đi một lúc. Nước mắt của tôi trào xuống ướt đầm cả áo của nàng.

– Anh đã về đây rồi – Nàng tiếp tục nói – Anh cũng đã hơn ba mươi rồi. Em nhớ lại thời học sinh anh mười bảy tuổi. Cặp mắt của anh không còn như xưa kia nữa – bao nhiêu lâu rồi nhỉ? Cái ánh mắt đăm đăm nhìn đôi dép màu xanh của em ngày ấy. Nhưng anh dù

ít dù nhiều vẫn là anh, còn em, em đã chết từ lâu rồi. Anh vẫn còn có thể tiếp tục theo đuổi giấc mộng tình yêu thuở ban đầu, riêng em, em không còn mộng mơ gì nữa. Thủy chung, em không hề một mảy may nghi ngờ, rằng, nếu anh quay trở lại, nhất định anh sẽ cần có em. Ngược lại khi trông thấy anh, tự em, em cũng không tìm ra chính mình nữa, lấy gì để cho anh bây giờ? Khi anh chưa trở về, không bao giờ em tránh né, bất luận nói với ai, em nói chỉ yêu mình anh thôi. Anh trở về rồi, em chỉ còn biết cười điên dại. Chờ cho em bước chân đến nông nổi này, anh mới chịu quay lại, thế có phải cố ý trêu ngươi không? Giá như anh không trở lại nữa, suốt đời em vẫn nằm trong cảnh mộng nơi đất khách anh ở, anh vẫn mãi mãi nằm trong trái tim em, như vậy chẳng đẹp lắm sao? Anh đã dùng dùng trở về rồi, mà lại trở về chậm đến thế này.

- Chậm thì có chậm, nhưng đâu phải không kịp.
- Tôi vội xen vào.

- Muộn chính là không kịp nữa đấy. Em đã giết chết em rồi.

- Sao?

- Em đã giết chết em rồi. Vận mệnh của em chỉ có thể nằm trong trái tim anh mà thôi, sống mãi trong một bài thơ, sống chết có gì là khác nhau đâu! Khi nạo thai đích thân em ra tay. Có anh ở bên cạnh, em không sao lại cười cợt nữa. Không cười, em làm

sao kiếm nổi tiền? Chỉ có mỗi một con đường, tên nó là chết. Anh quay về chậm mất rồi, em không thể chết muộn hơn được nữa: Em chết muộn đi phút nào, chút hy vọng được sống trong lòng anh lập tức cũng mất nốt. Em ở nơi nào, nơi ấy chính là lòng anh. Nơi ấy không có ánh mặt trời, không có âm thanh, chỉ có ít màu sắc. Màu sắc là thứ bền vững, màu sắc vẽ nên hồi ức của hai chúng ta. Nhìn đôi hài nhỏ bé kia, màu xanh, chính chút màu sắc ấy, cả hai chúng ta luôn luôn nhận ra được chúng.

- Nhưng anh cũng còn nhớ đôi chân ấy, có cho anh xem được không?

Nàng cười, lắc lắc đầu.

Tôi hết sức kiên quyết, tôi ôm chặt lấy chân nàng, kéo tất vải xuống, lộ ra một đoạn xương chân trắng không có thịt.

- Đi đi! Nàng đẩy tôi một cái - Từ nay chúng ta không còn gì để lại gặp nhau nữa! Em nguyện mãi mãi ở trong lòng anh, bây giờ đã hồng mất rồi. Cái em nguyện mãi mãi trong anh là tuổi trẻ.



Mặt trời chếch về phía tây, gió thổi mạnh hơn, mát mẻ hơn, phương đông có mây đen. Ánh xuân trong mộng nhạt nhòa rất nhiều. Tôi đứng lên lại

trông thấy đám cây tùng xanh mờ kia. Đứng không biết bao lâu. Từ xa xa có những bóng người nhỏ bé chuyển động và những tiếng nhạc nghe rất mơ hồ. Mỗi lúc một gần hơn, không biết bao nhiêu cánh chim trắng hót hoảng vụt lên, cất tiếng kêu náo nuột bay về núi. Tôi trông thấy đã rõ ràng, một đám người bước thấp bước cao, lấm bụi đất. Ba bốn tay trống đi phía trước, mấy bóng áo trắng theo sau, cuối cùng là một chiếc quan tài. Mùa xuân cũng vẫn cứ phải chôn người. Một nắm tiền giấy bay tung lên, như một đàn bướm rơi xuống đồng lúa. Đám mây đen phía phương đông càng đậm đặc hơn, sắc xanh của hàng liễu cũng sẫm màu, xanh đến thê thảm. Lòng trống rỗng, tôi chỉ nghĩ đến đôi hài nhỏ bé màu xanh kia giống như hai chiếc lá mơ màng trong giấc xuân mộng trên cây mãi mãi sống trên đời.



Lý đen Lý trắng

Tình yêu không phải là trung tâm của câu chuyện giữa anh em họ, nhưng tôi phải bắt đầu nói từ điểm đó.

Lý đen là anh, Lý trắng là em, anh hơn em năm tuổi. Cả hai đều là bạn học của tôi, nhưng khi Lý trắng vừa bước lên trung học, Lý đen và tôi đã tốt nghiệp rồi. Lý đen chơi thân với tôi, bởi lẽ tôi hay tới nhà anh, thành thử về chuyện của Lý trắng tôi cũng lồm bồm vài phần. Năm năm là một khoảng cách dài, trong cái thời đại này. Sự khác biệt giữa hai anh em họ cũng như biệt hiệu của họ – đen, trắng. Nếu Lý đen là người “cổ đại”, thì Lý trắng hiện đại. Hai anh em không vì thế mà chỉ chóc đánh chửi nhau, nhưng quan điểm nhìn nhận bất cứ việc gì cũng không thống nhất. À, Lý đen không hề đen đúa gì đâu, trên lông mày bên trái chỉ có một nốt ruồi đen rõ to, bởi thế anh là “Lý đen”; cậu em chẳng mang cái ký hiệu ấy, nên gọi là Lý trắng. Theo cách nhìn của các bạn học trung học, những người đã đặt biệt hiệu này cho họ,

thì rất logic; kỳ thực da mặt họ đều trắng bóc. Hơn nữa cả hai nom bánh trai ra phết.

Hai anh em đều theo đuổi một cô – xin lỗi không nêu tên ra ở đây – Cô không nói rõ rốt cuộc cô đã yêu ai, và cũng không chịu nói cả hai cùng không lọt vào mắt xanh của mình. Thế là mọi người tháo mớ hỏi thay cho anh em họ. Đành rằng họ không muốn cãi cò, nhưng cái món tình yêu này đâu dễ nhường nhau.

Ấy thế mà Lý đen lại rút lui.

Tôi còn nhớ rõ: Vào một buổi tối đầu hè, mưa lất phất, tôi tới nhà họ tán chuyện gẫu, Lý đen đang ngồi một mình trong phòng, trước mặt bày bốn tách trà sứ hình con cá màu đỏ, hai chúng tôi vốn không màu mè, tôi ngồi xuống hút thuốc, anh nghịch bốn cái tách đó. Xoay hết chén này rồi lại xoay chén khác, sao cho con cá đỏ hướng thật đúng về phía anh. Xong, anh ngửa người ra sau, y hệt dáng điệu của họa sĩ Từ Hoàn lùi lại ngắm nghĩa tác phẩm của mình. Sau đó, tiếp tục xoay cho mặt kia của lũ cá ngoảnh hết ra. Rồi ngửa người xem xét tỉ mỉ hồi lâu, quay đầu mỉm cười với tôi, nụ cười đến ngây thơ.

Anh thích tỉ mỉ nghịch mấy cái trò đó. Chẳng ăm tường cái gì, nhưng món nào cũng thích mó máy chơi vào, anh không định làm nhà thông thái dõm, anh chỉ tin rằng nó có thể làm cho mình vui thêm lên. Đúng thế, quả thực tính tình anh đến là dễ chịu.

Có trò lật vật nào, chẳng hạn như dán sách cũ v.v... vậy là anh mãi mê suốt cả buổi.

Chào tôi một tiếng, anh lại tùm tùm cười:

– Mình nhường cô ta cho chú tư rồi. – Theo ngôi thứ thì Lý trắng là cậu tư, trong nhà người bác họ còn có các anh em khác nữa – Không thể vì một người con gái mà mất đi hòa khí anh em.

– Bởi thế cậu mới không phải là người hiện đại! – Tôi cười ha hả, phán.

– Không phải thế; chú gấu chó học mãi trò mới mà không thông. Tình yêu tay ba tẻ lắm. Mình đã nói với cô ấy, cô ấy yêu ai, từ rày mình sẽ không qua lại chỗ cô ấy nữa. Thấy nhẹ nhõm ghê.

– Ôi, tôi chưa từng gặp qua kiểu yêu đương thế này!

– Cậu chưa thấy bao giờ à? Kệ, mình vẫn sẽ không tiếp tục nữa. Thôi, mặc cô ấy, dù sao khỏi phải gằm ghè với chú tư. Sau này bọn mình có dính vào mấy vụ này, hy vọng sẽ không gặp cảnh anh không thu quân thì tôi rút.

– Thế là thiên hạ thái bình rồi chẳng?

Chúng tôi cười phá lên.

Chừng mười ngày sau, Lý đen đến tìm tôi. Tôi biết, mỗi bận trán anh tối sẫm, ắt hẳn anh đang có tâm sự, mỗi khi có tâm sự, hai chúng tôi uống hết nửa

cân Hoa sen trắng. Tôi vội sắp rượu đầu ra đây, vì trán anh chẳng sáng sửa gì cho cam.

Uống đến chung thứ hai, tay anh hơi luống cuống. Con người này chẳng giữ tâm sự được lâu bao giờ. Gặp phải chuyện gì, anh muốn trăn trĩnh lắm, nhưng về mặt vẫn để lộ ra. Anh quá chân chất.

- Tôi vừa chổ cô ấy về - Anh cười, nụ cười nhạt thếch, nhưng vẫn là một nụ cười, vì muốn trút hết phiền muộn bức bối trong lòng với bạn thân. Con người này nếu không có bạn thân, thì chắc hẳn không sống nổi một ngày.

Tôi không giục anh; khi trò chuyện, bao giờ hai chúng tôi cũng thông thả, từ tốn, tình cảm, ý tứ đều thấm vào khoảng trống giữa những lời nói ấy. Hai bên nhìn nhau, chợt mỉm cười, thấu hiểu trong nỗi im lặng, còn hơn cả bày tỏ bằng ngôn ngữ. Chẳng thế mà Lý trắng hẽ trông thấy hai chúng tôi uống rượu liên chọc chúng tôi là "một cặp trùng ướp".

- Chú tư suýt gây một trận với tôi! - Anh bắt đầu, tôi hiểu từ "suýt" này - thứ nhất, anh không muốn nói hai anh em cãi cọ nhau, thứ hai không muốn bảo em trai sai, dù cậu ta sai lè lè ra. Từ này ngụ về bất đắc dĩ không muốn nói mà lại không được - Vì cô ấy đây. Mình ngốc quá, chẳng hiểu gì về tâm lý phái nữ. Hôm đó, mình chẳng đã bảo cậu là mình rút lui rồi không? Mình quyết ý không then với lòng, thế nhưng

cô ta lại dần dỗi, cho rằng tôi cố tình sỉ nhục cô ta. Cậu nói đúng. Mình không phải người hiện đại, mình coi tình yêu là chuyện đáng phải làm sao thì cứ thành thế ấy, hóa ra phụ nữ muốn bắt “tất cả” lẳng nhẳng đằng sau. Cô ta cấu mình. Thế là trả đũa, mình bỏ rơi cô ta, cô ta liền cắt đứt với chú tư, chú tư đương nhiên vặc lại mình rồi. Bởi thế hôm nay mình lại đi tìm cô ta, xin nhận lỗi. Cô ta mắng cho mình một chập, trút hết giận, cũng có thể cô ta vẫn còn lạnh lặn với chú tư. Mình mong thế. Hừ, nào ngờ, cô ta không chửi mình. Cô ấy vẫn nằng nặc đòi mình và chú tư cùng làm bạn. Điều này, mình không làm nổi, mình không thể nói rõ ra như thế, đành tới đây giải bày với cậu. Mình không làm, dĩ nhiên cô ta sẽ phăng teo luôn chú tư nữa. Chú tư hẳn sẽ quặc với mình.

– Hết phép rồi! – Tôi thay anh bổ sung thêm một câu ngắn gọn. Ngừng một lát – Hay tôi đi tìm chú tư giải thích, được chứ?

– Cũng được! – Anh cầm chung rượu, thừ ra – Có lẽ chẳng ích gì đâu. Đằng nào thì mình vẫn không qua lại chỗ cô ta nữa. Chú tư còn học hặc, mình cứ đánh bài nhịn là xong!

Hai chúng tôi lại nói sang chuyện khác, anh kể mấy bữa nay anh đang nghiên cứu tôn giáo. Tôi biết anh chỉ đọc sách hoàn toàn theo cảm hứng mà thôi, tôi tuyệt nhiên không vì bàn về tôn giáo mà nghĩ anh là kẻ yếu thế, hoặc giả có sự biến động gì về mặt tinh thần.

Ông anh vừa về, cậu em đã đến. Lý trắng vốn ít lui tới chỗ tôi, lần này chắc có chuyện thật. Cậu ta vẫn chưa tốt nghiệp đại học, nhưng xem ra sắc sảo hơn Lý đen nhiều. Con người này, nếu bạn gặp, thế nào bạn cũng bảo hắn nên làm lãnh tụ. Mỗi câu nói, nếu không hướng bạn đi vào con đường của hắn chỉ ra, thì hắn trôi nghiêng bạn trên đoạn đầu dài ngay. Không khách khí oong đơ gì hết, thật khác xa với anh trai.

Tôi cũng chẳng quá lịch sự với cậu ta, để cậu ta khỏi bảo tôi là đồ trứng ướp.

– Anh hai hắn đã đến đây rồi? – Cậu ta hỏi; về tôn ti trật tự, Lý đen đứng hàng thứ hai – Và chắc chắn, có bao nhiêu chuyện của chúng tôi cũng dốt sạch cả rồi? – Tất nhiên tôi chẳng vội gì đối đáp, vì có đến hai cái “*chắc*” trong đó. Quả đúng, không đợi tôi trả lời, cậu ta tiếp tục:

– Anh biết tôi chỉ mượn gió bẻ măng không?

– À, tôi không rõ thật.

– Anh tưởng tôi cần người con gái đó thật ư? – Cậu ta cười, hệt như anh trai, có điều nụ cười của Lý đen ít khi có vẻ gượng gạo như thế – Tôi chỉ trêu người anh hai, nên mới đi lại với cô ta; bằng không, ai hơi đâu sẵn đón cô ta? Quan hệ giữa nam và nữ, về cơ bản còn chẳng phải nữa là...? Vì thế, hà tất tôi không có cô ta không xong? Anh hai cứ ngỡ quan hệ đó là thiêng liêng, thành thử anh ấy trịnh trọng dập

dầu trước cô ta, thậm chí đập đến tím cả mũi, lại tưởng rằng tôi cũng nên đập dầu, xin lỗi nhé, tôi đâu hăm đến thế! – Cậu ta cười phá lên.

Tôi không cười, cũng chẳng dám xen vào. Tôi chăm chú lắng nghe, nhìn sắc mặt cậu ta. Hệt y như anh trai, nhưng thần khí hoàn toàn khác hẳn Lý đen. Điều này khiến tôi chột cảm tưởng đang nói chuyện với một người rất dỗi quen thuộc, song lại gần như đang ngồi trước một người xa lạ. Tôi hơi bứt rứt – nhìn ngắm một gương mặt thân quen mà tìm không ra nét nào gần gũi.

– Anh xem, tôi không đập dầu; có cơ hội liền hôn cô ta. Cô ta ưa thế, chỉ ít còn hơn nhận mấy cái đập dầu. Có điều, đó chưa phải là chuyện chính. Chuyện chính là đây, anh nghĩ tôi nên ở chung với anh hai không?

Ngay lúc đó tôi không trả lời được.

Cậu ta lại tùm tùm. Có lẽ trong lòng đang giấu tôi là đồ trứng ướp.

– Tôi có chí nguyện, có kế hoạch của tôi; anh ấy có suy nghĩ của anh ấy. Tốt nhất ai đi đường nấy, đúng không?

– Đúng, cậu có kế hoạch gì? – Tôi mới nghĩ ra câu này khá dễ dàng, nếu không thì già néo đứt dây.

– Kế hoạch ư, tạm chưa kể cho anh nhé. Phải phân nhà trước đã, rồi sau sẽ cho anh biết cũng chưa muộn.

– Vì muốn ở riêng, nên mới cãi vã với anh trai; mượn gió bẻ măng hả? – Tôi cảm thấy mình rất thông minh.

Cậu ta cười gật đầu; giữ im lặng, dường như biết chắc tôi còn một câu nữa. Quả thực tôi hỏi tiếp:

– Tại sao không nói rõ mà lại phải cãi nhau làm gì?

– Anh ấy hiểu tôi sao nổi! Anh có thể kể tung người hững với anh ấy, tôi thì không. Hễ mở miệng đòi chia nhà, lập tức rót nước mắt. Sau đó, thế nào cũng... anh ấy hỏi: *“Khi mẹ qua đời, mẹ đã trời trần gì hả? Chẳng phải mẹ bảo hai anh em ta phải hòa thuận sao?”*. Nhất định anh ấy sẽ lôi cái điệu ấy ra, cứ như thể người sống phải để người chết quản giáo ấy. Còn nữa, hễ nghe thấy chia nhà, bảo đảm, anh ấy không chịu, mà đòi trao tuốt gia sản cho tôi, tôi không thích chiếm lợi, anh ấy luôn xem tôi là “em”, luôn lấy tình cảm bản thân hạn định hành động của người khác, luôn tự nhủ rằng hiểu tôi, kỳ thực anh ấy là kẻ lạc hậu. Thời đại này là của tôi, khỏi cần anh ấy bận lòng lo cho tôi. – Bỗng dưng mặt cậu ta trở nên nghiêm túc lạ lùng.

Ngắm gương mặt cậu ta, suy nghĩ trong tôi dần dần thay đổi – Lý trắng không còn là một thiếu niên nông cuồng coi thường *“hai quả trứng úp”*, cậu ta thực sự muốn khẳng định mình. Tôi cũng chợt hiểu, nếu cậu ta từ từ bàn bạc với Lý đen, hẳn phải phí rất nhiều lời

động đến tình cảm, phải viện ra biết bao nhiêu là tình nghĩa anh em; dù không muốn, Lý trắng thế nào cũng phải nói, thà cãi vã còn hơn, đỡ lời thôi; cậu ta một dao cắt đứt chia đôi hai ngã, ai theo đường nấy. Vả chẳng, từ từ thương thuyết, anh hai dứt khoát không đồng ý, chú tư đã đặt vấn đề, nếu anh hai vẫn nằng nặc không chịu, thì rõ ràng là hòng chiếm đoạt tài sản của em trai rồi. Đoán tới đây, đầu óc tôi chợt lóe sáng.

– Hẳn cậu muốn nhờ tôi đi nói với anh hai?

– Đúng thế, khỏi phải âm ỉ! – Cậu ta lại cười – Tôi không muốn dẫn anh hai vào thế khó xử, dù gì thì vẫn là anh em – Lý trắng bất đắc dĩ phải nhắc đến hai từ sau cùng – anh em.

Tôi nhận lời giúp.

– Anh nói càng kiên quyết càng tốt. Trong vòng hai mươi năm, hai chúng tôi không thể làm anh em được. – Cậu ta ngừng một lát, thoáng một nụ cười trên khóe miệng – Tôi đã nghĩ hộ anh hai, tốt nhất nên mau chóng kết hôn, sinh một đứa nhóc trắng trẻo mập mạp là quên bống ngay ông em thôi. Sau hai mươi năm, đương nhiên tôi cũng thành lạc nhân rồi, khi ấy, giá như còn sống, tôi sẽ ngoan ngoãn về nhà làm ông chú. Có điều, hãy bảo anh ấy, khi yêu phải hôn thật nhiều vào, bớt dập đầu đi, phải bám thật chặt, chớ có sun gối mà quỳ. – Cậu ta đứng dậy, vẻ ngấm ngấm – Cảm ơn anh! – Tôi cảm nhận đây là câu

nói giành riêng cho tôi, và không hề bắt tôi phải chịu một trách nhiệm gì, cậu ta không trốn tránh trách nhiệm phải nói ra câu ấy.

Vì việc này, ngày nào tôi cũng tới chỗ Lý đen. Ngày nào cũng chuẩn bị sẵn món Hoa sen trắng. Ăn hết uống hết nói hết rồi chẳng đâu ra đâu, chia tay chẳng kết quả gì. Những điều tôi nói, anh hiểu cả và mong muốn giúp chú tư hoàn thành tâm nguyện. Nhưng câu chốt bao giờ cũng là *“Không nỡ xa chú tư đâu”*.

– Kế hoạch của chú tư? Kế hoạch? – Anh đi đi lại lại, miệng lẩm bẩm. Nốt ruồi đen trên lông mày giữa các nếp nhăn trên trán như nhỏ đi nhiều – Kế hoạch gì nhi? Cậu thử hỏi em nó, hỏi rõ rồi tôi mới yên tâm.

– Chú ấy không nói. -- Tôi trả lời đến hơn năm mươi lần rồi.

– Không nói nghĩa là có nguy hiểm! Mình chỉ còn mỗi nó là em! Cứ để chú ấy vùng vằng với mình, hục hặc cũng hay đấy. Trước kia chú ấy có thế đâu, chỉ gần đây mới mặt nặng mày nhẹ với mình. Chắc vẫn là vì cái cô gái kia thôi! Bảo mình kết hôn? Chưa lấy đã đến mức này rồi, lấy vào còn đến thế nào nữa? Kế hoạch gì kia chứ! Phải chia nhà? Chú ấy thích món gì thì cứ lấy. Có lẽ mình đã mịch lòng chú ấy, tuy mình không găm ghè với chú ấy, mình biết mình cũng có chủ trương kế hoạch gì chứ? Chú ấy muốn thế nào thì cứ thế mà làm, hà tất phải chia nhà..

Quay đi quay lại cũng chỉ từng ấy chuyện, mỗi lần mất hơn một tiếng đồng hồ. Trò của anh ngày càng tăng: Nào bói âm dương, bốc quẻ, nào đoán chữ, nghiên cứu tôn giáo... chẳng món gì giúp anh đoán ra kế hoạch của chú tư, chỉ được cái là tổng thêm nhiều nỗi pháp phông, hoang mang. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là anh tỏ ra hốt hải cuống cuống. Không, anh vẫn thủng thẳng như xưa. Hành động cử chỉ của anh hình như không bao giờ đuổi kịp tình cảm, bất luận lòng dạ còn cào thế nào, động tác của anh vẫn đủng đỉnh, đủng đỉnh đến độ dường như coi mạng sống giống một trò giỡn chơi.

Tôi bảo kế hoạch của chú tư là chỉ sự nghiệp trong tương lai thôi, chứ hiện tại thì có biện pháp gì cụ thể đâu. Anh lắc đầu.

Cứ thế kéo dài, để chừng đến hơn một tháng lại trôi qua.

- Cậu thấy chưa. - Tôi tóm ngay lấy điểm đó - Chú tư cũng không thúc giục tôi, chứng tỏ đó là kế hoạch lâu dài. Chứ không phải sùng sục đòi thực hiện ngay đâu.

Anh vẫn lắc đầu.

Thời gian càng lâu, chuyện của anh càng nhiều. Một sáng chủ nhật, tôi trông thấy anh vào nhà thờ. Có lẽ đi gặp bạn bè, tôi đoán chừng. Tôi đứng ở bên ngoài đợi anh một lát vẫn không thấy anh ra. Không tiện chờ nữa, tôi vừa đi vừa suy nghĩ: Hẳn anh Lý

nhà ta tất hẳn hứng chịu một đòn nặng nề – thật tình, anh em bất hòa, hoặc lại có duyên cớ khác nữa. Chỉ hai cái chuyện tôi biết ấy, có lẽ anh đã không gượng được nữa. Động tác của anh như thể đem mạng sống ra làm trò chơi, chính vì anh luôn cân nhắc thận trọng về bất cứ chuyện cỏn con nào. Hoa văn trên tách trà không đều đặn cũng khiến anh cảm thấy bứt rứt. Chuyện chẳng ra gì cũng xếp đặt thật ổn thỏa kỳ cho đến khi lương tâm yên ổn nhẹ nhõm mới thôi. Vào nhà thờ cầu nguyện, là để cho lương tâm kiên định. Lương tâm đã được các cổ thánh tiên hiền chuẩn bị sẵn cho anh rồi, nhưng anh lại không muốn một nhất bút xóa sạch hết thấy sự việc mới, tình thần mới. Kết quả, anh “nghĩ” ra sao, anh không biết phải làm thế nào mới được. Có lẽ anh thực sự yêu cô gái đó, nhưng vì em trai, anh dứt lòng bỏ cô, cắc có hơn, thất tình mà không nói ra được. Anh thường bảo tôi: *“Chúng ta phải đi máy bay thử một chuyến”*. Nói dứt lời, anh mỉm cười, không phải cười, mà cười cái kiểu *“da thịt máu xương, cha mẹ ban cho”*.

Đầu giờ chiều, tôi đi tìm anh. Lẽ ra vừa gặp mặt liền bàn về chú tư, hơn một tháng nay toàn thế cả. Lần này anh đổi kiểu rồi, mắt sáng lấp lánh, nét cười bình thản thoáng hiện, tựa như lại vừa mua được một tập sách cũ thiện bản.

– Ôi, lại nhìn thấy anh rồi – Tôi lên tiếng trước.

Anh gật gật đầu, mỉm cười:

– Cũng thú vị thật!

Mỗi bận bắt gặp một chuyện gì đã cũ rích, anh thốt ra câu này. Kể cả những chuyện đùa vớ quở, anh cũng: *“Thú vị thật!”*. Anh không tranh luận có quở hay không, anh tin câu chuyện đó: *“Không chừng trên đời này còn có chuyện kỳ lạ hơn thế ấy chứ”*. Theo anh, việc gì cũng có khả năng cả. Bởi thế, anh dễ dàng chấp nhận, nhưng nói chẳng có kiến giải gì cao minh cả. Không phải anh không muốn tìm hiểu cặn kẽ hơn, nhưng mỗi khi đáng phải dùng đến đầu óc, anh lại vận dụng tình cảm.

– Lý lẽ hệt như nhau. – Anh nói – Rất chỉ khuyên ta hy sinh cho người khác.

– Chẳng phải anh đã hy sinh người yêu rồi sao? – Tôi muốn tiến gần vào thực tế hơn.

– Cái đó không tính, chỉ là sự cắt bỏ tiêu cực, chứ đâu phải lấy thứ gì trên chính con người mình ra đâu. Mười hôm nay, mình đọc xong bốn bộ sách *“Phúc âm”*. Mình nghĩ kỹ rồi, mình nên chia sẻ công việc với chú tư, không nên khăng khăng bắt chú ấy dính chặt mình. Cậu thử nghĩ xem, giả dụ chú ấy nặng nề đòi chia nhà thực, tại sao không nói rõ với mình?

– Chú ấy sợ cậu không chịu. – Tôi đáp.

– Không phải. Mấy hôm nay suy đi nghĩ lại nhiều rồi, hẳn chú ấy có một kế hoạch thật sự, mà còn là một kế hoạch nguy hiểm nữa. Thành ra chú ấy muốn

dứt khoát cho xong, đỡ liên lụy đến mình. Cậu ngõ chú ấy non nớt, tính tình bốc đồng chứ gì? Chú ấy lợi dụng chính điểm này để gạt chúng ta; chú ấy thực lòng quan tâm mình, không muốn bắt mình phải chịu ảm ức. Đưa mình vào chỗ an toàn rồi, chú ấy rảnh tay một mình đi gánh vác hiểm nguy. Nhất định là thế! Mình không thể bỏ mặc chú ấy, mình phải hy sinh cho chú ấy, khi mệ lâm chung. – Anh không nói tiếp, vì biết tôi đã nghe đoạn đó đến thuộc lòng rồi.

Quả thực tôi chưa nghĩ đến điểm này. Nhưng vẫn không tin lời anh cho lắm; biết đâu anh đã chịu ảnh hưởng của tôn giáo mà muốn bộc phát tình cảm một cách đầy đủ thì sao?...

Tôi quyết định đi tìm Lý trắng. Thôi thì hết trường học, ký túc xá, thư viện, sân quần vợt, căng tin, đều không gặp bóng dáng cậu ta đâu cả. Hỏi thăm mọi người, ai cũng bảo suốt mấy ngày chẳng nom thấy cậu ta đâu. Điều đó lại càng chứng minh Lý trắng vẫn là Lý trắng; nếu phải Lý đen, xa nhà mấy hôm, thì cả các bạn thân, anh cũng phải báo qua một tiếng. Lý trắng cứ thế mà lặn mất tăm. Tôi nảy ra một sáng kiến – tới chỗ “cô ấy” nghe ngóng xem sao.

Cô có quen tôi, vì tôi thường đàn đúm với Lý đen. Mấy ngày qua, cô cũng không gặp Lý trắng. Cô có vẻ rất không hài lòng về anh em nhà họ Lý, đặc biệt là Lý đen. Tôi hỏi về Lý trắng, cô lại nói với tôi về Lý đen. Tôi nhận thấy, cô thực sự chú ý – nếu không phải là yêu

– Lý đen. Có lẽ cô muốn khư khư túm chặt Lý đen, lấy anh làm cái bảng tiêu chí. Ai hơn, liền cách chức anh luôn; còn tìm mãi không ra người nào tài hơn, rốt cuộc chắc cũng phải theo anh thôi. Nghĩ thế, tuy chỉ là nghĩ, tôi cũng nhân cơ hội giúp họ làm lành; lẽ ra nên làm vậy, nhưng tôi quá yêu mến anh Lý, tôi vẫn nghĩ anh phải một tiên nữ trên trời mới xứng đáng.

Ra khỏi nhà cô gái, bụng tôi cứ nổ đom đóp. Lý trắng đi đâu? Không thể cho Lý đen biết được! Hễ biết, ắt anh đăng báo tìm em ngay tức khắc; không khéo, đang nửa đêm cũng vùng dậy bói âm dương đoán chữ nữa chứ. Nhưng, không nói ra thì lòng tôi ngứa ngáy không yên. Tìm cậu ta? Cũng không ổn!

Bước đến bên ngoài thư phòng của anh, nghe thấy anh đang lầm nhảm ở bên trong. Lúc hứng lên, anh lảng lảng, chơi nghịch trò chơi của anh. Nhưng thường ngày anh lầm nhảm, ngâm nga một đoạn thơ, đại khái như “*Thâm khuê còn róm mùi hương khuynh thành*”¹, lần này thì không giống thế. Tôi lắng nghe, anh đang luyện thơ. Anh không có cái tai âm nhạc, bất kể ca khúc gì, đến tai anh đều thành một điệu như nhau hết. Khi anh hát, dĩ nhiên vẫn rất một điệu. Bất luận thế nào, dù sao tôi biết anh đang cao hứng lắm. Cao hứng vì chuyện gì nhỉ?

¹ Thâm khuê nội, đoạn đích thị ngọc vô hà: Trong buồng Khuê đúng là ngọc không vết – chúng tôi vận dụng câu thơ của Nguyễn Gia Thiều trong *Cung oán ngâm khúc*.

Tôi bước vào, anh vội bỏ tập Thánh thi xuống, về hết sức hoạt bát:

– Cậu đến đúng lúc lắm, mình đang tính đi tìm cậu! Chú tư vừa ở đây xong, xin mình một nghìn, cầm đi rồi. Không hề nhắc đến chuyện chia nhà chia cửa gì cả, không hề!

Rõ ràng anh chưa hỏi em trai, số tiền đó dùng để làm gì. Bằng không, anh đâu thể sung sướng như thế kia. Hẳn chỉ cần em trai cùng ở với anh, không để mất gì đến hành động của em trai hết; như thể dù em trai bày ra kế hoạch nguy hiểm gì, chỉ cần không đòi chia nhà thì chẳng có gì đáng sợ nữa. Tôi thấy rõ điều đó.

– Cầu nguyện có hiệu quả thật đấy. – Anh trịnh trọng nói.

– Máy bữa nay ngày nào tôi cũng cầu nguyện, quả nhiên chú tư không nhắc đến chuyện đó nữa. Kể cả chú ấy ném sạch tiền đi, thì tôi vẫn còn một người em!

Tôi đề nghị cạo một bình Hoa sen trắng như lệ thường. Anh mỉm cười lắc đầu:

– Cậu uống đi, mình ăn cùng cậu, mình cai rượu rồi.

Tôi cũng không uống, cũng chẳng dám kể là tôi đã đồn đảo khắp nơi tìm chú tư ra sao. Chú tư đã về rồi, hà tất kể lể dông dài? Nhưng tôi lại nhắc đến “cô”. Anh không hưởng ứng, chỉ tùm tùm.

Dường như chẳng còn bất cứ điều gì đáng nói về chú tư và “cô” nữa. Anh kể cho tôi mấy câu chuyện trong Thánh kinh, tôi vừa nghe vừa nhủ thầm trong bụng – Thái độ của anh Lý đối với em trai và người yêu hình như có gì đó không bình thường; nhưng tôi không nói rõ ra được. Lòng tôi hết sức thấp thỏm, về đến nhà vẫn thế.



Lại bốn năm ngày trôi qua, chuyện đó cứ lơ lửng trong đầu tôi, một buổi tối, Vương Ngũ ào đến. Anh là phu xe cho gia đình họ Lý đã bốn năm.

Wương Ngũ là một anh chàng chất phác đáng tin, tuổi hơn ba mươi, có vết sẹo trên đầu – nghe nói hồi nhỏ bị con lừa ngoạm cho một miếng. Ngoài cái tật đôi khi khoái nhấp tợp rượu ra, anh chẳng còn thói xấu nào khác.

Anh chàng lạc đà có vẻ đã quá chén, vết sẹo trên đầu đỏ ửng.

– Đến có việc gì hả, Vương Ngũ? – Chúng tôi khá thân nhau, mỗi khi từ nhà họ Lý trở về hơi muộn, bao giờ anh ta cũng luôn xưng phong kéo xe đưa tôi về, dĩ nhiên thỉnh thoảng tôi cũng biếu anh ít “tiền rượu”.

– Đến thăm anh thôi! – Nói đoạn liền ngồi phịch xuống.

Tôi biết anh đến để kể với tôi điều gì đó.

– Trà vừa pha xong, uống nhé?

– Thế thì tốt quá; tôi tự rót lấy vẫn còn khát.

Tôi mời anh điều thuốc, rồi gọi:

– Có chuyện gì chẳng?

– Hừ, lại làm hết hai chai, bụng dạ ngứa ngáy; chuyện vốn không nên nói ra! – Anh rít một hơi rõ dài.

– Nếu là chuyện nhà họ Lý, anh kể tôi nghe, đảm bảo không sao cả.

– Tôi cũng nghĩ thế. – Anh ngập ngừng một thoáng, nhưng vì men rượu thôi thúc, dường như không dừng được – Tôi ở nhà họ Lý đã bốn năm lẻ ba mươi lăm ngày! Giờ tôi đang rất đổi khó xử. Cậu hai đối xử với tôi tử tế lắm, còn cậu tư thì lại thực sự là bạn của tôi. Đám ra mắc kẹt quá. Chuyện của cậu tư không được phép kể cho cậu hai; cậu hai thì lại ngờ nghếch ơ là ngờ nghếch. Nổi cho cậu hai, lại có lỗi với cậu tư – bạn của tôi. Khôi phải bàn, tôi bứt rứt không chịu nổi! Theo lý, đáng ra tôi nên nghiêng về cậu tư. Cậu hai là người tốt, đúng; nhưng rốt cuộc vẫn là ông chủ. Người chủ tốt nhường nào vẫn cứ là chủ, đâu thể ngang vai ngang vế làm anh em. Cậu ấy quả đối với tôi rất tốt, chẳng hạn nhé, vào những ngày nóng nực thế này, tôi đưa cậu hai ra ngoài, trên đường đi cậu ấy luôn tính cách ghé vào đầu đó chốc lát, nào mua diêm, nào xem

sạp sách, để làm gì chứ? Chính là để tôi nghỉ ngơi, thở cho lại sức, nếu không, sao bảo cậu ấy là người chủ tốt được. Cậu ấy tốt, mình cũng phải kính trọng cậu ấy, thế gọi là lấy lòng dài với lòng. Lăn lộn bao năm ngoài đường phố, lẽ nào tôi không hiểu nổi điều đó?

. Tôi mời anh thêm một tách trà, tỏ vẻ mình không phải là người không biết sĩ diện. Anh uống cạn, lấy điều thuốc trở trở vào ngực mình nói:

- Chỗ này đây, lại yêu cậu tư. Tại sao ư? Cậu tư trẻ tuổi, không coi tôi như một thằng ở, kéo xe. Sức mạnh của hai anh em họ, trong tâm họ, không giống nhau. Cậu hai à, hễ thấy trời nắng liền kêu tôi nghỉ nhiều hơn, cậu tư thì không mấy bận tâm đến chuyện vật đó, trời nắng đến đâu cũng phải kéo xe chở cậu nhừ bay. Nhưng khi cậu tư cà kê với tôi, cậu thường nói, dựa vào lẽ gì mà người phải kéo xe cho người chứ? Cậu ấy gộp những phu xe chúng tôi, phu xe khắp thiên hạ vào, căm phẫn thay cho chúng ta. Cậu hai tốt với riêng tôi, nhưng không nghĩ đến cả đám lũ kéo xe nói chung. Cứ thế suy ra, cái tốt của cậu hai còn nhỏ. Cái tốt của cậu tư mới là lớn. Cậu tư chẳng nghĩ đến đôi chân tôi, nhưng quan tâm đến trái tim tôi; cậu hai chỉ thấy cây mà không thấy rừng, thương hại đôi chân tôi, nhưng không để ý đến cái này - Anh lại chỉ chỉ vào ngực mình.

Tôi hiểu anh vẫn còn lời muốn nói, chỉ sợ trà đặc giải sạch men rượu, nên vội vàng giục:

– Nói tiếp đi, Vương Ngũ! Nói hết đi, nếu không, bao giờ mới moi được chuyện gì?

Anh xoa tay lên vết sẹo trên đầu, gục xuống ngẫm nghĩ một lát. Tiếp đó kéo ghế về phía trước, giọng hạ thấp:

– Cậu có biết đường ray xe điện sắp sửa xong rồi không? Hễ hoạt động, cánh phụ xe chúng tôi hết đời tất! Tôi không phải buồn lo cho cá nhân tôi, mà là cho mọi người. – Anh đánh mắt sang phía tôi.

Tôi gật gật đầu.

– Cậu tư hiểu rõ điều đó, nếu không sao chúng tôi làm bạn được. Cậu tư nói: Vương Ngũ, phải nghĩ cách thôi! Tôi đáp: Cậu tư, tôi có một ý kiến, phá! Cậu tư bảo: Vương Ngũ, đúng thế! Phá được! Thắng làm vua thua làm giặc. Chúng tôi đã bàn ổn cả rồi. Chuyện này tôi không thể nói với cậu. Tôi muốn nói điều này... – Anh tiếp tục hạ giọng – Cậu thấy rồi đấy, mật thám theo sát nút cậu tư! Chưa hẳn đã vì chuyện này, nhưng để mật thám bám theo, chẳng thú vị cho lắm. Thế đâm ra khó xoay. Tôi nói với cậu hai thì không phải với cậu tư, còn không nói, lại sợ cậu hai cũng dính vào. Thật hết phép!

Tiền Vương Ngũ về rồi, tôi lo quá.

Lý đen đã đoán đúng, Lý trắng quả có một kế hoạch nguy hiểm thật. Không nhất định là đánh phá xe điện, nhưng hẳn cậu ta đang ấp ủ hành động ghê

gồm nào đó. Bởi vậy mới đòi chia nhà để khỏi kéo cả anh trai dây vào. Đương nhiên anh ta không ngăn hy sinh, cũng chẳng ngại người khác hy sinh, nhưng chính là không chịu hy sinh ông anh không một tiếng vang – hy sinh Lý đen một cách vô ích. Giờ, chuyện xe điện đã sát ngay trước mặt, đến anh trai cũng không quan tâm nổi nữa.

Tôi phải làm sao đây? Cảnh cáo Lý đen chỉ tổ kích động thêm tình yêu em cuồng nhiệt trong anh. Khuyên Lý trắng ư, không những vô tác dụng, còn liên lụy đến cả Vương Ngũ.

Sự việc mỗi lúc một gấp, công ty xe điện đã tuyên bố ngày xe hoạt động, tôi không thể tiếp tục lãng phí thời gian, phải đi báo cho Lý đen thôi.

Anh không ở nhà, nhưng Vương Ngũ chưa ra ngoài.

– Cậu hai đâu?

– Ra ngoài rồi.

– Không ngồi xe à?

– Liên mấy hôm, hàng ngày ra phố đều không ngồi xe!

Từ thần sắc của Vương Ngũ, tôi đoán được:

– Vương Ngũ, anh đã bảo cậu ấy rồi hử?

Vết sọc trên đầu Vương Ngũ tím lại:

– Uống thêm hơn hai chum vào, rồi ngửa miệng kể tuốt ra rồi!

– Cậu ấy thế nào?

– Chỉ chực khóc thôi.

– Có nói gì không?

– Hỏi tôi đọc mỗi câu – Anh Ngũ, anh thế nào? Tôi đáp, Vương Ngũ theo cậu tư. Cậu ấy nói cộc lốc: “Được!”. Ngoài không hỏi gì thêm, hàng ngày, đi đâu cũng không ngồi xe.

Tôi chờ anh đúng ba tiếng đồng hồ, trời sập tối, anh mới trở về.

– Thế nào? – Tôi hỏi tất cả mọi chuyện bằng hai từ này.

Anh cười:

– Chẳng sao cả.

Tôi tuyệt nhiên không ngờ rằng anh sẽ trả lời như thế. Tôi không cần tiếp tục hỏi nữa, anh đã quyết định rồi. Tôi cảm thấy nhất thiết phải uống rượu, nhưng uống một mình phỏng hứng thú gì. Tôi đành trở ra về. Khi sắp chia tay, tôi đề nghị:

– Đi chơi với mình vài ngày, được không?

– Mấy hôm nữa hăng tính nhé – Anh không nói gì hơn.

Khi tình cảm lên đến mức cháy bỏng nhất lại chính là lúc lạnh lẽo nhất. Thật không ngờ anh lại đối xử với tôi như thế.

Buổi tối hôm đầu tiên xe điện đi vào hoạt động, tôi lại tới thăm anh. Anh không có nhà, đợi tới nửa đêm, anh vẫn chưa về. Có lẽ cố ý tránh mặt tôi.

Vương Ngũ về, cười rạng rỡ với tôi:

– Ngày mai!

– Cậu hai đâu?

– Không biết. Hôm đó, sau khi cậu về, không biết cậu ấy dùng thứ gì, đốt mất dấu cái nốt ruồi đen trên lông mày ấy, và đứng thất thần trước gương.

Hết rồi, không còn nốt ruồi đen, nghĩa là chẳng còn Lý đen nữa, bắt tất đợi anh nữa.

Tôi đã bước ra đến cổng, Vương Ngũ gọi giật lại:

– Ngày mai lỡ tôi – Anh xoa xoa vết sẹo trên đầu

– Cậu hãy để tâm chút ít đến mẹ tôi nhé!

Chùng hơn năm giờ, Vương Ngũ chạy thốc vào, chạy đến nỗi quần ướt sũng – Tất cả, choảng rồi! – Anh hỗn hển không ra hơi. Không biết đứng thở mất bao lâu, anh mới thở chậm trở lại, nhắc bình trà rót vào miệng uống liền một hơi – A ha! Phá sạch rồi! Đội kỵ mã ào đến, chúng tôi mới giải tán. Thăng nhóc Mã Lục bị bọn chúng bắt đi, trông rõ mồn một. Chúng

có đồ nghề, chỉ ném đá thì ăn thua gì! Mã Lục chắc sắp xong rồi!

– Còn cậu tư?

– Không thấy – Anh cần môi ngắm nghĩ – Hừm, náo loạn ghê gớm! Nếu bắt bố, chắc chắn bắt cậu tư, cậu là người cầm đầu. Nhưng cũng chả biết được, cậu tư đâu có góc, chớ tưởng cậu ấy trẻ người non dạ. Mã Lục sắp toi, có lẽ cậu tư thì không.

– Cũng không thấy cậu hai ư?

– Hôm qua cậu ấy không về nhà. – Anh lại suy tính – Tôi phải trốn ở đây vài hôm.

– Được thôi!



Sáng hôm sau, báo chí đưa tin – Thủ lĩnh Lý của đám côn đồ phá xe gây bạo loạn – bị bắt tại trận, cùng bị bắt còn có một học sinh, năm phu xe.

Vương Ngũ ngắm hàng chữ đó, chỉ nhận ra đọc một chữ “Lý” – Cậu tư hết rồi! Cậu tư hết rồi! – Anh gục đầu vờ như ôm vết sẹo, nước mắt rỏ xuống tờ báo.

Tin tức lan khắp thành phố, xử bắn Lý và Tiểu Mã Lục, diễu phố thị uy.

Mặt trời chói chang, đá trên đường bỏng rẫy chân, nhưng ngoài phố vẫn chật ních người. Một chiếc xe không mui chở hai người ngồi trên đó, tay trái quạt ra sau lưng. Đám tuần cảnh quân phục màu cỏ úa, binh lính quân phục xám xịt, áp giải hàng trước hàng sau, ánh thép của lưỡi lê tỏa hơi lạnh ngắt dưới ánh nắng hừng hực. Xe càng lúc càng gần, hai tờ áp phích trắng khê run rẩy theo chuyển động của xe. Người ngồi phía trước, mắt nhắm nghiền, trán lấm tấm mồ hôi, môi mấp máy, như đang cầu nguyện. Xe khá gần chỗ tôi đứng, anh ngồi lắc lư trước mắt tôi. Nước mắt tràn ngập lòng tôi. Xe trở qua từ lâu, tôi mới giật mình tỉnh lại, leo đèo theo xe đến tận pháp trường. Cả dọc đường, anh không ngừng đầu lên lấy một lần.

Mây anh hơi chau, miệng hé mở, ngực đầm máu, dường như khi chết vẫn đang cầu nguyện. Tôi nhặt xác anh về.



Hai tháng trôi qua, tôi gặp Lý trắng ở Thượng Hải, nếu tôi không gọi, hẳn cậu ta đã chạy biến mất.

– Chú tư! – Tôi gọi cậu ta một tiếng.

– À! – Cậu ta có vẻ giật mình – Ô, anh! Tôi ngờ anh hai sống lại.

Có lẽ tôi gọi giống hệt như giọng Lý đen, ồ, tôi hoàn toàn không cố ý hoặc giả Lý đen vẫn sống mãi trong tim tôi, gọi lên một tiếng thay tôi.

Nom Lý trắng già đi ít nhiều, càng giống anh trai hơn. Hai chúng tôi chỉ nói vài ba câu, cậu ta như không muốn nói nhiều với tôi. Chỉ nhớ được hai câu thế này:

– Anh hai có lẽ đã lên thiên đường, anh ấy ở đó thích hợp nhất; còn tôi vẫn đang ở đây gõ cửa địa ngục.

*(Đã đăng trên “Văn học quý san”
ngày mùng 1 tháng 1 năm 1934)*

Khu chung cư Liễu gia

*M*ấy hôm nay, trong khu chung cư của chúng tôi lại một phen âm ỉ, có người chết.

Không thể bắt đầu câu chuyện từ đây, phải kể cho ra đầu ra đũa. Trước tiên hãy giới thiệu bản thân tôi đã, tôi là một thầy đoán mệnh. Tôi cũng đã từng bán táo chua, lạc nhân gì gì, nhưng đó là chuyện ngày xưa ngày xưa. Giờ tôi bày sạp trên phố, hôm nào khấm khá, cũng moi được dăm ba hào. Vợ tôi mất từ lâu, con trai kéo xe Tây dương. Hai cha con sống trong một gian phòng bắc của chung cư nhà họ Liễu.

Ngoài gian phòng bắc này của tôi, trong chung cư còn có tới hơn hai mươi gian khác. Tổng cộng có bao nhiêu gia đình sống? Chẳng ai nhớ rõ! Số nhà ở hai gian thì không nhiều đã thế nay dọn đến mai dọn đi, tôi làm gì có cái trí nhớ tốt đến thế. Mọi người gặp nhau, chào một tiếng "*Ăn cơm chưa?*", thế là hòa hảo lắm rồi; bằng không, cũng chả sao. Mọi người từ sáng đến tối bán mạng vì cái miệng, rảnh rồi đâu mà tán

hươu tán vượn. Tất nhiên cũng có người thích trò chuyện nhưng trước hết phải no bụng trước đã.

Hai cha con tôi và nhà họ Vương coi như là hộ ở lâu năm, đã làm hàng xóm với nhau hơn năm năm. Hồi trước tôi định dọn đi, nhưng gian phòng này của tôi không đến nỗi dột nát quá; thế giới này đi đâu tìm được căn phòng không dột? À, dĩ nhiên nhà không dột thì có, phải cái ở nỗi không mới là vấn đề! Vả lại, hề dọn nhà lại phải tốn kém ít nhiều, đau như hoạn, chi bằng ráng chịu một tí vậy. Trên báo buổi tối thường viết cái gì mà “*bình đẳng*” đó đó, xềng không bình đẳng, thì khỏi cần bàn những chuyện khác. Tôi nói thật đấy. Cứ lấy các bà các cô làm ví dụ thì biết ngay, giả dụ nhà gái không đòi sính lễ, hẳn họ bớt ăn đòn nhiều nhiều, đúng không?

Nhà họ Vương ở hai gian. Lão Vương và tôi coi như là người “*văn minh*” nhất trong cái cư Liễu gia này. “*Văn minh*” là Tôn Tử¹.

Nói cho có đầu có đũa tôi là thầy bói, cầm chữ đọc một lèo vanh vách. Hàng ngày tôi đọc hai tờ báo buổi tối chữ to như gà mái mẹ. Người “*văn minh*” có nghĩa là xem được báo buổi tối, cần gì phải mạo là Tôn Tử nữa! Lão Vương làm thơ tĩa hoa cho một gia đình người Tây dương, am tường chuyện Tây dương lắm. Kỳ tình lão

¹ Nguyên văn: Tam Tôn Tử có lẽ là: Tôn Tử Ba. Đây là Tôn Tử Loại Ba. Tôn Tử Một tức Tôn Vô, Tôn Tử Hai tức Tôn Tấn.

biết trồng hoa hay không, tự mình lão hiểu, giả dụ không biết chẳng nữa, chắc gì lão đã chịu nói ra. Có cắt xén cỏ trong vườn nhà người Tây thì có thể cũng gọi là thợ tỉa hoa được; bất luận thế nào, lão Vương cũng có cái để dễ bề huênh hoang. Nghĩa là sao? Xén cỏ thì có gì hèn kém? Lão Vương nghĩ không thông điểm này. Nếu không hạng người nghèo chúng ta sao mãi không ngóc đầu lên được, nghèo gì đâu, vẫn còn nói leo được vài câu cơ chứ! Người giống thế trong khu chung cư nhiều lắm, suốt ngày học hỏi người "*văn minh*", dường như cách thổi râu, trừng mắt của người "*văn minh*" là bốn phận nên có. Có điều lão chẳng kiếm được bao nhiêu, tỉa hoa cũng vậy, xén cỏ cũng xong.

Con trai lão Vương làm thợ đá, đầu óc anh ta còn trơn hơn tảng đá, tôi chưa từng thấy người nào cục súc như thế. Nhưng anh ta là một thợ đá cừ, không nói lý nói lẽ gì sất. Anh Vương con đã cưới vợ, kém anh ta mười tuổi, nom hết như một mớ bụi nhùi, non choẹt, bao giờ mặt cũng như dưa đám, hề ăn đòn là khóc, nhưng vẫn cứ bị xoi đòn như thường. Lão Vương còn có một đứa con gái, chừng mười bốn mười lăm, vừa gian vừa xấu thói. Bốn người sống trong hai gian phòng.

Ngoài hai nhà chúng tôi, còn phải kể đến Trương Nhị, cũng là hàng xóm lâu năm; ở đây đã hơn sáu tháng. Tuy nợ hai tháng tiền phòng, nhưng vẫn cầm cự nổi, chưa bị chủ nhà tống cổ đuổi đi. Vợ Trương Nhị mồm mép trơn như mỡ, biết nói chuyện lắm; có

lẽ đây chính là nguyên nhân họ chưa bị lớt lá cầm tay dất ra. Dĩ nhiên chỉ khi người ta đến đòi tiền phòng, miệng mồm chị ta mới ngọt xơn xớt; chủ nhà vừa quay lưng, lập tức văng ra ngay một câu chửi. Chẳng ai không chửi bới chủ nhà; một cái gian ổ chó mỗi tháng cũng đòi một đồng rưởi! Nhưng không ai chửi đến nơi đến chốn, chửi có bài có bản, chửi bằng sừng miệng như chị ta. Đến lão già như tôi cũng hơi hơi yêu chị ta, ấy, không phải vì điều gì khác đâu, chỉ do chị ta thật biết cách chửi. Nhưng, mặc chị ta chao chát đến đâu, một gian ổ chó vẫn cứ đồng rưởi không kém. Nghĩ vậy, tôi lại hết yêu chị ta. Chẳng có sức mạnh thực tế, chửi, chửi, chửi, thì nước mẹ gì?

Trương Nhị và con trai tôi là đồng nghiệp, cùng kéo xe. Miệng anh ta cũng ngoa ngoắt đáo để, uống hết hai hào cái thứ “*nước dái mèo*” liền lèm bèm đến văng óc người cả khu chung cư, đồ nát rượu! Tôi ghét nhất đồ nát rượu, tuy không phải loại người xấu bụng. Trương Nhị được ba đứa nhóc, đứa lớn một than cục, đứa thứ hai lẫn theo vết bánh xe, đứa út bò lê la khắp sân.

Nhắc đến bọn trẻ, quả tình tôi không rõ chúng tên là gì. Lũ nhóc trong cả viện đủ để thành lập một lũ đoàn ô hợp, làm sao mà nhớ nổi trai gái cũng sao phân biệt được, nhưng mắt phải nhìn cho thật rõ!

Đi lại ngoài sân luôn phải cẩn thận một chút; hễ nhỡ chân, không chừng đâm phải người ai đó. Thế cũng đủ âm ỉ một trận rồi đấy. Người lớn toàn chứa

đẩy một bụng ăm ức, sao không tóm lấy dịp mà cãi cho bỏ cái tức! Càng nghèo trẻ con càng đông, lẽ nào người nghèo thì không nên nuôi con sao? Có điều, dân nhà nghèo cũng giỏi nghĩ ra mẹo thật. Cái đám nhóc lơ là trông nom ấy mai sau rồi sẽ làm gì nhỉ? Lại giống con trai tôi, kéo xe Tây dương chẳng? Tôi hoàn toàn không có ý nói kéo xe là hạ tiện, tôi chỉ cho rằng con người thì không nên kéo xe, con người mà làm ngựa người sao? Nhưng vô khối đứa trẻ chẳng sống nổi đến tuổi kéo xe. Mùa xuân năm nay, bệnh sởi tràn lan, chết hàng loạt. Ông bố thích đánh con như két cũng rống lên khóc, đứa con rút ruột để ra ai chẳng xót thương? Nhưng khóc xong rồi cũng thôi, một mụn chiếu con con cuộn lại, kẹp vào đem ra ngoài thành; người chết thì đã chết rồi, bớt được miệng ăn là cái thực tế rành rành. Hầu bao rống tim như sắt, tôi thường nói thế. Đó không giống một câu nói, tóm lại phải nghĩ ra cách thôi!

Ngoài ba gia đình chúng tôi, còn nhiều người khác nữa. Nhưng tôi chỉ nêu lên ba nhà này là đủ rồi. À, tôi đã chẳng kể rằng trong chung cư Liễu gia có người qua đời sao? Đó chính là con dâu lão Vương. Tôi từng ví cô hết mớ bụi nhùi, đó không phải lời người chết rồi ra làm trò cười đâu. Tôi cũng không định nói cô “*dịch thực*” là cái bụi nhùi. Tôi khó chịu thay cho cô, khó chịu thay cho những người phụ nữ gầy gầy giống cô. Tôi phải cái hay nghĩ ngợi, tại làm sao nuôi một cô gái mơn mớn trở thành cái bụi nhùi chứ? Từ

nhỏ đã không được ăn, không được uống, còn thơm da nhuận thịt được hay sao? Đúng, không sai, nhưng dựa vào cái gì cơ chứ?

Thôi, bớt tán chuyện tào lao vậy; chuyện là thế này: Thứ nhất lão Vương không ra cái mẽ con người. Tôi chẳng đã nói lão ưa làm bộ làm tịch sao? Phải, cái cóc gì lão cũng đều học đòi cái đám người “*văn minh*” kia. Cưới con dâu cho thằng cả xong, hừm, lão chẳng biết phải làm sao. Từ sáng đến tối cứ hình mũi lườm nguýt con dâu, làm vánh làm vẻ ghê lắm. Vì ba đồng dầu, hai hũ dấm, lão có thể làm ầm ĩ lên đến kinh thiên động địa. Tôi biết, gan người nghèo nóng lắm, ưa cãi lộn. Nhưng lão Vương có khi chỉ cố bới lông tìm vết; lão hậm hực, chẳng vì cái gì, chỉ do học hỏi cái thói quan cách của người “*văn minh*”. Lão là bố chồng; hay đấy, mấy đồng một ông bố chồng thôi! Tôi thực không hiểu tại sao thằng nghèo kiệt xác còn đòi ra vẻ “*văn minh*”, moi đâu ra cái của thói như thế nhỉ? Buổi sáng, lão thức rõ sớm, và gọi luôn cả con dâu dậy theo, kỳ thực có chuyện gì đâu? Lão muốn lập ra cái khuôn phép ấy, sĩ diện hão! Cô chân chừ giầy lát thôi, nghe xem, này nhé một trận đòn đấy!

Tôi biết, nhà mẹ đẻ cô đòi một trăm đồng sính lễ. Có lẽ đến tận năm sau cha con họ vẫn chưa thanh toán hết khoản nợ ấy, thành thử suốt ngày lòi cô dâu ra để trút giận. Nhưng nếu chỉ ầm ĩ vì một trăm đồng này thôi thì cũng đi một nhẽ, tuy cô con dâu đã đủ

hết mọi nỗi oan ức rồi. Lão không chỉ vì nhúm tiền ấy. Lão học người “*văn minh*” đấy, lão phải làm ông bố chồng ra dáng bố chồng, vợ lão đã mất rồi, lão muốn kiêm nhiệm luôn cả vai vế và những dẫn vật mà một bà mẹ chồng thường dành cho con dâu. Lão tìm đủ cách moi cho ra những sai sót của cô. Còn cô, một đứa trẻ mười bảy tuổi thì hiểu được cái gì? Đòi hỏi cô phép tắc này nọ ư? Tôi biết tổng lão học từ đâu ra những thứ phép tắc ấy? Nghe từ mồm đám người “*văn minh*” kia trò chuyện tại quán trà chứ đâu. Lão chính là người như thế – nói dăm ba câu với người “*văn minh*”, chọc ngoáy họ người khác dăm ba câu, mặt lão lập tức đỏ phừng phừng. Khi xén cỏ tại nhà người Tây dương, giả dụ người Tây hạ cố nói với lão nửa lời, một câu, chắc lão vẩy đuôi suốt ba ngày đêm liền. Đúng lão có đuôi thật. Nhưng lão đã vẩy đuôi cả một đời rồi, ờ, thế mà vẫn cứ rúc trong cái khu chung cư nát bươm của mẹ lão mà nhay nhá mớ bụi nhùi. Tôi thật không sao hiểu nổi!

Buổi sáng trước khi đi làm, lão Vương truyền phép thay lão dẫm đường hành hạ con dâu cho cô con gái. Con ranh xảo trá đó! Tôi không hề có ý khinh thường con gái nhà nghèo chút nào; họ làm con sen con ỏ, làm vợ lẽ cũng là chuyện thường tình (*chứ không phải là chuyện nên làm*), sao có thể trách họ được? Không thể! Nhưng tôi ghét nhất đứa con gái nhà họ Vương này, nó với ông bố đáng ghét ngang nhau, suốt ngày chỉ lom lom vạch lá tìm sâu, trợn đôi

mắt trắng dã lên đặt điều bôi xấu chị dâu. Tôi biết tại sao nó xấu thói đến thế, nó được đi học tại trường, do người Tây dương kia cấp tiền, nó không vừa mắt bà chị dâu dễ đến hơn một vạn lần. Nó cũng diện đôi giày lành lặn, tóc cũng gài chiếc lược, nom rõ dõm! Tôi cứ day dứt mãi một nỗi: thế giới này không nên có giàu, có nghèo. Nhưng nếu kẻ nghèo học đòi làm sang, hòng trèo cao, thì còn tệ hại hơn bất cứ thứ gì. Lão Vương và con gái chính là ví dụ điển hình. Giả dụ chị dâu khâu một đôi giày vải mới, bằng mọi cách nó phải vấy bùn lên đó, sau đó xúi bố chửi chị dâu. Tôi không rối hơi mà kể lể mấy chuyện lật vật đó, nhưng quả thật cô con dâu nhà ấy không có được một ngày dễ thở, nhiều khi còn chẳng được ăn no.

Còn anh Vương con, mỗ đá ở tận ngoài thành, không mấy khi ở nhà. Dăm bữa nửa tháng mới đảo về một lần, thế nào cũng đập vợ một trận. Trong khu chung cư nhà họ Liễu chúng ta, uýnh vợ là chuyện cơm bữa. Ai bảo đàn bà ăn mỗi mồn các đấng nam tử hán, ai bảo nhà ngoại đòi sính lễ vào? Ăn đòn là đáng thôi. Nhưng anh Vương con vốn có thể không đánh vợ, vì lâu lâu anh mới về đến nhà, còn thích thú gì chuyện om sòm lên? Ồ, đã có lão Vương và cô em gái chọc cho rồi. Lão Vương phạt con dâu nhịn đói, phạt quì; song không thể đích thân ra tay đánh đập, lão đã tự cho mình là người "*văn minh*", sao lại có thể mang cái tiếng bố chồng đánh con dâu? Bởi thế mới kích cho con trai đánh vợ; lão biết con trai là công nhân

mỏ đá, đánh một trận bằng người khác đánh năm trận. Con trai đánh con dâu chán tay rồi, lão đối xử với con trai cứ ngọt như mía lùi. Còn cô con gái, tuy vẫn thương hành hạ chị dâu, nhưng rốt cuộc vẫn chưa đã, chỉ hận một nỗi anh trai chưa coi chị dâu là tăng đá, nên một búa nạt vụn như cám, mới thật khoái. Tôi nói để anh biết nhé, ví thử một người phụ nữ coi khinh một phụ nữ khác, thì đó chính là cuộc đối đầu kẻ sống người chết. Con ranh đó tự cho mình là nữ sinh, còn chị dâu chẳng qua là một cái bụi nhùi sống tồn một trăm đồng mua về.

Cô con dâu nhà họ Vương hết đường sống. Lòng dạ càng buồn bực, tính tình càng nhăm nhắng; khắp khu chung cư không mấy ai ưa. Ngay cả chuyện trò cô cũng nói trước quên sau. Cũng có lúc vui vẻ lên thì làm cho khách hết cả hồn vía. Cứ sau khi Vương con đánh cô xong đi khỏi, cô lại vừa khóc vừa nói, lầm nhảm một mình. Thế là tôi có việc rồi; lão Vương và tôi mượn bùa phép; bịt miệng cô ta lại. Lão sợ ma, bảo tôi đi làm thay lão. Tôi vào phòng cô, an ủi, dỗ dành cô nín khóc – tôi không bịt miệng cô, cái cô cần là sự an ủi và mấy câu vỗ về – Lão bước vào, bấm huyệt nhân trung của cô, lấy giấy cỏ xông cho cô; kỳ thực lão biết cô đã hồi tỉnh, đó là cố ý trừng phạt cô. Mỗi bận đến cái cảnh tai ngược này, tôi lại cãi nhau với lão Vương. Thường ngày họ cãi vã tôi mặc kệ; bận tâm có ích gì? Nếu tôi chen vào, nhất định sẽ bênh vực cô con dâu; chẳng phải đẩy cô vào chỗ bế tắc sao?

Thế là tôi để mặc. Thế nhưng, một lần trừ ma trừ tà, thế nào hai chúng tôi lại cãi cọ, vì chính tôi có mặt ở đó, tận mắt chứng kiến, không thể không nói mấy lời? Điều kỳ lạ là, khi hai chúng tôi cãi nhau, người trong khu chung cư chỉ rặt nói là tôi sai; đám phụ nữ cũng chỉ trích thế. Bọn họ cho rằng cô ta đáng phải ăn đòn. Họ phê phán tôi chỉ đa sự. Đàn ông nên đánh vợ; bố chồng nên quần giáo con dâu, bà cô nên lấn lướt chị dâu, cả đám đàn ông lẫn đàn bà vững tin vào điều này! Sao lại đi tin cái lẽ đời ấy? Ai dạy họ thế? Cái thứ “*văn minh*” chó đẻ gì thế! Đáng cười, mà cũng đáng khóc thay!

Hai hôm trước, anh thợ đá lại về. Lão Vương không hiểu sao lại đâm ra mất tính, không kích cho con trai đánh vợ, cô con dâu thấy mọi người tươi tỉnh dễ chịu, dĩ nhiên là vui sướng, trên mặt lại như muốn nhăn nhó cười. Cô con gái nom thấy, ngỡ trên trời xuất hiện hai vàng thái dương. Nhất định có chuyện rồi! Nhân lúc chị dâu đang nấu cơm ngoài sân, liền lên ngay vào phòng chị dâu lục lọi. Chắc chắn anh trai thợ đá đã mua cho chị dâu vài món trang sức, nếu không chị ta đâu hơn hờ thế kia. Xáo tung phòng cả nửa ngày trời, chẳng moi ra được thứ gì. Tôi nói “*nửa ngày trời*”, ý là tra xét rất tỉ mỉ; đồ đạc trong phòng chị dâu đâu có nhiều nhận gì? Cả khu chung cư của chúng tôi, chẳng có nổi hai cái bàn lạnh lặn. Giả có đồng nào chúng tôi phải nhét tận đáy túi quần ấy chứ.

Con bà cô đâm lộn ruột. Chị dâu dám mỉm cười? Bất chấp có xét ra có dấu vết tư túi gì hay không, cứ phải trừng trị cái dă!

Chị dâu đang bê nồi cơm gạo sôi sùng sục, nó liền thò chân ra ngáng. Cái nồi tuột khỏi tay. “*Cơm gạo hẫ hoi đấy!*”. Nếu không phải chồng cô về, nào ai dám đề nghị ăn “*cơm*”! Mạng cô như thế cũng tuột theo cái nồi cơm vậy. Cơm chưa cạn, từng hạt gạo trắng đổ tóe trên đất như cháo. Cô liễu mạng lấy tay vục lấy vục để, bông rây tay có xá gì; bản thân cô còn không đáng giá bằng cái nồi cơm ấy. Quả thực nóng quá mức, cô vốc được mấy vốc, buốt thấu tim, tay phồng rộp. Cô không dám rên lấy nửa tiếng, nghiêng chặt răng, quần đôi tay, đau đớn, vậy cuống cuống.

– Bớ! Xem chị ta đổ hết cơm xuống đất rồi kia kia! – Con bà cô gào to.

Hai cha con nhào ra. Lão Vương vừa trông thấy đồng cơm bốc khói nghi ngút trên đất, vụt nổi cơn. Lão chỉ đánh mắt sang con trai một cái, thế là rõ rồi: “*Mày đánh nó hay đích thân tao ra tay?*”.

Mặt Vương con thoát tím bầm, lao đến túm tóc vợ, ghì sát xuống đất. Cô không kêu một lời, ngất lịm.

– Đánh đi! Đánh chết nó đi! Đánh – Lão Vương đứng bên hò hét, chân dậm thành thịch.

Con bà cô e chị dâu già chết, liền xô tới túm lấy chân.

Mọi người trong khu chung cư ùa cả ra xem trò ẩm ỉ, đàn ông không xông vào can ngăn, dĩ nhiên phụ nữ cũng đành nín thính; à, đàn ông khoái nhất món xem người khác đánh vợ – làm gương cho vợ mình mà.

Tôi không thể dễ yên được nữa. Lão Vương hầm hầm muốn dẫn cho tôi một trận. Nhưng tôi vừa ra mặt, cánh đàn ông cũng xán lại. Phân giải hay dở, thế là giải tán.

Sáng sớm hôm sau, lão Vương và Vương con trai đi làm vắng. Con quý cái không đi học, tiếp tục chảnh chọe chị dâu.

Vợ Trương Nhị động lòng, tới thăm cô con dâu. Bởi lẽ vợ Trương Nhị tự tin vào tài nói năng của mình, thành thử vừa an ủi cô con dâu, đã mếch lòng con bà cô. Cả hai nhẩy dựng lên, đương nhiên con bà cô chẳng phải tay vừa, nhưng độ sao được với vợ Trương Nhị!

– Con ranh con này nếu không... thì tao không phải là họ Trương – Chỉ một câu đã khiến con bà cô rụt vùi lại – Thằng Tam trọc cho mày hai hào to, mày liến cho nó hôn môi; mày tưởng tao không trông thấy đấy hả? Có chuyện này không? Có không? – Miệng chị Trương Nhị chửi ù cả tai con bà cô, nó chỉ còn thụt lùi.

Trận đó qua đi, con bà cô lủi ra phố, ngại tiếp tục gây hấn với chị dâu.

Còn lại một mình con dâu nằm trong phòng. Vợ Trương Nhị lại sang xem, cô vẫn nằm trên giường lò, nhưng đã khoác bộ áo đỏ khi xuất giá ấy vào. Vợ Trương Nhị hỏi liền mấy câu, cô chẳng đáp chẳng rằng, chỉ ngoảnh mặt đi. Thằng con thứ hai của Trương Nhị đang đánh nhau với một thằng bé khác, vợ Trương Nhị vội chạy thốc ra cứu, vì nó bị đối thủ đè nằm bẹp dí dưới đất.

Mãi đến gần giờ ăn cơm con bà cô mới mò về, lao một mạch vào phòng chị dâu, coi cô đã nấu cơm chưa. Xưa chưa bao giờ nó động cái móng tay lo cơm nước, nữ sinh mà lại! Vừa mở cửa phòng, nó đã hét thất thanh, chị dâu đang lủng liểng trên xà nhà! Người cả khu chung cư đứng tim, chẳng ai nghĩ tới việc cắt dây đưa cô xuống, ai dại gì dây vào chuyện mất mạng người chứ?

Cô hai bịt mắt thằng Tôn Tử.

- Còn không đi tìm bố cô đi? - Không biết ai đó nhắc nhở câu này, nó quay đầu chạy thẳng, hết như bị ma đuổi.

Lão Vương về cũng sưng cả người. Con dâu thế là hết cách cứu; tính sao bây giờ, ô uế căn phòng rồi, liệu chủ nhà có đuổi lão đi không chứ? Cưới đứa khác, chỉ cần đắp tiền vào, nhưng khoản nợ lần trước đã trả hết đâu! Mớ bong bóng ấy khiến lão càng nghĩ càng

lộn mê, muốn xẻo vài miếng thịt của cái xác con quý chết treo kia, mới thật hả giận!

Người đằng ngoai cô đến rồi, tuy bên đó bù lu bù loa làm căng, nhưng lão Vương cóc sợ. Lão chuẩn bị từ trước, đã hỏi rõ con bà cô rồi, vì vợ Trương Nhị xúi giục nên con dâu mới đòi treo cổ, nhà họ Vương đâu có bức cô chết, nhà họ Vương chưa hề chèn ép cô. Anh thấy chưa, lão Vương học hỏi người "*văn minh*" đến nơi đến chốn đấy chứ giỏi trùng mắt, miệng leo lắt, giỏi.

Vợ Trương Nhị sợ quá, dù dẹo mồm dẹo mép đến đâu cũng chẳng ngăn được địch ngoạm một miếng thối tận xương! Mạng người, chứ có phải giỡn đâu, kể cả có thể tự biện hộ, nhưng khi chồng trở về thế nào cũng phải điều đứng một phen. Kiện tụng hả, đương nhiên không biết rồi, dân trong cái khu chung cư Liễu gia mà dám kiện tụng ư? Nhưng lỡ lão Vương và con bà cô kia ngoạm chặt lấy không chịu buông, nhà ngoai cô con dâu đến tìm chị đòi người xoay sao nổi! Dân trong khu chung cư này biết điều lắm, phải cái mạng người lớn lắm, chắc ai họ dám giúp cho? Quả nhiên, Trương Nhị vừa về, nghe được vợ mình gây họa rồi. Chưa hiểu rõ đầu cua tai nheo thế nào, đánh rồi nói chuyện sau, đánh vợ cũng là việc hiển nhiên. Vợ Trương Nhị được một trận cẩn thận.

Đằng ngoai cô con dâu chưa kiện cáo mà đòi tiền, không tiền hẵng nói phải trái sau. Lão Vương ớn cái

“cần được ước thấy” ngay; tiền rước con dâu dạo trước còn nợ địa ra đây, giờ lại sập vào cái hố nữa. Nhưng bất luận thế nào cũng phải chịu bồi thường tiền, bằng không cái xác chết cứ lủng lẳng trong nhà thế, mới là điều phải biết.

Vương con cũng đã về, hết một người đá, nhưng tôi nhận thấy, lòng anh rất đau buồn, chẳng ai mấy may bận tâm về người đã chết, chỉ mỗi Vương con vào phòng, ngồi hàng giờ bên thi thể. Ví thử không phải cha anh “văn minh”, tôi nghĩ chắc hẳn anh không thương xuyên đánh vợ đâu. Nhưng cha “văn minh”, lẽ tất nhiên con trai cũng phải hiếu thuận chứ, đánh vậy! Hề vung tay lên là quên phất tay mình chuyên giã đá, anh im lìm, không thốt một lời, ngồi rất lâu như hóa đá trong phòng, rồi lấy chiếc quần mới – tức là chưa hề vá víu gì – mặc vào cho vợ. Cha anh nói với anh, anh như không nghe thấy. Anh một mực rít thuốc lá con dơi, tròn mắt ráo hoảnh đắm đắm nhìn cái gì đó – người khác không một ai trông thấy cái anh nhìn chăm chăm ấy.

Đằng ngoài cô con dâu đòi một trăm đồng – năm mươi dành để đưa tang, năm mươi về tay người nhà cô. Vương con vẫn câm lặng. Lão Vương đồng ý chỉ tiền. Việc đầu tiên, lão đi tìm Trương Nhị:

– Vợ anh gây họa, không lỗi thôi gì hết, tôi chịu năm mươi, anh chịu năm mươi; nếu không tôi đem

xác chết treo ấy chuyển sang phòng anh – Lão Vương nhỏ nhẹ nhưng chắc như đinh.

Trương Nhị vừa uống hết bốn hào to cái thứ nước dái mèo ấy, mắt vẫn đỏ. Anh ta cũng chẳng vừa:

– Bác Vương nói hay ghê nhỉ, năm mươi? Tôi chịu, nhìn đã mắt chưa? Trong nhà có thứ gì thì cứ mang tuốt đi, còn không tôi gán cho bác hai thằng lớn đấy, chẳng hơn năm mươi đồng ấy chứ? Mẹ thằng út! Dem hai thằng lớn đưa sang phòng bác Vương đây! Biết chạy biết ăn, quyết không ăn hại dái khai đâu, bác lại chưa có cháu chất, vừa đẹp nhé!

Lão Vương hớ rồi. Đồ đạc trong phòng Trương Nhị có lẽ chưa đáng nửa đồng! Hai đứa nhỏ để Trương Nhị giữ lại vậy. Nhưng, đâu thể dễ dàng cho Trương Nhị hưởng lợi thế được. Không năm mươi, thì ba mươi? Trương Nhị ca bài cùn gì, về hơn hờ lắm:

– Ba mươi làm gì? Năm mươi có hơn không, cứ viết giấy nợ trước đi, bao nhiêu đưa tôi bảo xe điện cán chết, rồi đem giả bác.

Lão Vương muốn kêu con trai nện cho Trương Nhị một trận quá. Có điều Trương Nhị cũng vạm vỡ lắm, chắc gì đã làm được nhau. Từ đầu chí cuối vợ Trương Nhị không dám hó hé, lúc này cờ đã đến tay, liền nhân thế đòi sĩ diện cho mình:

– Họ Vương kia, ông cứ đợi đấy, tôi không đến phòng ông treo cổ thì tôi không đáng là người vợ hiền, ông cứ đợi đấy nhé!

Lão Vương là người “*văn minh*”, không tiện đấu võ mồm với vợ Trương Nhị. Vả chăng, lão cũng nhận thấy, loại đàn bà chanh chua này chuyện gì cũng dám lắm, nhờ thêm cái xác chết treo nữa thật, thì quả mắc phải xương trong họng. Coi như lão Vương đấu không lại với Trương Nhị.

Kỳ thực lão Vương đã có chủ ý “*văn minh*” ngay từ đầu, màn với Trương Nhị chẳng qua chỉ là đòn gió. Lão đến nhà người Tây, đại nhân Tây không ở nhà, lão quỳ sụp trước phu nhân Tây, xin một trăm đồng. Phu nhân Tây thí cho lão, nhưng năm mươi đồng trong số đó là khấu vào tiền công của lão, không cần tiền lãi.

Lão Vương cầm tiền về nhà, mũi hếch lên trời. Đụng đến món tai ương này mất toi đến tám mươi đồng âm dương sinh ra, nếu không gỡ cái trò trống này, phiền to lắm ấy chứ – Món tiền đó không thể không tiêu.

Cô con dâu coi như chết “*đáng*”. Một chiếc áo bằng đoạn Tây dương màu đỏ mới toanh, giày mới quần mới, trang sức bạc, đồng trắng đầy đủ. Quan tài hai mươi đồng. Còn có năm mươi vị hòa thượng niệm kinh siêu độ. Đàng ngoài cầm hơn bốn mươi

đồng; lão Vương nằng nặc không chịu giao nộp theo đúng số lượng năm mươi.

Sự việc coi như qua, nhưng cái con bà cô gặp quả báo, không dám thò chân vào phòng. Dầu muốn hay không trông thấy chị dâu treo lủng lẳng trên xà nhà. Lão Vương phải chuyển đi. Nhưng ai dám vào ở cái phòng có người chết ấy chứ? Đích thân lão ở, may ra chủ nhà qua quýt không tra cứu thực hư; dọn đi, không bắt vạ mới thật quái gỡ. Nhưng con bà cô kia không dám vào phòng ngủ cũng là một vấn đề. Huống hồ, con dâu đã chết rồi, tiếp tục thuê hai gian làm quái gì? Nhượng lại gian đó, ai chịu, thế mới chết!

Lão Vương đã có ngay một chiêu đến ớn, con dâu vừa chết, liền xem kinh tuốt đàn bà. Bốn mươi lăm đồng tổn vì cái xác, còn bị đàng ngoại cô ta moi mất hơn bốn chục, thật tím gan bầm ruột. Thế là cả cái con bà cô kia cũng cho xong đi nốt, tổng cổ nó đi, kiếm ít sính lễ, sau đó nhanh chóng tục huyền cho con trai. Con kia không dám vào phòng hả, vừa hay, cuốn xéo ngay. Bán được chừng hai ba trăm, ngoài số tiền cưới vợ khác cho con, bản thân lão cũng vớt vát được cỡ hậu sự.

Lão tấp tễnh thổ lộ chuyện này với tôi. Tôi ngỡ lão định gấm ghê cô thứ cho con trai tôi; à, không phải, lão nhờ tôi lưu ý giùm, có người ngoại tình nào phù hợp chịu xuất hai ba trăm là xong. Tôi chẳng đáp chẳng rằng.

Đúng lúc ấy, có người đến đánh tiếng với Vương con, một cô gái mười tám tuổi, đảm đang tháo vát, chỉ đòi có một trăm hai mươi đồng tiền sinh lễ thôi. Lão Vương càng cuống, muốn tức khắc tống khứ con bà cô đi cho rảnh nợ.

Chủ nhà đến, vì phong thanh nghe có chuyện treo cổ tự vẫn. Lão Vương làm cho ông ta về thẳng: Phòng bẩn rồi, nhà đây vẫn đang ở đấy thôi! Chuyện này đâu trách được nhà đây, cả ngày nhà đây không ở nhà; sao dè nén con dâu được? Chẳng qua tại hàng xóm xấu bụng, nếu không phải vì cái con mẹ nhà Trương Nhị, con dâu tôi tội tình gì bỗng dưng treo cổ lên xà nhà chứ? Thắt cổ thì cũng chả sao, nhà đây ư? Giờ thì nhà đây kiếm vợ khác cho con trai, dù sao cũng thông hiểu chuyện Tây dương, túi nhặn ư vẫn có thể dăm ba lời với người Tây, tiếp tế chút ít. Chỉ riêng về cái chuyện này thôi, người Tây cũng đã cho tôi cả một trăm!

Chủ nhà bị lão hù cho tiết nọc, dò hỏi xung quanh, quả thực đúng đó là tiền người Tây cho thật. Chủ nhà chẳng hoạnh hợ gì thêm, không đại gì đặc tội với Tây dương. Nhưng cái nhà anh Trương Nhị này chẳng béo bở gì, nợ hai tháng tiền phòng, lại còn cái thân làm tội cái đời, tống cổ hẳn vậy! Vợ Trương Nhị bất luận mồm miệng trơn tru thế nào cũng phải vì hai tháng tiền nhà, nhanh chóng cuốn gói!

Trương Nhị dọn đi, hôm đó, anh ta lại uống say túy lúy. Vợ Trương Nhị chủ nhà một trận tới bời.

Cứ đợi mà xem nhé. Xem con bà cô kia bán được bao nhiêu, xem Vương con lại cưới cô vợ thế nào. Còn chuyện gì nữa! "*Văn minh*" là Tôn Tử vẫn cứ câu nói đó!



Hy sinh

Ngôn ngữ là một thứ lạ lùng. Nói quả không ngoa, hình như mỗi một người có một vốn liếng từ vựng đặc trưng. Chỉ cần ai đỡ dùng chệch đi vài từ, theo cách riêng của anh ta; trừ phi bạn hiểu con người này, bằng không, tuyệt đối bạn không hiểu nổi mấy từ đó.

Tôi quen Mao tiên sinh đã là chuyện ba năm trước, khung cảnh lần đầu tiên hai chúng tôi gặp mặt, tôi vẫn còn nhớ rất rõ ràng, vì không sao hiểu nổi lời của ông ta, thành thử phải chăm chú lắng nghe ông ta đích thân giải thích, nhờ đó cũng nhớ luôn cả tình hình khi ấy. Tôi không hiểu lời của ông ta, hoàn toàn không phải ông ta không biết nói tiếng quốc ngữ. Khả năng sử dụng quốc ngữ của ông ta có kiểm tra qua Ủy ban quốc ngữ thì cũng phải công tâm cho ông ta tám mươi điểm. Tôi nghe rõ mồn một. Thế nhưng không tài nào hiểu nổi, giả dụ ông ta viết một cuốn tiểu thuyết bằng chính vốn liếng ngôn ngữ ấy, in ấn đẹp ngời ngời, nhất định tôi vẫn không hiểu, trừ phi mỗi câu mỗi chữ có kèm theo lời chú thích của chính ông ta.

Đó là vào một ngày thu đẹp trời, lá cây vừa phơn phớt nhuộm vàng; lũ bướm vẫn tung tăng nô giỡn với vô số hoa thu. Đó là một loại thời tiết đặc biệt. Ngồi trong nhà thì bứt rứt, dường như bên ngoài đang có thứ gì đó vẫy gọi anh, nhưng ra phố thì lại chẳng có việc gì đáng làm; gây người ta cái cảm giác làm việc đáng tiếc, mà ở yên cũng đáng tiếc. Chính tôi đang lâm vào cái cảnh tiến thoái lưỡng nan như vậy, mắt trông thấy nắng thu tràn ngập ngoài song cửa, tôi những muốn bay vút vào không trung xanh thẳm; nghĩ tiếp nữa, bay lên đó để làm cái gì chứ? Đứng lên, rồi lại ngồi xuống, không biết bao nhiêu lần, y hệt lũ bướm ngoài kia cất cánh vù lên cao rồi tiếp tục đậu xuống. Sắc thu khiến cả lũ bướm lẫn con người rạo rực ngây ngất vô duyên cớ.

Cuối cùng, tôi quyết định đi thăm một người bạn nào đó, cứ như thể thăm bạn rồi cuộc là một sự kiện, mà lại như có thể tha thứ cho mình được vậy. Ra đến phố, tôi vẫn chưa quyết định đi tìm người bạn nào. Thời tiết gợi ý cho tôi. Bầu trời trong trẻo thế kia, đương nhiên là phải tới những chỗ thoáng đãng, tôi nghĩ ngay đến anh Mai ở trường đại học Quang Huệ, bởi lẽ trường vừa ở ngoại thành, vừa có khuôn viên rộng thênh thang, mát mẻ.

Từ dưới lầu tôi đã biết anh Mai đang ở nhà, cửa sổ phòng anh mở toang, trên bệ cửa còn phơi hai chiếc khăn tay trắng tinh. Tôi gọi anh một tiếng, anh thò đầu ra ngay, mái tóc như tỏa ra quầng trắng dưới ánh mặt

trời. Anh gọi tôi lên, tôi nhún nhảy leo lên. Không chỉ riêng phòng anh, cửa sổ cửa ra vào các hộ trên lầu đều mở tung, từng mảng nắng in trên sàn nhà, khiến con người cảm thấy sáng khoái phi thường. Anh Mai đón tôi ở cửa. Anh đánh một đôi dép lê, bận áo ngắn, nom đáng tự tại ghê; tôi đoán chừng anh không có giờ lên lớp.

– Thời tiết đẹp hi? – Hai chúng tôi cùng đồng thanh thốt lên, cùng tỏ ý tán dương.

Hóa ra trong phòng còn một người nữa tôi không quen.

Tay anh Mai kéo một đường nối giữa tôi và người đó, chúng tôi lập tức trịnh trọng nheo một nụ cười, rồi hai bên gục gặc đầu chào nhau, răng hé lộ, sắp sửa hỏi “*quí tính*” đối phương. Nhưng anh Mai lại thay chúng tôi nói cả:

– Anh... tiến sĩ Mao – Chúng tôi lại nhăn nhăn răng với nhau. Tôi ngồi xuống giường anh Mai, tiến sĩ Mao quay lưng ra cửa sổ, ngồi xeo xéo cửa phòng; còn anh Mai lại ngồi trên ghế tựa; không phải bọn họ quen thân quá, mà chính là anh Mai không kính trọng vị tiến sĩ này cho lắm, tôi nghĩ thế.

Vừa chuyện phiếm với anh Mai, tôi vừa liếc chừng vị tiến sĩ đó. Con người này hơi đặc biệt. Ông ta diện âu phục theo kiểu “*vũ trang đến tận răng*”, đáng ra sao thì dập khuôn thế ấy, chẳng hạn khăn tay nhét vào túi áo ngực, trên cà vạt cài một chiếc kẹp, dây đeo đồng hồ

vắt ngang ngay sát dưới mu bàn tay, mũi giày da bóng loáng .v.v... Có điều bộ quần áo như đã mặc không dưới ba năm, đế giày dầy một cách không bình thường, rõ ràng từng thay đế. Ông ta không phải đang “mặc” âu phục, mà như là thể theo nguyện vọng của ai đó, thể bắt phải đóng bộ âu phục liền ba năm vậy; khăn tay phải đặt chỗ này, kẹp cà vạt phải dính chỗ kia, tất cả là một trách nhiệm, một điều luật trong tôn giáo. Ông ta không đưa đến cho người ta chút cảm nhận ý vị khi mặc âu phục. Mà làm người ta liên tưởng đến cái vẻ gương gạo miễn cưỡng của ông hiếu tử chống gậy mặc áo xô gai.

Mặt ông ta nghiêng nghiêng hướng ra cửa, vốn đã treo một chiếc gương khá lớn trên tường cạnh cửa ra vào, ông ta đang soi gương. Mặt ông ta gồm hai gò má nổi rõ, ở giữa trũng, giống một cái giỏ Nguyên bảo, mũi hết cái nôi. Đôi mắt, do nguyên nhân địa thế – trượt từ trên gò xuống – nom cũng sâu thẳm thẳm, giống hai cái máng tròn nhỏ, đáy máng đọng ít nước đen đen; cầm vỉnh lên gò, vì thế hàm răng dưới vươn ra lộ lộ, như thể hành chọi suốt cả đời với hàm trên vậy.

Dáng ông ta không cao, chẳng béo mà cũng chẳng gầy, vừa đủ để vận cái bộ âu phục nghia vụ ấy lên, song không được hăng hái cho lắm. Trên đó đặt chiếc đầu nguyên bảo, đầu mọc một ổ tóc đen một cách đầy trách nhiệm, chải đến bóng lộn bằng tinh thần trách nhiệm thái quá.

Ông ta soi gương, ngắm đi ngắm lại, thưởng thức thẩm thía vẻ đẹp của chính mình lăm lăm. Nhưng tôi thấy ông ta sao sao ấy. Ông ta quay lưng ra khoảng nắng, thành thử phần giữa mặt hơi tối, vì vùng đó trùng sâu xuống. Hễ nhìn vào vùng tối mà trùng này, tôi liền hốt hải ngó ra cửa sổ, chỉ sợ trời thoát tối sầm lại. Vị tiến sĩ này, khổ sở giữa khung cảnh trời trong mây lành đẹp dường kia khiến người ta hoài nghi cả vẻ đẹp của tạo hóa. Con người này quá xấu đáng.

Ông ta như chẳng có tâm trí nghe hai bọn tôi nói chuyện gì, ấy thế nhưng lại không nở bỏ đi, vô vị, tẻ nhạt, vì tẻ quá thành ra hết sức chú ý đến bản thân mình. Ông ta khiến tôi chợt nghĩ rằng: Mặc âu phục và cách sống của con người này đều là một loại trách nhiệm.

Tôi không nhớ chúng tôi đang nói gì, ông ta bất chợt quay ngoắt mặt lại, đôi mắt hờn sâu khấp lại một thoáng, vẻ đang lục tìm thứ gì trong đầu. Đến khi mở mắt ra, miệng ông ta chuẩn bị cười lại thay đổi ngay kế hoạch, thành tiếng thở dài sè sè, ông ta hoàn toàn không moi được một tí gì trong bộ não. Trong lòng ông ta chắc cũng rỗng tuếch.

– Sao thế, tiến sĩ? – Giọng điệu anh Mai cho thấy anh không mấy kính trọng vị tiến sĩ này.

Tiến sĩ Mao như không cảm thấy điều đó. Nhân dịp thở dài, ông ta hé lời:

– Chao! – Trời nóng nực khủng khiếp. Hy sinh lớn quá! – Ông ta nói, vật người ra ghế, chân duỗi thẳng đơ.

– Tiến sĩ Harvert, chịu đựng nỗi đau dày Tây dương này, hử?

Anh Mai quyết ý giỡn tiến sĩ Mao một phen chơi:

– Thật đấy! – Giọng tiến sĩ Mao gần như run rẩy
– Thật đấy! Một con người không nên hứng chịu nỗi đau dày ấy! Không bạn gái, không phim ảnh, – ông ta dùng một lát, hình như không nghĩ ra mình còn cần gì nữa. Khi ấy quá bứt rứt, liền buông sông một câu:

– Chẳng có gì hết! – May mà mắt ông ta trùng thế kia, chứ không thì hẳn trào nước mắt từ lâu rồi, quả thực sự buồn tủi của ông ta không để đâu cho hết.

– Ước gì đang ở Mỹ nhỉ? – Anh Mai lại giúp thêm một nhịp.

– Đúng thế! Dù ở Thượng Hải chẳng nữa: Phim ảnh rất khá, bạn gái thì nhiều. – Ông ta lại ngưng bật.

Ngoài điện ảnh và phụ nữ, có lẽ trong lòng ông ta chẳng còn gì khác. Tôi nghĩ thế. Tôi thử ông ta một câu:

– Tiến sĩ Mao, kịch phương Bắc hay, có thể xem thử.

Ông ta thử người hỏi lâu mới đáp:

– Nghe bạn bè nước ngoài nói, kịch Trung Quốc mọi rợ!

Chúng tôi hết chuyện nói. Tôi nhấp nhồm không yên. Khá lâu sau, tôi đề nghị đi tắm; trong thành vừa khai trương một nhà tắm mới toanh, nghe nói trang bị được lắm. Tôi vốn định rủ anh Mai đi, nhưng chẳng lẽ không mời tiến sĩ Mao lấy một câu, ông ta đang lù lù ở đây, hướng hồ lại cô đơn thế kia.

Tiến sĩ Mao lắc đầu nói:

– Nguy hiểm đó!

Tôi lại mù cả đầu; xưa nay tắm tấp ở bên ngoài, đã chìm tôi chết nghèo bao giờ đâu cơ chứ.

– Đàn bà kỳ cọ! Bồn tắm bắn đến khiếp! – Ông ta có vẻ rất sợ hãi.

À, hiểu rồi: Trong lòng ông ta, ngoài nước Mỹ, chỉ còn có Thượng Hải.

– Ở đây Thượng Hải. – Tôi giải thích cho ông ta.

– Nhưng Trung Quốc đào đâu ra nơi nào vẫn minh hơn Thượng Hải? – Lần này thì ông ta cười rồi, cười không đẹp tí nào, miệng thiếu chút nữa thì choang vào trán, mũi chìm nghiêng đi đằng nào mất.

– Nhưng Thượng Hải sánh thế nào được với nước Mỹ! – Anh Mai cố ý pha trò.

– Đúng quá! – Tiến sĩ Mao lại trở nên trịnh trọng
– Ở Mỹ nhà nào cũng có bồn tắm, phòng nào trong khách sạn cũng có bồn tắm! Muốn tắm hả, “róc rách”

vừa mở nước: Nào nóng nào lạnh, tùy ý chọn, muốn thay đổi bồn khác hử, “ro” xả hết nước cũ đi, đổi bồn khác, róc rách – Ông ta cho liền một hơi, mỗi một từ “ro” đều mang theo ít sao bọt, cứ như miệng ông ta là con rồng nước đến từ Mỹ vậy. Sau cùng, ông ta bổ sung một câu vắn tắt – Người Trung Quốc bẩn tệ hại!

Thừa lúc tiến sĩ Mao “ro – ro”, anh Mai đã đánh bộ áo dài, giày dép tề chỉnh.

Tiến sĩ Mao ra về trước, buông một tiếng:

– Tạm biệt nhé! – Giọng khó nghe vô cùng, tựa như trong lòng ngập tràn nước mắt ấy. Ông ta không nở cáo biệt chúng tôi, ông ta thực sự cô quạnh, thế nhưng ông ta lại không thể đến nhà tắm “*Trung Quốc*”, bất kể sạch sẽ đến đâu!

Chúng tôi xuống lầu, ra đến sân, tôi trông thấy tiến sĩ Mao còn ngó theo chúng tôi qua một khung cửa sổ. Ánh nắng chiếu xiên xiên trên đầu ông ta, bóng của chiếc mũi in một vết mờ trên khuôn mặt; phần thân trên của ông ta rung rung, vết tối đỏ cũng thoát dài thoát ngắn. Chúng tôi bước gần tới cổng trường, tôi ngoái đầu nhìn, ông ta vẫn đứng đó; đơn độc chống chọi với ánh nắng, dường như thế.

Dọc đường và cả trong nhà tắm, anh Mai mấy lần định nhắc đến tiến sĩ Mao, tôi chẳng mấy hào hứng. Anh không tôn trọng ông ta, tôi không muốn ý kiến cá nhân anh nhuộm bất cứ sắc màu nào lên ấn tượng của

tôi về ông ta, tuy nó chẳng được tốt đẹp gì cho lắm. Tôi vẫn không hiểu rõ ông ta, tôi chỉ cảm thấy ông ta giống một thứ gì đó ương ương dở dở – ông ta không phải hạng du thủ du thực ở Thượng Hải, cũng chẳng lớn lên tại Mỹ; không hoàn toàn giống người Trung Quốc cũng chẳng y chang người nước ngoài. Ông ta như thể không có gốc rễ. Nhận xét của tôi chưa chắc đã đúng, nhưng tôi không trông chờ anh Mai giúp đỡ; tôi muốn đích thân thấu hiểu con người ông ta. Một mặt tôi cảm thấy ông ta chán ngắt, mặt khác, tôi thấy ông ta khá thú vị! – Không phải đáng để qua lại, mà là một thứ thú vị về “*người ba đảng của ba loài*” vậy.

Ít lâu sau, tôi có được một cơ hội. Anh Mai nhờ tôi lên lớp thay anh. Anh Mai là người thế này: Chẳng ai biết anh bố trí sắp xếp ra sao, cứ mỗi học kỳ, chỉ ít anh xin nghỉ phép hai ba tuần. Lần này, theo anh tiết lộ, vì đứa cháu lớn của anh bị chó dại hỏi thăm, không về nhà vài ngày không xong.

Anh Mai giao chìa khóa cho tôi, tôi tuy không ngủ lại ở chỗ anh, nhưng nghỉ ngơi và soạn giáo án tại đó.

Được hai ngày, tôi biết ngay là không thể nghỉ ngơi và soạn bài ở đó được. Hễ thấy tôi vừa ló mặt, tiến sĩ Mao lập tức bay vù sang như một chiếc lông. Con người này cô đơn quá. Đôi khi khước mắt ông ta vươn ướn như thể đang rầm rứt trong phòng, nghe thấy tiếng tôi đến vội ủa ra, chẳng buồn lau nước mắt. Bởi

vậy tôi luôn giúp ông ta tươi tỉnh, tuy ông ta không để tôi yên lấy một giây.

Tuy đã sang mùa hoa cúc rồi, nhưng nắng thu phương bắc chưa đến mức khiến người khỏe khoắn phải bi thu mà than vắn thở dài tiếc thương. Tiến sĩ Mao vẫn u sầu như trước. Hễ nom thấy ông ta, tôi liền phải nhìn ngó sắc trời. Như thể ông ta biết tự tạo cho một thế giới gió mưa dầm dề, có thể đuổi sạch tất cả ánh nắng trong nhà ra ngoài vậy.

Phải mất mấy ngày, tôi mới hơi hơi hiểu ngôn ngữ của ông ta. Ông ta có thể mặc xác ai đó sống cả người vì ông ta. Ai thích sống người cứ việc, ông ta cứ một mực huyền thuyên chuyện của ông ta. Ông ta mặc kệ ngôn ngữ là vốn để truyền đạt tâm ý giữa người nọ với người kia; trò chuyện với ông ta, tôi chỉ còn mỗi cách so sánh: mình là một cái máy quay đĩa, ông ta cũng là một cái máy quay đĩa, ai nói gì, mặc, không cần bận tâm người nọ hiểu người kia hay không. Thảo nào anh Mai thường vẫn lấy tiến sĩ Mao làm trò cười, ai kết bạn nổi với một cái máy quay đĩa?

Bất kể ông ta như thế nào, tôi vẫn muốn điều trị căn bệnh buồn khổ cô tịch của ông ta; thanh xuân phơi phơi thế kia không nên suốt ngày ủ rũ như vậy. Hẳn nhiên tôi không dám nêu lên chuyện tấm táp hay kịch kiếc. Loảng quăng ngoài phố vẫn nên chứ.

– Một mình thì đi thế nào được? – Tiến sĩ thở dài.

– Một mình sao lại không thể đi được? – Tôi hỏi.

– Anh phải hưởng thụ đôi chút chứ? – Ông ta phản công.

– Hả? – Tôi dám thề, tôi chưa từng mù mị như thế bao giờ.

– Một mình dạo phố! – Mắt ông ta, tuy sâu hun hút, song vẫn tóe lửa bốc lên.

– Tôi đi cùng anh, thế nào?

– Anh lại không phải là phụ nữ. – Ông ta thở dài sườn sượt

Bấy giờ tôi mới vỡ lẽ.

Khá lâu sau, ông ta mới bổ sung thêm một câu:

– Người Trung Quốc quá bản, phố xá cũng không sao dạo bước nổi.

Con đường này tắc nghẽn, tôi lại chuyển sang ngã khác.

– Rủ bạn bè đi ăn cơm, chơi quần vợt, hoặc một mình đọc tiểu thuyết, luyện chữ... – Tôi đưa ra một lộ dài dằng dặc những phương pháp giết thời gian; có bộ âu phục trách nhiệm của ông ta lù lù ngay trước mặt, tôi chẳng dám hé ra việc nào có ý nghĩa hơn.

Câu trả lời của ông ta vẫn thống nhất, một câu có thể sao ra thành cả trăm bản: Không có phụ nữ, chẳng làm được gì ráo.

– Thế thì, đi tìm phụ nữ là hay rồi! – Tôi ngắm chuẩn thể trận, phát động tổng tấn công. – Món đó thì đâu khó khăn gì.

– Nhưng hy sinh lại quá lớn! – Ông ta tiếp tục tung pháo hỏa mù.

– Hả! – Cũng hay, rốt cuộc tôi được dịp luyện tập chớp mắt rồi, ông ta đã dắt tôi vào mê hồn trận.

– Thì anh cũng phải mua món gì cho cô ta chứ? Anh phải mời cô ta đi xem phim, ăn cơm chứ? – Ông ta nói như để chất vấn tôi.

Tôi nhủ thầm “*kệ thầy ông*”.

– Đương nhiên là phải mua, đương nhiên là phải mời rồi. Đó là nguyên tắc của nước Mỹ, nhất định phải làm thế. Nhưng người Trung Quốc nghèo quá; tôi, tiếp sĩ Harvert, mỗi tháng mới được có hai trăm đồng Tây dương. Tôi, phải yêu cầu tăng lương thôi! Bớt xén khoản này đâu có được? – Rõ ràng ông ta đã vào trúng mạch, tôi chăm chú lắng nghe – Ví thử tiêu pha khoản tiền ấy, rồi đính hôn, kết hôn thuận lợi, cũng tốt thôi, tuy đính hôn phải tốn kém ra phết đấy, nhưng đâu thể không mua cặp nhẫn vàng? Giá vàng đắt như cửa thị! Kết hôn tiêu tốn bao nhiêu tiền, tuần trăng mật ắt phải đi nơi khác chơi, đó là nguyên tắc Mỹ quốc. Nhà cửa cũng phải bày biện đôi chút: Giường đệm thì khỏi phải nói nhé, bồn tắm Tây dương thì tất yếu rồi, đàn piano phải có, sofa không thể không có này, lại môn thẩm trái sần nữa

chứ. À, thậm Trung Quốc cũng tầm tầm, cả người Mỹ cũng chuộng! Ngần ấy thứ phải chi mất bao nhiêu? Đây là còn thuận lợi, giả dụ anh tốn kha khá để mua đồ, mời xem phim, nhờ cô ta không cần đến anh thì sao? Có phải quảng tiền vô ích rồi không? Ở Mỹ thường xảy ra khối chuyện như thế đấy, nhưng người Mỹ giàu có, lấy Harvert làm ví dụ nhé, giao tế giữa nam và nữ, riêng khoản tiền ăn kem, người Trung Quốc đã gánh không nổi rồi! Anh biết đấy...

Tôi đợi cả buổi, ông ta vẫn chưa nói tiếp, có lẽ quên đã nói những gì; hoặc giả bị cái chất "*Trung Quốc*" làm cho lú lẫn đi mất rồi.

Tôi hết phép với con người này. Ông ta chỉ giới làm buồn khổ ông ta thôi.

Trước khi anh Mai quay về, hàng ngày tôi được giăng giải về nề nếp của nước Mỹ, cùng những thứ mọi rợ của Trung Quốc, ấy là Thượng Hải còn đỡ một chút, bất hạnh thay Thượng Hải vẫn còn cơ man nào là người Trung Quốc, điều này đánh tụt vị trí của Thượng Hải xuống đi rất nhiều. Về Thượng Hải ông ta sợ bao nhiêu chuyện: đảng điểm, trộm cướp, phóng hỏa giết người, mối đe dọa nào cũng có hết, đều do có người Trung Quốc – chứ không phải tại có Tô Giới. Người Trung Quốc trong mắt ông ta, y hệt hình ảnh người Trung Quốc trong phim Mỹ – Anh phải làm việc bằng tinh thần Mỹ, phải nhìn nhận sự việc bằng con mắt người Mỹ! – Khi ông ta nói đến đoạn cao

hứng – vẫn còn tốt chán, ông ta nhờ bàn về nước Mỹ mà thì thoảng nở một nụ cười – dần đi dần lại tôi thế. Tinh thần Mỹ là cái gì cơ chứ? Ông ta không thể giảng giải cho tôi biết một cách đơn giản nổi. Ông ta phải từ từ dẫn ra người thật việc thật, ví dụ trong nhà bắt buộc có bồn tắm, ra khỏi cửa bắt buộc phải ngồi xe hơi, đâu đâu cũng có vườn diện ảnh, đàn ông đều có bạn gái, mùa đông nhiệt độ trong phòng hơn bảy mươi độ, cánh phụ nữ xinh tươi, phòng khách phải trải thảm... Tôi xâu hết những chuyện này thành một chuỗi, song vẫn chưa hiểu tinh thần Mỹ cho lắm.

Anh Mai quay về, tôi cảm thấy hơi thất vọng: Tôi mong có thể liên một lúc hiểu hết về tiến sĩ Mao, nhưng anh Mai đã về, tôi không thể ngày ngày gặp con người đó. Điều này không thể oán anh Mai được. Thì ra, con chó cắn cháu anh không phải là chó dại, anh không thể không về sao?

Bàn giao bài giảng đã đến đoạn nào xong xuôi, tôi rủ anh Mai đi ăn cơm. Tiệm thể mời luôn tiến sĩ Mao. Tôi muốn xem xem rốt cuộc ông ta có thể tiếp nhận giao tế kiểu “*Trung Quốc*” được không, hay là ông ta không nở bỏ tiền.

Ông ta không đi. Nhưng từ chối một cách đầy thiện ý:

– Thanh niên chúng ta nên tiết kiệm tiền một chút, hà tất phải ra ngoài ăn cơm, trong tương lai

chúng ta bắt buộc phải có một gia đình nhỏ, giống như nước Mỹ ấy. Giường đệm, bồn tắm, bếp điện – Nói đến đây, ông ta như nảy ra một niềm vui nho nhỏ – Một đôi uyên ương son trẻ hiện đại rì rào dưới ánh đèn điện sô pha, hai người cùng đọc “*Tình yêu hôn nhân*”, đó là niềm sung sướng đích thực, thật đấy! Giờ phải tiện tẩn một chút...

Không đợi ông ta trình bày hết, tôi lôi tuốt ông ta đi. Về chuyện không chịu bỏ tiền, coi như ông ta có kế hoạch và mục đích riêng, giả dụ lời của ông ta đáng tin cậy; được thôi, tôi xem xem ông ta có biết hưởng thụ một bữa ăn ngon hay không?

Đến nhà hàng, tôi mới vỡ lẽ, ông ta thực sự không biết hưởng thụ! Ông ta không gọi món, ông ta không hiểu món ăn Trung Quốc – Nước Mỹ cũng có vô số quán ăn Trung Quốc, thật đấy. Nhưng, đồ ăn Trung Quốc rất cuộc không vệ sinh gì cả. Thượng Hải được đấy, ăn món Âu cũng tiện. Hẹn bạn gái dùng món Âu, phải thế chứ!

Tôi định bảo ông ta đổi họ thành “*Mao Nhĩ*”¹ hay “*Mao Lợi Tư*”². Chẳng rất “*mốt*” sao? Nhưng lại ngại. Tôi và anh Mai gọi món.

Thức ăn bê lên, tiến sĩ Mao không mặn mà dùng cho lắm. Gương mặt trũng của ông ta như sắp nhỏ

¹ Marx.

² Morris.

nước xuống, thỉnh thoảng chờ người nhìn bàn ăn. Anh Mai lại đùa:

– Ước gì có hai ba cô bạn gái, tiến sĩ hỉ?

Tiến sĩ bỗng bừng tỉnh:

– Một nam một nữ; đông người không hay. Thật đấy. Trong cái gia đình nhỏ của mình, hai người hằm một con gà nhấm nháp, đầm ấm bao nhiêu!

– Thế anh không bao giờ mời khách? – Anh Mai ngẩn mặt giả bộ ngô nghê.

– Người Mỹ không kết bạn bữa bãi như người Trung Quốc, người Trung Quốc quá mải mê kết bạn, quá không biết trân trọng thời gian, không ốn tý nào – Tiến sĩ Mao, về ta đây lên mặt dạy dỗ anh Mai.

Tôi và anh Mai không nổi sùng; vị tiến sĩ này quá thành thực, ông ta thật lòng ghét mọi thứ của người Trung Quốc – trừ thăm. Ông ta sinh ra ở Trung Quốc, một sự hy sinh quá lớn, nhưng chẳng phép gì thay đổi được. Ông ta dành cảm ghét người Trung Quốc, và hòng dồn hết sức lực tổ chức một cái gia đình nhỏ kiểu Mỹ, soi chút ánh sáng cho số phận mình và Trung Quốc. Hẳn nhiên, tôi không tin cái tinh thần Mỹ lại giống với những gì ông ta hình dung, nhưng những gì ông ta nhìn thấy ấy, ông ta đều thành kính sùng bái, bồn tắc và sô pha là linh hồn của ông ta. Tôi cũng nghĩ rằng, giả dụ ông ta sống tại Mỹ vẫn bằng cái cách như ở Trung Quốc, chắc ông ta chẳng nhìn thấy gì sất.

Nhưng đích thực ông ta đã nom thấy vườn điện ảnh của nước Mỹ, đích thực đã chứng kiến người Trung Quốc không sạch sẽ, vệ sinh, thế thì hết phép rồi.

Vì lẽ đó tôi càng chú ý đến ông ta hơn. Tôi quyết tâm không trị dứt nỗi sầu khổ của ông ta, cũng chẳng định cắt xẻ cái linh hồn ấy. Tôi muốn mở to mắt xem rốt cuộc ông ta sẽ ra sao.

Tuy tôi không lên lớp thay cho anh Mai nữa, nhưng tôi vẫn liên tục đến chỗ anh, thành thử cũng thường xuyên gặp tiến sĩ Mao. Có lúc anh Mai không ở nhà, tôi liền sang phòng tiến sĩ Mao ngồi chơi

Đồ đạc trong phòng tiến sĩ Mao chẳng có bao lăm. Một chiếc giường nhỏ, bên cạnh kê hai chiếc tủ sắt một to một nhỏ. Một cái bàn con con, trải khăn trắng tinh, bày vài món đồ dùng văn phòng toàn là hàng Mỹ. Hai chiếc ghế, một để ngồi, một luôn chễm chệ một chiếc máy đánh chữ. Còn một cái xích đu khác, trên đó đặt một chiếc gối thêu con rồng uốn lượn chuyên để bán cho người Tây dương. Hễ rảnh rỗi ông ta liền ngồi lác lư trên chiếc ghế xích đu này, có lẽ muốn xoay qua xoay lại cho ánh nắng hết đường xâm chiếm, hoặc giúp ông ta đạt được mục đích đó nhanh hơn một chút. Trên bệ cửa sổ bày mấy quyển sách Tây. Trên tường có lá cờ tượng trưng của trường Harvert, mấy tấm ảnh chụp ở Mỹ. Thứ mang hương vị Trung Quốc nhất trong phòng chính là bản thân tiến sĩ Mao, tuy chắc rằng ông ta không muốn thừa nhận.

Tôi sang phòng ông ta không chỉ một lần, song chưa từng thấy ông ta bày một chậu hoa tươi, hoặc giả dán một bức tranh hay tấm ảnh phong cảnh nào lên. Đôi khi ông ta lén ngắt một đóa hoa nhỏ trong vườn trường, thì chỉ để cài lên bộ âu phục của mình. Lý tưởng của con người này hoàn toàn chỉ là sáng tạo cho một gia đình nhỏ mô thức kiểu Mỹ, ấm cúng sạch sẽ cho một cá nhân. Tôi ngờ rằng, ví thử cái gia đình nhỏ lý tưởng ấy thành sự thực vào một ngày gần đây, hẳn ông ta sẽ buông rèm cửa sổ, – kể cả sắc trời bên ngoài cũng biến thành tím sẫm, hoặc giả mặt trời mọc từ đằng tây, ông ta cũng chẳng bỏ chút thời gian đưa mắt liếc một cái. Có lẽ ngoài bản thân và chút ít tinh thần Mỹ trong con người ông ta, tất cả vũ trụ không hề tồn tại.

Thực tế cũng chứng minh điều này. Chủ đề trò chuyện của chúng tôi giới hạn ở tiền bạc, âu phục, phụ nữ, kết hôn, điện ảnh Mỹ. Đôi khi tôi nhắc đến chính trị, tình hình xã hội, văn học nghệ thuật hay mấy chuyện bất chợt nghĩ ra hoặc một sự kiện xôn xao một dạo, ông ta đều hết sức thờ ơ. Được cái, ví thử mấy chuyện ấy có dây mơ rễ má với nước Mỹ ông ta vẫn sẵn sàng dãi bôi qua loa vài câu, khổ một nỗi là ông ta lại nói theo cách khác. Chẳng hạn, bàn về chính trị nước Mỹ, ông ta liền kể cho tôi một sự thực: Khi nghị sĩ Mỹ A kết hôn, cặp vợ chồng mới ngồi ô-tô đến nhà thờ B nào đó, huy động bao nhiêu cảnh sát giữ gìn trật tự, vì người xem bên ngoài nhà thờ đông như kiến! Những chuyện khác cũng vậy, chính trị, mỹ thuật và bất cứ thứ gì...

trong tâm trí ông ta đều là vật phụ thuộc vào hình ảnh rục rờ của kết hôn và văn hóa giai cấp trung lưu. Còn về phần Trung Quốc, Trung Quốc vẫn có nhiều vấn đề chính trị, mỹ thuật xã hội v.v... Ông ta ghét nhất điện ảnh Trung Quốc; điện ảnh Trung Quốc dở tệ, đương nhiên mọi thứ khác cũng chán phèo. Điểm không hài lòng nhất trong điện ảnh Trung Quốc chính là nam nữ không ghì chặt và hôn nhau cuồng nhiệt.

Mấy năm sống ở Harvert đã giúp ông ta có được chút tinh thần Mỹ ấy, điều này tôi đã rõ. Tôi chỉ không hiểu: Lẽ nào ông ta không phải sinh ra ở Trung Quốc? Gia đình ông ta không phải gia đình Trung Quốc sao? Ông ta không sống ở Trung Quốc – trước khi sang Mỹ – ít nhất đến chừng hai mươi tuổi sao? Tại sao không thấu hiểu, và thờ ơ với Trung Quốc đến thế?

Tôi đã thử thăm dò bao nhiêu lần, tình hình gia đình ông ta như thế nào, kinh nghiệm học hỏi và làm việc ra sao...? Hừm! Miệng ông ta kín hơn miệng bình! Kể cũng lạ thật, ông ta chuyên môn vui đầu châu đấy, xán vào người ta huyền thuyên tầm phào, nhưng ông ta lại không chịu nói về chuyện của mình!

Qua lại với ông ta gần một năm, tôi nhận ra một điểm: Vị tiến sĩ này không giản đơn như tôi vẫn nghĩ. Dù ông ta thực sự đơn giản, nhưng kiểu đơn giản của ông ta lại khác hẳn. Phải chăng ông ta có cái giới luật mang tính tôn giáo nào đó khiến ông ta đơn giản mà lại thần bí?

Ông ta đã không hé miệng, tôi đành đánh giá về ngoài của ông ta lại từ đầu. Mỗi lần tôi hỏi đến chuyện cá nhân của ông ta, tôi đều để tâm quan sát sắc mặt ông ta. Ông ta không trả lời vào câu hỏi của tôi, nhưng gương mặt không hẳn kín như bưng. Ông ta nhất định không phải là người xấu, gương mặt đã bán đứng ông ta. Điều bí ẩn sâu kín của ông ta chưa thể chiến thắng hoàn toàn sự giản đơn của ông ta, nhưng ông ta cần phải bí mật. Hoặc giả đó là vì tiến sĩ Mao vốn dĩ là tiến sĩ Mao; bằng không, còn có lý do nào nữa. Con người phải có thứ gì đó nắm bắt được bản thân. Có người luôn luôn treo nó bên mép, kẻ mãi mãi cất giấu nó trong lòng. Cái khác nhau, còn ý vị thì thế cả thôi. Tiến sĩ Mao muốn buộc bản thân vào trái tim chính mình. Tinh thần Mỹ và cái gia đình xinh xắn lý tưởng của ông ta treo sát bên mép, nhưng phía sau đó, phải ở “*mặt sau*” đó, mới là một tiến sĩ Mao đích thực.

Gương mặt ông ta, khi tôi thử dò hỏi, dường như đặc biệt trũng sâu. Từ nơi trũng nhất phát ra một vùng tối, từ từ trùm kín khuôn mặt, giống một đám sương mù. Đôi mắt, vốn đã sâu hun hút, khó mà trông thấy, giờ càng thụt vào sâu hơn, tựa như muốn trốn biến đi. Hàm răng thì suốt ngày cái nọ chen lấn nhau khe khẽ nghiêng vào cái kia, vành tai khẽ động dấy, tựa hồ như tất cả những chuyện trong lòng ông ta đều đóng kín lại, chỉ sợ gió lọt vào. Sau đó, mặt ông ta lại đột nhiên lóe sáng, lớp bóng tối trên mặt dần dần cuộn lại, cuộn cả vào mái tóc!

– Đúng thế! – Ông ta nói bằng quơ, chẳng có lấy một phần vụn dính dáng đến điều tôi hỏi. Ông ta đã thắng, nửa ngày trời rồi vẫn liếc chừng tôi vài cái liếc bằng đuôi mắt.

Cứ như thế vừa sinh ra ông ta đã là tiến sĩ nước Mỹ, tuy biện pháp đã cắt giảm hết mức, nhưng chuyện thì hoàn toàn hồng. Hỏi không hỏi được, đành đợi vậy. Đẳng nào ông ta cũng không thể cứ ngồi ì trên cái ghế đó lắc đi lắc lại hoài mà chẳng làm gì khác.

Cái kim trong bọc lâu ngày rồi cũng lộ ra. Quả nhiên, tôi đã đợi được đến khi xảy ra một chuyện.

Gần vào dịp hè, tôi đến chỗ anh Mai. Gặp anh Mai, đương nhiên tôi cũng mong gặp được con người tượng trưng cho nỗi muộn phiền kia. Nhưng tiến sĩ Mao chẳng hề lộ dạng.

Tôi nghiêng đầu ra ngoài hỏi:

– Vị kia đâu?

– Đã hơn một tuần nay không thấy mặt đâu cả! - Anh Mai đáp.

– Sao thế?

– Nghe mọi người nói, ông ta đòi nghỉ việc, tôi chỉ biết loáng thoáng thế thôi. – Anh Mai cười cười – Cậu biết đấy, ông ta có chuyện riêng với ai bao giờ đâu.

– Mọi người nói sao? – Quả thật tôi rất nóng lòng muốn biết.

- Họ bảo, ông ta ký hợp đồng ba năm với nhà trường.

- Anh thì mấy năm?

- Chúng tôi đều không có hợp đồng, nhà trường chỉ gửi chúng tôi tờ tuyển dụng một năm.

- Sao mỗi mình ông ta lại có vậy?

- Tinh thần Mỹ mà, không ký hợp đồng ông ta cóc làm. Đúng là tiến sĩ Mao!

Anh Mai nói tiếp:

- Họ bảo, hợp đồng của ông ta gồm Trung văn, Anh văn, mỗi thứ một bản, tuy trường học toàn người Trung Quốc. Có lẽ tiến sĩ Mao không tin tưởng chữ Trung Quốc cho lắm. Họ kể, hợp đồng viết rằng trong vòng ba năm không bên nào được rút chân, không được đòi tăng lương, cũng không cho phép cắt giảm lương. Hai bên ký tên, đúng tinh thần Mỹ. Nhưng, làm được một năm, chẳng phải sắp nghỉ hè rồi sao ông ta đòi tăng lương, bằng không, hết hè ông ta không trở lại nữa.

- Ô hô! - đầu óc của tôi quay một vòng - Còn hợp đồng nữa chứ?

- Khi lập hợp đồng là theo tinh thần Mỹ, khi phá hợp đồng thì theo tinh thần Trung Quốc. - Giọng nói của anh Mai ít khi tỏ ra cay nghiệt.

Nhưng câu này của anh ngấm lộ ra không ít sự mỉa mai. Cũng có thể anh Mai chỉ thuận miệng mà nói vậy thôi, có điều lại nói rất trúng tâm tư tôi – Còn nhà trường? – Tôi hỏi.

– Theo họ nói, nhà trường từ chối yêu cầu của ông ta; hẳn nhiên thôi, có hợp đồng mà lại.

– Thế còn ông ta?

– Ai mà biết nổi! Chuyện riêng của ông ta có cho ai biết đâu. Giao thiệp gì với nhà trường, ông ta cũng chỉ viết thư, ông ta có máy chữ.

– Nhà trường không tăng lương, ông ta có làm nữa không?

– Ông ta chẳng bảo với cậu thì còn ai biết! – Anh Mai như có vẻ coi thường tôi – Ông ta không làm, là ông ta tự đánh mất sự tín nhiệm; nhưng tôi biết chắc, nhà trường sẽ không vác bản hợp đồng đi kiện tụng ông ta đâu, ai công đâu làm chuyện rồi hơi đó.

– Anh cũng không rõ lý do ông ta đòi tăng lương? Ôi! Tôi là anh chàng quá hồ đồ! – Tôi tự động bóc mẽ mình một câu, nhưng từ một mặt khác, lại đưa ra cái ý: *“Hình như nên có người đứng ra khuyên nhủ ông ta một chút!”*.

– Cậu cứ đi mà khuyên; đừng để phần cho tôi! – Anh Mai lại cười – Mời ăn cơm, không ăn; mời uống rượu, không uống; hỏi cái gì, không nói; điều ông ta

muốn nói, không ai muốn nghe; con người như thế, ai có phép gì khuyên nhủ nổi như một người bạn được?

– Chẳng phải chính anh bảo tiên sinh này khá thú vị sao?

– Còn phải xem xét trên khía cạnh nào chứ. Các nhà tâm lý học cũng thấy bệnh nhân rất thú vị đấy thôi.

Ngữ khí anh Mai không bình thường lắm, tôi lặng nghe. Nghĩ một lúc, tôi lại hỏi:

– Anh Mai, tiến sĩ Mao có lỗi gì với anh hả? Tôi biết xưa nay anh không tôn trọng gì ông ta, nhưng...

Anh cười – Đúng là tai vắn gần mắt, cậu này, thật...! Gần đây tôi cũng hơi ghét ông ta thật. Từ sáng đến tối, chỉ phụ nữ, phụ nữ và phụ nữ, ai chịu nổi.

– Đó vẫn chưa phải là nguyên nhân chính. – Tôi bồi thêm một câu. Tôi biết rất rõ cách đối nhân xử thế của anh Mai: Anh không dễ dàng khâm phục ai; nhưng ví thử có ai có lỗi với anh thật, anh cũng không tùy tiện bàn luận về người đó. Ngay từ đầu anh không kính trọng tiến sĩ Mao, nhưng chẳng ẩn chứa ý tứ gì, thành thử bông đùa một cách rất tự nhiên; còn lúc này, tiến sĩ Mao hằn đắc tội với anh thật, nên anh không muốn nói ra. Có điều, tôi hỏi thẳng ra thế, anh cũng hết cách tránh né.

– Kể cho cậu nghe vậy! – Anh cười rất gượng gạo
– Một hôm, tiến sĩ Mao hỏi tôi, Mai tiên sinh, anh

cũng là giáo sư à? Tôi đáp, nhà trường mời tôi, tôi biết làm sao được. Nhưng, ông ta bảo, anh hẳn không phải là tiến sĩ Mỹ? Tôi đáp không phải; tiến sĩ Mỹ thì đáng mấy đồng một tám bằng. Tôi hỏi ông ta thế. Ông ta không nói năng gì, song mặt xanh lè ra. Thế vẫn chưa gay cán đâu, từ hôm đó, ông ta như để bụng tôi. Thậm chí còn viết thư chất vấn hiệu trưởng. Mai tiên sinh chưa có học vị tiến sĩ, tại sao lại được hưởng mức lương ngang một người đã có học vị tiến sĩ – hơn nữa còn là của nước Mỹ? Tôi không hiểu ông ta dò hỏi ở đâu ra mức lương của tôi.

– Ông ta cũng không phải, đáng lý không nên để anh xem bức thư đó.

– Ông hiệu trưởng không hồ đồ thế đâu; tiến sĩ Mao cũng đưa cho tôi một bản bức thư đó, không ký tên. Có lẽ ông ta không thêm làm đồng bọn với tôi. – Anh Mai cười càng gượng gạo hơn – Đám thanh niên đều kiêu căng cả.

– Hừ, đây chắc chính là lý do ông ta đòi tăng lương?

– Tôi đoán.

– Không biết. Chúng ta nói chuyện khác đi!

Từ biệt anh Mai, tôi định bụng trước khi nghỉ hè, ít ra cũng nên gặp tiến sĩ Mao một lần, biết đâu hỏi thêm được điều gì đó. May thay, tôi bắt gặp ông ta trên phố. Ông ta bước vội bước vàng, mày cau vào, mặt trũng xuống như một cái muôi. Ông ta không

giống đang bước đi, mà như muốn trút cả một bụng giận dữ ra ngoài.

– Đi đâu đấy, tiến sĩ? – Tôi gọi ông ta.

– Đến bưu điện đây! – Ông ta đáp, rút khăn tay ra, không phải chiếc khăn nhét trong túi ngực kia – lau lau mồ hôi.

– Sắp nghỉ hè rồi, định đi nghỉ ở đâu?

– Đúng thế! Nghe nói Thanh Đảo rất nhộn nhịp, giống nước ngoài. Có lẽ đi xem sao. Có điều...

Tôi biết chắc ông ta định nói gì, thành thử chẳng đợi cái “có điều” hạ hồi phân giải, liền hỏi luôn:

– Hết hè có quay lại nữa không?

– Chưa chắc! – Có thể là vì tôi hỏi quá gấp, đâm ra ông ta lỡ miệng mà đáp: “*Chưa chắc đương nhiên là có ý không trở lại nữa*”. Ông ta lập tức nhận ra điều đó, liền nói trở ngay: “*Chưa chắc đã đi Thanh Đảo*”. Vờ như không nghe thấy câu hỏi của tôi – Nhất định tôi phải đến Thượng Hải, xem phim mấy lần cho đã; làm việc ở phương bắc, hy sinh lớn quá, chẳng có phim hay để xem! Lên trường thư giãn thôi, đỡ quanh quê! – Lời chưa kịp nhả ra, ông ta đã bỏ đi, từng bước chân mau mắn lộ rõ vẻ muốn chạy.

Tôi không hiểu cái “*đỡ quanh quê*” của ông ta là chỉ ai. Còn ông ta đi hay ở, đành chờ hết hè gặp lại ông ta xem vậy.

Vừa thi xong, tiến sĩ Mao đã đi ngay, nhưng chưa dọn hết đồ đạc mang theo. Theo anh Mai dự đoán: Hẳn tiến sĩ đến nơi khác tìm việc; nếu thành công thì kiên quyết không quay về theo tinh thần Trung Quốc, mặc xác cái hợp đồng ký mấy năm. Còn ví thử không tìm được việc thì sẽ trở lại, biểu hiện cái tinh thần Mỹ. Sự thực hình như ăn khớp với dự đoán này: Tiến sĩ Mao xin lĩnh ba tháng tiền lương. Chúng tôi tuy không muốn ước đoán xấu về người khác, nhưng hành động của ông ta khiến mọi người không thể nghĩ tốt về con người đó được. Lương nắm chắc trong tay rồi cuộc vẫn an toàn hơn, ông ta chỉ tin tưởng bản thân, bởi lẽ ông ta thường xuyên khiến người khác không tin tưởng gì ông ta.

Kỳ nghỉ hè trôi qua, tôi lại lên lớp thay anh Mai. Nguyên nhân nghỉ phép lần này, không chừng chính bản thân anh Mai cũng chẳng biết chắc, anh có bảo với tôi đâu. Cứ như thể anh đình ninh đã có tôi đây làm thay rồi, có lý do hay không chẳng can hệ cho lắm.

Tiến sĩ Mao đã quay lại rồi.

Ai cũng cảm thấy chuyến trở lại lần này thật chẳng mấy hồ hởi, ngoài chính bản thân tiến sĩ. Ông ta rất dồi dào rạng rỡ. Nếu nổi ưu phiền của ông ta khê gây cho mọi người một sự đồng cảm nào, thì gương mặt tươi cười hơn hở kia xem ra cũng có phần xa xỉ. Ông ta dự định bày tỏ niềm sung sướng trong lòng bằng nụ cười tươi tắn, nhưng khổ nỗi gương mặt kia không ủng

hộ ông ta. Hề ông ta hé miệng thì cứ y như sắp ngáp, mãi đến khi trông rõ ràng mắt ông ta không ngấn nước, tôi mới chột bùng tỉnh. Hóa ra ông ta cười. Cười như thế thì cười hay không cũng chẳng can hệ gì. Ông ta cứ cười mãi, gây cho tôi cảm giác sắp nổi gai ốc.

– Từ Thanh Đảo về đây à? – Tôi cất tiếng chào. Ông ta đang đứng sẵn ở cửa.

– Không. Thanh Đảo nhạt hoét, thật đấy! – Ông ta cười.

– Há?

– Vào đây, vào đây, cho cậu xem vật báu này!

Tôi, theo ông ta vào, như một gã ngớ ngẩn.

Phòng vẫn hệt như hồi trước, chỉ khác ở chỗ là có thêm một cái màn trên giường. Ông ta thò tay vào màn lấy một vật gì đấy, giấu sau lưng. – Đoán đi!

Tôi chả hứng thú với trò đó.

– Anh bảo phụ nữ phương nam hay phụ nữ phương bắc hơn? – Tay ông ta vẫn khư khư sau lưng.

Tôi không bao giờ trả lời những câu hỏi kiểu đó.

Ông ta thấy tôi không có ý định trả lời, đành chìa tay ra phía trước, đưa cho tôi một tấm ảnh. Tiếp đó kẻ sát vai vào vai tôi, nét cười trên mặt hình như sắp chạy sang cả mặt tôi thật hạy sao ấy; im lặng; miệng ông ta cũng không biết làm thế nào, cứ chép chép thành tiếng.

Ảnh phụ nữ. Xem ảnh để phán đoán xấu đẹp quá không gì dễ mắc lừa hơn, tôi không muốn nói người con gái ấy nom thế nào. Những cái cho tôi nhận thấy, chẳng qua chỉ là tuổi tác chưa lớn, tóc uốn khá phức tạp và khúc mắc, gương mặt nhỏ, cằm tròn, mắt to. Không khó coi, cứ bình bình vậy thôi.

– Đính hôn rồi à, tiến sĩ? – Tôi cười hỏi.

Tiến sĩ toét miệng cười đến nỗi chẳng thấy mắt mày râu, nhưng không thốt tiếng nào.

Tôi lại ngắm tấm ảnh, trong lòng bất giác thấy buồn. Dĩ nhiên, tôi càng không cố đoán định điều gì thay cho cô ta, có điều giả dụ tôi là một người con gái...

– Hy sinh lớn quá! – Tiến sĩ khó nhọc lắm mới hé được lời – Nhưng đáng, đáng lắm! Phụ nữ hiện đại khôn ngoan gồm, mới hai mươi một tuổi, chuyện gì cũng biết, như thể đã từng du học ở Mỹ vậy! Lần đầu chúng tôi xem phim xong, cô ấy nằng nặc đòi về, khôn ngoan chưa! Lần thứ hai, vẫn không cho tôi cầm tay, khôn ngoan quá! Vé xem phim đều do tôi chịu! Lần xem phim sau cùng mới cho phép tôi hôn một cái, thật đấy! Tốn bao nhiêu tiền cũng đáng, chẳng mất không đâu; tôi sắp lên đường, cô ấy tiễn tôi ra bến xe, mua hoa quả cho tôi! Tốn ít tiền, đáng lắm, cô ấy vĩnh viễn là của tôi; kiếm loại đàn ông đâu có được, tốn bao nhiêu cũng tiếc, vả chẳng còn nguy hiểm nữa! Bắt đầu từ ngày hôm nay, tôi phải tiết kiệm tiền thôi.

Tôi chen vào một câu:

– Xưa nay anh tiêu không nhiều lắm thì phải?

– Ôi chao ôi! – Đói mắt dưới đáy vũng sâu tóa lên cơn phần nộ – Sao không tốn tiền cơ chứ! Một con người, ăn cơm, giặt quần áo. Món nào chả động đến tiền. Hai người chẳng qua cũng tiêu chừng ấy; cơm, tự nấu; quần áo, tự giặt. Vợ chồng phải giúp đỡ lẫn nhau chứ!

– Vậy thì, hà tất phải đặc biệt tiết kiệm tiền?

– Giường đệm có cần không? Bồn tắm có cần không? Sô pha có cần không? Tuần trăng mật có cần tiền không? Gia đình là gia đình! – Ông ta nghĩ ngợi – Kết hôn mời cả mục sư cũng phải gửi tiền chứ!

– Mời mục sư làm gì?

– Trịnh trọng, người có thể diện bên Mỹ đều mời mục sư làm phép cưới, thật đấy! – Ông ta lại ngẫm nghĩ – Lệ phí nữa! Cô ấy là người Thượng Hải; hai người đi từ Thượng Hải tới đây, ngồi vé tàu hạng hai! Trung Quốc thật không mê nổi, vé loại ba không sao ngồi nổi! Cậu thử tính xem tổng cộng cần bao nhiêu tiền hử? Cậu tính thử xem! – Miệng ông ta lẩm nhẩm, ngón tay cũng sẽ sàng co lại, rõ ràng ông ta đang tính toán khoản tiền đó. Chắc nhất thời tính chưa thông, ông ta cau mày lại. Liền ngay đó lại cười – Bao nhiêu cũng phải chi! Giả dụ cậu mua một viên kim cương năm nghìn đồng, chẳng phải đeo cho người ta ngắm sao? Một mỹ nhân phương nam đến miền bắc, của tôi,

Ảnh phụ nữ. Xem ảnh để phán đoán xấu đẹp quá không gì dễ mắc lừa hơn, tôi không muốn nói người con gái ấy nom thế nào. Những cái cho tôi nhận thấy, chẳng qua chỉ là tuổi tác chưa lớn, tóc uốn khá phức tạp và khúc mắc, gương mặt nhỏ, cằm tròn, mắt to. Không khó coi, cứ bình bình vậy thôi.

– Đính hôn rồi à, tiến sĩ? – Tôi cười hỏi.

Tiến sĩ toét miệng cười đến nỗi chẳng thấy mắt mày đâu, nhưng không thốt tiếng nào.

Tôi lại ngắm tấm ảnh, trong lòng bất giác thấy buồn. Dĩ nhiên, tôi càng không cố đoán định điều gì thay cho cô ta, có điều giả dụ tôi là một người con gái..

– Hy sinh lớn quá! – Tiến sĩ khó nhọc lắm mới hé được lời – Nhưng đáng, đáng lắm! Phụ nữ hiện đại khôn ngoan gọn, mới hai mươi một tuổi, chuyện gì cũng biết, như thể đã từng du học ở Mỹ vậy! Lần đầu chúng tôi xem phim xong, cô ấy nằng nặc đòi về, khôn ngoan chưa! Lần thứ hai, vẫn không cho tôi cầm tay, khôn ngoan quá! Vé xem phim đều do tôi chịu! Lần xem phim sau cùng mới cho phép tôi hôn một cái, thật đấy! Tốn bao nhiêu tiền cũng đáng, chẳng mất không đâu; tôi sắp lên đường, cô ấy tiễn tôi ra bến xe, mua hoa quả cho tôi! Tốn ít tiền, đáng lắm, cô ấy vĩnh viễn là của tôi; kiếm loại đàn điểm đâu có được, tốn bao nhiêu cũng tiếc, vả chẳng còn nguy hiểm nữa! Bắt đầu từ ngày hôm nay, tôi phải tiết kiệm tiền thôi.

Tôi chen vào một câu:

– Xưa nay anh tiêu không nhiều lắm thì phải?

– Ôi chao ôi! – Đôi mắt dưới đáy vũng sâu tóa lên cơn phẫn nộ – Sao không tốn tiền cơ chứ! Một con người, ăn cơm, giặt quần áo. Món nào chả động đến tiền. Hai người chẳng qua cũng tiêu chừng ấy; cơm, tự nấu; quần áo, tự giặt. Vợ chồng phải giúp đỡ lẫn nhau chứ!

– Vậy thì, hà tất phải đặc biệt tiết kiệm tiền?

– Giường đệm có cần không? Bồn tắm có cần không? Sô pha có cần không? Tuần trăng mật có cần tiền không? Gia đình là gia đình! – Ông ta nghĩ ngợi – Kết hôn mời cả mục sư cũng phải gửi tiền chứ!

– Mời mục sư làm gì?

– Trình trọng, người có thể diện bên Mỹ đều mời mục sư làm phép cưới, thật đấy! – Ông ta lại ngẫm nghĩ – Lệ phí nữa! Cô ấy là người Thượng Hải; hai người đi từ Thượng Hải tới đây, ngồi vé tàu hạng hai! Trung Quốc thật không mê nổi, vé loại ba không sao ngồi nổi! Cậu thử tính xem tổng cộng cần bao nhiêu tiền hử? Cậu tính thử xem! – Miệng ông ta lẩm nhẩm, ngón tay cũng sẽ sàng co lại, rõ ràng ông ta đang tính toán khoản tiền đó. Chắc nhất thời tính chưa thông, ông ta cau mày lại. Liền ngay đó lại cười – Bao nhiêu cũng phải chi! Giả dụ cậu mua một viên kim cương năm nghìn đồng, chẳng phải đeo cho người ta ngắm sao? Một mỹ nhân phương nam đến miền bắc, của tôi,

không vinh dự sao? Thật đấy, cô ấy là cô gái đẹp nhất Thượng Hải, còn không đáng hy sinh ư? Một con người luôn luôn phải hy sinh!

Từ đầu chí cuối tôi vẫn không hiểu thế nào là hy sinh.

Dạy thay anh Mai hơn một tháng, tai tôi cả ngày cứ ong ong nào là Thượng Hải, nào là kết hôn, hy sinh, vinh dự, giường đệm... có lúc tôi nhầm cả ý này sang ý khác rồi tiếp tục phải sửa lại từ đầu; ông ta đã khiến tôi mù mịt cả đầu óc. Tôi thiết tha mong mỗi anh Mai về sớm sớm để được nghỉ ngơi tĩnh lặng một vài ngày. Quan sát tính cách con người là công việc đầy ý nghĩa, có điều nếu ông ta dính nhằng nhằng như bánh chưng ngày tết thế này, dính chặt cả tim gan tôi vào, thì cũng có lúc tôi không chịu nổi.

Còn năm sáu ngày nữa thì anh Mai về. Đúng lúc này tiến sĩ Mao lại trưng bày một bộ dạng mới. Ông ta như thể một bài luận đầy mẹo mực ấy, chính vào lúc khiến người ta sắp chán ngấy rồi lại thoi ra một câu đến mỹ miều.

Niềm phấn chấn của ông ta đã qua đi. Ngoài giờ lên lớp, ông ta ở lì trong phòng đánh máy lách cách lách cách. Lách cách một chập, cửa mở ra, men theo chân tường, hết chú cá nhỏ, ông ta xuống lầu đi gửi thư. Đi thế nào, về thế ấy; thỉnh thoảng bước trong phòng. Quành đi quành lại, thở dài một tiếng rất to,

tựa như muốn thở cho sập cả tòa lầu, để cùng lồi nhau chết cả nút. Thở dài xong, ông ta sang tìm tôi, nụ cười nhàn nhạt rất dễ thấm hại hần trên mặt.

– Ôi! – Ông ta bước vào, thở đánh phù một hơi trước đã, cứ như trong phòng rất bụi là bụi. Sau đó – Bọn anh sướng thật đấy, chẳng có gì phiền muộn, đau lòng!

Lời lẽ của ông ta vẫn cứ theo cái phong cách khác thường kiểu ấy, khiến người ta hết cách tiếp lời. May sao ông ta biết tự động giải thích:

– Không thể sống nổi nữa, thật đấy! Khóc cũng vô ích, thời gian cứ chậm rì rì! Hận nổi không thể bay đến Thượng Hải!

– Một ngày viết mấy bức thư? – Tôi tìm ra một câu hỏi.

– Một trăm bức cũng vô tác dụng! Tôi đã bảo cô ấy, tôi muốn tự sát đây! Thế này không phải là cuộc sống, không phải! – Tiến sĩ lắc đầu liên hồi.

– May mà chưa đầy ba tháng nữa thì nghỉ tết. – Tôi an ủi ông ta – Chắc kết hôn vào dịp nghỉ tết chứ?

Ông ta không đáp, đi lại trong phòng. Hồi lâu mới:

– Kể cả ngày mai cưới, hôm nay vẫn dứt rút!

Tôi đang vất óc tìm ý nào đó để nói, ông ta bỗng như quên phắt mọi chuyện quan trọng, chạy vào ra

như một tia chớp. Vừa về đến phòng mình, lách cách, lách cách, cái máy chữ lại vang lên rào rào.

Anh Mai về rồi. Trước khi nghỉ tết tôi không tìm ông ta. Qua tết, ông ta gửi cho tôi một tấm thiệp hồng. In bằng Anh văn. Tôi vui mừng thay cho tiến sĩ Mao, đã đạt được mục đích rồi, sau này chỉ còn nỗ lực cho phương diện khác của cuộc sống.

Hai ba tuần sau tết, tôi đến chơi với anh Mai. Trò chuyện dăm ba câu lại nhắc đến tiến sĩ Mao.

– Tiến sĩ Mao thế nào rồi? – Tôi hỏi – Anh trông thấy bà tiến sĩ chưa?

– Chẳng ai thấy chị ta cả; ngoài giờ dạy ông ta không lộ mặt ra, cả họp giáo vụ cũng không thấy bóng dáng nốt.

– Hai chúng ta sang thăm đi?

Anh Mai lắc đầu:

– Người ta không gặp; trong đám đồng nghiệp có người đã bị ê mặt rồi.

Chuyện đó khơi gợi lòng hiếu kỳ của tôi. Chẳng bảo anh Mai, tôi lẳng lặng đi thám hiểm.

Tiến sĩ Mao sống trong năm gian phòng mái bằng, ba mặt xung quanh là hàng tùng dày thấp lè tè. Xa xa, tôi trông thấy một thiếu phụ đứng trong sân, người mảnh mai, mặc chiếc áo dài màu đen, mặt hướng về

phía nắng. Cô ta không hề nhúc nhích, tay buông xuôi, mái tóc xổ tung như khảm vào khoảng không quanh què lạnh lẽo. Tôi bước chầm chậm, cô ta vẫn im lìm như pho tượng. Cổng nhà là hai cây tùng khá cao, kẹp lấy một mái lều xanh mờ thâm thấp. Tôi đã tiến sát chiếc cổng be bé ấy, đối diện với cô. Cô ta như bị giật mình, nhìn tôi một thoáng rồi quay vội vào trong, đôi mắt to ngơ ngác, tội nghiệp như chú dê con lạc đường, tóc dày đen nhánh, hợp với bộ áo dài màu đen bên dưới thành một giải đầy ai oán, bi thương. Cô ta bước vội vàng, như dứt bỏ hết ánh nắng ở bên ngoài nhà. Tôi không gọi cửa, từ từ quay ra. Lòng tôi thoát giá lạnh, rồi cảm thấy nổi bứt rứt mơ hồ. Cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn nhớ rõ người thiếu phụ áo đen này.

Có lẽ đại đa số đàn ông đều tỏ vẻ nghĩa hiệp đặc biệt với phái nữ. Tôi gần như trở thành tay trình thám nghiệp dư của cô ta. Tiến sĩ liệu có thường đưa cô đi chơi, ví như đi xem phim hay không? Giường của ông ta liệu có phải là giường đệm? Bồn tắm? Sô pha nữa? Khi ông ta cà kê với tôi mấy chuyện này, tôi cảm thấy ông ta chẳng ra dáng cái nam tử. Nhưng từ bữa trông thấy cô, mơ chuyện vợ vãn này lại đè nặng trong lòng tôi, dĩ nhiên, giá trị của những thứ ấy nhờ cô mới có được. Tôi tìm đủ mọi cách để dò hỏi, thậm chí hối lộ cả người hầu nhà họ Mao – họ thuê một cô hầu gái. Điều tôi dò hỏi được là họ chưa từng ra ngoài đi chơi, chẳng giường lò xo lẫn sô pha. Họ ăn thịt gà một lần, hàng ngày chưa đến chín giờ đã đi ngủ...

Hình như tôi hiểu đôi chút về tiến sĩ Mao rồi. Những gì ông ta kể về – ngoài việc ông ta có một hầu gái không thể không cần – còn lại toàn những điều ông ta coi là không cần thiết; nguyên nhân của sự không cần thiết là do ông ta yêu tiền quá độ. Ông ta mơ tưởng làm một người Mỹ; tới khi tiền đã rủng rỉnh rồi, ông ta bèn giờ ngay cái món “*chồng là cái dây cương cho vợ*” cũ rích của Trung Quốc ra. Ông ta là một con khỉ ích kỷ, mà lại giỏi bắt chước. Ví thử ông ta chưa từng sang Mỹ, nhất định ông ta sẽ không như thế, chí ít cũng còn đôi chút nhân tính thể thái mang chất Trung Quốc. Ông ta đã tới Mỹ, cảm thấy rằng ông ta phải làm một công dân Trung Quốc thật là một chuyện hết sức oan khuất. Ông ta có thể dựa vào những điểm thuận lợi của mình, dưới cái lớp trang sức tinh thần Mỹ, làm được hết thảy. Kết hôn, đại loại chỉ có ý nghĩa là đi ngủ sớm một tí.

Tôi không dám nêu về chuyện này ra với anh Mai, vì sợ anh cười tôi; nói thật lòng, tôi thật sự cảm phần thay cho người thiếu phụ áo đen ấy. Nhưng, tôi không dám nói với anh; trí tưởng tượng của anh chẳng dễ dàng hướng về con đường độ lượng, khoan dung.

Kỳ nghỉ xuân, tôi nắm được tin tức về khối người từ chỗ anh Mai: Bác này lên núi chơi, anh kia đi du lịch vùng khác, nghe mãi mà chẳng thấy tên vợ chồng tiến sĩ Mao. Trường học đông người đến thế, hình như chẳng

ai bận tâm đến vợ chồng họ – theo lẽ thường tình, vợ chồng mới cưới là hấp dẫn sự chú ý của mọi người nhất.

Tôi quyết định đi thăm họ.

Hàng liễu rủ trong vườn trường đã xanh mướt, nom ra đáng lắm. Còn hoa đình hương thì chỉ mới hé nụ. Các giáo viên, có người không đi du lịch, gần như ở cả ngoài vườn loay hoay trồng hoa. Đến gần mé trái nhà tiến sĩ, tôi thấy ông ta đang đứng trong sân. Ông ta vẫn vũ trang, âu phục đến tận răng, tuy đang trong thời gian nghỉ. Nơi ánh nắng khó với tới được nhất, vẫn là phần giữa gương mặt của ông ta. Tôi chào ông ta qua bức tường ngăn bằng hàng tùng.

– Không đi đâu chơi sao, tiến sĩ?

– Chẳng đâu hơn nơi này – Mặt ông ta liếc về phía xa xa.

– Người Mỹ chẳng coi trọng du lịch là gì? – Tôi vừa nói vừa sáp vào cổng.

Ông ta im lặng. Mắt dòm dòm tôi, một mực giắt lùi, tỏ vẻ không hoan nghênh tôi vào. Tôi dày mặt, cương cương tiến bước. Ông ta lùi đến cửa, tôi cũng cách đó không bao xa. Ông ta cười méo xệch, cắn răng mấy lượt, rồi mới nói:

– Cô ấy ốm rồi, để hôm khác sẽ đón tiếp anh sau nhé.

– Được thôi. – Tôi cũng cười cười.

– Hôm khác đến – ông ta bỏ lửng câu nói.

Tôi quay ra cổng, mùa xuân trong vườn trường như thể đột nhiên biến mất. Tôi khó chịu quá.

Chừng nửa tháng sau, tôi gửi cho tiến sĩ một bức thư, mời vợ chồng họ dùng cơm. Tôi tính chắc họ sẽ đến; ông ta không kết bạn với ai, cô không biết cũng đâu có chịu cả đời giam trong nhà?

Đến ngày hẹn, tiến sĩ xuất hiện một mình. Quảng mắt đỏ quạch, cứ như vừa dụi lấy dụi để ấy. Phần giữa của khuôn mặt trũng xuống một cách đặc biệt, gằn với guốc trên đầu nổi cả lên.

– Sao thế, tiến sĩ? – May sao tôi chẳng mời thêm ai khác, vừa tiện trò chuyện một mình với ông ta.

– Đàn bà, đàn bà đều xấu tuốt! Đều không hiểu biết! Đều đáng giết tuốt!

– Cãi nhau với phu nhân hay sao? – Tôi hỏi.

– Kết hôn là một loại hy sinh, thật đấy! Anh đối xử tốt với cô ta, cô ta chẳng hiểu cho đâu! – Tiến sĩ trào nước mắt.

– Rốt cuộc là cơ sự gì mới được?

Tiến sĩ thút thít hồi lâu, mới nặn ra bốn từ:

– Cô ta phối rồi! – Ông ta gục đầu vào tường, khóc nức lên.

Tôi chẳng có ý định an ủi ông ta. Trách tôi là kẻ cười trên sự đau khổ của người khác cũng được, tôi thực sự vui mừng, vui mừng thay cho cô ta.

Nửa ngày trời, tiến sĩ mới ngẩng đầu lên, chẳng buồn lau nước mắt, đăm đăm nhìn tôi, rên rĩ:

– Hy sinh quá lớn! Bảo tôi, thật tình, làm sao còn gặp được ai nữa chứ? Tôi là tiến sĩ Harvert, tôi là giáo sư đại học! Cô ta chẳng hề nghĩ hộ tôi! Đàn bà có khác!

– Tại sao chị ấy lại bỏ đi chứ? – Tôi giả bộ chau mày.

– Không hiểu. – Tiến sĩ hỉ mũi – Những gì tôi có thể vì cô ta, cần phải làm, tôi làm cả rồi.

– Chẳng hạn?

– Dành dụm tiền, bảo hiểm, tan dạy liền về nhà với cô ta, ngủ sớm, nhiều nữa, nhiều nữa! Phàm những việc tôi thấy nên làm, tôi đã làm đủ hết; cô ta chẳng hiểu, cô ta không trân trọng, hàng ngày lên lớp, thế nào tôi cũng phải hôn một cái, còn đòi hỏi gì nữa chứ? Anh xem!

Tôi chẳng có gì đáng nói, tự ông ta tiếp tục diễn giải. Ông ta ngọt ngào thật sự rồi, ở trường, ông ta không có lấy một người bạn – Đàn bà chẳng hiểu đàn ông gì sất! Đính hôn rồi kết hôn, đã tốn biết bao tiền, lẽ nào cô ta không hiểu? Kết hôn nghĩa là cả hai bên nam nữ đều bắt buộc phải hy sinh. Tôi đã hy sinh

nhiều đến thế, cô ta đã hy sinh cái gì nào? Còn bây giờ, phổi mất rồi, phổi mất rồi! – Tiến sĩ bật dậy, tay rút túi quần, mảy dính vào nhau: – Phổi mất rồi!

– Tính sao bây giờ? – Tôi hỏi bừa một câu.

– Không có phụ nữ tôi sống không nổi – Ông ta không nhìn tôi mà dán mắt vào cái cà vạt của mình – sống không nổi!

– Đi tìm chị ấy vậy?

– Dĩ nhiên! Cô ta là của tôi! Chạy tới chân trời góc biển, không có tôi, cô ta là “con hủi”! Cô ta là của tôi, cái gia đình bé bỏng ấy là của tôi, cô ta phải theo tôi cả đời! – Ông ta lại ngồi xuống, tay ôm lấy trán.

– Giả dụ chị ấy xin ly hôn thì sao?

– Dựa vào cái gì chứ? Chẳng nhẽ cô ta không biết tôi yêu cô ta sao? Không biết rằng tất cả số tiền kia tôi tiêu là vì cô ta sao? Chẳng có tí lương tâm nào hay sao? Ly hôn? Tôi chả có lỗi gì sất!

– Đó là thực sự – Mình tôi biết điều đó có ý nghĩa gì.

Ông ta ngẩng đầu lướt nhìn tôi, dường như bớt giận chút ít, liếm liếm môi, thở sườn sườn – Thật đấy, tôi vừa thấy mặt cô ta hơi nhợt nhạt, hôm sau liền cho cô ấy ăn thêm một con gà! Tận tâm đến thế cơ mà! – Ông ta lại im lặng, chờ dẫn ngó mũi giày.

– Anh có biết chị ấy đi đâu không?

Tiến sĩ lắc đầu. Ngồi thêm một lát, ông ta đòi về. Tôi giữ ông ta ở lại ăn cơm, ông ta lại lắc đầu:

– Tôi về đây, có lẽ cô ấy sẽ trở lại. Tôi mà là cô ấy, tôi nhất định quay về. Chắc cô ấy cũng muốn thế. Tôi về xem sao. Tôi mãi mãi yêu cô ấy, bất kể cô ấy đối xử với tôi như thế nào! – Nước mắt ông ta lại chục rơi xuống, gương gao mỉm cười, chụm mũ lên đầu, xăm xăm bước ra.

Lúc này, tôi thấy hơi hơi thương hại ông ta. Từ một ý nghĩa nào đó, đích thực ông ta là một kẻ hy sinh – nhưng không thể trách cô ấy.

Qua vài ngày, tôi đi thăm ông ta, ông ta không chặn cửa tôi vào.

Bày biện trong nhà quá ư đơn giản, ngoài vài thứ đồ đạc vốn có của ông ta, thì chỉ thêm có hai chiếc ghế mây, một chiếc bàn dài, trên bàn bày mấy quyển sách Tây dương của ông ta; góc phía tây có một cánh cửa nhỏ, thông sang gian khách treo một tấm rèm đơn vải Tây dương. Trên cửa sổ đều giăng rèm vải màu xanh, ánh sáng không thật đầy đủ. Sàn nhà trải một chiếc chiếu hoa dày cộp. Không khí trong phòng hết một gia đình Nhật Bản đã Âu hóa, nhưng thiếu mất những món trang trí lặt vặt khéo léo tinh tế khác.

Tôi ngồi vào chiếc ghế mây, ông ta vẫn lắc lư trên chiếc xích đu, mặt hướng vào chiếc rèm hoa.

Hai chúng tôi đương nhiên chẳng còn đề tài khác đáng nói. Ông ta lên tiếng trước:

– Tôi nghĩ cô ta sẽ quay về, thế mà đến hôm nay vẫn bật tăm, tàn nhẫn quá! – Nói đoạn, ông ta bỗng vươn thẳng người lên, như chuẩn bị nhổm dậy; nhưng rồi cực kỳ thất vọng co người xuống. Hóa ra một làn gió khẽ lay động chiếc rèm hoa.

Con người này đã hơi mắc bệnh rồi! Lòng tôi rất đổi buồn bực. Nhưng tôi nghĩ bụng, kết hôn mới hơn ba tháng cô ấy đã bỏ trốn, ắt cô ấy thực sự không chịu nổi rồi; ắt hẳn cô ấy cũng nhận ra rằng con người này hết hy vọng cải tạo. Cuộc sống ngục tù trong ba tháng đã khiến người ta cạch tới già. Huống hồ, cuộc sống vợ chồng, có lúc có thể khiến người ta không chịu đựng nổi dù chỉ một ngày – nổi chán chường, nặng nề do cuộc sống này gây ra còn khủng khiếp hơn cả độc dược. Tôi đoán được một điều từ khí sắc và thói quen ngủ sớm của tiến sĩ, giờ tôi muốn chính miệng ông ta chứng thực. Sau khi nói với ông ta mấy lời nghiêm túc, tôi liền thay đổi phương hướng, tán sang cái chuyện không tiện để người thứ ba nghe thấy. Ông ta cũng rất hào hứng với điều này, tuy nó càng khiến ông ta đau lòng. Ông ta gọi chuyện đó là “yêu”. Ông ta rất “yêu” cô. Ông ta còn lý luận thế này:

– Vì chúng ta động não, nên chúng ta biết “yêu” thế nào, người hạ đẳng không hiểu nổi!

Tôi nhủ thầm: “*Bằng không, sao cô ấy bỏ chạy chứ!*”.

Ông ta kể cho tôi vô khối kinh nghiệm kiểu ấy, nhưng càng về cuối càng khiến ông ta bị thương hơn – không có phụ nữ thì không sống nổi! Tôi đến mấy lần, dần dà coi như đã hiểu vài phần về ông ta: Với phụ nữ ông ta chỉ nhắm nhắm “*yêu*”, mà cái khoản tiêu phí cho kết hôn và đồ đạc trong gia đình là cái giá của “*yêu*”. Giả dụ cái giá này mềm một chút, “*tiền sĩ*” sẽ cho tăng thêm phân lượng còn thiếu hụt.

– Một tiến sĩ nước Mỹ, anh phải hiểu, chiếm sức nặng trong lòng phụ nữ lắm đấy! – Ông ta nói, và bổ sung thêm – Anh muốn kiếm một phụ nữ xinh đẹp, tốt nghiệp đại học, trẻ trung, phẩm hạnh đoan chính, trước tiên hãy đi làm một cái tiến sĩ, thật đấy!

Khí sắc của ông ta một ngày một tụt. Ông ta càng chú ý mấy tấm rèm hoa ấy hơn; đang nói, ông ta bỗng đứng phắt dậy, bước tới, vén lên. Rồi quay lại, ngồi xuống, trầm lặng hơn nửa ngày trời. Mặt ông ta còn xanh sẫm hơn rèm cửa sổ.

Nhưng từ đầu chí cuối, ông ta không định đi tìm cô, tuy miệng thường giống lên như thế. Tôi cho rằng dù ông ta sợ tổn tiền mà không tìm thấy cô, thì cũng nên đi một chuyến, hay ít nhất xin nghỉ vài hôm. Tại sao ông ta không trốn mấy buổi, mà vẫn lên lớp như thường, tuy mắt vẫn rưng rưng giọt lệ? Về sau tôi mới

hiếu: Ông ta muốn mọi người thông cảm cho ông ta, vì cách nói của ông ta thế này: *"Đã lấy cho bất cứ ai, thì thuộc về người ấy, hướng hỏ lại lấy một tiến sĩ? Từ vòng tay một tiến sĩ mà bỏ đi là không tự trọng, không có phẩm giá!"* – Ông ta không thể đích thân đuổi theo cô. Nhưng ông ta cần cô, ông ta cần "yêu". Ông ta hy vọng cô quay về, bởi lẽ ông ta đâu thể mất trắng số tiền đó. Điều này, tự trọng và "yêu", hy sinh và sỉ nhục khiến ông ta tiến thoái lưỡng nan, dở khóc dở mếu, một ngày vén tấm rèm đó không biết bao nhiêu lần. Thậm chí ông ta hối hận đã không cưới một phụ nữ Mỹ, phụ nữ Trung Quốc không hiểu sự đời, không hiểu tinh thần Mỹ!

Hoa dâm bụt hé nụ, sắp nghỉ hè rồi. Đã mấy ngày tiến sĩ Mao không thò mặt ra khỏi cửa. Anh Mai kể rằng trước đó tiến sĩ vẫn lên lớp, nhưng chỉ lải nhải chuyện của mình trên giảng đường, thành thử nhà trường mời ông ta nghỉ ngơi mấy hôm.

Tôi tiếp tục đi thăm ông ta, ông ta vẫn diện âu phục lắc lư trên xích đu, nhưng gương mặt đã tiêu tụy lắm rồi, phần trũng nhất đó nom đã hết cái hố hun hút, đôi mắt không mấy hứng thú động đậy nữa, nhưng ông ta vẫn ngồi đó. Tôi khuyên ông ta nên tới bệnh viện, ông ta lắc đầu:

– Cô ấy về là tôi ổn ngay thôi; cô ấy không về, tôi còn cách gì khác đâu? – Ông ta rất kiên quyết, như thể mạng sống không phải của bản thân ông ta – Vả

chăng, – Ông ta hôn hển thở khá lâu mới thốt ra –
Hàng ngày tôi đã uống canh thịt bò; không phải tôi
muốn uống, mà để đợi cô ấy; hy sinh, cô ta bỏ chạy
rồi mà tôi vẫn phải hy sinh vì cô ta!

Quả thực tôi chẳng còn gì để nói nữa. Con người
này hình như rất đáng khâm phục. Để đến nửa ngày
trời, đột nhiên mắt ông ta sáng trưng, chụp tay lên
vịn ghế, uốn thẳng ngực lên, nghiêng nghiêng tai:

– Nghe kia! Cô ấy về rồi! Đúng cô ấy! – Ông ta
muốn nhồm dậy, nhưng chỉ tổ làm cho cái xích đu hết
nghiêng ra trước lại lật ra sau, ông ta không sao
nhồm lên được.

Bên ngoài chẳng có bóng ai. Ông ta ngã phịch
xuống, mắt nhắm lại, miệng vẫn rên rĩ:

– Cô ấy - có - lẽ - mai về. Cô ấy là - của - tôi!

Trong kỳ nghỉ hè, nhà trường đánh điện cho người
nhà của ông ta, có người đến đón ông ta về. Về sau,
không ai nhận được thư từ gì của ông ta. Có người nói,
đến bây giờ ông ta vẫn ở trong bệnh viện dành cho
người điên!

*(Đã đăng trên kỳ bốn quyển "Văn học" số hai
ngày mừng 1 tháng 4 năm 1934)*

Gái Kẻ Liều

Muốn tính số người trong thôn chúng tôi, trên mấy đầu ngón tay nói chung là phải kể đến nhà họ Hạ trước, bất kể cảm tình của anh đối với nhà này ra sao. Nhà họ Hạ có chừng ba trăm mẫu đất, điều này đủ nói rõ, dù phải thừa nhận rằng thôn chúng tôi không đến nỗi nhỏ lắm.

Trước năm Canh Tý, lão Hạ đã theo đạo. Con trai lão Hạ Liêm cũng theo đạo.

Học chuyện họ có chừng ba trăm mẫu đất, điều này đáng kể hơn là chuyện họ theo đạo hay không theo đạo. Có điều, chớ con họ quyết không chịu từ bỏ tôn giáo cũng như dứt khoát không cắt xẻ một hai mẫu ruộng. Ví thử chỉ theo đạo thôi mà không có ít nhiều sản nghiệp này, có lẽ ông mục sư Tây dương thì thoáng mới ghé thăm huyện quyết không đặc biệt ghi nhớ tên tuổi họ làm gì. Trên thực tế, họ có chừng ba trăm mẫu đất, hơn nữa còn theo đạo, thế mới có chuyện để bàn.

Họ biết tính toán ghê lắm. Giả dụ quyền góp tám hào một đồng cho việc công ích của thôn, túi tiền cha

con họ Hạ hết như áo trời, không một kẻ hở. *“Chúng tôi theo đạo, không làm thế”*. Lợi ích của theo đạo, đang đợi anh ở đây đây. Người trong thôn không dám công khai dè bieu họ bủn xỉn, nhưng cũng chẳng ai ca ngợi tính rộng rãi của họ. Nếu họ không nhảy ra khỏi mào đi bắt nạt người khác, mọi người cũng chẳng dám vô duyên vô cớ chọc ngoáy họ, hai bên đều kính nhi viễn chi. Nhưng, nhiều lúc, mọi người không tìm cha con họ Hạ thì không xong, điều này đáng nói, Chu Du đánh Hoàng Cái, hai bên đều tự nguyện. *“Biết chúng tôi ghê gớm, đừng tìm tới nhà chúng tôi nữa! Việc là việc chứ!”*. Tuy cha con họ không nói toạc ra như vậy, nhưng đích thực ra vẻ thế. Bất luận mua một thứ gì bao giờ họ cũng mất ít tiền hơn người khác, được cái họ mua bán bằng tiền mặt sòng phẳng, tiền trao cháo múc, họ gọi đó là phong cách giáo hữu. Còn khi thỉnh thoảng bị người ta bắt chẹt, nghĩa là *“không được trả lại”* cũng được *“hoàn trả”* hết, phong cách giáo hữu ở khậu này càng lộ rõ sức mạnh. Không ai dám kiếm chuyện với họ, còn họ quả thực lại không phải là cái gai – nhìn từ phía xa đến tận nhà đảm, cha con họ thật sự có chút thế lực vô hình.

Nếu xét từ hình dáng bên ngoài, họ còn rất xa mới được tinh anh. Phần xuất sắc nhất trên người lão Hạ là đôi chân vòng kiềng. Suốt ngày khệnh khạng hết đi ra lại đi vào, đi và rồi lại đi ra, cứ như đánh rơi mất một vật gì, tìm suốt hơn sáu mươi năm rồi vẫn chưa thấy. Đôi chân vòng kiềng ngoằn ngoèo

khiến dáng lão trông rõ thấp, dù có ra sức ưỡn ngực lên cũng chẳng tăng thêm được vẻ tôn nghiêm gì. Đầu cũng nhỏ, lông mày còn dài hơn râu, vì thế mấy sợi râu kia dường như ẩm ức lắm. Vành mắt đỏ, con ngươi không phải màu vàng cũng chẳng ra sắc đen, càng không nói đến xanh, cứ xám xám, lép lép, khi nhìn ai một mực chỉ nhằm đúng chớp mũi, cái cằm nhọn hoắt cũng vểnh lên theo. Hạ Liêm ra dáng hơn cha một chút và cũng cao hơn. Gương mặt duỗi duỗi khi cười như không muốn cơ thịt trên mặt nhúc nhích. Đôi mắt cứ hướng về phía xa xăm, tựa như trong lòng luôn có điều khúc mắc gì đó. Anh ta ngẩn ngơ. Nếu ông bố giống một nhánh tỏi, thì anh con trai lại hết một quả ớt xanh dờ dẩn.

Thuở nhỏ tôi và Hạ Liêm từng học với nhau. Tôi không biết chí nguyện của cha con họ là gì, họ chẳng tâm sự với ai bao giờ, miệng họ khác nào quả hạnh đào đặc ruột. Nhưng tôi hiểu rằng sản nghiệp của họ càng ngày càng nhiều. Tôi cũng thấm thía, phàm là việc họ muốn làm, thì dù phải mất ba năm hoặc năm đời cũng đâu có ngán, cuối cùng ắt đạt được mục đích. Trong ký ức của tôi, hình như họ chưa từng thất bại. Họ biết chờ đợi; một lần không được tiếp tục đợi; vẫn chưa được, lại chờ! Kiên nhẫn sẽ chiến thắng năm tháng, nhay bén sẽ nắm bắt được cơ hội, xét theo mặt tích cực, họ quả có chỗ đáng khâm phục. Không ít người, vì thấy nhà họ Hạ thuận buồm xuôi gió, cũng theo đạo, họ cho rằng ông thần nhà họ Hạ thờ hắc linh thiêng ghê lắm.

Cách nghĩ này đúng hay sai là một vấn đề khác, thành công của cha con nhà họ Hạ đã rành rành ra đó.

Có lẽ không chỉ mỗi mình tôi đôi lúc nghĩ rằng: Cha con họ phải chăng sẽ có ngày thất bại? Riêng với tôi mà nói, điều này không phải xuất phát từ lòng đố kỵ, tôi hoàn toàn không mong có dịp ha hả cười vào mũi họ. Đây chỉ là suy đoán một cách hiếu kỳ mà thôi. Tôi vẫn thường cho rằng con người rốt cuộc không thể thắng hết thầy; ai cũng có thứ không tiêu hóa nổi. Đứng trên góc độ toàn thể nhân loại, tôi mong muốn, hy vọng, chúng ta có thể chinh phục tất cả nhưng, về phương diện cá nhân, tôi không trông chờ thế, mà cũng chẳng áp ủ cái tín ngưỡng ấy. *“Na-pô-lê-ông húc vào tường, thì cũng đáng thôi”*.

Về mặt tư tưởng, tôi tin cách nhìn này là đúng. Không sai, chỉ vì nhìn vào cha con nhà họ Hạ mà tôi nghĩ ra điều đó nhưng không hề có ý nguyên rủa họ.

Ai biết được rốt cuộc tự nó có giống như lời nguyên không! Tôi không thích cách họ đối nhân xử thế, thật đấy, nhưng cũng chẳng muốn họ quả nhiên sẽ thất bại. Tôi không phải thấy con ruồi sa vào nhựa liền thương hại nó, không phải thế; thất bại của họ thật quá khó ngờ, quá quái lạ; *“chuyện”* này tách tình cảm và lý trí của tôi ra thành hai ngả.

Khoảng năm năm trước, tôi rời quê hương một thời gian, khi về đến nhà, tôi liền nghe được rất nhiều

lời đồn liên quan – không hay ho lắm – đến anh bạn học cũ của tôi. Xâu chuỗi những lời ong tiếng ve ấy lại, thành một câu: Hạ Liêm kiếm một “bà” ở Liễu Đồn – một thôn nhỏ cách chỗ chúng tôi hơn sáu mươi dặm.

Giả thử chuyện này rơi vào người khác, thì chẳng có gì đáng bàn tán. Còn Hạ Liêm, không được. Thứ nhất, anh ta là giáo hữu; dự định kiếm “bà nhỏ” thì phải ra khỏi giáo hội. Theo người trong thôn chúng tôi, bất kể là Bạch Liên giáo hay gì gì giáo, chỉ cần ra khỏi giáo liên xúi quẩy ngay tức khắc. Hẳn nhiên, Hạ Liêm sắp xúi quẩy, thật đúng là niềm mong mỏi của một số người, bởi thế tai mọi người cứ gọi là dựng cả lên, trong bụng cũng hơi hơi thấp thỏm. Còn quan điểm từ phía giáo hội thấy việc này hợp lý hay không, cũng có mấy vị lên tiếng, nhưng ý kiến của họ không thu hút sự chú ý cho lắm. Quá nặng mùi Tây dương.

Thứ hai, Hạ Liêm, Hạ Liêm! Kiếm bà nhỏ cơ đấy! Gạt cái chuyện theo đạo với chả theo đạo sang một bên, chỉ nói về “còn người” này, hẳn ta sẽ rước bà nhỏ về, mặt trời đích thị có thể mọc lên từ đằng tây, không khéo ngay sáng mai đấy!

Nhà họ Hạ đã ba đời độc truyền. Hạ Liêm được ba cô con gái, một cậu con trai. Cậu bé này lên mười thì đã qua đời. Chị Hạ sức khỏe lay lắt, chưa chắc sinh được con nữa. Ba đời độc truyền, đến đây xem chừng đứt phứt rồi! Sự thực này mọi người biết cả, nhưng họ đâu vì thế mà để Hạ Liêm thoải mái đi

kiếm bà nhỏ, nhân duyên của anh ta đứng ở mặt sau của vận “hên”.

“Dứt rẽ cũng không thể động đến tiền Tây dương”, ai nom thấy quả ớt ấy đều nghĩ vậy, hẳn nhiên đây là một trong những nguyên nhân khiến mọi người kinh ngạc đến thế. Kiếm bà nhỏ, anh ta ư? Anh ta đấy!

Còn nữa, ví thử anh ta rước thêm bà nhỏ, để sinh con trai, chắc mọi người cũng không biết đến vậy. Anh ta vợ một bà tận Liễu Đồn cơ đấy. *“Chả trách anh ta cứ hay nhìn xa xăm xa xăm, Kẻ Liễu cơ đấy”*. Mọi người khúc khích rì rào, hình như cười một cách tiện tặn hơi sức, chỉ lên cổ họng, rồi giao hết ý tứ còn lại cho đôi mắt thổ lộ ra.

Trừ Hạ Liêm tự mình hiểu chính mình ra, người khác chẳng qua chỉ đoán mò; miệng anh ta còn kín hơn miệng hến. Nhưng xét cho cùng, tôi vẫn coi như là người quen của anh ta, bạn học từ thuở nhỏ. Tôi không dám nói là mình hiểu anh ta, có điều nếu suy đoán, chắc tôi đoán được tám chín không xa số mười hơn chứ. Tôn giáo của anh ta, có lẽ ngoài việc mong muốn có một ông mục sư Tây dương thì thoảng ghé vào nhà ngồi chơi chốc lát và ông mục sư thích trong giáo hội có mấy gia đình giáo hữu cơ bản ra, thì chẳng còn tác dụng gì khác. Anh ta coi Hòa quyền hay giáo hữu cũng không khác nhau bao nhiêu. Chúa có một vị hay mười vị, hoàn toàn chẳng can hệ gì với anh ta. Mục sư giảng đạo thì anh ta nghe, nghe hết

điều bác ái anh ta đâu có bớt kiếm lợi đi. Nhưng anh ta muốn làm giáo hữu. Anh ta không bạn bè, nên cần có một nơi để đi – giáo hội chính là một nơi tốt biết bao nhiêu. *“Các anh không đếm xỉa tôi ư, tôi cóc thêm qua lại với các anh đấy; tôi có nơi để đi, tôi là giáo hữu!”*. Điều này rành rành ghi trên gương mặt đườn đườn của anh ta.

Anh ta không thể ngang nhiên lấy vợ bé, anh ta không muốn ra khỏi giáo hội. Nhưng không có con trai lại là chuyện không thể dừng được. Anh ta định âm thầm giải quyết vấn đề này. Lãng nhăng với một cô trước, đến khi có con trai rồi thì tính sau. Lão Hạ dĩ nhiên không phản đối, ông nội mong cháu đích tôn còn gay gắt hơn bố mong con trai nhiều chứ. Còn giáo hội thì sao, ông mục sư Tây dương không thường xuyên tới; mà mục sư của thôn lại không gây rách chuyện đến thế. Dù sao không rước người về nhà bằng xe mui trần giữa thanh thiên bạch nhật thì không coi là cố ý phạm giáo quy, mọi người làm ngơ cho, sự việc lại chẳng không êm ru sao?

Còn về vấn đề muốn tiết kiệm tiền, thì chẳng cần đâu. Đi lãng nhăng chắc gì đã đỡ tiền hơn cưới vợ nhỏ. Để có con trai, lần này xem chừng anh ta quyết tâm lắm, không thể không nghiên răng lại. *“Giáo hữu”* tuy không phải là hàm quan lại, song khác có tác dụng, mà con trai thì dứt khoát không thể thiếu được. Nhắm chặt mắt, vung ra ít tiền! Hấp, thế là xong.

Đây là suy đoán của tôi, không tránh khỏi hơi khắc nghiệt, tôi biết; nhưng chưa hẳn đã cay độc hơn người khác. Còn về mức độ chính xác, tôi tin rằng mình là xuất sắc nhất.

Chỉ ở nhà mấy bữa, tôi lại đi hai tháng. Cuối năm tôi về quê đón tết, chuyện nhà họ Hạ đã phát triển kha khá. Hạ Liêm đã tự động rời khỏi giáo hội, chị chàng thôn Kê Liễu đó đã được đón về nhà. Tôi không ngờ chuyện lại tiến triển nhanh đến thế. Nhưng khỏi cần hỏi han, tôi liền có thể đoán ngay được: Nếu miệng người trong thôn đều cắm vào một chỗ, chưa đầy ba ngày đã có thể cắn sạt một mảng to của Trường thành. Chị chàng ở Kê Liễu kia nhất định bị mọi người cắn lồi ra, giống như chó săn đào hang săn thỏ vậy. Họ cắn, giáo hội không muốn tiếp tục giả ngô giả ngọng, thế là... cái đó, tôi đoán trúng phóc rồi.

Nhưng, có điều tôi vẫn chưa được biết: Tôi gặp lão Hạ, dưới vành mắt đỏ của lão có mấy nếp cười, điều này hiếm thấy lắm. Mấy sợi râu tui thân tui phân ấy cứ khe khẽ rung rung, tựa như muốn nói điều gì với tôi. Tôi hiểu rồi: Tất cả mồm mọi người trong thôn giờ đang chĩa cả vào nhà họ Hạ, lão Hạ cũng khó mà bịt nổi; lão muốn biện hộ mấy câu cho bản thân. Tôi vừa từ nơi khác về, giống như kẻ thứ ba, lão muốn kể lể đôi điều ám ức với tôi. Được thôi, cóc mồm miệng, chuyện hiếm thấy, tôi không nên bỏ lỡ cơ hội này.

Lão một mực ca ngợi chị chàng kia, lão khôn khéo gọi chị ta là “*Gái Kẽ Liễu*”. Ông lão này cao tay góm, tôi nhủ thầm. Lão không biện hộ cho “chuyện” này mà giúp chị ta mở đường đi trong thôn. Chuyện trong thôn xưa nay vẫn thế này: Có vài người nhìn sang bên trái, dù mặt mọi người vốn hướng cả sang phải thật, sẽ dần dần kéo họ quay về bên trái. Chị ta đã đến rồi, thì phải tìm cách giúp chị ta tính toán chứ; ông lão này dầm móng cho chị ta. “*Gái Kẽ Liễu*” quả có chút thi vị thật chẳng!

- Tốt quá rồi, “*Gái Kẽ Liễu*” – Vành mắt đỏ của lão chớp láy chớp để – Hơn chị cả nhiều, thật được việc! Biết giặt biết giữ, nhà nhận lễ phép, bố chồng là bố chồng, mẹ chồng là mẹ chồng! Tốn thêm một miệng ăn, nhưng chúng tôi có thêm một người làm không công! Chị cả bệnh tật yếu như sên, trời gà không chặt; “*Gái Kẽ Liễu*” ư, việc gì cũng xốc vác! Nên tôi đã nói với thằng Liêm – Lão vếch cằm lên nhằm trúng mắt tôi, tôi biết lão che giấu cho con trai – Tôi nói, thằng Liêm này, đón nó về, chúng ta “*cẩn*” một cánh tay như thế! – Nói xong lão chớp chớp mắt với tôi, vành mắt đỏ nhúc nhích liên hồi, nom dáng giống hệt như bố của Tôn Ngộ Không. Lão chờ ý kiến tôi.

- Thế thì tốt quá! – Tôi chỉ buông một câu vô thưởng vô phạt.

- Quả đúng là ý Chúa! – Lão gật đầu ca ngợi – Cậu phải đến gặp chị ta; gặp chị ta rồi, cậu khắc hiểu.

– Vàng, thưa chú, mai cháu đến chúc tết chú –
Quả thật tôi muốn đến xem thử người phụ nữ Liễu
Đồn hiền thực ấy.

Hôm sau tôi đến nhà họ Hạ chúc tết, tôi gặp “*gái
Kẻ Liễu*”.

Chị ta bao nhiêu xuân xanh, tôi không dám khẳng
định, chừng ba mươi, có thể ba mươi lăm, hay bốn chục
gì đó. Chắc nhất là nói chị ta dưới bốn mươi lăm bảo
đảm là không sai. Tôi cười thâm, một “*bà nhỏ*” hay
đấy! Dáng cao cao, mặt dài dài, bôi đến một cân phấn
trắng, nhưng trông thì không thật là trắng; tóc mai và
lông mày đều nhuộm đen một cách tề chỉnh, y hệt bức
tường mới xây, chỗ trắng chỗ còn lôm loam, nhưng chỗ
đen thì thật là đen, thật là ngay ngắn. Đôi mắt nhoi ra
ngoài, cổ tình chớp chầm chậm, như sợ đụng phải con
ngươi vậy. Đám tóc lốm đốm vàng hoe trên đầu cũng
nhuộm đen, nhưng nhuộm không được thành công lắm,
cái một đoá thạch lựu đỏ, diện một bộ áo đoạn quần
bông Tây dương màu lam mới tinh, dưới nách giắt một
chiếc khăn sa Tây dương màu hồng phấn. Giày mới đỏ
sậm, cùng lấm cũng chưa dài tới một thước.

Tôi quả chẳng có gì để nói, trong bụng cứ nhôn
nhọt buồn cười, lại cố nhịn đến khổ.

Nhưng “*gái Kẻ Liễu*” lại có lời. Như thế chị ta đã
từng học cùng tôi, hỏi tôi điều này, điều nọ, có đáng
có điệu đến khéo. Từ chúng mồm mép của chị ta, tôi

nhận thấy, chị ta biết hết sức tỏ tường từng chuyện của nhà tôi và cả thôn. Mắt chị ta nhìn tôi chăm chăm chớp mấy chớp, tựa hồ ngay cả mỗi ngày tôi ăn mấy cái bánh bột chị ta biết cả. Miệng chị ta cứ ngọt xơn xớt, vừa lo liệu trà nước của khách, vừa nói; một mặt nói, một mặt giám sát người nhà qua đuôi mắt; cần dặn dò điều gì thì phán trước đã, rồi trò chuyện sau, dạy bảo đến là róng riết. Vành mắt lão Hạ hơi ươn ướt, bà Hạ – một bà lão nhỏ nhắn miệng méo eo lếch – đảo mắt nhìn theo “*gái Kẽ Liễu*”; một tiếng cha hai tiếng mẹ, có lẽ gọi cho các cụ đến mục mị cả đầu óc. Hạ Liêm không có nhà. Tôi muốn đi thăm chị cả Hạ, vì nghe nói chị vẫn đang ốm. Hai cụ họ Hạ chẳng tỏ vẻ gì nhưng mắt thì cứ ngó “*gái Kẽ Liễu*”, như xin ý kiến chị ta; hẳn họ đã thừa nhận; mấy chuyện giao tiếp mọi người, nề nếp phép tắc giới giang họ không rành rẽ bằng “*gái Kẽ Liễu*”, thành thử phải hỏi chị ta. Chị ta vội ra mở cửa, mời tôi vào phòng phía tây. Theo tôi đến trước cửa sổ phòng, liền cất tiếng:

– Có khách đến này.

Rồi cười với tôi.

– Mời vào phòng ngồi, tôi đi xem nước nôi ra sao.

Tôi vào phòng phía tây một mình.

Chị cả Hạ là người thật thà nhất trong nhà. Chị đang quần chân ngồi trên giường lò. Thấy tôi, chị như

thể vui mừng vô hạn. Nhưng nụ cười chưa kịp nở, nước mắt đã trào ra:

– Chú hai Ngưu! Chú hai Ngưu – Chị gọi tôi hai tiếng. Trong thôn tôi khi gọi nhau thường kèm theo cả nhũ danh, cháu gọi ông nội cũng phải thêm tên cúng cơm. Chị như chất chứa tâm sự nặng trĩu trong lòng, nhưng lại không muốn nói ra. Gạt gạt nước mắt, ngược nhìn ra cửa sổ, rồi trở trở ra ngoài, tôi hiểu ý chị.

Tôi hỏi tình hình đau ốm của chị, chị thở dài:

– Sống chẳng bao lâu nữa đâu; chết rồi cũng không thể yên tâm – Người đàn bà kia quả là mối tâm bệnh của chị Hạ, tôi nhận ra điều đó. Dù tôi thừa nhận chị Hạ không tránh khỏi đổ kỵ ghen ghét, nhưng tôi cũng không thể nói nổi lòng phiền muộn của chị hoàn toàn chỉ vì bản thân, chị là người rất đổi thật thà. Dường như tôi và chị đều cảm nhận thấy một mối nguy hiểm, con đàn bà kia!

Từ phòng phía tây bước ra, tôi đứng ngay “chị ta”, đang đứng dưới mái hiên. Chị ta sẵn đến về thân thiết, mời tôi ngồi chơi một lát, tôi cười khẩy, chẳng ừ chẳng hử. Tôi biết chỉ một cái cười đó cũng đủ khiến tôi với chị ta thành kẻ thù rồi. Đôi mắt sắc như dao kia đã nhìn thấu ý tứ của nụ cười ấy, hướng hồ tôi lại vừa từ phòng phía tây bước ra. Bước qua cổng, tôi thở phò một hơi, nhẹ nhõm cả người, trước mặt chị ta, tôi cảm thấy hết sức chối tũ. Có lần tôi bị một cơn ác

mộng, thấy một con hổ cái già, mặt trát bụi phấn chì. Chị chàng “*gái Kẽ Liễu*” này lại gọi tôi nhớ lại cảm giác khiếp hãi do cơn ác mộng gây ra. Tôi ghét người đàn bà này, tuy tôi không chút thành kiến về đạo đức, về địa vị đối với chị ta. Chỉ là ghét chị ta mà thôi, cái đôi mắt trố lồi ấy!

Tết trôi qua, tôi lại rời quê, đến hội đèn năm sau mới về.

Vừa đặt chân vào đầu thôn, tôi đã nghe thấy tiếng xì xào, ngấp trong mớ âm thanh ấy ba tiếng “*gái Kẽ Liễu*”. Về đến nhà, mọi người cấp tốc báo cáo cho tôi, cũng là chuyện liên quan đến chị ta.

Sau khi định thần, tôi nhớ rằng đã nghe họ bàn tán: Râu của lão Hạ chỉ còn loe toe vài sợi, bị “*gái Kẽ Liễu*” vặt trụi quá nửa rồi. Bà cụ Hạ thương quỳ lạy cô con dâu này. Chị cả Hạ đã dọn ra ở riêng. Răng của Hạ Liêm cũng bị những cái vả thối bay đi hết mất... Tôi hoài nghi hay tôi đang nằm mơ! Không! Không phải mơ, vì sau khi tôi đã được nghỉ ngơi chốc lát, họ tiếp tục kể lể: “*gái Kẽ Liễu*” nắm gáy cả nhà họ Hạ rồi. Họ tranh nhau người này kể người kia bổ sung, tràng giang đại hải, tôi tin đó là sự thực, nhưng chẳng còn nhớ họ đã nói những gì.

Xưa nay tôi vốn không tin câu chuyện trong “*Tình thế nhân duyên!*”¹ cho lắm, sự này còn ly kỳ

¹ Chuyện dân gian nói về Thế thái nhân tình do Phùng Mộng Long ghi lại.

hơn nhiều. Tôi phải đi xem tận mắt! Mắt thấy tai nghe rành rành, bằng không tôi không thể tin vào những lời kia được!

Hôm sau, ở thôn có hát kịch, tám chín giờ thì mở màn. Tôi cũng theo chân người nhà đi xem trò; kỳ thực mắt tôi chỉ đảo tìm "*chị ta*". Đến gần sân khấu, màn đã kéo toang. Người chen chúc khá đông, ngoài người trong thôn còn có rất đông người thôn khác kéo tới. Vì chuyện địa thế và hộ khẩu, nên đoàn kịch dừng chân ở thôn chúng tôi trước tiên. Hồi trống thứ hai vang lên, tôi chợt thấy "*chị ta*". Chị ta vẫn mặc bộ quần áo diện dịp tết, mặt không bôi phấn – không còn giống bức tường mới xây nữa, nhưng nom hết cái bánh hình cái quạt to có cán. Sân khấu nhà quê dựng cao chót vót, chị ta túm vào mép sân khấu, vù một cái đã nhảy tót lên trên rồi. Lên sân khấu, chị ta sầm sầm lao về chỗ giới thiệu. "*Ngừng đánh!*". Chị ta thét một tiếng. Trống chiêng ngưng bật. Tôi ngỡ chị ta tính diễn màn gì. "*Tống thần diễn lễ*", hoặc "*Thám thần gia*", để chị ta diễn bảo đảm thích hợp, tôi nghĩ thế. Ô, không phải, tôi đoán sai bét, chị ta quay người, hai bước đã đến mép sân khấu, khoát tay về phía khán giả. Đôi mắt lồi của chị ta hết một cặp đèn lồng. Kể cũng lạ, khán giả dưới sân khấu lập tức im phăng phắc. Tôi lạnh cả sống lưng. Chỉ trong một năm tôi xa quê, chị ta đã thống trị tuốt cả thôn. Chị ta dùng phương pháp gì, tôi vẫn chưa đi tìm hiểu, nhưng mọi người đều không dám trêu người chị ta là đích xác rồi.

– Thưa bà con – Tròng mắt chị ta nhoi ra lỗ lộ nom phát khiếp, dám trẻ con đứng sát sân khấu để đến ba bốn đứa, hải quá khóc thét lên – Thưa bà con! Ắt tôi đây xin bắt chước bộ dạng con rùa già họ Hạ phục vụ bà con trước! – Chị ta vòng chân, đôi mắt nhắm chớp mũi làm chuẩn, hất nửa mặt lên, khệnh khạng hai vòng. Khán giả dưới đài có người cười lên.

Đi xong, chị ta lại đứng thẳng bên mép sân khấu, mắt đảo đúng một vòng, cất lời chửi con rùa già nhà họ Hạ. Chị ta chửi gì tôi không sao nhớ nổi, mấy từ lôm bôm ghi lại trong đầu tôi tuyệt nhiên không đủ dùng. Chị ta chửi đúng bốn mươi lăm phút, lời nọ tiếp lời kia, tuôn chảy dào dạt mà rất hùng hồn. Giả dụ cổ họng chị ta không khản đi hơi yếu, chưa biết chừng sẽ chửi suốt hai ba tiếng đồng hồ.

Chị ta rời sân khấu, kịch bắt đầu; các khán giả hỗn hớ xem kịch, như thế màn vừa nãy cũng nằm trong chương trình vậy. Đầu óc tôi quay vòng vòng, chuyện gì thế nhỉ? Vốn đã không muốn xem kịch, nên tôi rời khán đài, thông thả đi vào thôn.

Đi được một quãng, tôi đón đầu ông lão Tùng vĩnh râu bước tới.

– Cụ đi nghe kịch ạ, cụ Tùng? Tân hỉ, tân hỉ, phát tài phát lộc! – Tôi chào.

– Phát tài phát lộc! – Ông lão ngấm nghĩa tôi một hồi – Cậu đi xem kịch à? Kịch đầu năm đấy!

– Xem hay không không cần gấp lắm ạ! – Tôi đáp lời.

Người già thường là vậy, cái gì cũng quê nhà vẫn hơn; kỳ thực nếu ông cụ có đứng dưới sân khấu chẳng nữa, cũng chưa chắc say sưa đến độ quên cả ăn cơm.

– Ủ, xem thì đâu cần vội! – Ông lão gật đầu, chép miệng.

– Cụ Tùng này, cụ cháu ta tìm chỗ nào trò chuyện, chẳng hơn xem kịch sao? Dạ, thuốc lá mua trong thành đấy ạ! – Tôi móc bao “*Mỹ Lệ*” ra, mời ông lão một điếu, ông lão Tùng là thánh nhân trong thôn, hộp thuốc này của tôi đáng đồng tiền rỏi, nếu tôi muốn hỏi han tin tức có giá trị trong thôn; chuyện nhà họ Hạ trong lòng tôi quả có phần nặng đồng cân. Làm sao mà cả thôn không có ai dám đụng đến chị ta cơ chứ? Điều này cứ như tảng đá đè nặng trong tôi.

Châm điếu thuốc, ông lão Tùng hút liền hai hơi, rồi đảo mắt nghĩ ngợi.

– Đi thôi, về nhà tôi! Nhà tôi tuềnh toàng, bí phát ngốt, chúng ta ngồi một lát cũng tâm tâm!

Theo ông lão về đến nhà. Còn mỗi bà cụ ở nhà, những người khác đã đi xem kịch cả. Chúc tết họ xong, tôi dắt bà cụ ra ngoài:

– Bà ơi, bà cứ đi xem kịch đi, hai cụ cháu ở lại trông nhà được! – Bà đưa trà – đúng là tuềnh toàng thật – ra cho chúng tôi xong, hấp tấp bỏ đi nghe kịch.

Đợi cụ Tùng thẩm tra tôi – kiểm được bao nhiêu, quốc gia đại sự thế nào... Tôi bắt đầu điều tra ông lão.

– Cụ Tùng này, chuyện người đàn bà họ Hạ kia là thế nào?

Gân trên mặt ông lão nổi cả lên, như thể có ai bịt miệng ông lão và bóp chặt lại vậy.

– Cút chó thôi! Nhắc đến ả ta hả? – Ông lão nhổ tọt một bãi xuống đất.

– Nhưng không ai dám chọc đến chị ta! – Tôi dùng phép khích tướng.

– Giày mới không đạp cút chó thôi!

Tôi nhận thấy một số người trong thôn không thèm đếm xỉa đến chị ta, cũng có thể là không muốn giúp sức cha con nhà họ Hạ. Một nguyên nhân khác của việc tránh dẫm cút chó thôi chính do tính tình tráo trở của chị ta, thành thử tôi lái câu *“Chỉ vì chẳng ai dám ra mặt cho chị ta một bài học”* định nói ra, thành lời:

– Chắc vẫn có người tưởng chị ta thơm lắm.

– Còn phải nói! Một đấu gạo, một thước vải, ai chẳng theo ả; cả đời hai cha con họ Hạ đến cục phân cũng chẳng để rớt ngoài đường!

Quả đúng thế thật, một số kẻ đã quy hàng chị ta. ả thì sẵn sàng dùng một đấu gạo hai thước vải mua chuộc lòng người, mà cha con họ Hạ thì bỏ một cục phân cũng tiếc.

– Còn giáo hội?

– Mấy ông cha đạo làm lơ tất, tất cả đám sắc mùi Tây dương ấy bận tâm gì đến họ!

Địa vị của cha con họ đã mất sạch cả, có lẽ còn ẩn chứa gì trong đó, tôi nghĩ bụng. Có người thà chịu theo đuôi chị ta chứ không thông cảm với cha con họ; chị ta là đòn trừng phạt đối với nhà họ; thần tiên Tây dương đã phù hộ cha con họ phát tài, thì giờ đây, thần tiên Trung Quốc mượn tay chị ta phá phách họ cho đến sạt nghiệp! Không khéo có người còn tin chị ta biết hô phong hoán vũ nữa cơ đấy!

– Hiện nay nhà họ Hạ thế nào rồi? – Tôi hỏi.

– Thế nào hả? – Ông lão Tùng uống một hơi cạn sạch cả một bát trà đặc to, dùng mu bàn tay lau lau chòm râu – Thế nào hử? Tôi tính toán sẵn hộ cho họ rồi, không đầy ba bốn năm sạch sành sanh! Không phải lão đây ngậm máu phun người, mong cho người ta suy sụp, dầu đổ bìm leo đầu! Cậu xem, chị cả Hạ ra ở riêng rồi, chuyện này xảy ra từ nửa năm trước. Hồi ấy, con mụ Kê Liễu này từ sáng đến tối khiêu khích, xúi bẩy. Nào là: A, không bệnh giả vờ ốm, chết đi cho rảnh nợ v.v... và v.v..... Ai chịu cho nổi! Ba con ranh con kia, đứa nào chẳng là món hàng ế! Lão Hạ chạnh lòng, cho chị cả ba mươi mẫu đất, bảo chị ta dẫn ba đứa con gái đến ở tại ba gian phòng nhỏ ở mé tây ấy. Từ hôm đó, Hạ Liêm chưa bước sang mé tây lấy một

lần. Đưa con gái lớn đầu tháng chín lấy chồng, bọn họ đến cả, ăn uống đủ mặt ba ngày, nhưng không cho chị cả lấy một cắc. Hạ Liêm và ông bố thấy quá bỏ – ăn không của con dâu những ba ngày.

– Đàng ngoài nhà chị cả chắc cũng giúp đỡ chút ít chứ?

– Dĩ nhiên; có điều, họ len lén đến, không dám để con mụ Kê kia đó trông thấy. Lúc nào ả cũng chực sẵn một cái thang ở góc tường phía tây, mỗi ngày không biết nhòm ngó sang bên chị cả bao nhiêu lần, người không quan hệ đi thăm chị cả Hạ, trên bờ tường, đồ nọ đồ kia văng xuống ầm ầm, người có quan hệ hử, tốt quá rồi, con mụ đó cầm dao chẹn sẵn ở cổng! – Ông lão Tùng lại nhổ một bãi nước bọt.

– Không ai dám làm gì chị ta ư?

Ông lão Tùng lắc lắc đầu – Chị cả Hạ là con cóc bẹp dí dưới chân bàn, chịu chết thôi!

– Chị ấy qua đời, ả đàn bà kia thành chị Hạ hử?

– Còn cần đợi chị ấy qua đời sao? Giờ đây có ai dám không gọi ả là “chị cả” chứ? “Chị hai” cũng không được!

– Còn cụ, cụ Tùng? – Đáng lý, tôi không nên ngắt lời ông lão!

– Tôi hử? – Ông lão hăng hái hử, nhưng sự thực lại khiến lão bực bội – Tôi không thèm đếm xỉa đến ả!

Hình như bộc lộ cái giận quá mức rồi, nên ông lão bổ sung – Thách cô à dây dưa với tôi, thách à ta thử xem xem cho khéo, à ta cũng vía dấm! Nếu tôi đổi chỗ cho lão Hạ, xem cô ta có dám rút râu tôi không! Lão Hạ tự mua lấy dây buộc mình. À ta cho kiến xơi cha con họ tưởng, thế nào cũng chấm mút ít lợi lộc, nghe theo cô à, thế là đi đứt rồi. Đã nghe theo à ta, thì à chính là ông trời rồi còn gì! Cậu nghe đây, còn thế này nữa chứ: Có phải à ta và hai cha con họ bắt chẹt chị cả Hạ không? Chưa đầy một tháng sau lại đến lượt hai vợ chồng lão Hạ, à ta đuổi thẳng cổ họ. Vợ chồng lão được chia năm mươi mẫu đất, ra ở trong hai gian chuồng trâu ngoài vườn ấy. Lão Hạ như bị bò đá, lưng địu túi ngựa thồ đòi vào thành kiện tụng. Lão chưa kịp ra khỏi thôn, à đuổi kịp đến nơi, lồi xềnh xệch về, đòn phủ đầu đã là mấy cái vã, tiếp đó rút đứt già nửa chòm râu, sau cùng đá tảng cho mấy đá vào đít. Gần nửa tháng lão Hạ không gượng dậy nổi. Giờ à ta ở gian chính, gia sản quơ hết vào tay, thế đấy?

– Chị ta còn mưu hại Hạ Liêm không? – Tôi xen vào một câu.

– Việc đó chẳng ai dám nói chắc! Sớm muộn gì thì nhà họ Hạ chẳng còn lấy một thước đất cắm dùi, không do cô ta chiếm thì cũng vì à ta mà mất sạch. Chuyện khác không biết, chứ tôi thì tôi khẳng định con quỷ này muốn chơi đến sát ván! Chưa từng thấy chuyện thế này bao giờ, mà tôi sắp bảy mươi rồi đấy!

Hai chúng tôi im lặng khá lâu không nói một lời. Rồi sau vẫn lại là tôi lên tiếng trước:

– Cụ Tùng này, hai ông bà họ Hạ không biết liên kết với chị cả cùng đấu với con quỷ đó sao?

– Nếu được thế thì đã phúc, anh hai ngốc ạ! – Mặt ông lão lóe lên tia cười bất đắc dĩ – Lão già ấy khôn kiếp lắm. Ắt ta một mặt bắt nạt lão, một mặt dạy lão đi chèn ép chị cả. Lão không dám làm mếch lòng ả, nhưng lại giỏi hoạnh hoè chị cả. Đạo cuối năm chị ấy ốm lên ốm xuống, chẳng dễ dè đâu cười cổ sao? Nếu lão không phải hạng người ấy sao dẫn đến nông nỗi này? Con mụ kia coi như đã nắm trúng thóp cha con nhà đó! Hạ Liêm cũng là một thằng khốn nạn, anh ta cho rằng bố chịu thiệt nghĩa là lợi ích của chính bản thân hắn. Bằng không làm sao lâm vào ngõ cụt được!

– Chỉ khổ mỗi chị cả Hạ thật thà chất phác! – Tôi thấp giọng nói.

– Đúng, chỉ khổ chị ấy! Người tốt rơi vào hang sói!

– Cháu phải đi thăm chị cả Hạ! – Tôi như nói với chính mình.

– Tốt hơn chớ có dây vào. Tôi khuyên cậu đấy! – Ông lão nói, vẻ rất “ta đây”.

– Mụ đó dám xen vào nửa lời, cháu đuổi mụ cút ngay! – Tôi cười cười.

Ông lão Tùng nghĩ ngợi một lát:

– Cậu đuổi ả ta đi phỏng có ích gì?

Tôi chẳng biết nói sao. Triết lý của ông lão Tùng đáng chịu một phần trách nhiệm về việc “*gái Kẻ Liễu*” dám hoành hành ngang ngược đến vậy. Mặt khác, về phương diện cá nhân, đây là kiến giải tốt nhất của thôn tôi. Chẳng ai đi dẫm cứt chó thối, nhưng cứt chó càng ngày càng thối; hẳn nhiên vẫn có người nói chị ta thơm!

Từ biệt ông lão Tùng, tôi muốn đi thăm chị cả; tôi không thể sợ cái con quỷ “*gái Kẻ Liễu*”, bất chấp mục ta nanh nọc thế nào – trong thôn có lẽ có người tin ả ta biết tà pháp yêu thuật! Nhưng, nghĩ rộng hơn một chút: Giả sử tôi đấu với ả, dù thu được toàn thắng, có gì tốt cho chị cả Hạ không chứ? Tôi đâu phải là người túc trực ở thôn! Tôi mà ra khỏi làng xa quê nhà, ả lại không vì thế mà càng ra sức lấn lướt, bắt nạt chị cả Hạ ư? Trừ phi tôi có biện pháp triệt để. Không đi đâu mới được.

Ít lâu, tôi lại rời quê, và quên luôn chuyện đó.

Để đến ba năm tôi không về nhà, mãi mùa hè năm ngoái mới có cơ hội về nghỉ ngơi một hai tháng.

Ngày tôi về, đúng lúc cơn mưa rào vừa tạnh. Ngõ, cao lương, hoa màu trên ruộng, cây cối trong thôn ngoài xã xanh mượt một màu. Đến bóng cây, chân tường cũng xanh ngấn ngát. Ba năm chen chúc nơi đô hội, thoát đặt chân đến những nơi yên ả xanh mượt mà thế này, cứ như thể vào cõi mộng vậy; không khí quá trong lành,

khiến tôi buồn ngủ díp cả mắt. Tôi cố gượng tươi tỉnh, ngại chưa muốn đi ngủ vội, ngồi tán chuyện với người nhà. Dây cà ra dây muống, tự nhiên dẫn đến “chị ta”. Cơn buồn ngủ lập tức biến mất, nhưng đồng thời tôi cảm nhận được làng quê thực không hẳn là một bài thơ xanh biêng biếc. Trong báo cáo của mọi người, thú vị nhất là “chị ta” giờ đang truyền giáo! Thoạt nghe tôi nghĩ ngay đến lý do: chị ta muốn khôi phục phần nào cái trước kia của nhà họ Hạ, nhưng khác một điểm là chị ta ngồi vào đó. Có điều, bất kể lý do gì, việc này quá tức cười. “Gái Kê Liều” truyền giáo ư? Ai chả truyền giáo được, đâu đợi cái thá chị ta!

Nghe họ kể, chuyện là thế này: Một nhóm giáo đồ kéo đến thôn, có cả người Trung Quốc lẫn người ngoại quốc. Đám người này tin tưởng cầu nguyện có thể trị được bệnh, còn hề nhận tội liền được xá miễn. Đám này không liên quan đến giáo hội địa phương; hơn nữa các giáo hữu địa phương cũng không tham gia hoạt động của họ. Nhưng họ hăng hái ra phết: Tay trộm cắp vật Trương Nhị Lãng, bộm rượu Lưu Tứ, thằng cha trộm chị dâu Phùng Nhị Đầu, còn cả “gái Kê Liều”, đã nhận tội hết lượt. Theo cách đánh giá của hai người Tây dương tới thôn, đây chính là thành công lớn nhất, đã đem ảnh của bọn Trương Nhị Lãng – à quên, thêm bà quả phụ họ Tống hay chữ đồng cũng nhận tội, thuần túy vì tự đứng được không một tấm ảnh -- người Tây dương mang theo một cái máy ảnh mà lại – gửi ra nước ngoài, kỳ tích chưa!

Sau khi đám người này đi rồi, “*gái Kề Liễu*” dẫn đầu bọn Lưu Tứ tiếp tục truyền kinh Phúc âm, hàng ngày giảng đạo vào lúc mặt trời xuống núi trên sân nhà họ Hạ.

Tôi phải đi nghe thử xem sao!

Kẻ quỳ, người ngồi, người đứng, trong sân nhà họ Hạ có chừng hai ba chục người. Tôi liếc mắt trông thấy ngay anh chàng Triệu Ngũ nhà tôi.

– Cậu đến đây làm gì? – Tôi hỏi.

Triệu Ngũ mặt đỏ, lắp ba lắp bắp:

– Không đến không xong! Đến một lần rồi, lần sau không đến, chị ta tức cả tổ tông ba đời nhà mình lên!

Tôi cũng chẳng cần tiếp tục vặn vẹo thêm. Mụ ta đã là “*bá vương*” của thôn này.

Trên ngọn cây liễu vẫn còn giữ lại chút nắng vàng hoe, ve kêu rả rích trong cơn gió vừa chợt đến, tôi đang lơ ngơ ngẩn ngẫm hàng liễu khê khàng đung đưa, đột nhiên mọi người đứng cả dậy, “*mụ ta*” đến rồi! Nom béo hơn ba năm trước, trên người không đeo trang sức hay trang điểm gì nhưng rất lạnh lợi. Đôi chân như cột đình của chị ta bước thoăn thoắt mà đầy sức mạnh, đôi mắt lồi nhìn thẳng, như thể toàn thế giới thuộc về mụ ta vậy. Mụ đứng thẳng, tròn mắt không nhúc nhích, toàn thân thẳng đơ, chỉ có đôi môi mấp máy: “*Cầu nguyện!*”. Mọi người cúi đầu. Mụ ta

không hề nhắm mắt, đuổi cổ lăm nhắm niếm câu gì đấy, dường như đang trực tiếp chuyện trò với Chúa.

Đúng lúc này, Hạ Liêm rón rén bước tới, đứng sau lưng mẹ ta, cung kính cúi đầu, khép mắt. Tôi không ngờ, anh ta lại còn ục ịch hơn cả trước nữa, biết đâu chúng tôi thì cho rằng như thế là khổ, với anh ta thì lại là béo bở thì sao? Trư Bát Giới đùa lão Diêu, cả đôi cùng có chén – Chúng ta có nhiều câu tục ngữ đến là sáng suốt.

Buổi cầu nguyện của chị ta đại loại là : *“Mong lão già Hạ ngã vỡ đầu chết tươi. Cầu lũ đàn bà con gái nhà họ Hạ tắc hơi chết ngạt...”*.

Điều kỳ quặc là không một ai lấy đó làm nực cười, hay đáng ghét. Không chừng chị ta có tà phép yêu thuật thật? Tôi thực sự váng vất cả đầu!

Tôi rất muốn trò chuyện dăm ba câu với Hạ Liêm. Nhưng *“gái Kề Liễu”* lừ tôi – bằng đuôi mắt. Hạ Liêm là con mèo, con chó hoặc thứ đồ chơi gì đó của mẹ. Anh ta cũng đã trông thấy tôi, chỉ một cái lừ, đã vội cầm đầu xuống. Anh chàng vác mẹ ra làm bình phong, lút cút phía sau lưng *“gái Kề Liễu”*, anh ta cảm thấy an toàn, tuy rằng của anh ta đã bị *“vợ bé”* cho bay cả hàm. Tôi không hiểu mối quan hệ đích thực giữa họ cho lắm, tôi chỉ chột nhớ. Hồi trước trong thôn có một người đàn bà bốc quẻ, ra dáng đại tiên cáo trắng lăm. Bà ta có một *“đồng nhi”*, mới chỉ hơn

bốn mươi thôi. Gã đồng nhì này và Hạ Liêm xếp làm một cặp bài trùng vừa khít, tôi nghĩ không ra phép so sánh nào hay hơn. Gã đồng nhì này cum cúp theo vị đại diện của đại tiên cáo trắng, hết như con dê trụi lông bám đằng sau con khỉ làm trò. Đồng nhì cứ tối tối lên giường ngủ chung với đại diện của đại tiên cáo trắng, thành thử gã ta cũng có chút ít khí tiên. Giờ đây Hạ Liêm cơ hồ cũng có vài phần khí tiên, anh ta cầu nguyện đến là thành kính.

Tôi quay lưng bỏ đi, đôi mắt của “*gái Kẻ Liễu*” lảng nhảng theo sát tôi.

Lão Hạ vẫn loay hoay ngoài ruộng, tôi tuy gặp lão mấy lần, nhưng không sao nói chuyện được với lão, lão né tránh tôi. Lão đã tiêu tụy lắm, vành mắt đỏ như muốn át cả mặt trời mùa hè. Nhưng lão vẫn tích cực, không tiếc công sức, có vẻ muốn đòi lại từ đất những gì bị “*gái Kẻ Liễu*” cướp trắng tay, lão cầm cuốc, nghiền răng, bổ xuống ruộng.

Chị cả Hạ, nghe đồn, đã bệnh sắp mất. Cô con thứ của chị cũng chuẩn bị xuất giá, lấy một anh lính, có lẽ là một tiểu đội trưởng, nhưng cả thôn đều nói anh là một sĩ quan.

Dân thôn tôi, đối với người trong giáo hội thì kính nhĩ viễn chi, với người trên “*huyện*” thì áp dụng cả mẹo mực lẫn tôn kính và sợ sệt; họ hải nhất, hải thực sự, là lũ lính. Có lẽ “*gái Kẻ Liễu*” cũng hơi hơi ngán chúng, tuy không nói ra miệng. Giờ bản thân mẹ ta

đang truyền giáo; là bậc thân sĩ trong làng, tuy không được “*huyện*” thừa nhận; tự mù ta khoác lác: Trên huyện có người của mù đấy. Mù đã có hết thấy thế lực phải có ở chốn hương thôn (*do mù tự sáng tạo ra, mù quả là một thiên tài*). Chỉ phải cái là không có lính.

Về việc cô thứ nhà họ Hạ sắp lấy một “*sĩ quan*”, mù ta cho rằng đó là chị cả Hạ quyết tâm khiêu chiến với mù ta. Nếu không lập tức trừ diệt cả đám, ắt sẽ gây họa lớn. Ví thử không gỡ bản lĩnh dẹp yên đi, tất ít lâu sau sẽ có người lần ra được “*thóp*” của mù. Triệu Ngũ và tôi nghiên cứu phân tích kỹ chuyện này. Theo Triệu Ngũ, bất kể “*gái Kẽ Liều*” chèn ép chị cả Hạ thế nào, trong thôn sẽ không có ai sờ gáy mù ta đâu. Phần đông thì muốn nhìn thấy nhà họ Hạ bẽ mặt, một số người khác thì là thuộc hạ của “*gái Kẽ Liều*”. Có điều đến nay “*gái Kẽ Liều*” vẫn chưa ra tay, vì phải suy tính đôi chút về “*anh lính*”. Mấy hôm nay, mù ta đặc biệt thành khẩn, năng cầu nguyện lẩm lẩm, Triệu Ngũ biết. Mây đã giăng kín, chỉ chờ một tiếng sấm, chắc thế.

Chẳng bao lâu, sấm đã nổ rồi. Cô thứ được coi là giỏi giang nhất trong ba cô con gái của chị cả Hạ. Dĩ nhiên, theo “*gái Kẽ Liều*” thì cô lợi hại ghê gớm nhất. Một hôm, cô ba mua chỉ ngoài cổng, cô thứ đứng trong cổng chỉ đạo – Vì cô sắp xuất giá, cũng không tiện ra mặt. Vừa lúc ấy “*gái Kẽ Liều*” cũng ra mua chỉ, cô ba chưa mua xong đã lập tức quày quả đi vào, mặt biến sắc. Cô thứ đứng trong cổng nói một câu buông thông:

– Mua cô ấy!

“*Gái Kẽ Liều*” như một tia chớp, nhào đến trước cổng. – Tao rửa tổ tông mười ba đời họ Hạ chúng mày!

Cô thứ chạy tuột vào trong, “*gái Kẽ Liều*” đuổi sát đằng sau. Tôi đang ngồi dưới một gốc liễu cách đó không xa, vội lao đến, sợ chị ta cào nát mặt cô thứ. Nhưng người đàn bà này biết phải làm gì trước, mụ ta ào vào chỗ chị cả Hạ. Chỉ cần hai đám là chị cả Hạ mất mạng. Chị mà chết, “*gái Kẽ Liều*” liền danh chính ngôn thuận là “*chị cả*” rồi, sau đó thông thả “*chăm sóc*” cô thứ cô ba vẫn kịp chán. Có bán họ đi cũng chẳng ai xen vào được, lão Hạ là người đầu tiên mặc kệ họ, Hạ Liêm nếu không vì một có con trai thì đâu rước “*gái Kẽ Liều*” về, người khác càng khỏi cần nhắc tới. Mụ ta đã vào đến cửa phòng thì tôi đuổi kịp. Trước tình hình nào đó, có lẽ ai cũng sẽ giở vài ngón mẹo vặt ra, tôi túm chặt chị ta, giả vờ khuyên giải, còn đôi mắt của tôi đã làm trọn trách nhiệm của chúng. Cô thứ hiểu ánh mắt của tôi, cô sáp đến, cô ba cũng can đảm hẳn. Có lẽ điều các cô thường mơ tới từ lâu chính là hành động này, hôm nay có tôi ủng hộ tinh thần, cuối cùng đã thực hiện được.

Miệng tôi ngon ngọt dỗ dành, còn tay thì cuộn cuộn sức mạnh, chàng trai nào không đủ sức thì không giữ nổi mụ ta. Đúng lúc ấy, “*gái Kẽ Liều*” thay đổi chiến lược – ả đàn bà này ghê gớm lắm!

– Chú hai Ngưu, bọn đàn bà chúng tôi không đánh nhau đâu – Mụ ta cười, đầu hơi cúi xuống, pho cái vẻ quyến rũ – Tôi dọa mấy đứa chơi thôi mà. Mấy đứa con nít này, có mẹ ở nhà nên nghịch ngợm thế đấy, phiền chú quá! – Nói dứt lời, mụ ta liếc tôi một cái, ngoáy lưng về thẳng.

Kể cơn đồ không chịu thiệt trước mặt, mụ ta sắp xơi vài cái tát của họ, chẳng phải mất sạch uy phong sao – mụ ta cảm thấy tay tôi hơi cứng.

Một thoáng sau, Hạ Liêm lặc lè tới. Mặt anh ta nom thật khó coi. Anh ta thay “*gái Kẽ Liều*” đến dạy dỗ con gái đây, tôi nhủ thầm. Tôi chẳng buồn để ý đến anh ta. Anh ta trừng mắt lườm cô thứ, nhưng không thốt được một câu nào, hoặc giả vì có tôi đứng đó, anh ta không biết phải làm thế nào cho phải. Cô thứ nhìn anh ta, môi mấp máy, nói câu gì đó. Chặng lại một lát rồi cô tiến về phía trước, nhắm đúng bộ mặt anh ta, phù, một bãi nước bọt. Anh ta nổi đóa lên, nhưng vẫn chưa ra tay vì đã bị tôi túm chặt. Anh ta co kéo với tôi, rồi đứng đực ra. Liếc nhìn tôi, đầu cúi xuống: “*Ồi*” – anh ta thở dài thườn thượt – Ai bảo chúng mày không phải là thằng cu chứ! – Con người này đã bị “*gái Kẽ Liều*” hoàn toàn giật dây, mà vẫn còn muốn biện hộ cho mình. Anh ta đã thoát không nổi bàn tay mụ ta, nên càng căm hận họ – ai bảo chúng chỉ là mấy con vịt giới!

Cô thứ nhổ đầy “*hoa*” vào mặt bố, trút hết giận rồi, chợt òa ra khóc.

Hạ Liêm bước đến cửa, sững người lại. Anh ta không thể hoàn thành nhiệm vụ phát cờ chiến thắng trở về. Lại thở dài sườn sượt, rồi từ từ quay ra.

Tôi khuyên nhủ cô thứ. Cô vừa nín, ả đàn bà bên nhà phía đông cất tiếng chửi réo rất:

– Ông đúng là con rùa rút đầu, đồ thỏ đế, đến con gái mình cũng không dạy được.....

Tôi thót ruột, lỡ sau khi tôi bỏ đi, mẹ lại lao sang thì sao? Tôi không thể đi, tôi bảo cô ba gọi Triệu Ngũ đến. Cất đặt cho Triệu Ngũ ở lại đó đầu vào đấy; tôi mới dám về nhà. Dĩ nhiên Triệu Ngũ không dám dây dưa với mẹ ta, nhưng tôi không bảo cậu ta làm lính cảm tử, cậu chỉ là lính gác tạm thời.

Về đến nhà, tôi càng nghĩ càng thấy áy náy: Vậy là tôi và mẹ ta đã tuyên chiến, mẹ ta không dễ dàng kết thúc mọi chuyện thế. Giả dụ mẹ ta kết bè kéo cánh tới khiêu chiến thì sao? Đánh nhau tập thể đâu phải hiếm hoi gì. Xong chuyện làm sao được, ít nhiều mẹ ta đã thua vô đầu. Tôi không muốn đánh đấm tập thể, hừ, vị tất mẹ không hiểu điều này. Chỉ trong vòng mấy năm mẹ đã tóm tất cả vào tay, trừ vài nhà ... tôi chính là một trong số đó – không chịu theo đuôi chị ta, tuy cũng không cố tình đắc tội với mẹ ta; ả đàn bà này nếu có cơ hội, chắc thừa sức làm một “Napô-lê-ông cái” hẳn mẹ ta chưa hết chuyện với tôi đâu. Giả dụ biết viết sách, ắt mẹ ta sẽ viết ra một bộ tiểu

thuyết đề tài nông thôn cực hay, mẹ ta hiểu rất rõ như đi guốc trong bụng người dân quê.

Quả nhiên không ngoài dự liệu, đầu giờ chiều hôm đó – mẹ cười con lừa đen, giương cái ô đi mưa – mặt trời cứ như đổ lửa ấy – từ đầu đông thôn sang đầu tây, từ mé nam qua mé bắc, chửi bới con rùa già Hạ, gã Hạ Liêm – đồ thô đế – và hai con giặc con kia. Ắ chửi cho tôi nghe đấy. Mẹ biết chắc tôi không muốn lòi ả xuống lừa, dẫn cho một trận, vậy thì, cả thôn vẫn là của ả, đồ có ai dám ra ngăn cản mẹ.

Triệu Ngũ là người đầu tiên hét lên rồi, cậu ta nài nỉ tôi đối người khác bảo vệ cô thứ. Cậu ta không có ý kích động tôi, cậu ta phát hết thật sự; nhưng lửa giận của tôi đã bốc lên:

– Triệu Ngũ, cậu xem rồi có tấn cho mẹ ta một trận cho biết thân không?

Triệu Ngũ chớp mắt đến nửa ngày trời:

– Được thôi; nhưng đàn ông không đấu với phụ nữ, đúng không ạ?

Thì đúng thế, một người đàn ông sao đi đánh đàn bà! Tôi phải nghĩ ra ý kiến cao minh khác.

Bệnh của chị cả Hạ ngày càng trầm trọng. Hướng suy nghĩ của tôi lại ngã về phía chị. Trước hết phải để cô thứ xuất giá đã, xảy ra việc tang thì không hay rồi, chọn một và chỉ một thôi. Anh “*sĩ quan*” đó là người

Trương Diễm, cách chỗ chúng tôi mười hai mươi ba dặm đường. Tôi phải Tiểu Ngũ đi giục anh ta mau mau rước vợ về – hẳn nhiên là phải được sự đồng ý của chị Hạ trước. Triệu Ngũ vui lòng nhận nhiệm vụ ngay, vì nó an toàn hơn bảo vệ cho cô thứ nhiều.

Tôi tính thế này, nếu cô thứ được người ta rước đi một cách âm thầm mát mái, “*gái Kẻ Liễu*” coi như lại thua một vố nữa – ai chẳng biết từ lâu mẹ ta đã kìm nén và gây sự với chị cả Hạ? Được, con rể của chị cả ngày càng nhiều, thì càng khó xử lý, huống hồ lần này là một “*sĩ quan*” cơ đấy! Tôi cũng đã quyết định, phải xem bằng được cô thứ lên kiệu hoa. Mẹ đàn bà kia gây rối, tôi cho biết tay. Hay hơn nữa là mẹ mắc phải tội danh phá phách đám cưới, chúng tôi càng dễ lên huyện nói năng.

Theo dân thôn tôi, vận khí con người, bất kể là ai, đều có giới hạn của nó; chẳng ai có thể may mắn cả đời, đến Quan lão gia¹ còn mất đầu đấy thôi. Vụ đụng độ giữa tôi và “*gái Kẻ Liễu*” đã lan truyền khắp thôn, tuy tôi không nói, nhưng cô ba có miệng có chân. Hình như mọi người đều cho rằng, đây là một điềm báo trước – “*gái Kẻ Liễu*” sắp tàn cuộc chơi rồi. Họ không dám chọc giận mẹ, thành thử mong có một người dám chọc mẹ, xem đấu đá là chuyện thú vị nhất.

Xem chừng “*gái Kẻ Liễu*” cũng nghe phong thanh chuyện này, nên càng đánh Hạ Liễm thật lực coi như

¹ Quan Công.

một kiểu thị uy bóng gió. Đầu Hạ Liêm u thêm cả đóng ổi, bị ả đập vào cổ đá.

Anh chàng tiểu đội trưởng ở Trương Điểm kia vốn là người có tên có họ, do học hặc với người nhà nên trốn đi lính; giờ anh ta đang đóng quân gần huyện. Triệu Ngũ về báo cáo, hớn hỏ thay cho cô thứ – *“Một anh chàng cao to, bảo đảm cái ăn cái uống không phải lo, cô thứ còn chút may mắn đấy!”* – Họ cũng đồng ý kết hôn sớm.

“Gái Kẽ Liễu” trèo lên thang dây mười lần thì đến tám lần trông thấy tôi; tôi thay chị cả Hạ sắp đặt mọi chuyện, mẹ đã xuống thang không xong người khác lại chẳng dám giúp đỡ, hẳn nhiên tôi phải dốc sức rồi – một phần cũng nhằm chọc tức *“gái Kẽ Liễu”*. Mỗi bận nhìn thấy tôi, mẹ liền mở miệng chửi Hạ Liêm, không những không động đến tôi, chị cả Hạ cũng vô can. Tôi nhủ thầm, chỉ cần bà không trực tiếp xung phong, tôi cũng không thèm đi bắn tỉa, giữa chúng ta là cuộc chiến tâm lý!

Một buổi tối Hạ Liêm đến tìm tôi; trên đầu anh ta mọc liền mấy quả ổi to, hết hòn đá núi phủ đầy rêu xanh. Ngồi chán, chúng tôi không ai lên tiếng. Lòng tôi cảm thấy hỗn loạn vô cùng, không biết nên nghĩ gì; anh ta xem dáng cũng không dễ chịu mấy. Để phá vỡ không khí căng thẳng, tôi buột miệng hỏi, chẳng nghĩ ngợi trước:

– Sao anh có thể hịu đựng nổi cái bà đó chứ?

– Tôi không còn cách nào nữa! – Anh ta hất mặt đáp, muốn nhieu lông mày lại, nhưng không thành công, vì vùng mắt đỏ sưng tưng cả lên rồi.

– Tôi không tin một nam tử hán...

Anh ta không đợi tôi nói hết đã ngắt lời:

– Cô ta cũng có chỗ tốt.

– Tài sản đã bị mụ ta vợ hết rồi, chỗ tốt? – Tôi cười một cách ác ý.

Anh ta im thít, hai mắt nhìn vào góc xa nhất của căn phòng, không muốn lên tiếng nữa; nhưng rất không thích nghe lời tôi, mỗi người một chủ ý – anh ta nguyện chịu đánh đòn để có tài sản, về một khía cạnh nào đó thì “*gái Kẻ Liễu*”, chính là bảo bối của anh ta.

– Anh đến có việc gì thế? – Tôi không muốn phí lời thêm với anh ta.

– Tôi...

– Cứ nói đi!

– Tôi... Anh cố ý dẫu đến cùng với bà ấy à?

– Chị cả là vợ anh chính thức, cô thứ là con gái đẻ của anh!

Anh ta không vòng vo nữa, nói một câu đơn giản:

– Tôi sợ gây lên tới tận huyện!

Tôi nhận ra: “*gái Kề Liều*” quyết không ăn thì đập đổ, anh ta quản không nổi; thành thử đến khuyên can tôi. Anh ta sợ phải kéo nhau lên huyện – Tiền! Lên huyện rồi, không tiền chớ có mộng tưởng ra được. Anh ta không thể bỏ “*gái Kề Liều*”. Không có ả, lão Hạ tất phản công con trai. Hạ Liêm khá bợm, nhưng muốn toàn thắng vẻ vang không theo “*gái Kề Liều*” không xong. Lỡ dẫu đến tận huyện thật, mà “*gái Kề Liều*” bị gô cổ, thì anh ta đến sống dở chết dở; không lời được mụ ra, anh ta sẽ mất chỗ dựa; mà lời mụ ra, phải mất tiền; bởi thế anh ta đến khuyên tôi thu quân.

– Tôi không yêu cầu anh giúp chị cả Hạ – vợ của chính anh; anh cũng mặc tôi đối xử với “*gái Kề Liều*” ra sao – Chúng ta nói chuyện đến đây thôi nhé.

Hôm sau, “*gái Kề Liều*” cười lừa, giương ô, vào huyện thành chửi. Chửi từ cửa đông sang cửa tây, nạn nhân vẫn là con rùa già họ Hạ và Hạ Liêm. Mụ ta làm một phép thử. Thử xem trong thành có người bắt hay cản trở mụ ta hay không. Xưa nay mụ ta vẫn có ý sợ trên huyện. Chẳng ai ngáng chân mụ. Mụ ta khua trống thắng trận trở về; tối đó, mụ triệu tập đại hội những người theo đạo của mụ, bới móc, nguyên rủa nhà họ Hạ và báo cáo quá trình thử nghiệm vừa diễn ra.

Chiến sự là khó tránh khỏi, tôi biết chắc. Đành chuẩn bị đánh thôi, còn cách nào khác đâu? Không có cơn đại hồng thủy thì sao quét sạch vật dơ bẩn của

thế giới này, lấy cái lớn so sánh với cái nhỏ, việc này trong thôn chúng tôi cũng vậy.

Mấy hôm nay, người trong thôn nhìn tôi với ánh mắt đặc biệt, tuy tôi chưa tính chiến đấu ra sao – có điều mục ta mà tới, tôi quyết không lùi lại. Tin nhảm nhí đồn rằng tôi đã liên kết với anh “*sĩ quan*” kia, cũng có người xì xào tôi đã sắp đặt đầu vào đây ở trên huyện, điều này khiến tôi bứt rứt không yên. Thực tình, tôi hoàn toàn chỉ “*đùa chơi*”, chứ có định cấu kết với ai đâu. Triệu Ngũ còn không giúp tôi, nói gì đến người khác!

Người trong thôn tôi hình như chưa bao giờ sáng suốt. Họ tin tưởng vận may chỉ có ngưỡng, quả nhiên là thế, dù tôi không tin cũng chẳng địch nổi họ – Họ chỉ cần một tí việc ngẫu nhiên đã chứng minh được ý trời. Đúng trước khi cô thứ nhà họ Hạ lên kiệu hoa, “*gái Kẻ Liễu*” bị người trên huyện gô cổ bắt đi. Người trong thôn biết rõ rành rành, nhưng vẫn ngậm chỉ vào tôi. Tôi thực sự chẳng hiểu gì cả.

Qua mấy hôm, tin tức mới truyền về đến thôn: Trong thôn có một cô gái họ Vương, làm hộ lý trên huyện. Vừa hay phu nhân tri sự huyện sinh em bé, cho với cô này đến. Cô kể tuốt mọi chuyện về “*gái Kẻ Liễu*” cho phu nhân tri sự huyện nghe, để pha trò kiếm chuyện làm quà thôi. Phu nhân tri sự thì lại ghét nhất hạng làm vợ bé, vì biết tri sự có ý muốn và đã tỏ ra là muốn rước “*bà nhỏ*”. Phu nhân tri sự hạ lệnh lão gia “*giải quyết*” mẹ đàn bà kia, thế là “*gái Kẻ Liễu*” bị bắt đi.

Người trong thôn không thật tin chuyện này cho lắm, họ muốn giữ vững cách nói “*Gái Kề Liễn*” đã gặp vận hên năm năm rồi, sở dĩ mụ ta xúi quẩy là vì tôi. Ông lão Tùng nửa hài lòng, nửa cảm khái thốt lên.

– Tôi nói thế nào nhỉ? Chả đến ba bốn năm, nhà họ Hạ không còn một tác đất cắm dùi! Ứng nghiệm chưa? Thế là trên huyện khi không được thêm hai ba trăm mẫu đất!

Hạ Liêm quyết định kéo chị ta ra bằng được, thà vùng hết tiền trên huyện chứ không thể để người khác vớ được – kể cả bố đẻ anh ta.

Lão Hạ cũng chẳng rảnh rồi gì, không còn “*Gái Kề Liễn*”, lão cóc ngán gì sát.

Cuộc đấu giữa cha con nhà họ Hạ thu hút sự quan tâm chú ý của một số người – Bọn Trương Nhị Lãng, Lưu Tứ, Phùng Nhị Đầu và bà quả phụ Tổng đều quyết định ủng hộ Hạ Liêm. “*Gái Kề Liễn*” là thủ lĩnh kiêm ân nhân của bọn họ. Cá Triệu Ngũ cũng phao tin thay cho mụ – Đã đến nha môn huyện rồi, “*Gái Kề Liễn*” vẫn ngang miệng chửi, cứng đầu đến cùng! Khi không thấy mụ ta đi thì bắt bốn anh nha dịch dìu đỡ. Những bốn anh nhé, nha dịch hần hoi!

Cô thứ họ Hạ được rước đi một cách bình an. Chưa hết mùa hè, chị cả Hạ đã qua đời, chị ngậm cười về nơi chín suối. Cô ba được cô lớn đem đi. Cha con

nhà họ Hạ chia ngoéo mảnh đất của chị cả Hạ thành hai phần đông tây. Bà quả phụ Tống xoen xোট.

- Nếu “*Gái Kẻ Liễu*” ở nhà, cái lược gỗ hoàng dương của chị cả Hạ đứt khoát sẽ về tay tôi. Hai thằng cha ôn dịch nhà họ Hạ đúng là một cặp rùa rụt cổ chết dẫm!

“*Gái Kẻ Liễu*” bao giờ thì được thả ra, không ai biết. Nhưng chẳng ai quên chị ta, đến cả bọn trẻ cũng bày trò: Tao làm “*Gái Kẻ Liễu*”, mày làm lão Hạ nhé?
- Chúng dàn xếp với nhau thế này: Tao làm “*Gái Kẻ Liễu*” cơ! Tao làm “*Gái Kẻ Liễu*” mới phải, mất tao biết lỗi ra đây này. Ai cũng tranh luận như vậy đấy.

Ngay cả tôi cũng cảm thấy hơi có lỗi với mẹ ta, tuy tôi biết như thế thật đáng đời!

(Đã đăng trên số mười quyển thứ mười ba
“*Tạp chí Đông Phương*” ngày 16 - 5 - 1934)

Trăng non

1

Đúng thế, tôi lại trông thấy trăng non, một lưới câu vàng nhàn nhạt phủ chút hơi lạnh. Bao nhiêu lần rồi, tôi nhìn thấy trăng non giống như vầng trăng non lúc này; đã bao lần rồi. Mỗi lần mang một tình cảm, một cảnh vật khác nhau, khi tôi ngồi im lìm ngắm nó, bao giờ nó cũng treo chênh chếch trên đám mây xanh ký ức của tôi. Nó thức tỉnh ký ức trong tôi như một cơn gió đêm thổi tung đóa hoa ngái ngủ của tôi.

2

Lần thứ hai ấy, vầng trăng non mang hơi lạnh, quả thực là mang hơi lạnh. Vầng trăng non đầu tiên trong đám mây của tôi thật là chua xót và đau

đón, quang sáng vàng nhạt yếu ớt ấy chiếu lên nước mắt của tôi. Khi ấy tôi chưa đến bảy tuổi chứ bao, một cô bé mặc chiếc áo bông ngắn ngắn màu đỏ, đội chiếc mũ bé xíu mẹ may cho, bằng vải xanh, bên trên in bông hoa nho nhỏ, tôi vẫn còn nhớ rõ. Tôi tựa vào bậu cửa gian phòng chật hẹp ấy, ngắm trăng non. Trong phòng là mùi thuốc uống, thuốc lá, nước mắt của mẹ, bệnh tật của cha; tôi lùi thúi một mình ngắm trăng non trên bậc thềm. Chẳng ai hỏi han tôi, chẳng ai lo cơm tối cho tôi. Tôi hiểu được không khí buồn thảm trong phòng, vì mọi người nói về bệnh của cha. nhưng tôi, tôi thấm thía nỗi tủi thân của mình hơn, tôi lạnh, đói, chẳng ai ngó ngang gì đến tôi. Tôi đứng mãi, đứng mãi cho đến khi trăng non lặn mất. Chẳng còn cái gì nữa rồi, tôi không thể khóc. Nhưng tiếng khóc của tôi bị mẹ át đi, cha, im lìm, mặt phủ lên một tấm vải trắng. Tôi muốn giật mảnh vải trắng ra nhìn cha một lần nữa, nhưng tôi không dám. Gian phòng chỉ là mỗi một khoảng bé tí tẹo đã bị cha chiếm mất. Mẹ mặc áo trắng vào, bên ngoài chiếc áo bông đỏ của tôi cũng trùm thêm một cái áo dài trắng không có đường may ở hai bên, tôi nhớ mà, vì tôi cứ rút rút mãi cái sợi vải trắng trên vạt. Mọi người đều bận rộn, tiếng kêu gào rầm rĩ, khóc lóc thảm thiết, nhưng việc thì không nhiều cho lắm, mà dường như cũng chẳng đáng phải lao xao. Cha được đặt vào một chiếc quan tài bốn mảnh ván mỏng ghép lại, chỗ nào cũng có kẻ hở. Sau đó bốn năm người nhấc ông lên và đưa đi. Mẹ và tôi theo sau mà khóc. Tôi còn nhớ cha,

nhớ chiếc hòm gỗ của ông. Chiếc hòm gỗ đó đã kết thúc mọi thứ về cha: Mỗi lần nghĩ đến cha, tôi liền nhớ đến chiếc hòm gỗ không thể mở ra, không nhìn được ông kia. Rồi, chiếc hòm gỗ được chôn thật sâu thật sâu vào lòng đất, tôi biết rõ cái nơi đã chôn nó ở ngoài thành ấy, nhưng lại giống như một giọt mưa rơi xuống đất, hình như chẳng bao giờ tìm thấy được.

3

Mẹ và tôi vẫn mặc áo trắng, tôi lại nhìn thấy trăng non. Đó là một hôm trời lạnh, mẹ dắt tôi ra ngoài thành, đến mộ cha. Mẹ cầm một xấp giấy mỏng lèo tèo. Hôm đó, mẹ chiều tôi lắm, tôi đi không nổi, mẹ liền cõng tôi một đoạn, đến cổng thành còn mua cho tôi ít hạt dẻ rang. Mọi thứ đều lạnh, chỉ có nhúm hạt dẻ rang ấy là nóng thôi, tôi không nỡ ăn, lấy chúng để ủ tay cho ấm. Đi được bao xa rồi, tôi chẳng nhớ rõ nữa, chỉ biết là rất xa rất xa. Hôm đưa tang cha, hầu như tôi chẳng cảm thấy xa đến như thế này, hoặc là vì hôm đó có đông người; lần này chỉ có hai mẹ con tôi, mẹ lẳng lặng không hé lời, tôi cũng lưỡi mở miệng, tất cả đều im lìm, con đường đất vàng ấy tĩnh mịch đến lạnh người. Ngày thì ngắn, tôi vẫn nhớ ngôi mộ: Một nắm đất toan hoản, xa xa là mấy ngọn đồi đất vàng, mặt trời chiếu xiên xiên trên ngọn ngọn đồi ấy. Mẹ dường như không để ý đến tôi nữa,

bà đặt tôi sang một bên, ôm nắm mộ khóc nức lên. Tôi ngồi cạnh mộ, nghịch mấy hạt dẻ trong tay. Mẹ khóc một chập, đốt hết chỗ giấy đỏ, đám tro cuộn mấy vòng lơ lửng trước mặt tôi, rồi uể oải rơi xuống đất; gió nhẹ tênh, nhưng lạnh thấu xương. Mẹ lại bật khóc. Tôi cũng nhớ cha lắm, nhưng tôi không định khóc vì ông, tôi trào nước mắt vì mẹ khóc dữ quá. Tôi chạy tới lôi tay mẹ: *"Mẹ, đừng khóc! Đừng khóc!"*. Mẹ khóc càng xót xa hơn. Mẹ ôm tôi vào lòng. Mặt trời sắp lặn xuống, xung quanh không một bóng người, chỉ có hai mẹ con tôi. Hình như mẹ cũng thấy hơi sợ, rùng rùng nước mắt, kéo tôi đi, đi một đoạn xa, mẹ quay đầu nhìn, tôi cũng ngoảnh người lại: Đã không còn phân biệt được đâu là mộ cha nữa; phía đồi đất toàn chỉ mộ là mộ, từng nắm từng nắm đất nhỏ, rải tít đến tận chân đồi. Mẹ thở dài – Chúng tôi bước thấp bước cao, vẫn chưa đến cổng thành, tôi nhìn thấy trăng non. Bốn bề đen đặc, lặng ngắt, chỉ có vầng trăng non tỏa ra một tia sáng lạnh lạnh. Tôi mệt rồi, mẹ bế tôi lên. Làm sao vào được thành, tôi không biết nữa, chỉ nhớ rằng trên bầu trời chập chờn chập chờn có một vầng trăng non.

4

*M*ới tám tuổi, tôi đã học thuộc cách đi cầm đồ. Tôi biết, nếu không đem được tiền về, hai mẹ con chúng tôi khỏi ăn cơm tối luôn; vì mẹ đã có một

quyết định nào đó, cũng chẳng muốn bảo tôi đi. Tôi biết chắc mỗi bận mẹ đưa cho tôi một cái túi nhỏ, hẳn trong nôi đến một giọt cháo cũng sạch không. Cái nôi của chúng tôi nhiều lúc sạch sẽ như một bà quả phụ đầy tự trọng. Hôm ấy, tôi cầm một chiếc gương đi. Chỉ có món đồ này như thể không cần thiết lắm, tuy mẹ phải dùng đến hàng ngày. Đó là một ngày mùa xuân, áo bông của chúng tôi vừa rời người đã chui tọt vào hiệu cầm đồ. Tôi cầm chiếc gương, biết phải cẩn thận ra sao, cẩn thận mà vẫn phải đi cho nhanh, hiệu cầm đồ thường đóng cửa sớm lắm. Tôi sợ cái cửa đồ to tướng, cái quầy cao ngất ở hiệu cầm đồ. Hễ nhìn thấy cánh cửa đó, tim tôi lại thót lên, nhưng tôi phải vào, gần như trèo vào, và phải hét: "*Cầm cầm!*", được tiền và phiếu cầm đồ, tôi biết phải cầm cẩn thận như thế nào, tôi mau mau về nhà, vì biết mẹ không yên tâm. Nhưng lần này, hiệu cầm đồ không cần chiếc gương và bảo tôi thêm một món nữa. Tôi hiểu cái gì gọi là "*một món*". Ôm chặt cái gương trước ngực, tôi chạy thục mạng về nhà. Mẹ khóc, mẹ tìm không ra món đồ thứ hai. Tôi đã sống quen trong gian phòng nhỏ ấy, cứ ngỡ đồ đạc cũng nhiều nhiều, đến khi giúp mẹ tìm món nào có thể đem cầm, trái tim non nớt của tôi mới hiểu rằng, đồ đạc nhà chúng tôi rất ít, cực ít. Mẹ không bảo tôi đi nữa. Nhưng "*Mẹ, chúng ta ăn gì đây?*", mẹ khóc đưa tôi chiếc trâm bạc gài trên tóc mẹ – có mỗi vật này là bằng bạc. Tôi biết, mẹ từng rút xuống mấy lần, song không nỡ đưa cho tôi đi cầm. Đây là trang sức khi mẹ

lấy chồng, bà ngoại cho mẹ làm hồi môn. Giờ mẹ đưa cho tôi vật bằng bạc cuối cùng này, bảo tôi để chiếc gương lại. Tôi rán hết sức lao đến hiệu cầm đồ, nhưng cánh cửa to tướng ấy đã đóng chặt rồi. Tôi ngồi trên bậc cửa, nắm chặt chiếc trâm bạc. Không dám khóc to, tôi nhìn lên trời, a, lại là ánh trăng non chiếu vào nước mắt tôi! Khóc hồi lâu, mẹ xuất hiện từ trong bóng đêm, bà kéo tay tôi, ồ, bàn tay nóng hôi hổi, tôi quên hết thấy mọi nỗi khổ sở, quên cả đói, chỉ cần có bàn tay ấm áp này của mẹ dắt tôi đi là được rồi. Tôi riu rít nói:

– Mẹ! Chúng ta về nhà ngủ đi. Sáng mai lại đến!

Mẹ không nói gì. Lại đi một lúc nữa.

– Mẹ! Mẹ nhìn trăng non kia, hôm bố chết, nó cũng nghiêng nghiêng thế này. Tại sao chị trăng kia cứ nghiêng mãi thế hả mẹ?

Mẹ vẫn vẫn im lặng, tay mẹ hơi run.

5

Eả ngày mẹ giặt quần áo cho người ta. Tôi chỉ muốn giúp mẹ, nhưng không xen vào được. Tôi dành đợi mẹ, mẹ chưa xong việc, tôi chưa ngủ. Có lúc trăng non đã mọc rồi, mẹ vẫn xoắn xoạt xoắn xoạt đóng tất thối rình ấy, cứng hết như da bò, đều do mấy người giúp việc ở các cửa hàng đưa tới. Mẹ giặt xong

đám “da bò” ấy thì nuốt không nổi cơm nữa. Tôi ngồi bên mẹ, ngắm trăng non, đám dơi cứ lượn qua lượn lại hoài dưới vệt sáng đó, giống như sợi dây bạc xâu một củ ấu to, rồi rơi tòm vào vùng tối mịt mù. Tôi càng thương mẹ thì càng yêu vầng trăng non, vì ngắm nó khiến lòng tôi nhẹ nhõm chút ít. Trăng non mùa hạ càng đáng yêu hơn, nó luôn có một chút hơi man mát, như một giải băng tuyết vậy. Tôi yêu cái bóng nó in trên mặt đất, một thoáng lại biến mất, mờ mờ ảo ảo, không rõ rệt, đến khi cái bóng biến mất, mặt đất tối om, các vì sao lấp lánh, hoa thơm ngào ngạt – gần chỗ ở của chúng tôi có vô số cỏ hoa, cây hòe tây cao vun vút luôn rắc hoa sang nhà chúng tôi, giống như một lớp tuyết.

6

Tay mẹ mọc lên một lớp vảy, khiến mẹ phải xoa xoa cho bớt ngứa. Nhưng tôi không dám phiền mẹ, tay mẹ thô đi vì giặt. Mẹ gầy, bị tất thối ám mùi đến nỗi thường xuyên bỏ cơm. Tôi biết mẹ muốn tìm cách khác, tôi biết mà. Mẹ thường gạt đồng quần áo sang một bên, thừ ra. Mẹ lăm bằm một mình. Mẹ nghĩ ra cách gì vậy nhỉ? Tôi đoán mãi không ra.

7

Mẹ dặn dò tôi không được búồng bình, phải ngoan ngoãn gọi “bố”: Mẹ lại tìm được cho tôi một “bố” nữa. Đó là một bố khác hẳn. Tôi biết, vì một bố đã bị chôn chặt trong mộ rồi. Khi mẹ dặn tôi đôi mắt nhìn ra chỗ khác. Mẹ ngân ngấn nước mắt, nói:

– Không thể để con chết đói!

À, hóa ra là để tôi khỏi chết đói, mẹ mới tìm bố cho tôi! Tôi không hiểu được bao nhiêu chuyện, tôi hơi sợ, song cũng có chút hy vọng – nếu đúng là sẽ không phải nhịn đói nữa. Thật trùng hợp biết bao, khi chúng tôi rời căn phòng nhỏ ấy, trên trời lại lơ lửng treo vầng trăng non. Trăng non lần này rõ hơn hẳn, đáng sợ hơn hẳn những lần trước đó; tôi sắp phải xa ngôi nhà nhỏ quen thuộc rồi. Kiệu kéo kệt phía đằng trước, tôi và một người đàn ông đi theo sau, ông ta kéo tay tôi. Vầng trăng non đáng sợ ấy tỏa ra một chút ánh sáng, dường như đang run rẩy trong gió lạnh. Trên phố chẳng có ai, chỉ có đám chó hoang đuổi theo căn nhóm gỗ chiêng trống, kiệu đi rất nhanh. Đi đâu vậy nhỉ? Có phải khiêng mẹ ra ngoài thành, đưa đến khu nghĩa địa ấy không? Người đàn ông đó lôi tôi đi, tôi hồn hển thở, muốn khóc mà không khóc nổi. Lòng bàn tay người đàn ông đó vờ đầy mồ hôi, lạnh như

một con cá vẩy, tôi muốn gọi “mẹ”, nhưng không dám. Một lát sau, trăng non giống như một đường chỉ mắt lớn sắp nhắm chặt lại, kiêu rãnh vào ngõ nhỏ.

8

Ba bốn năm liền hầu như tôi không trông thấy trăng non. Bố mới đối xử với chúng tôi rất tốt, ông có hai gian phòng, ông và mẹ ở gian trong, tôi ngủ trên ván lát gian bên ngoài. Thoạt đầu, tôi vẫn muốn ngủ với mẹ, nhưng qua vài hôm, tôi đã thấy yêu căn phòng nhỏ “của tôi” rồi. Phòng có bức tường trắng trắng, còn kê một chiếc bàn dài, một chiếc ghế. Những thứ này như thể là của tôi hết. Chăn của tôi dày và ấm hơn trước. Mẹ cũng dần dần béo lên, mặt đã có sắc hồng, từng lớp vẩy trên tay dần dần bong sạch. Lâu lắm rồi, tôi không đi “cắm đồ” nữa. Bố mới cho tôi đi học. Có lúc, ông còn đùa với tôi một lát. Tôi không hiểu vì sao không thích gọi ông ấy là “bố”, tuy tôi biết ông rất đáng yêu. Hình như ông cũng biết điều này, ông thường mỉm cười với tôi, khi cười đôi mắt ông thật đẹp. Nhưng mẹ lén bảo tôi gọi bố, tôi cũng không muốn quá bướng bỉnh. Trong lòng tôi biết rõ, giờ đây mẹ tôi và tôi có cái ăn cái uống là nhờ có người bố này, tôi hiểu chứ. Đúng vậy, trong ba bốn năm ấy, tôi không nhớ ra mình đã từng thấy trăng non khi nào; có lẽ cũng đã

thấy rồi nhưng không nhớ lắm. Vàng trắng non khi bố chết, trắng non trước khiêu của mẹ, tôi mãi mãi không bao giờ quên được. Chút ánh sáng nhờn nhọt, chút hơi lạnh lạnh ấy, đọng mãi trong tim tôi, sáng rõ hơn, lạnh lẽo hơn mọi thứ, giống như viên ngọc, nhiều khi nghĩ đến, tưởng như có thể dùng tay sờ thấy được.

9

Tôi thích đi học lắm. Tôi luôn có cảm tưởng trường có cơ man nào là hoa, kỳ thực chẳng bao giờ có; có điều hề nghĩ đến trường là tôi nghĩ ngay đến hoa, giống như nghĩ về mộ cha, tôi liền nhớ ngay đến vầng trăng non ngoài thành – nghiêng nghiêng trong làn gió nhẹ trên cánh đồng. Mẹ rất yêu hoa, tuy không mua nổi, nhưng có ai tặng mẹ chỉ một bông thôi, mẹ liền thích thú cài hoa lên tóc. Có cơ hội là tôi ngắt vài bông cho mẹ; gài đóa hoa tươi lên, nom dáng mẹ vẫn trẻ trung lắm. Ở trường, tôi cũng rất thích. Có lẽ vì điều này mà hề nghĩ đến trường học, tôi liền liên tưởng đến hoa chẳng?

10

Mặt sắp tốt nghiệp tiểu học, mẹ lại bảo tôi đi “cắm đồ”. Tôi không biết tại sao bố lại đột ngột bỏ đi. Ông đi đâu, dường như mẹ cũng không hiểu nổi. Mẹ vẫn cho tôi đi học, mẹ nghỉ ít hôm nữa bố sẽ trở về. Nhiều ngày qua đi, ông chưa quay về, đến một bức thư cũng không. Tôi nghĩ mẹ lại phải đi giặt tất thối rồi, điều này khiến tôi ray rứt vô cùng. Nhưng mẹ không dự tính như vậy. Mẹ vẫn trang điểm, vẫn thích cài hoa; lạ thật! Mẹ không rót nước mát, ngược lại còn nhoẻn cười; vì sao thế nhỉ? Tôi không hiểu! Mấy lần liền, tan học về đến nhà tôi thấy mẹ đang đứng tựa cửa. Rồi chẳng bao lâu sau, tôi đi trên đường, có người “ê” tôi:

– Ê! Nhấn tin cho mẹ em đi!

– Ê! Em có bán không? Chanh cốm ghê!

Mặt tôi nóng bừng như bốc lửa, cúi gằm đầu đến mức không thể cúi thấp hơn được nữa. Tôi hiểu, nhưng bất lực. Tôi không thể hỏi mẹ, không thể. Mẹ rất tốt với tôi, có lúc, bà trịnh trọng bảo tôi rằng: “*Học đi! Học đi!*”. Mẹ là người không biết chữ, tại sao thúc tôi học hành như vậy? Tôi nghi ngờ rồi thường tự hoài nghi mà nghĩ rằng mẹ tôi vì tôi nên mới làm chuyện đó. Mẹ không còn

cách nào hơn. Khi nghỉ ngơi, tôi hận không thể mắng mẹ một trận. Nghĩ lại, tôi muốn ôm chặt mẹ, khấn khoản nài xin mẹ đừng làm chuyện đó nữa. Tôi hận bản thân không thể giúp đỡ được mẹ. Cho nên tôi cũng nghĩ rằng. Sau khi tốt nghiệp tiểu học rồi, tôi có ích gì chứ? Tôi dò hỏi từ các bạn học, có đứa bảo tôi, trong số tốt nghiệp năm ngoái có liền mấy đứa làm vợ bé rồi. Có đứa bảo tôi, ai đó đã làm "*người hầu kín*" rồi. Tôi không hiểu mấy chuyện này cho lắm, nhưng từ cách nói của chúng, tôi đoán được đó chẳng phải việc tốt đẹp gì. Hình như bọn chúng chuyện gì cũng biết cả, thậm chí còn thích lén lút bàn tán ba cái chuyện chúng biết rõ là không đúng đắn – Những chuyện này khiến mặt bọn chúng ửng hồng, mà lại lộ vẻ đắc ý. Tôi càng nghi ngờ mẹ, có phải đợi tôi tốt nghiệp để đi làm... Cứ nghĩ như vậy, có hôm tôi không dám về nhà, tôi sợ gặp mẹ. Có bữa, mẹ cho tôi ít tiền ăn quà sáng, tôi không chịu tiêu, ôm bụng đói học thể dục, tôi thường muốn ngất đi. Nhìn người khác ăn quà, ngon lành biết bao! Nhưng tôi phải tiết kiệm tiền, lỡ mẹ bắt tôi đi... tôi có thể chạy trốn, nếu trong tay tôi có tiền. Khi rùng rình nhất tôi có đến hơn một hào cơ đấy! Những lúc ấy, dù đang giữa ban ngày, tôi cũng ngược lên nhìn bầu trời, tìm kiếm vầng trăng non của tôi. Nỗi khổ sở trong lòng tôi, nếu có thể dùng một hình thù để so sánh, thì hẳn đó là hình một vầng trăng non. Nó treo lơ lửng trên bầu trời xám xanh, không điểm tựa không nơi dựa dẫm, ánh sáng mỏng manh mờ yếu, chẳng bao lâu liền bị bóng tối nuốt chửng.

11

Tiều khiến tôi đau khổ nhất là dần dần tôi học cách hận mẹ. Nhưng mỗi lúc hận bà, bất giác tôi nhớ đến cảnh tượng mẹ công tôi ra mộ bố. Nghĩ đến điều này, tôi không thể ghét mẹ nữa. Nhưng tôi không tài nào không ghét mẹ. Trái tim tôi giống – vẫn giống vầng trăng non kia, chỉ sáng được một khoảnh khắc, còn bóng tối là vô hạn. Phòng của mẹ thường có đèn ông lui tối, mẹ không né tránh tôi nữa. Mất bọn họ lom lom dòm tôi như một con chó háu đói, lưỡi thè lè, dãi thềm rỏ xuống. Trong mắt họ, tôi là thứ chống đói ngon lành hơn, tôi nhận thấy rõ điều đó. Trong một thời gian ngắn, bỗng nhiên tôi hiểu rất nhiều chuyện. Tôi biết, phải bảo vệ bản thân, tôi cảm nhận trên người tôi hình như có chỗ nào đó đáng quý, tôi ngửi thấy mình đã có mùi hương gì đó, khiến tôi xấu hổ, da cảm. Trên người tôi đã có sức mạnh, có thể bảo vệ mà cũng có thể hủy hoại bản thân tôi. Có lúc tôi rất cứng rắn, kiên cường, có lúc tôi lại yếu mềm. Tôi không biết như thế nào thì tốt. Tôi muốn yêu mẹ, lúc này tôi có vô vàn chuyện cần hỏi mẹ, cần mẹ an ủi, vỗ về; nhưng chính lúc đó, tôi phải trốn mẹ, tôi phải ghét mẹ; nếu không bản thân tôi không còn tồn tại nữa. Những khi không ngủ được, tôi suy nghĩ một cách bình

tĩnh, mẹ đáng được tha thứ lắm. Mẹ phải lo cho cả hai chúng tôi. Nhưng điều này lại khiến tôi phải cự tuyệt tiếp tục ăn thứ cơm của mẹ cho tôi. Trái tim tôi cứ thoát nóng thoát lạnh như vậy, giống như cơn gió mùa đông, nghỉ một lát, rồi thổi tiếp, dữ dội hơn; tôi chờ đợi cơn giận của tôi bùng lên, không sao ngăn lại được.

12

Sự tình không cho phép tôi nghĩ ra cách đã biến đổi theo chiều hướng xấu đi. Mẹ hỏi tôi: “*Thế nào?*”, giả thử tôi thật lòng yêu bà thì, mẹ nói, tôi nên giúp bà. Còn không, bà không thể tiếp tục lo cho tôi nữa. Điều đó không giống với những lời mẹ tôi có thể nói ra, nhưng đích thực mẹ đã nói thế. Mẹ nói rất rõ ràng: “*Mẹ đã sắp già rồi, thêm hai năm nữa, e cho không, người ta cũng chẳng thêm!*”. Điều này là sự thực, gần đây dù mẹ thoa phấn rõ dày, trên mặt vẫn lộ ra những nếp nhăn. Mẹ muốn đi thêm bước nữa, hầu hạ riêng một người đàn ông. Bà không còn đủ tinh thần để phục dịch nhiều người đàn ông nữa. Nếu nghĩ cho bản thân bà, lúc này có thể có người muốn lấy bà – là một trưởng quầy cửa hàng bánh bao muốn bà – bà nên theo ngay. Nhưng tôi đã thành một thiếu nữ rồi, đâu dễ dàng leo đèo theo sau kiệu của mẹ như hồi nhỏ nữa. Tôi phải quyết định con đường đi của tôi. Ví thử

tôi đồng ý “giúp đỡ” mẹ thì mẹ không cần phải đi bước ấy, mà do tôi thay mẹ kiếm tiền. Kiếm tiền cho mẹ, tôi muốn lắm; nhưng cách kiếm tiền đó khiến tôi run sợ. Tôi biết cái gì đâu cơ chứ, bảo tôi đi kiếm tiền như một thiếu phụ – sắp già ư? Mẹ ác thật đấy, nhưng tiền còn độc hơn. Mẹ không ép tôi phải đi con đường nào, mẹ cho tôi tự chọn – giúp mẹ, hoặc hai mẹ con tôi ai theo đường người nấy. Mất mẹ ráo hoảnh, nước mắt đã cạn từ lâu rồi, tôi tính sao bây giờ?

13

Tôi kể với bà hiệu trưởng. Hiệu trưởng là một phụ nữ hơn bốn mươi tuổi, mập mập, không thật sắc sảo, song nhiệt thành. Tôi thực sự hết cách, bằng không tôi làm sao mở miệng kể lại mẹ đã... Tôi chưa bao giờ gần gũi với bà hiệu trưởng. Khi tôi nói với bà, từng chữ từng chữ như những viên than hồng rực hừng hừng trong họng tôi, tôi như hóa câm, nửa ngày mới nặn ra được một chữ. Bà hiệu trưởng đồng ý giúp tôi. Bà không thể cho tôi tiền, chỉ có thể cho tôi hai bữa cơm và chỗ ở – chính là ở chung với người hầu nữ già trong trường. Bà bảo tôi giúp đỡ văn thư viết lách giấy tờ, nhưng không cần lập tức thực hiện ngay, vì chữ tôi còn phải luyện tập nhiều nữa. Hai bữa cơm, một chỗ ở đã giải quyết vấn đề to ngang

trời. Tôi có thể không làm liên lụy mẹ nữa. Hồi này mẹ không ngồi kiệu, mà chỉ ngồi xe Tây, lặng lẽ đi trong đêm. Chăn chiếu của tôi, mẹ cho tôi hết. Lúc gần đi, mẹ cố không khóc, nhưng cuối cùng nước mắt tự sâu thẳm trái tim vẫn trào ra. Mẹ biết tôi không thể đi tìm mẹ nữa, đưa con gái rút ruột đẻ ra của mẹ. Còn tôi, ngay cả khóc như thế nào tôi cũng quên mất rồi, tôi chỉ há miệng thút thít, nước mắt vòng quanh. Tôi là con gái, là bạn, là nỗi an ủi của bà. Nhưng tôi không giúp được bà, trừ phi tôi phải làm những chuyện mà tôi quyết không chịu. Chuyện qua rồi, tôi nghĩ lại, hai mẹ con tôi giống như hai con chó không có người chăm, vì cái miệng của chúng tôi, chúng tôi phải chịu mọi nỗi nhọc nhằn, cứ như trên người chúng tôi chẳng có gì khác, ngoài mỗi cái miệng. Vì cái miệng này, chúng tôi phải bán đi hết thấy những thứ còn lại. Tôi không hận mẹ nữa, tôi đã hiểu rồi. Không phải lỗi ở mẹ, cũng không phải tại cái miệng đáng ra không nên mọc ấy, mà là tội của cơm gạo, dựa vào cái gì để tước cái ăn của chúng tôi chứ? Lần li biệt này, vượt qua tất cả mọi nỗi khổ cực ngày trước. Cái vầng trăng non hiểu rõ nhất nước mắt tôi chảy như thế nào kia lần này không xuất hiện, chỉ có bóng tối, đến cả chút ánh sáng đom đóm cũng không có nốt. Trong đêm đen, mẹ rời đi, như một hồn ma, không có lấy cả cái bóng. Dù mẹ có chết ngay lúc đó, sợ rằng sẽ không chôn cùng một chỗ với cha, ngay ngôi mộ sau này của mẹ ở nơi nào tôi cũng chẳng biết

nữa. Tôi chỉ có một người mẹ, một người bạn như thế. Thế giới của tôi chỉ còn lại một mình tôi thôi.

14

*M*ẹ mãi mãi không còn được gặp nữa, đã ray rứt chết trong tim tôi, giống như bông hoa xuân bị sương giá dập vùi. Tôi miệt mài luyện chữ, để giúp bà hiệu trưởng sao sao chép chép mấy thứ không thật cần gấp. Tôi phải có ích, tôi ăn cơm của người ta. Tôi không giống đám bạn học nữ kia. Bọn họ một ngày từ sáng đến tối nhằm nhằm nhòem nhòem ngó xem người khác ăn gì, mặc gì, nói gì, tôi chỉ chú ý đến bản thân tôi, cái bóng chính là bạn của tôi. “Tôi” luôn ở trong tim tôi, vì chẳng có ai yêu tôi. Tôi yêu bản thân tôi, thương tôi, động viên tôi, trách móc tôi; tôi biết bản thân tôi, dường như tôi là một người khác. Từng sự thay đổi nhỏ trên người, đều khiến tôi sợ hãi, khiến tôi ngơ ngác mơ hồ. Tay tôi nắm chắc chính tôi, như nâng một đóa hoa mềm mại yếu ớt. Tôi chỉ có thể quan tâm đến hiện tại, không có tương lai, cũng chẳng dám nghĩ ngợi sâu xa. Nhai cơm của người ta, tôi biết đó là trưa hoặc tối rồi, nếu không, quả thật tôi chẳng nhớ ra thời gian; không có hy vọng thì không có thời gian. Tôi cơ hồ bị đóng chặt vào một nơi không có ngày tháng. Nghĩ đến mẹ, tôi hiểu tôi đã sống mười mấy năm rồi. Với tương lai,

tôi không trông đợi kỳ nghỉ, ngày tết ngày lễ như các bạn học; kỳ nghỉ, lễ, tết có quan hệ gì với tôi đâu? Nhưng cơ thể tôi ngày một lớn lên, tôi cảm nhận được điều đó. Cảm nhận mình lại lớn lên một chút, tôi càng hoang mang, tôi không yên tâm về mình. Tôi càng lớn càng cảm thấy mình xinh, điều này là một nỗi an ủi nhỏ nhoi; cái đẹp giúp tôi nâng cao thân phận của mình. Nhưng tôi vốn chẳng có thân phận, an ủi là cái nổi ngọt trước đắng sau, đắng đến cùng cực lại khiến tôi kiêu hãnh. Nghèo, nhưng xinh! Điều này khiến tôi sợ: Mẹ tôi cũng đâu có xấu xí gì.

15

Tôi lại mãi không nhìn thấy trăng non, không dám đi ngắm, dù muốn ngắm. Tôi đã tốt nghiệp rồi, vẫn ở trong trường. Buổi tối, ở trường chỉ có hai người hầu già, một nam một nữ. Họ không biết phải đối xử như thế nào với tôi cho phải chăng, tôi vừa không phải là học sinh, cũng không làm thầy giáo, càng không phải người hầu. Buổi tối, một mình tôi thần thờ giữa sân trường, thường bị trăng non đuổi trốn biến vào trong phòng, tôi không có can đảm để ngắm nó. Nhưng ở trong phòng, tôi sẽ tưởng tượng xem nó như thế nào, đặc biệt là khi gió hiu hiu thổi. Làn gió mơn man dường như thổi chút ánh sáng nhờ

nhờ ấy vào tâm hồn tôi, khiến tôi nhớ lại ngày tháng trước kia, càng nặng thêm nỗi buồn đau hiện tại. Trái tim tôi như con dơi dưới ánh trăng, tuy bay trong ánh sáng, nhưng bản thân vẫn đen kịt, cái thứ đen thui đen thui, dù biết bay, cũng rất một đen mà thôi, tôi không có một tia hy vọng. Song tôi không khóc, tôi chỉ thường chau mày.

16

Tôi đã có chút thu nhập, đan lát may vá vài thứ lặt vặt cho các học sinh và họ cho tôi ít tiền công. Bà hiệu trưởng cho phép tôi làm như vậy. Nhưng cũng chẳng được bao nhiêu, vì họ cũng biết may. Có điều bản thân họ vội dùng ngay mà không kịp, hoặc giả làm đôi găng tay, hay đôi tất cho người nhà, bấy giờ họ mới chiếu cố đến tôi. Tuy là vậy, tôi dường như đã “sống” được một chút, thậm chí tôi nghĩ rằng: nếu mẹ chưa đi bước nữa, tôi có thể nuôi mẹ cơ đấy. Hễ đếm món tiền ít ỏi của mình, tôi biết ngay đó chỉ là mộng tưởng, nhưng nghĩ như vậy cũng làm tôi dễ chịu hơn một chút. Tôi rất muốn gặp mẹ. Nếu mẹ trông thấy tôi, mẹ hẳn sẽ theo tôi, chúng tôi có thể tìm ra cách sống, tôi nghĩ – nhưng không thật sự tin chắc. Tôi nhớ mẹ, mẹ thường về trong giấc mơ của tôi. Một hôm, tôi theo các học sinh ra ngoài thành tham quan,

khi trở về đã hơn bốn giờ chiều. Để nhanh nhanh về nhà, chúng tôi tìm một con đường tắt. Tôi đã nhìn thấy mẹ! Một quán bánh bao trong ngõ nhỏ, trước cửa đặt một cái giỏ Nguyên bảo, trên đó cắm cái bánh bao gối trắng rõ to. Mẹ ngồi tựa vào tường, người lúc ưỡn lên lúc cong xuống kéo bễ. Từ xa, tôi đã nhìn thấy cái bánh bao to đùng ấy và mẹ, tôi nhận ra dáng bà. Tôi muốn lao đến ôm chặt mẹ. Nhưng tôi không dám, tôi sợ các học sinh cười giễu tôi, họ không cho phép tôi có người mẹ như vậy. Càng đến gần, đầu tôi càng cúi thấp xuống, tôi liếc mẹ một cái qua làn nước mắt, mẹ không trông thấy tôi. Nhóm chúng tôi lướt qua mẹ, hình như mẹ chẳng nom thấy gì hết, chỉ chuyên tâm kéo bễ. Đi một đoạn xa, tôi ngoảnh đầu nhìn, mẹ vẫn kéo bễ ở đó. Tôi không nhìn rõ mặt, chỉ thấy mái tóc bù xù trước trán. Tôi ghi nhớ tên cái ngõ nhỏ đó.

17

Hệt như có một con sâu nhỏ cắn rứt trong lòng, tôi muốn đi thăm mẹ, không gặp bà, lòng tôi không sao thanh thản được. Đúng lúc này, nhà trường thay hiệu trưởng. Bà hiệu trưởng beo béo bảo tôi phải tính cách thôi, bà ở đây một ngày thì cho tôi cơm ăn và chỗ ở một ngày, nhưng bà không thể bảo đảm người hiệu trưởng mới cũng sẽ xử sự như thế. Tôi

đếm đi đếm lại số tiền trong tay, tổng cộng là hai đồng bảy hào lẻ mấy cắc. Chỗ tiền này không để tôi phải chịu đói trong mấy ngày tới, nhưng tôi biết đi đâu bây giờ? Tôi không dám ngồi một chỗ mà rầu rĩ, tôi phải nghĩ cách. Tìm mẹ là ý nghĩ đầu tiên. Nhưng mẹ có thể cho tôi ở lại không? Lỡ mẹ không thể giữ tôi lại, mà tôi đi tìm bà, dù không gây nên chuyện cãi cọ giữa mẹ và người bán bánh bao, thì hẳn mẹ cũng đau lòng lắm. Tôi phải nghĩ cho mẹ chứ, bà là mẹ tôi vừa không phải là mẹ của tôi, giữa hai mẹ con tôi bị ngăn cách bởi bức tường do cái nghèo xây nên. Nghĩ đi nghĩ lại, tôi không muốn đi tìm bà nữa. Tôi nên gánh vác lấy nỗi cơ cực của bản thân. Nhưng gánh vác thế nào đây? Tôi nghĩ không ra. Tôi cảm thấy thế giới nhỏ quá, không còn chỗ để xếp tôi và cuộn chăn nhỏ của tôi vào nữa. Tôi đâu bằng một con chó, chó hễ có nơi thuận tiện thì có thể nằm xuống đánh một giấc; đường phố không cho tôi nằm. Đúng thế, tôi là người, người có thể không bằng chó. Giả dụ tôi dày mặt không đi, không biết hiệu trưởng mới có lỗi xềnh xệch quãng tôi ra đường không? Tôi không thể đợi người ta đẩy ra ngoài. Đó là một ngày xuân, tôi chỉ trông thấy hoa nở rộ, lá biếc xanh, chứ chẳng cảm nhận được chút hơi ấm nào. Hoa đỏ chỉ là hoa đỏ, lá xanh chỉ là lá xanh, tôi trông thấy vài sắc màu khác nhau, chỉ là mấy sắc màu; những màu sắc ấy chẳng có bất cứ ý nghĩa gì, mùa xuân trong tôi là một thứ lạnh giá chết cứng. Tôi không định khóc, nhưng nước mắt cứ trào ra.

18

Tôi ra ngoài tìm việc. Không tìm mẹ, không dựa dẫm vào bất kỳ ai, tôi phải tự mình kiếm cơm ăn. Đi suốt hai ngày trời, ôm hy vọng ra đi, mang bụi và nước mắt trở về. Không có việc cho tôi làm. Giờ tôi mới thực sự hiểu mẹ, thực sự tha thứ cho mẹ. Mẹ còn từng giặt tất thối, đến công việc đó tôi cũng không kiếm nổi. Con đường mẹ đi là duy nhất. Những kỹ năng và đạo đức trường học dạy cho tôi đều là chuyện nực cười, đều là những món đồ chơi khi no nê rồi việc. Các bạn học không cho phép tôi có người mẹ như vậy, chúng chế giễu "*kẻ hầu kín*". Đúng thế, chúng được phép nhìn nhận như thế, bởi chúng có cơm ăn. Tôi gần như đã quyết định rồi: Chỉ cần có người cho tôi cơm ăn, chuyện gì tôi cũng sẵn sàng làm; mẹ thật đáng khâm phục. Tôi chưa đi tìm chết, tuy đã nghĩ đến; không, tôi muốn sống. Tôi trẻ trung, tôi xinh đẹp, tôi muốn sống. Xấu hổ vô sỉ không phải do tôi tạo ra.

19

Vừa nghĩ thế, dường như tôi đã tìm được việc vậy. Tôi đã dám đi trong sân trường, một vầng trăng non ngày xuân đang treo trên bầu trời. Tôi nhận ra vẻ đẹp của nó. Bầu trời xanh thẳm, không một gợn mây. Vầng trăng non ấy sáng trong mà dịu dàng, khe khẽ thả một chút ánh sáng mềm mại lên cảnh liễu. Sân trường thoáng cơn gió, mang theo hương hoa từ phía nam, hắt bóng cây liễu đến góc tường nơi có ánh sáng, rồi lại thổi về nơi không có ánh sáng; ánh sáng yếu, cái bóng nhạt nhòa, gió thổi mơn man, tất cả đều dịu dàng, đều đang ngái ngủ, nhưng vẫn muốn khẽ khàng lay động. Phía dưới trăng non, trên ngọn liễu, có hai ngôi sao lấp lánh như đôi mắt cô tiên nữ đang mỉm cười duyên dáng, trên đóa vầng trăng non nghiêng nghiêng và nhành liễu khẽ khàng đưa đưa kia. Cây gì đó bên tường nở đầy hoa trắng, ánh trăng man mác chiếu viên tuyết ấy thành một nửa sáng trắng, một nửa phớt xám mờ, lộ ra vẻ tinh khiết khó mà tưởng tượng nổi. Vầng trăng non này là khởi đầu của hy vọng, lòng tôi thắm nhũ.

20

Tôi lại tìm bà hiệu trưởng béo, bà không ở nhà. Một thanh niên mời tôi vào. Anh rất lịch sự, và nhã nhặn nữa. Bình thường, tôi sợ hết vía bọn đàn ông, nhưng anh thanh niên này không làm tôi sợ hãi. Anh bảo tôi hãy nói gì đó, tôi không thể không nói; anh cười, tìm tôi bỗng nhũn ra, tôi kể cho anh nghe ý định đến tìm bà hiệu trưởng, anh rất nhiệt tình, bằng lòng giúp đỡ tôi. Tối hôm đó, anh đưa tôi hai đồng, tôi không chịu nhận, anh nói đó là của thím anh – bà hiệu trưởng béo – cho tôi. Anh còn nói thím anh đã tìm được chỗ ở cho tôi, hôm sau có thể đến dọn đi liền. Tôi muốn hoài nghi nhưng không dám. Gương mặt tươi cười của anh như cười vào tận trong lòng tôi. Tôi cảm thấy nếu mình nghi ngờ thì thật có lỗi với người ta. Anh ôn hòa đáng yêu đến thế kia.

21

Đôi môi tươi cười của anh lướt trên mặt tôi, từ trên mái tóc anh tôi nhìn thấy vầng trăng non cũng đang mỉm cười. Gió xuân như say, thổi tan mây xuân, hé ra vầng trăng non và mấy cặp sao

xuân. Nhành liễu ven sông khẽ khàng đong đưa, lù ếch mùa xuân giống giả khúc ca yêu đương, hương thơm của bồ công anh non lan tỏa vào không khí ấm áp của đêm xuân. Tôi lắng nghe tiếng nước chảy, như thêm sức sống sinh lực cho bồ công anh non, tôi tưởng tượng đến nhành bồ công anh nhẹ nhàng khoan khoái vươn thẳng lên cao. Cây bồ công anh con sinh trưởng trên vùng đất ẩm ẩm áp. Tất cả cùng đang tan ra trong sức sống mùa xuân rồi toát ra một hương thơm dịu dịu. Tôi quên bản thân; tôi chẳng còn là mình, như đã hóa vào ánh sáng mong manh của gió xuân chăng. Trăng non đột nhiên bị mây che kín, tôi nhớ lại bản thân. Tôi mất vầng trăng non ấy, cũng mất luôn cả bản thân, tôi và mẹ đã giống hệt nhau rồi.

22

Tôi hối hận, tôi tự an ủi, tôi muốn khóc, tôi vui thích, tôi không biết như thế nào thì tốt. Tôi muốn dứt đi thật xa, vĩnh viễn không gặp lại anh nữa; tôi lại nhớ anh, tôi cô đơn. Hai gian phòng nhỏ, chỉ có mỗi mình tôi, tôi tới anh đến. Anh luôn đẹp đẽ. Lúc nào cũng dịu dàng. Anh cho tôi cái ăn cái uống, còn may cho tôi mấy bộ quần áo mới. Mặc quần áo mới vào, tôi cảm nhận được là tôi đẹp. Nhưng tôi vừa ghét mấy bộ ấy, vừa không nỡ cởi ra. Tôi không dám suy tư

và cũng lười nghĩ ngợi, tôi mơ mơ hồ hồ, hai bên má cứ dậy lên hai mảnh hồng hồng. Tôi biếng trang điểm, lại không thể không trang điểm, nhàn rồi quá, về việc dễ làm. Lúc trang điểm, tôi thương xót bản thân; trang điểm xong, tôi hận chính mình. Nước mắt tôi động một tí là trào ra, nhưng tôi gắng gượng không khóc, cả ngày đôi mắt cứ ướt ướt, đáng yêu lắm. Có lúc tôi hôn anh như phát điên rồi đẩy anh ra, thậm chí còn ngoác mồm chửi anh, anh chỉ cười.

23

Tôi sớm biết, tôi chẳng có hy vọng gì: Một nhúm mây đã có thể che kín trăng non, tương lai của tôi mịt mù. Quả nhiên, chẳng bao lâu, xuân biến thành hạ, giấc mộng xuân của tôi đi vào đoạn kết. Một hôm, tầm trưa trưa, một thiếu phụ đến chỗ tôi. Chị đẹp lắm, nhưng đẹp một cách vô hồn, như người sứ vậy. Vừa vào phòng chị đã bật khóc. Không cần hỏi, tôi đã hiểu rồi. Nôm dáng vẻ của chị hình như không định gây gổ với tôi, tôi càng không chuẩn bị làm căng với chị. Chị là một người thật thà. Chị khóc nhưng níu tay tôi: *"Anh ấy lừa cả hai chúng ta!"*, chị nói. Tôi ngỡ chị cũng chỉ là một *"người yêu"* của anh. Nhưng, không, chị là vợ anh. Chị không gây chuyện với tôi, mà chỉ thút tha thút thít: *"Cô hãy buông tha*

anh ấy nhé!”. Tôi không biết phải làm sao, tôi thương hại người thiếu phụ đó. Tôi bằng lòng. Chị cười. Nhìn bộ dạng đó của chị, tôi cho rằng chị thiếu một tâm hồn, dường như chị chẳng hiểu gì hết, chỉ biết cần chồng chị.

24

Tôi lang thang trên phố đã nửa ngày trời. Nhận lời người thiếu phụ kia một cách dễ dàng biết bao, nhưng tôi tính sao đây? Chút ít đồ anh cho tôi đó, tôi không muốn mang theo; đã muốn rời xa anh thì một dao chặt đứt chia đôi ngã. Nhưng bỏ lại ít đồ này, tôi còn có gì nữa? Tôi đi đâu bây giờ? Tôi làm sao đảm hôm ba bữa có cơm ăn ngay được. Thôi được, tôi phải đem chúng theo, hết phép rồi. Tôi len lén âm thầm dọn đi. Tôi không hối hận, chỉ cảm thấy trống rỗng, giống như một đám mây, lơ lửng chẳng nơi bầu vút. Dọn đến gian phòng nhỏ xíu, tôi ngủ li bì cả một ngày.

25

Tôi biết tiết kiệm ra sao, từ nhỏ tôi đã hiểu tiền hay ho như thế nào. May mắn trong tay còn có ít tiền, tôi muốn lập tức đi tìm việc. Như vậy, tuy tôi chẳng hy vọng vào điều gì, nhưng không đến

nổi bị nguy hiểm. Nhưng công việc đâu có vì tôi lớn thêm một hai tuổi mà trở nên dễ kiếm. Tôi rất kiên quyết, nhưng điều đó chẳng có ích gì, tôi chỉ cảm thấy nên làm thế thôi. Phụ nữ kiếm tiền sao khó khăn đến vậy! Mẹ rất đúng, phụ nữ chỉ có một con đường để đi, chính là ngã đường mẹ đã chọn. Tôi không muốn rẽ ngay vào hướng đó, nhưng biết rằng nó đang đợi tôi ở một nơi không thật xa. Tôi càng vùng vẫy, giày giụa, lòng càng sợ hãi. Niềm hy vọng của tôi là ánh trăng đầu tháng chốc lát đã biến mất. Hai tuần trôi qua, hy vọng mỗi lúc một mịt mờ. Cuối cùng, tôi đi chờ tuyển người ở một quán cơm nhỏ với một dãy các cô gái trẻ. Một quán cơm lèo tèo, một ông chủ thù lù; đám chúng tôi đều dễ coi cả, đều là những thiếu nữ đã tốt nghiệp Cao đẳng tiểu học, chờ ông chủ nom như cái tháp đổ ấy chọn lựa, như đợi Hoàng thượng thánh ngự vậy. Ông ta chọn tôi. Tôi không lấy làm cảm kích ông ta, nhưng lúc đó quả có chút vui. Đám thiếu nữ đó dường như hăm mộ tôi lắm lắm, có cò rừng rừng lệ quay về, có cô chửi “mẹ nó”. Đàn bà có giá gì đó!

26

Tôi trở thành nữ chiêu đãi số hai của cái quán cơm cóc ấy. Bày thức ăn, bưng bê, tính toán, báo món... Tôi đều không rành. Tôi hơi sợ. Nhưng

cô “số một” bảo tôi không cần lo lắng, cô cũng đâu có biết. Cô nói, Tiểu Thuận gánh hết mọi việc; chúng tôi làm chiêu đãi chỉ cần tiếp thức ăn, đưa khăn và hóa đơn cho khách; những việc khác không phải bận lòng! Kỳ lạ thật! Ống tay áo của cô “số một” vén rõ cao, măng sét không vương một tẹo bụi nào, trên cổ tay có một chiếc khăn lụa thêu dòng chữ “*Em gái, anh yêu em!*”. Cả ngày cô bồi phần lên mặt, môi tô hệt như cái muôi máu vậy. Khi châm thuốc cho khách, đầu gối cô tựa vào đùi khách; còn khi rót rượu, có lúc cô cũng uống một ngụm. Với các vị khách, có người cô phục vụ vô cùng chu đáo; có kẻ cô chẳng thèm đếm xỉa tới, cô sụp mí mắt xuống, giả vờ không trông thấy. Cô không phục vụ, tôi đành phải làm. Tôi sợ đàn ông. Chút ít kinh nghiệm có được mách bảo tôi vờ lẽ rằng, cái gì mà yêu với chả đương, đàn ông đáng sợ như nhau cả thôi. Đặc biệt là đàn ông dùng cơm ở nhà hàng, họ giả bộ nghĩa khí, mời ngồi mời tính tiền cứ như đánh lộn; họ ra sức oản tù tì, nốc rượu, họ hùng hục ăn hết thú hoang, họ cố ý, thực ra không cần thiết, moi móc sai sót, chửi bới người làm. Tôi cúi gầm đầu rót trà đưa khăn mặt, má tôi nóng rùng rục. Các khách ăn cố tình huyền thuyên, nói đông nói tây với tôi, chọc cho tôi cười; tôi chẳng có lòng dạ nào mà cười với nói. Hơn chín giờ tối, hết việc rồi, tôi vô cùng mệt mỏi. Về đến căn phòng nhỏ, lòng tôi thanh thản đôi chút, giờ tôi đang sống nhờ vào cách làm bao nhiêu hưởng bấy nhiêu, kiếm cơm ăn bằng sức lao động của chính mình. Tôi đi làm rất sớm.

27

Hơn chín giờ, “số một” mới đến, tôi đã tới được hơn hai tiếng rồi. Cô coi thường tôi, nhưng cũng có dạy dỗ tôi, không hoàn toàn ác ý: “Không cần đến sớm như thế, ai tám giờ tới ăn cơm? Bảo cho cô biết, bỏ bộ mặt u ám đi, đừng sự dài ra thế, cô là nữ chạy bàn, ai khiến cô đưa đám ở đây. Cúi gầm mặt thế thì chẳng ai thêm cho thêm tiền rượu đâu, cô đến đây làm gì? Không phải nhầm một thằng đàn ông sao? Cổ của cô thấp quá, cái nghề này của chúng ta toàn làm cổ cao, khăn tay lụa, người ta chỉ chấp nhận thế”. Tôi biết cô có ý tốt, tôi cũng biết nếu tôi không chịu cười, cô cũng bị thiệt, được chia ít tiền rượu hơn; khoản được cho riêng phải chia đều. Tôi không khinh thường cô, xét từ mặt nào đó, tôi thực sự khâm phục cô, cô chỉ vì kiếm tiền mà thôi. Phụ nữ kiếm tiền đều phải như vậy, không có cách thứ hai. Nhưng, tôi không muốn học cô. Hình như tôi thấy rất rõ rằng: Một ngày gần đây, tôi phải thuộc lòng bài học mở mang đầu óc của cô, mới có thể kiếm được cơm. Nhưng đến lúc chuột chạy cùng sào; cái “vạn bất đắc dĩ” luôn chực sẵn ở đó chờ đợi phụ nữ chúng ta, tôi chỉ có thể bảo nó đợi thêm vài ngày. Điều này khiến tôi nghiến răng nghiến lợi, khiến tôi

bốc lửa trong lòng, nhưng vận mệnh người phụ nữ không ở trong tay mình. Làm thêm ba ngày nữa, lão trưởng quấy hạ lời cảnh cáo: Thử việc tôi hai ngày nữa, nếu tôi muốn làm lâu dài, phải làm như “số một”. “Số một” nửa giữu cột, nửa khuyên răn: “Đã có người hỏi thăm cô đấy, treo giá cao mà làm gì? Chúng ta ai chẳng biết nhau như thế nào! Nữ chiêu đãi lấy giám đốc ngân hàng ư, có đấy, cô tưởng lũ chúng ta là loại vết dứa chắt? Tươi tỉnh cái mặt lên mà làm, chúng ta cũng, mẹ nó, ngồi xe hơi mấy ngày!”. Câu này khiến tôi phát cáu lên, tôi vặn: “Chị ngồi xe hơi khi nào?” Cô ta thông dài đôi môi đỏ, gần như rút xuống: “Không cần cô múa mép, làm cái gì có cái ấy; cái mộng thơm trời sinh ra, chẳng lẽ không biết làm chuyện đó sao?”. Tôi không làm được, cầm một đồng lẻ năm hào, tôi về nhà.

28

Cái bóng đen cuối cùng lại sấn về phía tôi một bước. Để tránh, nó càng bước đến gần hơn. Tôi không hối hận khi mất công việc đó, nhưng tôi thật sự sợ cái bóng đen kia. Tôi sẽ, tôi sẽ bán mình cho một người. Từ dạo đó, tôi hiểu rất rõ quan hệ giữa đàn ông và đàn bà. Phụ nữ buông thả một chút, đàn ông ngửi thấy mùi sẽ đến. Thử anh ta cần là thịt, anh

ta thỏa thuê cái thú tính, cô thì tạm thời có cái ăn cái mặc; sau đó có lẽ anh ta đánh cô hoặc chửi cô hoặc cắt đứt nguồn cung cấp cho cô. Phụ nữ cứ bán mình như thế, đôi lúc còn đắc ý lắm, tôi từng cảm thấy vênh vang. Khi đắc ý, nói thì bốc tận trời; được một lát mới cảm thấy nổi đốn đau, mất mát ê chề trên người mình. Có điều, bán thân cho một người đàn ông, vẫn có thể nói bốc tận trời, bán cho mọi người, thì hết cái nói nổi, mẹ chưa bao giờ nói thế. Mức độ sợ khác nhau, tôi không sao tiếp thu nổi lời khuyên răn của “số một”; “một” người đàn ông khiến tôi bớt sợ hơn một chút. Nhưng, tôi vẫn không muốn bán bản thân. Tôi đâu cần đàn ông, tôi vẫn chưa đầy hai mươi tuổi cơ mà. Thoạt đầu, tôi ngỡ ở bên đàn ông hẳn thích thú lắm, ai ngờ khi bên nhau, anh ta liên đòi hỏi cái chuyện hãì hùng kia. Đúng thế, lúc đó tôi như giao mình cho gió xuân, mặc người ta đưa đẩy; về sau nghĩ lại, anh ta lợi dụng sự ngờ nghệch của tôi, thỏa mãn bản thân anh ta. Những lời đường mật ngon ngọt của anh ta ru tôi vào giấc mộng; tỉnh lại, chẳng qua chỉ là một giấc mơ, cả một nỗi trống rỗng hư không; thứ tôi có được là hai bữa cơm, mấy bộ quần áo. Tôi không muốn tiếp tục kiếm cơm ăn bằng cách đó, cơm là thực tại, vậy hãy đi kiếm một cách thực tại là được rồi. Nhưng, nếu quả không kiếm nổi cơm, phụ nữ phải thừa nhận mình là đàn bà, phải bán xác thật! Hơn một tháng, tôi không tìm được việc làm.

29

Tình cờ tôi gặp mấy đứa bạn học, đứa đã lên trung học, đứa ở nhà làm tiểu thư. Tôi chẳng muốn bận tâm đến họ, nhưng để nói chuyện với nhau, tôi cảm thấy mình tinh nhanh hơn. Ngày trước, khi còn học ở trường, tôi khờ khạo hơn họ; giờ đây, “họ” tỏ ra “đần độn” rồi. Dường như họ vẫn đang mơ ngủ. Họ trang điểm thật đẹp, như hàng hóa bày trong cửa hiệu. Mắt họ đông đưa với các anh chàng trẻ tuổi, lòng tựa như đang làm thơ tình. Tôi cười bọn họ. Phải, tôi cần tha thứ cho họ, họ có cơm ăn, ăn no rồi đương nhiên mơ mộng tình ái, hai bên nam nữ dệt lưới, đuổi bắt lẫn nhau; kẻ có tiền, lưới giăng rộng hơn, tóm được vài người, sau đó ung dung thông thả chọn ra một. Tôi không có tiền, đến cái góc phòng để kết lưới tôi cũng không tìm thấy nốt. Tôi phải trực tiếp đi bắt người hoặc bị người bắt, tôi hiểu rõ hơn họ ít nhiều, thực tế hơn họ một ít nhiều.

30

Một hôm, tôi gặp người thiếu phụ xinh đẹp ngày trước, cái chị nom như người sứ ấy. Chị kéo tôi lại, làm như tôi là người thân của chị ta vậy.

Dáng điệu chị hơi luống cuống. “*Cô là người tốt! Cô là người tốt! Tôi hối hận rồi!*” – Chị ta nói rất thành khẩn – “*Tôi thật hối hận, tôi xin cô buông tha anh ấy, hừ, chẳng thà để trong tay cô! Anh ta lại đi kiếm người khác, còn xinh hơn, một đi không trở lại rồi!*”. Qua hỏi han, tôi được biết chị ta và anh kia lấy nhau vì tình yêu, hình như chị vẫn rất yêu anh. Anh lại chạy rồi. Tôi thương hại người thiếu phụ này, chị cũng vẫn đang mơ, vẫn tin tưởng vào tình yêu thần thánh. Tôi hỏi tình hình hiện nay của chị, nói chị phải tìm bằng được anh, chị phải một lòng một dạ, trước sau son sắt một lòng. Nếu không tìm thấy anh thì sao? Tôi hỏi. Chị cắn môi, chị có mẹ chồng, đằng ngoại vẫn còn cha mẹ, chị không có tự do, thậm chí chị còn ngưỡng mộ tôi, tôi chẳng bị ai quản. Ờ hơ, còn có người ngưỡng mộ tôi cơ đấy, tôi muốn cười quá! Tôi tự do, nức cười! Chị có cơm ăn, tôi có tự do; chị không có tự do, tôi không có cơm ăn, hai chúng tôi đều là phụ nữ.

31

Từ dạo gặp chị người sứ ấy, tôi không còn muốn bán mình riêng cho một người đàn ông nữa, tôi quyết định đùa giỡn chơi; hay nói một cách khác, tôi muốn kiếm miếng cơm một cách “*lãng mạn*”. Tôi không còn phải chịu bất cứ trách nhiệm đạo đức gì với ai, tôi đói. Lãng mạn đủ để trị cơn đói,

cũng như ăn no rồi mới có thể lãng mạn được, đây là một vòng tròn, bắt đầu đi từ đâu cũng được. Đám bạn học nữ và cái nhà chị người sứ ấy đều gần giống tôi, họ nhiều mộng tưởng hơn tôi, tôi thẳng thắn hơn họ, đối bụng là chân lý lớn nhất. Phải, tôi bắt đầu bán. Có chút gì là của tôi, tôi bán tuốt. Bán tháo, thay đổi mình từ đầu đến chân, tôi quả ưa nhìn. Tôi ra chợ.

32

Tôi muốn đùa bỡn, lãng mạn. A ha, tôi nhầm rồi. Tôi vẫn chưa hiểu sự đời cho lắm. Đàn ông không dễ xài như tôi vẫn tưởng. Tôi muốn mê hoặc người văn minh một chút, cùng lắm chỉ mất vài nụ hôn. Ha, ha, người ta không sập cái bẫy đó, ai cũng muốn lần đầu gặp mặt là phải được lợi ngay. Còn nữa, người ta chỉ mời tôi xem phim, hoặc dạo phố, ăn cốc kem; tôi vẫn ôm bụng đói về nhà. Người được gọi là văn minh, biết hỏi tôi tốt nghiệp ở đâu, nhà làm gì. Thái độ đó khiến tôi nhận thấy, nếu anh ta muốn cô, cô phải cho anh ta lợi ích tương đương; ví thử cô chẳng có cái lợi ích gì đáng cống hiến thì người ta cũng chỉ dùng một cốc kem giá một cắc để đổi của cô một cái hôn thôi. Muốn bán, phải vui vẻ, nhẹ tênh, tôi thấm thía điều đó. Nhưng chị người sứ không hiểu điều đó. Tôi và mẹ hiểu, tôi rất nhớ mẹ.

33

Nghen nói một số phụ nữ có thể kiếm cơm ăn một cách lãng mạn, tôi thiếu vốn; mà cũng bắt tất phải nghĩ như vậy. Tôi đã có mối buôn bán. Nhưng chủ nhà không cho phép tôi tiếp tục ở đó nữa, ông ta là người trọng sĩ diện. Tôi chẳng buồn lườm nguýt, dọn đi luôn, lại dọn về căn nhà hai gian tôi, mẹ và người bố mới từng ở hồi trước. Người nơi đây không trọng thể diện, song cũng chân thành đáng yêu. Sau khi dọn nhà, chuyện làm ăn của tôi quả không tồi. Cả người văn minh cũng đến. Người văn minh biết tôi là bên bán họ là bên mua, bên chịu đến rồi; như thế, họ không bị thiệt thòi, cũng chẳng mất đi thân phận. Mới đầu, tôi rất sợ hãi, vì tôi vẫn chưa đầy hai mươi tuổi. Đến khi làm được mấy ngày, tôi cũng chẳng sợ nữa. Nhiều khi coi họ như đồng bùn, họ mới cảm thấy đáng tiền, họ hài lòng, còn thay tôi làm nghĩa vụ tuyên truyền. Làm mấy tháng, sự tình tôi hiểu càng nhiều hơn, hề trông thấy mặt, tôi đã có thể đoán định anh ta là người thế nào. Có kẻ rất lăm tiền, loại này hề mở miệng là hỏi giá, tỏ ý mua nổi tôi. Hắn cũng rất nhỏ mọn, chỉ bao luôn tôi; chơi gái cũng muốn độc chiếm, vì hắn có tiền. Với loại người này, tôi không hào hứng lắm. Anh ta vùng vằng, tôi cóc sợ, tôi bảo anh ta, tôi có

thể tìm đến nhà, báo cho vợ anh ta biết. Mấy năm học hành ở tiểu học, rốt cuộc không uống, anh ta không dọa nổi tôi. “Giáo dục” quả có ích, tôi tin rồi. Lại có người, khi đến, trong tay khư khư một đồng tiền, chỉ sợ mắc lừa. Với loại này, tôi giao hẹn điều kiện cặn kẽ với anh ta, anh ta liền ngoan ngoãn về nhà lấy tiền, rất có ý tứ. Đáng ghét nhất là đám lưu manh, đã không chịu tốn tiền, còn rình rình xoay món gì rồi cắt, nào nửa gói thuốc cuộn, nào hộp dầu Tuyết Hoa nhỏ, chúng đều tiện tay cầm nhầm. Loại này không thể làm méch lòng chúng, chúng quen nhắm găm trời này, mất lòng chúng, chúng sẽ kêu tuần cảnh gây phiền nhiễu đến tôi. Tôi không dám trêu người chúng, tôi sợ chúng, tới khi tôi quen được một chỉ huy tuần cảnh mới hỏi thăm lũ chúng, từng đứa từng đứa một! Thế giới chính là thế giới sói nuốt hổ đớp, ai xấu người đó sẽ chiếm lợi. Đáng thương nhất là đám lau nhau đáng vẽ giống học trò, trong túi để một đồng và mười mấy xu, kêu leng keng leng keng, mũi tứa mồ hôi. Tôi thương hại bọn họ, nhưng vẫn bán cho họ như bình thường. Tôi còn cách nào khác đâu! Còn có các ông già nữa nhé, đều là những người nề nếp hoặc đã con cháu đầy đàn. Với họ, tôi không biết làm thế nào cho phải phép, nhưng tôi biết họ có tiền, muốn tìm vui vẻ trước khi từ già cõi đời, tôi đành cung cấp cho họ cái họ cần. Những kinh nghiệm này giúp tôi nhận thức được “tiền” và “người”. Tiền còn ghê gớm hơn người, giả thủ người là thú, tiền chính là lá gan của con thú.

34

Tôi phát hiện người mình có bệnh. Điều này khiến tôi hết sức đau khổ, tôi cảm thấy khỏi cả sống tiếp nữa. Tôi nghĩ, tôi ra phố lang thang, cứ đi bừa không mục đích. Tôi muốn đến thăm mẹ, hẳn mẹ sẽ tạo cho tôi đôi phần an ủi, tôi tưởng tượng mình là người sắp chết đến nơi rồi. Tôi vòng qua cái ngõ nhỏ ấy, hy vọng trông thấy mẹ; tôi nhớ lại dáng mẹ ngồi kéo bễ ngoài cửa ngày nào. Hàng bánh bao đã đóng cửa. Hồi thăm, chẳng ai biết họ đã dọn đi đâu. Tôi càng quyết tâm hơn, tôi nhất định phải tìm mẹ bằng được. Thất thểu, bơ phờ loang quanh trên phố mấy ngày, vô ích. Tôi băn khoăn hay mẹ đã chết rồi, hoặc cùng ông trưởng quầy quán bánh bao chuyển đi nơi khác, có lẽ đã cách xa ngàn dặm. Nghĩ thế, tôi bật khóc. Tôi xiêm y tươm tăt, thoa phấn, nằm trên giường đợi chết. Tôi tin chẳng mấy chốc tôi sẽ chết. Nhưng tôi chưa chết. Ngoài cửa lại “cộc, cộc”, tìm tôi đấy. Được thôi, tôi hầu hạ anh ta, truyền sạch bệnh sang anh ta. Tôi chẳng cảm thấy có lỗi, đó vốn đâu phải là tội tình do tôi tạo ra. Tôi lại thoải mái đôi chút, tôi hút thuốc, uống rượu, tôi như đã là người ba bốn chục tuổi rồi. Quảng mắt xanh lét, lòng bàn tay nóng rực, tôi chẳng bận tâm nữa; có tiền mới sống được, ăn no bụng trước rồi hẵng nói chuyện khác.

Tôi ăn uống không đến nỗi tồi, có ai chịu ăn đỡ đâu cơ chứ! Tôi phải thắt mình vài món ngon ngon, ít quần áo đẹp, như vậy mới đỡ bực đãi bản thân.

35

Một buổi sáng, khoảng độ chừng mười giờ, tôi đang khoác chiếc áo dài ngồi trong phòng, chợt nghe thấy tiếng bước chân ngoài sân. Thường khoảng mười giờ tôi ngủ dậy, có lúc mười hai giờ mới tỉnh thay quần áo tề chỉnh, gần đây tôi biếng nhác vô cùng, bận được bộ quần áo thì bản thân ngồi đến hai tiếng đồng hồ. Tôi chẳng nhớ ra cái gì, mà cũng chẳng muốn nhớ, cứ chơ vơ ngồi thờ một chỗ. Tiếng bước chân men dần về phía nhà tôi, khẽ khàng chậm chậm. Một lát, tôi nhìn thấy một đôi mắt, nhòm vào bên trong qua mảnh kính nhỏ. Ngó một thoáng rồi biến mất; tôi ngại nhúc nhích, vẫn ngồi đó. Qua vài phút, đôi mắt đó lại nhòm vào. Tôi không ngồi yên được nữa, tôi sè sè mở cửa “Mẹ!”...

36

Mẹ con tôi vào nhà thế nào, tôi không rõ. Khóc trong bao nhiêu lâu, tôi cũng không nhớ nữa. Mẹ đã già đến độ chẳng còn nhận ra. Lão

trưởng quây của mẹ lên về quê, không báo cho mẹ nửa lời, âm thầm bỏ đi, chẳng để cho mẹ một cắc. Mẹ bán hết đồ đạc, trả nhà, dọn vào một tạp viện. Mẹ đã tìm tôi hơn nửa tháng trời. Cuối cùng mẹ chợt nhớ đến nơi này, song không hy vọng tìm được tôi, chỉ thử ngó qua, ai dè tìm thấy tôi thật. Mẹ không dám nhận tôi, nếu không phải tôi lên tiếng gọi, có lẽ mẹ đã đi rồi. Khóc chán chê, tôi cười sặc lên như phát rồ: Mẹ tìm thấy con gái mẹ, con gái đã thành một con đi lậu! Khi mẹ nuôi tôi, mẹ phải làm thế, giờ đến phiên tôi nuôi mẹ, tôi nào được phép khác đi! Nghề nghiệp của phụ nữ là thế tập, là nghề riêng!

37

Tôi mong mẹ an ủi tôi. Tôi biết an ủi chẳng qua là những lời sáo rỗng, nhưng tôi vẫn hy vọng chúng thoát ra từ miệng mẹ. Mẹ luôn biết gạt gẫm người ta, chúng tôi gọi sự lừa dối của mẹ là an ủi. Mẹ của tôi quên cả điều này rồi. Mẹ sợ đói quá rồi, tôi không trách mẹ. Mẹ bắt đầu kiểm điểm đồ đạc của tôi, hỏi tôi khoản thu nhập và tiêu pha, tựa hồ chẳng lấy làm kỳ quặc về kiểu làm ăn này. Tôi bảo mẹ, tôi bị bệnh, mong mẹ khuyên tôi nghỉ ngơi vài ngày. Không hề, mẹ chỉ nói ra ngoài mua thuốc cho tôi. *"Chúng ta cứ làm thế này mãi sao?"*. Tôi hỏi mẹ. Mẹ

im lặng. Nhưng xét từ khía cạnh nào đó, quả thực mẹ muốn bảo vệ tôi, yêu thương tôi. Mẹ nấu cơm cho tôi ăn, hỏi tôi cảm thấy ra sao, còn thường xuyên lên nhìn tôi, như bà mẹ ngắm đứa con thơ say ngủ. Chỉ có một chuyện mẹ không chịu nói, đó là bảo tôi đừng tiếp tục làm nghề này, vì chưa nghĩ ra được việc khác để làm. Mẹ con tôi phải ăn phải mặc – điều này quyết định hết thảy. Cái gì mà mẹ với chả con, cái gì mà sĩ với chả diện, tiền là vô tình.

38

*M*ẹ muốn chăm sóc tôi, thế nhưng mẹ phải lặng nghe người ta giày vò, chà đạp tôi. Tôi muốn đối xử thật tốt với mẹ, nhưng nhiều khi tôi thấy mẹ đáng ghét quá. Chuyện gì mẹ cũng đòi chen vào, đặc biệt là tiền nong. Mắt mẹ đã mất đi ánh sáng lấp lánh thời trẻ, có điều nhìn thấy tiền mất vẫn có thể lóe sáng. Với khách, mẹ tự coi mình là người hầu, nhưng hề khách trả thiếu tiền, mẹ quắc mồm chửi ngay, nhiều khi khiến tôi rất khó xử. Phải, đã làm nghề này còn không vì tiền sao? Nhưng phải chăng làm nghề này cũng đâu cần chửi bới người ta. Đôi lúc tôi cũng đón tiếp khách chậm dãi, dù sao tôi vẫn có cách riêng làm cho khách cầu không xong giận không nổi. Phương pháp của mẹ quá ngốc, dễ mất lòng họ. Xét về khía

cạnh đồng tiền, đáng ra chúng tôi không nên làm méch lòng khách. Có lẽ cách của tôi là do tôi còn trẻ người non dạ, còn ấu trĩ trẻ con; mẹ thì bất chấp tất chỉ nhằm nhằm tiền và tiền, nên mẹ như vậy, mẹ lớn tuổi hơn tôi nhiều. Chỉ sợ vài năm nữa tôi không khác gì mẹ bây giờ, người già tâm hồn cũng già theo, dần dần già cõi, rấn danh hết như đồng tiền. Đúng thế, mẹ không khách khí với chả lịch sự gì. Có lúc mẹ thò tay giật ví người ta, đôi khi giữ lại mũ hoặc đôi găng tay, cái ba toong... chẳng đáng giá bao nhiêu. Tôi hải làm rùm beng lên lắm, nhưng mẹ tôi nói rất hay: *"Kiếm thêm một cắc là một cắc, chúng ta sống một năm cho mười năm, đến khi già bảy tám chục tuổi rồi, ai cần chúng ta?"*. Có bữa, khách uống say khướt, mẹ liền công ông ta ra, tìm một nơi kín đáo, đặt xuống, lột cả giày của người ta. Kể cũng lạ, loại này không quay lại tìm để tính sổ, tôi đoán hay họ không biết, hoặc ồm một trận bê bối, hoặc giả, chuyện qua rồi, nghĩ lại thấy ngại, không tiện đến lời thôi nũa, chúng tôi không sợ vút mất người, họ sợ.

39

*M*ẹ nói đúng: Chúng tôi sống một năm cho mười năm. Làm hai ba năm, tôi cảm thấy mình thay đổi đến thăm thương. Da tôi sần sùi, môi

khô rang, mắt lúc nào cũng xám ngoét, vằn những tia máu đỏ. Tôi dậy rất muộn, vẫn cảm thấy tinh thần không sáng khoái. Tôi nhận ra điều đó, khách hàng càng không mùi, khách quen thưa dần. Tôi ra sức hầu hạ khách lạ, nhưng lại càng chán ghét bọn họ hơn, có lúc tôi không ghìm nổi cơn bần tính của mình. Tôi nóng nảy, bực bội, nói năng lung tung, tôi đã không còn là tôi nữa. Miệng tôi cứ lảm nhảm hoài, dường như quen rồi. Thế là, đám người văn minh kia không đoái hoài nhiều đến tôi, vì tôi đã mất cái dáng vẻ và hương vị của *"con chim nhỏ liu lo bên người"*, câu thơ duy nhất của bọn họ ấy. Tôi phải học theo đám chim hoang dại. Tôi trang điểm thật chẳng ra người cũng không giống ngợm, thế mới động lòng những kẻ không văn minh. Miệng tôi trét hệt cái gáo máu đỏ, tôi ra sức cần xé bọn họ, bọn họ cảm thấy sung sướng. Đôi khi tôi tưởng như đã nhìn thấy cái chết của mình, nhận thêm một đồng tiền, cơ hồ tôi chết dần một chút. Tiền là thứ để kéo dài sinh mệnh, cách kiếm tiền của tôi có tác dụng ngược lại. Tôi nhìn mình chết dần, đợi mình chết hẳn. Cứ nghĩ thế, tôi liền ngừng hết mọi suy nghĩ khác. Nghĩ nữa mà làm gì, sống được ngày nào hay ngày ấy, mẹ là cái bóng của tôi, cùng lắm sau này tôi sẽ biến thành bộ dạng mẹ bây giờ, bán xác thịt của một đời, thứ còn lại chỉ là ít tóc bạc trắng và làn da đen dứa nhăn nheo. Tôi chính là số phận.

40

Tôi guồng gạo cười, guồng gạo điên cuồng, nỗi đớn đau của tôi đâu phải nhỏ vài giọt lệ là có thể vơi bớt đi. Số phận tôi thế này có gì đáng tiếc đâu, nhưng rốt cuộc nó vẫn là một sinh mạng, tôi không muốn buông tay. Huống hồ những gì tôi làm đâu do lỗi của tôi. Nếu cái chết là đáng sợ, thì chẳng qua chỉ vì sự sống đáng yêu mà thôi. Tôi quyết không sợ nỗi khổ của cái chết, những cay đắng, chua xót của tôi đã vượt qua cái chết. Tôi muốn sống, nhưng không phải sống thế này. Tôi tưởng tượng về một cuộc sống lý tưởng, như trong mơ ấy; giấc mộng này thoát một cái đã biến mất, cuộc sống thực tế giằng vò tôi. Thế giới này đâu phải là một giấc mơ, mà là một địa ngục đúng nghĩa. Mẹ nhận ra tôi đau khổ, bà khuyên tôi lấy chồng, tôi sẽ có cơm ăn, còn mẹ kiếm được một món đường già. Tôi là tia hy vọng của mẹ, tôi lấy ai bây giờ?

41

Vì tiếp xúc với đàn ông nhiều, tôi đã quên hẳn thế nào là yêu. Người tôi yêu là bản thân tôi, đến khi tôi không yêu nổi tôi nữa, tôi yêu người khác

làm gì chứ? Nhưng vì dự định xuất giá, nên tôi phải giả bộ nói rằng yêu, rằng tôi muốn theo anh ta suốt đời. Tôi đã nói như vậy với bao nhiêu người, thậm chí còn thề thốt nữa; chẳng ai chấp nhận. Dưới sự dẫn dắt của đồng tiền, ai cũng thật tình tường. Chơi gái chẳng thà vụng trộm, đúng, vụng trộm đỡ tốn tiền. Nếu tôi không cần tiền xem, bảo đảm ai ai cũng nói yêu tôi.

42

Đúng thời gian này, tuần cảnh bắt tôi đưa đi. Ông quan mới của thành phố chúng tôi cực kỳ trọng đạo đức, hăm he quét sạch đám "*hầu kín*". Kỹ nữ chính thức vẫn làm ăn như cũ, vì họ nộp thuế; kẻ nộp thuế nghĩa là danh chính ngôn thuận, có đạo đức. Bắt đi rồi, họ đưa tôi vào trại cảm hóa, có người dạy nghề cho tôi. Giặt, làm lụng, bếp núc, may vá, tôi biết cả; nếu những kỹ năng này có thể kiếm cơm ăn, từ sớm tôi đã không tội tình gì làm cái việc khốn khổ kia. Tôi nói với họ như vậy, họ không tin, họ bảo tôi hết thuốc chữa, không có đạo đức. Họ dạy tôi làm lụng, còn bảo tôi phải yêu công việc của tôi. Giả thử tôi yêu lao động, sau này chắc chắn có thể mình làm mình hưởng, hoặc lấy một người nào đó. Họ lạc quan ghê. Nhưng tôi chẳng có lòng tin. Thành tích rạng rỡ nhất của họ là, đã có hơn mười mấy phụ nữ

qua sự cảm hóa của họ đã lấy được chồng. Người đến đây để nhận phụ nữ chỉ cần tốn hai đồng phí tổn thủ tục và tìm một tờ biên lai đảm bảo hợp lệ là đủ rồi. Đây là một món hời. Từ quan điểm của đàn ông, theo tôi nghĩ, đây đúng là trò nực cười. Tôi dứt khoát không chấp nhận sự cảm hóa này. Khi một ông tai to mặt lớn đến kiểm duyệt chúng tôi, tôi nhổ nước bọt vào mặt lão ta. Họ vẫn không chịu thả tôi, tôi là thứ mang tính nguy hiểm. Nhưng họ cũng chẳng buồn tiếp tục cảm hóa tôi. Tôi đổi chỗ, vào trong nhà tù.

43

Nhà tù nơi khá hay ho, nó khiến người ta vững tin loài người chẳng hề khởi sắc; khi nằm mơ, tôi cũng không trông thấy cái trò xấu xa đến vậy. Từ khi bước chân vào đây, tôi không còn muốn ra nữa, trong kinh nghiệm của tôi, thế giới không hơn nơi này là mấy. Tôi không muốn chết, giả sử ra khỏi đây mà có thể tìm một nơi kha khá để đi, thực tế đã không như vậy, thì chết ở đâu chả như nhau? Tại đây, chính trong nơi này, tôi lại gặp người bạn tốt của tôi, trăng non! Lâu lắm rồi chẳng gặp bạn! Mẹ đang làm gì thế nhỉ? Tôi nhớ lại tất cả.

*(Đã in từ kỳ 20 đến kỳ 25 quyển thứ 15 tuần báo
Quốc Văn những ngày 1, 8, 15 tháng 4 năm 1935)*

Biển hiệu cũ

Sau khi trưởng quầy Tiễn ra đi, Tân Đức Trị – học trò lớn của cửa hiệu Tam Hợp Tường, bỗng trở nên rắc rối – liền mấy ngày ăn uống thất thường. Trưởng quầy Tiễn là tay cự phách được hội tư lựa công nhận, cũng giống như Tam Hợp Tường, bảng hiệu lâu năm ai cũng công nhận. Tân Đức Trị là do trưởng quầy Tiễn đào tạo nên. Nhưng gã không vì mối tình cảm cá nhân riêng tư ấy mà đâm ra nẫu cả ruột gan như thế, cũng chẳng phải gã có dã tâm gì. Gã không nói tại sao mình lại sợ hãi, dường như trưởng quầy Tiễn đã mang theo những thứ gì đó mãi mãi không khô phục lại được.

Trưởng quầy Chu đến thay chân. Tân Đức Trị chợt hiểu, điều gã phấp phỏng không phải là lo hão, từ “*nẫu cả ruột gan*” gã muốn bật lên lời nguyên rủa. Trưởng quầy Chu là một “*loại gà cồ*”, Tam Hợp Tường – bảng hiệu cũ đã bao nhiêu năm! – sắp phải giơ mặt ra khắp phố mà kéo khách! Miệng Tân Đức Trị cong lên như cái bánh cuốn xèo. Cự phách ư, bảng hiệu cũ

ư, phép tắc quy củ ư, đã tếch theo trường quầy Tiền cả rồi, hoặc sẽ vĩnh viễn không bao giờ trở lại nữa. Trường quầy Tiền chính trực đến vậy, nề nếp đến vậy, ấy thế mà buôn bán cứ lỗ chổng chơ. Đám cổ đông thì mặc tất, chỉ cầu cho đến cuối năm để được chia lấy phần hơn.

Bao năm qua, Tam Hợp Tường luôn luôn quan cách trang nghiêm: Bảng vàng chữ đen, trang trí bằng màu xanh đậm, quầy hàng đen thẫm phủ vải xanh da trời, các ghế đầu tó nhỏ bọc đồng bộ nỉ màu lam, trên tràng kỷ lúc nào cũng bày hoa tươi. Bao năm qua, trừ ngày hội đền, Tam Hợp Tường mới treo bốn chiếc đèn cung đình lên, tua rua đỏ buông rủ, ngoài ra không còn bất kỳ đèn đuốc lóe sáng nhấp nháy loạn xạ thiếu quy củ nào khác. Bao năm qua, Tam Hợp Tường chưa từng nói thách hay mặc cả, chưa từng chấm dứt một xu một cắc của khách hàng, hoặc nào dán tờ quảng cáo, nào giảm giá nửa tháng...; cái Tam Hợp Tường bán là bằng hiệu. Bao năm qua, trên quầy không hề có diều thuốc lá, không cười to nói lớn; nếu có vài tiếng động thì chỉ là ông trưởng quầy nuốt nước bọt hoặc húng hắng ho mà thôi.

Ngoài cái nền nếp ấy, còn biết bao phong thái, quy củ lâu năm đáng quý đáng trọng khác nữa, từ lúc trưởng quầy Chu vừa bước chân vào, Tân Đức Trị biết ngay, sắp sửa chấm dứt cả rồi, chấm dứt sạch! Mất trưởng quầy Chu trắng tráo, ông ta không hề hạ mi

mất xuống, mà đảo lia đảo lịa khắp nơi, cứ như tìm giặc vậy. Trưởng quầy Tiền, bao giờ cũng ngồi trên chiếc ghế đẩu lớn lim dim mắt, nhưng anh chàng làm thuê nào nhớ miệng, ông biết tuốt!

Quả nhiên, trưởng quầy Chu – đến chưa được hai bữa – đã sắp biến Tam Hợp Tường thành cái rạp Bể băng hí¹ Trước cửa dựng lên một tấm biển hiệu đủ thứ nhăng cuội lờ lợt, mấy chữ “Đại hạ giá”, mỗi chữ vuông chẵn chẵn, để đến năm thước, hai ngọn đèn khí than chiếu lên mặt người ta, nom đến xanh lè. Thế vẫn chưa đủ, một nhóm kèn Tây trống Tây ngoài cửa, thổi từ sáng sớm đến nửa đêm, bốn anh chàng học việc, đội mũ đỏ, chộp được khách ở cửa, trên đường cái, vội nhét tờ rơi vào tay người ta ngay. Vẫn chưa hết, ông ta cất cử hai anh học việc chuyên lo việc bưng trà đưa thuốc cho khách, dù mua nửa thước vải trắng cũng mời vào sau quầy, biếu thuốc thơm: Lính tráng, anh dọn đường, cô hầu bàn... thì nhau đốt thuốc hút, khói cứ mù mịt hết như một Phật đường. Chưa hết, mua gì bán nấy, còn tặng búp bê Tây dương, dám học việc thì cười nói bô bô, khách hàng muốn mua gì, giả dụ trên quầy không có thì không được bảo là hết rồi, mà lấy món khác ra nài ép họ xem; khách mua món nào giá hơn mười đồng còn phái thợ học việc đưa về, chả là cửa hiệu đã mua được hai chiếc xe đạp lộc sọc đi một bước đẩy đến ba bước!

¹ Tiền thân của Binh kịch (Trung Quốc).

Tân Đức Trị muốn trốn vào một nơi nào đó khóc một trận cho hả! Ở cửa hiệu mười lăm, mười sáu năm rồi, gã chưa từng tưởng tượng đến chứ đừng nói là tận mắt trông thấy – Tam Hợp Tường sẽ đến nông nổi này! Mặt mũi nào gặp ai bây giờ? Phố phường, ai không kính trọng Tam Hợp Tường? Tới đến khi ra phố, cánh học việc xách lồng đèn của Tam Hợp Tường, ngay cả đám tuần cảnh cũng đối xử khác hẳn. Binh biến năm đó, Tam Hợp Tường tuy cũng bị cướp sạch, nhưng không như các cửa hiệu xung quanh, bị gỡ cả cửa lẫn tấm biển “*Không nói hai giá*” – Bảng hiệu vàng của Tam Hợp Tường có một vẻ tôn nghiêm! Gã vào thành chừng hai chục năm thì đã ở Tam Hợp Tường đến mười lăm mười sáu năm, Tam Hợp Tường là gia đình thứ hai của gã, đáng đáp nói năng, ho hắng và cả chiếc áo vải xanh lam... của gã đều do Tam Hợp Tường truyền cho cả. Gã kiêu hãnh do Tam Hợp Tường và kiêu hãnh vì Tam Hợp Tường. Gã đi thu nợ cho Tam Hợp Tường, luôn được người ta mời vào ngồi xơi tách trà, hộp nước; Tam Hợp Tường tuy là làm ăn buôn bán, nhưng đối xử với các khách hàng như thể bạn bè. Trưởng quầy Tiền thưởng vì khách hàng mà phôi cả gan ruột. Tam Hợp Tường buôn bán theo “*tác phong quân tử*”. Trên chiếc ghế đầu sát cửa thường có những người máu mặt nhất vùng ngồi; gặp dịp phố xá ồn ào nhộn nhịp, khách hàng cùng đám phụ nữ trong gia quyến đến đây xin ông trưởng quầy cho ngồi nhờ.

Lịch sử vinh quang ấy đã lớn lên trong lòng Tân Đức Trị. Nhưng giờ đây thì sao?

Tân Đức Trị không phải không hiểu thời đại đã đổi thay. Cứ xem các cửa hiệu xung quanh Tam Hợp Tường thì biết, vô khối nhà đã vứt sạch quy củ cũ, còn loại mới bung ra kia thì thôi khỏi cần nhắc tới, vì vốn dĩ chưa từng có nền nếp phép tắc bao giờ; gã biết điều này lắm. Nhưng chính bởi thế, gã càng yêu Tam Hợp Tường, càng tự hào thay cho nó. Ví thử Tam Hợp Tường cũng bị gãy cánh, ôi thôi, thế giới sụp đổ rồi! Hừ, giờ Tam Hợp Tường cũng đã giống y như các cửa hàng khác, nếu không muốn nói là còn tệ hại hơn!

Gã ghét nhất cái nhà Chính Hương Thôn đối diện kia: lão trưởng quầy lê đôi giày loét xoẹt, miệng ngậm điếu thuốc, bọc răng vàng. Bà chủ thì điệu ư, bế ư, cứ như trong túi cũng xách ấy, mấy đứa nhỏ trai gái hết ra lại vào, hết vào lại ra, í a í ới, không hiểu thét lác những gì. Ông chủ bà chủ cãi nhau tại cửa hàng, đánh con đánh cái, cho bú cho mớm cũng trong cửa hàng. Ai mà biết được họ buôn bán hay bày trò, chỉ mỗi bộ ngực của bà chủ luôn trưng bày trước cửa hàng là rành rành ra đấy. Đám học việc nữa, không biết moi từ đâu tới, chuyên đi giày rách, nhưng quần áo già nửa là lụa đoạn. Kẻ dán cao mặt trời, gã chải tóc hệt cái muối sơn, gã chung cặp kính vàng chói. Các thói này mới thật đáng ghét hơn: Từ đầu năm tới cuối năm chỉ giảm giá và giảm giá, lũng liếng cây đèn

khí than, mở máy quay đĩa í éo. Khách mua món nào hơn hai đồng, ông chủ liền đích thân mời khách ăn viên kẹo bơ; không ăn, lão có thể đút vào tận miệng! Món nào giá cả cũng linh tinh, tiền Tây dương thì sáng một giá chiều một giá. Tân Đức Trị không bao giờ thèm nhìn thẳng vào ba chữ "*Chính Hương Thôn*" ấy, cũng chẳng khi nào sang đó mua bán trao đổi gì. Gã không ngờ trên thế giới lại có kiểu mua bán như thế mà lại còn đối chính diện với Tam Hợp Tường nữa chứ!

Kỳ quái hơn, Chính Hương Thôn lại phát tài, còn Tam Hợp Tường mỗi ngày một tiêu điều. Gã không hiểu đó là cái đạo lý gì. Chẳng nhẽ buôn bán nhất thiết phải vô phép tắc thì mới được sao? Nếu đúng thế hà tất phải học việc? Một thân một mình đã có thể buôn bán được rồi! Đâu thể như vậy, không thể, Tam Hợp Tường sẽ không bao giờ theo kiểu ấy được. Ai ngờ cuối cùng một trường quấy Chu xuất hiện, đèn khí than của Tam Hợp Tường và Chính Hương Thôn soi cả một đoạn đường xanh lè, chúng là một cối một đồng mà! Tam Hợp Tường và Chính Hương Thôn đã thành một đôi ư? Không nằm mơ đấy chứ? Không, không phải mơ, Tôn Đức Trị vẫn buộc phải đi theo hướng của trường quấy Chu. Gã phải huyền thuyên với khách, gã phải mời thuốc mời thang, gã phải phỉnh người ta vào sau quấy, gã phải lôi hàng giả ra làm hàng thật, gã phải đợi khách cạnh tranh mới đo thêm hai tắc, gã phải đo vải bằng gang tay – ngón

tay hể rút lại liền ăn bớt được một đồng! Gã không thể chịu đựng nổi chuyện này!

Nhưng đa số cánh học việc ta hình như đâm ra khoái chí với cách làm như thế. Một cô khách bước vào; các anh chàng bực một nỗi không thể vây lấy cô, không thể xới tung cả cửa hiệu cho cô liếc mắt, chờ cô mua xong – dù chỉ mua hai thước vải xoa – họ bứt rút vì không thể đưa cô về đến tận nhà. Trưởng quầy Chu thích thế, ông ta muốn dám học việc trồng cây chuối, múa may khua khoắng, mà tốt nhất là có thể bay vù vù giữa không trung.

Trưởng quầy Chu và ông chủ Chính Hương Thôn thành chỗ bạn hữu. Có khi còn tụ tập với hội bên nhà Thiện Thành chơi mấy ván mạt chược nữa. Thiện Thành cũng là cửa hiệu tơ lụa trên dãy phố này, khai trương chừng đã bốn năm năm, nhưng trưởng quầy Tiền chưa từng chào hỏi họ lấy nửa lời. Thiên Thành cố tình đối chọi với Tam Hợp Tường, thậm chí còn đánh tiếng, nhất quyết đề bẹp Tam Hợp Tường mới thôi. Trưởng quầy Tiền không thốt một câu, chỉ thi thoảng mới buông thông một câu: *"Chúng ta bán là bán biển hiệu"*. Cửa hiệu Thiên Thành một năm có đến ba trăm sáu mươi lăm ngày là ngày kỷ niệm và đại hạ giá. Giờ đám người bên Thiên Thành đã tí từng kéo cả sang chơi bài rồi. Tôn Đức Trị đầu thế quản lý bọn họ. Đôi lúc được vài phút rảnh rang, gã liền ngồi thần thờ, đối diện với giá hàng – các súc vải

trên giá trước kia thường được bọc bằng vải trắng, giờ căng ra tênh hênh làm đồ trang trí, nhìn đã thấy hoa cả mắt, xanh đỏ tím vàng, phát khiếp! Tam Hợp Tường hết thật rồi, gã nhủ thầm.

Thế nhưng, một quý trôi qua, gã không dừng được lòng khâm phục trường quầy Chu. Tổng kết sổ sách, tuy không lời lãi gì, được cái cũng chẳng cần bù lỗ. Trường quầy Chu cười giải thích với mọi người:

– Các anh nên nhớ rằng, đây mới là quý đầu tiên của chúng ta thôi! Tôi còn ối ngón chưa giở hết ra nữa đây. Vả lại, dựng biển quảng cáo, trưng đèn khí than v.v... món nào chẳng động đến tiền! Bởi thế mới nói! – Hề cao hứng, thế nào ông ta cũng chốt một câu *“Bởi thế cho nên!”* – Sau này khỏi cần dựng biển quảng cáo nữa, chúng ta sẽ sử dụng biện pháp mới mẻ hơn, tiết kiệm hơn, là có thể đồng ra đồng vào ngay ý mà, bởi thế cho nên!

Tân Đức Trị nhận ra, trường quầy Tiền không quay lại được nữa rồi; đích thực thế giới đã thay đổi rồi. Trường quầy Chu cùng hội cùng thuyền với đám người của Thiên Thành và Chính Hương Thôn, bọn họ đều phát tài cả.

Qua tết, kiểm tra hàng Nhật Bản mỗi lúc một rầm rộ, gặt gao. Trường quầy Chu như đã hóa điên, cho bày tuốt tuốt hàng hóa Đông Dương lên. Đội

kiểm tra đã bắt tay vào công việc, trưởng quầy Chu trưng bày hàng Nhật lộ lộ, còn hạ lệnh:

– Có khách mua, hãy đem vải Nhật ra bán trước, nơi khác không dám bán, chúng ta vừa đẹp phát một chuyến ngon ơ! Thấy khách nhà quê thì bảo rõ đây là hàng Đông Dương, họ thích thế; còn với khách thành phố, hãy quát là hàng Đức chính tấy nhé!

Đội kiểm tra đến. Mặt trưởng quầy Chu tươi roi rói, luôn chực sẵn một nụ cười cầu tài, mời nước, mời trà.

– Tam Hợp Tường, chỉ ba chữ này thôi đủ biết là không phải nơi buôn bán hàng Đông Dương, bởi thế cho nên! Các vị xem đi! Đồng hàng ngoài kia vải nước Đức, cả vải của ta nữa; trong quầy đều là lụa đoạn trong nước, tiểu hiệu của chúng tôi đây còn một phân hiệu nữa ở phía nam, tự biên tự diễn ra ấy mà!

Bọn họ nghi ngờ đồng vải hoa. Trưởng quầy Chu cười toe:

– Trương Phúc Lai đâu, đem xấp vải Đông Dương còn thừa ở phía sau ra đây.

Vải được đem tới. Ông ta kéo ngài đội trưởng đội kiểm tra:

– Thưa ông, thật không thẹn với lòng, chỗ chúng tôi còn sót lại mỗi mảnh vải Đông Dương này, chất vải y hệt chiếc áo sơ mi ông đang bận, bởi thế cho nên á!

Rời ngoảnh đầu gióng giả:

- Phúc Lai, đem xấp này quăng ra đường đi!

Ngài đội trưởng nhòm nhòm cái áo sơ mi của mình, đầu vẫn cúi, đi thẳng ra.

Đống vải Nhật Bản tùy từng lúc biến thành hàng Đức, hàng của ta, hàng Anh... ấy thu bầm tiền. Người biết nhìn hàng, ném xoẹt vải xuống đất, trưởng quầy Chu liền nhăn nhó cười, ra lệnh cho anh học việc:

- Dem hàng Tây dương chính tẩy ra, chẳng lẽ không nhận ra tiên sinh đây cực sành hàng sao?

Sau đó quay sang ông khách, ngọt xớt:

- Người nào dùng của ấy, có cho không ngài xấp này, ngài cũng chẳng thềm, bởi thế cho nên á!

Thế là xong một vụ mua bán. Khách ra về, như thể còn lưu luyến trưởng quầy Chu lắm lắm. Tôn Đức Trị là một tay sùng sỏ, nhưng gã không muốn tiếp tục làm ở đây, càng khâm phục trưởng quầy Chu, gã càng ray rứt trong lòng. Bát cơm gã kiếm được là nhờ công lưng quỳ gối. Muốn ngủ yên yên một tí, gã phải rời khỏi cái Tam Hợp Tường kiểu này.

Nhưng, chẳng đợi gã kiếm được chỗ làm ở nơi khác, trưởng quầy Chu đã sang với Thiên Thành rồi. Thiên Thành cần những con người như thế, còn trưởng quầy Chu cũng muốn đi, vì quy củ lâu đời của Tam Hợp Tường như thế đã ăn quá sâu vào những con

người ở nơi này, ông ta không được thể hiện đầy đủ tài năng của mình.

Tân Đức Trị tiễn trưởng quầy Chu đi, như tống khứ một mối tâm bệnh.

Với các cổ đông, bằng tư cách người làm thuê mười lăm mười sáu năm qua, Tân Đức Trị có thể lên tiếng vài câu, dù không nhất định tạo ra được hiệu lực gì. Gã biết vị cổ đông nào thủ cựu hơn một chút, gã biết rõ nên làm sao để đánh trúng lòng trắc ẩn của họ. Gã đi vận động giúp trưởng quầy Tiền, kéo cả bạn bè cũ của trưởng quầy Tiền đến giúp đỡ. Gã không coi mọi mặt của trưởng quầy Tiền đều hay đều tốt, mà phân tích rằng trưởng quầy Tiền và trưởng quầy Chu, ai có sở trường nấy, nên hài hòa cân đối, không thể cố sống cố chết giữ rịt cách cũ, phương pháp mới cũng nên học hỏi. Coi trọng cả biển hiệu lẫn lợi ích – gã biết điều này ắt làm mừng lòng các cổ đông.

Thế nhưng, trong lòng gã có chủ ý khác. Trưởng quầy Tiền quay về, mọi thứ đều trở lại; Tam Hợp Tường nhất định là một Tam Hợp Tường “cũ”, nếu không thì chẳng còn là cái gì sất. Gã tính kỹ rồi, cắt đèn khí than, kèn trống Tây dương, quảng cáo, tờ rơi, thuốc nước, thậm chí tới mức cực chẳng đã, thì giảm luôn cả người nữa, chắc sẽ bớt được một khoản chi kha khá. Huống hồ, lằng lằng bán rẻ, không phô trương rùm beng, thuốc dài mà hàng lại chính hiệu. Chẳng nhẽ người đời đều là lũ ngốc cả sao?

Trưởng quây Tiền quả nhiên quay về. Trên phố chỉ còn lũng liếng cây đèn khí than của Chính Hương Thôn, Tam Hợp Tường trở lại với vẻ yên ắng im lìm xưa kia, tuy vì để chào đón trưởng quây Tiền mà treo bốn chiếc đèn cung đình đó lên, tua rua đỏ buông hững hờ.

Ngày Tam Hợp Tường treo đèn, hiệu Thiên Thành buộc hai con lạc đà trước cửa, trên lưng lạc đà vắt đầy lụa đoạn rực rỡ muôn màu, quanh bấu lạc đà quần chùm đèn ngũ sắc nhấp nháy tắt đó tắt đó. Hai bên phải trái lạc đà mở trò đoán màu, mỗi người một hào, gom đủ mười người thì mở một lần, với một hào, người ta ôm hy vọng được một mảnh lụa mô đen. Ngoài cửa, cửa hiệu Thiên Thành biến thành hội làng, người chen chúc người. Đúng là có người hi hi, cấp tấm lụa mô đen dưới nách, vênh mặt đi ra thật.

Vải xanh lại trùm lên ghé đầu của Tam Hợp Tường, trưởng quây Tiền cũng không nhướng mi mắt, ngồi lừ đừ ở đó. Cánh học việc lặng lẽ ngồi trong cửa hàng, anh này khề khàng búng búng bàn tính, anh kia uest oải ngáp dài ngáp ngắn, ngoài miệng Tân Đức Trị không nói gì, nhưng ruột gan lại sôi sùng sục. Nửa ngày trời không có lấy một mống khách vào ra. Thi thoảng có người đứng bên ngoài, đánh mắt vào, về định ghé qua nhưng liếc bảng hiệu cũ một cái, cấp dít đi thẳng sang bên Thiên Thành. Đôi lúc khách vào đến nơi rồi, ngó hàng hóa, vì lẽ không được mặc cả

nên lại tay không trở ra. Chỉ có mấy vị khách quen, thường đến mua vài món lặt vặt; nhưng cũng có khi chỉ trao đổi dăm ba câu với trưởng quầy Tiền, ca cẩm thời buổi khó khăn, uống đôi tách trà rồi quày quả ra về, không mua bán gì hết. Tân Đức Trị thích nghe trò chuyện, vì nó khiến gã nhớ lại quang cảnh những ngày tháng đã qua, nhưng gã cũng hiểu, cái ngày xưa ấy, có lẽ không bao giờ trở lại nữa; cả dãy phố này chỉ có mỗi Thiên Thành “đúng là” cửa hàng buôn bán!

Thời gian thấm thoát trôi, Tam Hợp Tường không cất giảm người làm không xong nữa rồi. Tân Đức Trị rưng rưng nước mắt, ngậm ngùi nói với trưởng quầy Tiền:

– Một mình tôi làm việc bằng năm người, chúng mình không sợ đâu!

Ông trưởng quầy cũng bảo:

– Chúng mình không sợ!

Đêm đó Tân Đức Trị đánh một giấc ngon lành, chuẩn bị để những ngày tiếp theo cáng đáng việc của cả năm người.

Nhưng qua một năm, Tam Hợp Tường đã hoàn toàn sụp đổ trước Thiên Thành.

*(Đã in trên kỳ thứ nhất quyển một "Văn học mới"
ngày 10 tháng 4 năm 1935)*

Thiện nhân

Bà Uông rất ghét người ta gọi mình là bà Uông; bà tự xưng là nữ sĩ Mục Phương Trinh, và thích mọi người gọi như vậy. Chồng bà giàu lắm, bà tiêu pha không một chút khách sáo; tiêu hết tiền của chồng, và được người ta gọi là Mục nữ sĩ, tức thì bà cảm thấy mình là một phụ nữ độc lập, chứ không chỉ nhằm nhằm chực xơi cơm của chồng.

Mục nữ sĩ từ sáng đến tối, ngồi bàn, bận tất mặt tất mũi, thêm vào đó, bà nom rõ, quả tình bận đến độ thở không nổi. Chưa nói đến những chuyện khác, chỉ riêng cái việc lên xuống xe hơi thôi, Mục nữ sĩ – đúng, Mục nữ sĩ! – Một ngày phải leo lên leo xuống bao nhiêu lần. Cuộc tụ hội nào chẳng có bà? Việc công ích nào lại thiếu bà? Phải người khác, đôi chân núng nính thế kia lại không mõi. Mục nữ sĩ không ngại, cuộc sống của bà dành để dâng hiến cho xã hội; cặp chân lạch bạch kia dù phát triển đến gấp đôi bà vẫn phải tìm cách lết được chúng vào xe hơi. Bà luôn thương xót bản thân, và càng yêu thương mọi người, bà sinh ra để cứu thế mà lại.

Mục nữ sĩ vẫn chưa dậy, con sen Tự Do đã vào thưa gửi. Bà cần dặn nó đâu phải chỉ một lần. Bà chưa dậy, cấm vào bẩm báo. Con sen muôn đời là con sen, gọi nó là “Tự Do” cũng vô tác dụng, trời sinh ra đã ngớ ngẩn rồi. Bà chỉ muốn túm cái đèn bàn đặt cạnh giường ném cho Tự Do một cái, nhưng thấy Tự Do vẫn không đáng tiền bằng nó, bà đành từ bỏ ý định.

– Tự Do, tao dặn mày bao nhiêu lần rồi, há? – Mục nữ sĩ xem đồng hồ, đã gần chín giờ, bà hạ cơn giận một chút, không phải vì điều gì khác mà chỉ vui thích khi mình có thể ngủ một lèo đến tận chín giờ, sức khỏe hẳn tương đối đây; bà phải vì xã hội mà xót thương lấy bản thân, bà cần giấc ngủ thật dài.

– Dạ, không phải ạ, thưa bà, à, thưa nữ sĩ! – Tự Do muốn giải thích đôi lời.

– Nói, có chuyện gì? Đừng có dềnh dàng thế.

– Phương tiên sinh xin gặp nữ sĩ ạ.

– Phương tiên sinh nào? Biết bao Phương tiên sinh, mày biết nói chuyện thật đấy!

– Dạ, Phương tiên sinh thầy giáo ạ.

– Ông ta lại làm sao rồi?

– Ông ấy bảo vợ ông ấy qua đời rồi! – Tự Do có vẻ rất đau buồn cho Phương tiên sinh.

– Khỏi cần nói, lại vội tiền chứ gì! – Mụ nữ sĩ quờ quờ lôi cái ví da xinh xinh dưới gối ra – Đây, đưa cho ông ta hai chục này, bảo ông ta về mau; bảo rõ mọi người, trước khi ăn sáng tôi không tiếp ai.

Tự Do cầm tiền, dợm bước, thì bà chủ ngăn lại:

– Bảo Bác Ái đặt nước tắm; khi quay lại nhớ mở cửa sổ phòng ra. Việc gì cũng để nhắc thế nhĩ, thật mệt chết đi được! Cậu cả đâu?

– Dạ, cậu đi học rồi ạ, thưa nữ sĩ.

– Đến một cái “kiss” cũng chưa tặng tôi đã đi rồi, được đấy! – Mụ nữ sĩ lắc đầu liên hồi, đám thịt trên má núng nính rung lên.

– Cậu cả nói, tan học về ăn cơm trưa lại kính bà một cái “kiss” – Tự Do hiểu cái đám “kiss, pie và bath” là cái gì.

– Đi mau đi, đừng huyên thuyên vớ vẩn, mệt đến chết người ra mất thôi!

Tự Do nhẹ bước nhanh ra, Mụ nữ sĩ chợt nghĩ: Nhà Phương tiên sinh xảy ra việc tang, thế cậu hai biết tính sao đây? Vô duyên vô cớ chết ngoéo một cái, khiến cậu hai mất không liên mấy buổi học. Mụ nữ sĩ cực kỳ quan tâm đến việc học hành của con cái.

Bác Ái gõ cửa:

– Thưa, nước được rồi ạ, nữ sĩ.

Mục nữ sĩ mặc cả áo ngủ bước vào phòng tắm. Bồn tắm trắng phau, nước trong vắt, không nóng không lạnh, sóng sánh lưng chừng bồn. Kính hoa nổi, tường ốp gạch trắng, luồng hơi nóng cùng mùi nước hoa quyện vào nhau. Một chiếc gương thật lớn, mấy cái khăn bông trắng tinh; hộp xà phòng, bình muối tắm được đánh sáng bóng loáng. Bà thấy khoan khoái lên ít nhiều. Đặt đôi chân trắng lộp nung núc vào nước, bà thử ra trông một thoáng; cảm giác kích thích do làn nước tạo ra khiến bà thấy mông lung trong sự dễ chịu. Bà thoáng nhớ chuyện đã quên từ lâu. Ngồi trong bồn, bà ngắm đôi chân trắng ngồn ngộn của mình; trong nước nom chúng càng to phốp pháp, lòng bà càng mênh mang. Vốc ít nước lên, bà nhẹ nhẹ kỳ cổ; cọ được hai cọ, bà lại nghĩ đến chuyện đã quên từ lâu lắm rồi ấy – tuổi thanh xuân của bà: hai mươi năm trước, thân hình bà yếu điệu, mảnh mai, đẹp đẽ biết mấy! Bà dường như không nhận ra chính mình. Nghĩ đến chồng, con gái, tất cả chỉ mờ mờ nhạt nhạt, tựa như họ là người xa lạ. Bà vốc nước lên, cọ thật mạnh, ngắm làn da ứng đỏ dần. Bà nhẹ nhõm đôi chút, không còn bâng khuâng nữa. Bà không chỉ người vợ, người mẹ; bà là mẹ của mọi người, là bậc thầy của các nữ đồng bào. Bà từng du học ở nước ngoài, bà biết đại cục thế giới, thiên chức của bà là cứu thế.

Nhưng cứu thế khó khăn biết bao! Hai năm trước, bà nhớ lại, bà dễ xướng phong trào tắm gội, đến đâu

cũng tuyên truyền: “Không có bốn tấm, không được coi là gia đình!”. Kết quả thế nào? Nhân loại thật ngu xuẩn, nói đến rụng cả lưỡi, họ vẫn nhất quyết không chịu hiểu cho! Vuốt ve đôi chân nắn nắn, bà muốn nắn lòng, mặc xác thế giới biến thành cái ổ chó, không có bốn tấm, chẳng vệ sinh gì ráo! Nhưng bà không thể nắn lòng được, đã hy sinh thì phải hy sinh cho trót. Bà gọi Tự Do:

– Cửa sổ mở năm phút là được rồi!

– Dạ, đã đóng rồi ạ, thưa nữ sĩ – Tự Do hồi bẩm.

Mục nữ sĩ quay về phòng ngủ. Chỉ trong năm phút căn phòng đã hoàn toàn mới mẻ. Hàng sáng bà phải hít thở thật sâu. Không khí ngoài sân lạnh quá, chỉ cần mở cửa sổ năm phút đã thừa sức cho bà hít thở rồi. Trước hầy uốn eo đã, bà đặc ý khi tay mình vẫn chạm đến mũi chân, chân tay tuy đã cong đi nhiều, nhưng rớt cuộc đầu ngón tay vẫn chạm tới mũi chân. Ngẩng lên cúi xuống ba lần, sau đó bà đứng thẳng cho bổ phổi năm sáu lần. Lập tức, bà cảm thấy dòng máu trong cơ thể đã đổi màu, đỏ tươi, nóng hổi, tươi tắn hệt vầng mặt trời.

– Tự Do, dọn cơm!

Mục nữ sĩ ghét nhất con người ta cứ nhồi nhét rõ nhiều, thành thử bữa sáng của bà cực kỳ đơn giản. Một đĩa ốp-la đầy oặc, hai miếng bánh mì phết bơ, mút hoa quả, một tách cà phê cho thêm sữa. Bà từng

để xương ăn uống tiết kiệm: Chớ có ăn liền những năm sáu cái trứng, hay bốn bát mì bự, mà nên uống nhiều sữa và ăn bơ. Chẳng ai hưởng ứng; việc tốt thường không được hưởng ứng. Bà đành tự mình thực hiện chủ trương này, một mình thuê một đầu bếp biết làm món ăn Tây dương.

Miệng thưởng thức món trứng ốp-la, bà nghĩ đến Phương tiên sinh. Phương tiên sinh dạy cậu hai học, một tháng nhận hai mươi đồng, không đến nổi tệ. Bà sợ nhất người bán hàn có nhiều cơ hội kiếm tiền; tiền trong tay bà là tiền, chứ sang tay nhà nghèo là họa thôi. Bà không phải cho nổi Phương tiên sinh thêm mấy đồng, mà chính là không muốn, lẽ thứ nhất là sợ mình mang tiếng “*dầu mới gây họa*”, lẽ thứ hai bà sợ rước họa cho Phương tiên sinh. Đấy, thấy chưa, mới dạy được có mấy tháng, đã đem cái chết cho vợ rồi. Có điều, xét cho cùng Phương tiên sinh vẫn đáng thương ghê cơ. Bà phải nghĩ cách an ủi Phương tiên sinh.

– Tự Do, bảo đầu bếp thế này nhé, đem mười cái trứng gà “*của tôi*” gửi cho Phương tiên sinh; dặn Phương tiên sinh đừng luộc kỹ quá, ăn lòng đào ấy!

Mục nữ sĩ nhấm nháp hương vị cà phê, tưởng tượng rằng Phương tiên sinh ăn xong trứng gà lòng đào chắc khỏe mạnh hẳn lên, đủ sức chống chọi với nỗi buồn đau mất vợ. Suy nghĩ tiếp nối suy nghĩ, Phương tiên sinh đã mất vợ rồi, chẳng ai nấu cơm cho, tốt nhất là cung cấp ngày hai bữa cho ông ta; bà

luôn suy nghĩ chu đáo cho mọi người chứ có bao giờ ích kỷ cho riêng bản thân, bà đã quen rồi. Cho ông ta hai bữa cơm thì phải rút bớt đi mấy đồng. Ông ta nhận ít tiền hơn nhưng được cái ăn cái uống ngon lành còn gì nữa. Phương tiên sinh nên cảm tạ tấm lòng thấu hiểu thông cảm và triu mến đó của bà. Bao giờ bà chẳng thấu hiểu con người, yêu thương con người, nhưng ai thấu hiểu bà, yêu thương bà đây? Nghĩ đến đây, bà cảm thấy đời mình mới thật trống trải làm sao, bà không thể tiếp tục yêu đương ai khác, không thể kéo tuổi xuân trở lại; bà chỉ có thể đi phục vụ người khác, nhưng ai cảm ơn, thông cảm với bà?

Bà không dám tiếp tục nghĩ về chuyện đáng sợ ấy nữa, nó dễ khiến bà phát điên. Bà sang thư phòng để xem xét công việc của một ngày; công việc, chỉ có công việc mới khiến bà mãn nguyện, khiến bà mệt mỏi, khiến bà ngon giấc, khiến bà cảm nhận thấy niềm phấn chấn và giá trị của bản thân.

Thư ký của bà, Phùng nữ sĩ đã đợi hơn một tiếng trong thư phòng. Phùng nữ sĩ mới hai mươi ba tuổi, nom không đến nỗi khó coi, mỗi tháng lĩnh hai mươi đồng. Mục nữ sĩ cho cô cái danh nghĩa là thư ký, chỉ với cái danh này, không nhận lương cũng đã đủ lắm rồi. Đường giao thiệp của Mục nữ sĩ thênh thang thế kia, làm thư ký của bà đương nhiên có cơ hội gặp được một người giàu có. Vĩ thử lấy được một người khá giả, cả đời khỏi lo cái ăn cái mặc, há chẳng hơn bây giờ

kiếm năm sáu chục đồng mỗi tháng sao? Mụ nữ sĩ bao giờ cũng lo toan cho người khác chu đáo, đã thế lại còn nhìn xa trông rộng nữa.

Trông thấy cô Phùng, Mụ nữ sĩ thở dài:

– Chao! Hôm nay có chuyện gì thế? Nói xem! – Bà thả người lên chiếc ghế bành.

Phùng nữ sĩ đã chuẩn bị lịch làm việc đầu ra đấy:

– Sáng hôm nay, thưa Mụ nữ sĩ, có triển lãm trường câm điếc, mười giờ hai mươi khai mạc, mười một giờ mười, hiệp hội phụ nữ, bà chủ tọa, mười hai giờ, hôn lễ nhà họ Trương; còn buổi chiều...

– Hượm đã, hượm đã! – Mụ nữ sĩ lại thở đánh sượt một cái – Quà mừng nhà họ Trương đã gửi đi chưa?

– Đã gửi rồi ạ, một đôi giỏ hoa tươi, hai mươi tám đồng, rất sang.

– À, quà hai mươi tám đồng cũng vừa đấy...

– Lần trước Ông tiên sinh tổ chức chúc thọ, nhà họ Trương đã biếu một bức trường thọ, đầu có...

– Giờ khác rồi, địa vị của Trương tiên sinh cao hơn trước nhiều; thôi, sau này bù vào dịp khác vậy. Buổi chiều tổng cộng có mấy việc?

– Năm cuộc họp ạ!

– Ôi! Đừng bảo tôi trước nhé, tôi nhớ không nổi. Đợi tôi từ nhà họ Trương trở về hẵng nói. – Mụ nữ sĩ

châm một điều thuốc, vẫn bản khoán hình như quả mùng nhà họ Trương bạc quá thì phải.

– Phùng nữ sĩ, cô ghi lại, thứ sáu hoặc thứ bảy tuần sau mời cặp vợ chồng mới cưới nhà họ Trương dùng cơm, đến thứ tư cô nhắc tôi một tiếng nhé.

Phùng nữ sĩ thoăn thoắt ghi lại.

– Đừng quên hỏi tôi nhà họ Trương bày tiệc gì, chớ quên đấy!

– Vâng, thưa Mục nữ sĩ.

Mục nữ sĩ không muốn nhắc chân đến trường câm điếc, nhưng lo buổi triển lãm sẽ có chụp ảnh, trên ảnh không có mình, thật chẳng ra sao. Bà quyết định đi muộn một chút, tất nhiên là đúng lúc chụp ảnh sẽ xuất hiện. Quyết định thế rồi, bà muốn nói thêm mấy câu với Phùng nữ sĩ, không phải vì Phùng nữ sĩ có gì đáng yêu, mà tự bà cảm thấy trống trải làm sao ấy, muốn trao đổi dăm ba câu... giải sầu. Bà chợt nhớ đến Phương tiên sinh.

-- Cô Phùng này, vợ Phương tiên sinh mất rồi, tôi gửi ông ta hai chục và mười quả trứng gà, ôi, Phương tiên sinh đáng thương làm sao. – Vành mắt Mục nữ sĩ quả có hơi ươn ướt thật.

Phùng nữ sĩ đã biết Phương tiên sinh tự tìm đến xin gặp bà Ưông, bà không tiếp, mà cho hai chục đồng. Nhưng cô hiểu tính khí của chủ mình.

– Phương tiên sinh đáng thương thật đấy. Cũng có người đến gặp nữ sĩ như vậy, nữ sĩ lập tức cho tiền ngay!

Mặt Mục nữ sĩ thoáng nét cười:

– Tôi bao giờ cũng đối xử với người như vậy; ấy thế mà có thu lại được cái gì đâu, người đời vô tình thế đấy!

– Ai chẳng biết tấm lòng từ thiện và nhiệt tâm của nữ sĩ cơ chứ!

– Ôi chao! Có thể! – Nét cười trên mặt nữ sĩ tỏa rộng ra.

– Cậu hai lỡ mất mấy buổi học rồi. – Phùng nữ sĩ như quan tâm lắm lắm.

– Chắc thế, chẳng để tôi an lòng lấy một giây.

– Hay là tôi dạy tạm cậu trước. Tôi cũng không đến nỗi nào.

– Cô được quá đi ấy chứ! Tôi quên bém mất biện pháp này đấy! Cô dạy tạm cậu đi nhé, tôi không để cô thiệt đâu!

– Bà đừng trả thêm cho tôi, dù sao cũng chỉ là thay tạm mấy hôm, Phương tiên sinh xong chuyện rồi lại bảo ông ấy dạy tiếp.

Mục nữ sĩ nghĩ ngợi giây lát:

– Cô Phùng, làm thế này được không? Cô cứ dạy tiếp, mỗi tháng tôi trả cô tổng cộng hai mươi lăm đồng, có hơn không?

– Có điều thật không phải với Phương tiên sinh!

– Chả sao, đằng nào cũng đã mất vợ, nhà bớt miệng ăn, có dịp tôi sẽ kiếm cho ông ta một công việc kiếm dăm ba đồng cũng chẳng sao cả! Chả sao cả! Tôi phải đi đây, chào! Ngày lại ngày, mệt đến chết người!

*(Đã đăng trên kỳ ba quyển một "Tiểu thuyết mới"
ngày 15 tháng 4 năm 1935)*

Loạn tử trong nhà

Những thứ một người Trung Quốc có thể hưởng thụ và chiếm hữu, Bao Thiện Khanh đã hưởng thụ và chiếm hữu đủ, giờ vẫn đang hưởng thụ và chiếm hữu. Lão có tiền, có nhà lầu, xe hơi, con trai con gái, có vợ bé, có đồ cổ ngoạn, có tử sách không bao giờ đọc chỉ để trưng bày, có danh vọng, có địa vị, có đến một lô những quan hàm khả đi in trên danh thiếp và trên tờ cáo phó, có bạn bè, có đủ loại chức sắc, có đèn điện, điện thoại, chuông điện, quạt điện, có tuổi thọ, có thân hình phốp pháp và không thiếu mọi thứ thuốc bổ.

Giá có thể buông thả chút đỉnh, lão cứ việc nằm ì trên giường, vợ bé và đám con cái sẽ phục dịch lão chu đáo, đầy đủ. Dù cứ thế mà chết đi, tài sản của lão cũng thừa mứa cho đám con cái sung sướng một vài đời, trên tờ thông báo tin buồn cũng sẽ có đề chữ và thơ văn của khối người nổi danh, quan tài của lão sẽ đủ sức thách thức với sự bào mòn của đất và của nước

trong mấy chục năm, và sẽ được sáu mươi tư phu đòn khiêng đi diễu trên phố.

Nhưng Bao Thiện Khanh không muốn nghỉ ngơi. Lão có “*đời sống chính trị*” của lão. Đời sống chính trị của lão không bao gồm chủ nghĩa, chủ trương, chính sách, kế hoạch và nguyên tắc gì gì ráo. Lão chỉ có một quyết định, chính là lão phải vững tay ấn. Nếu lão nhân tản vô lực, tức là người khác đang hoạt động và nắm quyền. Lão không thể chịu nổi điều đó. Lão cho rằng tất cả những việc lão không thể tham dự, ắt là có kẻ ngáng chân lão, lão phải dốc sức phá tan. Ngược lại, phạm các việc đủ sức hoạt động, lão luôn cảm thấy không nên bỏ lỡ cơ hội. Giống như một chiếc thuyền chài, lão giữ hết mẹo lợi dụng sức gió đẩy cánh buồm của lão đi, để nhanh chân đến nơi nhiều cá. Bất chấp luồng gió ấy có hại cho người khác hay không, lão chỉ nhằm nhằm cho mình được thuận buồm xuôi gió, mặc xác những chuyện khác.

Nhằm trúng gió, đón no gió, chính là “*đời sống chính trị*” của lão. Sau khi đón no gió, chỉ dùng chút sức nhỏ, lão có thể đạt được lợi ích của một “*chính trị gia*” Trung Quốc xứng đáng được hưởng. Bởi vậy, lão không muốn nghỉ ngơi, cũng chẳng chịu nghỉ ngơi; bỗng dưng vô duyên vô cớ bỏ uống chút nhãn lực và thiên tài ngấm gió, sử dụng gió, thì quả vô cùng có lỗi với chính mình. Càng cao tuổi, lão càng cảm thấy mất mình tinh tường, càng nhận rõ sự ấu trĩ của người

khác; án binh bất động là việc quá ư oan uổng. Huống hồ, lão mới vừa qua tuổi sáu mươi; lão biết, chỉ cần có sức lực, với kinh nghiệm và trí tuệ của mình, dù ngồi không một chỗ phì phò thở, lão vẫn có tác dụng về mặt chính trị như thường.

Lão ghét nhất cái đám nhân vật quan trọng mới nổi lên sau này mà lão không quen biết và các món việc mới mẻ, càng già lão càng cảm thấy những người quen cũ của mình thật đáng mến, ở chỗ họ rất thích lo cho bạn bè, lão cũng tiện tay té nước theo mưa nắm lấy dịp để khuếch trương thế lực của mình. Với những sự việc mới, lão mít đặc cán thuổng, vì thế lão càng cảm thấy mẹo cũ của lão thật cao minh đáng nể lắm. Người Tây cũng được, người Trung Quốc cũng hay, bất kể là ai, chỉ cần cho lão việc làm, lập liền ủng hộ hết mình. Cũng thế, ai không cho lão thế lực chính là kẻ thù của lão. Lão thừa nhận một cách rạch ròi lòng khoan dung độ lượng của mình, và cũng chẳng chối tính đố kỵ và hẹp hòi của bản thân; đây là thái độ nên có của một nhà chính trị. Lão hết sức tự hào về cái khả năng tự biết mình này; đây cũng là điểm lợi hại của lão: *"Méch lòng tôi hay thân cận tôi, tùy anh!"* Nụ cười thoảng trên khuôn mặt béo múp míp của lão thể hiện điều này.

Vừa tổ chức lễ mừng thọ lục tuần xong, ảnh của lão đã đăng trên báo chí cả nước, phía dưới chú thích: *"Chủ tịch Ủy ban xây dựng mới nhậm chức Bao Thận"*

Khanh". Ngắm nghía ảnh của mình, lão gật gù: "*Vẫn lại phải đến tay mình thôi!*". Lão ôn lại đời sống chính trị trước đây. Những kinh nghiệm ngày trước khiến lão nắm chắc chức tước mới này, vừa có thể tăng thêm kinh nghiệm cho lão, vừa có thể nâng cao thân phận, rồi sau có thể sinh ra một chức tước cao hơn nữa. Tưởng tượng đến vinh quang và thế lực trong tương lai, lão hơi mãn nguyện với hiện tại. Có đến hai ba năm, hình ảnh của lão đã không đồng loạt thường xuyên đăng trên các báo như thế này; lần này, lão không thể không thấy mãn nguyện; tấm ảnh sáu mươi tuổi này đã chứng minh sự tầm thường thiếu năng lực của các chính khách khác, chứng minh rằng không thể coi thường thế lực của lão và khó mà gạt bỏ nổi lão. Người mới việc mới quả xuất hiện như cỏ dại, nhưng Bao Thiện Khanh là cây tùng cây bách hiện đang đầy sức sống, càng già càng xanh. Chuyện đời vốn chẳng có cách thứ hai, cách của Bao Thiện Khanh là duy nhất, trước đây đã vậy, hiện giờ cũng vậy, sau này vẫn sẽ cứ vậy! Meo của lão là kinh thánh quan liêu, lão không hề phản đối hai chữ "*quan liêu*" này. "*Chỉ những kẻ không có cửa mà vào mới bảo tôi quan liêu*". Lão từng nói câu ấy khi bốn mươi tuổi.

Ngắm ảnh mình, lão thấy không thật giống lão. Đúng thế, khuôn mặt béo, mắt to, râu ngắn, và cái thân hình tròn như cái lu, lồ lộ cả ra, nhưng lại hơi thiếu sinh khí. Những thứ ấy chưa đủ để đại diện cho Bao Thiện Khanh. Bằng kinh nghiệm mấy chục năm,

lão biết rõ nét biểu cảm và dáng vẻ của sự sắc sảo nhanh nhẹn đáng nể ra sao, giống như diễn viên danh tiếng biết tư thế nào của mình được coi là đẹp nhất. Lão dẫu có râu ngắn, cổ thô thể kia. Lão cho rằng, cung nên sao lại hai tư thế, hai tư thế quan trọng nhất, đã trở thành thói quen, mà vẫn sử dụng một cách vô ý thức, và thường xuyên được sửa sang. Một là ở bộ mặt; mỗi bận gặp bạn mới, hoặc tiếp kiến các cấp dưới, đôi mắt to của lão sẽ trũng lên một lát, thật sáng, thật to, thật ngơ ngác như thể nom thấy một vật kỳ quái nào đó, lớp thịt trên má chảy xuống, sau đó từ từ vén lên, từng lớp từng lớp nét cười nồng hậu xuất hiện trong đôi mắt mở to, sau cùng trở thành một nụ cười mỉm rất dễ thương. Nụ cười mỉm qua đi, lão mới mở miệng nói, đầu lưỡi hơi uốn lại khiến từ ngữ vo tròn đơm về ngậy thơ đáng yêu, tỏ rõ nét chân thực khả ái. Với dáng vẻ này, dù là người băng, cũng sẽ bị lão làm cho cảm động ngay tắp lự.

Thứ hai là bộ chân. Chân lão đầy đặn lắm, song lại nhỏ teo. Khi lão bước đến đối diện với một vị tai to mặt lớn hoặc cáo từ, lão biết tận dụng đôi chân của mình một cách vô cùng tài tình khéo léo: Bước ngắn, nhỏ, hơi cong chân, hoặc tiến hoặc lùi, dẹo đảo để. Sự lanh lẹ của phần dưới gây không ít nguy hiểm cho tấm thân phì nộn của lão, song lão biết tìm cách giữ thăng bằng, đồng thời tỏ rõ cái vẻ lạnh lợi, khiêm nhường cung kính của lão.

Tìm thấy hai điểm này, lão như mới có thể tìm được chính mình. Đời sống chính trị là một loại nghệ thuật, hai điểm này biểu hiện nghệ thuật của lão, lão muốn dùng tư thế này để gặp gỡ người đời, mà tốt nhất là đăng trên báo. Nhưng trên báo chỉ in hình một người béo mập nặng nề, như thể trong cái đẹp vẫn còn chỗ khiếm khuyết.

Thôi, không can hệ lắm. Có vô khối chuyện, chuyện rất quan trọng mà báo chí không hề biết. Lão nhớ lại cái lần ứng dụng “*mèo chân*”: Chức chủ tịch Ủy ban xây dựng có đến sáu bảy phần là giao cho lão Vương Tân, nhưng Bao Thiện Khanh đã diễn một màn quá đẹp ở chỗ Sơn Mộc. Cái mà lão Vương Tân không dám đáp ứng cho Sơn Mộc thì Bao Thiện Khanh đích thân dâng lên “*Ông bầu tôi làm chủ tịch, tôi bầu ông làm cố vấn cao cấp!*”. Khi cáo từ Sơn Mộc, hai chân lão thoăn thoắt lùi từng bước nhỏ về phía sau, lưng hơi cong, đưa ra điều kiện “*hai bên cùng có lợi*” này. Quả nhiên đến cái chức Ủy viên, Vương Tân cũng trượt nốt, ôi lão Tân đáng thương! Bất luận lão Tân cố chấp thối mắc thế nào, rốt cuộc vẫn là bạn cũ. Phải tìm cho hắn ta một địa vị! Bao Thiện Khanh làm việc bao giờ cũng biết đối nhân xử thế, bất giác lão mỉm miệng cười.

Lão Vương Tân cố chấp quả không oan! Quá cố chấp! Sơn Mộc là cả một thế lực, chớ có đắc tội với hắn. – Huống hồ có Sơn Mộc làm cố vấn, việc gì

chẳng dễ như trở bàn tay. Lão lim dim hồi lâu, tìm một phép ví von. Nghĩ không ra. Cuối cùng lão nghĩ ra một phép so sánh: Khi cô vợ bé đòi thứ này thứ kia, chẳng quá ngang với đòi ngổi lên chân Sơn Mộc? Vớ vẩn! Có điều, có Sơn Mộc ở đây, đời sống chính trị độ này hẳn vững vàng, ung dung, thoải mái hơn bất cứ lần nào trước. Người Đông Dương (*tức Nhật Bản – ND*) thích cầm quyền, làm việc, hợp tác với họ, nhất thiết phải nhận thức rõ điểm này; hiểu được điểm này, chính là một đảm bảo vững chắc cho sự nghiệp của mình. Kỳ lạ, lão Vương Tân già đời làm quan, ngay cả điều vật vãnh đó cũng không biết. Cái gì mà lão Vương Tân chẳng từng làm? Giáo dục, diêm vụ, thuế vụ, đường sắt..., đều đã làm, lẽ nào còn không hiểu rằng làm việc chẳng qua chỉ là đem giao nhiệm vụ cấp trên ấn xuống cho cấp dưới, đem cái cấp dưới trình lên tiếp tục trình lên trên, chỉ cần tự mình ký ngoéo một chữ là xong? Tại sao lần này cứ khăng khăng từ chối Sơn Mộc? Kỳ lạ! Hoặc còn có diệu kế gì khác chẳng? Có thể lắm! Thử nghe ngóng xem sao; bạn cũ, nhưng cẩn thận chẳng bao giờ thừa.

“Có lẽ Vương Tân không đến nỗi mong ngày mong đêm cho mình bị hạ bệ đâu nhỉ? “Bạn cũ!” mà”. Lão hỏi chính mình. Không bao giờ lão kể chuyện của lão cho ai khác, nên thường tự hỏi, tự đáp “Không thể, lão Vương Tân không thể đâu!”. Lão nghĩ, lẽ nhậm chức chủ tịch đã tổ chức xong một cách yên lành, báo chí cũng chẳng châm chích gì; sáu hội viên tuy có kẻ

xin nghỉ ốm, nhưng mình đã bình an vô sự nhậm chức rồi, có lẽ chỉ trong nửa buổi một ngày họ sẽ trả phép thôi. Sơn Mộc rất thích thú, hôm đó còn mời mọi người dùng cơm, tuy thức ăn không được bày vẽ cho lắm, nhưng cũng ra dáng một người Đông Dương! Trước kia rất thuận lợi, sau này có Sơn Mộc đỡ đầu, chắc sẽ trơn như bôi mỡ thôi. Đúng vậy, nghĩ cách bố trí cho yên Vương Tân đi, một phần vì chỗ bạn bè cũ, một phần vì đỡ phải thắc thỏm về mỗi cái gai này. Còn về dùng người trong Ủy ban, lẽ ra cũng phải có bài bản, những người ở mấy nơi khác rắn mặt giới thiệu đã bôi trơn cả rồi, về sau còn có nữa, dùng được thì dùng, không dùng thì đẩy cho Sơn Mộc. Đúng thế, việc này giống hệt như vận cù của mình, quá đẹp.

Nghĩ cách đổi xe cho Sơn Mộc mới được, quả thật người Đông Dương thích lợi dụng ghê cơ. Xe của mình cũng phải thay rồi, không, đổi xe cho Sơn Mộc trước đã, mình tội gì phải vội! Sao không làm một luôn một lèo? Đúng! Mình là chủ tịch, ông ta là cố vấn, bất tất, bất tất, học theo lão Vương Tân, nhường tuốt cho Sơn Mộc vẫn hơn!

Quyết định xong điều đó, đời sống chính trị lần này của lão rõ ràng thuận buồm xuôi gió, cần quái gì phải nghĩ ngợi thêm. Giá như còn điều đáng phải bận tâm tí chút chính là sinh nhật cô vợ ba ngày mai có tổ chức hay không? Nếu tổ chức, tuổi tác cô ta còn trẻ, sợ đám không ưa Ủy ban sẽ có cơ nói ra nói vào. Còn

không tổ chức, lại sợ lúc đó, vài vị khách kéo tới, khó ăn khó nói quá. “Đời sống chính trị” có một điểm đáng ghét, chính là luôn luôn phải “suy tính” nhìn trước ngó sau, không nhẹ tênh tênh như người bình thường được. Cái sẩy nẩy cái ung có thể dẫn tới nguy hiểm. Chẳng hạn, ngay chuyện lấy vợ bé này thôi, làm chính trị thì không thể không lấy vợ bé, mặt khác vợ bé đem lại vô khối rắc rối. Hẳn nhiên, lão nghĩ, về khoản cưới vợ bé này, lão vẫn coi như khá thuận lợi, thứ nhất nhờ phúc của mình lớn, thứ hai do mình có đầu óc, nhớ lại chuyện lão lấy cô vợ bé Tây dương khi còn ở Cáp Nhĩ Tân, cô ả sau này lão tổng cổ bằng năm trăm đồng, lão tùm tùm cười, chẳng còn tơ tưởng muốn lấy vợ Tây nữa, nom trắng thế, hóa ra da dẻ thô ráp không chịu được! Hừm! Lão không khoái xem phim ảnh nước ngoài, phần lớn là vì điều này. Kể cả điện ảnh Trung Quốc, trong đám mình tinh kia chẳng có ai thực sự xinh đẹp cả. Lấy vợ bé chỉ bằng tới vùng Tô Châu tìm một cô mơn mớn con nhà trung lưu vừa yếu điệu vừa non tơ như Lâm Đại Ngọc. Cô vợ ba chính là một mẫu giống thế, còn kém con gái lão một tuổi, nhưng đẹp hơn con gái lão nhiều. Có lẽ nên tổ chức sinh nhật cho cô ta, đáng thương ghê cơ. Hướng hồ, mượn dịp mời Sơn Mộc ăn bữa cơm đỡ mang tiếng cố ý mời khách. Hay đấy, mời Sơn Mộc làm thượng khách, tất cả mời độ ba bốn mâm, không phô cho ai biết rằng đây là tổ chức sinh nhật, lại không quá thờ ơ với cô vợ ba, tuyệt thật!

Phúc khí giúp con người thành đạt, đầu óc giúp bản thân giữ chắc phú quý, đời sống chính trị và cuộc sống gia đình của lão là một chứng minh giàu sức thuyết phục. Vợ cả niệm kinh ăn chay, thật thà yên phận. Con trai lớn đã có công việc rất ngon lành, con gái trưởng đã vào đại học. Vợ hai có ba cậu ấm, cô vợ ba cuối năm ngoái đã sinh em bé. Một gia đình lý tưởng, không gây ra chuyện đàm tiếu trong bàn dân thiên hạ, khó lắm chứ! Điều đáng lo nhất là con trai con gái lớn học hành bên ngoài, thói xấu gì mà chẳng học! Nhưng, con trai cả đã có việc làm, chẳng bao lâu sẽ lấy vợ sinh con; còn con gái, chỉ mong tốt nghiệp một cách thuận lợi suôn sẻ, tìm một anh chàng thích hợp gả békng đi; chớ gây trò cười! Người làm chính trị vốn không sợ gây chuyện cười, nhưng lão là người đi trước, không thể không để tấm gương tốt cho lớp sau, đó là đạo đức chính trị. Làm chính trị không thể không nói đạo đức, vũ đài chính trị biết bao hiểm nguy, không có đạo đức thì chẳng có gan đương đầu với hiểm nguy. Lão đã sáu mươi, còn dám gơ vai gánh vác việc nặng cho đời, đạo đức không đầy đủ, liệu có nổi dưng khí này? Tu dưỡng đạo đức của bản thân, khỏi phải bàn, nhất định phải cao hơn nhiều những gì lão có thể trông thấy, nhất định rồi.

Lão không muốn xem tấm ảnh trên báo nữa, đó chẳng qua là một lão béo lùn thô kệch, không chút sinh khí, còn con người thật sự của lão là một chính trị gia có đầu óc, có đạo đức, tài năng, kinh nghiệm,

có vận tốt! Thấy rõ điểm này, lòng lão hết sức bình thản như mặt nước hồ thu phẳng lặng in bóng vầng trăng. Lão muốn chơi mấy ván bài với đám vợ bé, cho đầu óc hoạt động, và bình tĩnh lại.

– Lão gia, ủy viên Phương – Trần Thăng sẽ sàng đặt tấm danh thiếp rõ to lên chiếc bàn con.

– Mời. – Bao Thiện Khanh thích Phương Văn Ngọc, Phương Văn Ngọc làm được ủy viên hoàn toàn dựa vào vây cánh của lão. Phương Văn Ngọc đến thật đúng lúc, vừa đẹp hai nam, hai nữ – hai bà vợ bé – chơi mấy vòng xem sao.

Phương Văn Ngọc bước vào, Bao Thiện Khanh chẳng buồn đứng dậy đón, lão biết Phương Văn Ngọc sẽ không bực gì lão, hơn nữa còn coi hành động bất lịch sự này là một biểu hiện thân mật. Nhưng, đôi mắt lão nhướng lên, rồi từ từ lộ ra từng nếp cười, lão biết thế đã đủ bù đắp cái thiếu sót không đứng dậy đón khách, khỏi tốn sức mà vẫn mua chuộc được lòng Phương Văn Ngọc. Giở mấy mẹo vặt xong, lão cảm thấy sự ưu việt của mình, có Phương Văn Ngọc ở đây để so sánh, lão không thể không thừa nhận kinh nghiệm và tư cách của mình.

– Văn Ngọc! Ngồi đi! Ngồi đi! Mệt quá đi mất, mấy hôm nay nhọc cho cái thân già tôi quá... Ha ha! – Lão phải bảo Văn Ngọc như vậy, ra vẻ lão đâu có rảnh rỗi ngồi nhà, lão ghét bận rộn, nhưng lại thích nói về

mình quá, nếu chủ tịch tối mắt vì việc, hẩn nhiên; ủy viên phải biết nên chịu cực thêm một chút rồi.

– Biết anh Thiện bận rộn, giờ, em – Phương Văn Ngọc không dám ngồi xuống, làm ra vẻ tiến thoái lưỡng nan, chỉ sợ đến không đúng lúc gây phiền cho người khác.

– Ngồi đi! Đến đúng lúc lắm! – Xem màn biểu diễn của Phương Văn Ngọc, lão càng khoái hẩn, tay Phương Văn Ngọc này có tương lai đây!

Phương Văn Ngọc đã hơn bốn mươi, đáng cao, mặt trắng trẻo, có vẻ như anh nghịen. Hẩn chẳng có đam mê gì ngoài thuốc phiện. Trong mắt Bao Thiện Khanh, hẩn là một người có năng lực, thông minh có đáng đáp, có đầu óc, đáng tiếc số lạn lận, mãi không lên nổi. Lần này tốn công tốn sức lắm mới kiếm cho hẩn một chân ủy viên, hy vọng hẩn nhờ bước đi này mà gặp vận hơn lên đến những mấy năm.

– Văn Ngọc, anh đến vừa hay, tôi đang định chơi vài ván, dám chơi không nào? – Bao Thiện Khanh uốn đầu lưỡi, tỏ vẻ gần gũi dễ dãi.

– Hầu bài anh Thiện, xưa nay thua em có bao giờ phải đưa tiền ra đâu! – Phương Văn Ngọc há miệng nhưng không dám cười to, để lộ mấy chiếc răng vàng dài dài ám khói thuốc. Tới khi Bao Thiện Khanh cười phá lên, hẩn mới cười theo.

– Đánh bần sang ao cả thôi – Bao Thiện Khanh cười xong, hết sức trịnh trọng nói – Một ủy viên được

năm trăm sáu, không có phí xe cộ, phí công tác, vất vả lắm! Có điều, Văn Ngọc này, anh phải biết tận dụng, chớ để sên mất; đến khi Sơn Mộc định ra đại cương công tác, mỗi thành phố huyện lỵ đều phải sắp xếp người, chú ý một chút, giới thiệu thêm vài người. Máy người này đang hong hóng vào cái chức chủ tịch huyện đấy. Đâu thể chỉ biết dựa vào thư giới thiệu! Việc này có thể khiến anh dư dả chút đỉnh, nếu không anh phải bù tiền đấy; năm trăm sáu eo hẹp quá, năm trăm sáu! – Đôi mắt trố của lão nhìn chăm chăm vào mũi bàn chân mồm mím nhỏ nhắn, gật gù liên hồi. Một lát sau, lão mới nói tiếp – Được thôi, hôm nay tạm cho anh nợ, còn gì nữa không?

– Có ạ! Chú Lưu vừa kiếm về một lô chính hiệu cho em nếm trước, khói mùi lắm nhưng quả không tồi, giá quá chì – Phương Văn Ngọc lắc lắc đầu, kẹp một điếu “pháo đài” (tức xì gà – ND) đưa lên bằng hai ngón tay ám khói vàng khè.

– Tôi cũng có một ít, khá ngon, cứ hỏi bà hai ấy; thỉnh thoảng bà ấy hút một điếu, tôi không cho bà ấy hút nhiều! Chúng ta vào trong nhà chứ? – Bao Thiện Khanh định đứng dậy.

Lão vẫn chưa nhồm lên, chuông điện thoại đã reo leng keng. Lão không thích tiếp điện thoại. Rất nhiều đồ điện lão thích bày đặt, chứ không khoái sử dụng. Được dùng nhiều điện chính là một kiểu quyền uy, ra lệnh cho người hầu gọi đồ ăn hay mua bán gì đó bằng

điện thoại, khiến lão cảm tưởng mệnh lệnh của lão có thể truyền đi thật là xa, nhưng lão không muốn đích thân đi gọi hay đi tiếp điện thoại. Lão biết mình không phải loại chính trị gia liều mạng đi ngồi máy bay.

– Làm phiền nhé – Lão đứng vững, mũi bàn chân mồm mồm nhỏ nhắn, rất nhã nhặn nói với Phương Văn Ngọc.

Cặp chân dài của Phương Văn Ngọc dường như chỉ bước một bước đã tới bên bàn máy điện thoại, nhấc ống nghe lên, quay đầu mỉm cười với Bao Thiện Khanh:

– A lô, cần gì thế? Nhà họ Bao, ở đâu, gì cơ? Ồ, anh Mặc! Vâng, tôi đây, vâng! Nói chuyện với anh Thiện? À, anh biết đấy anh Thiện không thích tiếp điện thoại mà, hi hi, được rồi, tôi sẽ chuyển lời! ... Được, nghe rõ cả rồi, mai gặp nhé, mai gặp nhé! – Nhìn ống nghe một thoáng, rồi gác máy.

– Mặc Sơn hả? – Cầm Bao Thiện Khanh rút vào mắt trống rỗng tạo tư thế thăm hỏi.

– Vâng, Mặc Sơn – Phương Văn Ngọc gật gật đầu, có vẻ không muốn báo cáo lắm – Bảo tôi nói với anh Thiện hai việc, thứ nhất, ngày mai ông ta đến mừng thọ bà ba, chuẩn bị chơi vài ván.

– Trí nhớ tốt gồm, nhớ giỏi thật! – Bao Thiện Khanh thích người ta nhớ sinh nhật của cô vợ bé. – Còn chuyện thứ hai?

– Có gì đâu, có gì đâu, ông ta nghe nói, chưa chắc đã chính xác, có lẽ học sinh lại muốn gây chuyện!

– Gây chuyện gì? Có gì đáng làm ầm lên đâu chứ?

– Giọng Bao Thiện Khanh hạ thấp xuống nhưng rất rành rọt, như nhả từng từ từng từ.

– Anh Mặc nói, bọn chúng muốn đả đảo ủy ban xây dựng đấy.

– Vớ vẩn! – Bao Thiện Khanh ngồi xuống, mũi chân khẽ gõ gõ.

– Đâu có gì, anh Thiện – Phương Văn Ngọc dúi đầu thuốc chàm điệu khác – Đây chỉ là để phòng bị thôi ạ. Mọi việc của ủy ban đều thuận lợi, chẳng việc gì đâu, thuần túy chỉ mong điều tốt lành, mặt khác không để chúng tràn ra, phớ xá ngập cờ trắng, nom tang tóc lắm. Cứ thông báo cho Cục công an, trước hết phái đến cho anh một tiểu đội, sau đó bảo họ cử đến mỗi trường một đội nữa, cấm ngắt ra vào, được không ạ?

– Để tôi nghĩ xem đã. – Mũi chân Bao Thiện Khanh gõ ngoáy càng nhanh, đầu lưỡi chặm chạp liếm cặp môi dày bự, mắt chớp chớp. Một lúc lâu, lão cười – Hay là cứ thỉnh giáo Sơn Mộc trước, anh thấy thế nào?

– Hay đấy! Hay đấy! – Phương Văn Ngọc búng tàn thuốc xuống thảm, rồi lấy tay trái bóp bóp mũi, ra chiều tìm tòi dụng kế lung lăm – Có điều, bất luận thế nào, vẫn phải bảo Cục công an phái đến một tiểu

đội cho anh trước, phải có chuẩn bị, phải luôn có sự chuẩn bị. Cần đội thường phục, mang theo đồ nghề, canh chặt hai đầu ngõ. Gân xanh trên gương mặt toát lên vẻ nghiêm ngáp của hấn nổi lên, đôi mắt hấp ha hấp háy phát ra chút ánh sáng bóng bĩnh.

– Chặn hai đầu ngõ, khi cần kíp, đành, xin lỗi nhé, pằng pằng, một loạt. Một loạt pằng pằng, không còn cách nào khác!

– Không còn cách nào khác! – Bao Thiện Khanh cũng nổi nóng, nhưng không bộp chộp như Phương Văn Ngọc – Có điều hỏi ý kiến Sơn Mộc trước vẫn hơn, nếu ông ta muốn giải quyết bằng vũ lực, thì chúng ta chẳng hối hận khi tự vấn lương tâm; còn nếu ông ta chủ trương hòa bình thì chúng ta cần tỏ ra cứng rắn. Tôi đã tính đâu ra đấy cả, mai mời Sơn Mộc ăn cơm, vừa đẹp bàn bạc vấn đề này.

– Anh Thiện, – Phương Văn Ngọc ra vẻ có lỗi – Xin thứ lỗi cho em nôn nóng, lỡ mai quá muộn rồi thì sao? Dù mai có thể bàn bạc với Sơn Mộc, chỗ anh đây vẫn phải có một tiểu đội đến trước chứ?

– Cũng được, điều một tiểu đội đến trước. – Bao Thiện Khanh thấp giọng như nói với chính mình. Im lặng một lát, lão như không muốn, nhưng không thể không nói, liếc nhìn Phương Văn Ngọc như nhắm trúng Phương Văn Ngọc là người có thể tâm sự cùng, lão mở miệng:

– Văn Ngọc, sự việc không đơn giản thế đâu. Tôi không thể lập tức đi tìm Sơn Mộc. Tại sao ư? Anh thấy đấy, người Đông Dương luôn kỳ tính. Hễ gặp tôi là ông ta, ắt ông ta hỏi tôi trước, ai là người cầm đầu? Anh nghĩ xem, một đám học sinh non nớt thì hiểu cái gì, sau lưng hẳn có người xúi bẩy. Có lẽ anh định nói đảng Cộng Sản? – Lão thấy Phương Văn Ngọc mấp máy môi – Không đâu! Không đâu! – Lão lắc đầu về quả quyết, hơi đắc ý – Trung Quốc không có đảng Cộng Sản, tôi sống sáu mươi năm rồi, vẫn chưa từng gặp một đảng Cộng Sản nào. Sau lưng lũ học sinh hẳn có người cầm đầu, dùng ít kẹo ít bánh mua chuộc chúng, lôi kẻ cầm đầu đó lên vũ đài, thay thế anh tôi, anh, tôi – Giọng nói của lão cao lên, gương mặt phúng phính đỏ bừng. – Trước hết, chúng ta phải thăm dò xem người đó hoặc nhóm đó là ai, để sau đỡ bị Sơn Mộc hỏi dồn đến cùng cả họ. Anh xem, giả dụ Sơn Mộc hỏi thế này: Ai là người cầm đầu? Tôi đáp không nổi. Thế là Sơn Mộc đủ để vênh rìa mép lên, nói: Ai muốn đối chọi ông, ông cũng không biết sảo? Điều này, tôi hết chịu nổi. Xử lý kẻ thù của chúng ta thế nào, cứ nghe theo Sơn Mộc. Nhưng chúng ta chỉ việc tìm cho ra kẻ địch là ai. Đúng thế không? Đúng không?

Cái đầu dài ngoằng trên cái cổ gầy nhẳng của Phương Văn Ngọc lắc liên mấy vòng, trong bụng “rất” khâm phục, trên mặt “cực kỳ” khâm phục anh Bao Thiện – Em có sống thêm hơn bốn mươi năm nữa cũng chẳng nghĩ thấu đáo bằng anh được, anh Thiện ạ!

Anh Thiện không đáp lời, mí mắt khê nhướng lên, chấp nhận lời ca ngợi – Đúng thế, cầm tặc tiên cầm vương, bắt trộm trước hết phải bắt tặc đầu sỏ, lũ học sinh tự khắc lành như nai tất. Điều này vừa nói rồi đấy thôi: Hòa bình ư? Vẫn là vũ lực đấy! Chúng ta phải nghe Sơn Mộc. Vì chắc hẳn thế lực của kẻ cầm đầu không phải vừa đâu! – Hắn lại suy tính, đoạn nói – Nếu rốt cuộc chúng mình vẫn không biết kẻ cầm đầu là ai, Sơn Mộc thế nào cũng nói rằng: Ông đã không biết kẻ cầm đầu, thôi đành coi chuyện này do phong trào học sinh, sinh viên khởi xướng vậy. Thế thì chết toi, phong trào học sinh một phong trào tép riu chúng mình còn chẳng lo xong, vẫn phải xin ý kiến Sơn Mộc ư? Thế chẳng phải rước phiền vào mình sao? Anh nói đúng, pằng pằng một loạt súng, bảo đảm đuổi sạch trơn, không sai chút nào; nhưng một loạt súng pằng pằng chớ nên để chúng ta nhúng tay. Nếu Sơn Mộc nhận lấy thì, mặc kệ nó, pằng pằng pằng bắn bỏ. Có đúng không, Văn Ngọc tôi nói thế có đúng không?

– Đúng quá đi chứ ạ! – Phương Văn Ngọc lau sạch mặt bằng chiếc khăn lụa cái bắn – Có điều, anh Thiện này, nếu do chúng ta nổ súng thì cũng chẳng sao. Dù sau lưng học sinh có kẻ xúi giục thì cũng nên trừng phạt bọn chúng – không lo học hành, làm bậy làm bạ cái gì! Bạn bè Đông Dương, bạn bè Trung Quốc, giới thương nhân đều ủng hộ chúng ta. Triệt hết đám học sinh, đúng, triệt đám học sinh! Không thể không cho lũ nhóc biết tay! Chúng ta bỏ biết bao

nhiều công sức, tốn biết bao tâm huyết, mới có ngày hôm nay, đâu thể để chúng nó hô hào đả đảo, anh Thiện? – Thấy anh Thiện gục gặc liền hồi, tính nóng nảy mà người nghiện thường có nhẹ bót đi chút ít – Cứ thế mà làm, anh Thiện, trước tiên chúng ta thông báo cho Cục công an để họ phái đến một tiểu đội, sau đó chúng ta tiếp tục chia nhau đi gọi điện thoại nghe ngóng xem đứa nào là thằng đầu sỏ. – Mất hần đột nhiên lóe lên – Anh Thiện, hay là triệu tập cuộc họp toàn thể ủy ban, được không ạ?

– Nghĩ xem đã! – Bao Thiện Khanh quyết định không để cho Phương Văn Ngọc hối thúc đến rồi cả đầu, trong mớ kinh nghiệm của lão, kế sách luôn luôn là biện pháp tốt nhất, mà kéo dài là cách giết thời gian và sóng gió hay nhất – Không cần gọi điện thoại cho Cục công an trước, bọn họ đáng lý phải đến ngay chỗ chúng ta, đây là một cơ hội làm việc tốt của họ, chúng ta cần gì phải đón. Còn về mở cuộc họp, không cần. Thứ nhất là các ủy viên đều không ở đây, thứ hai các ủy viên không phải hoàn toàn do chúng ta tiến cử, mở cuộc họp sẽ rắc rối, rắc rối đấy. Tốt nhất chúng ta cứ dò cho ra thằng đầu sỏ, dò được hần rồi – Đôi tay múp míp của Bao Thiện Khanh xua xua ra ngoài – Giao tuốt cho Sơn Mộc. Hết lo, rảnh nợ, sạch hết tội.

Phương Văn Ngọc vừa định mở miệng, chuông điện thoại lại reo.

Lần này, không để Phương Văn Ngọc tỏ ý nhanh nhẩu nhận điện thoại giúp, đôi chân béo mập nhỏ nhắn của Bao Thiện Khanh đã khua khoảng di chuyển thân hình như vừa chạy vừa lăn đến chỗ máy điện thoại, hết một chú vẹt bắng nhắng. Nhấc ống nghe, lão há to miệng thở hổn hển – ở đâu đấy? Ô thư ký Phùng à, dạo này khỏe chứ? À, à, à! Còn cục trưởng? À, tôi quên mất cục trưởng về nhà tổ chức lễ thọ cho bà nhà rồi, trí nhớ của tôi tệ thật đấy! Thế... còn... đợi chút nhé, tôi nghĩ xem, rồi gọi điện cho anh. Được, cảm ơn, tạm biệt! – Gác máy xong, lão như không thở nổi nữa. Ngồi thu lu trên ghế sa lông như một đồng bông, khép mắt một lát, lão lẩm bẩm – Trí nhớ tệ quá, hôm nọ gửi cho cục trưởng Thường tám trứng mừng thọ, hôm nay đã quên rồi, thật tệ quá! Tệ quá!

– Thư ký Phùng nói sao ạ? – Phương Văn Ngọc hỏi với vẻ rất quan tâm.

– Hừ, học sinh đã xuống đường rồi, Phùng Tử Tài xin ý kiến tôi! – Bao Thiện Khanh gượng cười – Ban này tôi nói gì nhỉ? Chúng ta vẫn chưa bảo họ phải người đến, họ đã xin ý kiến của tôi, nếu chúng ta mở mồm trước, Cục công an lại không kéo đến đây làm việc sao? Xin ý kiến tôi, bọn họ làm gì thế nhỉ?

– Nhưng học sinh đã xuống phố rồi! – Phương Văn Ngọc cũng không nghĩ ra cách gì nữa, vì nghiệm

thuốc nên càng nhát gan hơn – Anh tính trả lời Phùng Tử Tài ra sao?

– Đương nhiên ông ta sẽ gọi điện xin ý kiến cục trưởng Thường. Tôi không tranh phần ấy đâu, mua hột mà nuốt làm gì. – Bao Thiện Khanh nhìn cuốn lịch trên mặt bàn.

– Chỗ anh không có người bảo vệ đâu có được! – Phương Văn Ngọc lại cảnh cáo một cách đầy thiện ý.

– Chuyện đó, tôi có cách. – Bao Thiện Khanh biết học sinh đã xuống đường, không thể không tính toán cho sự an toàn của mình – Văn Ngọc, anh gọi điện cho Trương Thất, bảo ông ta gửi năm mươi tay súng đến mang theo đồ nghề, mỗi người tám hào một ngày, đến ủy ban lĩnh tiền, bọn chúng đáng tin hơn bọn tuần cảnh!

Phương Văn Ngọc hơi yên tâm, lập tức gọi điện cho Trương Thất. Bao Thiện Khanh như không còn gì đáng lo nghĩ, nằm sượt trên ghế sofa khép mắt lại. Phương Văn Ngọc nhìn anh Thiện không muốn nghĩ ngợi gì thêm nữa, nhưng lại cứ nghĩ đến thư ký Phùng. Anh Thiện đúng đỉnh thật, sao không gọi điện lại cho thư ký Phùng nhỉ? Bao Thiện Khanh đã quên mất Phùng Tử Tài. Lão biết tổng, nếu Phùng Tử Tài thấy sự việc không ổn hẳn sẽ lui nhanh, việc gì phải lo thay cho hắn, lão đang đếm nhăm từng người từng người trong gia đình, chỉ cần người nhà họ Bao yên ổn cả,

những việc khác mặc kệ nó tất. Lão bỗng mở bừng mắt, ngồi dậy nhấn chuông điện. Vừa nhấn vừa gọi:

- Trần Thăng! Trần Thăng!

Trần Thăng chạy vào.

- Trần Thăng, cô cả về chưa? - Lão đuổi cổ, muốn nhìn cuốn lịch trên bàn - Hôm nay không phải là chủ nhật hả?

- Vâng, chủ nhật, cô cả chưa về ạ! - Trần Thăng vừa đáp vừa rút trà.

- Gọi điện đến trường, bảo cô về, nhanh lên! - Bao Thiện Khanh cuống cuống nói - Chốc nữa hẵng rút trà, gọi điện trước đi! - Về đám con gái lão yêu cô cả nhất và cũng lo âu về cô cả nhất. Cô là con bà cả, lại là một cô gái, nên lão đặc biệt yêu thương cô, trong yêu thương vẫn có tôn trọng, con vợ lẽ đương nhiên càng được yêu chiều, nhưng chỉ dừng ở yêu chiều; còn cô cả, chỉ ở cô cả, lão như tìm thấy con người giữ gìn sự thuần khiết và đạo đức của gia đình nhà họ Bao. Cô đã là "*nhị nữ*", thì nhất thiết không thể không thuần khiết tươi đẹp như một đóa thủy tiên. Đóa thủy tiên này cho người nhà một hương thơm thanh khiết, khiến ai cũng cảm thấy như trong nhà có một thiên kim tiểu thư như đóa hoa tươi, mà không dám buông thả và càn quấy được. Nếu cô cả cũng cùng đám con trai con gái hỗn tạp tràn xuống đường vẩy cờ la hét thì đóa hoa tươi nhà họ Bao coi

như đã rơi xuống bùn, vì hễ đám học sinh nam nữ tiếp xúc với nhau, con gái còn giữ sao nổi sự thuần khiết nữa.

– Lão gia, điện thoại trường học ngắt mất rồi! – Trần Thăng như không muốn bỏ máy điện thoại xuống, ngoảnh đầu lại nói, xong lại áp ống nghe vào tai.

– Sai thằng Vương đi đón! Ôm chặt cái điện thoại làm gì nữa thế?

Mất Bao Thiện Khanh trợn rõ to, chòm râu ngắn dựng cả lên. Trần Thăng chạy ra, xe hơi ngoài cửa pí po inh ỏi. Liền đó, anh ta chạy ngược vào – Lão gia, Trương Thất đưa người đến rồi.

– Bảo anh ta vào! – Tay Bao Thiện Khanh run run, hai chữ “*Trương Thất*” như đồng nghĩa với tai họa, rắc rối và giết chóc, tai họa đến trước cửa nhà mình, lão bắt đầu sợ hãi, tuy lão biết Trương Thất đến là bảo vệ lão.

Trương Thất chưa dám bước vào phòng, đứng ngoài cửa, nói vào:

– Bao đại nhân, xin lỗi ngài, tôi mới đưa được ba mươi lăm người; hôm nay ai cũng tối mắt, vì đám học sinh, đâu cũng cần người, tôi để ba mươi lăm người ở đây cho ngài, rồi lập tức đi tìm tiếp, không để lỡ việc của ngài đâu, trước khi lên đèn chắc gom đủ số năm mươi.

– Được rồi, Trương Thất – Bao Thiện Khanh hé hé cửa phòng nhìn lướt Trương Thất – Họ mang đồ nghề đủ cả chứ? Tốt! Mau đi tìm tiếp mấy người nữa! Tiền công do ủy ban chịu; còn cậu, tớ có phần thưởng riêng!

– Ngài không phải thưởng nữa, thưởng ngài vẫn cho đấy thôi! Vậy thì, tôi đi đây, ngài còn sai bảo gì nữa không? – Trương Thất định bước ra.

– Gượng, gượng, Trương Thất, xe ô tô đi đón cô cả rồi, đợi xe về cậu hãy đi; trước hết hãy đi xem đám kia đã, chia ra đứng ở cửa tây, cửa đông và cửa chính! Đừng túm tụm lại một nơi!

Trương Thất đi kiểm tra. Bao Thiện Khanh ngoảnh đầu nhìn Phương Văn Ngọc:

– Văn Ngọc, chú thấy sao? Không gay go sao? – Đóng cửa phòng lại lão chấp tay sau dít từ từ đi vào...

– Không biết chừng! – Phương Văn Ngọc cũng đứng dậy, mặt xám như tro – Lỗi là ở Cục công an. Cục trưởng không ở đây, Phùng Tử Tài có lẽ...

– Có lẽ đã xéo từ tám hoánh nào rồi! – Bao Thiện Khanh tiếp lời – *“không thành kế”*, không loạn mới lạ, không loạn mới lạ, trò này, cái trò này, rốt cuộc chúng ta không biết kẻ cầm đầu là đứa nào, có cách gì đây?

Điện thoại, Phương Văn Ngọc không đợi xin chỉ thị, vô lấy ống nghe

– Ai? Chú Vương hả? Đợi chút nhé. – Vừa nói hần vừa gật đầu – Anh Thiện, tài xế Vương đang gọi nhờ điện thoại trên phố. Học sinh xuống đường cả rồi, có lẽ cô cả cũng theo nốt. Trên đường phố hỗn loạn lắm, ầu đã rồi!

– Bảo thằng Vương về ngay!

– Chú về ngay nhé! – Phương Văn Ngọc đập máy đánh “rầm” một cái, lòng dạ rối bời, định đốt một điếu thuốc.

– Trần Thắng – Bao Thiện Khanh gọi vọng qua cửa sổ – Gọi Trương Thất đến!

Lần này, Trương Thất vào phòng, đứng rất nghiêm.

– Trương Thất, thưởng anh năm mươi đồng đây, đi tìm cô cả về cho tôi! Anh biết trường của cô chứ?

– Dạ, biết ạ! Nhưng thưa Bao đại nhân, hàng nghìn hàng vạn học sinh, bảo tôi tìm cô cả vào đâu ạ? Mỗi mình tôi, chứ thêm hai người nữa có tìm được cô cả cũng chẳng thể kéo ra nổi!

– Anh cứ đi tìm đi, tùy cơ ứng biến, tìm về rồi, tôi tặng riêng anh thêm mười đồng! – Phương Văn Ngọc liếc liếc anh Thiện giao hẹn với Trương Thất.

– Được ạ. Tôi xin đi ngay. – Vương Thất hăm hở bước ra.

– Chú Vương về rồi, thưa lão gia. – Trần Thăng bước vào báo cáo

– Trần Thăng lấy mũ cho ta! – Bao Thiện Khanh sững người một lát, quay sang Phương Văn Ngọc – Văn Ngọc, anh chờ đi vội, tôi ra ngoài xem sao, một đứa con gái, không thể...

– Anh Thiện! – Phương Văn Ngọc chụp tay anh Thiện, bàn tay lạnh ngắt – Anh sao có thể ra ngoài được! Để em đi được rồi. Ít kẻ nhận ra em, ảnh của anh...

Hai người cùng một lúc đảo mắt nhìn vào tờ báo trên bàn.

– Văn Ngọc, cậu cũng không thể ra được! – Chân Bao Thiện Khanh mềm nhũn, ngồi phịch xuống – Tìm Sơn Mộc nghĩ cách giải quyết được không? Chuyện này không thể coi là chuyện nhỏ đâu? Con gái tôi! Nếu ông ta cử vài tay thân cận, bảo đảm sẽ tìm về được!

– Ngộ nhờ ông ta không giúp thì nguy to! – Phương Văn Ngọc nói lí nhí.

– Nghe kìa! – Bao Thiện Khanh bật dậy.

Nhà họ Bao ngay gần phố chính, bình thường nghe rõ cả tiếng còi ô tô. Giờ đang vọng tới tiếng ồn liên tục, liên tục, hỗn loạn rầm rập, không phân biệt nổi đó là âm thanh gì, cứ như sóng cuộn âm âm mỗi

lúc một gần, chỉ thấy một trận cuồng nộ đáng sợ, ào ào tràn tới.

Mặt Phương Văn Ngọc từ tái xám chuyển sang xanh lè, há hốc miệng, hít hơi:

– Anh Thiện, chúng ta phải trốn thôi?

Bao Thiện Khanh lấp bắp, không nói ra lời. Mặt tím ngắt.

Giận dữ và kinh hoàng níu chặt tim lão, lão không thốt nên lời.

– Học sinh, học sinh! Một đám ranh con! – Lão gào lên trong lòng – Chúng mày thì biết cái gì! Biết cái gì! Đời sống chính trị của Bao Thiện Khanh này có chỗ nào không phải với người ta! Khốn nạn, một lũ khốn nạn!

Trương Thất khép cửa phòng, chẳng buồn bỏ mũ:

– Đại nhân, họ đến rồi! Tôi đi tìm cô cả, vừa lúc đụng đầu với bọn họ!

– Giữ chặt cửa tây chưa? Bao Thiện Khanh khó nhọc lắm mới thốt nổi.

– Họ không đến đây mà đến tập hợp ở chỗ giáo trường!

– Kẻ nào bước vào, bắn ngay, rõ chưa? – Bao Thiện Khanh nghe thấy các học sinh không vào ngõ, cứ rần rần hơn một chút.

– Nghe kia! – Trương Thất đẩy cửa phòng ra.

– Đả đảo lũ giặc bán nước! – Hàng trăm hàng ngàn cái mồm cùng hô lên một lúc.

Đôi mắt trố của Bao Thiện Khanh đảo quanh kiếm tìm như thể ba từ *“giặc bán nước”* là một con diều gió từ trên không trung bỗng rơi đập xuống. Lão chẳng tìm thấy gì, nhưng từ trên không trung lại rớt xuống như có tiếng sét: *“Đả đảo lũ giặc bán nước!”*. Lão ngó ngó Phương Văn Ngọc, nhìn nhìn Trương Thất, gượng gạo muốn cười mà không cười nổi. Mấy từ *“Thất”, “Trương”*, không sao nói cho rành rọt – Cô cả đâu? Tôi bảo anh đi tìm cô cả cơ mà!

– Đoàn người kia chính là học sinh trường cô cả, phía sau còn có một đám đông nam học sinh.

– Trông thấy cô chưa?

– Người cầm cờ đi đầu chính là cô cả!

– Đả đảo lũ giặc bán nước! – Từ không trung lại truyền đến một tiếng hét.

Trong tiếng hét đó, Bao Thiện Khanh như nghe rõ mồn một giọng con gái mình.

– Giỏi, giỏi! – Tay và môi lão run bần bật – Một lũ mất dạy, không cha không mẹ không chính phủ, trai trộm cắp, gái điếm! Tao sẽ tính sổ với mày sau, chớ vội mừng cô cả ạ! Tao không quản được con

cái nhà người ta, mày chạy sao thoát lòng bàn tay tao! Bố nó là giặc bán nước, giỏi!

– Anh Thiện! Anh Thiện! – Phương Văn Ngọc lên cơn nghiện, gương gao khuyên nhủ – Không cần tức giận thế, cô cả nhỏ tuổi, nhất thời mê muội, không thể coi là thực lòng chống đối anh, tuyệt đối không thể!

– Anh không biết thôi! – Bao Thiện Khanh càng run hơn – Nếu nó cần tiền, cần quần áo, xe cộ đều xong ngay, chỉ cần nó nói với tôi một tiếng; hà tất đi gào thét khắp phố! Điên ư? Giặc bán nước, bố nó là giặc bán nước, hay chưa? Khốn nạn, bôi tro trát trấu vào mặt!

Điện thoại! Không ai nhắc máy. Phương Văn Ngọc đã lên cơn nghiện không buồn nhúc nhích nữa, Bao Thiện Khanh tức đến nỗi không đứng dậy nổi.

Trương Thất đợi chuông réo rất hồi lâu, mới lục cút đến nhắc ống nghe... Đợi chút... Đại nhân, thư ký Phùng của Cục công an.

– Dập máy, hết phép rồi! – Bao Thiện Khanh nằm ẹp trên ghế sofa.

– Trần Thăng! Trần Thăng! – Phương Văn Ngọc thều thào gọi.

Trần Thăng đang ở ngoài sân, vội nhào vào.

Phương Văn Ngọc chỉ chỉ tay ra phía sân, rồi cong môi lên, khẽ rên lên như mèo kêu.

Trần Thắng và Trương Thất cùng tháo chạy ra ngoài.

*Ông Văn Tùng dịch
(Rút trong tập Lạc đà Tường tử)*

Mục lục

	<i>Trang</i>
❖ PHẦN 1: Tường lạc đà	15
❖ PHẦN 2: Trăng non	373
• Tiên sinh quần bò	375
• Vi thân.....	385
• Lý đen Lý trắng	409
• Khu chung cư Liễu gia	435
• Hy sinh	455
• Gái Kẻ Liễu	499
• Trăng non.....	537
• Biển hiệu cũ.....	583
• Thiện nhân	597
• Loạn từ trong nhà.....	609

TRUYỆN NGẮN - LÃO XÁ

LÃO XÁ

Trương Chính - Phương Văn - Ông Văn Tùng dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Biên tập : **ANH THU**

Bìa : **Họa sỹ TÙNG HẢI**

Trình bày : **LAN PHƯƠNG**

Sửa bản in : **LÊ NGỌC**

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

ĐT: 8222135 – Email: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm tại Xi nghiệp in 27 tháng 7. Giấy چاپ nhận đăng ký KHXB số 1225/XB-QLXB, do Cục Xuất bản cấp ngày 16 tháng 09 năm 2003. Trích ngang kế hoạch xuất bản số 06/1225/XB-QLXB do Nhà xuất bản Hội Nhà Văn cấp ngày 16 tháng 09 năm 2003. In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2004.

Mời bạn đón đọc :

- ❖ *Truyện ngắn Giả Bình Ao*
- ❖ *Tản Văn Giả Bình Ao*
- ❖ *Vinh và nhục đời lính*
- ❖ *Kỵ sĩ không đầu (2 tập)*
- ❖ *Khát vọng đổi đời*
- ❖ *Phế đô*
- ❖ *Bản Êtuýt vĩnh cửu*
- ❖ *Những con thú đồng mưu*
- ❖ *Biệt thự trên đồi*
- ❖ *Tiểu thư Victoria*
- ❖ *Tình yêu của nữ tu sĩ*
- ❖ *Một đêm huyền ảo*
- ❖ *Nỗi cô đơn của quý*



Tổng phát hành
Nhà Sách

101 Nguyễn Văn Bền, Quận 1, TP.HCM
ĐT: 8.982.161 - 8.408.420
Email: cadasa@hcm.vnn.vn

T1 02 truyện ngắn lão xá.



Truyện Ngắn Lão Xá

